HỒ CHÍ MINH

TOÀN TẬP

1

1919 - 1924

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO!

HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM SỐ 93-QĐ/TW, NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 1994.

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐÀO DUY TÙNG	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
HÀ ĐĂNG	Uỷ viên Hội đồng
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
TRẦN TRỌNG TÂN	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG	"
HOÀNG MINH THẢO	"
TRẦN NHÂM	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

ĐẶNG XUÂN KỲ
SONG THÀNH

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 1

NGUYỄN THÀNH (Chủ biên)
PHÙNG ĐỨC THẮNG
ĐẶNG VĂN THÁI

HỒ CHÍ MINH

TOÀN TẬP

1

1919 - 1924

Xuất bản lần thứ hai

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2000

LỜI GIỚI THIỆU
BỘ *HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP*

Ngày 22-12-1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra quyết định về việc xuất bản lần thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập.* Bản quyết định nêu rõ: "Trước những diễn biến mới của thế giới và những nhiệm vụ to lớn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hơn bao giờ hết, việc thấm nhuần và làm đúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh có tầm quan trọng đặc biệt. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng khẳng định cách mạng nước ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động".

Thi hành quyết định của Ban Bí thư, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, sau một thời gian tích cực, khẩn trương chuẩn bị, đã hoàn thành việc sưu tầm, bổ sung và hoàn chỉnh bản thảo. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 105 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, gồm nhiều tập lần lượt ra mắt bạn đọc.

*

* *

Bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, tập hợp phần lớn những tác phẩm, bài nói, bài viết quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1919 đến năm 1969 đã sưu tầm và xác minh được. Đây là một tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự phản ánh sinh động, sâu sắc quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm đường cứu nước và vạch ra

đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam, đồng thời phản ánh quá trình Người cùng với Đảng ta tổ chức, lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài của cách mạng Việt Nam. Người đã nêu một tấm gương sáng trong việc tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trên tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo. Người đã "nắm bắt sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học, tinh thần biện chứng và nhân đạo của học thuyết Mác - Lênin, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết ấy phù hợp với hoàn cảnh thực tế nước ta; đồng thời, Người đã kế thừa, phát huy chủ nghĩa yêu nước, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ những nguồn gốc đó. Việc Đại hội VII khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động là một bước phát triển hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan toả ra thế giới"[1)].

Ngày nay, khi sự nghiệp đổi mới ở nước ta ngày càng đi vào chiều sâu, những biến chuyển trên thế giới ngày càng lớn, những vấn đề mới đặt ra trong đời sống xã hội ngày càng nhiều, đòi hỏi phải làm sáng tỏ để tìm ra sự giải đáp, thì việc nghiên cứu, bảo vệ, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tế cuộc sống, trở thành nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong công tác chính trị, tư tưởng, lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta.

Những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phản ánh trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*.

Sau gần mười năm tìm đường cứu nước, đặt chân lên nhiều châu lục,

1) Nghị quyết của Bộ Chính trị số 09-NQ/TW, ngày 18-2-1995: *Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*.

tiến hành khảo sát chủ nghĩa thực dân, đế quốc ở các nước tư bản chủ yếu và nhiều nước thuộc địa của chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được xu hướng phát triển của thời đại, từ một người yêu nước nồng nhiệt, Người đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản. Từ đó, Người rút ra kết luận: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*". Đó là con đường cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại nhằm đi tới mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó cũng là *nội dung tổng quát của tư tưởng Hồ Chí Minh*.

Tư tưởng *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* là điểm xuất phát của tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ một thanh niên thuộc địa, mất nước, ra đi tìm đường cứu nước, mục tiêu trước mắt của Người là giải phóng dân tộc. Vấn đề đặt ra là trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, các dân tộc thuộc địa có thể bằng con đường nào để giành thắng lợi ? Dưới ánh sáng *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin và tấm gương Cách mạng Tháng Mười Nga, Người đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc mình và cho tất cả các dân tộc thuộc địa. Người khẳng định: "chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"[1)]. Người đưa ra hình ảnh so sánh nổi tiếng: Chủ nghĩa đế quốc là "con đỉa hai vòi", do đó cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải thực hiện được sự liên minh chiến đấu giữa vô sản ở thuộc địa với vô sản ở chính quốc nhịp nhàng như hai cánh của một con chim. Vì bóc lột thuộc địa là một trong hai nguồn sống của chủ nghĩa tư bản, cho nên muốn đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, trước hết phải xoá bỏ thuộc địa của chúng đi. Do đó, cách mạng thuộc địa không chỉ trông chờ vào kết quả của cách mạng

1) Tất cả những câu trích không có chú thích đều được rút ra từ trong bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*.

vô sản ở chính quốc mà phải tiến hành song song với cách mạng ở chính quốc, hơn nữa nó cần phải chủ động và có thể giành thắng lợi trước, và bằng thắng lợi của mình nó có thể đóng góp vào sự nghiệp giải phóng anh em vô sản ở phương Tây. Người viết:

"Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn".

Đó là một luận điểm sáng tạo mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến vào sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Trên nền tảng lý luận đó, Người đã cùng với Đảng ta đề ra và giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề về chiến lược và sách lược, dẫn đến thắng lợi lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc gắn bó thống nhất với tư tưởng của Người về chủ nghĩa xã hội. Vì cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cho nên con đường phát triển tất yếu của cách mạng giải phóng dân tộc sẽ là tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định: "Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn".

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là *luận điểm trung tâm* của tư tưởng Hồ Chí Minh, nó thâm nhập và xuyên suốt toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người trong các thời kỳ và trên các lĩnh vực.

Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam mới thành lập, trong Chính cương vắn tắt do Người khởi thảo, đã khẳng định sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa khi đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc trong triển vọng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thật vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ mối quan hệ hữu cơ giữa giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội, đặt nền tảng cho bước chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây là tư tưởng lớn thể hiện tính quy luật của sự phát triển lịch sử xã hội Việt Nam: chỉ có hoàn thành cácH

mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội, và chỉ có làm cách mạng xã hội chủ nghĩa mới giữ vững những thành quả do sự nghiệp giải phóng dân tộc mang lại.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ phát huy tác dụng trong giai đoạn Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc (1945-1954) mà còn xuyên suốt quá trình tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, nhưng có quan hệ khăng khít với nhau - cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (giai đoạn 1954-1975) cũng như trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tổng hợp những quan điểm chiến lược có ý nghĩa chỉ đạo lớn về chính trị và lý luận, về nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân ta trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Nắm được nội dung tư tưởng ấy, quán triệt đúng nguyên tắc chiến lược ấy của tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở phương pháp luận để hiểu được con đường phát triển của cách mạng nước ta, đồng thời giúp hiểu rõ những nguyên nhân sâu xa và diễn biến phức tạp của tình hình thế giới hiện nay. Cũng trên cơ sở ấy hiểu rõ vì sao Đảng ta lại kết hợp được và kết hợp tốt sức mạnh của dân tộc ta và sức mạnh của thời đại trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta. Chân lý độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh được cách mạng Việt Nam vận dụng thành công đã khẳng định đó cũng là chân lý lớn của thời đại.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là một đóng góp của cách mạng Việt Nam vào kho tàng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vào lý luận cách mạng xã hội trong thời đại hiện nay.

Ngày nay, những luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bản chất, đặc trưng, về mục tiêu, động lực ... của chủ nghĩa xã hội ở nước ta... vẫn giữ nguyên ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới.

Người nói: "Muốn biết ta tiến lên chủ nghĩa xã hội như thế nào thì trước hết phải biết chủ nghĩa xã hội là gì?".

Theo Người, mục tiêu của " chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh", "mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do". Về bản chất, chủ nghĩa xã hội là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ, "một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng". Một đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội là sự tăng trưởng kinh tế phải "gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hoá của nhân dân", trong đó, con người mới xã hội chủ nghĩa được phát triển cả về thể lực, trí lực, đạo đức và tinh thần. Tiến lên chủ nghĩa xã hội "là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động. Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng". "Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm".

Xuất phát từ đặc điểm nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, đất nước tạm thời bị chia cắt, lại có chiến tranh, Người đề ra chủ trương: vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chống Mỹ, cứu nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là sáng tạo độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, Người thường xuyên nhắc nhở phải đề phòng cách làm rập khuôn, giáo điều; cần xuất phát từ thực tế để tìm ra con đường đi riêng phù hợp với tình hình và đặc điểm của nước ta. Người nói: "Hiện nay, đứng về mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy chúng ta đã có những kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm đó một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang được Đảng ta vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp đổi mới hiện nay nhằm ra sức phát triển kinh tế, văn hoá làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Có tư tưởng đúng, đường lối đúng, nhưng muốn vận dụng có hiệu quả

còn đòi hỏi phải có *phương pháp cách mạng* đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc thầy về phương pháp cách mạng Việt Nam. Phương pháp cách mạng của Người là sự vận dụng một cách sáng tạo phương pháp luận phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta để tìm ra những con đường, hình thức, biện pháp, ... nhằm thực hiện mục tiêu. Đó cũng là sự kế thừa có chọn lọc và áp dụng sáng tạo vào điều kiện hiện đại những phương pháp suy nghĩ và hành động của các nhà tư tưởng, chính trị, quân sự Việt Nam trong lịch sử, là sự tổng kết từ thực tiễn các phong trào cách mạng trong nước và trên thế giới.

Phương pháp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một hệ thống được thể hiện đa dạng và phong phú ở các thời kỳ, các giai đoạn khác nhau. Trên tinh thần "dĩ bất biến, ứng vạn biến", lấy mục tiêu không thay đổi là độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân làm gốc, tuỳ hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, tuỳ lĩnh vực và đối tượng cụ thể mà có sự vận dụng linh hoạt, uyển chuyển những phương pháp khác nhau.

Điểm nổi bật của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, như Đảng ta đã tổng kết tại Đại hội lần thứ IV, đó là phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang của nhân dân, tiến hành khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh cách mạng; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; lợi dụng triệt để những mâu thuẫn nội bộ của địch, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù, giành thắng lợi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, cuối cùng đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sức chăm lo xây dựng lực lượng bảo đảm cho cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi.

"Trước hết phải có Đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công". *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản lãnh đạo*, đặc biệt trong điều kiện Đảng đã nắm chính quyền, là một đóng góp mới vào lý luận xây dựng chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Đảng ta ra đời từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, giữa lúc các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: "Chủ nghĩa

Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930". Người nói, Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện ở chỗ nó được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lênin, trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh và "tả" khuynh. Người cũng nói rõ: "Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động chứ không phải mưu cầu cho lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào".

Để xứng đáng là Đảng lãnh đạo, Người nêu yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thành "một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để". Trong điều kiện Đảng cầm quyền, để đề phòng nguy cơ thoái hoá, biến chất, Người luôn luôn nhấn mạnh người đảng viên phải "suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đày tớ tận tuỵ của nhân dân". Lần đầu tiên trong các đảng cộng sản cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên tư tưởng: Đảng phải xứng đáng vừa là *người lãnh đạo sáng suốt,* vừa là *người đày tớ thật trung thành* của nhân dân. Muốn thế, Người đòi hỏi Đảng ta một mặt phải ra sức nâng cao trí tuệ cho ngang tầm nhiệm vụ lịch sử, mặt khác phải trau dồi đạo đức cách mạng, không ngừng tăng cường mối liên hệ máu thịt với nhân dân.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đảng chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình nếu biết tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống kẻ thù chung và xây dựng đất nước. "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công".

Luận điểm nổi tiếng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tư tưởng chỉ đạo chiến lược lớn xuyên suốt cả quá trình cách mạng Việt Nam. *Tư tưởng đại đoàn kết* của Hồ Chí Minh cùng với đạo đức và nhân cách vô cùng cao thượng và trong sáng của Người đã quy tụ được khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh vì thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Người cho rằng: "hễ là người Việt Nam thì ai cũng có lòng yêu nước, ghét giặc", nên ngay sau khi thành lập Đảng, Người đã đề ra chủ trương thành lập *Hội phản đế đồng minh*, một hình thức mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống đế quốc. Góp ý kiến về đường lối, chủ trương của Đảng

thời kỳ 1936-1939, Người đã bổ sung vào tên gọi mặt trận thành *Mặt trận dân tộc dân chủ* rộng rãi, không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc và nhắc nhở phải tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận. Ngay sau khi về đến Cao Bằng năm 1941, Người đã cho tổ chức thí điểm các hội quần chúng để rút kinh nghiệm tiến tới thành lập *Mặt trận Việt Minh.*

Nguyên tắc nhất quán trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là: lấy liên minh công nông làm nền tảng, tập hợp rộng rãi nhất mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, vừa đoàn kết, vừa đấu tranh; lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng, trên cơ sở đó bảo đảm có sự kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, bộ phận và toàn cục, giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế.

Phương pháp đi tới đại đoàn kết của Người là vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương ..., lấy thẳng thắn chân thành để đối xử, lấy tin yêu giúp đỡ để cảm hoá, trân trọng phát huy nhân tố tích cực, hạn chế, đẩy lùi nhân tố tiêu cực, giúp cho mọi tổ chức và cá nhân đều tiến bộ và trưởng thành, đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp cách mạng chung.

Tóm lại, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, lâu dài, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh mãi mãi là một sức mạnh làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đoàn kết, tập hợp lực lượng để đưa quần chúng ra đấu tranh giành tự do, độc lập. Kẻ thù đã dùng sức mạnh tàn bạo để đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu". Do đó "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền".

Dưới ánh sáng *tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân ta đã lập nên những chiến công vang dội, được cả loài người khâm phục và ca ngợi. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là tư tưởng về kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Người nói: "Tuỳ tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức

đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng". Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh được thể hiện đặc sắc ở vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng "từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu" với ba thứ quân - bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ; vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng, vấn đề khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân. Chính tư tưởng quân sự ấy đã chỉ đạo nhân dân ta đi tới thắng lợi lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám và tiếp đến tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh lâu dài nhất trong lịch sử. Để chống lại những kẻ thù có sức mạnh kinh tế và quân sự lớn hơn mình nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng thật tốt mối quan hệ tiền tuyến - hậu phương. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh lấy sức mạnh chính trị, tinh thần của toàn dân làm nền tảng. Trên cơ sở đó mà phát huy tài thao lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự kế thừa truyền thống quân sự quý báu của dân tộc và tiếp thu tinh hoa quân sự của thế giới. Chính Người đã cùng với Đảng ta nâng nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh nhân dân ở thời đại Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng, Mặt trận, Quân đội, đồng thời cũng là người sáng lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong gần một phần tư thế kỷ ở cương vị Chủ tịch nhà nước, Người đã bỏ nhiều công sức cho việc xây dựng một nhà nước kiểu mới. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân* là sự vận dụng sáng tạo học thuyết về nhà nước của chủ nghĩa Mác - Lênin, chọn lọc, kế thừa cả những tinh hoa trong việc xây dựng nhà nước đã có trong lịch sử dân tộc và nhân loại.

Vấn đề cơ bản của nhà nước là quyền lực thuộc về ai, phục vụ quyền lợi của ai. Đảng ta lãnh đạo nhân dân làm cách mạng là để giành quyền lùc về tay nhân dân. Người khẳng định "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra". "Tất cả quyền lùc trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đều thuộc về nhân dân".

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta, đồng thời, Người cũng nhấn mạnh tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc của Nhà nước.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một Nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải là một Nhà nước làm cho mọi người dân biết sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; mặt khác Nhà nước đó "phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân". Một trong những mối quan tâm của Người là lo làm sao đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ chính quyền phù hợp với bản chất của Nhà nước ta, thấm nhuần tinh thần "dân là chủ, cán bộ là đày tớ trung thành của nhân dân". Rất đề cao pháp quyền, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh không lúc nào coi nhẹ vai trò của giáo dục đạo đức. Trong tư tưởng của Người, nhà nước pháp quyền chỉ phát huy được đầy đủ hiệu lực khi nó biết coi trọng kết hợp giáo dục đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội và Nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại, đồng thời là nhà quốc tế chủ nghĩa trong sáng, hiện thân của *tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại*. Người nói: "Cách mệnh Việt Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trên thế giới đều là đồng chí của dân Việt Nam cả". Vì vậy, trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, một mặt Người nhấn mạnh tư tưởng phải "lấy sức ta mà giải phóng cho ta", mặt khác Người luôn luôn kêu gọi phải tăng cường sự đoàn kết, giúp đỡ và phối hợp nhịp nhàng cuộc đấu tranh của vô sản ở chính quốc với vô sản ở thuộc địa, như hai cái cánh của một con chim. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người nhấn mạnh tinh thần độc lập, tự chủ, làm hết sức mình, đồng thời phải ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước trong thế giới thứ ba và các lực lượng hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Ngay đối với các nước tư bản phát triển, từ rất sớm, Người đã tuyên bố: Việt Nam muốn "Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai", vì mục tiêu độc lập, hoà bình, hữu nghị và tiến bộ xã hội.

Một mặt ra sức tranh thủ sức mạnh của thời đại có lợi cho cách mạng

Việt Nam, mặt khác, Người không quên nhắc nhở nhân dân ta hết lòng, hết sức làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình đối với phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, coi "giúp bạn là tự giúp mình". Hồ Chí Minh chính là biểu tượng của tinh thần "bốn phương vô sản đều là anh em".

Ngoài tư cách là anh hùng giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn được thế giới biết đến như là nhà văn hoá lớn, nhà nhân văn chủ nghĩa lỗi lạc, nhà đạo đức với tấm gương sáng ngời về phẩm chất đạo đức của người cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một lãnh tụ bàn nhiều đến đạo đức và vai trò của đạo đức trong đấu tranh cách mạng. Người nói: "Đạo đức là cái gốc của người cách mạng". "Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang". Vì vậy, suốt đời mình, Người kiên trì việc giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên, nhấn mạnh không ngừng "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"; và bản thân Người là một tấm gương trọn vẹn của đạo đức mới: Suốt đời phấn đấu, hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một thể thống nhất giữa đạo đức với chính trị, đạo đức với tài năng, giữa nói và làm, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Trong khi sử dụng lại một số khái niệm và thuật ngữ của đạo đức truyền thống vốn đã phổ biến và quen thuộc trong nhân dân, Người đã đưa vào đó những nội dung mới, mang ý nghĩa nhân văn và cách mạng của đạo đức mới. Những yêu cầu đạo đức Người nêu ra cho cán bộ, đảng viên nay đã trở thành hệ chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người Việt Nam mới như: trung với nước, hiếu với dân, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, "việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh", phải "khổ trước thiên hạ, sướng sau thiên hạ", biết yêu thương con người, có tình cảm quốc tế trong sáng...

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là bộ phận rất quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức sống mãnh liệt, đã sớm đi vào nhân dân, được nhân dân tiếp nhận, vận dụng và nêu cao. Nó đã trở thành một bộ phận của văn hoá dân tộc, thành vũ khí của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống lại các hiện tượng tha hoá về đạo đức của xã hội như quan liêu,

tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp quần chúng...

Chúng ta còn tìm thấy trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh những ý kiến chỉ dẫn thiết thực về những nguyên tắc và phương pháp xây dựng nền đạo đức xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Có thể nói, tính hoàn chỉnh của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một bước phát triển mới, một cống hiến đặc sắc vào sự phát triển của đạo đức học Mác - Lênin và vẫn giữ nguyên giá trị soi sáng cho chúng ta trong việc giải quyết những vấn đề đạo đức xã hội hiện nay.

Cùng với tư tưởng đạo đức, *tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh* là một đóng góp rất có giá trị vào triết học về con người của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Đó là lý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức và cũng là lý tưởng nhân văn của Người. Đối với Hồ Chí Minh, giải phóng con người trước hết là giải phóng họ khỏi những tai hoạ do cái đói, cái rét, cái dốt gây nên. Cuộc chiến đấu đó không thể tách rời cuộc chiến đấu để giải phóng dân tộc. Chỉ có thoát khỏi thân phận nô lệ, mỗi con người mới lấy lại được phẩm giá làm người. Hơn nữa, đó còn là cuộc chiến đấu vì hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì sự giải phóng của toàn nhân loại. Đó chính là giá trị của nhân văn, một chủ nghĩa nhân văn hành động, chủ nghĩa nhân văn chiến đấu, chủ nghĩa nhân đạo hiện thực.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được biểu hiện vô cùng đa dạng và phong phú, nó thấm đậm trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Người, được toả sáng trong từng việc làm, từng cử chỉ, từng mối quan tâm ân cần đối với mỗi con người; tất cả đều toát lên tình yêu thương, sự tôn trọng, thái độ bao dung và niềm tin vào khả năng cải tạo của con người, dù cho họ có nhất thời lầm lạc. Bằng hành động và ứng xử của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền lại cho chúng ta một đạo lý làm người là phải biết yêu thương và sống với nhau có tình nghĩa.

Chủ nghĩa nhân văn là bản chất cốt lõi, là kết tinh của văn hoá. Chủ tịch Hồ Chí Minh được loài người tiến bộ suy tôn là một *nhà văn hoá lớn* còn vì những thành tựu xuất sắc của Người trong lĩnh vực hoạt động và sáng tạo văn hoá. *Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh* được biểu hiện ở chỗ

Người thấy rõ và khẳng định rất sớm vai trò quyết định của văn hoá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngay sau khi vừa giành được độc lập, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam mới, Người đã đề nghị mở ngay chiến dịch chống nạn dốt. Người nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Người coi dốt nát cũng là một thứ giặc, xem thói quen và những tập tục lạc hậu cũng là một loại kẻ thù. Người khẳng định văn hoá là tinh hoa của dân tộc, văn hoá phải góp phần khẳng định dân tộc và bản sắc dân tộc. "Rõ ràng là dân tộc bị áp bức thì văn nghệ sĩ cũng mất tự do. Văn nghệ sĩ muốn có tự do thì phải tham gia cách mạng". "Văn hoá nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy".

Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa kỳ thị - độc tôn về văn hoá. Là người đã làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn văn hoá phương Đông và phương Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm đề ra chủ trương kế thừa truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc phải đi đôi với việc học tập và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của nhân loại. Những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hoá đang là kim chỉ nam cho chúng ta trong việc xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đồng thời không ngừng mở rộng sự giao lưu văn hoá với thế giới.

Những giá trị phong phú và toàn diện nói trên đã làm cho *Hồ Chí Minh Toàn tập* trở thành bộ sách kinh điển lớn nhất, có giá trị lý luận và thực tiễn cao nhất về cách mạng Việt Nam. Bộ sách đã phản ánh thiên tài trí tuệ của vị lãnh tụ - người thầy của cách mạng Việt Nam, nhà tư tưởng mácxít vĩ đại; đã phản ánh quá trình lịch sử 50 năm đấu tranh anh dũng và thắng lợi vẻ vang của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo và dìu dắt trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tính khoa học đúng đắn và tính cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh đã được lịch sử kiểm chứng. Trải qua những biến động của thời cuộc, tư tưởng Hồ Chí Minh càng chứng tỏ giá trị và sức sống mãnh liệt của nó. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh hoa của dân tộc Việt Nam, là niềm tự hào vô hạn của mỗi chúng ta. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân ta càng vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, theo mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Mỗi người Việt Nam hãy học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy lòng yêu nước, ý chí quật cường bất khuất của dân tộc để xây dựng một nước Việt Nam mới, trong thời đại mới, sánh vai với các nước tiên tiến trên thế giới.

*

* *

Được sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, kế thừa những kinh nghiệm và thành tựu của bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* xuất bản lần thứ nhất, bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* xuất bản lần thứ hai là một công trình lao động khoa học nghiêm túc của một tập thể đông đảo các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu, lưu trữ, biên tập, xuất bản thuộc nhiều cơ quan Đảng và Nhà nước, ở trung ương và địa phương.

Tình hình chính trị trên thế giới đã và đang có những thay đổi sâu sắc. Sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang đặt ra những vấn đề lý luận cấp bách đòi hỏi Đảng ta phải khẩn trương nghiên cứu và giải đáp, phù hợp với yêu cầu và thực tiễn của đất nước. Nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu về tư tưởng Hồ Chí Minh đang tăng lên. Công tác sưu tầm, phát hiện những văn kiện, tác phẩm, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm qua đã thu được nhiều kết quả mới, được bổ sung vào bộ sách. Công tác dịch thuật, xử lý văn bản, giới thiệu, chú thích, tham khảo khoa học ... cho bộ sách cũng được nâng cao chất lượng và hoàn thiện thêm một bước nhằm giúp cho bạn đọc có điều kiện tìm hiểu một cách đầy đủ, chính xác tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời cũng phản ánh được những thành tựu nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh trong những năm gần đây.

Việc xuất bản lần thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* đã cố gắng đáp ứng những yêu cầu trên đây. Tuy nhiên, khối lượng công việc rất to lớn lại phải hoàn thành trong một thời gian gấp rút, mặc dầu tập thể đội ngũ biên tập đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn vẫn không tránh khỏi còn những nhược điểm và thiếu sót.

Nhân dịp bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, ra mắt bạn đọc, Hội đồng xuất bản cám ơn các nhà nghiên cứu, các cộng tác viên khoa học, đội ngũ cán bộ biên tập đã vượt qua nhiều khó khăn, khẩn trương hoàn thành bản thảo trong một thời gian ngắn.

Mong rằng bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, sẽ tạo thêm điều kiện đẩy mạnh việc học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, thực sự là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của chúng ta.

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN
BỘ *HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP*

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 1

Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 1 gồm những bài viết và tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1919 đến tháng 11 năm 1924, mở đầu là bài *Tâm địa thực dân* và kết thúc vào thời điểm Người rời Mátxcơva (Nga) đến Quảng Châu (Trung Quốc). Các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tập 1 phản ánh sự chuyển biến trong tư tưởng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội khoa học, đánh dấu sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về phương pháp cách mạng... Các tác phẩm trong tập này đã khẳng định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc bị áp bức khác trên thế giới là đi theo con đường cách mạng vô sản. Tác giả đã tập trung tố cáo tội ác, vạch trần bản chất của chủ nghĩa thực dân đế quốc; bước đầu đề ra chiến lược, sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc và khẳng định bước phát triển tất yếu của nó sẽ là tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người viết: "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc..." (Tr.461).

Vào những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam rất sôi nổi, nhưng lại lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối chính trị. Trong hoàn cảnh ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân Pháp. Người đã tham gia hoạt động, đấu tranh trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân bị áp bức các nước châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước công nông đầu tiên ra đời, như tiếng sấm báo hiệu mùa xuân đối với nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Tiếp theo là Quốc tế thứ ba thành lập, các đảng cộng sản lần lượt ra đời, trào lưu tư tưởng cải lương, cơ hội và sôvanh trong Quốc tế thứ hai bị đẩy lui. Trong hoàn cảnh ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thụ ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga và *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do V.I. Lênin soạn thảo.

Một trong những nội dung cơ bản của tập 1 là tác giả tập trung vạch trần bản chất xấu xa, tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân đế quốc; xác định rõ chúng là kẻ thù chung của giai cấp công nhân và nhân dân bị áp bức trên thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài báo và tác phẩm tấn công vào chủ nghĩa thực dân đế quốc như *Tâm địa thực dân, Bình đẳng, Vực thẳm thuộc địa, Hành hình kiểu Linsơ, một phương diện ít người biết đến của nền văn minh Mỹ, Công cuộc khai hoá giết người*... Dựa vào những tài liệu và sự việc cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tố cáo bản chất ăn cướp và giết người của chủ nghĩa thực dân đế quốc, vạch trần cái gọi là "khai hoá văn minh" của chúng. Người viết: "Nếu lối hành hình theo kiểu Linsơ của những bọn người Mỹ hèn hạ đối với những người da đen là một hành động vô nhân đạo, thì tôi không còn biết gọi việc những người Âu nhân danh đi khai hoá mà giết hàng loạt những người dân châu Phi là cái gì nữa" (Tr.321). Người chỉ rõ những âm mưu và thủ đoạn che giấu tội ác của chúng: "Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột giết người, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn điểm trang cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v." (Tr.75). Trong những bài có tiêu đề Đông Dương và hàng loạt bài khác, Người đã lên án mạnh mẽ chế độ cai trị hà khắc, sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, giáo dục.

Bằng ngòi bút sắc sảo, châm biếm chua cay, qua những thiên truyện ký xuất sắc như *Lời than vãn của Bà Trưng Trắc, "Vi hành"*..., Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phơi bày bộ mặt phản dân hại nước của bọn vua chúa, quan lại đã vì quyền lợi và danh vọng cá nhân mà chống lại đồng bào.

Từ một người yêu nước trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc ta và các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân đế quốc, là con đường cách mạng vô sản. Đó là cơ sở cho sự hình thành đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta.

Luận cương của V.I.Lênin đã chỉ rõ: trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản và những người cộng sản có nhiệm vụ phải giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thụ, vận dụng và phát triển sáng tạo luận điểm này của V.I.Lênin. Trong *Lời phát biểu tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp*, năm 1920, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết đấu tranh cho tư tưởng này của V.I. Lênin được thực hiện trong thực tế. Người đề nghị: "Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa" (Tr.23). Trên cơ sở phân tích những điều kiện lịch sử - xã hội của phương Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: chế độ cộng sản hoàn toàn có thể thực hiện được ở châu Á, và điều đó còn dễ hơn ở châu Âu.

Trong lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở "chính quốc". Người viết: "Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi" (Tr.298). Người kêu gọi giai cấp công nhân các nước phương Tây phải đẩy mạnh việc ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa. Trong những bài phát biểu tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, Người nói: "Tất cả các đồng chí đều biết rằng, hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy; các thuộc địa cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng" (Tr.274). Vì vậy, muốn đánh thắng chủ nghĩa đế quốc, trước hết cần xoá bỏ hệ thống thuộc địa của nó. Từ đó,

Người đề xuất luận điểm: cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động và có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở "chính quốc" và bằng thắng lợi đó, tác động mạnh mẽ đối với cách mạng ở "chính quốc". Người viết: "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn" (Tr.36).

Tin tưởng ở tiền đồ của các dân tộc bị áp bức, trong nhiều bài viết của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tiềm lực cách mạng vĩ đại của hàng trăm triệu người ở các nước thuộc địa và phụ thuộc đang được thức tỉnh. Châu Á trẻ trung đang vươn mình, châu Phi đen đang quật khởi... Lưỡi lê, đại bác, chính sách ngu dân của chủ nghĩa tư bản không thể đè bẹp ý chí chiến đấu và sức sống mãnh liệt của nhân dân các dân tộc thuộc địa. Người viết: "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi" (Tr.28).

Từ nhận thức: chủ nghĩa thực dân đế quốc là kẻ thù chung của các dân tộc bị áp bức, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng khối đoàn kết chiến đấu giữa các dân tộc bị đoạ đày, đau khổ. Người viết: "Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản" (Tr.266).

Đứng vững trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên quyết đấu tranh chống lại những biểu hiện của tư tưởng cơ hội, cải lương, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, những nhận thức chưa đúng đắn của một số đảng cộng sản châu Âu trong vấn đề thuộc địa. Tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, Người nói: "Đề ra những luận cương dài dằng dặc

và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể" (Tr.281). Người đã kiến nghị những việc làm thiết thực và yêu cầu Quốc tế Cộng sản đẩy mạnh hoạt động giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc.

Bản thân Người đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyên truyền chủ nghĩa xã hội khoa học vào các nước thuộc địa, hướng quần chúng về nước Nga Xôviết tươi đẹp, về con đường cách mạng triệt để. Người khẳng định cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phải đi theo con đường của V.I.Lênin và Cách mạng Tháng Mười. Người cũng dành những lời trân trọng viết về V.I.Lênin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới: "Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội" (Tr.237).

Qua một loạt bài viết trong tập 1, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định vai trò quan trọng của giai cấp công nhân trong đấu tranh cách mạng. Người chỉ rõ: trong các thuộc địa, giai cấp công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp. Phải làm cho công nhân da đen và da vàng hiểu rằng kẻ thù duy nhất của họ chính là cái chế độ này, một chế độ nô lệ tinh vi hơn chế độ cũ, nặng nề và vô nhân đạo hơn. Trong bài *Phong trào công nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ*, Người nêu rõ giai cấp công nhân đã đóng góp nhiều vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, song thành quả cách mạng lại bị giai cấp tư sản chiếm đoạt, giai cấp công nhân bắt buộc tiến hành một cuộc đấu tranh khác: đấu tranh giai cấp. Qua đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn chỉ ra mối quan hệ khăng khít giữa đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong cách mạng ở thuộc địa, yêu cầu giai cấp công nhân phải nắm lấy ngọn cờ dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phải củng cố khối liên minh công nông - đội quân chủ lực của cách mạng, nền tảng của mặt trận đoàn kết toàn dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin nhìn nhận đúng đắn vấn đề nông dân trong cách mạng giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa đế quốc bóc lột thuộc địa chủ yếu là bóc lột nông dân. Người viết: "Người An Nam nói chung, phải è cổ ra mà chịu những công ơn

bảo hộ của nước Pháp. Người nông dân An Nam nói riêng, lại càng phải è cổ ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách thảm hại hơn: là người An Nam, họ bị áp bức; là người nông dân, họ bị người ta ăn cắp, cướp bóc, tước đoạt, làm phá sản" (Tr.227). Phải sống trong hoàn cảnh cùng cực như vậy nên người nông dân nói chung và người nông dân Việt Nam nói riêng chẳng những có ý thức giai cấp rõ rệt mà còn có ý thức dân tộc rất mạnh mẽ. Trong các bài *Tình cảnh nông dân An Nam, Tình cảnh nông dân Trung Quốc, Nông dân Bắc Phi*... và những bài phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Người đã khái quát vị trí và lực lượng to lớn của nông dân trong cách mạng giải phóng dân tộc và chỉ rõ ở các nước thuộc địa, nông dân nhiều lần nổi dậy chống chủ nghĩa thực dân, nhưng đều thất bại, vì thiếu sự lãnh đạo và tổ chức. Người viết: "Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng" (Tr.289). Vì vậy, giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nông dân, đem lại ruộng đất cho nông dân.

Các bài viết trong tập 1 còn cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú ý đến vai trò của phụ nữ và các tầng lớp thanh niên, học sinh, sinh viên... trong đấu tranh cách mạng. Trong những bài viết của mình, Người đã nêu nhiều tấm gương tiêu biểu của phụ nữ và tuổi trẻ tại các nước thuộc địa và phụ thuộc để cổ vũ tinh thần đấu tranh cách mạng của quần chúng bị áp bức.

Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 1, ngoài những tác phẩm lý luận sắc bén, chứa đựng tư tưởng chính trị quan trọng, còn có những tác phẩm văn học có giá trị, mang tính đảng sâu sắc, tính chiến đấu cao và tính nghệ thuật độc đáo. Bằng những tác phẩm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho sự ra đời của nền văn học cách mạng mang nội dung yêu nước và đậm đà bản sắc dân tộc.

Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 1, trên cơ sở tiếp thụ thành quả của lần xuất bản năm 1980, đã bổ sung hơn 30 bài và tác phẩm với hơn 100 trang, khai thác ở kho lưu trữ của Quốc tế Cộng sản trước đây, trên các tập san *La Revue Communiste, Inprekorr*, các báo *L'Humanité, Le Paria, La Vie Ouvrière, Le Journal du Peuple, Le Libertaire*... Một số bài được in trong

Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2, xuất bản năm 1981, sau khi xác minh lại về thời gian đã được đưa vào tập 1. Về mặt văn bản, một số bài trong lần xuất bản trước đã được đối chiếu, hiệu đính lại cho chính xác hơn.

Tuy vậy, lần xuất bản này chắc chắn cũng chưa tập hợp được đầy đủ những bài viết và tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lưu trữ ở nước ngoài và rải rác đây đó.

Chúng tôi mong các bậc thức giả, các nhà nghiên cứu và bạn đọc gần xa mách bảo và bổ sung những bài còn thiếu, chỉ ra những sơ suất, thiếu sót để cho lần xuất bản sau được tốt hơn.

VIỆN NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TÂM ĐỊA THỰC DÂN[1]

Ít khi chúng tôi có dịp được đọc báo thuộc địa. Hôm nay, chúng tôi nhận được một số *Courrier Colonial*, đề ngày 27 tháng 6 vừa qua, trên đầu tờ này có đăng một bài dài hai cột, dưới cái đầu đề kích động là "GIỜ PHÚT NGHIÊM TRỌNG". Cái đầu đề kêu rỗng ấy , kêu như một lời hô hào cầm vũ khí, đã khiến chúng tôi phải đọc từ đầu chí cuối bài báo dài này để biết rõ lý do của tiếng kêu cầu cứu đó là gì. Chưa đọc hết cột thứ nhất, chúng tôi cũng đã gần thấy được mục đích của tác giả, và càng đọc tiếp - vừa đọc vừa mỉm cười - thì cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi càng vững chắc lại. Cảm tưởng của chúng tôi tóm lại là: một chàng thực dân đã muốn dùng bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*[2] để mở một cuộc tấn công gián tiếp vào chính sách của ông Anbe Xarô, toàn quyền Đông Dương, một cuộc tấn công mà anh ta đã chú ý tô điểm bằng những lời phản đối có tính chất yêu nước, bằng lòng yêu chuộng chân lý, bằng tinh thần hy sinh và tận tuỵ vì lợi ích chung, vân vân, vân vân.

Phân tích một vài đoạn trong bài báo, chúng ta sẽ thấy được chàng ta hiểu chủ nghĩa yêu nước, chân lý và lợi ích chung của nước Pháp như thế nào.

Ông Camilơ Đơvila khao khát cái danh hiệu người yêu chuộng chân lý trong thế giới này và trong thế giới bên kia. Lòng khao khát ấy là chính đáng và hợp lý, chúng tôi vui lòng thừa nhận như vậy. Nhưng mong ông cho phép chúng tôi chỉ cho ông thấy rằng cái

chân lý theo tâm địa của ông, cái chân lý theo quan niệm của bọn thực dân thù ghét dân bản xứ, không có gì là giống với chân lý của chúng tôi, chân lý mà sau này chúng tôi sẽ nói sơ qua đến, cũng như không có gì là giống với chân lý theo quan niệm của những người Pháp tốt ở nước Pháp cả. Sở dĩ chúng tôi nhận xét một cách lịch sự như vậy, là nhằm tỏ thái độ tôn trọng quyền tự do ngôn luận.

Trước hết, chúng tôi thấy trong bài báo nói về vấn đề đó, cái câu ám chỉ có ác ý là "ngay ngày hôm sau ông Anbe Xarô đặt chân trở về đất nước Pháp, thì những nhà ái quốc An Nam lập tức bác bỏ những lời tuyên bố lạc quan của ông".

Chúng tôi không được biết bài diễn văn mà ông Đơvila đã ám chỉ, chúng tôi không bàn về bài diễn văn ấy. Nhưng ngay từ bây giờ chúng tôi cũng có thể nói rằng, dù sao đi nữa thì tám điểm của bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* không nói ngược lại chút nào những ý kiến của ông Anbe Xarô, người đã tuyên bố trong tất cả những diễn văn của mình đọc trước những người bản xứ rằng mình kiên quyết muốn mở ra cho họ một kỷ nguyên tự do và công lý. Vì những lời hứa hẹn của ông phù hợp với những yêu sách của chúng tôi, nên ngay khi được biết tin ông trở về Pháp chúng tôi vội vã gửi đến ông bản ghi những yêu sách của chúng tôi. Trong lúc chờ xem chính sách của ông đáp ứng được đến mức độ nào những nguyện vọng của chúng tôi, chúng tôi vui lòng thừa nhận rằng đã nhiều lần *ông ta* phát biểu để bảo vệ những người bản xứ, chống lại sự áp bức của *những tên thực dân độc ác* và sự chuyên chế của *những tên viên chức tàn bạo,* bất chấp những đòn công kích của một chiến dịch vừa đáng ghét vừa nham hiểm của báo chí, một chiến dịch không giấu kín được tính phản nghịch của nó bằng những lời nguỵ biện về uy tín và bằng những lý lẽ giả dối về lợi ích chung.

Chúng tôi đã nhấn mạnh những chữ *những tên thực dân độc ác* và *những viên chức tàn bạo*, vì chúng tôi biết rằng có những người thực dân chính trực và những viên chức công bằng. Khốn nỗi,

họ còn lâu mới là đa số, thậm chí còn đang sợ rằng họ là một thiểu số rất nhỏ nữa.

Rồi ông Đơvila chép lại tám yêu sách của người An Nam, và kèm theo yêu sách thứ ba - tự do báo chí và ngôn luận - ông đưa ra nhận xét này: *mà bản thân chúng ta cũng không được hưởng*, và kèm theo yêu sách thứ bảy - thay chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật- ông đưa ra nhận xét này: *hệt như ở nước ta*.

Cũng vậy thôi, tính giả dối cũng không được che đậy kín đáo gì hơn. Chúng tôi xin phép hỏi ông Đơvila rằng phải chăng ông coi độc giả của ông là những người quá ư ngu ngốc, khi ông định dùng cái lối bình luận quỷ quyệt đó để làm cho họ lẫn lộn tình trạng hoàn toàn và vĩnh viễn không có quyền tự do tư tưởng với sự kiểm duyệt, tức là một tình trạng hoàn toàn có tính chất tạm thời và chỉ nhằm một vài loại tin tức thôi. Còn về việc thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật, thì chúng tôi không hiểu tại sao ông Đơvila lại sợ việc ấy đến thế, vì những người trong sạch thì không việc gì phải sợ sự kiểm soát của ai cả, ngay cả sự kiểm soát của Nghị viện nữa.

Lời trách cứ nặng nhất của ông Đơvila đối với những nhà ái quốc An Nam là đã phát biểu trực tiếp với nhân dân Pháp và với nền Công lý thế giới của tất cả các cường quốc. Chúng tôi sẵn sàng thừa nhận với ông rằng những người An Nam đã đi vào một trường hợp hoàn toàn đáng xử giảo, khi không nhờ đến một nhà thực dân cỡ ông làm trung gian. Thừa nhận như vậy rồi, chúng tôi xin chép lại nguyên văn cái câu mà ông cho là khó hiểu, câu đó như sau: "Đưa ra những yêu sách trên đây, nhân dân An Nam trông cậy vào chính nghĩa thế giới của tất cả các cường quốc và đặc biệt tin vào lòng rộng lượng của nhân dân Pháp cao cả, tức là của những người đang nắm vận mệnh của nhân dân An Nam, của những người, do chỗ nước Pháp là một nước Cộng hoà, nên được coi là những người bảo hộ cho nhân dân An Nam".

Chúng tôi không dám giải thích cho ông Đơvila rằng, thế nào là một nước Cộng hoà, vì môn sư phạm không phải là sở trường của chúng tôi, nhưng vì ông tìm cách bẻ quẹo một câu minh bạch như vậy, nên chúng tôi tự hỏi không biết có phải ông đã có danh dự

được làm bồi bếp trong một nhà bếp nhà vua nào đó chăng.

Và bây giờ khi mà ông Đơvila tự hỏi rằng trách nhiệm ở đâu, thì chúng tôi phải nói trắng ra với ông rằng cần tìm trách nhiệm, không phải ở chính sách của ông Xarô mà ở tình hình thảm hại mà người ta đã để lại cho ông Xarô. Nếu sau một nửa thế kỷ sống dưới sự thống trị của nước Pháp mà nhân dân An Nam rút cuộc lại phải đi xin vài bảo đảm cá nhân và vài quyền tự do mà tất cả những nước láng giềng của mình đều được hưởng, thì điều đó không phải là tại ông Xarô thân dân bản xứ, mà điều đó có nguyên nhân sâu xa hơn nữa, đó là do chính sách bóc lột và ngu dân mà ông Đơvila và bè phái tuyên truyền, chứ không phải của ông Xarô.

A, bây giờ chúng tôi đã nắm được động cơ của những đòn công kích ông Xarô rồi. Ông Xarô bị công kích vì ông thân dân bản xứ.

Ông Đơvila nhắc nhở rằng những người đã có kinh nghiệm ở Đông Dương đã cố công khuyên ông Xarô, nhưng ông Xarô không chịu nghe họ. Theo ngôn ngữ của những tên thực dân độc ác, thứ kinh nghiệm ở Đông Dương có nghĩa là kinh nghiệm trong nghệ thuật bóc lột, cướp bóc người bản xứ, kinh nghiệm sống bằng mồ hôi của người bản xứ. Ông Xarô đã khinh bỉ không thèm nghe lời bọn cố vấn vụ lợi ấy, điều đó cũng dễ hiểu.

Cái câu trong tờ *Le Courrier d'Haiphong*[3] mà ông Đơvila dẫn ra và tuyên bố rằng, câu đó là có tính chất tiên tri *(sic)* xác nhận tất cả những điều mà chúng tôi vừa nói, nguyên văn câu đó như sau:

"Chính sách ấy (chính sách thân dân bản xứ) của ông Xarô chỉ có thể tiến hành được bằng cách hy sinh lòng tự tôn và những quyền lợi của những người Âu ở nước này, vì chính sách đó chỉ nhằm làm cho những dân bản xứ thành những người bình đẳng với chúng ta, rồi nhanh chóng trở thành chủ chúng ta".

Kết luận: đối với dân bản xứ, thì phải giữ họ vĩnh viễn trong cảnh nô lệ. Chúng tôi thiết tưởng rằng, những người Pháp thông minh và chân thực biết tỏ tính ưu việt tự nhiên của mình ở bất cứ nơi nào mình sống, thì không cần phải sống giữa những người bản xứ vĩnh viễn bị khoá mồm bịt miệng và bị xỏ mũi, mới có thể giữ được tính ưu việt đó.

Sau cùng, ông Đơvila cho rằng mình biết rõ là một đảng độc lập đã xuất hiện và đảng này đã vượt qua đầu ông Xarô để phát biểu với nhân dân Pháp và với các cường quốc mà họ muốn nói với tư cách bình đẳng với nhau. Ông nói thêm rằng: đây là một giấc mơ và từ giấc mơ này ông thấy nguồn gốc của sai lầm mà ông Anbe Xarô phạm phải là năm 1913 ông Anbe đã dạy cho người An Nam biết rằng nước Đức đã chiếm Andátxơ - Loren của nước Pháp năm 1871.

Nếu có một đảng độc lập tồn tại, thì đảng này không phải đi ăn xin một vài quyền tự do, mà thiếu nó thì con người là một tên nô lệ khốn khổ. Chúng tôi thử làm yên lòng ông Đơvila bằng cách nói rằng, Đảng của chúng tôi nói với nhân dân Pháp, cũng là nói cả với ông Đơvila.

Cuối cùng, ông Đơvila không thể không biết về mặt quốc tế, khi người ta nói bình đẳng với nhau, người ta dùng con đường ngoại giao, chứ không phải bằng con đường thỉnh cầu. Vậy thì giấc mơ đẹp mà người ta kiêu hãnh đã tìm thấy chìa khóa, tự nó đã tan tành.

Chúng tôi để cho ông Đơvila với một giấc mơ khác, giấc mơ làm cho dân An Nam quên đi rằng chỉ với nửa số những luật dân sự mà trước kia những người Andátxơ - Loren có được dưới sự thống trị của Đức, thì dân An Nam cũng sẽ đỡ khổ hơn rất nhiều. Đúng vậy, theo ý nghĩa đó thì việc so sánh Andátxơ - Loren Phổ hoá với Đông Dương Pháp hóa dĩ nhiên là hại.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp.
Bản chụp lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

VẤN ĐỀ DÂN BẢN XỨ

Báo *L'Humanité*[4] ngày 18-6 mới đây đã đăng văn bản thỉnh cầu của những người An Nam gửi Hội nghị Hoà bình[5] đòi ân xá cho tất cả các tù chính trị người bản xứ, đòi cải cách pháp chế ở Đông Dương bằng ban hành những bảo đảm cho người bản xứ cũng như cho người Âu, đòi tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do dạy học, đòi thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ pháp luật; và sau cùng, đòi có một đoàn đại biểu thường trực của dân bản xứ, được

bầu vào Nghị viện Pháp. Chúng tôi chỉ có thể coi các yêu sách rất đúng đắn đó cũng là của chính mình, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết.

Nước Pháp đã từng bắt đầu đánh chiếm Đông Dương gần như cùng thời gian mà nước Nhật đi những bước đầu tiên trong cuộc cải cách nổi tiếng năm 1868. Nhưng trong khoảng một nửa thế kỷ, nước Nhật đã biết tạo lập được một chế độ đưa nó vào hạng những cường quốc đứng đầu thế giới; còn nước Pháp thì phải nói rằng vẫn đang mò mẫm trong chính sách Đông Dương của mình. Thậm chí có thể tự hỏi đã từng có một chính sách Đông Dương bao giờ chăng? - Vì lẽ từ khi bị Pháp chiếm, đất nước chúng tôi hầu như luôn luôn sống lay lắt ngày này qua ngày khác, không hề biết chính quyền muốn dẫn mình đi đến đâu, - chính quyền này khi thì nói về chính sách đồng hóa, khi thì nói về chính sách liên hiệp hoặc gì khác nữa, nhưng thật ra chẳng áp dụng một chính sách nào cả. Tình hình đích thực là như sau: nay cũng như trước kia, kẻ chinh phục và nhân dân bị

chinh phục đều sống mặt đối mặt, trong một không khí nghi kỵ lẫn nhau. Bức tranh ảm đạm này đáng được quan tâm, được xét về một số mặt khác nhau.

Về tâm lý, ở phía kia là thái độ hiềm nghi và khinh miệt; còn ở phía này lại là tâm trạng bực dọc và tuyệt vọng. Các ấn phẩm sách báo thực dân đều đầy rẫy những đòn đả kích hung bạo đánh vào nhân dân bị chinh phục, đều tràn ngập những lời chửi rủa phun thẳng vào mặt họ với dũng khí càng hung hăng vì tác giả biết trước rằng họ không thể nào trả miếng lại được và họ chỉ đành phải nghiến răng mà nuốt lấy. Người ta đọc thấy trong loại ấn phẩm vừa nêu những phán quyết như thế này chẳng hạn: " Đối với cái giống nòi annamít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó, - đó là ách thống trị bằng sức mạnh... Truyền học vấn cho bọn annamít hoặc cho phép chúng tự chúng có học vấn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích...".

Về hành chính và pháp lý: cả một vực thẳm cách biệt người Âu với người bản xứ. Người Âu hưởng mọi tự do và ngự trị như người chủ tuyệt đối; còn người bản xứ thì bị bịt mõm và bị buộc dây dắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca; vì nếu anh ta dám phản đối thì anh ta liền bị tuyên bố là kẻ phản nghịch hoặc là một tên cách mạng, và bị đối xử đúng với tội trạng ấy. Càng khốn khổ hơn cho người bản xứ nào xuất ngoại để thoát khỏi cái chế độ dịu hiền ấy: gia quyến anh ta bị hành hạ; bản thân anh ta, nếu bị bắt, thì bị tù khổ sai hoặc bị đẩy lên máy chém. Thậm chí để đi lại trong nước, từ địa phương này đến địa phương khác theo luật, người bản xứ phải mang theo giấy phép. Còn công lý, đối với người bản xứ, nó tồn tại như thế này đây: người Âu nào đã giết chết, tàn sát hoặc cưỡng dâm người bản xứ, thì trong trường hợp vụ án không thể được ỉm hoàn toàn, anh ta chắc mẩm rằng mình được toà án tha bổng, mình ra toà chẳng qua là chuyện hình thức. Đó là việc

áp dụng nguyên tắc nhằm bảo tồn bằng mọi cách uy tín của người da trắng trước bọn da vàng. Nghị viện Pháp có biết chút đỉnh về việc vừa nêu, qua một số điều tiết lộ của ông nghị sĩ Viônlét trong một bản báo cáo về ngân sách Đông Dương.

Sự ngự trị của bạo chính

Ở các tỉnh, người bản xứ bị trói tay trói chân, phải gánh chịu thói tuỳ hứng, chuyên quyền của các quan cai trị người Pháp và thói tham tàn của bọn làm tôi tớ ngoan ngoãn cho chúng, bọn quan lại, sản phẩm của chế độ mới! Ấy là công lý bị bán đứt cho kẻ nào mua đắt nhất, trả giá hời nhất. Xưa kia, người bản xứ bao giờ cũng có thể kêu lên đến tận Triều đình nhà vua; nhưng nay thì anh chàng "annamít" khốn khổ chẳng biết có thánh nhân nào để dựa, và còn lại cho anh ta, chỉ là công lý của Chúa trời. Riêng đối với những ai mà ngôn ngữ thực dân gọi là bọn quấy rối, thì những phiên họp âm u, được tô điểm thành toà đại hình, bí mật quyết định số phận của họ - những người bản xứ chính trực mà đồng bào của họ đều coi trọng và tin yêu.

Sự tương phản càng nổi bật không kém trong lĩnh vực kinh tế. Một bên là những người bản xứ bị dìm trong cảnh dốt nát và suy yếu bởi một hệ thống tinh khôn nhằm nhồi sọ, đần độn hoá, không lấp liếm hết được dưới một dạng giáo dục bịp bợm: họ phải đổ mồ hôi sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật, và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và người nước ngoài: họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trâng tráo trong cảnh dốt nát và nghèo khốn của nhân dân.

Buộc phải bị kiềm chế bởi sức mạnh, nhân dân An Nam, mà lịch sử chân chính đã khởi đầu từ hơn 3000 năm, từng lúc từng lúc như có những đợt cồn cào chống đối, biểu hiện bằng những mưu toan nổi dậy rộng khắp, hoặc bằng hành động của những con người

tuyệt vọng, như những cuộc biểu tình ôn hoà năm 1908 (xem *Bulletin officiel de la Ligue des Droits de l' Homme*, ngày 31-10-1912), và như những vụ nổ bom gần đây ở Nam Kỳ và ở Bắc Kỳ. Than ôi! Đó là những cuộc phản kháng vô hiệu mà mỗi lần đều đem lại những trận đàn áp đẫm máu, và thêm nữa đã tạo cớ cho chính quyền thể theo Napôlêông trong vụ chiếc "máy ma quái"[1)], mà trừ khử một cách lịch sự những người An Nam không tỏ vẻ hoan hô thói độc đoán của nó. Người ta biết rằng trong chiến [2)], Đông Dương đã là nơi diễn ra những sự kiện đau lòng, dẫn đến việc ban bố thiết quân luật, và kèm theo là những vụ tuyên án và hành quyết hàng loạt. Giờ đây, các nhà tù khổ sai ở Guyan, ở Tân Calêđôni, ở Côn Đảo, v.v. đều đầy ắp tù chính trị người bản xứ. Súng liên thanh và máy chém đều chóng vánh buộc những ai bướng bỉnh, những ai phản kháng phải im hơi lặng tiếng.

Sự cạnh tranh của Nhật Bản

Tình hình mà chúng tôi vừa mới phác ra một số nét lớn, có lẽ sẽ có thể kéo dài vô tận, nếu cuộc chiến tranh - đã đảo lộn toàn bộ châu Âu - hiện nay không kéo theo một sự xì xào mới về vấn đề dân bản xứ. Quả vậy, do chiến tranh, nước Nhật đã tranh thủ được, từ phía nước Pháp, những quyền ưu tiên đặc biệt ở Đông Dương. Vậy phải thấy trước rằng người Nhật sẽ đến lập nghiệp ngày càng nhiều trên xứ này và sẽ làm đủ mọi nghề ở đây; kết quả là dân bản xứ sẽ sống càng khốn đốn hơn: bị hãm trong cảnh dốt nát bởi chính sách đần độn hoá, bị suy yếu vì phải chịu nhiều thiếu thốn, nhiều thủ đoạn đầu độc của Nhà nước - ngân khố và các công ty đặc nhượng ép họ tiêu thụ thuốc phiện, rượu -, họ sẽ tiếp tục luẩn quẩn trong một cái vòng thu hẹp quá đỗi.

Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển

1) *Machine infernale*. Máy ma quái nổ có thể gây tử vong, đã từng được bố trí để ám sát Bônapáctơ. May thay, Bônapáctơ thoát nạn và biết rõ thủ phạm. Tuy vậy, ông khéo thừa cơ hạ lệnh đày 138 người vô tội, có hành vi không tán thành chính sách của ông.

2) Chiến tranh thế giới thứ nhất.

chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường. Mặt khác, là phi lý nếu nghĩ rằng hai dân tộc láng giềng như dân tộc An Nam và dân tộc Nhật Bản lại có thể cứ tồn tại biệt lập đối với nhau. Nhưng người Nhật, nhờ ở chính phủ khôn khéo của họ, có các phương tiện rất đầy đủ, được trang bị tốt để tiến hành đấu tranh kinh tế; trong khi đó thì người An Nam- chúng tôi đã nói vì sao - lại hoàn toàn là con số không , xét về mặt tiến bộ hiện đại, so với các láng giềng của họ: người Hoa, người Nhật, người Xiêm và cả người ấn nữa. Câu hỏi đặt ra từ rày, là đứng trước tình hình mới được tạo ra bởi những luồng du nhập của người nước ngoài, phải chăng Chính phủ Pháp tin rằng đã đúng lúc, vì lợi ích chung, phải giải phóng dân bản xứ và giúp đỡ họ bằng tất cả các phương tiện mình có trong tay, để họ tự chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh gay go mà họ sẽ đảm đương đối với người Nhật và những người nước ngoài khác?

Nếu lời đáp có chiều khẳng định, thì chúng tôi khó hiểu vì sao các yêu sách của mình, mà báo *L'Humanité* đã đăng trong số ra ngày 18-6 vừa qua, *lại có thể gây chấn động trong giới thực dân.* Chúng tôi biết đích xác rằng một sĩ quan cao cấp chỉ huy các tập đoàn lao công thuộc địa - có lẽ căn cứ vào những chỉ thị nhận được từ bên trên - đã hạ lệnh cho từng trưởng tập đoàn hãy tịch thu tất cả những bản yêu sách vừa nêu, tìm thấy ở những người lao công An Nam. Rất ôn hoà cả về nội dung lẫn về hình thức, các nguyện vọng của chúng tôi nhằm vào những cải cách chủ yếu cho việc giải phóng chúng tôi, và nhằm vào những quyền tự do mà nếu không có chúng thì con người ngày nay chỉ là một kẻ nô lệ khốn nạn. Không ai có thể phủ nhận rằng nếu không có các quyền tự do ấy, thiết yếu cho việc truyền bá những tư tưởng và kiến thức mà đời sống hiện đại đòi hỏi, thì không thể trông mong tiến hành bất cứ một công cuộc giáo hoá nghiêm chỉnh nào cả.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 2-8-1919.

ĐÔNG DƯƠNG VÀ TRIỀU TIÊN

MỘT SỰ SO SÁNH THÚ VỊ

Thế giới sẽ chỉ có nền hoà bình cuối cùng khi tất cả các dân tộc tự mình thoả thuận với nhau cùng tiêu diệt con quái vật đế quốc chủ nghĩa ở khắp mọi nơi mà họ gặp nó. Trong khi chờ đợi ngày đó, hiện nay họ còn là nạn nhân của con quái vật ấy, đòi hỏi một cách nghiêm khắc, nhân danh nguyên tắc của dân tộc được quyền tự quyết và họ rất xứng đáng để lưu ý tiếng nói của họ phải được lắng nghe với tình cảm đậm đà trong nhân dân các nước châu Âu và châu Mỹ. Dư luận thế giới đối với các nước đang rên xiết dưới ách thống trị của nước ngoài không phải không làm cho những kẻ đi bóc lột các dân tộc lo sợ. Chính phủ Nhật Bản nhìn thấy trước hậu quả đáng buồn khi đã mở một cuộc chinh phạt rất lớn của chủ nghĩa quân phiệt, đang thừa nhận phải cải cách chế độ ở Triều Tiên theo một tinh thần khoan dung.

TỰ TRỊ Ở TRIỀU TIÊN

Một sắc lệnh của Hoàng triều, công bố ở Đông Kinh, ngày 19-8-1919, thừa nhận tự trị cho Triều Tiên, và tuyên bố những người Triều Tiên và Nhật Bản về mặt pháp luật đều bình đẳng và đều được hưởng những quyền hạn ngang nhau, không phân biệt là người nước nào. Chúng ta cũng phải thấy trước rằng những người yêu nước Triều Tiên sẽ không vì thế mà lấy làm thoả mãn và họ còn tiếp tục đòi cho được độc lập hoàn toàn, bởi vì phải chăng họ phản đối đạo sắc lệnh ấy với lý do là nó cũng như tất cả các quy định luật pháp

khác có giá trị nhiều hay ít còn tuỳ ở sự thực hiện ra sao nữa.

Rõ ràng là chúng tôi không hề đóng vai trò đáng khinh bỉ làm người biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc Nhật, mà là chúng tôi lên án nó cũng như lên án tất cả các thứ chủ nghĩa đế quốc. Chúng tôi cũng không so sánh một cách cụ thể chi tiết giữa chế độ cai trị của Nhật với chế độ cai trị của Pháp, mặc dầu về nhiều mặt, sự so sánh ấy cũng sẽ làm lợi cho Nhật Bản, mà hiển nhiên nước này chưa bao giờ có ý định đầu độc người Triều Tiên bằng cách bắt buộc họ phải uống rượu và hút thuốc phiện; nhưng ngày nay, chính phủ Đông Kinh đã tuyên bố chính thức giải phóng người Triều Tiên bằng cách đồng hoá họ hoàn toàn như những công dân Nhật Bản. Thật đáng buồn thay khi thấy rằng sau 50 năm thống trị mà những người đại diện cho nước Cộng hoà Pháp ở Đông Dương vẫn cứ ngoan cố kìm chân người bản xứ trong vòng nô lệ, không cho họ hưởng một chút quyền tự do nào cũng như các quyền khác theo luật pháp quy định, thế mà ở cái đế quốc mặt trời mọc kia lại trịnh trọng tuyên bố cho cả một dân tộc được hưởng toàn bộ các quyền công dân, cái dân tộc mà họ chỉ mới thống trị chưa đầy 15 năm, để mưu cầu tránh được cái tai hoạ Nga dưới triều đại Nga hoàng.

SỰ NHỒI SỌ NHỮNG NGƯỜI DA VÀNG

Trong những năm chiến tranh, nhiều phong trào quốc gia quan trọng đã nổ ra ở Triều Tiên cũng như ở Đông Dương để lật đổ ách thống trị của người nước ngoài. Nhưng liền sau khi đã dập tắt được các phong trào phiến loạn, thì chính phủ Nhật Bản đã có ngay biện pháp xoá bỏ cái dĩ vãng của những biến cố đau thương ấy bằng những cải cách tiến bộ và tìm cách hoà hợp dân tộc bị trị với dân tộc thống trị bằng cách thừa nhận họ có những quyền ngang nhau theo luật pháp quy định. Còn như chính phủ thuộc địa Pháp thì vẫn ngoan cố một cách ngây thơ cho rằng ở Đông Dương này muốn ràng buộc những người bản xứ thì chỉ cần vỗ về họ mãi mãi bằng những bài diễn văn long trọng, những luận điệu tuyên truyền gian ngoan và bằng những lời thề nguyện trung thành mà nó chỉ đáng

giá ở chỗ người ta đặt vào đấy: trong cái xứ này do thiếu sót hay nói cho đúng hơn, là do ý định của chính phủ, nên đâu đâu từ trên xuống dưới cũng đều có cái nạn tham nhũng mua quan bán chức, những bọn người mua bán được bằng tiền thì không phải là những thứ hàng hoá hiếm. Và để nhồi sọ những người da vàng, chính phủ thuộc địa đã sẵn sàng những biện pháp và phương tiện cực kỳ mạnh.

Về mặt báo chí, xuất bản bằng tiếng phương Đông, chính phủ giành lấy cái quyền hạn bỉ ổi chỉ cho phép xuất bản những loại nào ca ngợi mình và sau khi đã có kiểm duyệt rồi. Chính phủ lợi dụng cái đặc quyền độc đoán ấy để lập ra những tờ báo tiếng An Nam theo ý mình được hưởng trợ cấp bí mật của Nhà nước và chuyên việc làm quảng cáo tuyên truyền cho chính phủ và thường kỳ viết những bài phỉnh nịnh các quan trên có thế lực ở thuộc địa.

Ấy thế mà, Chính phủ Đông Dương lại muốn biến chính hệ thống nhồi sọ này thành chế độ tự do báo chí của người bản xứ đấy!

NHỮNG SỰ HY SINH CỦA NGƯỜI AN NAM TRONG CHIẾN TRANH

Nếu người ta làm một bản thống kê những sự hy sinh bắt buộc cho nước Pháp mà nhân dân An Nam phải chịu đựng từ khi có chiến tranh, thì người ta sẽ thấy, về mặt tài chính, nhân dân An Nam đã phải gánh vác một phần lớn, có đến hàng trăm hàng ngàn triệu phrăng, do đóng góp tự do hay bắt buộc, mà chủ yếu thì bắt buộc hơn là tự do; về mặt đóng góp sức người, thì một nguồn nhân lực rẻ tiền đã lên tới con số hơn 100 ngàn người lao động và rất nhiều tiểu đoàn lính chiến đấu, kẻ trước người sau, họ đều bị trưng tập và bắt buộc đưa sang Pháp hay đi các nơi khác, còn số người đi tình nguyện thì không sao kể xiết. Trong số những người lao động và binh lính An Nam ấy, đã có hàng mấy chục ngàn người ra đi mà không bao giờ còn trở lại quê hương đất nước của họ nữa, chỉ vì một lý do rất đơn giản là họ đã chết. Kẻ này thì chết vì bị tai nạn đi đường, vì công việc nặng nhọc quá sức, vì chưa thạo nghề ở trong

các công binh xưởng hoặc vì những sự hành hạ tàn bạo trong các trại lính; người kia thì bị chết trong cuộc chém giết khổng lồ của châu Âu trên đất Pháp và trên những cánh đồng đầy bệnh ôn dịch của các nước vùng Bancăng. Trong giờ phút này, chỉ cần chúng ta đi qua miền Bắc nước Pháp là sẽ gặp ngay hàng ngàn người An Nam xấu số đương phải làm những công việc đào và đắp đất. Họ chẳng khác gì những đoàn người nô lệ tù đày thật sự, chỉ còn thiếu có xiềng xích ở chân mà thôi, bởi vì người ta không sợ họ bỏ trốn.

Liệu nước Pháp sẽ làm được gì đối với Đông Dương để có thể so với lòng hào hiệp của nước Nhật đối với Triều Tiên?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Populaire,*

ngày 4-9-1919.

THƯ GỬI ÔNG UTƠRÂ[1]

BIARIT, ngày 16 tháng 10 năm 1919

Ông Utơrây,

Đang nghỉ mát xa Pari, mãi tới hôm nay tôi mới được tin về các cuộc thảo luận của Nghị viện ngày 18 tháng 9, ở đó, ông đã công kích tôi kịch liệt và thô bỉ. Tôi không hơi đâu nêu ra đây những lời thoá mạ từ miệng ông phun ra, nếu không vì trong khi công kích tôi, thì đồng thời ông cũng đã công kích tờ nhật báo đáng tôn kính đã rộng lượng dành những cột báo cho bài viết gần đây của tôi.

Các bài viết của tôi đều có ký tên, và tôi đàng hoàng đòi cho riêng mình trách nhiệm về các bài báo đó. Ông hiểu rằng một tờ báo Pháp xứng đáng với cái tên của nó phải tiếp nhận một cách vô tư mọi sự thật, bất kể từ phía nào tới, dù những sự thật đó làm phật ý những kẻ bị vạch mặt. Trong các bài viết của mình, tôi không có những giả thiết vô căn cứ, tôi chỉ đưa ra những sự việc chính xác mà ông đều biết và ông đã không tranh cãi, vì ông không thể tranh cãi nổi.

Trong những điều kiện như vậy, không phải tôi định bút chiến với ông, tôi chỉ muốn nhã nhặn và ôn hoà đặt ra cho ông vài câu

1) Có hai bản *Thư gửi ông Utơrây:* một bản đăng báo *Le Populaire*, ngày 14-10-1919; một bản đề ngày 16-10-1919, lưu tại Kho lưu trữ quốc gia Pháp. Nội dung cơ bản giống nhau, nhưng bản đề ngày 16-10-1919 dài hơn, phong phú hơn.

hỏi. Tôi sẽ tránh không nổi nóng la lối chửi rủa, đáp lại sự thô tục bằng sự thô tục, vì như vậy là tự hạ giá mình: không phải hễ cứ ném được bùn lên địch thủ là mình có lý đâu.

Trước hết, ông đã nói và nhắc lại rằng tôi bị truy nã bên Đông Dương vì các hoạt động chống Pháp. Này! Xin ông hãy cho tôi biết là vào lúc nào, do toà án nào, và hoạt động chống Pháp đó là gì?

Đó là câu hỏi đầu tiên. Nếu ông không thể trả lời câu hỏi trên cho thoả đáng, nghĩa là có bằng cứ chứng minh, thì cho phép tôi hỏi ông rất nhã nhặn rằng kẻ nào trong hai ta, người vu khống hay người bị vu khống, xứng đáng với danh hiệu thằng khốn nạn? Tôi rất muốn chọn cho ông một tính ngữ đúng với đặc tính của ông mà không làm ông phật ý, nhưng tôi không tìm thấy trong từ vựng tiếng Pháp những từ nào khác thật thích đáng ngoài từ thằng nói láo, và tôi buộc phải nói với ông, không chút thù hằn và sợ hãi, mà thẳng thắn và mặt đối mặt, rằng ông đã nói láo, rằng ông là một thằng nói láo.

Tôi đoán trước được chiến thuật của ông và tôi làm cho nó mất hiệu lực ngay từ đầu: ông đừng trốn nấp đằng sau thái độ trịch thượng và khinh bỉ. Nhân cách của ông và của tôi đều không liên quan gì đến vấn đề này: đây chỉ là việc xác minh sự thật và chỉ có sự thật mà thôi.

Bây giờ tôi nói thêm: giá như tôi đã bị truy nã hay bị kết án đi nữa ở bên Đông Dương về cái mà bọn thực dân Pháp vô liêm sỉ gọi là chống Pháp thì tôi cũng chẳng có gì phải hổ thẹn, trái lại tôi còn tự hào về việc đó: vì đối với bọn thực dân, chống Pháp có nghĩa là công khai tố cáo những ý định vô nhân đạo và những hành động chúng không dám thú nhận, những ý định làm tổn thương nghiêm trọng đến danh tiếng tốt đẹp của nước Pháp cao thượng và phản lại một cách bỉ ổi những lý tưởng cao cả về tự do và công lý mà toàn thế giới nhìn nhận ở nước Pháp.

Vâng, thưa ông Utơrây, có những lời kết án làm vẻ vang chứ không làm ô nhục. Ông có những ví dụ về điều này trong mọi thời đại và ở mọi nước, ông có thể tìm được dễ dàng những ví dụ đó ngay trong lịch sử nước Pháp. Những hoạt động chống Pháp! Không ai mắc lừa nữa đâu! Đã đến lúc phải kiếm những lý do khác thôi!...

Ông lại nói tiếp rằng: "Với tư cách đại biểu Đông Dương, tôi không thể chấp nhận trong Nghị viện này dư luận cho rằng xứ Đông Dương bị nước Pháp ngược đãi và người An Nam không được hưởng mọi quyền tự do phù hợp với sự phát triển chính trị của đại chúng. Đông Dương dưới sự che chở của nước Pháp đang đi theo số phận của nó trong hoà bình, và chứng cớ hùng hồn nhất rằng nó hạnh phúc, thưa các Ngài, các Ngài đã từng được chứng kiến qua nhiệt tình của người An Nam sang bảo vệ nước Pháp trong cơn nguy biến"[1)].

Ông đại diện cho ai. Phải chăng là cho hai mươi triệu người An Nam không hề biết ngay cả tên của ông, trừ vài công chức hay vài tên xin xỏ hay là cho một nhúm cử tri của ông ở Nam Kỳ?

Đừng nói là xứ Đông Dương bị nước Pháp ngược đãi, mà phải nói là nó bị những người Pháp xấu sống bám vào nó ngược đãi; hai việc ấy không phải là một. Ông có nắm được sự khác biệt đó hay không?

Vì ông đã nói đến tự do và hoà bình trong câu dẫn ở trên, vậy cho tôi hỏi ông rằng: sau khi so sánh với chế độ báo chí do đạo luật ngày 29 tháng 7 năm 1881 quy định, liệu người ta còn có thể chống chế được nữa không rằng chế độ báo chí bản xứ do sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1918 và các điều khoản 214 đến 217 của Luật hình An Nam mới ban hành (*Journal officiel de l'Indochine - Francaise*[6], số ngày 1 tháng 8 năm 1917) không phải là một chế độ hoàn toàn khoá miệng và bưng bít sự thật và vì vậy, nó không xác nhận từ đầu đến cuối những điều tôi đã nói về nạn nhổi sọ dân da vàng trong bài báo của tôi mà nhân đó ông đã nham hiểm cáo giác tờ *Le Populaire*[7] trước Nghị viện.

---

1) Chỉ những người Việt Nam bị bắt đi lính chiến và lính thợ sang Pháp và một số thuộc địa của Pháp, tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Xin ông hiểu cho rằng, tôi không làm cái việc cãi nhau với ông về ngôn từ: tôi đưa ông trở về với các văn bản. Ông nhồi sọ dân da vàng chúng tôi, như bọn Đức đã từng cố nhồi sọ những người da trắng trong vùng Ácđ[1] nhưng vô hiệu và xin ông nhớ cho rằng, trong số cộng tác viên của chúng, có một trong số các bạn đồng nghiệp cũ của ông ở các cơ quan dân sự các thuộc địa, anh ta là học trò được cấp bằng của Trường Thuộc địa. Ái chà! Ông thích viện dẫn các hoạt động chống Pháp! Thì đấy, vả lại là những thứ chính cống.

Khôn ngoan hơn là ông hãy im đi, đừng nói về việc sử dụng người An Nam trên đất Pháp. Phải chăng khi Chính phủ tham khảo ý kiến của tướng Pennơcanh và một tướng khác về vấn đề này thì ông đã kiên quyết chống lại việc thi hành bản dự án, cho rằng dự án không thể thực hiện được, rằng bên đó không đủ lính An Nam để bảo vệ Đông Dương, vân vân và vân vân... Ông sợ đồng bào tôi, trong thời gian ở Pháp, không khỏi không so sánh thái độ kiêu căng của những người Pháp ở Đông Dương với sự nhã nhặn tuyệt vời và phép lịch sự cao quý của những người Pháp chân chính trên đất Pháp. Uy thế của bọn thực dân trước đã, sau đó mới đến Tổ quốc, có phải vậy không?

Còn về vấn đề hoà bình, tôi bỏ qua cho ông rất nhiều sự việc khác, và không phải là những việc nhỏ đâu, tôi chỉ xin hỏi: liệu ông có thể phủ nhận hai sự việc lớn xảy ra trong chiến tranh không ? Đó là mưu toan nổi dậy của Duy Tân, sau đó, ông vua khốn khổ mất nước bị đày ra đảo Rêuyniông[8], và việc người An Nam chiếm tỉnh Thái Nguyên[9]. Ông bảo xứ Đông Dương đang đi theo số phận của nó một cách yên ổn. Phải chăng ông không nhìn thấy rằng, ngay trong cái cung điện Huế cũ kỹ và tối tăm, mà cuộc sống tù hãm, trụy lạc đã nhấn chìm những người sống trong đó vào sự nhu nhược, đến nỗi họ dửng dưng trước mọi việc diễn ra bên ngoài, cũng

1) Tên một quận ở miền Đông Bắc nước Pháp, bị Đức chiếm trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

không phải không có ý định hướng số phận đất nước theo cách khác mà ông chẳng thích. Điều đó chứng tỏ rằng, người ta đã chán ngấy những cung cách tàn bạo mà ông là kẻ biện hộ.

Ông đã viện dẫn ông Anbe Xarô và tất cả những người An Nam suốt ba mươi năm nay đã nuôi sống ông như một con mọt ngân sách bằng những khoản thuế do họ đóng góp, mà ông không biết.

Ông hãy tỉnh ngộ đi, ông Anbe Xarô đối với tôi không xa lạ gì. Giữa các ý kiến của ông và của ông Anbe Xarô có cả khoảng cách của hai đối cực. Trong dân chúng An Nam, người ta đồn rằng ông dòm ngó cái ghế toàn quyền Đông Dương và họ run sợ khi nghĩ đến tai hoạ mà Chính phủ "mẫu quốc" sẽ gây ra một cách vô ý thức cho dân An Nam nếu cử ông làm người kế vị ông Anbe Xarô.

Tôi đã có ý kiến về chính sách cai trị của ông Xarô khi tôi tuyên bố hoàn toàn ủng hộ những lời phát ngôn của vị nghị sĩ xã hội đáng kính Mariuýt Mutê được tất cả đồng bào tôi rất yêu mến và kính trọng: yêu mến và kính trọng chỉ vì ông ta bênh vực sự nghiệp chung của nước chúng tôi, ông ta không có và không bao giờ như ông, cứ muốn có những quan hệ với chính quyền thuộc địa đã cho phép ông có thể mua chuộc vài công chức và vài tên An Nam quen thói xin xỏ, bằng những ân huệ nhỏ mọn.

Sau những văn bản và sự kiện cụ thể tôi nêu ra ở trên, liệu ông có còn tiếp tục khăng khăng rằng các công dân Mutê và Lôngghê đã nói những điều sai trái nữa hay thôi?

Xin chào ông.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu đánh máy,
tiếng Pháp.
Bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

Ở ĐÔNG DƯƠNG

Chúng tôi vừa nhận được bức thư sau đây mà không cần nhấn mạnh điều lợi hại trong đó.

Ở đây (Hải Phòng) cũng có những cuộc bãi công của thuỷ thủ. Chẳng hạn như ngày thứ năm (15-8), hai chiếc tàu biển nhổ neo để chở một số lớn lính khố đỏ An Nam đi Xyri.

Nhưng thuỷ thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo giá thị trường, một đồng Đông Dương bằng 10 phrăng, chứ không phải 2 phrăng 50. Thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thuỷ thủ bằng phrăng, chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thuỷ thủ. Rõ ràng là thuỷ thủ Biển Vàng chẳng có gì phải so bì với thuỷ thủ Biển Đen.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Xyri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc chiến tranh "vì văn minh và công lý" vẫn chưa đủ sao?

Ở Đông Dương, chúng ta đang sống dưới sự "bảo hộ" của nước Pháp. Bảo hộ có nghĩa là che chở. Nước Pháp đang để cho hàng

triệu anh em chúng ta chết đói, trong khi đó hàng nghìn người khác bị đưa sang Tiểu Á làm bia đỡ đạn.

Người ta che chở cho chúng ta như vậy đó!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 4-11-1920.

LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ XVIII ĐẢNG XÃ HỘI PHÁP[10]

Chủ tịch[1]: Đông Dương có ý kiến. *(Vỗ tay).*

Đại biểu Đông Dương[2]: Thưa các đồng chí, lẽ ra hôm nay, tôi đến đây là để cùng với các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên xã hội, để phản kháng những tội ác ghê tởm trên quê hương tôi. *(Tốt lắm!).* Các đồng chí đều biết rằng chủ nghĩa tư bản Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay; vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thê thảm. Tôi xin nhấn mạnh từ "đầu độc" bằng thuốc phiện, bằng rượu, v.v.. Trong vài phút, tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông Dương. Nhà tù nhiều hơn trường học, lúc nào cũng mở cửa và chật ních người. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và đôi khi bị giết mà không cần xét xử. Cái gọi là công lý Đông Dương là thế đấy! Ở xứ đó, người An Nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự bảo đảm như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hộI

1) Chủ tịch phiên họp buổi chiều ngày 26-12-1920 là Êmin Gudơ.

2) Đại biểu Đông Dương là Nguyễn Ái Quốc.

họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền cư trú và du lịch ra nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập. Ở Đông Dương, bọn thực dân tìm mọi cách để đầu độc chúng tôi bằng thuốc phiện và làm cho chúng tôi dần độn bằng rượu. Người ta đã làm chết hàng nghìn người An Nam và tàn sát hàng nghìn người khác để bảo vệ những lợi ích không phải của chính họ.

Thưa các đồng chí, hơn hai mươi triệu dân An Nam, bằng hơn nửa số dân nước Pháp, đã bị đối xử như vậy. Ấy thế mà họ lại là những người được nước Pháp bảo hộ! *(Vỗ tay).* Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức. *(Hoan hô).*

Giăng Lôngghê: Tôi đã phát biểu ý kiến để bảo vệ những người bản xứ.

Đại biểu Đông Dương: Ngay khi tôi bắt đầu nói, tôi đã yêu cầu mọi người tuyệt đối im lặng. *(Nhiều tiếng cười).* Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. Chúng tôi rất sung sướng khi nghe tin thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu về Bắc Phi, và mai đây, chúng tôi sẽ vui mừng nếu Đảng phái một đồng chí của Đảng để nghiên cứu tại chỗ những vấn đề ở Đông Dương và đề xuất những hoạt động cần phải tiến hành.

Một đại biểu: Với đồng chí Ăngve Pasa?...

Đại biểu Đông Dương: Im đi! Phái nghị viện. *(Vỗ tay).*

Chủ tịch: Bây giờ, tất cả các đại biểu phải im! Kể cả những đại biểu không thuộc phái nghị viện!

Đại biểu Đông Dương: Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi

kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi! *(Vỗ tay).*

Chủ tịch: Qua những loạt vỗ tay tán thành, đại biểu Đông Dương có thể thấy rằng toàn thể Đảng Xã hội đều đứng về phía đồng chí để phản đối những tội ác của giai cấp tư sản.

Trích *Biên bản tốc ký Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp*, tiếng Pháp, Pari, 1921, tr.133-135.

10 TRƯỜNG HỌC, 1500 ĐẠI LÝ RƯỢU

KẺ ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

Ông Xarô tốt bụng, Bộ trưởng cấp tiến Bộ Thuộc địa, cái người bố thân yêu của dân bản xứ (ông ta nói thế), âu yếm người An Nam và được họ quý trọng.

Để truyền thụ nền văn minh của Pháp mà ông ta là tác nhân chính, ông ta không lùi bước trước một cái gì hết, kể cả những hành vi hèn hạ và những tội ác. Đây là một bằng chứng: một lá thư mà với cương vị Toàn quyền Đông Dương và để cho phồng túi của những tên kẻ cướp ở thuộc địa và túi ông ta, ông ta gửi cho các viên chức cấp dưới:

"Kính gửi ông công sứ,

"Tôi trân trọng yêu cầu ông hết sức giúp đỡ Nha thương chính *đặt thêm đại lý thuốc phiện và rượu*, theo chỉ thị của ông tổng giám đốc Nha thương chính Đông Dương.

"Để công việc tiến hành có kết quả, tôi xin gửi ông một bản danh sách những đại lý cần đặt trong các xã đã kê tên; tới nay phần đông các xã này vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

"Thông qua các quan và các xã trưởng Cao Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng lớn của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

"Về phần chúng tôi thì những viên chức lưu động trong lúc đi kinh lý cũng tìm cách đặt đại lý, trừ khi nếu ông công sứ muốn họ

chờ ông vận động các quan chức địa phương trước đã, thì họ phải chờ. Trong trường hợp ấy, tôi xin ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

"Chúng ta chỉ có thể đạt được kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta đồng lòng phối hợp chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối đa của công khố.

Ký tên: Anbe Xarô"

Lúc đó có một nghìn năm trăm ty rượu và thuốc phiện cho một nghìn làng trong khi chỉ có mười trường học cũng cho bấy nhiêu làng. Ngay cả trước bức thư nổi danh đó, người ta đã cho 12 triệu người bản xứ - kể cả đàn bà và trẻ con - nốc 23 đến 24 triệu lít rượu mỗi năm.

Lời bình luận nào cũng là thừa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
số 100, ngày 1-4-1921.

ĐÔNG DƯƠNG

Tuy rằng Quốc tế Cộng sản đã làm cho vấn đề thuộc địa có được tầm quan trọng xứng đáng với nó bằng cách coi nó là thuộc về những vấn đề thời sự khẩn trương nhất, nhưng trong thực tiễn, các ban thuộc địa ở các cường quốc thực dân, cho đến nay, vẫn chưa quan tâm đến vấn đề này, thậm chí các ban này cũng chưa xem xét vấn đề một cách nghiêm túc!

Sự không hoạt động này thật đáng ngạc nhiên, nhất là khi không còn sự tranh cãi nội bộ trong đảng đã được thanh trừ, và đáng ngạc nhiên khi vấn đề tuyển mộ người thuộc địa lại được chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc của chính quốc nghiên cứu ráo riết. Sự không hoạt động này có lẽ do các đồng chí chúng ta không hiểu biết tình hình chính xác của những xứ bị áp bức. Do vậy, tôi thấy có ích, nếu phác hoạ ngắn gọn ở đây tình hình của một trong những thuộc địa lớn nhất của nước Pháp, là Đông Dương.

Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo hoặc tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân

Pháp là một tội nặng. Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại.

Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: *người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương. Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ - bọn quan lại - cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng. Người Đông Dương tiến bộ một cách rất màu nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *La Revue Communiste,*
số 14, tháng 4-1921.

NHỮNG KẺ BẠI TRẬN Ở ĐÔNG DƯƠNG

Trong thời gian chiến tranh vừa qua, cuộc chiến tranh vì chính nghĩa và công lý để cho các dân tộc giành quyền tự quyết, những người An Nam lại buộc phải tình nguyện sang bảo vệ nước Mẹ (?). Bấy giờ người ta nói với họ như đã nói với người Pháp: "Bọn bôsơ[1)] sẽ trả công!".

Tuy nhiên, giờ đây hai năm sau chiến tranh, nước Mẹ bị mắc nợ một cách thắng lợi, những khu nhà nghỉ mát đắt tiền của các quan chức cao cấp của Nhà nước không đem lại được bổng lộc bao nhiêu, và bọn bôsơ vẫn không trả gì. Bấy giờ, nước Mẹ bảo hộ âu yếm quay về những đứa con nuôi của mình và nói một cách âu yếm hơn nữa: "Vì bọn Đức lật lọng không muốn trả, vậy thì các con, những kẻ lao động An Nam, hãy trả thay cho chúng".

Nhưng hãy nghe lời nói của ông Xarô tốt bụng, trong một cuộc tranh luận về ngân sách thuộc địa, vị uỷ viên nhân dân thuộc địa đó đã tuyên bố: "Chừng nào mà xứ Đông Dương còn có thể tự đảm đương một số gánh nặng tài chính mà chính quốc không gánh vác nổi, xứ Đông Dương sẽ gánh vác, vì dù sao nước Pháp, chính quốc, đã cứu Đông Dương thoát khỏi sự tham lam của nước Đức".

Nhân danh hàng nghìn người An Nam đã bỏ thây ở nước Pháp trong chiến tranh, tôi xin cám ơn ông, ông Xarô. Hãy tin chắc rằng

1) *Boches:* tên gọi chế giễu và khinh bỉ của người Pháp đối với lính Đức.

chúng tôi biết rất rõ chính chiến thắng trên sông Mácnơ đã ngăn cản quân xung kích Đức tiến về sông Mê Kông, để truyền bá trên ruộng đồng chúng tôi chế độ dã man của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc Phổ. Nếu không có ngài và người thay mặt đáng kính của chúng tôi, ông Utơrây, chúng tôi sẽ mất cái tự do thân yêu được say sưa bằng rượu cồn và cái bình đẳng quý giá được đầu độc bằng thuốc phiện; không có ngài, giai cấp vô sản bản xứ không còn được nhồi nhét vào tai những bài diễn văn hay ho và những lời hứa tốt đẹp được ngài ban cho một cách hữu ái; không có ngài.... Nhưng hãy cho qua và quay trở lại bài diễn văn của ngài.

Ngài còn nói: "Tôi tin rằng trong một thời gian không xa nữa, xứ Đông Dương sẽ không tiêu mất một đồng xu nào nữa của chính quốc và nó sẽ tự hào và hạnh phúc được đem lại sự đóng góp của mình".

Nhất định thế, đến thời kỳ đó, không còn xa lắm, như ngài nói, giai cấp vô sản chính quốc sẽ làm nhiệm vụ của mình: họ sẽ tống cổ tất cả bọn ăn bám ra khỏi cửa; sau khi đã giải phóng mình, họ sẽ giải phóng những người anh em ở Đông Dương; được giải phóng khỏi ách đế quốc chủ nghĩa, nhân dân Đông Dương nhất định sẽ tự hào và hạnh phúc, tự hào và hạnh phúc hơn là ông tưởng, đem lại sự đóng góp của mình, cùng với những người lao động Pháp xây dựng Tổ quốc chung. Trong khi chờ đợi, hãy cứ bắt những người bại trận ở Đông Dương trả tiền. Ngài hãy khéo xoay xở theo phương pháp [1]. Nếu hòm tiền của nhân dân rỗng, thì còn có các lăng mộ của vua chúa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
số 101, ngày 8-4-1921.

1) D. Viết tắt từ chữ *débrouillard*, có nghĩa là tháo vát, linh hoạt.

QUYỀN CỦA NHỮNG NGƯỜI LÍNH [1]

"Những người lính chiến có quyền đối với chúng ta", ông Clêmăngxô, người cha của chiến thắng đã nói như vậy. "Những người lính chiến có quyền đối với chúng ta", những người con, những nạn nhân An Nam nhắc lại như vậy. Đối với ông Clêmăngxô, những người lính chiến có quyền thiêng liêng là chết đi để bảo vệ két sắt, những chiếc két sắt làm bằng mồ hôi thợ thuyền của họ và nhét đầy bằng máu binh lính của họ. Đối với người An Nam, thì những người lính chiến - hay những người còn lại trong số lính chiến trước kia - có quyền thiêng liêng được bọn tư bản thuộc địa ban cho, là duy trì nền văn minh tư sản, nghĩa là đầu độc người bản xứ sau khi đã giết hại một số lớn vì quyền lợi của tư bản.

Theo báo chí Đông Dương, các môn bài bán lẻ thuốc phiện sẽ được cấp cho những quả phụ của binh lính Pháp chết trận và thương binh Pháp.

Như vậy, chính phủ thuộc địa đã làm một việc mà phạm hai tội ác phản nhân loại. Một mặt, họ thấy tự mình làm công việc đầu độc bẩn thỉu đó chưa đủ, họ muốn lôi kéo thêm những nạn nhân khốn khổ của họ trong cuộc chém giết huynh đệ tương tàn tham gia vào. Mặt khác, họ đánh giá quá thấp tính mệnh và xương máu của những kẻ bị họ lừa bịp, mà họ tưởng rằng vứt cho mẩu xương thừa

1) *Les poilus:* Tên gọi hài hước dùng để chỉ lính Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, có nghĩa là "những kẻ lông lá".

đó là có thể đủ đền bù sự mất mát một cẳng tay cẳng chân hay cái tang của một người chồng.

Chúng tôi tin rằng những thương binh và những quả phụ sẽ đá tung món quà hôi hám đó và sẽ công phẫn nhổ vào mặt những kẻ đã đề xướng việc đó; và chúng tôi chắc chắn rằng cả thế giới văn minh và những người Pháp lương thiện sẽ cùng với chúng tôi lên án bọn cá mập ở các thuộc địa đã không ngần ngại đầu độc cả một chủng tộc để làm đầy túi tiền của mình.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
số 105, ngày 7-5-1921.

PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ

ĐÔNG DƯƠNG

Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Đấy là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay.

Muốn hiểu vấn đề đó, chúng ta phải xem xét tình hình hiện nay ở lục địa châu Á về mặt lịch sử và địa lý.

Lục địa rộng lớn đó có diện tích 80 lần lớn hơn nước Pháp (45.000.000 km^2), với dân số gần 800 triệu người, có một cơ cấu chính trị tương đối phức tạp.

Trong tất cả các nước châu Á, Nhật Bản là nước duy nhất mắc phải một cách trầm trọng nhất chứng bệnh truyền nhiễm là chủ nghĩa tư bản đế quốc. Từ chiến tranh Nga - Nhật, chứng bệnh đó diễn biến ngày càng nguy kịch, lúc đầu bằng sự thôn tính Triều Tiên, tiếp đấy là sự tham gia vào cuộc chiến tranh "vì chính nghĩa".

Để ngăn cản nước Nhật trượt dài đến vực thẳm của hiện tượng phương Tây hoá không thể cứu vãn nổi, nghĩa là để phá tan chủ nghĩa tư bản trước khi nó có thể bắt rễ sâu vào quần đảo Nhật Bản, một đảng xã hội vừa được thành lập. Cũng như tất cả các chính phủ tư sản, chính phủ Thiên hoàng đã dùng mọi cách mà chúng có thể để chống lại phong trào đó. Cũng như tất cả các lực lượng công nhân ở châu Âu và châu Mỹ, phong trào công nhân Nhật Bản cũng

vừa thức tỉnh. Mặc dù sự đàn áp của chính phủ, phong trào do Đảng Xã hội Nhật Bản lãnh đạo vẫn phát triển khá nhanh.

Các đại hội đảng bị cấm ở các thành phố Nhật Bản, những cuộc đình công, những cuộc biểu tình của dân chúng vẫn nổ ra.

Trung Quốc, trước kia và hiện nay vẫn là con bò sữa của tư bản Âu, Mỹ. Nhưng sự thành lập chính quyền của nhà cách mạng Tôn Dật Tiên ở phía Nam, đã hứa hẹn với chúng ta một nước Trung Hoa được tổ chức lại và vô sản hoá. Có thể hy vọng một cách không quá đáng rằng, trong một tương lai gần đây, hai chị em - nước Trung Hoa mới và nước Nga công nhân - sẽ nắm tay nhau trong tình hữu nghị để tiến lên vì lợi ích của nền dân chủ và nhân đạo.

Bây giờ, chúng ta hãy đi đến châu Á đau khổ.

Nước Triều Tiên nghèo đói đang ở trong tay chủ nghĩa tư bản Nhật. Ấn Độ - xứ Ấn Độ đông dân và giàu có - bị đè nặng dưới ách bọn bóc lột người Anh. May sao, ý chí giải phóng đang làm sôi sục tất cả những người bị áp bức đó, và một cuộc cổ động cách mạng sôi nổi đang lay chuyển tinh thần Ấn Độ và Triều Tiên. Tất cả mọi người đều chuẩn bị một cách từ từ nhưng khôn khéo cho cuộc đấu tranh tối cao và giải phóng.

Và Đông Dương! Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột, để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta kìm họ trong ngu dốt (cứ 10 trường học thì có 1.000 đại lý thuốc phiện chính thức). Người ta bịa đặt ra những vụ âm mưu để cho họ nếm những ân huệ của nền văn minh tư sản ở trên máy chém, trong nhà tù hay đày biệt xứ!

75 nghìn kilômét vuông đất đ[1], 20 triệu dân bị bóc lột tàn nhẫn trong tay một nhúm kẻ cướp thực dân, đấy là xứ Đông Dương hiện nay.

1) Số liệu này có thể do báo in nhầm. Diện tích Đông Dương 745.000km^2.

Bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu.

Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại. Và đây là lý do tại sao:

Gần 5.000 năm trước đây, Hoàng đế (2.679 trước C.N) đã áp dụng chế độ tỉnh điền: ông chia đất đai trồng trọt theo hai đường dọc và hai đường ngang. Như vậy sẽ có chín phần bằng nhau. Người cày ruộng được lĩnh mỗi người một phần trong 8 miếng, miếng ở giữa tất cả đều cùng làm và sản phẩm được sử dụng vào việc công ích. Những đường phân giới được dùng làm mương dẫn nước.

Triều đại nhà Hạ (2.205 trước C.N) đặt ra chế độ lao động bắt buộc.

Khổng Tử vĩ đại (551 trước C.N) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sả[1]. Ông từng nói: thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu, chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xoá bỏ nghèo nàn, v.v..

Học trò của Khổng Tử là Mạnh Tử, tiếp tục tư tưởng của thầy và vạch ra một kế hoạch chi tiết để tổ chức sự sản xuất và tiêu thụ. Sự bảo vệ và phát triển lành mạnh của trẻ em, sự giáo dục và lao động cưỡng bức đối với người lớn, sự lên án nghiêm khắc thói ăn bám, sự nghỉ ngơi của người già, không có điều gì đề án của ông không đề cập đến. Việc thủ tiêu bất bình đẳng về hưởng thụ, hạnh phúc không phải cho một số đông mà cho tất cả mọi người, đấy là đường lối kinh tế của vị hiền triết.

Trả lời một câu hỏi của vua, ông đã nói thẳng thắn: dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.

1) Bản chất học thuyết của Khổng Tử là nặng về Đẳng cấp, đề cao tầng lớp thống trị. Ở đây nêu lại thuyết đại đồng của Khổng Tử là Nguyễn Ái Quốc muốn gắn với cuộc đấu tranh vì sự công bằng và bình đẳng trong xã hội thuộc địa (B.T.).

Về của cải tư hữu, luật pháp An Nam cấm mua bán toàn bộ đất đai. Hơn nữa, một phần tư đất trồng trọt bắt buộc phải để làm của chung. Cứ ba năm người ta chia lại ruộng đất đó. Mỗi người dân trong xã thôn được nhận một phần. Điều đó không hề ngăn cản một số người trở nên giàu có, vì còn ba phần tư đất đai khác có thể mua bán, nhưng nó có thể cứu nhiều người khác thoát khỏi cảnh bần cùng.

Cái thiếu đối với chúng tôi, mà trách nhiệm của chúng tôi phải nói lên ở đây để những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình truyền bá chủ nghĩa cộng sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột và đi vào gia đình chung của giai cấp vô sản quốc tế, để cho những đồng chí đó có thể giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả. Cái mà chúng tôi thiếu để trở thành cộng sản, là những điều kiện cơ bản nhất để hành động:

Tự do báo chí

Tự do du lịch

Tự do dạy và học

Tự do hội họp (tất cả những cái này đều bị những kẻ khai hoá thuộc địa ngăn cấm chúng tôi một cách dã man).

Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *La Revue Communiste,*
số 15, tháng 5-1921.

VỤ ÂM MƯU Ở ĐÔNG DƯƠNG[1]

Đông Dương là một cô gái cưng. Cô rất mực xứng đáng với bà mẹ Pháp quốc. Ở bà mẹ có cái gì thì cô ta cũng có cái nấy: nào chính phủ, nào những bảo đảm, nào công lý và cũng có cả âm mưu phiến loạn nho nhỏ nữa. Nhưng ở đây, chúng tôi chỉ nói về hai vấn đề sau thôi.

Công lý được tượng trưng qua hình ảnh một nữ thần tay cầm cân và tay cầm kiếm. Nhưng Đông Dương lại ở quá xa nước Pháp, muôn trùng cách trở, nên khi nữ thần tới xứ này thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng và biến thành những tẩu thuốc phiện và những chai rượu ty. Trên tay nữ thần tội nghiệp ấy chỉ còn độc cái kiếm để chém giết. Bà đã chém những người vô tội và cũng chỉ chém có họ mà thôi!

Còn về vụ âm mưu thì lại là một câu chuyện khác.

Ở đây, chúng tôi không nói về những vụ âm mưu nổi tiếng trong năm 1908 hay 1916[2]. Lúc đó, nhiều thần dân bảo hộ số đỏ của nước Pháp đã được may mắn nếm đủ mùi ân huệ của nền văn minh thực dân hiền hoà trên máy chém, trong nhà tù hay ở những

1) Bài này dịch từ bản tiếng Pháp rút trong Kho hồ sơ của mật thám Pháp, đề ngày 17-8-1921. Về sau, hầu hết bài này được Nguyễn Ái Quốc đưa vào "*Bản án chế độ thực dân Pháp*", chương VIII Công lý, trừ một số câu ở cuối bài.

2) Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ, năm 1908 và vụ mưu khởi nghĩa ở Huế, năm 1916.

nơi bị đưa đi đầy. Những vụ âm mưu ấy đã qua lâu rồi, và bây giờ chỉ còn lại những nét ảm đạm trong trí nhớ của người dân bản xứ đã héo mòn vì đau khổ.

Hãy nói đến vụ âm mưu gần đây nhất. Trong khi ở Mẫu quốc có một vụ âm mưu bônsêvích nổi tiếng thì ở Đông Dương các ngài thực dân cũng muốn có một vụ âm mưu tương tự và ... cuối cùng các ngài ấy cũng nặn ra một vụ âm mưu thật sự, chẳng khác nào như trong câu chuyện ngụ ngôn con nhái muốn phình to bụng như con [1].

Câu chuyện ấy đã được dựng lên như thế này: Một ngài quan Pháp (quan công sứ), một quan huyện và một thầy lý trưởng được giao trách nhiệm dựng lên một vụ âm mưu đúng quy cách. Để chuẩn bị ra biểu diễn, bộ ba tớ thầy ấy bèn tung ra cái tin: Có một âm mưu phiến loạn định làm nổ tan xứ Bắc Kỳ bằng 250 quả bom. Công việc chuẩn bị xong xuôi. Màn kịch kéo lên. Công chúng xúc cảm mạnh mẽ và dư luận xôn xao. Bắt bớ vây lùng dồn dập như mưa. Hiện nay, chúng ta chưa biết các ngài công sứ, quan huyện và thầy lý, một cựu phạm đã được thăng chức và ban bổng lộc gì chưa, nhưng nếu bây giờ chưa được thì rồi tất nhiên họ cũng sẽ được. Giờ đây, chúng tôi nói tiếp đến chuyện Công lý. Ngày 16 tháng 2, Toà Đại hình Hà Nội đã mở phiên toà cuối cùng xử vụ án này. Trong quá trình toà luận tội, người ta được biết rằng không hề có một tổ chức cách mạng nào đã chuẩn bị những bom phá đó, và vụ âm mưu ấy chỉ là một thủ đoạn xảo quyệt của bọn quan lại mong được chính phủ ban thưởng bổng lộc và chức tước. Như vậy, liệu chúng ta có thể tin tưởng rằng sau vụ xét xử ấy, người ta sẽ tha bổng cho những người An Nam chẳng may đã bị bỏ tù, bị tố giác tham gia vụ phiến loạn bịa đặt ấy không? Không đâu! Bất cứ bằng giá nào, người ta cũng phải bảo vệ uy tín cho các quan cai trị chứ! Vì thế, mà lẽ ra chỉ cần phong thưởng một cách bình thường cho những

1) Truyện ngụ ngôn của La Phôngten: có một con nhái thấy con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho bằng con bò, cuối cùng vỡ bụng mà chết.

con người sáng tạo ra âm mưu ấy, thì người ta lại kết tội tù từ 2 đến 5 năm 12 người An Nam phần lớn là nhà nho, và trên tấm cổng lớn của nhà tù kia, người ta thấy đề rành rành mấy chữ đại tự, cố nhiên là bằng tiếng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Chao ôi! Nực cười thay. Và các báo chí xưa nay vẫn tự xưng là bênh vực cho người bản xứ vội vàng lên tiếng ca ngợi cái chí công vô tư của nền Công lý nực cười này. Chúng ta hãy nghe tờ *La Dépêche Coloniale*[11] là tờ báo giữ vai trò vô địch về bài xích người An Nam, nói: "Toà án nước Pháp vừa mới xét xử xong một vụ án. Toà tha bổng cho một nửa số bị can, còn một nửa số thì được hưởng án nhẹ. Trong vụ án này, để có lý buộc tội, người ta đã tung dư luận rầm lên một cách thiên tư trước khi xử, và sau đó, người ta đã kết án các nhà nho làm những bài thơ tồi ca tụng công đức của nền Tự do".

Đó thật là tai vạ cho những người An Nam nào ca ngợi công đức của nền Tự do. Người ta phạt họ 5 năm tù chỉ vì có thế thôi! Tờ báo ấy viết tiếp: "Đúng, ta phải bằng lòng với cái bản án chí công vô tư của các vị quan toà và thẩm phán của chúng ta chứ!". Và tờ *La Dépêche Coloniale* đã vui vẻ đăng tin bản án chí công vô tư về vụ âm mưu nổi tiếng ấy ở Vĩnh Yên. Những người An Nam ở Pari, cũng như đồng bào phương xa của họ tin tưởng các vị quan toà, họ đã tuyên bố các vị ấy xét xử rất công minh và vụ án được kết thúc mỹ mãn. Không phải như thế đâu, thưa ông Puvuốcvin, ông đã thổi phồng một cách quá đáng đấy! Để trả lời, chúng tôi chỉ xin nhắc lại điều mà ông đã viết trong phần đầu bài báo của ông: "Những con chó sủa, v.v. thôi đi, hỡi những người anh em bất hạnh, các anh em đã lầm to rồi, các anh em cũng thừa hiểu rằng làm gì có tự do cho chúng ta mà lại đi hoan nghênh với ca ngợi nó. Nhưng, người An Nam chúng tôi ở khắp mọi nơi, chúng tôi sẽ kiên quyết đưa sự bất công ghê tởm và phi lý ấy ra phản đối trước tất cả mọi người Pháp chân chính. Chúng tôi mong rằng dư luận nước Pháp thông cảm với những nỗi đau khổ của các anh em và sẽ đấu tranh đòi cho Công lý được thực hiện".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại
Viện lịch sử Đảng.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ẤN ĐỘ

Cuộc xung đột Hy Lạp - Kêman[12] hay đúng hơn là cuộc xung đột Anh - Thổ đang diễn ra. Các cuộc khởi nghĩa ở Malaba[13] đang được dư luận hết sức chú ý. Đế quốc Anh đang phải chống đỡ khắp nơi. Nhắc lại lịch sử phong trào cách mạng Ấn Độ lúc này là một việc lý thú.

Từ cuộc khởi nghĩa năm 1857, đế quốc Anh tưởng đã dìm được tinh thần cách mạng của nhân dân Ấn Độ trong cuộc đàn áp đẫm máu và thiết lập vĩnh viễn sự bóc lột áp bức dã man của phương

Tây lên hai bờ sông Hằng. Chúng đã lầm to.

Năm 1880, nhà triết học Rama Kơrisơna dùng tôn giáo để truyền bá cách mạng. Ông tôn thờ nữ thần Kali và khuyên đồng bào mình tôn thờ nữ thần, người mẹ của lực lượng phá hoại và xây dựng.

Đamôđa và Bankơrisơna kế tục sự nghiệp của Rama và giáo dục chủ trương cách mạng một cách dũng cảm, công khai. Tất nhiên cả hai đều bị bắt giữ và đày biệt xứ.

Đến năm 1897 tờ báo *Kêxari* mới ra đời, người chủ trương là Tilắc. Bài báo đầu tiên của ông là bài văn xuất sắc "Lời than của Xiôgi". Nội dung kể chuyện một ông vua cũ tỉnh dậy từ dưới mồ sâu, trở lại thăm vương quốc thân yêu. Ông rất buồn khi thấy thần dân của mình phải chịu kiếp nô lệ khổ nhục. Ông kêu gọi tất cả những người Ấn Độ hãy thức tỉnh và hợp lực để lật đổ ách ngoại bang và giành lại nền độc lập mà ông đã truyền lại cho họ.

Tờ báo thường xuyên phổ biến cho độc giả tìm hiểu phương pháp cách mạng Nga.

Một phong trào giải phóng được lãnh đạo dũng cảm, cho đến khi tờ báo bị đình bản và chủ nhiệm bị đi đày.

Nhân tiện xin nói rằng ở châu Á, người ta quan niệm sự chân thật và lương tâm nhà báo khác với châu Âu. Những nhà báo tư sản phương Tây sẽ cười nếu chúng ta nói với họ rằng phần lớn các bài ở các báo xã hội chủ nghĩa như tờ *Kêxari, Vihari*, v.v. đều viết không lấy tiền và đôi khi cả biên tập viên còn được trả công bằng những tháng, thậm chí bằng những năm tù. Đấy là trường hợp của tờ *Vihari*, ba biên tập viên đều bị bắt và lần lượt bị kết án. Nhưng điều đó không làm thay đổi thái độ lẫn cách suy nghĩ của họ. Trong số "người làm công", những ai có thể tự cho mình như thế?

Cuộc vận động đặc biệt lên cao từ sau chiến tranh Nga - Nhật. Hai sự kiện tiêu biểu sau đây đánh dấu tình hình tư tưởng của người bản xứ. Tượng nữ hoàng Víchtôria bị bôi nhọ vào đêm trước lễ kỷ niệm ngày sinh của nữ hoàng. Bài hát Bandêmataran - bài Mácxâye của người Ấn Độ - được phổ biến nhanh chóng và được hát bằng tất cả các thổ ngữ của Ấn Độ.

Những hội Amxilam Xanitơ - tổ chức rèn luyện tinh thần và thể lực - được thành lập khắp nơi như có phép lạ. Việc tẩy chay hàng hoá Anh và làm tan rã tinh thần các đơn vị lính bản xứ được nghiên cứu rất công phu.

Những nỗ lực không ngừng đó đã đem lại kết quả. Tháng 1 năm 1915, nhiều trung đoàn nổi lên bạo động và do sự gián đoạn của mậu dịch Anh - Ấn, các ngân hàng thuộc địa ở khu Xiti đã bị thua thiệt một triệu phrăng do những cổ phiếu không được thanh toán trong năm 1920.

Thảm hoạ của đất nước đã xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp và tôn giáo. Người giàu người nghèo, quý tộc và nông dân, Hồi giáo và Phật giáo, đều hợp sức đoàn kết.

Nhiều nhân vật tiên tiến, nhiều giáo sư đại học như Hácđayan và những người khác đã hy sinh tài sản, đã từ chối những chức vụ cao mà chính phủ thuộc địa muốn ban cho họ để dễ bề khuất phục. Họ đi từ làng này qua làng khác, kêu gọi đấu tranh cho độc lập. Sinh viên, học sinh cũng tham gia công tác tuyên truyền.

Về phía mình, những chiến sĩ chủ trương hành động trực tiếp cũng không ngồi yên. Họ chịu trách nhiệm thủ tiêu những quan chức thiên vị, những kẻ phản bội và những tên ác ôn cảnh sát chính trị. Với những chức vị rất kêu, các phó vương và thống đốc cũng không làm cho họ sợ, những sự kiện năm 1907, 1908 và 1909[14] đã chứng minh điều đó. Năm 1916, một cậu bé 16 tuổi đã ném bom ngay giữa đường và giữa ban ngày vào xe của tên cầm đầu nổi tiếng của cục điều tra. Lòng dũng cảm không trừ già hay trẻ.

Danh sách những người bị hy sinh kéo dài rất đau xót. Trong mười năm, không kể những vụ thảm sát tập thể, đã có hơn 200 người lấy máu đào tưới gốc cây cách mạng và lý tưởng. Trong số những người tuẫn tiết, có 70 sinh viên, 16 thầy giáo, 20 điền chủ, 23 hay 25 nhà buôn, 7 thầy thuốc, 20 công chức. Trong số những người hy sinh có 50 người tuổi chỉ từ 16 đến 20!

Vì vậy mà bọn chủ hốt hoảng, gần như kinh hoàng. Một nhân vật thượng lưu đã thốt lên: "Nếu sự việc đó còn tiếp diễn, thì những người đáng kính của chúng ta buộc phải cuốn gói khỏi nơi này".

Lúc đó, song song với bộ máy đàn áp thẳng tay, người ta thi hành một chính sách ngu dân hoàn toàn.

Các hội "Xamiti" bị giải tán, hội viên bị bắt giam, mọi cuộc hội họp và các tổ chức chính trị đều bị ngăn cấm. Các biện pháp "cấp cứu" mọc lên như nấm. Trận mưa đàn áp đó chỉ làm cho hoa cách mạng thêm nở rộ.

Một cuộc tổng khởi nghĩa đang được chuẩn bị trong năm 1914 và 1915. Không may cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Hàng trăm người

lưu vong trở về nước với quyết tâm giáng một đòn đập tan ách thống trị đang đè nặng đất nước. Họ bị phát hiện và đều bị bắt giữ trước khi đặt được chân lên quê hương mà họ đã hứa hẹn sẽ giải phóng hoặc hy sinh. Một lần nữa, bọn kẻ cắp lại gặp may!

Nhưng lò lửa đã nhóm lên, không gì có thể dập tắt nổi. Các khẩu hiệu được truyền từ người này qua người khác. Các hội "Xamiti" bí mật hội họp. Những cuộc lạc quyên vì độc lập được tiến hành nhanh chóng, hoặc là do tự nguyện đóng góp, đôi khi bằng hình thức "đaicốt".

Chúng tôi thấy cần phải giải thích một tí về chữ "đaicốt", mà từ trước đến nay những người phương Tây thường hiểu sai. Người Anh gọi là "đaicốt" cũng như người Pháp gọi cướp bóc. Cả hai đều không hề phân biệt giữa sự cướp bóc với sự đóng góp đôi khi bắt buộc cho sự nghiệp chung, cũng như họ không hề phân biệt giữa những người yêu nước đấu tranh cho đất nước mình với bọn cặn bã ở thành thị.

Muốn làm một việc gì, tất nhiên phải có tiền vốn, và muốn có vốn, phải biết nơi nào có để tìm.

Để chứng minh sự cương trực của những hội viên "Xamiti" phụ trách tài chính của Uỷ ban cách mạng, chỉ cần kể những thí dụ sau đây:

Một trong những điều của điều lệ hội "Xamiti" nêu rằng những người gia nhập hội phải luôn nhớ rằng họ đang hoạt động cho cách mạng nhằm thiết lập lại những quyền đã bị chà đạp chứ không phải vì sự hưởng thụ cá nhân của một số người. Rằng tất cả các hội viên phải từ bỏ việc uống rượu, từ bỏ mọi thứ xa hoa phù phiếm.

Mỗi lần đóng góp bắt buộc hay đaicốt, người đóng được gửi đến một biên lai. Sau đây là một đoạn trích trong biên lai:

"Đồng bào thân mến, bạn phải biết rằng muốn giải phóng đất nước thân yêu của chúng ta thoát vòng nô lệ, thì cần phải có sự hy sinh, lòng tin cậy và cảm tình của tất cả đồng bào chúng ta. Nếu

tất cả những người có khả năng như bạn đều hiểu những khó khăn của công việc chúng tôi và tự nguyện đóng góp vào sự nghiệp của chúng tôi, thì chúng tôi không bị buộc phải quấy rầy bạn như thế này; nước Nhật được tự do và hùng cường là nhờ có lòng hy sinh và sự thắt lưng buộc bụng của toàn dân Nhật. Anh linh của Tổ quốc hãy hun đúc trái tim và soi sáng tâm thần của anh em chúng ta! v.v.. Ký tên: I.B. Thư ký tài chính của phân cục B. của Hội Độc lập Ấn Độ".

Phong trào càng lan rộng càng được củng cố. Khi thấy đã tương đối mạnh, phong trào rời khỏi bóng tối để ra giữa ánh sáng, dưới những con mắt kinh ngạc của nhà cầm quyền. Một đại hội được triệu tập với hai vạn đại biểu có mặt. Một vài đảng viên "xã hội" Anh cũng tham dự, họ được tiếp đón không lấy gì làm nồng nhiệt lắm vì những lý luận màu hồng nhạt của họ.

Mahatma Găngđi đã đặt viên đá đầu tiên để dựng lên thuyết bất hợp tác và bất bạo động. Đường lối đó được theo đuổi một cách thắng lợi. Trẻ em rời bỏ trường học của người Anh. Các luật sư rời khỏi toà án của người Anh. Các viên chức và thợ thuyền không làm việc trong các công sở và nhà máy mà chủ là người Anh. Không còn quan hệ, không còn buôn bán giữa người Anh và người Ấn. Để giữ vững phong trào, cần phải có những quỹ cứu tế. Trong thời gian ba tháng, người ta đã quyên được hơn sáu mươi triệu phrăng. Những người Ấn Độ giàu có lấy nhà mình làm trường học. Những vụ kiện được đưa ra xử trước các toà án bản xứ mới thành lập. Một số người Ấn Độ tự nguyện góp đến ba mươi triệu đồng một năm "cho đến khi độc lập hoàn toàn".

Trước làn sóng như vậy, lá cờ không bao giờ thấy mặt trời lặn có nguy cơ rơi xuống mặt trăng. Đế quốc Anh không biết xoay xở cách nào. Chúng tưởng rằng ký một hiệp định thương mại với nước Cộng hoà Nga là có thể ngăn chặn tư tưởng cách mạng thâm nhập Ấn Độ, như một tờ giấy thấm hút một giọt mực!

Chúng dùng Công xtăng tin làm cái chụp để dập tắt lò lửa của phong trào Liên Hồi giáo. Chúng nhặt Phayxan lên để chống đỡ toà nhà đế quốc đang sụp đổ ở phương Đông. Và sau nữa thì sao? ít ra chúng có thể tự an ủi khi thời hạn rời khỏi Ấn Độ của chúng đã đến, bằng cách tự nhủ rằng chúng đã tàn nhẫn kéo theo sự sụp đổ của đế quốc Pháp, đang hoạt động ở Đông Dương một cách xấu xa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *La Revue Communiste,*
số 18-19, tháng 8, 9-1921.

NỀN VĂN MINH THƯỢNG ĐẲNG

Bạn Vinhê Đốctông của chúng ta bằng một cuộc khảo sát phong phú về tư liệu, sẽ cho độc giả báo *Libertaire*[15] thấy dưới nhãn hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái và nhân danh "nền dân chủ Pháp", người ta đang đầu độc một cách có hệ thống chủng tộc Đông Dương. Nhưng, bên cạnh việc đầu độc tập thể và chính thức đang làm vẻ vang lớn cho đất nước có bản Tuyên ngôn nhân quyền[16] kia, còn có cả những vụ giết hại cá nhân của những kẻ đi khai hoá. Ở đây, chúng tôi nêu lên vài vụ trong những chiến công đó, đã được ghi lại

và thẩm tra, hoặc qua nhiều nhân chứng, hoặc qua chính bản thân các tác giả đã kể ra để tự khoe khoang bằng một sở thích quái ác thượng đẳng và đặc biệt của những kẻ thực dân. Chúng tôi xin trích từ cuốn nhật ký hành trình của một người lính thực dân sự việc sau đây:

"Khi "những người từng ở Bắc Kỳ" vui đùa trên tàu thì dưới mạn tàu phía bên phải có vài chiếc thuyền bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người An Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ việc chọn mà thôi. Nhưng đáng lẽ phải trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: những ống tẩu thuốc lá, khuy quần, mẩu thuốc lá. (Có lẽ họ làm như thế để dạy cho người bản xứ tính ngay thật trong việc mua bán chăng!). Đôi khi, để mua vui, một anh sốpphơ nào đó hắt cả một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Lập tức có những tiếng rú lên vì đau đớn, những mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho những chiếc thuyền va xầm vào nhau.

Ngay phía dưới tôi, một người An Nam bị bỏng từ đầu đến chân, phát điên lên, muốn lao xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, buông tay chèo ôm lấy anh và ra sức đè anh ta xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chưa đầy 2 giây vừa kết thúc thì một thùng nước sôi nữa được hắt bởi một bàn tay chuẩn xác lại dội xuống kẻ bất hạnh. Tôi thấy anh ta lăn lộn trong thuyền, vết thương trơ cả thịt với những tiếng kêu không còn gì là của con người nữa! Và cảnh đó khiến chúng tôi cười; với chúng tôi, điều đó có vẻ cực kỳ ngộ nghĩnh. Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!...

... Trong thời kỳ tôi ở đó (Bắc Kỳ) không có tuần nào là không có vài cái đầu rơi.

Trong tất cả những cảnh tượng đó, tôi chỉ còn nhớ được một điều, là chúng ta còn tàn bạo, còn dã man hơn cả chính những tên cướp biển. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một kẻ bị kết án sắp phải chết? Tại sao lại có những cuộc hành hạ thể xác, tại sao phải giải những đoàn tù đi bêu khắp các làng mạc?".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Libertaire,*
ngày 23-9-1921.
In trong sách: Thu Trang:
Ho Chi Minh à Paris,
Pari, 1991, tr.164-165.

Dịch theo bài in trong
sách *Ho Chi Minh à Paris.*

TỘI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

"Dưới sự bảo trợ của nước Pháp, xứ Đông Dương đang theo đuổi một cách hoà bình vận mệnh của mình, và thưa các ngài, các ngài đã thấy bằng chứng tốt đẹp nhất rằng xứ đó đang hạnh phúc". Đấy, ông Utorây, nghị sĩ xứ Nam Kỳ (?) đã nói như vậy với các đồng sự ở Nghị viện Pháp.

Trong tập san tháng tám, Hội Nhân quyền và Dân quyền vừa chứng minh cho chúng ta biết Đông Dương hạnh phúc như thế nào và nước Pháp được đại diện tốt đẹp như thế nào.

Chúng tôi xin tóm tắt bằng mấy dòng sau đây:

Như ở tất cả các tỉnh, một tỉnh Bắc Kỳ cũng có một vị công sứ Pháp. Như tất cả các vị công sứ Pháp ở Bắc Kỳ, vị công sứ ở tỉnh mà chúng tôi nói tới, được trao cho một quyền hành vô hạn. Ông ta là chủ tỉnh, đốc lý, chánh án, mõ toà, chủ thầu. Ông kiêm nhiệm tất cả mọi quyền hành: tư pháp, thuế vụ, sinh mệnh và tài sản của người bản xứ, việc bầu cử những người cầm quyền bản xứ, quyền lợi của công chức, vân vân và vân vân.

Vị quan chức cao cấp đó đã dùi mài tất cả khoa học chính trị và hành chính ở khu phố la tinh mà ông ta vốn làm nghề... bán cháo. Bị nợ như chúa chổm và không còn một xu dính túi, ông ta may mắn được một chính khách có thế lực "đề bạt" cho làm công sứ phụ trách một tỉnh có hàng nghìn người.

Ngoài việc ông ta biết bắt giữ, tống giam và kết án một cách

độc đoán những người An Nam để thúc thuế họ, ông ta còn biết thừa hưởng của nền Cộng hoà và tô điểm triều đại của mình bằng những chiến tích mà sau đây là vài ví dụ:

Những người tình nguyện bản xứ - theo họ nói - được dẫn tới để sung vào lính khố xanh và được khám sức khoẻ để tuyển mộ. Đấy là những người dân mù chữ, sợ sệt mà quan công sứ mắng chửi và nắm tay đấm, lấy gậy vụt vì họ trả lời hơi chậm chạp.

Ông đã hung bạo nắm tay đấm ba người lính bản xứ vì họ đã làm sổng một người tù, ông túm tóc kéo lê họ dưới đất, đập đầu họ vào tường toà sứ.

Khi hỏi cung tù, quan công sứ lấy kiếm chích vào đùi họ. Có người đã ngất khi đưa trở lại nhà giam.

Những người tù khốn khổ ăn không đủ no, áo quần rách rưới, dậy từ sáng sớm cho đến tối mịt, gông đeo cổ, xiềng to xích chân, người nọ xích vào người kia, phải kéo bánh xe lu, chiếc bánh xe lu to tướng mà họ phải lăn trên mặt đường rải đá dày. Bị kiệt sức, họ khó nhọc lê bước dưới mặt trời nóng bỏng. Quan công sứ đến, cầm một chiếc gậy lớn theo thói quen, và với thói tàn bạo không thể tưởng tượng, y vô cớ lần lượt vung gậy đánh những người khốn khổ đó, mắng chửi họ lười biếng.

Một hôm, nhà khai hoá của chúng ta, vừa khiển trách một nhân viên người Âu, và không biết trút tức giận vào đâu, y vớ một cái thước sắt trên bàn giấy và đánh gãy hai ngón tay của một người thư ký bản xứ không có liên quan gì đến việc này.

Một hôm khác, y lấy roi vụt vào mặt một viên cai bản xứ trước mặt binh lính của anh ta.

Một lần khác, y chôn ngập đến cổ những người lính trái ý y và chỉ cho đào lên khi họ đã gần chết.

Khi y đến những con đường mà y bắt những người bản xứ phải làm với ngày công một hay hai xu, sau khi đã bắt họ phải chuộc ngày lao dịch với giá mười lăm xu một ngày, thì người ta đếm thấy

hàng tá người gãy chân vì bị đánh bằng xẻng và cán cuốc.

Một lần, tại một công trường, y vớ lấy súng của một người giám thị để đánh một người tù. Người tù này tìm cách lẩn tránh được, quan công sứ quay lại người gác và dùng khẩu súng đó đánh luôn. Người vợ xứng đáng của quan, bà công sứ, cũng can thiệp vào, bà sẵn sàng đánh những người tù và nhân dịp đó phạt những người lính.

Người ta đã thấy quan công sứ dùng gậy đánh lòi mắt một viên cai.

Thưa các ngài, các ngài được thấy dưới sự bảo hộ của nước Pháp nhân từ, xứ Đông Dương hạnh phúc biết nhường nào? Và đấy chỉ mới là một hàng mẫu của cái kho văn minh thượng đẳng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
số 126, ngày 30-9-1921.

SỰ QUÁI ĐẢN CỦA CÔNG CUỘC KHAI HOÁ

Trong mọi bài diễn văn, trong mọi bản báo cáo, ở mọi nơi, cứ có cơ hội được mở miệng và có kẻ đi nghe, là những nhà chính khách của chúng ta không ngừng khẳng định rằng: chỉ có nước Đức man rợ là đế quốc và quân phiệt. Còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hoà bình, nhân đạo, cộng hoà và dân chủ này, cái nước Pháp được họ đại diện này, chẳng hề đế quốc lẫn quân phiệt. Ôi! đâu phải như vậy. Nếu cũng chính những vị chính khách này gửi binh lính - con cái của công nhân và cả bản thân những người công nhân nữa - đi tàn sát công nhân của những nước khác thì chỉ đơn giản là được để dạy cho họ biết sống tốt. Chỉ có thế thôi.

Muốn hiểu được công cuộc khai hoá của họ, hãy đọc đoạn trích sau đây từ một cuốn nhật ký du lịch của một người lính thực dân:

"Khi bọn lính kéo đến, dân chúng chạy trốn cả, chỉ còn lại hai cụ già và hai phụ nữ, một thiếu nữ còn tân và một phụ nữ đang cho đứa con mới đẻ bú, tay dắt một em gái nhỏ lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu mạnh và thuốc phiện. Không ai hiểu chúng nói gì, thế là chúng nổi giận lấy báng súng nện một cụ già ngất đi, rồi còn một cụ thì trong mấy giờ liền, hai tên trong bọn lính, khi kéo đến đã say bí tỉ, đem thiêu trong một đống củi cành cây làm trò vui với nhau. Trong khi đó, thì những tên khác hiếp hai phụ nữ và em gái nhỏ, chán rồi, chúng giết chết em bé. Lúc đó, người mẹ bồng đứa con kia trốn được, rồi từ trong một đám bụi cây cách đấy độ 100 mét, trông

thấy người chị em mình bị hành hạ. Duyên cớ làm sao, chị chẳng biết, chị chỉ thấy người phụ nữ bị đặt ngửa trên mặt đất, tay chân bị trói chặt, miệng bị bịt lại, còn một tên lính thì lấy lưỡi lê cứ từ từ, từng nhát một, chọc vào bụng chị rồi lại chầm chậm rút ra. Sau đó, chúng chặt ngón tay người thiếu nữ đã chết để cướp lấy chiếc nhẫn và chặt cổ để cướp lấy chiếc vòng.

"Trên mảnh đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: em bé bị lột truồng, thiếu nữ bị mổ bụng, cánh tay trái cứng đờ giơ lên trời vô tình, bàn tay nắm chặt. Còn xác ông cụ già thì, ghê gớm làm sao, cũng trần truồng như thế, nhưng bị thiêu cháy, nên không nhận ra hình thù được nữa, mỡ chảy lênh láng, đã đọng lại và da bụng thì phồng lên, chín vàng, óng ánh, giống như da con lợn quay vậy".

Khi chép đến đoạn này, tôi run lên, mắt mờ lệ, nước mắt chảy xuống hoà với mực. Tôi không thể nào viết được nữa. Ôi! nước Pháp đau khổ! Đông Tây đau khổ! Nhân loại đau khổ!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Libertaire,*
ngày 30-9 - 7-10-1921.

HÃY YÊU MẾN NƯỚC PHÁP, NGƯỜI BẢO HỘ CÁC ANH

Hãy yêu mến nước Pháp, người bảo hộ các anh.

Đó là bài tập viết mà người ta dạy chúng tôi viết kiểu chữ rô[1], kiểu nửa giống chữ rông và nửa giống chữ Anh[2], kiểu chữ gôtích từ lớp ABC cho đến bậc tiểu học trong những trường học hiếm có ở Đông Dương. Những trường học hiếm có này đến mức phải hơn một trăm quán rượu và thuốc phiện mới có một trường học. Các nhà khai hoá của chúng ta kiếm được trên 21.000.000 đồng bạc Đông Dương, tức là hơn 139.000.000 phrăng bằng cách bán các chất độc này. Các anh có biết họ chi cho giáo dục trong một năm là bao nhiêu không? 172.000 đồng bạc Đông Dương!

Dòng chữ *Hãy yêu mến nước Pháp, người bảo hộ các anh* được viết bằng chữ to màu trắng trên nền đen của một tấm các tông chạy dài dằng dặc, treo trong tất cả các lớp học, cứ ám ảnh chúng tôi một cách êm ái. Sung sướng thay cho những cái đầu An Nam nhỏ bé được chiêm ngưỡng những dòng chữ yêu nước này, đương nhiên là yêu nước với những kẻ đi nhồi sọ và bắt buộc phản quốc đối với những người bị nhồi sọ.

Tôi nhớ tới những người anh em họ tôi muốn vào một trong những thiên đường trường học, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan khâm sứ, quan công sứ, cho quan

1) Ronde.

2) Bâtarde.

giám đốc trường quốc học và cho thày giáo chính của trường tiểu học. Đương nhiên là anh chẳng nhận được một sự phúc đáp nào. Một hôm, anh đánh bạo đến mức đích thân mang đơn viết cho thầy giáo chính, một người Pháp, ở trường mà tôi đã được đặc ân học trước đó ít lâu. Quan đốc của chúng ta thấy anh cả gan như thế, liền quát lên: "Ai cho phép mày tới đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Điều đó nói cho anh biết cái người cai trị chúng ta truyền bá nền giáo dục vô thần và nguyên lý cộng hoà trong các thuộc địa như thế nào.

Chúng ta đã từng biết những người mà nước Pháp gửi sang Đông Dương để dạy cho người An Nam yêu mến nước Pháp, yêu mến [sic] nước Pháp như những đứa trẻ yêu mến mẹ nó, bởi vì, nước Pháp là tổ quốc thứ hai của toàn cầu, là "nước Mẹ" của người An Nam, có phải thế không?

Nhật ký hành quân của một tên thực dân kể lại với chúng ta: "Sau khi chiếm được chợ Mới, vào buổi chiều, một sĩ quan của tiểu

đoàn lính Phi trông thấy một người châu Á bị bắt làm tù, còn sống, không có thương tích gì. Buổi sáng ngày hôm sau, người sĩ quan nhìn thấy người ấy chết, bị đốt cháy, đã chín, mỡ chảy ra, da bụng trương phồng lên, sém vàng. Bọn lính đã thức suốt đêm để quay chín con người đã bị tước mất vũ khí, trong khi những tên khác hành hạ một phụ nữ.

"Một tên lính muốn bắt một phụ nữ An Nam phải hiến thân cho chó của nó. Người phụ nữ ấy không chịu, liền bị đâm chết bằng một nhát lưỡi lê vào bụng".

Ôi! nước Pháp, nếu người biết chúng tôi được che chở như thế nào, người sẽ kiêu hãnh là những kẻ bảo hộ chúng tôi.

NGUYỄN A.Q.

Báo *Le Libertaire,*
ngày 7 - 14-10-1921.

RỦI RO

CẢNH SINH HOẠT CỦA THỢ THUYỀN AN NAM

Nóng bức! Một cái nóng bức mà chỉ chúng tôi, những người Nam Kỳ và những người hân hạnh được ông Utơrây bảo hộ, mới được đặc ân hưởng thụ. Mặt trời nắng đổ hột. Các bạn có biết mặt trời đổ hột là gì không? Trong phương ngữ của chúng tôi, điều đó có nghĩa là tác động của nóng bức dữ dội đến mức mà luôn luôn bạn thấy trước mắt có một cái gì rơi như mưa nhưng đáng lẽ là nước thì là những hạt lửa.

Các vách tường của nhà thờ Sài Gòn nóng bỏng lên như những mảng tường của địa ngục. Cột thiên lôi ánh lên như một lưỡi lê vấy máu và sẵn sàng xuyên thủng da trời bị nấu chín theo nghĩa đen của từ.

Từ sáng đến giờ chẳng có một người khách nào! Tôi đã đói và tôi uốn mình khó khăn trong khung hình chữ nhật hợp thành cái ách cho con vật - hình người là người kéo xe tay. Hai gọng của chiếc xe đè nặng lên cánh tay tôi và bánh xe thì kêu rên rỉ như thể chúng khát nước.

Tôi và chiếc xe của tôi tiếp tục kéo nhau về hướng Dinh Thống đốc. Những lá bàng rộng bản và lá cau làm thành những tấm gương phản chiếu tập trung toàn bộ sức mạnh của mặt trời đến

người đi đường. Người ta cứ tưởng toàn bộ vũ trụ đã biến thành một lò hoả táng.

Hai hay ba người da trắng có mặt trên quảng trường; họ là những người da trắng duy nhất có cảm tình với người bản xứ, bởi vì họ là người bằng đồng; nhưng lại là những khách hàng tồi vì họ chẳng bao giờ đi xe kéo!

Tôi thấy một bóng người đi ra khỏi dinh. Tôi tự nhủ: "Một người ra khỏi nhà hộp này chắc phải là một người lịch sự, mà một người lịch sự thì không đi bộ dưới trời nắng thế này; ông ta sẽ đi xe; và ông ta sẽ là khách hàng của tôi. Khi tôi thấy áo đen của ông ta, tôi càng lạc quan vì tôi cho đó là một thầy thô[1] (Một người thông ngôn An Nam). Tôi chạy đến đón ông ta. Đó là một cha đạo, một cha đạo đáng kính.

Tôi cúi người xuống chân ông ta để ông ta có thể lên xe dễ dàng hơn, đó là cách thanh lịch để đón khách. Đáng lẽ đặt chân lên bệ xe, con người thánh thiện lại muốn đặt chân lên mông tôi. Tôi hiểu ngay cử chỉ ấy, vì tôi đã quen với những người hiền như thế rồi; và tôi bỏ chạy với chiếc xe kéo của tôi; tôi vốn đã quen với những trò nhào lộn này rồi, nghề nghiệp buộc tôi như thế. Trong khi chạy ra xa, tôi còn nghe vị con của Chúa trời lẩm bẩm câu kinh ngẫu hứng: "Khốn kiếp! vị tông đồ nói - người ta không thể bước đi một bước mà không bị bọn xe kéo tồi tàn này quấy rầy!"

Sự cố này làm tôi quên cả mệt mỏi, cả đói khát, vì sau khi đạt được khoảng cách khá xa giữa "cha tôi" và tôi, tôi đùa cợt, nghĩ đến Chúa, đến hình ảnh con người, tức là đến người nọ và tôn giáo của anh ta. Khi tôi quay đầu lại thì thấy gậy tông đồ vẫn còn tiếp tục dứ dứ về phía tôi như một que rảy nước phép.

Tôi đi, hay đúng hơn, chúng tôi, chiếc xe và tôi, đi về bến đò.

1) Hai chữ "thầy thông" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

Từ trong cái quán bé tẹo của bà Thị [1] toát lên một không khí hạnh phúc và sung túc. Gạo trắng như ngà, nước mắm toả ra một hương thơm ngào ngạt làm khoái mũi. Nước chè sôi sùng sục trên bếp. Thật là hấp dẫn. Tôi dừng lại, quyết định mua một bát cơm ngon, biết rằng bà Thị Hai tốt bụng không nỡ từ chối bán chịu cho một người thợ lương thiện.

Vừa mới ngồi lên chiếu, tôi thấy một người lính thuỷ đi ngoằn ngoèo trên bến tàu của hãng Sácgiơ Rêuyni. Buông đũa xuống, tôi nhảy ra xe và bằng hai bước chân, tôi đã đứng trước vị khách hàng thứ hai của tôi sáng nay. Đó là một người tốt bụng, anh ta chẳng hề mặc cả giá cả. Anh ta ném cho tôi địa chỉ nơi đến rồi lên xe và ngồi chễm chệ bên mạn phải, còn gói đồ đạc thì để bên tay trái. Tôi chạy những ba hải lý/giờ[2], vì không muốn Thị Hai phải ngóng chờ.

Đến cảng, tên thuỷ thủ lão luyện lên bờ và bỏ đi, tỉnh bơ, chẳng hề có ý định trả thù lao cho tôi. Tôi yêu sách. Hắn chẳng thèm quay lại. Tôi chạy theo hắn và hét lên: "Trả tiền, ông ơi, trả tiền!"

Hắn chuyển gói đồ qua bên trái, tay phải thò vào túi và rút ra một... khẩu súng lục. Vũ khí của văn minh hùng hồn thét lên: Pan! Pan! "Lại một cú nữa xôi hỏng bỏng không!", tôi tự nhủ.

Tôi trở lại quán ăn, chè vẫn còn đang bốc khói.

CULIXE
Nguyễn Ái Quốc dịch[3]

Báo *L'Humanité,*
ngày 18-3-1922.

1) Hai chữ "Thị Hai" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

2) *Trois nauds à l'heure.*

3) Thật ra, đây là văn phẩm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc.

ĐỘNG VẬT HỌC

"Càng học càng thấy mình dốt", đó là câu ngạn ngữ châu Á, câu ngạn ngữ đó trái với thông thường, không phải là một trò Tàu, mà là một chân lý chung rộng.

Ví như ông Giôdép Caiô, cựu Thủ tướng, một nhà lý tài ngoại ngạch, một nhà văn không phải tồi, không phải tương đối tồi như Anhxtanh nói, sau khi đã cai trị 40 triệu dân Pháp, đã rỡn với hàng triệu, hàng tỷ bạc, đã viết sách viết vở, rồi một buổi sáng nọ, bỗng gãi điên cuồng - không phải là gãi tóc, vì ông ta không có tóc - mà là gãi tai, đồng thời tự hỏi và hỏi người khác: châu Âu sẽ đi tới đâu đây? Nước Pháp sẽ đi tới đâu đây? Câu hỏi tuy có vẻ quá giản đơn, nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải đáp. Và có thể còn phải chờ lâu mới giải đáp được, trừ phi...

Này, ngài Thủ tướng, xin ngài cho tôi biết chân của châu Âu và chân của nước Pháp ở chỗ nào, tôi sẽ nói ngài hay châu Âu và nước Pháp đi tới đâu!

Đácuyn, nhà cực thông thái Đácuyn, từng biết rằng con ngươi của ếch xứ Ôvécnhơ[1)] tròn hơn con ngươi của ếch vùng Nốttinhham, và đuôi bồ câu Mêhicô có nhiều hơn đuôi bồ câu ở Thuỵ Điển ba cái lông tơ, nhưng ông lại hoàn toàn không biết gì đến một loài động vật rất đông đúc ngày nay được biết rất rõ ràng; cái loài động vật mà do số lượng, do chất lượng của nó, có thể liệt vào hàng đầu

1) *Auvergne:* Một tỉnh miền trung nước Pháp.

trong giới động vật. Vì hiện tượng này cũng khá thú vị, nên chúng tôi thử trình bày cùng bạn đọc báo *Le Paria*[17].

Kết quả của những cuộc nghiên cứu kỹ, càng cho phép chúng tôi khẳng định rằng nguồn gốc loài động vật này cũng lâu đời như nguồn gốc loài người, nếu không phải là lâu đời hơn nữa. Cấu tạo thể chất của nó hết sức kỳ lạ: ở tất cả các loài động vật, sự sinh sản ra lông lá thường là ở đằng đuôi... ở loài động vật này... lại ở trên đầu. Chỉ ở trên đầu, chứ không ở cổ như bờm con ngựa. Lông lá này mịn như len và hung hung, hoặc cứng và đen, tuỳ theo khí hậu nơi nó sống. Khí hậu có ảnh hưởng rất nhiều đến nước da nó, màu da đó đi từ vàng đến đen, chứ ít khi trắng. Dù có những sự kỳ quặc đó, diện mạo của nó đôi khi cũng khá dễ thương. Nó đi hai chân. Nhưng, theo tài liệu quan sát được tại những vùng châu Á, thì nhiều khi nó lại được coi như loài bốn chân*. Nói chung, có thể liệt nó vào loài hai tay. Điều làm cho loài động vật này rất đông đúc và có thể sống ở một địa bàn rất rộng trên trái đất, chính là ở chỗ nó rất dễ dàng thích nghi với nhiều thứ đồ ăn hết sức khác nhau. Nó ăn thịt, ăn cỏ, ăn gạo và ăn cả ngân sách nữa. Cần chú ý rằng khi có thể đã tiến đến trình độ ăn ngân sách thì thường bị coi là thoái hoá, vì nó đã mất hết đặc tính tinh thần của nòi giống nó rồi.

Óc bắt chước của nó rất phát triển và óc đó không phải nông cạn như ở loài khỉ hay loài vẹt, vì người ta nhận thấy rằng tài bắt chước của nó thường đạt tới chỗ tuyệt khéo và đôi khi còn hơn cả cái mà nó bắt chước nữa.

Một vài đức tính thực dụng của nó còn cao hơn cả những đức

* Loài quan lại trong tư thế Xalamalếch[1)] (chú thích của tác giả).

1) *Xalamalếch*: từ tiếng chào Arập có nghĩa là "chúc thanh bình", tiếng Pháp đặt ra từ ngữ này để chỉ lối chào cầu kỳ, quá mức lễ phép và lặp đi lặp lại (cho nên thường dùng ở số nhiều). Tác giả nói "loài bốn chân" với ngụ ý phê phán lối chào Á Đông xưa quỳ gối chống tay, rạp mình tận đất.

tính thực dụng của các loài gia súc của chúng ta nữa kia. Một khi thuần dưỡng rồi, thì nó tự để cho người ta hớt lông như con cừu, chất đồ lên lưng như con lừa, và đưa vào lò sát sinh như con bê. Nó rất dễ thôi miên. Nếu bắt ra một con, to nhất hay mạnh nhất trong bầy, và đeo vào cổ nó một vật gì lóng lánh, một đồng vàng hay một thập ác chẳng hạn, thì nó liền trở thành hoàn toàn ngoan ngoãn, lúc đó có thể sai nó làm bất cứ việc gì, bảo nó đi bất cứ đâu cũng được, và các con khác cứ việc theo nó một cách ngu đần như loài thú vật - nếu có thể nói như thế được.

Các nhà bác học của B.I.Z.A (British Imperial Zoological Association)[1] vừa cho biết rằng loài thỏ trước bên bờ Ấn Độ Dương và Bờ biển Libi[2] vùng Biển Đỏ, bắt đầu tỏ ra có những tiến hoá rõ rệt: nó không chịu để người ta bắt một cách dễ dàng nữa và trốn tránh cảnh làm gia súc. Hiện tượng mới đó không khỏi gây lo ngại cho các giới công nghiệp - khoa học trên thế giới, và đặc biệt là cho những giới đó ở đô thị, vì tuy thịt loài vật này không ăn được vì không ướp lạnh được, nhưng máu và mồ hôi của nó lại đã trở thành những thứ không thể thiếu để làm béo những cái máy làm dồi thịt.

Để tóm tắt bản trình bày ngắn này, chúng tôi xin nói rằng tên chủng loại của cái giống vật dị kỳ đó là Dân bản xứ thuộc địa *(Colonial Indigéna)*[3] nhưng tuỳ theo từng vùng mà nó có tên gọi khác nhau: người An Nam, người Mangát, người Angiêri, người Ấn Độ, v.v..

NGUYỄN ÁI QUỐC

1) Hội động vật học đế quốc Anh,

2) Phiếm chỉ vùng Địa Trung Hải giáp Bắc Phi (thời cổ đại có khi gọi phiếm chỉ là Libi).

3) Phỏng theo cách của các nhà sinh vật học dùng tiếng latinh để đặt tên khoa học cho những giống, loài động vật và thực vật.

T.B. - Chúng tôi vừa nhận được của một đồng nghiệp của chúng tôi là nhà bác học về tự nhiên học Đờ Pá [1] một tiêu bản hiếm có của loài này, hình như cũng có họ hàng thân thuộc gì đó với loài mà chúng tôi vừa nghiên cứu. Loài đó, theo bạn đồng nghiệp của chúng tôi, thì tên nó là: Vô sản. Một ngày gần đây, chúng tôi sẽ nghiên cứu giống với hiện tượng mới này: Vô sản Đờ Páctu[2].

Báo *Le Paria*, số 2,
ngày 1-5-1922.

1) De Partout. Tên nhân vật do tác giả đặt ra.

2) Phỏng theo cách các nhà sinh vật học lấy tên mình để đặt tên khoa học cho những giống, loài động vật và thực vật do mình phát hiện.

MẤY Ý NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Từ khi Đảng Cộng sản Pháp đã thừa nhận 21 điều kiện của Mátxcơva[18] và gia nhập Quốc tế thứ ba[19], Đảng đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn trong số các nhiệm vụ khác: chính sách thuộc địa. Đảng không thể thoả mãn với những bản tuyên ngôn chỉ thuần là bằng tình cảm và không có kết quả gì như thời Quốc tế thứ nhất[20] và Quốc tế thứ hai[21] nữa, mà cần phải có một kế hoạch hoạt động chính xác, một chính sách có hiệu quả và thiết thực.

Trong vấn đề này, Đảng gặp nhiều khó khăn hơn mọi vấn đề khác, và đây là những khó khăn chủ yếu:

1. Diện tích các thuộc địa rất rộng. - Không kể những "khu vực uỷ trị" mới, lấy được từ sau chiến tranh, nước Pháp có:

Ở châu Á, 450.000 km^2 ; ở châu Phi, 3.541.000km^2 ; ở châu Mỹ,108.000 km^2; ở châu Đại Dương, 21.600km^2 . Tổng cộng: 4.120.000 km^2 (gần gấp tám lần diện tích nước Pháp) với một dân số là 47.000.000 người. Số dân đó nói hơn 20 thứ tiếng khác nhau. Tình trạng có nhiều tiếng nói khác nhau như vậy làm khó khăn cho công tác tuyên truyền, bởi vì trừ mấy thuộc địa cũ ra, thì một tuyên truyền viên người Pháp chỉ có thể nói chuyện với quần chúng bản xứ qua người phiên dịch mà thôi. Mà phiên dịch thì khó nói lên được hết ý, vả lại trong những xứ bị cai trị một cách độc đoán ấy, thật khó mà tìm ra được một người phiên dịch những lời lẽ cách mạng.

Lại còn những trở ngại khác nữa. Tuy người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa đều là những người bị áp bức và bóc lột như nhau, nhưng trình độ văn hoá, kinh tế và chính trị giữa xứ này với xứ khác lại rất khác nhau. Giữa An Nam với Cônggô, Mácticích hay Tân Đảo, hoàn toàn không giống nhau chút nào, trừ sự cùng khổ.

2. Tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa. - Trong những luận cương về vấn đề thuộc địa[22], Lênin đã tuyên bố rõ rệt rằng "nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc". Muốn thế, công nhân ở chính quốc cần phải biết rõ thuộc địa là cái gì, phải biết những việc gì đã xảy ra ở thuộc địa, biết rõ nỗi đau khổ - hàng nghìn lần đau khổ hơn công nhân ở chính quốc - những người anh em của họ, những người vô sản thuộc địa phải chịu đựng. Tóm lại là công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa.

Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ dưới đầy cát và trên là mặt trời, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi. Và họ hoàn toàn không để ý gì đến.

3. Tình trạng dốt nát của người dân bản xứ. - Trong tất cả các nước thuộc địa, ở cái xứ Đông Dương già cỗi kia cũng như ở xứ Đahômây trẻ trung này, người ta không hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công nhân. Trước con mắt người dân bản xứ, chủ nghĩa bônsêvích - danh từ này vì thường được giai cấp tư sản dùng đến luôn, nên đặc sắc hơn và mạnh nghĩa hơn - có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số ít người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản. Nhưng số người thượng lưu ấy,- thuộc giai cấp tư

sản bản [1] và là cột trụ của giai cấp tư sản thực dân, - cũng không thích thú gì việc chủ nghĩa cộng sản được người ta hiểu và được truyền bá rộng rãi cả. Trái lại, giống như con chó trong chuyện ngụ ngôn, họ lại thích đeo cái vòng cổ để kiếm miếng xương của chủ. Nói chung, quần chúng căn bản là có tinh thần nổi dậy, nhưng còn rất dốt nát. Họ muốn giải phóng, nhưng họ chưa biết làm cách nào để đạt được mục đích ấy.

4. Những thành kiến. - Vì giai cấp vô sản ở cả hai đằng đều không hiểu biết lẫn nhau, nên đã nảy ra những thành kiến. Đối với công nhân Pháp, thì người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động. Đối với người bản xứ, những người Pháp - mặc dầu họ là hạng người nào cũng đều là những kẻ bóc lột độc ác. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó và sự phân biệt đẳng hạng giả tạo về nòi giống đó để ngăn cản việc tuyên truyền và để chia rẽ những lực lượng đáng phải đoàn kết lại.

5. Đàn áp dã man. - Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc. Những người như ông Găngđi và ông Đờ Valơra có lẽ đã lên thiên đàng từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ở một trong những thuộc địa của Pháp. Bị tất cả mọi thứ thủ đoạn thâm hiểm của các toà án quân sự và toà án đặc biệt vây xung quanh, một người chiến sĩ ở bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và dốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi khai hoá cho họ.

Trước những khó khăn ấy, Đảng phải làm gì?

Tăng cường công tác tuyên truyền của Đảng để khắc phục.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 25-5-1922.

1) *La bourgeoisie autochtone.*

DƯỚI CUỘC "KHAI HOÁ CAO CẢ"

Ông Anbe Xarô đã tuyên bố với nhóm thuộc địa trong Hạ nghị viện rằng: "Trung thành với sứ mệnh cao cả đã làm rạng danh nước Pháp trên thế giới và lịch sử, nước Pháp đầy lòng bác ái đang theo đuổi tại hải ngoại một sự nghiệp tiến bộ, chính nghĩa, sự nghiệp dìu dắt các chủng tộc, sự nghiệp khai hoá cao cả; tính chất cao quý của sự nghiệp đó làm cho truyền thống rực rỡ lâu đời của nước Pháp ngày càng thêm phần rực rỡ".

Thế mà người ta đã đem thực hiện cái sự nghiệp tiến bộ, chính nghĩa, v. v. đó như thế này:

Mượn cớ bài trừ nạn du đãng, người ta thi hành một chế độ khổ sai với dân bản xứ ở Mađagátxca. Như là: trên mặt trái một tờ giấy trong thẻ căn cước của người bản xứ, có dành riêng vài ô nhỏ để người chủ ghi chú. Trong ô thứ nhất, có in những điều ghi chú chủ yếu, người chủ phải ký nhận ở dưới.

Làm thuê cho ông ....

Tại ....

Từ ..... đến .....

Người chủ:

Người bản xứ nào mà thẻ căn cước không hợp lệ như đã chỉ dẫn trên đây đều bị coi là du đãng, sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến một năm, và sau khi mãn hạn tù, có thể còn bị đày biệt xứ từ 5 đến 10 năm.

Bây giờ ta hãy xem các ông chủ đi khai hoá ấy đối xử với công nhân bản xứ như thế nào.

Có một bác cai đến hỏi tiền công cho một người thợ của mình, thì một ông chủ nọ đã viết giấy trả lời như sau: "Bảo cái con lợn ấy lấy c...[1)] mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi".

Một ông chủ khác, khi thấy nhà bị mất trộm 1.000 phrăng, liền lôi tám người bản xứ làm thuê cho mình ra tra điện để bắt họ thú nhận. Về sau, người ta tìm ra kẻ trộm chính là cậu ấm con ông chủ. Nhà khai hoá - con, đã ăn chơi thoả thích. Nhà khai hoá - bố, thì không bị lôi thôi gì cả. Và những người có phúc được nước Pháp bảo hộ thì còn nằm trong nhà thương ở Tananarivơ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 29-5-1922.

1) Nguyên bản: "la m.", viết tắt của chữ "*la merde*", đồng nghĩa "*phân*" trong tiếng Việt.

PARI

(Trích "Những bức thư gửi cô em họ" do tác giả dịch từ tiếng An)

Ở Pari[23] có một vùng, cô em họ thân mến của tôi ạ, tự một mình nó nó trình diễn ra được đủ bộ mặt và đủ tâm lý của cả Pari, cả nước Pháp, cả vũ trụ. Ai muốn nghiên cứu tình hình xã hội thời buổi ta ngày nay, thì chỉ cứ đi ngang vùng này mà thôi là đáng giá cả một pho sách lớn cỡ bách khoa toàn thư vậy.

Vùng gồm ba xóm chính, là Êtoan, Batinhon, Êpinét. Cô vốn có trí tưởng tượng phong phú, nên tôi chắc thế, chỉ cần đọc tên mấy xóm đó là cô đã đoán ra được thứ bậc xã hội của những nhóm này rồi. Tôi ở đây như đang nghe thấy cô tự thì thầm với mình: Êpinét, Êpinét - *Những cái Gai con*! cuộc sống ở đây hẳn phải chật vật lắm, gai góc lắm. Còn Êtoan - *Ngôi sao*, cái đó hẳn phải là nơi cư ngụ của những kẻ diễm phúc, có đặc quyền đặc lợi; một Bồng Lai tiên cảnh chứ gì nữa.

Vâng, cô em họ nhỏ của tôi ơi, cô đoán đã gần gần đúng thế đấy, ấy nhưng tôi vẫn cứ phải tả cho cô thấy cái sang trọng của bên này và cái đau khổ của phía kia, sang trọng ra sao, đau khổ ra sao thì cái đầu óc xinh xắn của cô chẳng thấy nổi nó mênh mang đến thế nào đâu. Xóm Êtoan thì bắt đầu với Khải hoàn môn. Ấy là một đài kỷ niệm nguy nga dựng lên để ghi nhớ tài danh quân phiệt của

1) Thực ra, đây là văn phẩm do Nguyễn Ái Quốc sáng tác.

Napôlêông. Bây giờ thì nó dùng làm mồ chôn một người lính không tên tuổi chết trong đại chiến.

Sự đời sao nó mỉa mai thế, cô nhỉ! Người ta đem thu lại để cùng một chỗ cả cái hư vinh của tác giả bao cuộc giết chóc kinh khủng ở châu Âu và cả nắm di hài của nạn nhân cuộc tàn sát thế giới!

Cái đài này là nơi lưu tồn tượng trưng những nguyên nhân của mọi cuộc chiến tranh trước kia và sau này; cũng như người lính không tên tuổi này là hiện thân tượng trưng của tất cả những ai bị giết hại để thoả mãn cái tham vọng và cái kiêu kỳ của bọn tướng lãnh. Bởi vì ai mà đã đọc tên những chiến trận đầy tràn lịch sử từ đầu đến cuối, ai mà đã đọc bấy nhiêu tên khắc lên riêng một đài kỷ niệm này thôi, thì phải kinh hoàng thấy, biết bao nhiêu là nông dân, bao nhiêu là công nhân đáng thương đã ngã xuống không tên tuổi, như kẻ đang nằm đây!

Để một chuyến thư sau, tôi sẽ kể cho cô nghe về anh lính tội nghiệp này, khi còn sống đã phải đương đầu với những tràng súng đại bác liên thanh như thế nào, nay vẫn phải đương đầu như thế nào với những tràng diễn văn ngoại giao và tỏ tình thân thiết vờ vịt của các vị sứ thần và của các cụ Phị[2]. Hôm nay, hãy trở lại câu chuyện vùng này đã.

Vậy, tôi đang nói với cô rằng Êtoan là xóm các phủ đệ thênh thang, các vườn cây hoa nở sum suê, các cỗ ngựa xe vương giả. Đó là một ổ xa hoa, tứ xứ, thừa thãi tràn trề và biếng lười loè loẹt. Đó là thiên đường bọn ăn bám đủ các cỡ và đủ các xứ. Sang trọng là sang trọng cho đến cả con vật. Chả nói làm gì đến cái giá ngông cuồng thả ra bao một con mèo hảo hạng hay một con ngựa loại khoái[3], nó đủ để nuôi sống toàn bộ dân cư một tỉnh nước ta, cứ cái

1) Khải hoàn môn Êtoan có khắc đầy vào đá tên các chiến trận và các tướng lĩnh thời Napôlêông.

2) *Fatty:* Từ lóng để chỉ bọn tai to mặt lớn. Gốc tiếng Anh có nghĩa là người béo.

3) Nói chuyện nuôi đĩ điếm.

con khuyển xóm này là cũng được sống lộng lẫy và tốn kém hơn người đi làm thợ nhiều.

Rời chính lộ Vagơram và đại lộ Cuốcxen, là vào xóm Batinhon. Xóm này là xóm kiểu con dơi, nghĩa là dân bản địa nơi này thuộc một giai cấp trung gian. Họ không giàu sụ để bay nhảy như bọn cừ khôi trong giới tư bản, mà cũng chẳng đủ nghèo để phải vất vả giống đám thợ thuyền. Phong vũ biểu đo mức giàu có của họ cứ là theo sự thăng trầm kinh tế hằng ngày mà lên xuống; họ có thể hôm nay thì thư thái trồng bắp cải, để rồi hôm sau là phải bán đứt vườn tược đi. Dân đây là tiểu thương, là ông xếp phòng giấy, là ông cò về hưu. Bà đi đâu là có một con [illegible] to quấn quanh cổ và một con chó con bồng trên tay. Ông thì bao giờ cũng có cái gì chễnh mảng cài khuyết ve áo, một củ kiệu Công huân Nông nghiệp hoặc là bông hoa tím của vị chức sắc Học chính[2]. Bà canh cửa thì sáng sáng chăm chút tưới những chậu hoa thu hải đường cổ truyền của bà bày trên cửa sổ, sáng sáng giũ cái thảm trải cầu thang chính - tấm thảm này bướng bỉnh nhất định không chịu leo cao hơn tầng gác ba[3]. Cứ suy quy luật vận hành của vạn vật thì dân cư xóm này có nhiều khả năng vô sản hoá hơn là sản sinh ra những đức ngài tư bản chủ nghĩa.

Xóm Êpinét là phía chân của cái thang. Nó là người bà con khốn khó, kẻ thừa kế bị gạt bỏ của hai xóm kia. Nó gần như là thuộc một giống người khác, ra vẻ bẽn lẽn, khiêm nhường, bị cái khốn cùng nó đè bẹp. Này cô, hãy xem ông bác mình ép mía lấy

1) *Zibeline:* Giống chồn Bắc cực, tức một loại thú lông dài và mượt, mình dài, đuôi dài nên đã được xử lý giữ nguyên lông dùng làm khăn quàng cổ phụ nữ sang trọng.

2) Những loại huân chương, huy chương của Pháp; mỗi loại có hình dáng, màu sắc riêng.

3) Nhà ở Pari thường từ năm đến tám tầng. Những hộ sang trọng nhất hay ở tầng gác cho đến gác ba. Gác cao hơn, thì những hộ gia tư tầm thường hơn ở.

đường theo cái kiểu nghìn năm xưa cũ của dân ta, thì cô nghĩ ra được cái cảnh xã hội ở đây nó thế nào. Có bao nhiêu nước ép ngon ngọt thì cứ tuôn cả ra một bên cối, còn bên kia thì chỉ có bã, bẹt ra, quắt lại. Đây cũng thế. Một bên là giàu sang và nhàn rỗi, một bên là cần cù và thiếu thốn. Lôi thôi và gầy guộc như ngón tay khoằm khoằm của con mụ phù thuỷ già, ống lò sưởi ở Êpinét mùa hè thì um khói và mùa đông thì lại như tắt ngấm. Trông xa, nhà cửa khẳng khiu trong xóm giống y mặt người vậy, những bộ mặt người ngơ ngác mà cái bề mặt tiệm của một bác buôn giẻ rách hay của một hiệu thịt ướp lạnh thì làm ra dáng cái miệng móm, còn cửa sổ đã toác toạc thì dùng làm những con mắt nhẻm những dử lại cận thị. Xóm những con người làm lụng, sản xuất và đói meo. Xóm người làm thợ, xóm người nghèo, xóm người cùng khốn.

Giữa xóm, có một mẩu phố dài chừng dăm chục mét. Quanh phố thấy tề tựu một ngôi trường tiểu học, một nhà máy và một quán cháo bình dân. Có phải thế không nào, cô em họ thân mến, cả cái bộ sậu ấy thế là rất mực tiêu biểu? Khi còn bé, thì trẻ con đi học để mà biết tôn trọng quyền thiêng liêng của các ông chủ. Lớn lên, anh thợ rời nhà trường đi góp phần làm giàu cho giới chủ nhân ông mà mình đã được học tập sùng bái cái uy nghi. Già rồi yếu đi, thì ông lão được, vẫn giới chủ nhân ông đó, mà cụ đã làm giàu cho, tống cụ ra ngoài đường để nhờ chẩn bần mà sống nốt cuộc đời hay lam hay làm của mình!

Mỗi sáng, tôi phải đi ngang quán cháo bình dân để đến xưởng làm việc của tôi. Trời đẹp hay xấu, nắng ấm hay tuyết rơi, thì tôi cũng cứ thấy tụm lại trước cửa ngôi nhà công này lối ba chục các cụ. Các cụ ăn bận thật không tưởng tượng được. Người thì khoác cái chăn trên lưng, người thì lại mặc cái áo dài bó của hầu bàn trưởng - đầu đội cái mũ rơm đã vàng úa, người khác nữa tả tơi đụp vá muôn màu sắc. Giày các cụ, mõm há ra như hộp thư cả, cười nhạo với mọi khách qua đường. Trong lúc đợi cửa mở và để giết thời giờ, các cụ xem mấy mẩu báo *Le Matin*[24] hay tờ *Le Petit Parisien*[25] nhặt được chẳng biết ở đâu nữa. Trời có lạnh quá thì các cụ thổi thổi lên ngón tay hoặc là giở điệu nhất bộ ra nhả[1] để tự sưởi ấm. Một cụ nhìn tôi cả cười: "Chú xem, sưởi kiểu trung tâm[2] của bọn này đấy!".

Dáng các cụ tồi tàn thế, nhưng ai nấy đều thật dễ thương, và các cụ trông thấy tôi mãi rồi, thì cuối cùng ấy cũng là có quen biết. Một thứ tình bằng hữu thế là nảy ra giữa chúng tôi và hai bên chào nhau khi đi qua.

Tôi đặc biệt để ý một cụ già trong số đó. Ông cụ sạch sẽ, tươm tất, và bộ dạng biểu lộ một nỗi buồn phiền được nén xuống, một niềm tự trọng chẳng chịu để ngã khuỵu, ngay trong cơn quẫn bách. Cụ có đeo một dải huy chương thưởng công cứu nạn. Cụ bao giờ cũng cứ đứng đằng sau người khác.

Một hôm, tôi đến bắt tay cụ và nói với cụ: "Cố ơi, cố có vui lòng cho phép được mời cùng dùng một bữa lót dạ, chủ nhật tới, được không?". Cụ đáp: "Ông tử tế quá, thưa ông, thế cho nên tôi từ chối thì hoá ra phụ lòng tốt của ông, vậy xin nhận".

Chúng tôi cùng đến một quán ăn nhỏ. Đặt xong món ăn, chúng tôi chuyện trò, và ông cụ bảo tôi: "Tôi không dám tự tiện ngỏ lời trước với ông, bởi vì trước hết ông là người nước ngoài, thế rồi tôi lại ngại làm phật lòng ông, thanh niên dễ tự ái thấy có người đến bắt chuyện lại như tôi, một lão già nghèo khổ, chẳng khác đứa ăn mày vậy. Nhưng mà cứ mỗi lần ông đi qua trước mặt tôi, là lòng tôi lại tràn ngập một niềm đau đớn khôn cùng, tôi chỉ muốn khóc. Tôi rất hiểu ông lấy thế làm lạ, nhưng ấy là tại thế này: thấy ông, là tôi lại nhớ thằng con thứ của tôi, tôi đã mất nó trong trận giặc. Nó cũng

---

1) *One-step* "Một bước", tên một điệu vũ gốc Mỹ, nhanh và mạnh. Ở đây ý nói các cụ già khoa chân múa tay cho đỡ rét.

2) Lối sưởi sang, sưởi cả nhà nhưng chỉ đốt lò ở một nơi thôi, có ống dẫn hơi nước nóng đến từng phòng.

khoảng tuổi ông đấy. Chắc ông hăm nhăm, hăm sáu chứ gì? - Hăm sáu, cố ạ, tôi trả lời. - Đúng rồi, nó kém ông một tuổi. Ông không chán tai thì để tôi kể chuyện nó ông nghe, chuyện nó mà thật ra là chuyện tôi. - Xin mời cố, nghe chuyện cố sẽ thích thú lắm. - Thời tôi còn ít tuổi, ông bạn cùng bàn đáng kính của tôi kể, tôi làm nghề hàng hải đăng bạ[1]. Tôi đã có đi vòng quanh thế giới nhiều lần. Tôi cũng có lần đến xứ ông, đến Sài Gòn, đến Hải Phòng. Sau tôi tằn tiện cưới một cô gái nông thôn hiền lành. Vợ chồng đến lập nghiệp ở vùng Bắc. Nhà tôi mở một cửa hàng nhỏ bán gia vị vặt vãnh, còn tôi thì vào làm một nhà máy. Vợ chồng tôi có hai trai, một gái, ba cháu thật là của trời cho ông ạ! Nhà tôi với tôi, bọn tôi chịu khó kham khổ cũng nhiều, nuôi được các cháu ăn học, nó giỏi giang lắm. Bà con lối xóm đều lấy làm thèm thuồng, vì các cháu nết na, thật là ngoan ngoãn, chăm làm, lại có học. Cháu Môrixơ là cháu lớn, làm nghề thợ vẽ. Cháu Anbe thì làm thợ máy. Em gái các cháu, là cháu Yvon, nó là một bông hoa xinh xinh mười tám cái xuân xanh- như ở xứ tôi người ta hay nói văn hoa thế - hoa làm si ngây lứa trai khắp vùng, cháu nó đánh máy chữ. Mỗi đứa kiếm được đồng tiền cũng kha khá, đủ cho mình và cho vợ chồng chúng tôi. Ban ngày thì các cháu đi làm, tối đến cả mấy cháu mải mê học hành. Chủ nhật nào cũng cả ngày bàn luận với nhau những cái học được trong tuần. Nói thật tình để ông hay, cứ nghe các cháu nó bàn nó nói là sướng lạ sướng lùng; ấy chính các cháu đã dạy chúng tôi, mẹ các cháu với tôi, biết được không biết bao nhiêu thứ. Vậy là vợ chồng chúng tôi thật là đôi bố mẹ sướng nhất trần đời.

"Chiến tranh bùng nổ. Cháu Môrixơ bị thương nặng từ đầu, ít lâu sau thì chết. Cháu Anbe thì bị ghi là mất tích, sau ba tháng chiến trận. Cứ thế là nhà tôi và cháu gái hoá điên lên, điên vì đau

1) Tức thuỷ thủ dân sự. Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo luật hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức.

đớn. Làng tôi là cái đích cho pháo nã, đạn Pháp đến với chúng tôi cũng nhiều ngang đạn Đức; đạn nó không có quốc tịch, nên đạn bên này hay bên kia thì cũng đều phá phách đồ đạc, cũng đều giết hại người ta, dửng dưng như nhau, tàn khốc như nhau.

"Một hôm nọ, trong gian nhà chúng tôi ở đã đổ vỡ đến nửa, vợ tôi cùng cháu gái tôi đang nấu nướng, thì một cái [1] - chẳng phải loại nồi Na Uy nổi tiếng của Lui Phorextơ đâu, mà là cái loại nồi nó giập be giập bét tuốt - nó bổ xuống.

"Một tiếng nổ kinh hồn, rồi tất cả hất tung lên. Tôi thoát thân vì đang xuống tầng hầm lấy cái gì đó. Đến khi lại người, từ dưới hầm lên, thì lên hết cầu thang, tôi chẳng còn thấy nhà, thấy cửa, thấy vợ, thấy con đâu cả nữa, mà chỉ thấy một khoảng trống không, một khoảng trống không khủng khiếp, hãi hùng, một khoảng trống không nó lấp đặc không trung bằng cái não nuột, cái tận cùng, cái chết chóc, cái tan hoang. Tôi quá sững sờ để còn hoảng hốt... Nhưng hãy chờ đấy, đã hết đâu! Cái lúc ghê gớm nhất trong cả đời tôi, là lúc mà tôi nhận ra trong đống nhà cửa vụn nát, một cái bàn tay máu me của cháu Yvon tội nghiệp của tôi, rồi cách mấy bước, là một cái chân còn giày tất y nguyên của người vợ đáng thương của tôi. Ấy bấy giờ, ấy bấy giờ...".

Đến đây, ông già tái nhợt. Tôi đọc thấy trong đôi mắt cụ, bỗng dại đi, một nỗi niềm đau xót và căm hờn không sao tả xiết. Một cơn co giật làm cụ toàn thân run rẩy. Cụ tỳ hai bàn tay đang quắp lại lên mép bàn. Hai chân cụ di di đều nhịp, như phát sốt, trên sàn nhà, mà căng gân cốt ra như vậy, thì là khi nào con người ta đang cố kìm lại một niềm xúc động đang muốn bùng ra. Tôi nhỏ nhẹ bảo cụ: "Thôi vừa rồi, cố ơi! Xin để hôm khác cố kể cho nghe. Cố xơi củ khoai rán, cố nhé!". Ông cụ như không nghe thấy tôi nói; cụ thở dài một hơi, nói tiếp: "Đấy ông xem, ông thân mến, chiến tranh, cuộc chiến tranh trời tru đất diệt này tôi có cái gì thì nó đã giết sạch cả,

1) Từ lóng chỉ đạn pháo cỡ lớn.

nào là hạnh phúc, nào là nhà cửa, nào người vợ quý, nào bầy con yêu. Còn tôi, thì bây giờ tôi nhờ thiên hạ bố thí để sống qua ngày, sau bấy nhiêu năm trời làm ăn, cực nhọc. Biết đâu, vâng, biết đâu chẳng phải chính cháu Anbe đáng thương của tôi là người bây giờ đây đang nằm đó dưới Khải hoàn môn!".

Cụ gạt một giọt nước mắt thật to, tay run run nâng cái cốc mà tôi vừa rót rượu vào, miệng nói: "Nào, chúc sức khoẻ ông!".

Báo *L'Humanité,*
ngày 30 và 31-5-1922.

BÌNH ĐẲNG

Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột giết người, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn điểm trang cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v..

Nhưng, hãy xem tay chiến sĩ về bình đẳng ấy đã thực hiện bình đẳng như thế nào.

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng vẫn được trả lương hậu hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ mặc dầu đã làm việc lâu năm và mặc dầu rất thành thạo công việc, vẫn chỉ lĩnh một khoản tiền công chết đói, trong khi một người da trắng mới được vào, làm công việc ít hơn, thì lại lĩnh lương bổng nhiều hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học qua các trường đại học của chính quốc và đậu bằng tiến sĩ y khoa hoặc luật khoa, vẫn không thể làm được nghề nghiệp của mình trong nước mình nếu họ không vào quốc tịch Pháp. (Mọi người đã biết, một người bản xứ muốn được vào quốc tịch Pháp như vậy thì khó khăn và nhục nhã như thế nào rồi).

Phải bỏ ruộng nương và nhà cửa đăng vào lính "tình nguyện", những người dân bản xứ ra lính đã được nếm mùi ngay ý nghĩa mỹ miều của cái thứ "công bằng" quái gở mà họ đang phải bảo vệ này.

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng gần như bao giờ cũng được xem là cấp trên của người bản xứ. Người sĩ quan bản xứ phải chào và tuân lệnh sĩ quan da trắng. Cái chế độ đẳng cấp phân biệt "nhân chủng - quân sự" ấy lại còn rõ rệt hơn nữa khi những người lính da trắng và lính khác màu da cùng đi chung trên một chuyến xe lửa hoặc tầu thuỷ. Ví dụ như việc mới nhất gần đây:

Hồi tháng năm, chiếc tàu *Ligiê* chở 600 lính người Mangát từ Pháp sang Mađagátxca. Các hạ sĩ quan người bản xứ thì chen chúc dưới hầm tàu, còn đồng nghiệp của họ, những hạ sĩ quan da trắng, thì được đường hoàng nằm trong các buồng dành riêng.

Hẳn những người anh em khác màu da chúng ta, nóng sôi lên vì các nồi súpde nếu không phải vì lý tưởng, và tỉnh dậy vì tiếng động ầm ầm của chân vịt quay hay vì tiếng gọi của lương tri, có thể suy nghĩ và hiểu rằng cái chủ nghĩa tư bản tốt đẹp kia vẫn coi họ và bao giờ cũng chỉ coi họ như những kẻ ôlô malôtô[1)] mà thôi.

N.A.Q.

Báo *L'Humanité,*
ngày 1-6-1922.

1) Từ ngữ Latinh, có nghĩa là kẻ tanh hôi, bẩn thỉu.

LỜI THAN VÃN CỦA BÀ TRƯNG TRẮC

Quốc vương nước Nam sắp làm "khách của nước Pháp". Gọi là có lời chào mừng tí ti, chúng tôi kính dâng ngài giấc mộng này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng tôi, người bầy tôi trung thành của ngài.

Đêm tối quần quại dưới làn mưa nhỏ hạt dầm dề. Mảnh trăng vàng vọt cố bíu trên những mái lều tranh. Cây đẫm ướt đầm đìa nước mắt tuôn rơi. Gió thổi qua những cụm lá mệt mỏi va nhau thành tiếng kinh rợn. Cành cây vặn vẹo như những cánh tay ma quái, và những đám nước bị từng cơn gió đột ngột quất, cứ nức nở. Cảnh vật nước Nam, lồng trong cây cỏ um tùm, vốn tươi vui và thơ mộng thế dưới ánh trăng, nay buồn thảm lạ lùng. Cơn hấp hối đang chơi vơi khắp. Tai ương lảng vảng đâu đây.

Ánh sáng lừ đừ của những cây nến thơm chấp chới đầu ngọn bấc cong queo, hắt lên những cây cột sơn mài nhẵn bóng trong cung điện những bóng đen lung lay và những con mắt hấp háy. Bọn quan hoạn lim dim uể oải trên chiếc chiếu trải dưới đất ở một góc nhà. Như cảm thấy được có im lặng đang bò lê.

Trống canh vừa điểm ba tiếng. Tùng, tùng, tùng! Các anh là người phương Tây, các anh chẳng hiểu thế là thế nào cả, hử? Tùng,

tùng, tùng! Nhân nó lên năm thế là ba giờ của các anh đấy. Đây là thời khắc ban đêm lúc lương tri cất cao tiếng. Lúc các đống mả khạc ra những kẻ nằm bên trong, họ lìa khỏi những tấm liệm he hé mở, để ra ngoài đi dò đi dẫm, cất lên tiếng rú hoan lạc. Lúc đầu óc con người đầy rẫy những bóng hình, mộng mị. Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên ba, thì ấy là con số chín, con số tận cùng trong những con số chẳng thể chia cũng chẳng thể nhân, mà theo vua Phục Hi thì nó biểu hiện sự suy đốn của một sinh linh được coi như cùng tột *(dương cửu)*[1] .

Đó chính là lúc Thiên tử nằm mơ. Ngài mơ thấy những con rồng chạm trên tủ, bàn bỗng biến động, hoá thành những con rắn gớm ghiếc, mở thao láo những con mắt đỏ ngầu tia máu. Còn những con *phụng hoàng*[2], giống chim tượng trưng cho uy quyền vua chúa, thì vươn chiếc cổ dài ngoẵng tua tủa lông, quệt mỏ xoè cánh, y hệt đám gà trống cáu kỉnh, đáng ghét. Mọi vật bằng ngọc thạch, bằng châu báu, đều xỉn đi, xám xịt lại. Tất cả cứ từ từ quay tròn, và tan dần, tan dần. Rồi một bóng ma trùm khăn, trăng trắng hiện lên. Nhà vua kinh hoàng run lên lập cập, vì không phải vua chúa nào cũng đều can đảm như Hămlét[3], và thông minh như thế thì lại càng không. Ngài muốn kéo chiếu che mặt mà không được.

1) Nguyên bản viết *giương cửu*, vì tác giả muốn bạn đọc Pháp đọc được gần âm Việt hơn.

Dương cửu, một quẻ trong Kinh Dịch, biểu hiện mức cao nhất mà một con người hoặc một sự vật có thể tiến tới được và từ điểm này trở đi nó sẽ xuống dốc (khái niệm thuộc vũ trụ quan siêu hình huyền bí Trung Quốc cổ, sau thường gắn với mê tín về tướng số).

Phục Hi, vua thần thoại Trung Quốc cổ sơ, được coi là thuỷ tổ của vũ trụ quan nói trên.

2) *Phụng hoàng* trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

3) Hămlét: Nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của văn hào Anh Sếchxpia. Trong đoạn đầu của vở kịch Hămlét, hoàng tử nước Đan Mạch, tiếp xúc với bóng ma vua cha hiện về đòi được con báo thù.

Đường bệ và giận dữ, bóng ma nói với vị chủ hoàng cung thế này:

- Mi có nhận ra ta không, đứa con khốn khổ kia ơi! Ta là một trong những người khai sáng nước Nam tươi đẹp này đây. Ta là Trưng Trắc, năm) đã cùng em gái ta là Trưng Nhị và đồng bào đánh đuổi bọn xâm lăng, trả thù chồng, giải thoát quê hương. Đừng có run lên như thế, con ơi! Mà phải lắng nghe lấy lời mẹ bảo! Chẳng hay mi có biết rằng, theo tập tục nghìn năm của nước Nam ta xưa cũ thì Hoàng đế là chịu mệnh trời để trị dân, vì thế mà được coi là con của trời, cha mẹ của dân?

"Vua muốn xứng với lòng trời và làm tròn nhiệm vụ chí tôn của mình thì phải chịu khổ trước dân và chia sướng sau dân. Vua phải tuân lệnh trời, mà tiếng dân chính là truyền lại ý trời. Bằng không thì ấy là trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy.

"Giở sử đất nước ra mà xem, mi sẽ thấy tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn. Lý Bôn (544)[2] , với một nhúm nghĩa sĩ, đã nổi dậy và bẻ gãy ách đô hộ của Hán tộc. Ngô Quyền (938) đã phá tan đạo quân nước ngoài kéo vào đánh chiếm đất đai Tổ quốc ta.

"Dân ta sống trong hạnh phúc và thịnh vượng dưới triều nhà Đinh. Năm 980[3], Lê Đại Hành đã dũng cảm không chịu khuất phục trước yêu sách của láng giềng hùng mạnh hơn mình gấp bội, ông đã đánh thắng địch, giết chết tướng địch. Do đó đã giải thoát được đồng bào khỏi nạn nô dịch.

"Quân Mông Cổ đi đến đâu phá sạch đấy, đã bị nhà Trần vẻ vang của chúng ta đánh bại (1225)[4]. Lê Lợi đã hùng dũng đứng ra lãnh đạo cuộc cách mạng nước Nam, đập tan chế độ tàn bạo và

1) Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 40.

2) Lý Bôn, tức Lý Bí, khởi nghĩa năm 542.

3) Lê Đại Hành phá giặc năm 981.

4) Nhà Trần bắt đầu từ năm 1226.

hạch sách mà những kẻ tự xưng là bảo hộ ta bắt ta chịu.

.....

"Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kế tục ngai vàng của các vị nay sống trong ươn hèn.

"Mặc dầu lễ nghi không cho phép các vị nguyên thủ nước ta rời khỏi cung cấm, thế nhưng chúng ta vẫn phải đau buồn nhận thấy rằng vẫn có những bậc quân trưởng phải lưu vong.

"Năm [1], Tầu (phong kiến) đánh nhau với ta; nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng. Chinh chiến lúc đó thế là lại bắt đầu. Giặc biết rằng không khuất phục được ta bằng uy lực, đã dùng chiến tranh hao mòn. Trần Đế Quỹ đã lãnh đạo dân Nam đoạt được thắng lợi, sau thấy dân cùng kiệt, đói khát, máu đổ xương rơi. Ông biết rằng giặc chỉ muốn hại mình ông, và chúng bắt được ông rồi thì dân Nam sẽ được yên ổn. Vì vậy ông ra nộp mình; ông nộp mình để dân ông đỡ hao tổn sinh linh, xương máu. Bị cầm tù giải đi, ông nhảy xuống sông tự tử. Ông thà chết vinh chứ không sống nhục. Ngày nay, mỗi buổi mặt trời mọc lên lặn xuống, muôn nghìn ánh hào quang vàng óng quây trên dòng sông trong nước bạc long lanh, tạo nên đài kỷ niệm vĩnh cửu cho linh hồn bất diệt của con người chiến bại vĩ đại đó...

"Tiếp đó là Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân - người ở ngôi ngay trước mi. Chính những kẻ xưng xưng là tôn trọng phong tục, luật lệ nước ta đã đày ải ba vị và mai đây sẽ dùng mi làm món đồ rao hàng thuộc địa, cổ động đế quốc. Có thấy không, con! Chẳng thể bao giờ trong niên giám nước mi lại có một vua Nam nào chịu làm tôi tớ đến như mi, lại có một cuộc ngự giá tuần du nào thảm hại

1) Cuộc xâm lược của nhà Minh bắt đầu năm 1406.

đến mức này. Trước đây, mi đã từng phạm tội báng bổ là bệ lên bàn thờ linh thiêng của ông vải hình ảnh ghê tởm của thằng da trắng ngái ngủ và bụng phệ nọ, nó sặc lên mùi tỏi, ớn mùi thây ma. Tại sao, ừ, tại sao mi lại làm thế? Nay mi lại sắp lẩn xa tôn miếu. Tay mi sẽ không thắp hương vào những tiết đầu xuân, đầu thu nữa. Mi sẽ không tự tay mở hương án dâng hoa quả đầu mùa và cúng cơm mới nữa. Vẫn hay, con ạ! rằng tất cả những cái ấy chẳng qua đều là nghi lễ cổ hủ ! nhưng mi cũng thừa biết rằng chỉ còn độc nghĩa vụ đó là mi còn làm được với tổ tiên và mi cũng chỉ còn độc cái uy tín đó mà thôi trước mắt thần dân.

"Giờ thì mi lại sắp làm tệ hại hơn nữa. Mi sắp ca ngợi công đức của những đứa bóc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đâu ra đấy trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp tâng bốc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập sơn hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng ca-nông.

"Ôi, nhìn, hãy nhìn nào, đứa con thảm thương kia ơi! Hãy nhìn quanh mi! Thấy chăng Trung Hoa đang thức tỉnh, Nhật Bản đang duy tân...? Thấy chăng toàn cầu đang tiến, chỉ có dân mi là, nhờ mi và lũ quan thượng của mi, cứ phải chìm ngập mãi trong vũng lầy dốt nát và tôi đòi khốn nạn?

"Hãy nhìn Triều Tiên, Ai Cập và Ấn Độ, tất cả các nước đó đều đang đứng lên đòi hỏi quyền lợi, công lý và tự do!

"Chính giữa lúc đó thì mi... Im... Nghe kìa! Nghe thấy chăng... Nghe thấy chăng những tiếng kêu gào...? A! Người ta đến kia kìa, đông quá, tất cả những người dân nước Nam đã bị thiệt mạng cho cuộc chiến tranh ở châu Âu. Người ta đến đòi những gì mà bọn quan thầy mi đã cùng mi hứa hẹn với người ta, anh em người ta. Trả lời người ta đi nào! A! Người ta giận dữ, người ta bỏ đi.

"Bây giờ thì người ta quay lưng đi rồi, người ta đang đi đến phía đằng kia. Có thấy người ta không? Đằng kia ấy, nơi mặt trời

đang mọc huy hoàng khôn xiết, nơi tung bay kiêu hãnh lá cờ Nhân đạo và Lao động. Đấy! Chính đấy là nơi yên nghỉ tâm linh những người đã khuất, là tương lai của dân tộc mà mi đã phụng sự chẳng ra gì!

"Gà sắp gáy sáng. Sao Bắc đẩu tiến ngang trời. Nhạc tiên đang giục giã ta. Thôi, chào!".

Mồ hôi nhớp nháp đẫm trán vị chúa thượng đang ngủ. Ngài muốn kêu lên. Nhưng không kêu được. Lưỡi ngài líu lại vì sợ.

Một quan hoạn bước vào, khom khom cái lưng ba lần, rồi the thé cái giọng đàn bà:

- Ngai dư[1]! Đã có lệnh lên đường của Tòa Khâm truyền sang rồi đấy ạ!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 24-6-1922.

1) *Trône sous*: Chơi chữ, do dịch sát từng chữ từ "Bệ hạ" sang tiếng Pháp. Hạ: dưới là "sous", mà "sous" thì lại cũng có nghĩa là xu. Vậy ở đây có thể hiểu *Ngai dưới*, cũng có thể hiểu Ngai xu... Chỉ chuyển được phần nào ý đùa và châm chọc nhiều mặt sang bản dịch tiếng Việt.

NHỮNG KẺ ĐI KHAI HOÁ

Dưới đầu đề "Bọn kẻ cướp ở thuộc địa", đồng chí Víchto Mêrích đã thuật lại cho chúng ta nghe sự độc ác không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ đã đổ nhựa cao su vào bộ phận sinh dục của một người phụ nữ da đen khốn khổ. Sau đó, hắn bắt chị phải đội một tảng đá lớn đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên công chức dâm bạo đó hiện đang tiếp tục những thành tích của hắn trong một tỉnh khác với chức vị cũ.

Khốn thay, những việc bỉ ổi như vậy lại không hiếm gì ở cái nơi mà báo chí của các nhà cầm quyền thường gọi là "nước Pháp hải ngoại".

Hồi tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoan Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ An Nam làm nghề gánh muối, lấy cớ rằng người này đã làm mất giấc ngủ trưa của hắn, vì làm ồn ào ngoài hiên nhà hắn ở.

Hay ho nữa là người đàn bà này còn bị doạ đuổi khỏi nơi làm việc nếu bà thưa kiện gì.

Hồi tháng 4, một nhân viên nhà đoan khác đến thay cũng thật xứng đáng với tên trước về những hành động tàn ác của hắn.

Một bà cụ người An Nam, cũng làm nghề gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mụ cai. Mụ cai đến thưa với viên đoan. Viên này chẳng xét xử gì cả, tát bà cụ thợ muối hai cái thật mạnh và khi bà cụ già đáng thương cúi xuống nhặt nón, thì nhà

khai hoá ấy, chưa vừa lòng với trận đòn mà hắn vừa trừng phạt bà cụ, liền đá một cái rất mạnh vào bụng bà cụ khiến cho máu ộc ngay ra lênh láng.

Khi bà cụ người An Nam đáng thương bị ngã quay xuống đất, đáng lẽ phải cấp cứu cho bà, thì người cộng tác viên của ông Xarô ấy lại cho gọi lý trưởng đến và ra lệnh cho lý trưởng đem người bị thương đi nơi khác. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền cho gọi chồng người bị nạn đến, - *ông này bị mù*, - ra lệnh bắt ông phải đem vợ đi. Hiện nay, bà cụ già khốn khổ đó đang nằm nhà thương.

Bạn có muốn đánh cuộc rằng hai ông đoan của chúng ta ở Nam Kỳ, cũng như bạn đồng nghiệp của họ là vị quan cai trị nọ ở châu Phi, có bị làm rầy rà gì không ? Họ hẳn đã được thăng chức nữa kia đấy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,*
số 4, ngày 1-7-1922.

THÙ GHÉT CHỦNG TỘC

Vì nói đến đấu tranh giai cấp và quyền bình đẳng giữa con người mà đồng chí Ludông của chúng ta đã bị kết án là đã tuyên truyền thù ghét chủng tộc. Vậy ta hãy xem tình yêu thương giữa các chủng tộc đã được quan niệm và thực hiện ở Đông Dương như thế nào trong thời gian gần đây.

Hôm nay, chúng ta sẽ không nói đến tội ác của chính quyền thực dân là dùng rượu và thuốc phiện để đầu độc quần chúng và làm cho họ ngu muội đi. Việc ấy các đồng chí chúng ta trong đảng đoàn nghị sĩ tất sẽ có ngày bàn đến.

Mọi người đều biết rõ những thành tích lớn lao của tên quan cai trị sát nhân Đáclơ. Tuy nhiên đâu có phải chỉ mình hắn mới có những thủ đoạn tàn ác đối với người bản xứ như thế.

Một gã Puốcxinhông nào đó, đã hùng hổ nhảy ra đánh một người An Nam chỉ vì người này dám tò mò và cả gan nhìn ngôi nhà của người Âu trong mấy giây đồng hồ. Hắn đánh anh và cuối cùng giết anh bằng một phát súng lục bắn vào đầu.

Một nhân viên sở hoả xa, đã dùng roi mây đánh một người lý trưởng Bắc Kỳ.

Ông Béc đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông thầu khoán Brét, sau khi cho chó cắn một người An Nam đã trói tay người này lại, đá cho đến chết.

Ông Đépphi, chủ sở thuế đã giết chết người đầy tớ An Nam của ông ta bằng một cái đá hết sức mạnh vào mạng mỡ.

Ông Hăngri, thợ máy ở Hải Phòng, nghe ngoài phố có tiếng ồn ào; cửa nhà ông vừa mở thì một người đàn bà An Nam chạy xộc vào, sau lưng có một người đàn ông đuổi theo. Hăngri tưởng là một người bản xứ đang đuổi một *Con gá*[1], liền vớ lấy khẩu súng săn nổ một phát. Người đàn ông ngã vật xuống chết ngay. Đó là một người Âu. Hỏi thì Hăngri trả lời: "Tôi tưởng đây là một thằng bản xứ".

Một người Pháp buộc ngựa của mình vào một cái chuồng trong đó đã có sẵn con ngựa cái của một người bản xứ. Con ngựa đực nhảy chồm lên, làm cho người Pháp tức điên ruột. Ông ta đánh người bản xứ hộc cả máu mồm, máu mũi, rồi đem trói lại treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (Vâng! một vị linh mục nhân từ) nghi một học sinh trường thầy dòng người bản xứ ăn cắp của mình 1.000 đồng, ông ta trói người học sinh này lại, treo lên xà nhà, tra khảo. Người học sinh đáng thương ấy ngất đi. Họ hạ anh xuống. Khi anh hồi tỉnh, họ lại treo lên tra khảo. Anh đã gần chết. Có lẽ hôm nay thì chết rồi.

Vân vân và vân vân.

Toà án có trừng phạt những tên đó, những con người đi khai hoá đó hay không ?

Có tên thì trắng án, có tên thì không ai đụng đến lông chân. Sự tình là như vậy. Ấy thế mà bây giờ thì:

- Bị cáo Ludông, đến lượt anh nói đi!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 4,
ngày 1-7-1922.

1) Hai chữ *Con gái* trong nguyên bản viết bằng chữ Việt. Trong thời kỳ Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những thiếu nữ Việt, vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi, chúng gọi họ là *Con gái* .

CON NGƯỜI BIẾT MÙI HUN KHÓI

Xin tặng Nahô[1], người đã bị quân phiệt thực dân ám hại, bài ký này.

"Chính cuộc chinh phục hệ thống thuộc địa đã rèn luyện tài năng chiến đấu của số đông những nhà chỉ huy quân sự lớn của ta, những con người đã đưa ta đến chiến thắng, đã được dư luận Pháp ca ngợi vinh quang và chiến công ngay khi mang lá cờ nước ta đến dưới những bầu trời châu Phi hay châu Á".

Anbe Xarô
Bộ trưởng Bộ Thuộc địa

Haútxa[2], tháng 1 năm 1998.

Thành phố Haútxa cờ xí tưng bừng. Tưởng đâu như một vị chúa xuân đã gõ cây đũa thần lên gỗ ván khô khốc ở các bao lơn và các cửa sổ, làm mọc ra muôn vàn tấm lá đỏ phấp phới yêu kiều trước

1) Nahông là một người lính thuộc địa đã bị một tên quan ba Pháp giết hại năm 1922 ở miền đông Marốc.

2) Haútxa là tên một tộc người ở Tây Phi. Ở đây, tác giả lấy tên đó đặt cho một thành phố tưởng tượng của châu Phi độc lập và thống nhất tương lai.

gió. Đây là lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Cộng hoà liên hiệp Phi. Chưa bao giờ dân chúng lại tham gia với mức độ ấy những hội hè loại này. Từ sáng sớm, các đường phố, các quảng trường y như một dòng sông người. Từng đoàn học sinh, giương cờ đi đầu, vừa diễu qua các phố vừa hát *Quốc tế ca*, được dân chúng vỗ tay hoan nghênh. Trên quảng trường Xôviết, một cụ già hô hào đám đông. Đó là cố Kimengô, mệnh danh là Con người biết mùi hun khói.

Cụ Kimengô, tuổi đã chín mươi, là một cựu chiến sĩ của quân đội cách mạng, một trong những người sáng lập Cộng hoà da đen. Được phú bẩm một trí thông minh đặc biệt sắc sảo, lại am hiểu tường tận mọi sự kiện chính trị và xã hội của thời đại, cụ Kimengô không những đã ra sức thức tỉnh anh em cùng màu da ra khỏi giấc ngủ mê say của con người nô lệ, mà còn cố gắng phá tan mọi thành kiến dân tộc và chủng tộc, tập hợp những người bị bóc lột thuộc các màu da trong cuộc đấu tranh chung. Cụ đã thành công. Kimengô là một trong số hiếm những người đã chịu gian khổ lớn để gieo hạt và

được hưởng hạnh phúc lớn gặt vụ mùa thắng lợi. Mái tóc cụ bạc phơ như tuyết khuôn rực rỡ bộ mặt màu mun. Đôi mắt cụ hiền dịu và nhìn sâu thẳm. Miệng cụ luôn tươi cười, dù trước những nguy nan nghiêm trọng nhất hay trong những giờ phút đen tối nhất. Từ toàn bộ con người cụ toát ra nhân từ và cao quý. Cụ đáng tôn kính và được tôn kính.

Chúng tôi đến nơi thì cụ đã nói được nửa chừng, và đây là những lời mà chúng tôi nghe được:

"... Có những từ ngữ mà người già các bác trước kia thường nghe thường nói, thì nay không còn trong từ ngữ của các cháu nữa. Và như thế là tốt. Bây giờ các bác nói đến toà án, cảnh sát, quân đội, nhà tù, thuế khoá, thì các cháu chẳng mấy người hiểu những cái đó là cái gì.

"Thời bác thì nước Cộng hoà của chúng ta là thuộc địa Pháp. Trong nước, có người giàu và người nghèo. Người giàu là những kẻ hưởng tất cả, tuy gì cũng chẳng làm. Người nghèo là những kẻ gì cũng làm, mà chẳng được hưởng gì cả. Người nghèo phải chịu chết chóc cho người giàu khi nào bọn này bất hoà với nhau: cái đó gọi là thuế máu. Người nghèo làm ra được cái gì đều phải nộp cho người giàu: cái đó gọi là thuế tiền.

"Vậy nhé, bọn tư bản da trắng lấy nước ta làm thuộc địa xong, nó bắt các bác phải nộp các thứ thuế, mặc dầu các bác nào có của nả gì đâu. Nộp thì không có gì để nộp; để khỏi bị hành hạ, các bác phải bỏ trốn vào rừng. Chúng nó đem chó và đem súng đuổi theo, các bác đành phải ẩn vào một cái hang, ngày nay gọi là hang Tuẫn nạn.

"Bọn bác hơn hai trăm mạng, đàn ông có, đàn bà có, trẻ em có. Cứ tưởng rằng như thế là tạm yên thân, nên mặc dầu phải chịu ẩm, chịu tối, chịu đói, cực lắm, các bác có ý định cứ nán lại đó càng lâu càng hay, vì biết rằng bọn nó vẫn rình ở ngoài hang với súng ống. Hang tối như bưng ngày cũng như đêm, bác chẳng biết ở trong đó bao lâu.

"Chẳng trông thấy gì hết, chẳng nghe thấy gì hết, trừ tiếng chó sủa dữ dội, xa xăm, nhắc nhở rằng tình thế vẫn hiểm nghèo.

"Một ngày nọ, nói đúng hơn là một đêm nọ, các bác ngửi thấy có cái mùi khét lẹt tràn vào chỗ náu trong lòng đất. Mùi khét nặng lên nhanh và trở thành không thể chịu nổi. Gì thế? Chẳng ai biết... Trẻ nhỏ thì khóc, đàn bà thì la, đàn ông thì chửi. Hoảng loạn! Chạy đi ư? Nhưng chạy đâu chứ? Khủng khiếp quá! Tiếng răng lập cập, tiếng thét xé tai, tiếng nấc, tiếng thân người đổ xuống, tiếng khóc điên rồ, làm cho cái xó tối ám khói đó hệt như là một địa ngục.

"Bấy giờ bác ở tận cuối hang. Bác theo bản năng nhắm mắt, ngậm miệng, áp mặt vào vách hang. Như thế cảm thấy dễ thở hơn và ngủ đi lúc nào không biết. Tỉnh dậy thì thấy có tia sáng chiếu chếch vào mặt, đấy là một kẽ hở qua đất, nhờ đó mà bác thở được và thoát chết. Bác nhằm đào một lối ra phía đó, nhưng chỉ mệt xác vô ích. Bác bèn quyết định thôi đành liều mạng cứ phía cửa hang mà ra. Quờ quạng và dẫm qua hai trăm xác chết hun mới trở lại

được với khoảng trời tự do.

"Bác ăn cỏ, ăn rễ cây, đi lang thang hết làng này sang làng nọ; cuối cùng thì được bố của đồng chí người da trắng này đây thu nhận về nuôi như con. Ông đã dạy dỗ bác theo những nguyên tắc của tình hữu ái và của chủ nghĩa cộng sản; ông cũng đã cho bác biết tên thằng da trắng vì muốn thu thuế mà đã hun các bác chết ngạt một cách man rợ như vậy.

"Thằng hun khói, tên nó là Bruye, là đại diện của nước Pháp và là công sứ ở Haútxa".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 20-7-1922.

THƯ NGỎ GỬI ÔNG ANBE XARÔ, BỘ TRƯỞNG BỘ THUỘC ĐỊA

Thưa ngài,

Chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ rằng, đối với dân bản xứ ở thuộc địa nói chung và đối với dân An Nam nói riêng, lòng thương yêu của Ngài thật là bao la rộng rãi.

Dưới quyền cai trị của Ngài, dân An Nam đã được hưởng phồn vinh thật sự và hạnh phúc thật sự, hạnh phúc được thấy nhan nhản khắp trong nước, những ty rượu và ty thuốc phiện, những thứ đó song song với những sự bắn giết hàng loạt, nhà tù, nền dân chủ và tất cả bộ máy tinh vi của nền văn minh hiện đại, đã làm cho người An Nam tiến bộ nhất châu Á và sung sướng nhất trần đời.

Hành động nhân ái ấy đủ để chúng tôi không cần nhắc lại tất cả những hành động khác như: bắt lính và bắt mua công trái, đàn áp đẫm máu, truất ngôi và đầy biệt xứ một ông vua, xâm phạm và làm ô uế những nơi linh thiêng, v.v..

Thật đúng như câu thơ chữ Hán đã tả: *Gió âu yếm thổi chiều quạt phẩy, mưa nghĩa nhân đón vết xe lăn*[26]. Được nắm quyền tối cao cai quản các thuộc địa, danh vọng của Ngài càng cao bao nhiêu thì sự quan tâm đặc biệt của Ngài đối với những người Đông Dương càng tăng lên bấy nhiêu. Ngài đã cho thiết lập ngay ở Pari một cơ quan đặc trách để theo dõi những người bản xứ cư trú trên đất Pháp, đặc biệt là theo dõi những người Đông Dương, như một tờ báo thuộc địa đã nói rõ.

Nhưng chỉ "theo dõi" không thôi thì thấy hình như chưa xứng với tấm lòng thương yêu của Ngài như bậc cha mẹ, nên Ngài còn muốn gia ơn hơn nữa. Vì vậy mà gần đây, Ngài đã ban cho mỗi người An Nam - người An Nam yêu quý, như ngài thường nói - nhiều người "hầu cận" đặc biệt. Tuy những người này còn ấu trĩ trong nghệ thuật của Séclốc Hô[1], nhưng họ cũng đã tỏ ra rất tận tụy và rất đáng yêu. Chúng tôi chỉ còn biết khen ngợi họ và ca tụng người cầm đầu họ là Ngài.

Chúng tôi thành thật lấy làm cảm động được Ngài dành cho vinh dự đó, và chúng tôi có lẽ sẽ tiếp nhận vinh dự đó với tấm lòng biết ơn sâu sắc nhất, nếu vinh dự ấy đối với chúng tôi xét ra không phải là có hơi thừa, và không gây ra những sự ghen tị và suy bì.

Trong lúc Nghị viện đang tìm cách tiết kiệm chi tiêu, hạn chế số nhân viên các cơ quan hành chính; trong lúc ngân sách bị thâm hụt nhiều, nông nghiệp và công nghiệp thiếu nhân công; trong lúc phải hạn chế tiền lương của người lao động và trong lúc việc phục hồi dân số đòi hỏi phải sử dụng mọi năng lực vào việc sản xuất, - trong lúc như thế, chúng tôi lại cứ tiếp nhận những đặc ân riêng cho cá nhân mình, gây ra lãng phí sức lực của những người công dân bị đày vào cảnh vô công rồi nghề như những người "hầu cận" nói trên, và gây ra sự tiêu phí tiền bạc mà giai cấp vô sản đã đổ mồ hôi sôi nước mắt mới kiếm ra được, - thì quả là không yêu nước tý nào.

Vì vậy, tuy rằng vẫn là kẻ đội ơn Ngài, chúng tôi cũng trân trọng xin Ngài miễn cho cái đặc ân ấy, đối với chúng tôi thì nó quý hoá thật, nhưng đối với nước nhà thì lại là quá lãng phí.

Nếu Ngài nhất thiết cần biết hằng ngày chúng tôi làm gì thì rất dễ thôi: cứ mỗi buổi sáng chúng tôi sẽ phát hành một bản tin về sự đi lại của chúng tôi và Ngài chỉ việc đọc là biết.
Vả lại, thời khoá biểu của chúng tôi rất giản đơn và hầu như cố định.

1) Nhân vật nổi tiếng trong tiểu thuyết trinh thám Anh, chỉ thám tử lành nghề.

Sáng: Từ 8 đến 12 giờ ở xưởng máy.

Chiều: Ở phòng báo chí (dĩ nhiên là báo của phái tả), hoặc ở thư viện.

Tối: Ở nhà riêng, hoặc dự những buổi nói chuyện bổ ích.

Chủ nhật và ngày lễ: Thăm nhà bảo tàng hay những nơi bổ ích khác.

Chỉ có thế thôi!

Hy vọng rằng cách này vừa tiện, vừa hợp lý có thể làm Ngài hài lòng được, chúng tôi xin kính gửi Ngài, v.v..

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 25-7-1922.

KHAI HOÁ GIẾT NGƯỜI

Cũng trên mục diễn đàn này, gần đây chúng tôi đã nêu lên một loạt những vụ giết người mà thủ phạm là những kẻ đi "khai hóa" của chúng ta, nhưng vẫn không bị trừng phạt. Than ôi! quyển sổ đoạn trường ấy cứ mỗi ngày một dài thêm, thật là đau xót.

Lại mới đây thôi, một người An Nam, trạc 50 tuổi, làm công cho sở xe lửa Nam Kỳ đã 25 năm nay, bị một viên chức người da trắng giết. Sự việc như sau:

Anh Lê Văn Tài điều khiển bốn người An Nam khác làm việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho tầu bè qua lại. Theo lệnh đã quy định thì phải đóng cầu 10 phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng 4, hồi 16 giờ 30, một người trong bọn họ mới đóng cầu và hạ tín hiệu xuống, vừa lúc *một chiếc thuyền máy công đi đến, trên thuyền chở một viên chức xưởng đóng tàu của hải quân đi săn về.* Chiếc thuyền máy kéo còi lên. Nhân viên người bản xứ liền ra đứng giữa cầu, phất cờ đỏ báo cho những người trên thuyền máy biết rằng xe lửa sắp chạy qua và do đó cầu đã đóng rồi. Và sau đây là câu chuyện đã xảy ra: Chiếc thuyền máy ghé sát vào trụ cầu. Người viên chức Pháp liền nhảy lên bờ và hầm hầm tiến về phía người An Nam. Anh này khôn ngoan, chạy trốn về phía nhà ông Tài là "xếp" của mình. Người viên chức kia đuổi theo, lấy đá ném anh ta. Nghe có tiếng ồn ào, Tài liền chạy ra đón vị đại diện của nền văn minh, viên này mắng ngay: "Đồ súc vật, tại sao mày

không mở ra ?". Vốn không biết tiếng Pháp, Tài chỉ còn biết trả lời bằng cách trỏ vào cái tín hiệu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho ông cộng tác viên của Ngài Lông nổi xung lên. Không phân phải trái gì, ông ta nhảy xổ vào Tài và *sau khi đã "khiền" cho một trận, còn đẩy anh vào một đống than hồng ở gần đó.*

Người An Nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, được chở đến nhà thương, và sau sáu hôm cực kỳ đau đớn anh đã chết tại nhà thương.

Người viên chức kia vẫn được vô sự không có gì phải lo lắng cả. Trong lúc ở Mácxây, người ta triển lãm cảnh phồn thịnh giả tạo[27] của xứ Đông Dương thì ở An Nam đang có những người bị chết đói. Ở bên này, người ta ca tụng lòng trung thành, còn ở bên kia, người ta đang giết người! Như vậy nghĩa là thế nào hỡi Đấng chí tôn Khải Định và Cụ lớn Xarô ?

NGUYỄN A.Q.

T.B.- Trong khi tính mệnh của một người An Nam bị xem như thân con chó, không đáng giá một đồng trinh, thì Ngài Tổng thanh tra Rêna, bị sướt có một chút da ở cánh tay mà được lĩnh 120.000 phrăng tiền bồi thường. Ôi, bình đẳng! Bình đẳng quý hoá thay!

Báo *Le Paria*, số 5,
ngày 1-8-1922.

PHỤ NỮ AN NAM VÀ SỰ ĐÔ HỘ CỦA PHÁP

Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi. Bạo lực đó, đem ra đối xử với trẻ em và phụ nữ, lại càng bỉ ổi hơn nữa.

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi ta thấy rằng văn minh dưới nhiều hình thức khác nhau, như tự do, công lý, v.v. - được tượng trưng bằng hình ảnh một người đàn bà dịu hiền và được một

hạng người nổi tiếng là hào hoa phong nhã ra sức điểm tô - lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người đàn bà bằng xương bằng thịt và xúc phạm một cách vô liêm sỉ tới phong hoá, trinh tiết và đời sống của họ.

Thói dâm bạo ở thuộc địa là một hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể nào tưởng tượng được. Ở đây chúng tôi chỉ tạm nêu ra một vài sự việc mà những người vô tư đã chứng kiến và kể lại những điều tai nghe mắt thấy, để chị em phụ nữ phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là "sứ mạng khai hoá" mà bọn tư bản đã giành lấy độc quyền thi hành, đồng thời hiểu rõ nỗi đau khổ của chị em phụ nữ ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: "Khi bọn lính kéo đến, dân chúng chạy trốn cả, chỉ còn lại hai cụ già và hai phụ nữ, một thiếu nữ còn tân và một phụ nữ đang cho đứa con mới đẻ bú, tay dắt một em gái nhỏ lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu mạnh và thuốc phiện.

Không ai hiểu chúng nói gì, thế là chúng nổi giận lấy báng súng nện một cụ già ngất đi, rồi còn một cụ thì trong mấy giờ liền, hai tên trong bọn lính, khi kéo đến đã say bí tỉ, đem thiêu trong một đống củi cành khô làm trò vui với nhau. Trong khi đó, thì những tên khác hiếp hai phụ nữ và em gái nhỏ, chán rồi, chúng giết chết em bé. Lúc đó, người mẹ bồng đứa con kia trốn được, rồi từ trong một cái bụi cây cách đấy độ 100 mét, trông thấy người chị em mình đang bị hành hạ. Duyên cớ làm sao, chị chẳng biết, chị chỉ thấy người thiếu nữ bị đặt ngửa trên mặt đất, tay chân bị trói chặt, miệng bị bịt lại, còn một tên lính thì lấy lưỡi lê cứ từ từ, từng nhát một, chọc vào bụng chị, rồi lại chầm chậm rút ra. Sau đó, chúng chặt ngón tay người thiếu nữ đã chết để cướp lấy chiếc nhẫn và chặt cổ để cướp lấy chiếc vòng.

"Trên mảnh đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: em bé bị lột truồng, thiếu nữ bị mổ bụng, cánh tay trái cứng đờ giơ lên trời vô tình, bàn tay nắm chặt. Còn xác ông cụ già thì ghê gớm làm sao, cũng trần truồng như thế, nhưng vì bị thiêu cháy nên không nhận ra hình thù được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đọng lại và da bụng thì bị phồng lên, chín vàng, óng ánh như da con lợn quay vậy".

(Còn tiếp)[1)]

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 5,
ngày 1-8-1922.

1) Các số báo *Le Paria* sau không thấy đăng tiếp.

"SỞ THÍCH ĐẶC BIỆT"

Từ khi đến Pari, Khải Định, Hoàng đế nước An Nam đã thành mục tiêu bao vây theo như thường lệ của một số bà buôn son bán phấn. Họ đã dâng lên Ngài Ngự nhiều bức thư nồng nàn tình tứ và nhiều tấm ảnh khêu gợi. Nhưng Khải Định vốn là bậc hiền triết,

Ngài Ngự bèn truyền đem tất cả thư và ảnh ấy vứt vào sọt rác, và ai hỏi, Ngài Ngự cũng đều từ chối không trả lời gì hết.

Ông Anbe Xarô đã trả lời một mỹ nhân hỏi về việc đó như sau:

- Ấy, Hoàng thượng Ngài có những sở thích rất đặc biệt.

Bà này rất đỗi ngạc nhiên và muốn hỏi cặn kẽ thêm, nhưng ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã đánh trống lảng:

- Hoàng thượng Ngài chỉ thích đọc sách thôi.

Bà ta lại hỏi:

- Thế hiện giờ Hoàng thượng đang đọc gì?

Ông Anbe Xarô trả lời:

- Platông.

(Nghe Lỏm)

Bảo rằng Hoàng đế Khải Định là bậc hiền triết, điều đó ta không nghi ngờ gì cả. Nhưng hiền triết thì cũng không phải là không cần lễ độ, và chúng tôi mạn phép kính tâu Hoàng thượng rằng cử chỉ của Ngài dù uy nghi đến đâu chăng nữa nhưng vẫn hoàn toàn thiếu lịch sự. Riêng chỉ nghĩ rằng những bà lịch sự kia, vì ham chuộng những cái của vua chúa mà bị khinh miệt một cách phũ phàng như thế ắt không khỏi sẽ trút tất cả mối căm thù ghê gớm của các bà vào những *đề tài* về Hoàng thượng, là người ta cũng đủ run lên rồi. Quan lớn Bộ trưởng vốn có tài ăn nói. Ông lại rất am hiểu chữ nghĩa của nước ông. Vậy mà câu ông trả lời mỹ nhân lại rất mập mờ. Ông dùng chữ "sở thích đặc biệt", thật ra là muốn nói gì nhỉ? Có phải ngẫu nhiên mà, mặc dầu vừa mới chân ướt chân ráo tới cái thành phố ánh sáng này, Đức Hoàng thượng rất ư thông thái và đầy tâm hồn nghệ sĩ đã làm quen được ngay với một nghệ sĩ nổi tiếng và một thi sĩ lừng danh rồi chăng? Đặt câu hỏi như thế, chính là đã trả lời rồi đó. Sau khi mỹ nhân muốn hỏi cặn kẽ thêm, và sau khi quan lớn Bộ trưởng đánh trống lảng, thì cái câu nói mập mờ rất hùng biện kia vẫn còn tiếp tục thêm rằng: tuy trong chữ [illegible] có chữ *Thé* (như Víchto Huygô từng nói), chúng ta vẫn không tin rằng Hoàng thượng lại hạ cố đến những tác phẩm của người thầy học của Arixtốt, vì Hoàng thượng vẫn luôn luôn phải có người thông ngôn mới hiểu được tiếng Pháp (và cả tiếng Hy Lạp nữa) kia mà. Cho nên khi ông Bộ trưởng nói rằng Hoàng thượng hiện đang đọc Platông là ông chưa nói hết cái chữ mà ông định nói: Chắc là ông định nói chữ Platô...ních[2] đấy mà.

---

1) *Théétète*, tên một bài đối thoại của Platông bàn về tri thức và cơ sở của triết học, viết vào khoảng năm 369 trước công nguyên. Tác giả viết câu này để nói ý rằng chữ *Platông* ở câu sau cũng còn dùng dở vần.

2) *Platonique* nghĩa đen là theo học thuyết Platông: thuần tuý lý tưởng. Nghĩa bóng là vô hiệu lực. Ở đây, muốn ám chỉ bệnh liệt dương của Khải Định.

Amicus Plato, sed magis amica [1]

Và chúng tôi xin trả lời:

"Ông bạn Platông ơi, Hoàng thượng chỉ thích xem thôi".

NG.A.Q.

Báo *Le Paria,* số 5,
ngày 1-8-1922.

1) Nghĩa là *Tôi rất quý Platông nhưng đối với tôi, sự thật còn quý hơn nhiều*. Đây là một câu châm ngôn rút trong tác phẩm của Amôniuyt, nhan đề là *Cuộc đời của Arixtốt.*

THƯ GỬI KHẢI ĐỊNH

Kính gửi: Hoàng thượng Khải Định
An Nam Hoàng đế
Vĩnh biệt V.V.C.

Ngài đã đến - hay nói cho đúng hơn là người ta đã đưa Ngài đến, coi như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ. Người ta định đem Ngài bày ít nhất là vài ba tháng trong tủ kính xinh xẻo, nhưng mỏng manh và có thể bị huỷ hoại. Thế mà Ngài lại ra đi, hay nói cho đúng hơn, là người ta đã buộc Ngài phải cuốn gói ra đi. Được ăn ở sang trọng tại phố Uđinô, được ru êm ấm trong tay của *điện hạ* Xarô - ông Hoàng An Nam và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa- như trên tay một người cha, thế mà Ngài vẫn kêu là còn rét. Nếu tất cả đồng bào của Ngài - những người đã từng dấn thân trong bùn lầy, sương tuyết và dưới làn mưa đạn trên chiến trường ở nước Pháp, những người đã và đang bị đày đoạ dưới tiết trời rét như cắt da cắt thịt, đã và đang bị đe doạ bởi những kẻ *mà họ* tấn công, - nếu tất cả những người đó đều nói như Ngài đã vội ch...uồn ngay, chớ chẳng chịu liều mạng - cố nhiên là liều cái mạng không đế vương bằng, nhưng dẫu sao cũng quý báu - thì Ngài có thể lấy đâu ra được để tỏ cái lòng trung quân dễ kiếm và lòng trung thành rẻ rúng để làm vừa ý cái ông chủ của Ngài, như Ngài đã từng tỏ ra ở Nôgiăng hay ở những nơi khác?

Ngoài vấn đề tình cảm ra, và ngoài mấy con ngựa cái ở trường

đua Lôngsăng cùng những vẻ đẹp cổ đại ở nhà hát Ôpera ra thì Ngài đã thấy gì trong suốt thời gian "tham quan" của Ngài ở cái nước Pháp lạc thú này?

Ngài có thấy được nguyện vọng thiết tha mong muốn công lý, tự do và lao động của quần chúng rộng rãi của dân tộc Pháp này không? Ngài có thấy được tình cảm cao cả yêu chuộng hoà bình và hữu nghị đang làm rung động trái tim của quần chúng đó, - số quần chúng mà, qua những cuộc cách mạng giải phóng, giờ đây đã giải phóng mình khỏi ách của bọn vua chúa, để trở thành kẻ tự mình làm chủ mình đó không?

Qua những lời tán tụng hèn hạ trong những bài diễn văn của mấy nhà đương cục và trong những bài báo được trợ cấp tiền của mấy tờ báo "lương thiện" ra, Ngài còn có nghe thấy gì nữa không? Ngài có được nghe người ta nói đến Paxtơ hay Vônte, Víchto Huygô hay Annatôn Phrăngxơ không? Ngài có được nghe người ta nói đến bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền không? Ngài có được nghe người ta kể lại lịch sử của cuộc cách mạng bất diệt không? Sau những xúc động mạnh mẽ khi xem những đại bác, xe tăng hoà bình diễu qua, thì trong cái *đầu* chít khăn của Ngài đã vội chớm nở nỗi nhớ nhà, thế là Ngài vội vã cuốn gói ra đi! Ngày mai đây, Ngài sẽ xuống tàu, và Ngài sẽ lại trông thấy những biển cả ven theo đất nước của người Ai Cập và người Ấn Độ. Hoà lẫn với tiếng sóng gầm vang, những tiếng thét dữ dội của nhân dân bị áp bức ở các nước này, cũng như của nhân dân nước Ngài, sẽ xé tan bầu không khí yên tĩnh bên tai Ngài. Và nếu như Ngài có đôi chút óc tưởng tượng, Ngài sẽ thấy rằng ý chí của nhân dân - một ý chí đã được hun đúc trong nghèo đói và khổ cực - một ý chí còn mạnh hơn và dẻo dai hơn sóng cả, cuối cùng sẽ khoét hổng dần và đánh bật cái tảng đá bề ngoài có vẻ vững chắc là sự áp bức và bóc lột kia đi. Có thể Ngài sẽ tự nhủ rằng cái mà Ngài trông thấy đấy là một chút của nước Pháp đó

Vĩnh biệt... người đồng hương! Một khi mà những đợt sóng biển vô tình đã lấp kín vết đi của con tàu Ngài ngồi thì nước Pháp sẽ quên Ngài, cũng như Ngài sẽ không còn nhớ chút gì về những người Pháp nữa.

Để giữ kỷ niệm của một nền văn minh hiện đại và lớn lao, Ngài mang theo về cung điện của Ngài một chiếc dương cầm, vài cái nhẫn và cả mấy chiếc bật lửa mà Ngài đã đổi được bằng chút ít uy tín mà Ngài để mất mát đi trong trái tim nhân dân của Ngài. Và khi Ngài lại trở về sống giữa đám phi tần và nội thị của Ngài, giữa những sọt giấy lộn và tẩu thuốc phiện của Ngài, thì một vài tên ký lục già sẽ thêu dệt thay Ngài và hộ Ngài để gửi cho nước Pháp mà Ngài không hề hiểu biết một vài câu nịnh hót hay một vài vần thơ lủng củng, dưới đó, những ngón tay đầy nhẫn của Ngài sẽ cầm bút ký cái chữ ký của một vị đế vương là nghệ sĩ và văn nhân (!).

Thế là cái ý nguyện bình sinh lớn của Ngài đã được thoả mãn. Và như vậy là hạnh phúc và ấm no của nhân dân An Nam cũng sẽ được xây dựng và củng cố rồi đấy!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Journal du Peuple,*
ngày 9-8-1922.

DƯỚI SỰ BẢO HỘ CỦA...

Khi làm công sứ tỉnh Thái Nguyên (Bắc Kỳ), vì mục đích tống tiền, Đáclơ đã bắt bớ, giam cầm và kết án vô cớ người bản xứ. Hắn đã giáng những cú đấm và những trận đòn roi vào những người bản xứ bị gọi đi lính "tình nguyện". Hắn đối xử tàn ác với những người lính lệ bản xứ, nắm tóc họ lôi xềnh xệch, đập đầu họ vào tường nhà của hắn.

Hắn đâm lưỡi kiếm vào những người tù khiến họ bất tỉnh nhân sự.

Viên công sứ Đáclơ đánh một người bản xứ bằng roi sắt và làm gãy hai ngón tay của người này. Hắn dùng roi đánh túi bụi một viên đội người bản xứ. Hắn chôn đến tận cổ những người lính lệ bản xứ nào không làm vừa lòng và chỉ cho đào họ lên khi họ đã gần chết. Hắn dùng gậy đâm lòi mắt một viên đội người bản xứ khác.

Cuối cùng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã bùng nổ chống lại sự tàn ác của hắn và máu người bản xứ lẫn máu người Pháp đã đổ. Bao nhiêu máu đã chảy, bao nhiêu nhà đã bị phá, và bao nhiêu người vô tội đã bị chặt đầu.

Để thưởng những công trạng đáng khen ấy của viên công sứ Đáclơ, người ta phong hắn chức chánh giám khảo các trường lớn ở Hà Nội và bổ nhiệm hắn làm đổng lý văn phòng của viên thống sứ Bắc Kỳ.

Báo *L'Humanité* và Hội Nhân quyền và Dân quyền đã phản đối.

Nếu viên sĩ quan Đức Phôn Sephen bị tù 20 năm khổ sai vì đã tàn sát người ở Rôngcơ thì viên công sứ Đáclơ đáng phải tù ít nhất là gấp ba lần 20 năm khổ sai vì tội ác của hắn.

Nhưng các bạn có biết số phận của hắn ta như thế nào không?

Hắn đã trở thành uỷ viên Hội đồng thành phố Sài Gòn, nghĩa là người cộng tác trực tiếp của các ngài Xarô và Utơrây và làm chủ vận mệnh những người nhà) ở Sài Gòn!

Hạnh phúc thay xứ Nam Kỳ!!

NGUYỄN ÁI QUỐC

MỘT VẤN ĐỀ

Có thật người Pháp tên là C. phục vụ trong Sở mật thám của viên toàn quyền Đông Dương không ? Có thật cái tên C. ấy được phái đi "công cán" ở Phú Xuyên đã buộc những người An Nam ở đó phải gọi hắn là Quan lớn[1)], và đánh đập tàn nhẫn những ai chậm tuân theo lệnh hắn không? Có thật cũng chính tên C. ấy đã đánh người lính lệ[1)] không? Ở cái thiên đường Đông Dương, người ta được phép và có thể làm bất cứ gì, có phải như thế không, Ngài toàn quyền Lông?

N.A.Q.

Báo *L'Humanité,*
ngày 17-8-1922.

1) Những chữ "nhà quê", "Quan lớn", "lính lệ" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VÀ THANH NIÊN TRUNG QUỐC

Phong trào thanh niên xã hội chủ nghĩa mới bắt đầu ở Trung Quốc từ năm 1920. Nhưng từ đó và chỉ có từ đó thì những thanh niên mácxít, những thanh niên vô chính phủ chủ nghĩa, những nghiệp đoàn xã hội chủ nghĩa và những công đoàn mới gia nhập các hội liên hiệp. Và chỉ từ tháng 11 năm 1921, những thanh niên cộng sản mới thành lập được các tổ chức độc lập của họ. 5 nghìn thanh niên đã tập hợp dưới ngọn cờ búa liềm. Hồi tháng 5 năm 1922, họ triệu tập Đại hội toàn Trung Quốc. 16 diễn giả đã lên phát biểu trên diễn đàn Đại hội. Họ đã bầu ra một Ban chấp hành gồm 25 đại biểu, thay mặt cho 15 tổ chức, và 2 đại biểu thay mặt cho các thanh niên ở ngoài nước. Họ thông qua một bản điều lệ gồm 35 điểm.

Đại hội kêu gọi các công nhân và lao động toàn Trung Quốc, các sinh viên, các thanh niên nam nữ, tất cả những người có tư tưởng độc lập, các binh lính cũng như cảnh sát.

Cương lĩnh của tổ chức đó gồm có 4 phần sau đây:

A. Về chính trị

1. Đấu tranh giai cấp.

2. Quyền đầu phiếu.

3. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do bãi công.

B. Về kinh tế

1. Ngày lao động (6 giờ cho những thanh niên 18 tuổi trở xuống, 8 giờ cho những người đã đủ tuổi thanh niên). 2. Tuần lễ nghỉ một ngày. 3. Bỏ chế độ hợp đồng cá nhân ký giữa chủ và thợ. 4. Bảo hộ lao động cho công nhân. 5. Lao động ngang nhau thì trả lương ngang nhau.

C. Về giáo dục

1. Giáo dục xã hội ở nhà nước: dùng các cuộc nói chuyện, các báo chí để tuyên truyền những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa, 2. Giáo dục chính trị bằng các cuộc nói chuyện, các sách báo, và các cuộc thảo luận về đấu tranh giai cấp.

D. Về việc giáo dục ở nhà trường

Sửa đổi chương trình giáo dục, giáo dục phổ thông bắt buộc, v.v..

Đại hội kết thúc bằng bài "Quốc tế ca".

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B. Mãi khi tới Pari, chúng tôi mới nhận được số báo *Tiền phong* đầu tiên, viết bằng chữ Trung Quốc.

Báo *L'Humanité,*
ngày 19-8-1922.

"CHỦ NGHĨA VIĐA" CÒN ĐANG TIẾP DIỄN

Hàng nghìn dân bản xứ bị cưỡng bức đẩy vào quân đội để bảo vệ những két bạc cho những kẻ bóc lột mình.

Chúng ta nhớ rằng, để buộc những người châu Phi thực hiện "nghĩa vụ của mình", người ta đã đốt nhà cướp của của họ và sau đó, những nạn nhân ấy bị bắt đi lính cho đội quân tiên phong của *nền văn minh.*

"Việc dạy dỗ" người bản xứ bằng những cú đá đít và đánh đập đã trở thành thói quen của những vị trứ danh của chúng ta.

Anh Nahông bất hạnh, "người bị giết hai lần" - lần đầu do đại uý Viđa và sau đó, là do bác sĩ, người được lệnh mổ xác và xác định nguyên nhân cái chết của anh, người đã không ngần ngại đánh cắp và giấu di hài của người chết đó để lấp liếm cho kẻ giết người, - than ôi, không phải là nạn nhân đầu tiên của chủ nghĩa quân phiệt thực dân! Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa cho biết về một trường hợp bi thảm khác.

"Lần này, - anh ấy nói, - sự việc xảy ra ở Medông Carê, trong trung đoàn bộ binh thứ 5. Nạn nhân là một người lính trẻ tên là Terie, sinh quán ở Tênét, bị gọi ra lính năm 1921. Cái chết của anh ta thật là đặc biệt bi đát. Ngày mồng 5 tháng 8, Terie đến quân y trung đoàn xin thuốc tẩy. Anh nhận thuốc, hay nói cho đúng hơn, anh đã nhận cái mà anh cho là thuốc tẩy. Người lính uống thuốc và sau vài giờ thì chết một cách đau đớn khủng khiếp. Ông Terie, cha của anh ấy nhận được một bức điện ngắn ngủi về cái chết của con trai báo rằng lễ an táng sẽ được tổ chức vào ngày hôm sau. Điên dại vì đau đớn, người cha đáng thương vội vã đến Angiê, đến trung đoàn bộ binh thứ 5 đóng ở Medông Carê, và tại đây, ông biết xác đứa con trai duy nhất của ông đang ở trong quân y viện Maiô. Làm thế nào mà nó lại rơi vào đấy? Tại sao người ta lại đưa nó về Maiô? Phải chăng là vì cần phải tìm ra nguyên nhân thực sự của cái chết và mô tả nó như một cái chết đột ngột trên đường hành quân?

Tại quân y viện, khi người cha bất hạnh đề nghị được phép nhìn xác con trai thì người ta bảo ông ta *hãy đợi*. Sau đó, một vị thiếu tá xuất hiện và nói rằng việc phẫu nghiệm đã được tiến hành, nhưng nguyên nhân của cái chết không rõ và ông ta không thể cho phép người cha nhìn thấy xác người con trai của ông.

Theo những tin tức cuối cùng thì người ta biết rằng khi ông Terie yêu cầu viên chỉ huy trung đoàn bộ binh thứ 5 giải thích, ông ta được trả lời như sau: "Con trai của ông chết vì bị ngộ độc".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,* ngày 7-9-1922.
In trong sách: Hồ Chí Minh,
Những bài viết và nói chọn lọc,
tiếng Nga, Nxb. Chính trị quốc gia,
Mátxcơva, 1959, tr. 28-29.

Dịch theo bài in trong sách
Những bài viết và nói chọn lọc.

PHÒNG KIỂM DUYỆT Ở ĐÔNG DƯƠNG

Báo *L'Humanité*, số ra ngày 13 tháng 9 có cho biết ở Mađagátxca vẫn còn chế độ kiểm duyệt thư từ nghiêm khắc, mặc dù bốn năm đã qua sau "cuộc chiến tranh vì công lý".

Đông Dương dưới quyền cai trị của viên toàn quyền Lông cũng chẳng khác gì Mađagátxca dưới sự thống trị của viên toàn quyền Gácbi: cũng những bất công, những việc lộng quyền, những vụ tai tiếng, những điều ô nhục như thế.

Chúng tôi được biết ở Sở Bưu chính và Sở Mật thám Đông

Dương được lệnh giữ những gói và thư gửi cho báo *Le Paria*, xuất bản ở Pari, cũng như những thư tín do báo này gửi về Đông Dương.

Không phải là ngẫu nhiên mà hành vi lạm quyền này lại xảy ra đúng lúc viên quan cai trị xảo trá Bôđoanh và người trợ lý xuất sắc của hắn, con rể viên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Anbe Xarô, đến Sài Gòn.

Ngoài ra, chúng ta vấp phải luật xâm phạm quyền bất khả xâm phạm thư riêng, và các viên cai trị tiếp tục giữ và lục soát thư riêng.

Như thế là người bản xứ bị giết chóc, cướp phá và không được hưởng những quyền sơ đẳng nhất: cả đến quyền thư tín! Sự vi phạm tự do cá nhân này chứng minh thêm chính sách đê tiện của

bọn mật thám và chính sách lạm quyền đang thống trị ở những thuộc địa chúng ta.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 28-9-1922.

ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ

- Đi chợ nào đấy, anh Hai?

- Đi chợ Đông. Thế còn anh, anh Ba?

- Tôi cũng vậy. Thế có món hàng gì quý trong đôi thúng bảnh ấy thế?

- Vàng mã cúng ông vải ạ. Còn anh, anh có cái gì hay hay cho khách hàng nào?

- Trầu non để làm thơm và để nhuộm hồng miệng xinh của các chị chàng đẹp đấy.

Thế rồi hai anh bán hàng bặt im. Mặt trời đứng bóng chiếu ướt đẫm những bắp tay bắp chân lực lưỡng gần như để trần của hai anh. Bốn chiếc thúng nặng nề đung đưa ở đầu hai đòn gánh tre đặt ngang trên vai cháy nắng. Bụi cuốn lên quanh bước chân thoăn thoắt thành một thứ màn sương, làm cho mọi cử động của hai anh mờ ảo và nhìn xa lại còn có vẻ mỹ thuật là khác.

- Nghe này, người anh em! - Ba nói.

- Tai tôi đang lắng nghe lời anh dạy - Hai đáp.

- Hai ta cùng đi một chợ này, theo cùng một con đường này, lại có cùng một mục đích - là bán hết hàng, cùng một chí hướng - là làm ăn lương thiện kiếm miếng cơm. Phải thế không nào?

- Anh nói muôn nghìn lần đúng.

- Thế có muốn hai ta kết làm anh em không ? Có muốn hai ta cùng nhau giao ước thắt tình hữu ái, và, ngay từ hôm nay, khuyên bảo lẫn nhau, thấy đây làm gì thì đó làm theo, mà đó đã bảo gì thì đây cũng làm y, nói tóm lại, là giữa hai ta có sự đồng tâm nhất trí.

- Anh dạy thật là chí lý, xin vâng theo.

- Thế thì, nào! chú mày, đường còn xa, chúng ta hãy thay phiên nhau hát, cho đôi cánh bổng trầm nén cơn mệt mỏi nhé!

- Ông anh hát trước đi!

Kon-mèo trèo lên cây cAU

Hỏi thăm Kon - chuột đi đÂU vắng nhÀ?

Thưa rằng đi chợ đường xA

Mua đồ vật liệu giỗ chA Kon - [1].

- Khôn ngoan hơn cường bạo, kẻ yếu thì chỉ có cách đó để tự vệ. Hai nói ra vẻ hiền triết lắm. Rồi, giọng u sầu, anh ngân nga:

Trông lên hòn núi Thiên THAI

Thấy bầy chim quạ ăn XOÀI chín cây [2]

- Bài chú hát sao nghe buồn quá! Nhưng mà sự thật là thế.

1) và 2) Nguyên bản tiếng Pháp có trình bày những bài hát dân gian này bằng tiếng Việt, kèm theo bản dịch sang tiếng Pháp, bản thân cách dịch đã ít nhiều giải thích ý nghĩa hàm ở trong. Dịch sát nghĩa và thoát, nhưng có thêm thắt đôi chữ giúp độc giả phương Tây lĩnh hội được dễ dàng và chính xác hơn ý tứ của những bài hát: Seigneur, Chat, vilains corbeaux, v.v. (gọi mèo bằng *chúa*, chỉ quạ là *xấu xa,* v.v..).

Tác giả lại còn nhân dịp giới thiệu nhẹ nhàng cả vài đặc điểm hình thức của thơ ca Việt, như viết bằng chữ cái cho nổi lên những vần bộ ba ở chân và ở lưng những câu lục bát đã sử dụng, v.v..

Tác giả thường dùng chữ K thay chữ C, với dụng ý cải tiến chữ quốc ngữ. Riêng ở đây, tác giả còn ý nhị muốn tránh mọi liên tưởng bất tiện trong tiếng Pháp, khi dùng có dụng ý chữ K để viết *con,* đồng thời dùng gạch nối giữa hai chữ "con mèo", "con chuột", để chỉ rõ *con* ở đây không có nghĩa riêng (*con* có nghĩa tục trong tiếng Pháp).

Dẫu ta cũng cứ thấy cái giống chim [1] biếng lười, nó chẳng chịu làm lụng gì cả, chuyên bòn của người khác làm ra mà ăn. Mà ơ này! Dòng sông có cát mịn, có làn nước trong veo, đây rồi! Nhớ nhúng đôi thúng xuống cho hàng thêm tươi tốt lúc qua sông.

Một lời đã hứa, Hai, anh bán đồ giấy, làm theo không chối cãi.

Qua khỏi con sông, anh bảo Ba:

- Ánh sáng là mẹ của mọi sự tốt lành, mà mặt trời thì lại là cha của ánh sáng. Vậy, anh à! ta hãy phơi hàng một lát dưới ánh mặt trời tốt lành cho hàng lên màu, khách mua thêm hài lòng, ta bán được giá hời. Vừa nói, Hai vừa bày chỗ hàng bằng giấy bồi của mình lên ven đường nóng bỏng, rồi đến nghỉ dưới bóng cây.

Một lời đã hứa, Ba, anh bán trầu không, làm theo không chối cãi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 29-9-1922.

1) Trong tiếng Pháp, con chim (*oiseau*), đặc biệt *con chim xấu xa (vilain oiseau),* thường dùng để chỉ hạng người bỉ ổi.

NHÂN ĐẠO THỰC DÂN

Chuyện xảy ra ở Đông Dương và cũng chưa lâu hơn cái hồi có cuộc chiến tranh nhờ trời ban cho vì công lý và nhân quyền. Chính bằng những cách ấy mà "chính quyền Pháp đã có thể du nhập vào đầu óc nhân dân các nước cái khái niệm có một nền văn minh khác với nền văn minh Trung Quốc đã ngưng trệ từ mấy thế kỷ nay rồi". Chính bằng những cách ấy mà các toà án quân sự "đàn áp những phong trào nổi dậy để nêu gương nghiêm trị". Sau khi ca ngợi những cuộc đàn áp đẫm máu bằng những lời lẽ như vậy, bạn đồng

nghiệp chúng tôi, tờ *Sciences et Voyages* đã thật thà thú nhận "ở bên đó thì cũng như ở trên đất Pháp, bọn bất lương vẫn còn quá đông, pháp lý vẫn cần phải nghiêm trị".

Ấy vậy mà chúng tôi cho đến bây giờ, vẫn ngây thơ tin rằng ở Pháp, chỉ có rặt những con người được khai hoá mà hễ ra khỏi nhà là tức khắc trở thành những con người đi khai hoá! Thêm nữa, theo cái lôgích đơn giản nhất, người ta không thể, cũng không nên cho người khác cái mà mình không có, nhất lại là cái văn minh.

Để xí xoá cái thói hèn mạt giết người ta để dạy cho họ "biết cách sống", bạn đồng nghiệp lớn của chúng tôi còn nói rằng, cần phải đánh vào dư luận cho nó giật mình kinh sợ...

Do vậy, thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện cái kiểu hình pháp đặc biệt là các uỷ ban ngoại lệ hay toà án quân sự, mà bộ máy bi thảm và quyết đoán như vậy là cần thiết. Không có gì là hà khắc, là tàn bạo cả. Đúng thế. Chặt đầu người ta hoặc đem ra bắn thì có gì là hà

khắc, là tàn bạo. Là hoàn toàn nhân từ mà. Nhưng nếu tụi "bôsơ" cũng ban bố những cách đối xử "nhân từ" như thế với anh em Andátxơ và) của chúng ta, thì bạn sẽ nói sao nào, hỡi đồng nghiệp thân mến? Vốn thông thạo nhiều điều lý thú, bạn đồng nghiệp cho chúng ta biết nhiều việc, chẳng hạn cái thứ bậc lễ nghi và phức tạp trong các vụ giết người hợp pháp này: "lệ đóng cọc[2)] và bắn 12 viên của tiểu đội hành hình chỉ dành riêng cho tội nhân là quân nhân hay kẻ cướp bị bắt có vũ khí trong tay. Khi ấy hầu như bao giờ cũng hành hình nhiều người một lúc và *không hiếm trường hợp có bốn, sáu, thậm chí mười người gục xuống cùng một lúc* dưới cùng một loạt đạn. Những tiểu đội hành hình có lính hỗn hợp, nghĩa là có sáu lính bản xứ dàn ở hàng đầu và sáu lính hoặc hiến binh người Pháp ở hàng sau". À, phải nhấn điểm cuối cùng này nữa là người ta đã dạy cho người bản xứ biết thế nào là Bác ái, cái đức quý đó vốn là nền tảng của mọi chế độ cộng hoà, được khắc bằng chữ lớn trên khắp các công trình kỷ niệm và trên tất cả các cửa ... nhà lao. Còn về cái định nghĩa thế nào là ăn cướp và những cuộc hành quyết tập thể thì xin xem mấy dòng sau của một sĩ quan thuộc địa, ông F.B., ông này về "học thức" có thể kém, nhưng chắc chắn nhiều chân tình và vô tư hơn: với cách giả định giống y như người Anh coi những người Bôe[3)] kiên quyết kháng chiến là những tên phản loạn, ngoài vòng pháp luật, *chúng ta coi những nhà ái quốc An Nam là những tên cướp.*

---

1) *Alsace, Lorraine*: Hai tỉnh ở đông bắc nước Pháp, năm 1870 khi Pháp thua trận, bị tách khỏi nước Pháp, nhập vào nước Đức. Năm 1918, Pháp thắng trận đã thu hồi lại.

2) Cọc đóng để trói người bị xử bắn.

3) *Boers.* Tiếng Hà Lan là *nông dân*. Tên chỉ những người Hà Lan ở châu Phi cùng với những người Đức - Pháp và các nước ở bán đảo Xcăngđinavơ di cư đến. Họ hình thành đa số dân da trắng ở Nam Phi, trong giao tiếp, coi tiếng Hà Lan và tiếng Anh ngang nhau. Trong những năm 1899-1902, người Boers nổi dậy chống chính quyền của Anh.

"Người ta đã làm tất cả để vũ trang cho người An Nam giết hại nhau và xúi giục họ phản bội. Người ta tuyên bố các thôn xã phải chịu trách nhiệm về những chuyện rối ren xảy ra trong địa hạt mình. Họ phải dẫn đường cho quân đội ta, phải nộp mạng những người nổi dậy. *Ai không tuân lệnh thì bị coi là kẻ phạm tội* . Làng nào dung nạp một người yêu nước là bị xử án. Muốn điều tra, có một cách, bao giờ cũng cứ dùng mãi một cách đơn giản, là: chất vấn lý trưởng và hào mục. Ai không nói lập tức bị hành quyết. Một đám binh lính bảo an trong vòng hai tuần lễ, đã cho hành quyết 75 hào mục. Không một lúc nào người ta chịu phân biệt những nhà ái quốc chiến đấu tuyệt vọng cho độc lập của đất nước với bọn cặn bã chốn đô thành".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 6 - 7,
ngày 1-9 và 1-10-1922.

CHẾ ĐỘ NÔ LỆ "HIỆN ĐẠI HOÁ"

Ở đồn điền của một chủ điền nọ, 6 người bản xứ đã bị bắt vì không nạp thuế.

Ra toà, những người bị cáo tuyên bố rằng, viên công sứ Đơla Rôsơ khi thuê họ, đã hứa:

1. Trả một phần thuế cho họ,

2. Miễn công dịch cho họ, và

3. Trả cho họ 10 phrăng 30 ngày công.

Cần phải chú ý rằng, tên chủ đồn điền ấy đã thoả thuận với những người bản xứ: họ sẽ chỉ làm việc cho hắn mỗi tuần một ngày thôi. Và người bản xứ đã ký giao kèo làm trong 30 tuần. Như thế nghĩa là bảy tháng rưỡi mới làm được 10 phrăng! Để kiếm kế sinh nhai, người bản xứ buộc phải làm thuê cho những người Mangát bên cạnh. Hơn nữa, viên công sứ Đơla Rôsơ không những không nộp thuế cho họ như hắn đã hứa, và còn chiếm mất số tiền mà những người bản xứ này chuyển cho hắn để nộp thuế.

Nhà chức trách địa phương mở một cuộc điều tra. Nhưng Nghiệp đoàn nhà nông ở Makhanôrô (có thể là Đơla Rôsơ là hội viên Nghiệp đoàn này) biết việc ấy, đã đánh điện cho viên toàn quyền phản đối cảnh binh không kịp thời đến đồn điền của công sứ Đơla Rôsơ, và đã yêu cầu trừng phạt trưởng đồn cảnh binh về tội đã vạch trần hành vi phi pháp của người Pháp.

Để ỉm "câu chuyện" ấy đi, viên toàn quyền đã nhanh chóng dập tắt dư luận.

Những người lao động ở thuộc địa được bảo hộ như thế đấy và chính sách hợp tác được thực hiện như thế đấy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,* ngày 26-10-1922.
In trong sách: Hồ Chí Minh,
Những bài viết và nói chọn lọc,
tiếng Nga, Nxb. Chính trị quốc gia,
Mátxcơva, 1959, tr.31.

Dịch theo bài in trong sách
Những bài viết và nói chọn lọc.

VỤ HÀNH HẠ AMĐUNI VÀ BEN BENKHIA

Trong cuộc chiến tranh vì công lý[28] để bảo vệ chính nghĩa, văn minh, v.v., người ta đã động viên 10 vạn người Tuynidi đi lính, và 60% trong số đó đã không trở về nữa. Thời đó, người Tuynidi được vuốt ve và trìu mến. Người ta đã ca ngợi rất là thắm thiết tình anh em ruột thịt giữa Pháp và Tuynidi, "mối tình ruột thịt đã đời đời gắn chặt vào trong xương máu và quang vinh". Người ta đã thực hành cả một chế độ kiểm duyệt để cấm báo chí dù thế nào cũng không được làm phật ý người bản xứ.

Ngày nay, tình anh em đó đã thay hình đổi dạng. Nó không phải chỉ thể hiện bằng những cái vuốt ve hoặc những cử chỉ trìu mến mà thôi, nó còn thể hiện một cách hùng hồn hơn bằng những phát súng lục hoặc những trận roi da kia. Bằng chứng là những việc sau đây. Khi trông thấy ba người bản xứ cho cừu vào ăn cỏ ở vườn cây ôliu của mình, một vị thực dân Pháp liền bảo vợ đi lấy súng và đạn ra. Khi vợ mang súng đạn ra, thì vị đi khai hoá của chúng ta nấp vào một bụi cây, rồi đoàng! đoàng! đoàng! Ba phát bắn ra, thế là ba người bản xứ ngã xuống, bị thương gần chết.

Một vị thực dân Pháp khác có hai anh công nhân bản xứ giúp việc, tên là Amđuni và Ben Benkhia; hai anh này hình như đã có lấy trộm vài chùm nho. Vị thực dân kia liền cho gọi hai người bản

xứ đến, rồi dùng roi gân bò mà vụt họ lia lịa cho đến lúc họ chết ngất. Khi hai người này tỉnh lại, quan lớn bảo hộ của chúng ta liền sai trói giật cánh khuỷu lại và treo họ lên. Dù hai người khốn khổ kia đã bất tỉnh nhân sự, thế mà cuộc hành hạ bỉ ổi đó vẫn cứ kéo dài đến bốn tiếng đồng hồ, mãi đến khi có một người ở cạnh nhà phản đối mới thôi.

Hai người đáng thương đó được khiêng đến nhà thương và mỗi người bị cắt mất một bàn tay, còn bàn tay nữa chẳng biết có thể cứu khỏi được không.

Tình r...u...ột thịt như thế đấy!

Chả là ông Luyxiêng Xanh đáng tôn kính, vì đã quá bận về việc trục xuất những người cộng sản và các nhà báo, nên không có thì giờ nghĩ đến đời sống của người bản xứ "được bảo hộ" của ông đấy mà.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 8,
ngày 1-11-1922.

SỰ CHĂM SÓC ÂN CẦN

Đây là một câu chuyện cũ, nó cũng cũ như chiến tranh. Trong khi hứa hẹn phẩm hàm cho những người Đông Dương tình nguyện(?) còn sống và vàng mã cho những người chết "vì mẫu quốc", viên Toàn quyền Đông Dương đã thốt ra những lời cảm động như sau:

Các anh gia nhập quân đội *hàng loạt, không do dự* rời quê cha đất tổ, nơi chôn rau cắt rốn của mình. Là lính trận, các anh đi tòng quân để hy sinh xương máu của mình; là lính thợ, các anh cống hiến hai bàn tay của mình" (1919).

Lịch sử chép như vậy đó!

Nếu người An Nam tỏ ra vui mừng khi người ta bắt họ đi lính thì tại sao người ta lại xích tay họ lùa đến các địa điểm tập trung? Tạo sao trong khi chờ đợi đưa xuống tàu, người ta lại nhốt họ trong Trường trung học Sài Gòn, bên ngoài là lính cảnh vệ Pháp gác, lưỡi lê ở đầu súng, đạn đã lên nòng? Phải chăng những cuộc biểu tình đẫm máu ở Cao Miên, những cuộc nổi dậy ở Sài Gòn, Biên Hoà và ở nhiều địa phương khác là những cuộc biểu tình của "đám người" nôn nóng, muốn tòng quân "không do dự"?

Người ta ra sức đàn áp dã man các cuộc đảo ngũ (và có chừng 50% lính dự bị đảo ngũ). Do đó, các cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, nhưng bị bọn thực dân dìm trong bể máu. Những người An Nam ấy cũng bị chết trong thời chiến. Song người ta sẽ không cúng tế họ "sau khi chết", còn những người sống sót thì cũng chẳng được quan

Toàn quyền khen thưởng.

Phải, quan Toàn quyền nói thêm rằng, dĩ nhiên muốn xứng đáng được hưởng "ân huệ" và "sự hậu đãi" của nhà nước thì các anh (những người lính Đông Dương) "phải có hạnh kiểm tốt, không mảy may tỏ ra thiếu thiện chí".

Hiện nay, khi họ dùng rượu và thuốc phiện do chính bàn tay chính phủ bán thì có thể nào họ lại không phải là những người "dễ bảo"?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 2-11-1922.

VỀ CÂU CHUYỆN XIKI

Từ khi có chủ nghĩa thực dân, nhiều người da trắng đã được thuê tiền để đấm vỡ m... những người da đen. Có một lần, một người da đen lại cũng đã được thuê tiền để làm như vậy đối với một người da trắng. Là người chống lại mọi thứ bạo lực, chúng ta không tán thành cả hai lối đó. Nhưng sự việc vẫn cứ sờ sờ ra đó, thì chúng ta hãy nhận xét xem sao. Đây, như thế này:

Bằng một quả đấm - nếu không phải là đã đấm một cách khoa học thì ít ra cũng là một quả đấm bằng trời giáng - Xiki đã hạ bệ Cácpăngchiê để rồi đích thân mình trèo lên.

Chức vô địch quyền Anh đã chuyển sang tay khác, nhưng vinh quang của dân tộc về mặt thể thao thì không hề bị tổn thương, vì rằng Xiki là người con của xứ Xênêgan, do đó là con của nước Pháp, tức là người Pháp vậy.

Mặc dù thế, mỗi lần Cácpăngchiê thắng thì dĩ nhiên là do sự khéo léo và khoa học của anh. Nhưng lần nào anh bị bại thì cũng đều là do sức lực thô bạo của một anh như Đenxây hoặc do cái chân chơi ác của một anh như Xiki. Vì thế trong trận đấu ở Buýpphalô, người ta đã muốn tuyên bố - và người ta cũng đã tuyên bố - rằng Xiki mặc dù thắng đấy, nhưng "cũng vẫn" là bại. Nhưng công chúng, loại công chúng tốt, không muốn nghe như vậy. Và công lý của nhân dân đã thắng: Xiki được tuyên bố là vô địch hoàn cầu và nước Pháp.

Sau khi bị một người da đen hạ đo ván, Cácpăngchiê đã bình

thản đi thăm nước Nga, đất nước của những người Đỏ. Chúng ta ngợi khen Xiki về thắng lợi của anh. Chúng ta cũng ngợi khen Cácpăngchiê về lòng vô tư của anh.

*
* *

S.D.N. (xin đọc là xagiét đê naxiô[1], chứ không phải xôxiêtê đê naxiông[2]) nói rằng Thần Tài chỉ cười duyên với một người giàu có. Rơnê Marăng và Xiki đã làm chảy nhiều mực đen. Hơn nữa, Xiki còn làm chảy cả máu đỏ. Người ta làm như cả hai người anh em châu Phi của chúng ta còn cần đến nhiều mực nữa. Sau ngòi bút châm biếm của Marăng, đôi găng của Xiki đã làm rung động đến cả chính giới. Và ông Lukê, hội viên Hội đồng quận Xen, đã lập tức đưa ra một kiến nghị định cấm cuộc đấu quyền Anh ! Xin phép ông Lukê cho chúng tôi kính cẩn thưa với ông rằng, như vậy là ông đã làm một việc không yêu nước. Chúng tôi xin giải thích: Về phương diện chính trị quốc tế của chúng ta, một nhà vô địch quyền Anh hạng lông cũng tuyên truyền cho ảnh hưởng tinh thần của chúng ta ra nước ngoài như là một người bất tử, một người quang vinh, một ca sĩ hoặc mười đạo quân (ông hãy giở báo chí ra mà xem). Về phương diện quốc gia cũng cần thiết phải có một võ sĩ có tài để nêu gương và khuyến khích cái đẹp về thể lực cho thế hệ trẻ. Về phương diện thuộc địa, một trận đấu Cácpăngchiê - Xiki có giá trị hơn mười vạn bài diễn văn của những nhà cai trị nhằm chứng tỏ cho những con dân và những người được bảo hộ của chúng ta rằng, chúng ta muốn áp dụng triệt để nguyên tắc bình đẳng về chủng tộc.

Có nên hy sinh ba điều lợi đó cho một cái chủ nghĩa nhân đạo mơ hồ nào đó không? Không ! Có phải không, ông Xarô?

*
* *

1) *Sagesse des nations:* Đạo lý cuộc sống.

2) *Société des Nations: Hội quốc liên.*

Theo tin các báo thì người ta vừa ra lệnh treo giò Xiki trong chín tháng, không cho dự tất cả các võ đài nước Pháp (Như vậy không hề có nghĩa là người ta sẽ đem treo Xiki đáng thương của chúng ta trong chín tháng đồng thời trên tất cả võ đài của nước Pháp đâu. - Xin nhấn với các bạn của chúng tôi ở Xênêgan như vậy). Lý do: đã lăng mạ ông Quyni.

Sao thế nhỉ? Trước đây người ta đã tuyên dương Xiki vì anh đã đánh sưng mũi ông Cácpăngchiê cơ mà. Ngày nay, Xiki chưa hề đụng đến chân lông Quyni, mà sao người ta đã tuyên bố hạ anh xuống như vậy? Người ta cũng không hề định làm cho chúng ta tưởng rằng cái... mặt của Quyni mảnh dẻ và quý báu hơn là mặt ông Cácpăngchiê, và rằng... Chả phải thế. Thật chẳng hiểu ra sao. Chúng tôi đoán có lẽ là thế này: người ta không bao giờ tha thứ cho Xiki là một người da đen đã thắng Cácpăngchiê là một người da trắng; và tuy Cácpăngchiê không có lòng hằn thù, nhưng chủ nghĩa vị chủng của những người khác thì lại đem lòng hằn thù. Và cái lý do kia chỉ là một cái lý do... vin lấy cho có lý do mà thôi.

Cũng theo các báo đó, chúng ta được biết rằng Bộ trưởng Bộ Nội vụ Anh đã cấm cuộc đấu dự định từ trước giữa Giôê Bếchkết và Xiki ở Luân Đôn. Việc này không làm cho chúng ta ngạc nhiên. Vì Cụ lớn nước Anh đã không thể tiêu hoá nổi món bánh hình lưỡi liềm[1] của Kêman cũng như món sôcôla[2] của Găngđi cho nên Ngài muốn bátlinh[3] Xiki phải nuốt liều thuốc tẩy của Ngài, mặc dù Xiki là một người Pháp. Các bạn đã hiểu chưa?[4].

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 9,
ngày 1-12-1922.

1) *Croissant:* Ý nói hình mặt trăng lưỡi liềm trên lá cờ của nước Thổ Nhĩ Kỳ.

2) *Sôcôla:* Ý nói tới màu da của phần lớn người Ấn Độ.

3) *Battling:* tên dịch ra từ tiếng Anh có nghĩa là đấu sĩ.

4) Nguyên văn viết bằng tiếng Anh: *Understand.*

NHỮNG QUAN TOÀ THUỘC ĐỊA TỐT BỤNG CỦA CHÚNG TA

Bằng chỉ thị ngày 10 tháng 10 năm 1922, chính phủ đã thi hành nghị định về bổ nhiệm người vào chức quan toà thuộc địa. Trong số những người đó, chúng ta thấy tên các ông Luycaxơ và ông Oabrăng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan toà này.

Ông Luycaxơ là cựu chưởng lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã được

nói tới nhân vụ rắc rối vừa rồi ở Tôgô. Trong thông cáo báo chí, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã buộc phải tuyên bố: "Cuộc điều tra đã xác định ông Luycaxơ có tham dự vào vụ việc, và điều đó đặt trách nhiệm rất nặng nề lên tổ chức quan toà".

Có lẽ để thưởng công về việc tham gia vụ bê bối, ông Luycaxơ đã được bổ nhiệm làm chủ toạ toà thượng thẩm ở châu Phi xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oabrăng thì lai lịch của ông ta đơn giản hơn và ít nổi tiếng hơn. Năm 1920, một người Pháp họ là Đuyếcgri, nhân viên hãng Pâyruýtxắc ở Căngcan (Ghinê) đi săn. Ông ta bắn một con chim rơi xuống sông. Một em bé chạy ngang qua. Đuyếcgri túm em bé vứt xuống sông và ra lệnh tìm bằng được con chim. Sông sâu, nước chảy xiết, em bé không biết bơi, đã chết chìm. Cha mẹ nạn nhân kiện lên nhà đương cục. Đuyếcgri bị viên chỉ huy khu gọi đến. Y đồng ý trả 100 phrăng cho gia đình đau khổ để ỉm vụ này.

Người cha mẹ bất hạnh từ chối cách dàn xếp đê tiện ấy. Viên chỉ huy giận dữ đứng về phía người đồng bào giết người của mình và doạ bỏ tù hai vợ chồng nếu họ khăng khăng đòi trừng trị kẻ giết người, sau đó, nói chung đã ỉm vụ ấy đi.

Song có một bức thư nặc danh báo chuyện này cho tổng công tố viên ở Đắcca. Toà án tối cao giao cho công tố viên sở tại Oabrăng điều tra tại chỗ. Ông Oabrăng đến Căngcan, ngủ tối tại nhà ông trưởng ga. Ngày hôm sau, ông ở nhà Đơ Lavalie, trợ lý của viên chỉ huy khu, sau đó, đi về, thậm chí chưa hề bắt tay vào việc điều tra. Điều đó không ngăn cản ông Oabrăng kết luận rằng bức thư mang tính chất vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa báo sự việc này cho Hội Nhân quyền và Dân quyền (ngày 22 tháng 12 năm 1921), nhưng có lẽ Hội coi sự việc không lấy gì làm giật gân lắm, nên chẳng thèm quan tâm đến.

Sau chuyến viếng thăm Căngcan, ông Oabrăng trong khi chờ nâng cấp, vẫn yên ổn ở lại cương vị của mình, nhận những con gà mái tơ và những bao tải khoai tây từ người bạn của ông là ông Cudanh đơ Lavalie gửi biếu.

Như các bạn thấy đấy, ông Oabrăng quả là xứng đáng với... phần thưởng chính đáng của chính phủ nước mình - được bổ nhiệm vào cương vị Tổng công tố viên của nước cộng hoà ở Đắcca.

Với sự có mặt của những Đáclơ, những Bôđoanh, những Oabrăng và những Luycaxơ, có thể nói rằng vận mệnh của nền văn minh tối cao, cũng như số phận của dân bản xứ ở các thuộc địa đều nằm trong những bàn tay đáng tin cậy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 4-12-1922.

SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA ĐÔNG DƯƠNG DƯỚI TRIỀU ĐẠI M. LÔNG

Ngài A. Xarô, vị Bộ trưởng thuộc địa vĩ đại của chúng ta, không bao giờ bỏ sót một dịp nào để say sưa tán tụng về sự thịnh vượng của xứ Đông Dương, xứ Đông Dương "của Ngài", và về những sự nghiệp vĩ đại mà ngài cùng bộ hạ của ngài đã làm hoặc đang làm tại đấy. Để chứng minh rằng ngài chỉ nói đúng sự thật, chỉ nói độc có sự thật thôi, chúng tôi cần đưa ra cho ngài và cho các

bạn chúng ta đọc những đoạn sau đây, trích ở một bức thư của đại tá Bécna gửi cho báo *La République Française*[29], ngày 6-12-1922 và, thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài cứ yên tâm, đại tá đó không phải là một người cộng sản đâu. Bức thư nói như sau:

"Số hàng xuất khẩu của Đông Dương hiện đang cầm chừng hay còn giảm xuống nữa. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000kg tơ lụa; 99.000 tấn ngô; 400 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kg tơ lụa; 32.000 tấn ngô; 156 tấn chè.

"Người ta cũng tưởng rằng hiện nay chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa này. Thế nhưng, từ năm 1914 đến nay, người ta không hề đặt thêm được *một kilômét đường sắt nào, cũng không khai thác thêm được một hécta ruộng đất nào*. Cách đây mười năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống

đại thuỷ nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng từ hơn năm năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng cũng trong thời gian đó, xứ Đông Dương đã dành ra 65 triệu đồng, 450 triệu phrăng để xây dựng đường sá và dinh thự. Mời ông Phagiê hãy suy nghĩ về những con số đó xem! Gần một nửa tỷ đã chi phí để xây dựng những đường ôtô chạy mà trên đó không hề lưu thông được lấy một tấn hàng hoá nào; để dựng những dinh thự và công sở cho hằng hà sa số công chức đang sinh sôi nảy nở như cây cối sum xuê vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là tối cần thiết và đã được Nghị viện thông qua rồi, lại bị bỏ rơi.

"Nhưng xin đừng tưởng rằng người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương đâu. Để hoàn thành chương trình 1912, Ông Lông đã xin phép Nghị viện được phát hành công trái. Hiện nay, ông ta lại còn xin phép phát hành một công trái thứ hai nữa. Những kẻ hiện nay đang lãnh đạo việc khai thác xứ Đông Dương xem chừng đã định tâm không muốn làm cái gì thật sự có ích lợi cả, nếu trước hết người ta không cho phép họ được vay nợ. Còn đối với ngân quỹ, đối với những dự trữ gom góp được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ sẵn sàng vung tay ném qua cửa sổ, nếu Nghị viện không đưa họ vào nền nếp".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 22-12-1922.

VỰC THẲM THUỘC ĐỊA

Nước Pháp có một hệ thống thuộc địa rộng mười triệu kilômét vuông với dân số là 56 triệu người da vàng và da đen. Để "khai thác" tất cả những cái đó, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa cần có ba hay bốn tỷ phrăng. Muốn thế, ông đã "tổ chức" một chiến dịch báo chí rộng rãi và đã đọc không biết bao nhiêu là diễn văn. Ngài Bộ trưởng lại còn viết cả một pho sách dày 656 trang (giá 20 phrăng một cuốn). Trong khi chờ đợi thu được những tỷ đó, xin phép Ngài Bộ trưởng hãy cho chúng tôi bổ sung đôi chút vào những

lý lẽ của Ngài.

Ngân sách Nam Kỳ chẳng hạn, năm 1911, là 5.561.680 đồng (12.791.000 phrăng); năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 phrăng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 phrăng). Một con tính đơn giản chỉ cho chúng ta thấy rằng giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có một sự chênh lệch là 83.378.000 phrăng (tỷ suất hối đoái của đồng bạc hai năm đó là 2 phrăng 25 và 7 phrăng 50). Số tiền đó chạy đi đâu? Chạy vào các khoản chi về nhân viên mà thôi, vì các khoản này đã nuốt gần hết 100 phần 100 tổng số thu.

Rồi hết những điên rồ này đến những sự điên rồ khác đã làm vung phí đồng tiền mà người dân An Nam đáng thương hại đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm ra được. Hiện chúng tôi chưa biết rõ số tiền mà đức vua An Nam đã chi tiêu về việc sang du ngoạn bên Pháp đúng là bao nhiêu đồng, nhưng chúng tôi biết rằng, để đợi

được ngày tốt cho con Rồng [1] có thể ngự giá xuống tàu, người ta đã phải bồi thường phí tổn cho tàu Poóctốtxơ về bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phrăng (tức là 400.000 phrăng). Tiền tàu hết 400.000 phrăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phrăng (không kể tiền lương trả cho bọn cảnh sát để canh gác những người An Nam ở Pháp). 77.600 phrăng để trả tiền ăn ở tại Mácxây cho số lính khố xanh An Nam dùng để bồng súng chào Cụ lớn Bộ trưởng và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện chúng ta hãy xem thử cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tổn phí cho chúng ta biết bao nhiêu. Trước hết, và ngoài những kẻ thần thế ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên chức cao cấp ở các thuộc địa về, - bọn này hằng ngày phè phỡn ở Cannơbie mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở Triển lãm lẫn ở thuộc địa. Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm đó. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Đây là một thí dụ: Cái việc gọi là dựng lên mô hình các cung điện Ăngco đã làm tốn mất 3000 mét khối gỗ xây dựng, giá mỗi mét là 400 hay 500 phrăng. Tổng cộng: 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phrăng.

Còn những việc vung phí khác nữa. Để chuyên chở quan Toàn quyền, mà chỉ dùng các xe hơi và những cỗ xe ngựa thì cũng chưa đủ. Ngài cần phải có một toa xe đặc biệt nữa kia, việc sắp xếp toa xe đó tổn phí cho công khố 125.350 phrăng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, Cục kinh tế Đông Dương đã làm cho ngân sách Đông Dương hao hụt một số tiền là 464.000 phrăng.

Tại Trường thuộc địa, nơi đào tạo những "nhà đi khai hoá" sau này, 44 giáo sư đã được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên, lại bao nhiêu là nghìn phrăng nữa.

Sở thanh tra thường trực các công trình phòng thủ thuộc địa hằng năm tốn cho ngân sách hết 758.168 phrăng. Thế mà các ngài

1) Ám chỉ Khải Định.

thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pari, và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết việc trên mặt trăng.

Nếu đến các thuộc địa khác, thì ở đâu, chúng ta cũng thấy một tình trạng tệ hại như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn "kinh tế" bán chính thức, kho bạc Máctiních "vợi đi" mất 400.000 phrăng. Trong vòng mười năm, ngân sách Marốc đã từ 17 triệu tăng lên tới 290 triệu phrăng, mặc dầu người ta đã giảm đi 30% các khoản chi tiêu cho bản xứ, tức là những khoản chi tiêu có thể đem lại lợi ích cho dân bản xứ.

Đó là số tiền hàng triệu và thậm chí hàng tỷ mà nếu người ta biết cách tìm thì có lẽ người ta sẽ kiếm ra được một cách dễ dàng. Nhưng Ngài Bộ trưởng lại cứ muốn gõ vào dân bản xứ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Xin hỏi

Có phải vì quá nhiều tính nhân đạo, như ông Xarô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta đã bắt các phạm nhân ở nhà tù Nha Trang (Trung Kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm mà không được uống nước không? Có phải người ta đã quét tanhtuyađiốt lên mũi các phạm nhân để dễ nhận ra họ khi họ vượt ngục không?

N.A.Q.

Báo *L'Humanité,*
ngày 9-1-1923.

NHỮNG NGƯỜI BẢN XỨ ĐƯỢC ƯA [1]

Năm 1604, một người Anh tên là Sếchxpia vốn là một nhà văn chuyên nghiệp, ông ta có nhã ý đưa ra một vở kịch mà vai chính là một người da đen. Người da đen này tên gọi Ôtenlô, quả là một anh hùng, một anh hùng thật sự anh hùng. Ôtenlô đã từng chinh chiến nhiều, nhưng không phải là đánh Cácpăngchiê, cũng không phải vì anh là người được ông Đianhơ tuyển mộ, cũng không phải vì anh là người dưới trướng của tướng Măngganh, vả lại hồi đó vẫn chưa nổ ra cuộc chiến tranh vì công lý - mà là đánh những cường quốc hiếu chiến ở châu Âu và châu Phi. Ôtenlô làm thống soái của quận công xứ Vênêxi. Cứ theo lời ông Viviani nói thì trên mái tóc xoăn của Ôtenlô đã có biết bao nhiêu vòng hoa chiến thắng. Nhưng chiến công lớn nhất của Ôtenlô là đã thắng được Đêxđêmônia.

Đêxđêmônia không phải là một thành phố của bọn bôsơ, cũng không phải là một thuộc địa. Đó chỉ là tên một cô gái dịu dàng, xinh xắn, đầy hạnh phúc, con của nguyên lão nghị viện Brabantiô. Ôtenlô đã chiếm được trái tim nàng bằng cách kể lại cho nàng nghe lịch sử cảm động của đời mình, những trận đánh vĩ đại, những trận vây thành dài đằng dẵng, những chiến công rực rỡ, tóm lại là những chuyện tán tỉnh hay ho gì đó! Biết cha mình vốn chức tước như thế thì sẵn có nhiều thành kiến, nhất là thành kiến chủng tộc, nên nàng Đêxđêmônia hiền hậu chỉ một lòng nghe theo tiếng gọi

1) *Indigènes à la mode.*

của tình yêu, nàng quyết lấy chàng da đen làm chồng mà không cần đến ý kiến của cha.

Trong vở kịch này, những người da trắng như tay thám tử Iagô và anh chàng Rôđrigô bị khinh bỉ, đều không đóng một vai gì choáng lắm; chính họ lại là những vai đen tối nhất. Song cái đó chẳng can gì đến chúng ta.

310 năm đã trôi qua. Người bản xứ lại được đưa lên sân khấu: nhưng đây là sân khấu chiến). Tác giả lần này giấu biệt tên tuổi, tìm cũng chẳng thấy, song các vai diễn,- anh hùng hay không- nhưng vì quá nhập vai của mình nên phần đông đã nằm lại trên sân khấu. Thật là một tấn bi kịch! Năm 1922, lại thấy xuất hiện những người bản xứ được ưa chuộng. Ta không nói đến Batuala, con người được phong tặng và Xiki, kẻ ân nhân của khoa học làm gì. Ta chỉ nói đến những người bản xứ đã thích ứng được, hoặc được thích thú[2)].

Bị trói gô vào cột buồm tàu và được đưa đi làm quân tình nguyện ở châu Âu, đánh phường man rợ để bảo vệ văn minh, nhưng một khi đến xứ văn minh rồi thì những người bản xứ của ông Têry lại được cái thú tha hồ nếm "trái cây trong vườn cấm". Những người bản xứ còn sống sót sau cuộc tàn sát năm 1914 cũng như những người bản xứ còn sống sót sau đại chiến 1914-1918 đều có thể tự hào rằng vì công lý và nền dân chủ của chủng tộc cao đẳng, họ không những đã hiến đời mình, xương máu mình, mà còn hiến cả niềm t... in của mình nữa.

Ông Sếchxpia trước kia lấy làm hài lòng thấy người dân bản xứ trong vở kịch của mình đã đàng hoàng lấy được cô gái mẫu quốc. Còn ông Têry ngày nay thì chỉ nhận thấy có một điều là người bản xứ của ông rất đắc lực để góp phần làm cho dân số phình lên bằng cách làm phình bụng các cô nàng da trắng. Ông Xasa Ghitơry còn đi xa hơn nữa. Ông muốn người bản xứ phải được văn minh hoàn toàn. Ông muốn họ phải c...ắm sừng các ông chồng da trắng cơ! Ông đã được hoàn toàn toại nguyện, vì chín tháng sau cuộc "chinh phục" bà

1) Chỉ Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).

2) *Adaptés ou adoptés.*

Mácgrít Đênoayê đã sinh hạ được một cậu bé bản xứ. Nhưng chúng ta lấy làm tiếc rằng Đênoayê đã không hoan nghênh chú bé bản xứ đó cho lắm. Vốn là một nhà yêu nước từ đầu đến chân, nên ông ta muốn rằng chú bé màu da "sôcôla" kia ra đời giá đừng có nhẵn nhụi và bé nhỏ như thế, mà lại là một người râu ria xồm xoàm, ba lô trên lưng, súng trên vai để bảo vệ đất nước, thì quý biết chừng nào.

Ngay cả trong các trang tiểu thuyết đăng trên báo, người bản xứ cũng đã giành được địa vị của mình. Ông Angiabe - ấy xin lỗi, ông Anbe Giăng chứ - đã chẳng kể chuyện rằng ở Hội chợ Mácxây có một chàng An Nam kia làm nghề kéo xe đã lọt được vào mắt xanh của một bà đầm xinh đẹp nọ. Sau khi đi thăm Hội chợ về, bà bèn cho gọi anh xe đến phòng ngủ lộng lẫy của bà. Và vân vân ... Người yêu bị cắm sừng của bà bỗng nhiên tới. Bối rối, lẩn núp, v.v.. Nhưng cái chính của câu chuyện lại ở chỗ khác kia. Nguyên là chàng công tử kia đã đánh cắp được một viên ngọc bích bày ở gian thờ của Đông Dương và đến để khoe với người ngọc của mình. (Ôi! lương thiện vậy thay!). Người An Nam kia đứng nấp đằng sau trông thấy quả tang hành vi đầy tội lỗi ấy, liền nhảy ra đánh cho anh chàng ăn cắp ngã gục, rồi mang lễ vật quý đó về bàn thờ.

Không kể các điệu nhạc khiêu vũ và các cuộc Hội chợ thuộc địa đã làm cho anh em thuộc địa chúng ta tự hào một cách chính đáng, chúng ta lại còn lấy làm sung sướng được biết rằng từ sang năm trở đi, tất cả các bà đầm thuộc giới lịch sự sẽ mang một cái gì của chúng ta trên người và trong người họ; các cửa hàng thời trang lớn ở Pari, sang xuân tới, sẽ tung ra những kiểu vải thuộc địa và kiểu quần áo thuộc địa. Người ta sẽ đặt cho những bộ áo mặc trong nhà và các áo khác đủ thứ tên nào là: Thị Ba, Bămbara, Uôlốp, Luphơlúp, v.v..

Hỡi những người con của thuộc địa! Ngày vinh quang đã tới).

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 10,
ngày 15-1-1923.

1) Nhại theo câu đầu trong bài quốc ca Pháp: *Allons! enfants de la patrie, le jour de gloire est arrivé*! (Hỡi những người con của Tổ quốc! Ngày vinh quang đã tới rồi!).

THƯ NGỎ GỬI ÔNG LÊÔNG ÁCSIMBÔ

Nghị sĩ hạt Đrômơ. Báo cáo viên về Ngân sách thuộc địa, Uỷ viên Hội đồng thuộc địa tối cao

Thưa ông,

Trong bài diễn văn đọc tại Hạ nghị viện, ông có nói rằng, nếu muốn thì ông có thể vạch trần những chuyện xấu xa ở thuộc địa ra; nhưng ông thấy tốt hơn là ỉm đi không nói đến những tội nặng tội nhẹ mà các nhà khai hoá của ông đã phạm ở các thuộc địa. Đó là quyền của ông, và điều đó chỉ liên quan đến ông, đến lương tâm ông và đến những cử tri của ông thôi. Đối với chúng tôi, những người đã từng chịu khổ và hiện vẫn đang hằng ngày chịu khổ vì những "ân huệ" của chủ nghĩa thực dân, thì chúng tôi chẳng cần đến ông mới biết được những cái ấy.

Nhưng chính ông đã "phóng đại" khi ông viết trên báo *Rappel*[30] rằng những sự việc mà ông Béctôn vạch ra, đều là sai hoặc phóng đại! Trước hết, chính ngay ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa cũng đã buộc phải thừa nhận rằng: "Tình trạng tư tưởng khinh rẻ sinh mệnh người bản xứ vẫn đang còn". Và ông ta đã "không hề chối cãi một sự việc tàn nhẫn nào", mà nghị sĩ Boanớp đã vạch ra. Sau nữa, thưa ông Ácsimbô, liệu ông có thể chối cãi được rằng, trong những năm vừa qua, - tức là sau cuộc chiến tranh "vì công lý"-, đã có đến 80 vạn người bản xứ "tình nguyện" đến làm việc hoặc bỏ mình trên

đất Pháp, trong lúc đó thì các nhà khai hoá của ông đã ăn cắp, lường gạt, giết hại hoặc thiêu sống (và chắc chắn là không bị trị tội) những người An Nam, người Tuynidi, hay người Xênêgan?

Ông còn viết tiếp rằng những hành vi bất công ở Pháp còn nhiều hơn ở các thuộc địa. Thế thì thưa ông Ácsimbô, hãy cho phép tôi nói rằng, không nên có cao vọng đem những bài học về bình đẳng hoặc công lý đi dạy cho người khác, khi người ta không thực hiện được những bài học đó ở nước mình. Đó là cái lôgích sơ đẳng nhất, phải không ông?

Theo ông, những hành vi và cử chỉ của các quan cai trị thuộc địa của ông đều đã được các phủ toàn quyền và Bộ Thuộc địa thừa biết, nhận xét và kiểm tra rồi. Vậy, ắt phải là một trong hai điều sau đây: hoặc là vì ông đãng trí nên đã quên mất những tên như Bôđoanh, Đáclơ, Luycaxơ và biết bao nhiêu tên khác nữa, hợp thành đám hảo hán đã làm rạng rỡ và vẻ vang cho bộ cai trị thuộc địa của ông; chúng đã làm những điều đại gian ác, thế mà chỉ bị trừng phạt bằng cách thăng chức và thưởng huân chương thôi. Hoặc là ông đã ngang nhiên chế giễu độc giả của ông.

Ông nói rằng, về mặt thuộc địa, nếu nước Pháp có phạm lỗi thì chẳng qua là do có quá nhiều tinh thần cao cả đấy thôi. Thưa ông Ácsimbô, xin ông cho chúng tôi biết có phải vì tinh thần cao cả ấy mà người ta tước mất của người bản xứ tất cả mọi quyền ngôn luận, đi lại, v.v. không? Phải chăng cũng vì tinh thần ấy mà người ta buộc họ phải chịu cái thân phận dân bản xứ hèn mọn, mà người ta tước hết ruộng đất của họ để cho bọn xâm lăng, và sau đó buộc họ phải lao động như kẻ nô lệ? Chính ông đã nói rằng giống người Tahiti vì nghiện rượu mà đã chết mòn dần và hiện đang đi đến diệt vong. Phải chăng cũng vì quá ư cao cả mà các ông đã tìm đủ cách để làm cho người An Nam say khướt với rượu cồn của các ông và trở nên u mê, đần độn với thuốc phiện của các ông?

Sau cùng, ông nói đến "bổn phận", đến "nhân đạo" và "khai hoá"! Vậy bổn phận ấy là cái gì? Ông đã đem phô bày trong suốt cả

bài diễn văn của ông rồi. Đó là thị trường, là cạnh tranh, là lợi tức, là đặc quyền. Buôn bán, tài chính, đó là những cái tượng trưng cho lòng nhân đạo của các ông. Sưu thuế, lao dịch, bóc lột nặng nề, - công cuộc khai hoá của các ông, tóm lại là thế đó!

Thưa ông Ácsimbô, trong lúc đợi cho ông có "một chức tước hiển vinh nhất mà người ta có thể mơ ước đến" thì tôi xin phép nói rằng, nếu trước kia Víchto Huygô biết là hiện nay ông viết ra những đ...iều như thế trên tờ báo của ông ta, thì ông ta đã không sáng lập ra nó.

Mong ông, v.v..

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 10,
ngày 19-1-1923.

SỰ LIÊM KHIẾT THỰC DÂN

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Journal Officiel*[31], nói về buổi họp thứ nhất ngày 22-12-1922:

"Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình với những số tiền nhiều khi rất lớn. *Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả".*

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một hiện tượng tương tự như thế. Lần này, sự việc xảy ra ở đảo Rêuyniông. Đã nhiều tháng nay, nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ *Journal* viết:

"Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều phải lấy làm lạ.

"Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên, và phát hiện được một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường.

"Người ta bắt một nhân viên, rồi một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông "xếp", và cuối cùng, khi tất cả nhân viên bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt.

"Mỗi ngày, cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.000 phrăng. Giấy tờ, kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rối beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

"Ở trong một ngành nào đó, đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham, song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy; điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng mà vẫn được bình yên vô sự*".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 19-1-1923.

BỘ SƯU TẬP ĐỘNG VẬT[32]

Thật chúng tôi đã nghĩ đến nát cả bộ óc người da vàng của chúng tôi ra, cũng không tài nào tìm thấy cái lẽ vì sao mấy ông bà người Pháp lại thành lập một tổ chức kỳ cục là Hội bảo trợ loài vật. Trước hết, chúng tôi sở dĩ không sao tìm ra được nguyên nhân đó, vì chúng tôi thấy hiện nay còn có biết bao nhiêu là con người cùng khổ đang đòi hỏi được người ta săn sóc đến họ một chút mà cũng chẳng được. Sau nữa vì những con vật đó không đáng được thương yêu đến thế, mà chúng nó cũng có khổ sở gì cho cam. Trừ con sư tử đ[1] là có ích cho những người có thói quen xỏ chân vào giày da thú, còn hầu hết những con vật đó đều độc ác, rất độc ác.

Cái con chó ngắn mõm[2] chẳng đã chạy đến nhe bộ răng khả ố của nó ra mà xé toạc cả cơ cấu của Hội nghị Pari đó sao? Thành thử con khỉ phlamăng và con gà sống gôloa phải một mình đương đầu với con phượng hoàng giécmanh ở miền Ruya[3].

1) Nhãn hiệu một loại xi đánh giày có tiếng ở Pháp.

2) Ám chỉ nước Anh lúc đó.

3) Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, vấn đề miền Ruya, một khu vực công nghiệp than và luyện kim quan trọng của Đức, là khâu chính trong những mâu thuẫn giữa các cường quốc châu Âu. Tháng 1 năm 1923, Pháp muốn nắm ưu thế ở châu Âu, đã cùng với Bỉ chiếm đóng miền Ruya của Đức. Con khỉ phlamăng và con gà sống gôloa ở đây ám chỉ Bỉ và Pháp.

Trong khi hãy còn bị xích cổ, thế mà con) chẳng đã nhá nghiến mất nhiều bộ của nước Cộng hoà đó sao? Người ta chẳng đã phí hàng mấy triệu, mấy tỷ để nhờ hai ông bạn vinh quang của chúng ta là Contrắc và Vranghen mua hộ da con gấu Mátxcơva, là con vật ngày nay hơn bao giờ hết, nó không thích để cho người ta tuỳ ý muốn làm gì thì làm đó sao? (Chao! con vật mới quái chứ).

Trong số các bạn hữu ở chính quốc của chúng ta, ai là người không phải phàn nàn về tai hại do loài diều hâu gây ra? Loài quạ[2] mà lại chẳng phải là những kẻ phá hoại tai hại trong địa hạt tinh thần à? Còn những con mọt già[3] thì có làm được việc gì ngoài cái việc chỉ chuyên tìm cách lợi dụng những sự bất hoà và những chuyện xích mích trong xã hội? Lại còn con vật nào đó chẳng đã vô sỉ đến nỗi muốn cho phép tất cả các chàng rể láo xược cứ việc dùng tên nó để gọi mẹ vợ họ đó sao? Bọn mèo quý phái[4] há chẳng thật sự là những kẻ đã dập tắt cả hạnh phúc gia đình của nhiều nhà đó ư? Và những con chuột cống ở khách sạn[5] chẳng đã là những kẻ thù muôn thuở của tất cả những người đi du lịch đó sao?

Chưa kể đến chó sói lúc nào cũng là kẻ có lẽ phải vì đó là kẻ mạnh hơn, và những con chiên ghẻ là một mối tai hoạ cho cả một xã hội trung thực, chúng tôi... Nhưng trước khi kết thúc, ta hãy nói một chút về những con vật ở thuộc địa.

Đúng giữa lúc ông Ghinan chuẩn bị để nhờ ông Măngganh chuyển lên Viện Hàn lâm khoa học một bài nghiên cứu về việc sử dụng da cá mập, thì ông Anbe Xarô lên đường đi Đảo Chó[6] đọc một

1) Ám chỉ Clêmăngxô, một chính khách Pháp và Bộ trưởng Bộ Chiến tranh.

2) Chỉ kẻ viết thư nặc danh.

3) *Chats-fourrés*. Nghĩa đen là những con mèo lông xù; nghĩa bóng là bọn quan toà.

4) *Poules de luxe*. Chỉ bọn gái điếm sang trọng.

5) *Rats d'hôtel.* Chỉ bọn chuyên trộm cắp hành lý của khách trọ.

6) *L'Ile aux chiens.*

bài diễn văn bộ trưởng của ông tại xưởng ướp cá thu Xanh Pie và Micolông, còn về phần ông Xitơrôen thì ông cho "con Sâu"[1] khai hoá của ông bò xuyên qua Xahara. Hai cuộc đi công cán này - việc công và việc nửa công nửa tư - chắc hẳn thế nào cũng sẽ thu được kết quả tốt đẹp mà người ta có quyền chờ đợi: tức là làm cho con chuột nhắt đẻ ra những quả núi và củng cố địa vị của những con cá mập thực dân.

Người ta thường quên tưởng rằng các nhà bảo hộ của chúng ta lúc nào cũng thi hành cái chính sách của loài đà đ). Nhưng lầm to rồi các bạn ạ! Chả phải thế đâu, này nhé: Chỉ có nhận lời mời của chú cá nục ở Hải cảng cũ thôi mà chính phủ thuộc địa đã không ngần ngại một chút nào mà không chi tiêu:

1- Đông Dương	13.190.846	phrăng
2- Tây Phi thuộc Pháp	5.150.000	-
3- Châu Phi xích đạo thuộc Pháp	348.750	-
4- Camơrun	390.000	-
5- Mađagátxca	1.837.600	-
6- Máctiních	108.000	-
7- Guyađơlúp	55.000	-
8- Guyan	62.500	-
9- Tân Calidôni	75.000	-
10- Tân Hêbrít	60.000	-
11- Châu Đại Dương	65.000	-

1) "*Chenille*": Nghĩa đen là con sâu. Về cơ khí, đó là xe tăng. Thường dùng để gọi tất cả các xe chạy bằng vòng xích.

2) *Politique de l'autruche.* Đà điểu, một loại chim lớn ở miền nhiệt đới châu Phi, cao tới 2m50, chạy nhanh và có một dạ dày rất khoẻ. Từ ngữ Estomac d'autruche nghĩa là dạ dày đà điểu, tiêu hoá được tất cả các thứ. Ở đây, *chính sách đà điểu* là ngụ ý nói chính sách vơ vét tham tàn của bọn thực dân.

12- Ấn Độ	135.000	-
13- Xômali	97.000	-
14- Đảo Rêuyniông	85.000	-
15- Xanh Pie và Micơlông	14.000	-

để đưa vài con lạc đà, vài con bò cái và vài con cá sấu từ các thuộc địa về thành phố Mácxây.

Lại cũng phải nhận rằng các nhà đi khai hoá của chúng ta đã không từ một sự cố gắng nào để cắm cho mấy con chim sẻ bản xứ rất dễ bảo và rất ngoan ngoãn - vài cái lông công làm cho chúng trở thành những con vẹt hay những con chó giữ nhà. Và nếu nhân dân châu Phi và châu Á mà được "hoà bình" và "thịnh vượng" đến như thế này, thì chính những "vị đi gieo rắc dân chủ" không biết mỏi mệt đó là con nhặng đánh) chứ còn ai vào đó nữa?

Nói tóm lại, số phận của tất cả những con vật ấy tương đối đã dễ chịu. Vậy, nếu các hội viên của cái hội cao cả là Hội bảo trợ các loài vật cần phải giết thì giờ, thì nên chăm sóc đến những con khỉ bị bác sĩ Vôrônốp làm cho đau đớn[2] và đến những con cừu dân bản xứ khốn khổ kia luôn luôn bị hớt trụi lông[3], đó có lẽ lại là một việc ích lợi hơn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 11,
ngày 1-2-1923.

1) *La mouche du coche.* Con nhặng trong câu chuyện ngụ ngôn của La Phôngten mỉa mai những kẻ tự cho mình là kẻ đi khai hoá chẳng khác gì con nhặng tự khoe mình đã có công đẩy chiếc xe nặng vượt khỏi đường dốc.

2) Bác sĩ Pháp gốc Nga Vôrônốp chủ trương dùng khỉ trẻ hoá sinh dục của người.

3) Tiếng Pháp có thành ngữ *hớt lông* để chỉ sự bóc lột.

Y NHƯ NƯỚC MẸ

Cho đến nay, trên thế giới chỉ có thành phố Tuynlơ[1] là có thể tự hào đã có những bức thư nặc danh vang dội. Ngày nay, xứ Nam Kỳ với lòng hiếu thảo và mong muốn tỏ lòng trung thành không bờ bến đối với nước khai hoá văn minh cho mình - vừa rồi cũng có cái vụ thư nặc danh "của nó". Nhưng xứ thuộc địa này đã "bắt chước" vụng về vì không phải là vụ một nàng Lavan diễm lệ mà là vụ một hương chức An Nam già nua vừa bị bắt bỏ tù, không phải vì đã lạm dụng thư nặc danh mà vì đã bị thư nặc danh tố cáo. Việc ấy thực chất như thế này:

Một đêm tháng 12 năm 1922, cụ hương cả An Nam đang mơ màng thì bỗng nghe tiếng mõ huyên náo báo cho dân làng biết có cướp ở trên sông cái, ngay trước mặt Chợ Lách! (Ô! vậy thì cái nền an ninh mà các nhà chức trách từng ca tụng ở đâu nhỉ?). Cụ hương cả nhà ta vùng dậy vớ lấy khẩu súng - nguyên cụ hương cả cũng đồng thời là trương tuần của một trại ấp lớn - và lập tức cùng với hai gia nhân xuống thuyền bơi ra sông.

Vừa đến nơi, cụ hương cả và hai gia nhân liền bị bọn cướp nổ súng bắn; một trong hai gia nhân bị trúng đạn giữa ngực và vài phút sau thì tắt thở. Cụ hương cả bắn trả lại bọn cướp một phát không trúng, trái lại bị bọn cướp bắn bị thương vào tay phải.

1) *Tulle:* Một thành phố ở Tây Nam nước Pháp, cách Pari 464 km.

Rồi chỉ vì thư nặc danh tố cáo, mà cụ hương cả nọ đã bị bắt giam về tội là đã giết gia nhân của mình.

Mặc dù cha người xấu số và người gia nhân còn sống đã đệ đơn minh oan cho bị cáo, nhưng cụ hương nọ vẫn còn nằm trong "buồng tối" "để chờ ánh sáng của công lý".

N.A.Q.

Báo *Le Paria*, số 11,
ngày 1-2-1923.

LÒNG NGAY THẲNG CỦA CHÍNH PHỦ THUỘC ĐỊA

Trong thời chiến tranh vinh quang, để có được những "tình nguyện quân", người ta đã hứa trời hứa biển với dân bản xứ. Chiến tranh hết, những lời hứa trang trọng ấy cũng được trang trọng quên đi.

Trong kỳ công trái trước lần cuối - công trái mà dân bản xứ hưởng ứng "một cách tự nguyện với một tấm lòng sốt sắng và phấn khởi" đến nỗi phải đóng két lại trước thời hạn vì đã được gấp hai lần rưỡi số tiền dự định. Đối với lần công trái này, ngoài những biện pháp thúc ép, người ta còn hứa với những người mua, phẩm hàm, hoàn tiền dễ dàng, và hàng lô cái khác nữa.

Bây giờ, khi lòng trung thành đã được chứng tỏ, những người mua công trái trở thành người dại dột. Không những các cơ quan tài chính không nhận mua lại trái phiếu mà còn từ chối cả việc cầm cố trái phiếu. Thế đó, những việc tốt trở thành xấu! Còn về những phẩm hàm và sắc phong cao quý khác thì xin kiếu!

Còn nữa, muốn lĩnh được những trái phiếu đã *hoàn toàn quá hạn trả*, người chủ phiếu còn bắt buộc phải xuất trình thẻ thuế thân.

Chúng ta có nên phàn nàn cho 72.177 kẻ "khốn khổ"[1)] là đồng

1) Tác giả chơi chữ *pauvre* có nghĩa là nghèo, nếu đặt sau danh từ, nhưng có nghĩa là đáng thương nếu đặt trước danh từ. Tác giả đặt chữ

bào của chúng ta đã mua công trái hay không ? Trước khi trả lời câu hỏi này, chúng ta hãy tự hỏi xem việc này, nếu phải là một việc có ích thật, mà không công bố là của nhà nước, không tuyên truyền, chẳng quảng cáo, thì liệu có bao nhiêu đồng bào hào hiệp này của chúng ta chịu nhả ra một xu?

Sự thông minh tính toán của đám "dã dân" cũng chẳng lép gì so với tài loè bịp hứa hẹn của giới "nắm quyền".

N.

T.B. Phủ Toàn quyền Đông Dương sắp được phép phát hành đợt hai công trái 90.000.000 phrăng. Khéo đấy, anh em ơi!

Báo *Le Paria*, số 11,
ngày 1-2-1923.

"pauvre" trong ngoặc kép để chơi cả hai nghĩa.

CHẾ ĐỘ THỰC DÂN

Không phải chỉ có những người cộng sản mới nổi lên chống lại sự bóc lột thuộc địa một cách quá mức. Báo chí và các diễn giả tư sản cũng phản đối sự khắc nghiệt mà người bản xứ phải chịu đựng; phản đối sự vô sỉ luôn bao trùm bộ máy cai trị thuộc địa; phản đối tình trạng thiếu hẳn một chính sách thuộc địa nghiêm chỉnh. Vì vậy, chúng tôi đã gặp gỡ các địch thủ giai cấp của chúng tôi để đưa ra những phản đối tương tự. Nhưng phải nhấn mạnh rằng, chúng tôi sẽ chia tay họ ngay khi đề cập đến cách giải quyết vấn đề.

Những người cộng sản đòi hỏi chấm dứt bóc lột thuộc địa, một bộ phận của bóc lột tư bản nói chung. Các nhà tư sản thì chỉ nghĩ đến việc tăng cường hệ thống thuộc địa để khai thác lợi nhuận cao hơn, để tăng cường sự cưỡng đoạt. Dĩ nhiên chính quyền lợi của họ, hoặc là một thứ tình cảm nhân đạo mập mờ nào đó đôi khi đã thúc đẩy họ lên tiếng yêu cầu làm dịu bớt số phận người bản xứ. Nhà bình luận của tờ *Oeuvre* lấy làm tiếc là người ta chỉ nhìn nhận những người da đen như một thứ nhân lực mà họ yêu cầu phải tước đoạt sạch những gì họ tìm thấy ở những con người này? Nhưng người ta không hề kết luận là phải từ bỏ chủ nghĩa thực dân. Người ta chỉ sợ những người bị bóc lột nổi dậy. Người ta yêu cầu nên nghiên cứu cách đàn áp những biến loạn có thể xảy ra, hoặc tốt hơn nên cần có những biện pháp làm dịu để ngừa trước hậu quả của những biện pháp tàn nhẫn quá hung bạo. Vấn đề vẫn chỉ là buộc các thuộc địa phải làm ra nhiều hơn, vì lợi nhuận tối đa của các công ty tư bản.

Những người cộng sản vui sướng tìm được ở đối thủ tiếng vọng hưởng ấy lời phản đối của mình. Nhưng những người cộng sản đấu tranh cho sự giải phóng dân tộc và kinh tế của các thuộc địa, chứ không phải cho những biện pháp tạo điều kiện dễ dàng cho sự cướp bóc.

Sau đây, chúng tôi thông báo tóm tắt những hành động xấu xa của chính sách thuộc địa. Nhưng chúng tôi lưu ý một lần nữa là đối với những người cộng sản, vấn đề không phải là cải thiện hệ thống thuộc địa mà phải bãi bỏ nó.

*
* *

Những hy sinh xương máu và tiền bạc, những cuộc xâm chiếm đất đai rộng mênh mông, nguồn của cải không bao giờ cạn, địa hạt vô biên dành cho hoạt động của con người là để làm gì? Chi phí cho việc chiếm đóng tiếp tục làm thâm thủng ngân sách, còn các thuộc địa bị ảnh hưởng của cơn khủng hoảng đang giết chết đất nước này.

Người Pháp ít di cư, vài ngành công nghiệp đang phồn thịnh mà nước Pháp nâng đỡ thì lại nằm trong tay người nước ngoài.

Lẽ ra cần phải xây dựng một chương trình hợp lý chứ không phải chiếm đoạt tài sản, của cải để bóc lột một cách ngấu nghiến. Người ta đã hoàn toàn truất quyền sở hữu của người bản xứ. Vì thế, sự phát triển của các thuộc địa thật là khó khăn: Thuộc địa là những khách hàng yếu ớt của nền công nghiệp chính quốc cũng đang bị tổn thất; thuộc địa là những người cung ứng nhỏ nhoi do những sai lầm trong khai thác.

Ngày nay, những người bóc lột nghĩ tới việc tổ chức lại theo kiểu hiện đại. Nước Angiêri cần 1.000 triệu; Tây Phi thuộc Pháp muốn 1.200 triệu mà lẽ ra các nước nói trên phải là những trợ lực quý báu cho chính quốc. Tình hình tài chính ở những nước này thật thảm hại. Việc kinh doanh ở đó thật khó khăn chính là do tính tham lam vô lương tâm của một số người cai trị. Sự bóc lột ích kỷ đó chỉ có thể thực hiện bằng cách tước đi mọi quyền độc lập của các thuộc địa. Tài nguyên thiên nhiên của các thuộc địa đủ để họ thế chấp các khoản vay nợ; các thuộc địa có thể giúp nước Pháp, nhưng thực tế họ lại là nạn nhân của sự thiếu hụt tài chính. Thật là thảm hại khi phải ghi nhận là mặc dù phải gánh chịu các vùng còn bị tàn phá cái khoản trợ cấp cho người goá bụa do chiến tranh họ lại phải giúp đỡ những tổ chức đang chết trên đống của.

Vì sao chính phủ lại phung phí hàng tỷ bạc vào Xyri? Nó không dám thú nhận điều đó. Vậy đến bao giờ người ta mới biết được sự thật về những vụ bê bối ở Nigiê?

Người ta không bao giờ muốn nói xâm chiếm thuộc địa là việc đốt nhà, tàn sát hay cướp bóc; và cũng không muốn nói đó là việc làm cho kiệt quệ một đất nước chỉ mong muốn được phát triển. Mà đó là triệt hạ sự sống của cả một vùng khi đặt nó vào tay một vài ông lớn chứ không phải để cho dân chúng canh tác trên mảnh đất đó.

Dân tộc Pháp được lợi lộc gì từ các thuộc địa của họ? Chẳng qua một vài đội quân đi làm dịu những xung đột giữa tư bản và lao động. Vì vậy, cần bắt buộc tất cả các ứng cử viên phải có chương trình về thuộc địa trong các cuộc bầu cử sắp tới.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L' Humanité,*
ngày 5-2-1923.

TỪ VỤ BÊ BỐI NÀY ĐẾN VỤ BÊ BỐI KHÁC

Mặc dù có sự rùm beng xung quanh cuộc triển lãm ở Mácxây, những bài diễn văn long trọng, những cuộc du ngoạn của hoàng gia và những bài khoa trương trên các báo, tình hình ở Đông Dương vẫn tồi tệ.

Chiếc ghế bị cáo mà viên quan cai trị "thanh liêm" Lanô vừa rời khỏi chưa kịp nguội thì đã có tin về những vụ bê bối mới.

Trước hết, đó là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một "nhà khai hoá"

điển hình; một quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Khoản cơ bản của lời buộc tội ông ta là như sau:

"Làng Tân An đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một trạm điện. Việc ấy tỏ ra thành công, vì thu nhập do trạm đem lại trang trải có dư tất cả mọi khoản chi tiêu. Ngoài ra, các nhà công cộng và đường làng được bảo đảm điện đèn không mất tiền.

Thế mà một viên quan cai trị khôn khéo (ông Buđinô) đã thực hiện một sự sắp đặt như sau: làng Tân An nhượng không trạm điện cho một anh thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền điện thắp sáng các nhà công cộng và đường làng. Rồi người ta bỗng nhận thấy nên chuộc lại đặc quyền đã nhượng không và muốn thế làng phải xếp ra mấy chục nghìn đồng. Toàn bộ chuyện này giống một cuốn tiểu thuyết thực sự, trong đó, viên cựu công sứ đã bộc lộ trí tưởng tượng của mình với một sự vô sỉ không thể tưởng nổi.

Vụ bê bối thứ hai là vụ Têa. Đây là điều bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở Đông Dương kể lại:

"Chúng tôi sống trong một bầu không khí... thực sự phi thường: vụ Buđinô, vụ Lanô và ít lâu sau là vụ Têa.

Ông Têa, một kỹ sư có rất nhiều công lao, giám đốc một hãng lớn của Pháp ở Hải Phòng, ông đến nhà ông Xcala, giám đốc Sở đoan và muốn ngoặc với chính quyền để bán thuốc phiện, ông đã đưa cho ông ta số tiền một vạn đôla, lấy cớ là trả tiền trước hạn, không cần lấy bất cứ biên lai, giấy tờ gì cả. Để dám đi một bước như vậy, cần phải đắn đo suy nghĩ kỹ và phải tin chắc rằng người ta sẽ không tìm thấy trong hành vi đó một điều gì không bình thường. Điều đó có nghĩa là trong giới kinh doanh ở Đông Dương, những việc giao dịch như vậy là chuyện bình thường.

Tất cả những kẻ có quyền hành như vậy cũng đều sẽ lợi dụng để vơ vét của cải cho bản thân mình và bằng cách đó sẽ mang lại tổn thất lớn cho xã hội".

Nếu tên đao phủ Đáclơ, công sứ tỉnh Thái Nguyên, được cử làm Uỷ viên Hội đồng thành phố Sài Gòn, còn ông Bôđoanh, người đang được quan toà Oaren nóng lòng mong đợi đã trở thành quyền Toàn quyền Đông Dương, thì các ông Têa và Buđinô ít ra cũng nên được gắn bội tinh mới phải.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 5-2-1923.

NẠN THIẾU TRƯỜNG HỌC

Dân chúng đang đòi hỏi phải có trường học, mà hiện nay, trường học đang thiếu một cách tệ hại. Mỗi năm, cứ đến ngày khai trường, các bậc cha mẹ dù có đi gõ cửa khắp nơi, cầu xin mọi sự giúp đỡ, thậm chí xin nộp gấp đôi tiền ăn học mà họ vẫn không gửi được con cái đến trường. Và những đứa trẻ này, có đến hàng nghìn, bị đày vào cảnh ngu dốt chỉ vì không có đủ trường sở cho chúng đi học.

Người ta sẽ nói rằng, vì ngân sách không đủ cho chính phủ xây thêm trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đồng đã tìm được cách lọt vào túi các công chức.

Mặt khác, sợ rằng thanh niên An Nam bị tiêm nhiễm chủ nghĩa bônsêvích, Chính phủ thuộc địa làm mọi cách có thể làm để ngăn cản họ sang học ở chính quốc. Điều 500 (Bis) của nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông Dương nói như sau:

"Mọi người bản xứ, vô luận là dân thuộc địa Pháp hay dân do Pháp bảo hộ, muốn sang chính quốc tiếp tục học tập, đều *phải được phép của quan toàn quyền*. Quan toàn quyền sẽ quyết định sau khi hỏi ý kiến quan thủ hiến và quan giám đốc Nha học chính.

Trước khi đi, đương sự phải có một học bạ đại học do Nha học chính cấp, có dán ảnh và ghi rõ lý lịch, địa chỉ cha mẹ, những

trường đã học, các học bổng hoặc trợ cấp đã được hưởng, các bằng cấp đã có và địa chỉ của người bảo lãnh ở Pháp. Học bạ đó phải được quan toàn quyền phê chuẩn.

Hồ sơ của những người bản xứ du học ở Pháp được lưu tại Nha học chính".

"Làm cho u mê để thống trị", đó là phương pháp mà nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*
ngày 5-2-1923.

"VI HÀNH"

**(Trích "Những bức thư gửi cô em họ"
do tác giả tự dịch từ tiếng An Nam)**

- Hắn đấy!

- Đâu phải!

- Đúng mà! Anh đã bảo là chính hắn đấy.

- Chắc thật à ? Em thì em đã thấy hắn ở trường đua, trông hắn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quấn khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn.

- Thế hay là hắn đã đem tất cả các thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kỹ xem kìa! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xếch ấy, vẫn cái mặt bủng như vỏ chanh ấy đấy [1]?

- Ừ nhỉ, thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hắn đến đây làm gì nhỉ trong đường xe điện ngầm này, và tụi các ông quan bà kiếc[2] đi theo thì đâu cả ?

- Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lý nhà ga để đi chơi vi hành đấy.

1) Quả chanh ở châu Âu vỏ màu vàng bủng.

2) *Ses mandarins et mandarines*. Chơi chữ, do trong tiếng Pháp, *Mandarin* có nghĩa là ông quan và *mandarine* có nghĩa là quả quýt; theo quy tắc từ vựng học thì, bình thường ra, muốn chuyển giống đực sang giống cái phải thêm "e" sau từ chỉ giống đực. Ở đây, chỉ chuyển được phần nào ý đùa sang bản dịch tiếng Việt. Có thể dịch: ông quan bà kiếc.

Đấy, cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi. Họ ngấu nghiến trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

- Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta ? người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đấng Hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

- Hắn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hắn đeo lên người hắn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm, người bạn gái anh ta trả lời.

- Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!

- Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ của chúng ta nào ?

- Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găngbe đã bán rồi. Cái rương của Hêra Miếcten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc thì không thu hút được công chúng lắm vì không thuộc giới thượng lưu. Và thế là cái kho giải trí của chúng [1] sắp cạn ráo như B.Đ.D[2] vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì ...

- Đổi xe ở đây chứ[3] anh yêu ơi ?

1) Nhà cầm quyền các nước tư bản thường dùng những tin "thời sự" giật gân để dẫn dắt quần chúng sao lãng đấu tranh chính trị. Mấy câu chuyện vừa nhắc đến là một số vụ giết người lấy của ít nhiều "ly kỳ", có thật, xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ.

2) Nguyên bản: B.I.C. *(Banque d'Indochine).* Ngân hàng Đông Dương.

3) Tiếng Pháp chỉ nói "đổi"; thường nói "đổi xe" nhưng thật ra là "đổi tuyến xe". Hệ thống xe điện ngầm Pari gồm nhiều tuyến gặp nhau ở một số trạm nhất định, ở đó, có thể chuyển từ tuyến này sang tuyến khác.

- Không, ga sau. Đúng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta

- Em thì em thích Sáclô[1] hơn. Với lại, vua, thì tốn lắm.

- Đâu có! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở nhà hát ca vũ đấy chứ ? Phải trả những nghìn rưỡi phrăng để xem vợ lẽ nàng hầu vua Cao Miên, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư thánh xứ Cônggô[2]; hôm nay thì chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh ? Nghe nói ông bầu Nhà hát Múa) có định ký giao kèo thuê đấy....

Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ, và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pie nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay, còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng "vi hành" đấy.

Tôi không được rõ ý đồ nhà "vi hành" của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Alếchxăng đệ) có được sung sướng, có được uống nhiều

1) *Charlot*: Vai hề nổi tiếng của điện ảnh do diễn viên kiêm đạo diễn nổi tiếng Anh Sácli Saplin sáng tạo.

2) *Les aerobates du marabout de Congo.* Cả danh hiệu sư thánh đạo Hồi ("marabu"), cả tên nước Cônggô ở đây đều là phiếm chỉ.

3) *Le manager du Guignol*. (Guignol là tên vai chính trong trò rối, sau dùng rộng ra để chỉ con người ngây ngô hoặc câu chuyện lố lăng).

4) *Alexandre Millerand*: Tổng thống Pháp lúc bấy giờ. Gọi Tổng thống Pháp theo kiểu chỉ vua chúa: "Alếchxăng đệ nhất", là để nhấn mạnh tính hài hước của đoạn văn, đồng thời là để nêu rõ sự lỗi thời của vua chúa, tức cũng là để châm biếm Khải Định chua cay hơn.

rượu, và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thày thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám "dân"[1] bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, bây giờ ngài lại muốn nếm thử cuộc đời của các cậu công tử).

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đấng Hoàng thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, tán tụng tôi, đi theo tôi.

Cô em thân mến, hẳn cô bảo tôi rằng, thế là cái bánh xe vô lượng nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương có màu da trắng đều là những bậc khai hoá, thì bây giờ đến lượt tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng "hắn đấy!" hay "xem hắn kìa!" là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.

Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, Chính phủ bèn đối đãi với tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tuỳ tùng đi hộ giá tuốt! Đó là những người phục vụ thầm kín, rụt rè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát

1) Trong nguyên bản chữ "dân" được viết bằng chữ Việt.

2) *Petits ducs.* Có nghĩa là tiểu công hay công tước bé. Ở đây, tác giả giễu cợt rất tinh vi và chơi chữ rất tế nhị: tiếng Pháp vốn có thành ngữ coi những ông hoàng Nga mà tước hiệu là đại công *(grand-duc)* là những tay ăn chơi bừa bãi.

ghen lên được về nỗi niềm âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy đế giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuống cuồng cả lên nếu mất hút tôi chỉ trong dăm phút! Cô thử nghĩ, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?

Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nổi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 19-2-1923.

VIỆN HÀN LÂM THUỘC ĐỊA

Tuy đã ở thuộc địa lâu năm, bạn Xôra của tôi là một người dễ thương. Anh lại rất là hóm hỉnh, điều rất hiếm thấy trong giới anh. Anh có thói quen kỳ quặc là khi nói, gặp vần nào bắt đầu bằng âm cờ là cứ lặp đi lặp lại hai lần liền, khiến cách nói của anh sẽ trở nên ngọt ngào và thú vị khác thường.

Hôm nọ anh đến thăm tôi. Chỉ nhìn đôi mắt anh nấp sau đôi mục kỉnh to tướng, tôi đoán ngay anh sắp tuôn ra một điều ba hoa gì đó mà anh thường nói. Quả không sai.

- Này ông cụ mình, này! Anh bắt tay tôi, nói. Một Viện hàn... hàn lâm khoa học thuộc... thuộc đ[1] đã được thành lập, cậu biết chứ?

- Biết, Ừ! Thì sao?

- Ở đấy có một Ban địa lý, một Ban mỹ nghệ, một Ban giáo

1) *Académie des Sciences Coloniales.* Có những vần ca, co, bắt đầu bằng âm cờ, theo tật của nhân vật Xôra, thì tác giả cho y nói lắp ca-ca, cơ-cơ... không những nghe ngang tai (và thú vị theo cách nói mỉa mai của tác giả), mà còn gợi ra những ý niệm thô tục buồn cười (caca có nghĩa là phân, coco có nghĩa là tên quấy). Tác giả hư cấu chi tiết đó để mua vui, dưới có trở lại vài lần nữa, như khi nói đến candidat, ứng cử viên (can can có nghĩa là chuyện ba láp), nhưng tác giả bỏ qua nhiều trường hợp khác mà vẫn có âm cờ lắp lại hai lần không có nghĩa buồn cười như ở những trường hợp vừa nói.

dục, tức là có bao nhiêu người cần gán vào thì có bấy nhiêu ban. Nhưng ngược lại, thế vẫn còn thiếu một ban, ban quan trọng nhất để cho một viện loại có tầm cỡ nổi bật lên.

- Là ban gì vậy?

- Tớ đã nói đấy: là Ban đạo lý... thuộc... thuộc địa.

- Để [1] Xôra làm trưởng ban chứ gì?

- Không! Đít tớ đâu có cái thớ hàn... hàn lâm, nhưng tớ có một danh sách những người lương thiện, liêm khiết, yêu nước, xứng đáng được đề nghị đưa vào hàng bất triệt (hay bất tử như người ta gọi theo cách thông tục). Đây là họ, tên, nghề nghiệp của những vị ứng... ứng cử viên của tớ!

Các ông:

Ăngđrê Béctôlô, thượng nghị sĩ quận Xen, Giám đốc tuyến đường sắt từ Cônggô Thượng đến vùng Hồ Lớn châu Phi.

Sanhô Lêông, thượng nghị sĩ quận Crơđơ, Giám đốc công ty vận tải Marốc.

Saxtơnê Ghiôm, thượng nghị sĩ quận Girôngđơ, Giám đốc Hội hợp nhất Liegiơ đê Hamăngđa - Tiểu Kabili.

Côkê (Giăng), thượng nghị sĩ quận Rôn, Giám đốc tổ hợp kỹ nghệ và thương mại Bắc Phi.

Côxne (Hăngri), thượng nghị sĩ quận Anhđrơ, Giám đốc Công ty Phi châu về thương mại, kỹ thuật và canh nông.

Mácxan (Phrăngxoa), thượng nghị sĩ quận Căngta, Giám đốc Hội buôn bán Tây Phi.

Giêra (Anbe), thượng nghị sĩ quận Acđen, Giám đốc Công ty kền Tân Calêđôni.

Grôđiđiê, thượng nghị sĩ quận Mơđơ, Giám đốc Công ty vận tải ở Marốc.

Hầu tước Đơ Môngteguy, thượng nghị sĩ quận Loa Hạ, Giám đốc

1) *Mossieu,* tức *Monsieur*, nhại cách phát âm của người châu Phi thuộc Pháp.

các đường xe lửa và các mỏ phốtphát Gá [1].

Marô, thượng nghị sĩ quận Lốt và Garôn, Giám đốc đường sắt từ Cônggô đến vùng Hồ Lớn châu Phi.

Bécsô (Guyxtanh), thượng nghị sĩ quận Anpơ Hạ, Anpơ thấp thuộc các Hội bỏ thầu và khai thác ở Đông Dương, Hội quốc tế nghiên cứu và xây dựng ở Marốc và Hội bỏ thầu ở tây Marốc.

Rulăng (vâng, cố nhiên), thượng nghị sĩ quận Xen Hạ, Giám đốc ngân hàng của Angiêri và Tuynidi, đường tàu điện từ Ôrăng đến Hammen - ben - Mátgia và Công ty Marốc Ra và Kalô.

Các ông:

Áccămbray, nghị sĩ quận Exnơ, thuộc Tân công ty Phi châu về thương mại, kỹ nghệ và canh nông.

Áctô, nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, Giám đốc Công ty Pháp quốc của Tây Phi, trưởng ban trị sự thương quán Pháp - Marốc và những nhà máy đường thuộc địa.

Balăngđơ, nghị sĩ quận Girông, thuộc Uỷ ban liên bang thuộc địa.

Rơnaden, nghị sĩ quận Anhđrơ, thuộc vùng mỏ Buácpha (Marốc).

Bectôlôni, nghị sĩ quận Xavoa, Lào, thuộc Công ty thương mại Lào.

Cămbrudơ, nghị sĩ quận Girông, thuộc Công ty Pháp ở Tôgô.

Satxenhơ Gôiông, nghị sĩ quận Xen, Phó chủ tịch Hội hợp nhất Liegiơ đê Hamăngđa - Tiểu Kabili.

Duyboăng (Giắcke), nghị sĩ quận Xavoa, Lào, thuộc Công ty Marốc vôi, ximăng, và vật liệu xây dựng.

Phơdăng, nghị sĩ quận Xaôn và Loa, thuộc Tổng công ty Pháp và Đông Dương về lụa.

Oenđen (Phrăngxoa đờ), nghị sĩ quận Mớc và Môden, thuộc các mỏ thiếc và vônphram ở Bắc Kỳ.

1) *Gápxa*. Một thành phố ở miền Nam Tuynidi.

Gaxparanh, nghị sĩ đảo Rêuyniông, thuộc Công ty Pháp ở Tôgô.

Girô (Huybe), nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, Giám đốc Ngân hàng Xyri và Công ty Marốc.

Hanê (Anbe), nghị sĩ quận Exnơ, thuộc Công ty thảm Tôn phủ.

Giốtxơ (Prôxpơ), nghị sĩ quận Ơrơ, thuộc Pháp quốc ngân hàng châu Phi xích đạo, của Công ty Phi và Cônggô.

Lusơ, nghị sĩ quận No, thuộc Tổng công ty các xí nghiệp ở Marốc.

- Quả thật, tôi nói với anh bạn, đấy đúng là những người đại diện vừa cho quyền lợi thật sự của cử tri ở Quốc hội Pháp, vừa cho quyền lợi và nền văn hoá Pháp ở thuộc địa. Nhưng còn...

- Tớ biết cậu sắp nói gì, Xôra ngắt lời tôi, cậu muốn bảo tớ không nghĩ đến bọn thuộc rượu Rum hay thuộc độc quyền rượu, chứ gì? Nhưng danh sách đã dài và căn nhà chứa sẽ bé quá không đủ cho tất cả những con người này. Với lại kỳ tới tớ còn một đề nghị hay hơn nhiều cơ.

Khói thuốc dày đặc thoát ra từ tẩu vây lấy Xôra như hương thơm của những ông chồng chung thuỷ bao quanh thánh Giôdép. Xôra chậm rãi bảo tôi: Cậu có biết là Anbe Xarô đã đổ bể rồi không?

- ...

- Đừng vờ ngốc nghếch nữa đi nào! Cậu thừa biết là tớ nói đến con tầu - con tầu duy nhất của Hạm đội Đông Dương - ấy mà... Mà cậu không hiểu gì, thì để tớ kể cho nghe. Muốn có một Hạm đội Đông Dương, thì phải có một chiếc tàu Đông Dương. Thế là người ta cho đóng "con tầu". Rồi người ta lấy tên vị cầm lái lớn đặt tên cho cái lái lớn. Dung lượng con tầu chạy hơi nước này, khi ra khỏi xưởng, chỉ là 3.500 tấn. Mấy hôm sau, trong bài diễn văn của vị cha đỡ đầu lừng danh của nó, nó có dung lượng 6.000 tấn. Mấy tháng sau, trong bài đăng trên một tờ báo lớn thì dung lượng nó là 60.000 tấn. Phải cái là đáng lẽ phải chạy 12 [1], thì thoạt đầu nó chỉ chạy có 6 nút thôi.

Bây giờ nó chết giấc.

Để tán thiên hạ, người ta dẫn nó sang chơi Trung Hoa. Vì quên không cho nó đi tàu hoả, đến Thượng Hải, cái của ấy không chịu đi nữa, nó hỏng, nó rỉ nước, nó hư súpde, nó định tự tử, nó chỉ còn là cái... nút thòng lọng. Tưởng chừng con tàu khốn khổ mắc bệnh tim la. Nhưng không hề gì, Đông Dương vẫn kiêu hãnh có hạm đội của mình và có những Xarô của mình.

- Thế cậu nói với tớ làm gì? Tớ sẽ là một thằng vô ơn bội nghĩa.

- Để bảo cậu rằng tớ sẽ là một thằng vô ơn bội nghĩa nếu không đưa ngài thượng thư thuộc địa của chúng ta vào Viện hàn... lâm.

- Với tư cách là đô đốc Hạm đội Đông Dương à?

- Đâu có. Tư cách chủ nhiệm khoa giải phẫu.

- ...?

- Phải. Giải phẫu. Ông ta ở đấy là hợp khít. Thế cậu không nghe ông ta nói về "bàn giải phẫu" ở Quảng trường Hoà [2] sao?

Cậu không biết là cả trường đại học y khoa nhốn nháo cả lên vì cái bản tuyên ngôn khoa học của Cụ lớn à? "Ngài yêu quý nhiệm vụ đến quặn cả lòng. Niềm say đắm đối với nỗi cùng cực cao cả gắn những cơn sốt nóng của nó vào da thịt ngài. Nó hoà lửa của nó vào máu ngài, trong huyết quản ngài, cũng như vào đường gân ngài, thớ thịt ngài, cứ như chiếc áo lửa của Nétxuy bám lấy hông lấy cật".

Tôi thích ngài thượng thư nói. Tôi thích nhìn những đội ngũ đông đảo của họ... Tiếng hô lúc này thốt ra từ lồng ngực tôi... rót vài dòng trong huyết mạch tôi chất độc ác nghiệt mà thánh thần...

---

1) Nút là đơn vị chỉ tốc độ hàng hải. Tàu chạy mười nút là chạy mười hải lý/giờ. Gọi hải lý/giờ như thế, thì chuyển được từ dùng chỗ chơi chữ này, với noeud coulant = nút thòng lọng.

2) Quảng trường Concorde là một quảng trường loại lớn nhất ở Pari. Ý nói: diễn văn trước quần chúng rộng rãi.

Có những kẻ mặt tối tăm không bao giờ có ánh sáng lung linh soi đến. Những lời xưa kia thốt lên từ trái tim vĩ đại nhất... vân vân... Cậu nghĩ xem với những bắp thịt, những đường gân, cái... mặt và những đội ngũ ấy, có thể nặn ra được một vị khai hoá cừ lắm chứ, trừ phi...

Nhưng thôi, ta hãy đi uống vại bia, chúc sức khoẻ Ai Cập Hoàng đế chứ?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 12, tháng 2-1923
và số 14, tháng 5-1923.

NHỮNG NGƯỜI LÀM CÔNG TỔ CHỨC LẠI, CHỐNG BÓC LỘT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Mặc dầu nền công nghiệp lớn và cơ khí lớn chưa được phát triển hoàn toàn ở Trung Quốc, những tập tục gia trưởng chưa mất hẳn, công nhân Trung Quốc bị hai tầng áp bức của tư bản nước ngoài và của bọn quân phiệt bản xứ, đã bắt đầu hoạt động mạnh. Có khoảng một triệu người lao động đã chịu ảnh hưởng (trực tiếp hoặc gián tiếp) của sự tuyên truyền nghiệp đoàn và cách mạng.

Liên hiệp hải viên công hội Hồng Công có 30.000 hội viên. Họ đã phát động một cuộc đình công bốn tháng (từ tháng 12-1921 đến tháng 3-1922). Để tỏ tình đoàn kết, quần chúng ngoài công hội đã tuyên bố tổng đình công. Những người thợ giặt và những người phục vụ cũng hưởng ứng phong trào. Kết quả là công nhân được tăng lương từ 20 đến 40%.

Liên hiệp hải viên công hội Thượng Hải có 15.000 hội viên. Một cuộc đình công ba tuần đã được tuyên bố tháng 7-1922. Kết quả là công nhân được tăng lương 20%.

Công nghiệp bông sợi sử dụng 72.300 công nhân, phần lớn là phụ nữ và trẻ em dưới tám tuổi. Ngày làm việc 12 giờ. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đòi cải thiện điều kiện làm việc.

93 xí nghiệp dệt tơ lớn sử dụng 130.000 phụ nữ và thiếu niên nữ từ 8 đến 14 tuổi. Họ làm việc 11 giờ mỗi ngày. Do hơi nóng của nước sôi thường xuyên toả ra và mùi khai của kén tằm, nên điều kiện làm việc của những nữ công nhân đó vô cùng khó khăn. Tháng

6-1922, một nữ công nhân đã chết vì tai nạn lao động do chữa cháy kém. Một cuộc đình công tự phát bùng nổ để phản đối. Cuộc đình công đó được các xí nghiệp dệt ở Thượng Hải hưởng ứng. Kết quả là giờ làm việc hằng ngày giảm xuống hai giờ.

Một cuộc đình công của thợ dệt Nam Kinh đã ngăn cản được độc quyền tơ sợi của thành phố sợi vào tay một tập đoàn kinh doanh Nhật.

Cuối năm 1921, những người làm thuê cho chủ xe kéo nước ngoài, bao gồm 3.000 người tham gia nghiệp đoàn, đã đình công. Vì việc giảm lương được thực hiện do sáng kiến của các chủ người Pháp (900 xe kéo), nên những người đình công đói rách đã tổ chức một đoàn "ăn xin" tuần hành trong tô giới Pháp. Cảnh sát Pháp giải tán cuộc biểu tình và bắt giam những người lãnh đạo. Cần nhớ rằng: bọn chủ Pháp có toà án và nhà giam riêng để xét xử và giam giữ những người culi xe không thể trả nổi tiền thuế. Những người bị bắt giam bị đối xử tàn tệ và nhiều người đã chết.

Những năm gần đây, có khoảng 200 culi xe bị bọn chủ giết hại.

Trong số 20 tờ báo xuất bản ở Hán Khẩu, công nhân có hai tờ báo hằng ngày và một tờ báo hằng tuần. Mặc dầu bọn tư bản nước ngoài và tư bản bản xứ cố hết sức dập tắt hoặc ngăn cản mọi phong trào giải phóng, nhưng những người công nhân Trung Quốc được sự giúp đỡ mạnh mẽ của những người trí thức tận tụy, đã tổ chức lại một cách nhanh chóng và hành động tốt đẹp.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 16-3-1923.

CUỘC BẠO ĐỘNG Ở ĐAHÔMÂY[33]

Những nô lệ của Gobekhandin, hơn 30 năm trước đây, đã thoát khỏi ách nô lệ của Đốtxơ và Lơben, là những anh hùng của những chiến công vang dội một thời, - bây giờ lại được làm quen với nước Pháp "văn minh". Cần phải nói thẳng ra rằng, vì lý do đó mà những vị quan cai trị thực dân của chúng ta đã nâng người Đahômây lên cái danh hiệu là công dân nước Pháp.

Đây là một số chi tiết về những sự kiện, trong đó, các nhà tư bản thực dân đối xử với những người bãi công ở Poóctô - Nôvô giống như họ đang đối xử với công nhân ở Havrơ và Xarơbuy Ken.

Ngày 12 tháng 2, - ngày hôm sau khi ông Hăngri Misen, đại biểu của Hội đồng thuộc địa tối cao đi khỏi, - một làn sóng kích động đột nhiên bao trùm toàn dân thành phố Poóctô - Nôvô; bắt đầu những cuộc biểu tình kèm theo những cuộc bãi công của công nhân bản xứ làm việc trong các công trường xây dựng của thành phố.

Ngày 18 tháng 2, những người biểu tình tổ chức một cuộc họp toàn thể. Cảnh sát đã giải tán họ và bắt đi 10 công nhân.

Cuộc chiến đấu bắt đầu. Những nhóm công nhân bãi công, có nhiều người dân bản xứ tham gia, đã chiếm các bốt gác ở xung

quanh Poóctô - Nôvô và đuổi hết cảnh sát khỏi các bốt gác ấy. Sau đó, đã xảy ra cuộc đụng độ đầu tiên giữa những người bạo động với lính bộ binh do viên quan cai trị - ông Satxeclô, cấp tốc phái đến. Quân đội nổ súng. Nhưng những người đình công cũng đã được vũ trang. Họ đã bắn trả. Trên mặt đất còn lại năm người chết: một viên cai và bốn người dân bản xứ.

Sự kích động tăng lên. Theo lệnh của ông Méclanh, toàn quyền Tây Phi, tình trạng giới nghiêm được ban bố trong tất cả các khu ở Poóctô - Nôvô. Ba trung đoàn lính bộ binh có súng máy và *pháo dã chiến* được đưa xuống tàu vận tải "TSÁT" ở Đaca. Ngoài ra, chiếc tàu tuần tiễu "Cátxiôpê" được đưa ngay lập tức đến Poóctô - Nôvô. Cùng một lúc với việc điều động lực lượng quân đội, người ta tiến hành các cuộc bắt bớ.

"Mười người thủ xướng", trong đó có Uybeliu và Êchiên Têtê, bị bỏ tù. Những cuộc đàn áp tàn nhẫn diễn ra khắp nơi.

Người ta đã buộc công nhân Poóctô - Nôvô trở lại làm việc bằng lưỡi lê và dùi cui. Nhưng làn sóng kích động vẫn lan rộng ở nông thôn. Các báo thuộc địa, đặc biệt là tờ ***Dépêche Coloniale*** đòi thi hành ngay những hình phạt tàn khốc và chuyển vận mệnh của Đahômây sang cho những bàn tay cứng rắn hơn.

Chúng ta phải rút ra những kết luận nghiêm túc từ những sự kiện này, cụ thể là: trong các thuộc địa, công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp. Cần phải làm thế nào để cho công nhân da đen và da vàng cũng hiểu rằng: Kẻ thù duy nhất của họ nằm ngay trong bản thân cái chế độ này, chế độ đang dẫn đến một chế độ nô lệ tinh vi hơn, nặng nề hơn, và vô nhân đạo hơn chế độ trước đây. Và chỉ với sự giúp đỡ của những người anh em bị áp bức

của mình ở các nước châu Âu, họ mới sẽ có thể tự giải phóng được mình.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,* ngày 18-3-1923.
In trong sách: Hồ Chí Minh, *Những bài viết và nói chọn lọc*, tiếng Nga, Nxb, Chính trị quốc gia, Mátxcơva, 1959, tr.56-57.

Dịch theo bài in trong sách *Những bài viết và nói chọn lọc.*

KHỞI NGHĨA Ở ĐAHÔMÂY

Lo lắng vì giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách dùng các thuộc địa để củng cố nền thống trị đang lâm nguy của nó. Nó bòn rút ở đó cả nguyên liệu cho các nhà máy của nó, lẫn nhân lực để chống lại cách mạng. Báo chí tư sản ở Pari và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng lĩnh và các nghị sĩ đã đi khắp cả nước để tổ chức các cuộc nói chuyện về thuộc địa. Những cây bút đạo đức ấy và những ông chuyên nghề khoác lác ấy không tìm đâu ra cho đủ lời lẽ để ca ngợi lòng trung thành của người bản xứ và ân huệ của

công cuộc khai hoá "của họ".

Đôi khi, các ngài ấy trơ tráo đến mức đem so sánh sự cướp bóc của người Anh ở thuộc địa với sự cao cả của riêng họ: họ cho chính sách của người Anh là "phương pháp tàn nhẫn" hoặc "thái độ thô bạo" và quả quyết rằng cách làm của người Pháp đầy chính nghĩa và dịu dàng!

Chỉ cần ghé mắt nhìn qua các thuộc địa một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hoá đó là "đẹp đẽ và dịu dàng" biết là chừng nào.

Ở Đông Dương, dạo vừa rồi, có một gã thực dân Pháp trẻ tuổi đã trói một người An Nam, đặt nằm sấp xuống đất, chân và đầu buộc vào hai cái cọc đóng xuống đất, rồi giáng cho người đó *một trăm sáu mươi gậy*. Nạn nhân, mình mảy nát nhừ, lại bị bỏ vào nhà giam suốt một đêm. Sáng hôm sau, gã trẻ tuổi đi khai hoá đó lại *choảng sưng đầu nạn nhân* và lấy chuôi súng lục *đập vỡ một mắt* của người ấy. *Tên súc sinh đó đã được toà án Pháp tha bổng*.

Ở Đahômây, người ta tăng thêm thuế má vốn đã quá nặng nề đối với người dân bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa và ruộng nương đi làm "những người bảo vệ văn minh". Người ta cấm dân bản xứ giữ vũ khí để tự vệ chống thú dữ vẫn thường phá hoại hàng xã một. Giáo dục, y tế đều không có. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Đahômây "được bảo hộ" phải chịu cái kiếp lầm than của người dân bản xứ, cái chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm điếm nhục cho cái gọi là thế giới văn minh. Dân bản xứ, không nhịn nhục được nữa, vùng lên. Thế là cuộc đàn áp đẫm máu được tiến hành. Người ta dùng những biện pháp cương quyết. Người ta đưa quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến; người ta hạ lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đấy, đức nhân từ của công cuộc khai hoá như thế đấy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière*,
ngày 30-3-1923.

CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT THỰC DÂN

Chúng tôi đã nói rằng, việc bắt lính ráo riết là một trong những nguyên nhân thúc đẩy người Đahômây đứng lên bạo động.

Trước hết, chúng ta thấy ngay một sự bất bình đẳng nổi bật: người Pháp chỉ phục vụ trong quân đội hai năm, còn người bản xứ thì phải phục vụ ba năm. Sau khi bỏ ra 36 tháng tuổi thanh xuân tươi đẹp của mình để bảo vệ tự do và công lý (?), người dân bản xứ được giải ngũ lại chịu sự tác động của đạo luật về người bản xứ trong đó không có tự do và công lý! Song sự bất bình đẳng ấy cũng

có cái tốt: nó gây ra cho tất cả những người bản xứ cái tâm trạng chống chủ nghĩa quân phiệt.

Sự tàn ác của bọn bắt lính ở các thuộc địa tinh vi tới mức thậm chí người Pháp ở chính quốc cũng không thể hình dung được một cái gì giống như thế. Trong thời gian chiến tranh, những viên chỉ huy mang lính đi hết làng này sang làng khác buộc chính quyền bản xứ cung cấp ngay lập tức số người cần thiết để đưa vào quân đội.

Lẽ nào một sĩ quan Pháp tháo vát lại không biết tra tấn những người cha và những người mẹ của những người Xênêgan trẻ tuổi đang lẩn trốn khi ông ta xuất hiện, để buộc họ phải chui ra khỏi những nơi ẩn nấp của họ và khoác bộ áo lính Duavơ? Lẽ nào hắn lại không bắt các ông già, phụ nữ có mang, thiếu nữ, buộc họ phải cởi trần truồng và đốt quần áo của họ ngay trước mắt họ. Trần truồng, bị trói, những nạn nhân bất hạnh buộc phải chạy khắp làng dưới trận mưa roi để làm "gương". Một người phụ nữ cõng con

đằng sau lưng buộc phải xin phép được cởi trói một tay để đỡ lấy đứa bé cho khỏi ngã. Hai cụ già đã ngã bất tỉnh nhân sự trong cuộc chạy ấy. Những em gái bị hành hạ như thế đã hành kinh trước tuổi, một phụ nữ có mang, đứa con sinh ra đã bị chết, một phụ nữ khác thì đứa con sinh ra đã bị mù.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 13-4-1923

TINH HOA CỦA XỨ ĐÔNG DƯƠNG

Trong đám tang toàn quyền Lông, ông Nguyễn Khắc Vệ, tiến sĩ khoa luật học, tiến sĩ khoa chính trị học và kinh tế học, làm việc tại Toà Biện lý Sài Gòn, đã quả quyết rằng, nếu có thể phát biểu thay toàn thể nhân dân Đông Dương, thì ông chắc chắn rằng, tiếng nói đó sẽ đau thương tỏ lòng tri ân toàn quyền về tất cả những gì mà toàn quyền đã ban cho dân tộc An Nam. Và ông Vệ trân trọng lớn tiếng:

"Và những ai, nhờ vào những biện pháp khoan dung của Ngài,

ngày nay, đang cùng các vị đại diện của nước bảo hộ góp phần vào công cuộc phồn vinh ngày càng tăng tiến của xứ Đông Dương, sẽ cất lên từ đáy lòng mình lời tri ân Ngài và lòng sùng kính đối với anh linh Ngài. Vấn đề kinh tế là điều mà Ngài quan tâm hơn hết. Ngài từng mong muốn trang bị cho Đông Dương mọi khí cụ kinh tế sao cho nó trở thành một nước Pháp thứ hai, một nước Pháp Viễn Đông hùng cường, một con đỡ đầu của nước Pháp cộng hoà".

"Trong sứ mệnh của Ngài, Ngài đã toàn tâm toàn ý khai hoá cho một dân tộc bị ngừng trệ trên con đường tiến bộ vì một tổng hợp điều kiện lịch sử và khí hậu. Ngài là vị quán quân của tiến bộ, là sứ giả của công cuộc khai hoá...".

Về phần mình, ông Cao Văn Sen, kỹ sư, Chủ tịch Hội những người Đông Dương, thì nói rằng, việc ông Lông chết quá sớm là một cái tang cho toàn cõi Đông Dương. Rồi ông kết thúc bài điếu văn bằng

những lời sau đây:

"Bẩm quan Toàn quyền, chúng tôi thành tâm than khóc Ngài vì đối với tất cả chúng tôi, Ngài là một thủ hiến, một người cha nhân hậu".

....."[1)].

Từ sự việc trên, tôi đi đến kết luận rằng: Nếu quả thực tất cả những người An Nam đều cũng luồn cúi sát đất như hai đứa con này của guồng máy cai trị thì quả thực là dân này xứng đáng với cái số phận được cho.

N.

Báo *Le Paria*, số 13,
tháng 4-1923.

1) Dòng dấu chấm này là của nguyên bản tiếng Pháp.

BÁO CÁO GỬI BAN BIÊN TẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO *LE PARIA*

Dự án ban đầu là trước hết thành lập một hợp tác xã xuất bản.

Dự án đó không thực hiện được do các đồng chí chưa hăng hái đóng góp, mặc dù chúng ta đã kêu gọi nhiều lần và việc làm này chúng ta tốn kém 120 phrăng.

Một nhóm nhỏ tám đồng chí cam kết dù sao cũng phải cho xuất bản ngay tờ *Le Paria*. Đã có những lời hứa như sau: Blôngcua cho 100 phrăng mỗi tháng, Hátgiali: 50, Mônnécvin: 50, Xtêphani: 25, Nguyễn Ái Quốc: 25, Ônôriơ: 10, Ralaimônggô: 10, Phuốcnirê: 10. Tổng cộng là 280 phrăng. *Le Paria* bắt đầu ra mắt ngày 1-4-1922, cho đến ngày 31-12-1922, ngân sách của nó chia ra như sau:

Thu:

A- Tiền quyên góp của các đồng chí nói trên: Ralemônggô: 50 phrăng, Nguyễn Ái Quốc: 175, Mônnécvin: 100, Blôngcua: 0, Ônôriơ: 10, Hátgiali: 200, Xtêphani: 50, Phuốcniê: 0. Tổng cộng là 585 phrăng.

B- Ủng hộ báo từ 1-4 đến 31-12-1922: 593 phrăng.

C- Tiền bán báo dài hạn 141 x 3 = 423 phrăng.

D- Tiền bán báo lẻ từ số 1 đến số 9 = 170 phrăng 40. Tổng số thu là: 1.771 phrăng 40.

Chi:

- Chi phí ban đầu (kể cả số tiền 120 phrăng nói ở trên): 170 phrăng.

- Đồ dùng: 34,80

- Cước phí bưu điện: 156,80

- Chi phí tiền in: 2.483,80

Tổng số chi là: 2.845,40.

Ngoài số chi nói trên còn ba quý tiền thuê nhà hết 900 phrăng do sự ủng hộ của các đồng chí đài thọ, đặc biệt do số tiền 450 phrăng đồng chí Blôngcua nhận được từ Đahômây.

... Xin nhận xét rằng, trong chín tháng qua, trong số tám đồng chí hứa cho tiền hằng tháng, thì có: 1 đồng chí đi vắng không đóng xu nào, 1 chưa đóng, 1 mới đóng 1 tháng, 2 đóng 2 tháng, 1 đóng bốn tháng, 1 đóng năm tháng, 1 đồng chí đóng đầy đ[1].

Để trả được số nợ cũ cho chủ nhà in và tìm một nhà in khác với điều kiện thuận lợi hơn cho báo, thì các đồng chí cần giữ đúng những lời đã hứa góp tiền.

Từ 1-1-1923, quyết định ra báo hai kỳ một tháng và ra bốn trang, trang bốn dành đăng quảng cáo để tờ báo có thể sống được. Nhân dịp này, các đồng chí quyết định nộp tiền trả ngay tiền in số 10 là 535 phrăng.

Từ 1-2, việc cho đăng quảng cáo phải mang lại một số tiền đủ cho việc ra báo. Đồng chí Xtêphani được giao tổ chức việc lấy quảng cáo.

Mặc dù việc quảng cáo mới được đặt ra và do đó chưa được hưởng ứng nhiều, mới đem lại cho các số báo 10, 11 và 12 một số tiền ít ỏi, đồng chí Xtêphani bảo đảm với chúng ta rằng, với các số tới, ngân sách 1923 sẽ được cân đối, do đó Xtêphani hứa rằng, từ số 13 sẽ không yêu cầu các đồng chí đóng góp nữa. Xtêphani tin chắc rằng trong tương lai rất gần, việc nhận đăng quảng cáo không

1) Đồng chí đóng tiền đầy đủ chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

những có thể giúp trang trải tiền thuê in báo mà còn có thể trả công cho một đồng chí chuyên trách gánh mọi công việc của tờ báo như gửi thư đi, kiểm soát, giữ thường trực, v.v., và còn trả được tiền thuê nhà. Trong khi chờ đợi, các đồng chí phải chịu bỏ tiền ra để trả tiền thuê nhà.

Hãy dũng cảm, có nghị lực và bắt tay vào việc.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Viết cuối 1922. In trong sách *Thời thanh niên của Bác Hồ,* Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 179-181.

Bài in trong sách *Thời thanh niên của Bác Hồ.*

CÁC VỊ THỐNG TRỊ CỦA CHÚNG TA

Thế là xong: số phận của 20 triệu dân An Nam mong muốn sắp được trao vào tay ông Mácxian Méclanh.

Anh sẽ hỏi tôi: Cái ông Méclanh ấy là ai ư? Chả gì thì đây cũng là một ông đã là quan cai trị các đảo Gă[1], rồi Phó toàn quyền Tây Phi, rồi Toàn quyền thuộc địa này. Đó là một vị đã bỏ ra 36 năm cuộc đời mình để nhồi vào các cái sọ dân bản xứ về tất cả cái nền văn minh đầy ân huệ của nước Pháp.

Có lẽ anh sẽ bảo tôi rằng, thực là một tấn trò hề Đông Dương[2] to đùng khi đưa Ngài lên cai trị một đất nước mà Ngài không biết gì về nó cả.

Thì, đúng thế! Nhưng đó là cái mốt mà một bạn đồng nghiệp, hôm nọ cho biết ông đã thấy chễm chệ ngồi ở vụ Tây Phi thuộc Pháp của Bộ Thuộc địa một cựu công sứ ở Đông Dương. Một cựu công sứ khác ở Tây Phi thì lại đảm nhiệm việc châu Phi xích đạo. Một cựu quan chức ở Xuđă[3] thì lại được chọn để phụ trách các vấn

1) *Gambier*, quần đảo nhỏ thuộc Pháp ở Thái Bình Dương.

2) *Indochinoiserie*: từ ngữ tác giả đặt ra phỏng theo từ "chinoiserie" trong tiếng Pháp, xuất phát từ chinois: Trung Quốc; chinoiserie (trò Tàu), chỉ cái gì kỳ quặc, vì người Pháp trước đây cho rằng cái gì ở Trung Quốc cũng là kỳ quặc. Cũng như *chinoiserie, Indochinoiserie* được đặt ra để chế giễu.

3) Xuđăng thuộc Pháp, bây giờ là nước Mali, khác với Xuđăng thuộc Anh, bây giờ là nước Xuđăng.

đề về Mađagátxca, trong khi đó, ở Hội chợ thuộc địa, người đại diện cho Camơrun lại là một quan chức chưa hề đặt chân lên nước này bao giờ.

Vả lại, cần quái gì, nếu quyền lợi của nước Pháp có bị Méclanh quản lý tồi thì đã sao, miễn là quyền lợi cá nhân của ông bộ trưởng được phục vụ tốt. Tờ *"Petit Bleu"* bàn về sự bổ nhiệm tân thái thú đã nói thế này:

"Đừng có mà lầm; không phải lòng tham của ông Méclanh đã lái ông ta mà là lòng tham của ông Xarô đã gây ra mọi tai hại".

Quả vậy, ông Xarô thì, như chúng tôi đã nói và chán vạn người cũng đã nói, muốn trở lại Đông Dương và chắc chắn ông ta sẽ là người thế chân ngay ông Lông, nếu không có cuộc bầu cử nghị viện sắp diễn ra chừng mươi tháng tới. Thế nhưng, tuy có thèm muốn làm Toàn quyền Đông Dương đấy, ông Xarô lại không muốn vì thế bỏ chức vụ ở nghị viện. Dân gian có câu tục ngữ: "Số phận ai hay sẽ thế nào". Nghị sĩ hạ viện hay nghị sĩ thượng viện, thì biết đâu một sớm kia tỉnh dậy lại chả thấy mình là bộ trưởng, còn có thể là thủ tướng nữa ấy chứ; còn nếu chỉ là toàn quyền, nghĩa là viên chức, thì không làm bộ trưởng được.

Vậy thì vấn đề là hãy đặt ở Đông Dương một quan chức có thể gọi là tạm quyền, để đến mùa xuân sang năm, sau kỳ bầu cử nghị viện, thì ông Xarô sẽ dễ dàng thế chân. Thế là ông nghĩ ngay đến việc chọn ông Méclanh vào cái vị trí chả thú vị gì ấy, bởi vì ông này sắp mãn hạn làm việc, chả bao lâu nữa ông đã đủ quyền về hưu.

Đó, vì sao ông Méclanh sắp lên đường sang Đông Dương, vì sao bao nhiêu công việc hữu ích mới bắt đầu ở Tây Phi bị ông xếp xó, vì sao ở Viễn Đông, ông sẽ chẳng làm việc gì đáng kể mà chắc sẽ chỉ làm cho xong việc sự vụ vì biết rằng mình cũng chẳng ở bao lâu, và vì sao nữa ở cái "Cộng hoà Cẩm mà lách với nhau"[1] này, tất cả đều

1) Thành ngữ để chỉ một cộng đồng thiên vị nể nang, móc ngoặc nhau, không coi trọng lợi ích chung. Dịch sát nghĩa là "Cộng hoà các đồng chí", nguyên bản viết tiếng Pháp là "*République des Camarades*".

bị bỏ qua, tất cả đều tụt dốc, tất cả đều ngày càng tồi tệ, vì quyền lợi cá nhân của ông này hay ông nọ bao giờ cũng đều đặt lên trên quyền lợi chung của đất nước.

N.

Báo *Le Paria*, số 14,
tháng 5-1923.

KHÔNG PHẢI CHUYỆN ĐÙA

Có thể bảo các ông nghị là những người thuộc một giống người khác. Từ giống những người được trúng cử, đúng là như vậy. Họ là kẻ dám làm mọi việc, kể cả việc đùa dai.

Kẻ được trúng cử nọ, bị tố cáo là lậu thuế, hay lừa đảo - thì cũng thế - đã không ngần ngại chất vấn ông Bộ trưởng Bộ Tài chính về những biện pháp ông ta định dùng để ngăn chặn sự bép xép của viên chức ông ta! Kẻ trúng cử kia.... Nhưng thôi, cho qua,

và xin nói rằng, những ông nghị ba hoa nhất vẫn là những người trúng cử thuộc địa.

Người ta còn nhớ: các vị đáng kính ấy đã đưa ra một kiến nghị thỉnh cầu Chính phủ Pháp cho niêm yết và đem dạy trong tất cả các trường trung học, tiểu học, đại học, ký túc xá, nhà trẻ, học viện rằng nước Pháp là một nước 100 triệu dân. Không hơn không kém một người.

Và thế là cả giới báo chí dại dột và chẳng nghĩ rằng, cái kiến nghị khôi hài ấy có thể dẫn người Pháp đến những hậu quả nghiêm trọng, cứ hoan hô ầm ĩ cả lên!

Đến nay, nếu kiến nghị ấy được chấp nhận thì sẽ thế này này: Tất cả những ông bà ta ở Bộ Thuộc địa - trước hết là ông Anbe Xarô sẽ chết đói, vì phó mát thuộc địa sẽ tự nhiên bị cắt mất.

Liên đoàn phục hồi dân số sẽ biến mất và Ngài giáo chủ Binđria sẽ không thể giảng cái thuyết đẻ mắn như thỏ ở Viện Hàn lâm Pháp nữa. Vì khi sẽ có 100 triệu người Pháp so với 60 triệu tên

"bôsơ" thì người ta sẽ không có quyền, dù là một vị giáo chủ nói đến chuyện hụt dân số nữa.

Tất cả sách của ông Môrítxơ Barét và tất cả những bài báo của ông Phorét (Lui) chỉ đáng đem mà... đốt cả đi vì dù có quyền thế đến đâu, thì các vị cũng không thể cho rằng máu latinh đang chảy trong huyết quản của người An Nam hay người Đahômây.

Và khi mà không còn thuộc địa nữa thì binh sĩ vinh quang của chúng ta sẽ đi đánh chác ở đâu cho đỡ buồn tay? Biết gửi đi đâu những vị thống soái hết thời, những nhà chính trị thất cơ lỡ vận, bọn giết người không may, như ông Bốp và những người khác?

Phải hàng tập sách, hàng tập sách để miêu tả mọi điều bất tiện xảy ra nếu kiến nghị ấy được chấp nhận. Còn chúng tôi nữa, chúng tôi cũng hết sức hoan nghênh nó, nhưng dĩ nhiên với ý nghĩa khác.

Một khi chúng tôi là người Pháp, lập tức chúng tôi sẽ gửi một đoàn khai hoá đến khắp nước Pháp. Chúng tôi sẽ làm cho đất nước người Gôloa ngập lụt rượu và thuốc phiện. Ở đây, chúng tôi sẽ đánh thuế muối, thuế nhập thị, sẽ cho bắt giam theo lệnh hành chính, phạt tiền tập thể, sẽ cho mở những toà án đặc biệt để đàn áp, hoạt động thường xuyên, lập kiểm duyệt, v.v. và v.v.. Nói gọn lại, chúng tôi sẽ làm lại ở đây tất cả những gì mà những kẻ nguyên là bề trên của chúng tôi đã làm trên đất nước chúng tôi, cho chúng tôi hoá ra là người Pháp. Chúng tôi sẽ cấm tất cả các báo, cả báo *Le Matin* và báo *Le Petit Parisien*. Chúng tôi sẽ bãi quyền tự do đi lại, tự do hội họp. Chúng tôi sẽ đưa những người sinh đẻ ở đây vào chế độ bản xứ, xiết bao êm ái và tốt lành, mà chúng tôi, người An Nam, người Mangát, người Phi châu chúng tôi đã được hưởng từ lâu. Chúng tôi sẽ bắt những thanh niên Pháp phải "tình nguyện" nhập ngũ, không phải 18 tháng, mà là ba, là bốn năm. Nếu cần, chúng tôi sẽ gửi họ đi cho người ta giết chết, để bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ két sắt của chúng tôi. Chúng tôi sẽ chọn những cô gái Pháp trẻ, đẹp, cho đến Đông Dương, Ăngtiơ, Mađagátxca, châu Phi, làm con đòi, mỗi tháng 40 phrăng.

Chúng tôi sẽ là Tổng thống nước Cộng hoà Pháp, Bộ trưởng, thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ. Chúng tôi sẽ là những nhà khai hoá, những nhà bảo hộ, những kẻ bài xích người bản xứ, những kẻ thân người bản xứ. Chúng tôi sẽ cai trị người Pháp, và khi bực mình, có thể gọi người thổ dân - như chúng tôi đã từng bị gọi như thế cho đến nay- là những thằng Nhà [1] bẩn thỉu, hay lũ "dê con" bẩn thỉu.

Đúng là sẽ đến lượt chúng tôi, phải không?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 15,
tháng 6-1923.

1) Hai chữ "Nhà quê" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

DIỄN ĐÀN ĐÔNG DƯƠNG

Nhờ độ lượng mẫu từ của nước Pháp bảo hộ, Đông Dương thật đã trở thành một chỗ náu thân cho bọn làm bậy.

Ông Bôđoanh mặc dù có bị tố cáo hẳn hoi về tội giả mạo và dùng giấy tờ giả mạo, bây giờ cũng cứ là toàn quyền.

Ông Đáclơ nguyên bán cháo, trước là quan cai trị tỉnh, bị lên án là ăn hối lộ, là cường hào và đã gây ra cuộc nổi dậy đẫm máu ở Thái Nguyên, đã được chính phủ thuộc địa cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn.

Ông Têa, kỹ sư và giám đốc một hãng buôn lớn, bị tố cáo là có tội nhũng lạm mà không bị rầy rà gì.

Giờ đến lượt Buđinô, viên quan cai trị này bị kiện: đã đút túi số tiền lời một cuộc chợ phiên tổ chức nhân dịp khánh thành tượng đài tử sĩ; đã đòi và nhận một món tiền "bồi thường" lớn trả cho sự có mặt của mình trong buổi chôn cất một mụ nhà giàu bản xứ, đã đòi những món tiền lớn chè lá khi cấp một giấy phép hay giấy lệnh nào đó.

Cuối cùng, đã lợi dụng, trong mọi trường hợp quyền hành quan cai trị (mà nước Pháp có chủ quyền đã uỷ thác cho) để làm đổ mồ hôi sôi nước mắt người bị trị và để cho phình ví tiền của ông ta. Nhưng lời kết tội nặng nhất là thế này: Làng Tân An (Nam Kỳ) có một nhà máy điện. Việc khai thác có lợi và phố xá, nhà cửa trong làng có điện sáng mà không phải trả tiền. Quan cai trị Buđinô buộc

làng phải nhượng không nhà máy cho một anh thầu khoán đã có vi thiềng cho ông ta.

Ít lâu sau, làng phải trả tiền điện dùng ngoài phố và trong nhà. Thấy hàng nghìn điều bất lợi, họ mới biết mình tự quản nhà máy thì lợi hơn. Họ phải bỏ ra mấy chục ngàn đồng để chuộc lại cái mà họ đã phải "nhượng không". Lần thứ hai này, vị quan cai trị đút túi thêm mấy tờ bạc lớn nữa.

Bị kiện vì tội buôn bán người chết, bóc lột người sống, tham ô lộ liễu, quan cai trị Buđinô vừa được công lý Pháp cho trắng án. Ngày mai có thể ông ta còn được huân chương.

Bao giờ người ta cũng vì uy tín chủng tộc, mà xá tội cho lũ "vô lại khả ố". Bao giờ người ta cũng nhân danh nhân dân Pháp mà bắt công lý làm đĩ bợm.

Văn minh là như thế đó.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 15,
tháng 6-1923.

TRÒ MÉCLANH

Trong khi chờ đợi đi khai hoá những người Đông Dương tại Đông Dương, ngài thái thú Méclanh muốn hãy khai hoá những người Đông Dương đã chết, các người biết đấy, những người chết cho Tổ quốc, cho công lý, *và vân vân,* ở Pháp.

Cười ở nghĩa trang là một cái thú của những bậc vĩ nhân[1], nhưng ở đấy mà cười một mình thì có thể là vô duyên. Vì vậy, bữa nọ, quan lớn Mácxian Méclanh ra lệnh cho đoàn thanh niên Annamít được trợ cấp theo ngài đến Vườn Người Chết ở Nôgiăng trên sông Mácnơ vì ở đó sẽ được đọc một bài diễn văn do ngài chứng giám. Bài diễn văn trước khi đọc cho công chúng, phải trình lên quan lớn để ngài duyệt. Người ta đã trình và bài diễn văn bị coi là quá ngỗ ngược, quan lớn ra lệnh cứ việc bỏ đi để thay thế bằng một bài khác mà quan lớn cho dàn ý.

Cố nhiên, bài diễn văn xào nấu trong các thứ nước cốt của quan lớn như vậy, thì hương vị của lòng trung thành và lòng ái mộ

1) Ám chỉ Thủ tướng Pháp Poăngcarê. Khi đến thăm một nghĩa trang lính Pháp, Poăngcarê nhăn răng cười. Đảng Cộng sản Pháp lấy bức ảnh đó in ra hàng triệu tấm dưới đề chữ: "Poăngcarê nó cười" và bán khắp nước Pháp. Bức ảnh gây ra một phong trào sôi nổi chống Poăngcarê. Cuối cùng chính phủ của ông ta bị đổ.

bất diệt đối với nước Pháp phải xông lên đến ngạt mũi...

Nếu người chết nói được, như bọn đồng cốt bảo thế, thì những hồn ma An Nam ở Nôgiăng sẽ lên tiếng: "C...ảm ơn ông toàn quyền! Nhưng xin làm ơn... cút đi cho!"[1)].

N.

Báo *Le Paria,* số 15,
tháng 6-1923.

1) *M...erci à toi, ... F... nous la paix!* Trong tiếng Pháp chữ M viết tắt, người ta thường hiểu là Merde, là một tiếng chửi rủa rất tục, cũng có nghĩa là phân - Chữ F. là Foutre có nghĩa là cút, xéo đi, để yên (***Foutre le camp, Foutre la paix...***). Đây là lối chơi chữ của tác giả.

THƯ GỬI CÁC BẠN CÙNG HOẠT ĐỘNG Ở PHÁP

Các bạn thân mến,

Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau.

Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta.

Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta.

Công việc chung của chúng ta "Hội Liên hiệp thuộc địa"[34] và tờ báo NGƯỜI CÙNG) đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính hiểu rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa. Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm

1) Báo *Le Paria.*

nhiều hơn.

Chúng ta phải làm gì ?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc.

Điều đó tuỳ hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập.

Có lẽ một vài người trong các bạn cũng phải và có thể làm như tôi. Còn các bạn khác thì tiếp tục công việc hiện thời của chúng ta: củng cố "*Hội liên hiệp thuộc địa*" và phát triển tờ báo NGƯỜI CÙNG KHỔ của chúng ta.

Các bạn thân mến,

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa các bạn, nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

Các bạn tha lỗi cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết rằng tôi bị theo dõi riết.

Khi các bạn được thư này, Nguyễn của các bạn ít nhất cũng đã xa nước Pháp 24 giờ rồi.

Đại, người đồng hương của tôi, sẽ giao lại cho ông B. thìa khoá của toà báo, giấy tờ và tài liệu của Hội và của tờ báo, cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà cho toà báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện để ở trong ngăn kéo bên phải. Sách cho mượn đã lấy về, trừ những sách cho những hội viên đi nghỉ mượn.

Nói tóm lại, các việc đều đâu vào đấy trước khi tôi đi.

Tôi sẽ viết thư cho các bạn. Nhưng tôi không dám hứa với các bạn, vì không phải dễ viết thư khi người ta hoạt động bí mật. Dù tôi có viết thư cho các bạn hay không, các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta.

Bây giờ, một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu, phải không các cháu ? Chú sẽ nói với những người bạn nhỏ Việt Nam là các cháu rất ngoan. Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt Nam.

Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu chú sẽ không thấy cô Alítxơ (Alice) và cậu Pôn (Paul) của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu đã lớn bằng ba và má. Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé Alítxơ và cậu bé Pôn thân yêu của chú.

Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Mariuýt (Marius) của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho Tổ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú.

CHÚ NGUYỄN

In trong sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 51-54.

Theo bài in trong sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*

THƯ GỬI TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Các đồng chí,

Những nghị quyết của Đại hội lần thứ II của Quốc tế[35] về vấn đề thuộc địa đã mang lại hai tác dụng đồng thời nhưng lại hoàn toàn trái ngược nhau. Một mặt, chủ nghĩa đế quốc đi áp bức - ngừa trước những kết quả có thể xảy ra của chính sách đó nếu nó được thi hành nghiêm túc - đã đề phòng và tăng gấp bội những hoạt động tuyên truyền, ngu dân và đàn áp. Mặt khác, nhân dân bị áp

bức ở các thuộc địa, được tiếng vang của cách mạng thức tỉnh, đã hướng theo bản năng của họ về Quốc tế của chúng ta, một chính đảng duy nhất mà họ hy vọng là sẽ quan tâm đến họ một cách thân thiết, mà họ hoàn toàn mong mỏi là sẽ mang lại cho họ sự giải phóng. Như vậy, chúng ta sẽ có thể không những đánh đổ uy thế của chủ nghĩa thực dân bóc lột và lay chuyển vị trí của chúng, mà còn có thể biến mối cảm tình thuần tuý tình cảm và thụ động của các dân tộc thuộc địa đối với chúng ta thành mối cảm tình hành động, nếu những nghị quyết của Quốc tế được chấp hành. Khốn nỗi cho đến nay, những nghị quyết ấy chỉ được dùng để tô điểm mặt giấy! Phân bộ Pháp, phân bộ Anh và những phân bộ các nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ? Những phân bộ ấy đã có một chính sách thuộc địa và một cương lĩnh rõ rệt về thuộc địa, chính xác và liên tục chưa? Những chiến sĩ của các phân bộ ấy có hiểu thuộc địa là gì và tầm quan trọng của thuộc

địa là như thế nào không? Người ta có thể trả lời là không.

Đối với các thuộc địa Pháp,

a) một ban nghiên cứu thuộc địa đã được thành lập;

b) một mục viết về thuộc địa đã được mở ra trên báo *L'Humanité;*

c) những lời tuyên bố ủng hộ dân chúng thuộc địa đã được phát biểu trong các đại hội toàn quốc;

d) hai cuộc hành trình tuyên truyền đã được các đại biểu của Đảng tiến hành.

Sau khi được thành lập ít lâu và khi đã giành được không phải là không chật vật những cột báo trên tờ *L'Humanité*, Ban nghiên cứu thuộc địa đã hoạt động khá tốt. Những tài liệu và tin tức có giá trị đã bắt đầu được gửi từ các thuộc địa đến Ban. Chiến dịch mà Ban tiến hành trên báo Đảng nhằm chống những nhũng lạm và tội ác của bè lũ thực dân, đã nhanh chóng thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của dân chúng các thuộc địa và mang lại nỗi lo lắng cho chủ nghĩa đế quốc thực dân và báo chí của nó. Nhưng diễn đàn ấy đột nhiên đã bị báo *L'Humanité* bỏ đi. Bị tước mất phương tiện công tác và hoạt động, Ban lâm vào tình trạng hoàn toàn bị tê liệt. Điều đó đã làm cho giới báo chí to lớn của giai cấp tư sản rất hài lòng, những báo chí này đã dành rất đều đặn hàng bao nhiêu trang cho công tác tuyên truyền thực dân và luôn luôn sợ bị cải chính và lật mặt nạ.

Điều đó đã đặc biệt gây những ấn tượng rất nặng nề cho dân bản xứ. Mặc dầu là hão huyền, những lời tuyên bố trong các đại hội toàn quốc ủng hộ dân chúng các thuộc địa cũng đã góp phần củng cố mối cảm tình mà họ đã có đối với Đảng. Tuy nhiên thật là không thích đáng nếu cứ lắp đi lắp lại mãi một điều mà không làm gì cả. Và những người bị áp bức khốn khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh. Cuộc hành trình của các đồng chí Vayăng

Cutuyariê và Ăngđrê Béctông qua Angiêri và Tuynidi, tiến hành hầu như cùng một lúc với các cuộc dạo chơi đế vương của bọn đại biểu tư sản, đã được dân chúng châu Phi rất hoan nghênh. Nếu những cuộc hành trình cùng một tính chất như thế được tiếp tục trong tất cả các thuộc địa thì chắc chắn là kết quả sẽ đáng mừng.

Nhưng, đáng lẽ phải tăng cường tuyên truyền thì chúng ta lại đã bỏ dở cái việc đã được bắt đầu, và bỏ mất những cơ hội tốt. Bởi thế, chúng ta đã làm rất ít trong khi xảy ra cuộc bãi công đẫm máu ở Mácticích, cảnh chết đói ở Bắc Phi và cuộc nổi dậy ở Đahômây.

Trong trường hợp sau chót này, chúng ta đã có một bộ mặt thiểu não. Nhiều ngày sau tất cả các báo tư sản và mười ngày sau báo *L'Oeuvre,* báo Đảng mới đăng tin về cuộc nổi dậy. Trong lúc chính phủ thuộc địa đã thiết quân luật, tập trung quân đội, huy động chiến hạm, huy động các bộ máy đàn áp, bắt bớ và kết án các nhà hoạt động từ 5 đến 10 năm tù; trong lúc các báo chí viết thuê đã tiến hành một cách có hệ thống một chiến dịch lừa dối và bưng bít dư luận thì chúng ta chỉ viết có hai hay ba bài báo ngắn, rồi thôi. Không phải là không mỉa mai và không đáng buồn khi trong bóng tối của những ngục tù có tính chất khai hoá, những người anh em Đahômây đau khổ của tôi đọc điều thứ 8, trong số 21 điều kiện, nói rằng: "*Mỗi đảng cam đoan tiến hành một công tác cổ động có hệ thống trong quân đội nước mình nhằm chống mọi ách áp bức dân chúng thuộc địa; và mỗi đảng phải ủng hộ, không những bằng lời nói mà cả bằng hành động, phong trào giải phóng của các thuộc địa*".

Nhưng thật là vô ích nếu buộc tội quá khứ và tiếc rẻ thì giờ đã mất. Tốt nhất là biết sử dụng tốt thì giờ trong tương lai. Vậy chúng tôi yêu cầu Đảng:

1) chính thức thừa nhận Liên đoàn Mácticích (nhóm Giăng Giôrét);

2) mở lại mục viết về thuộc địa trong báo *L'Humanité*;

3) yªu cÇu Ban nghi²n cøu thuéc ®Þa cung cÊp tµi liÖu cho ph©n bé thuéc ®Þa vµ cø hai hoÆc ba th¸ng mét, b¸o c¸o c«ng tác của mình với phân bộ;

4) ở những nơi đã thành lập phân bộ thuộc địa thì khuyến khích các phân bộ này tăng cường công tác tuyên truyền và tuyển thêm người bản xứ;

5) trên tất cả báo chí của Đảng, mở một mục viết về thuộc địa để làm cho độc giả làm quen với các vấn đề thuộc địa;

6) nói đến các thuộc địa trong hết thảy các đại hội, mít tinh hoặc hội nghị của Đảng;

7) cử các nghị sĩ đi thăm các thuộc địa, mỗi khi nền tài chính của Đảng cho phép;

8) tổ chức những nghiệp đoàn hoặc thành lập các nhóm tương tự ở các thuộc địa.

Mátxcơva, tháng 7 năm 1923

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu viết tay, tiếng Pháp,
lưu tại Cục lưu trữ
Văn phòng Trung ương Đảng.

TỆ ĐỘC ĐOÁN Ở ĐÔNG DƯƠNG - NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HỘ VÀ NGƯỜI ĐI BẢO HỘ

Ông Cẩm Đà Lạt (Trung Kỳ) có một cách hiểu vai trò khai hoá của mình đến là hay. Một hôm, người cộng tác rất xứng của ông Xarô này cần đến ván gỗ. Ông ta sai người đến kiếm ván ở nhà một người bản xứ làm nghề buôn bán. Nhà buôn này đòi phải trả tiền rồi mới được mang hàng đi. Nghe lời yêu cầu này, ông Cẩm nổi giận, phái ngay lực lượng vũ trang đến với nghiêm lệnh là dù "sống

hay chết" cũng phải bắt cho được tên An Nam đó về sở.

Để tránh cơn giận của vị đại diện cho nước bảo hộ, nhà buôn không kể gì đang ốm cũng đành phải bỏ cả nhà cửa quê hương lánh sang tỉnh khác.

Một thầy thuốc người Âu chứng kiến tấn trò kể trên đã can thiệp để bênh vực nhà buôn bản xứ. Vụ can thiệp "chướng tai gai mắt" này làm cho viên thầy thuốc bị đổi đi, bị đày lên Kon Tum, một nơi nước độc mà người Âu rất sợ. Chính đấy là nơi mà viên thầy thuốc đó đang đền cái tội thân người bản xứ của ông. Trong khi ấy thì bọn Đáclơ, Bôđoanh vẫn ung dung phè phỡn trong vinh dự và khoái lạc. Kẻ mắc cái tội xúc phạm uy tín kể trên là bác sĩ Hôngxtarich. Chúng tôi xin tỏ tấm cảm tình của chúng tôi đối với ông ấy.

Còn nhà buôn An Nam thì sau ra sao ? Anh ta bị ghi tên vào sổ những người bị tình nghi, liệt vào hạng "chống Tây", vào số những

kẻ cần theo dõi. Một bầy mật thám Pháp và An Nam bám riết theo gót anh ta. Nhiệm vụ của bọn này là ghi từng giờ từng phút mọi hành động cử chỉ của anh ta, và tô đen tất cả mọi ý định của anh.

Công cuộc theo dõi này được tiến hành một cách khá lộ liễu để làm cho bạn bè quen thuộc của người An Nam này phải chùn lại không dám lai vãng nhà anh nữa, đến nỗi đời sống của anh trở nên hết sức khó khăn. Bất cứ thế nào cũng không một người bản xứ nào dám đến nhà anh. Hoàn toàn bị cô lập với đồng bào của mình, nhà buôn này chỉ còn có hai con đường: hoặc đi ăn cướp, hoặc đi ăn mày. Nhưng cái nghề thứ hai này có thể lại làm cho anh càng đáng khả nghi hơn vì kiếp sống lang thang.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria* , số 16,
tháng 7-1923.

ÁCH ÁP BỨC KHÔNG TỪ MỘT CHỦNG TỘC NÀO

Vôrốpxki, phái viên của nước Nga công nông đã bị bọn phát xít ám sát ở Thuỵ Sĩ. Không một phái viên nào của các cường quốc rất văn minh và rất sùng đạo Thiên chúa đang họp ở Lôdannơ hạ cố đi đưa đám. Chỉ có phái đoàn Thổ Nhĩ Kỳ do Ixmết Pasa dẫn đầu đã đến nghiêng mình trước thi hài người bị sát hại.

Ben Rađia, một công nhân, quê ở Tuynidi đã *bị cảnh sát giết* ở Pari ngày 1 tháng 5. Các tổ chức công nhân ở Pari đã tổ chức một

đám tang lớn. Hàng mấy nghìn công nhân đã nghỉ việc ngày hôm đó để đi đưa người đồng chí bản xứ của mình tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Tất cả những liệt sĩ của giai cấp công nhân, người ở Lôdannơ cũng như ở Pari, những người Havrơ cũng như những người ở Mácticních, đều là những nạn nhân của một kẻ giết người: chủ nghĩa tư bản quốc tế. Và hương hồn của những người bị hy sinh này luôn tìm thấy nguồn an ủi cao cả nhất ở lòng tin vào sự nghiệp giải phóng những anh em của họ bị áp bức - không phân biệt chủng tộc hay xứ sở.

Sau những bài học đau đớn này, những người bị áp bức ở tất cả các nước hẳn phải hiểu đâu là những người anh em thật sự và đâu là kẻ thù của họ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

B¸o *Le Paria,* sè 17,
tháng 8-1923.

ĐỘI QUÂN CHỐNG CÁCH MẠNG

Chúng ta đều biết rằng sự tranh giành thuộc địa là một trong những nguyên nhân chính của chiến tranh đế quốc chủ nghĩa năm 1914-1918.

Điều mà tất cả những người Pháp đều không thể không biết đến là việc đưa những đội quân viễn chinh sang các thuộc địa đã làm cho dân số giảm sút một cách trầm trọng mà hiện nay đất nước họ đang phải chịu đựng. Nếu đọc các bản thống kê những sự tổn thất quân sự về người chết và bị thương ở các thuộc địa, thì người ta sẽ phải kinh khủng về sự hao hụt mà những sự tổn thất đó đã gây ra cho một dân số đang mỗi ngày một giảm sút như dân số nước Pháp. Từ tháng 1 đến tháng 6-1923, riêng ở Marốc cũng đã có 840 binh lính bị giết hay bị thương để mang lại quang vinh cho thống chế Liôtây!

Điều mà giai cấp công nhân Pháp không thể không biết đến là chủ nghĩa tư bản dựa vào thuộc địa để chống lại tất cả mọi phong trào giải phóng mà giai cấp công nhân Pháp định mưu đồ. Không hoàn toàn tin tưởng những binh lính người da trắng nữa vì họ ít nhiều cũng đã tiêm nhiễm tư tưởng về giai cấp, bọn quân phiệt Pháp lấy những người bản xứ ở châu Phi và châu Á để thay thế họ. Trong số 150 trung đoàn của quân đội Pháp, có 10 trung đoàn người da trắng ở các thuộc địa, nghĩa là những người nửa bản xứ; 30 trung đoàn người châu Phi và 39 trung đoàn người bản xứ các

thuộc địa khác. Như vậy, một nửa số quân đội Pháp là tuyển mộ ở các thuộc địa.

Mà người An Nam phải tòng quân 4 năm, người Angiêri 3 năm; thế là theo sự tính toán của bọn quân phiệt Pháp thì giá trị 2 người lính bản xứ gần bằng 5 người lính Pháp.

Hơn nữa, vì không hiểu tiếng nói và chính trị trong nước, không có một mối quan hệ nào ràng buộc họ với dân cư chính quốc, tưởng rằng tất cả những người da trắng đều cùng giống với những người bóc lột họ, và cuối cùng, do những người da trắng cấp trên của họ thúc đẩy, nên người lính bản xứ có thể ngoan ngoãn và mù quáng bước vào chỗ mà người lính Pháp, giác ngộ hơn, có thể từ chối không chịu bước. Nguy hiểm là ở chỗ đó.

Người ta tự hỏi vì lý do gì mà 31 trung đoàn trong số những trung đoàn người bản xứ sẽ đóng lại trên lãnh thổ Pháp. Họ sẽ được dùng để làm gì? Phải chăng người ta sẽ dùng những người bản xứ đó để khai hoá cho người Pháp? Như vậy là ý định của chủ nghĩa tư bản Pháp đã rõ ràng. Công nhân Pháp có nhiệm vụ phải hành động. Họ phải kết tình anh em với binh lính bản xứ. Họ phải làm cho binh lính bản xứ hiểu rằng cả công nhân ở chính quốc lẫn binh lính ở thuộc địa, đều cùng bị chung một bọn chủ áp bức và bóc lột, do đó, họ đều là anh em cùng một giai cấp và khi tới lúc phải chiến đấu, thì cả hai bên đều phải cùng đánh bọn chủ chung của mình, chứ anh em không nên đánh lẫn nhau.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 7-9-1923.

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN[1]

ĐÔNG DƯƠNG, TÓM TẮT

Chính trị

Không có chính đảng: Đất nước bị cai trị theo cách như sau:

Nam Kỳ và Bắc Kỳ bị cai trị trực tiếp bởi các nhà cầm quyền Pháp với những thuộc hạ người bản xứ.

Trung Kỳ và Campuchia có chính phủ bản xứ của mình mà thực tế chỉ là thực hành các mệnh lệnh của các nhà cai trị Pháp.

Kinh tế

Xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ, giao thông vận tải và thương nghiệp lớn, tất cả đều ở trong tay người Pháp. Thương nghiệp hạng vừa có thể nói là người Trung Quốc nắm độc quyền. Người bản xứ chỉ có thương nghiệp địa phương nhỏ.

Xã hội

Dân cư hợp thành xã, những xã hợp thành tổng, những tổng thành huyện, những huyện thành tỉnh.

Dân cư bầu lấy lý trưởng, những lý trưởng bầu lấy chánh tổng. Cuộc bầu cử của nhân dân dừng lại ở đấy.

Những huyện và những tỉnh thì các quan cai trị do chính phủ chỉ định.

1) Đầu bài do BBT đặt. Trên đầu tài liệu ghi 21/IX/23. *Mật.*

Triều đình và quan chức lệ thuộc tuyệt đối vào chính quyền Pháp. Họ bị chủ Pháp của họ khinh bỉ và nhân dân An Nam ghét.

Thiểu số các nhà nho hay là các nhà trí thức là các nhà cách mạng dân tộc chủ nghĩa. Chính họ đã khích động mọi cuộc nổi dậy trong quá khứ.

Công nhân có thể là 2% trong dân số, không được học hành, không được tổ chức. Do vậy họ không có một lực lượng chính trị nào.

Tiểu tư sản không nhiều, là một phần tử bấp bênh. Nó chịu sự chi phối bởi nhiều thứ triết lý, như là nó hướng vào phong trào dân tộc rất vội vã. Nó nhút nhát.

Quần chúng nông dân bị bóc lột nhất và cùng khổ nhất, rất yêu nước.

Tuyên truyền tốt trong nông dân và tổ chức tốt trong công nhân nếu chúng ta làm tới được điều đó thì tương lai thuộc về chúng ta.

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1/ Xuất bản một tờ báo nhỏ tiếng Việt.

2/ Tập hợp những phần tử dân tộc cách mạng.

3/ Cố gắng đưa những thanh niên người bản xứ đi Mátxcơva.

4/ Xây dựng dây liên lạc Mátxcơva - Đông Dương - Pari.

HỢP TÁC

a/ Điều gì mà *Đảng* có thể làm thì đã liệt kê trong thư gửi cho nó do Ban phương Đông chuyển.

b/ *Tổng công hội thống nhất* đã hứa làm hết sức mình để 2 hoặc 3 đồng chí người Pháp có thể sang Đông Dương để tổ chức công nhân.

c/ *Thanh niên cộng sản Pháp* phải lợi dụng chủ nghĩa quân phiệt để đưa những thành viên chắc chắn nhất đăng lính vào đội quân thuộc địa để dắt dẫn sự tuyên truyền trong những người bản xứ.

2/ Sự giúp đỡ của *Thanh niên cộng sản Trung Quốc* là tuyệt đối cần thiết cho sự hoạt động ở Đông Dương.

Một cuộc thảo luận giữa những đại biểu của Đảng, của Tổng công hội thống nhất, của Thanh niên và của Ban phương Đông có thể ló ra nhiều ánh sáng khác.

Tài liệu viết tay, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

KHÔNG PHẢI CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT ĐÂU, NHƯNG...

Ông Clêmăngxô đã chứng minh rất rành rọt cho thế giới nói chung, và cho người Mỹ nói riêng rằng nước Pháp không phải là một nước quân phiệt, cũng không phải là một nước đế quốc chủ nghĩa, hoàn toàn chẳng phải thế đâu nhé!

Thế nhưng ông Ácsimbô lại vừa mới làm cho tiêu mất đôi chút cái vẻ mỹ miều của những lời nói của "Ông Cọp", khi ông Ácsimbô viết trong bản báo cáo vừa rồi của ông ta về ngân sách thuộc địa rằng:

Năm 1914, quân đội chiếm đóng gồm có 1.852 sĩ quan, 17.290 hạ sĩ quan và lính người Âu, 42.099 người bản xứ; lại phải thêm vào số đó 1.979 người trong các đội cảnh vệ bản xứ của Đahômây, Ghinê và Bờ Biển Ngà, hiện nay những đội lính này đã được thay thế bằng những đội quân chính quy. Tổng cộng quân số là 63.220 người.

Từ sau chiến tranh, người ta đã phải thiết lập tại các khu vực uỷ trị, Tôgô và Camơrun, những trại lính mà quân số lên tới 1.712 người.

Ngoài ra, còn phải thành lập, nhất là tại Tây Phi thuộc Pháp, những đơn vị đặc biệt để tuyển mộ, đăng ký nhập ngũ và huấn luyện số binh lính người bản xứ phục vụ ở Pháp hoặc ở nước ngoài. Các đơn vị đó đã thu hút 2.237 người, trong đó có 271 sĩ quan và hạ sĩ quan người Âu.

Sau hết, con số những người bản xứ phục vụ ở Pháp hoặc ở nước ngoài, và do các thuộc địa trực thuộc Bộ Thuộc địa cung cấp, là 45.000 người.

Nếu chúng ta nói thêm rằng, chỉ riêng ở Đông Dương, chi phí về quân sự năm 1921, cũng đã hơn 35.600.000 phrăng, trong khi đó ngân sách giáo dục có không đầy 350 nghìn đồng bạc và ngân sách về y tế không đầy 65 nghìn đồng bạc thì sẽ thấy ngay tất cả sự tốt đẹp của chế độ thực dân của cái nước Cộng hoà Pháp rất nhân từ và đã tài giảm quân bị này.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*,
ngày 28-9-1923.

PHÁT BIỂU TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT QUỐC TẾ NÔNG DÂN[36]

Nông dân trong các thuộc địa của Pháp bị hai tầng bóc lột: vừa như những người vô sản, vừa như những người bị mất nước. Ở Angiêri, những đất đai màu mỡ được dành cho người Pháp; còn những người nông dân thì bị dồn vào sống trong vùng núi là nơi đất đai cằn cỗi và không thể canh tác được. Ở Đông Dương, hễ người Pháp đến là chính phủ cấp cho anh ta cả nhiều làng trọn vẹn. Nhưng người nông dân, không chỉ bần nông mà cả trung nông đều bị bắt buộc phải rời bỏ quê hương của mình hoặc làm đày tớ cho ông chủ người nước ngoài.

Thưa các đồng chí, khi các đồng chí được tổ chức lại, các đồng chí cần phải nêu gương cho chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi, dang rộng cánh tay anh em đón chúng tôi để chúng tôi cũng có thể bước vào gia đình vô sản quốc tế.

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Cục lưu trữ
Văn phòng Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ BẢY HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Thưa các đồng chí,

Tất cả các đồng chí đều đã nói về tình hình của nông dân trong đất nước các đồng chí. Tôi sẽ không làm tròn bổn phận của tôi nếu có được quyền đến đây với các đồng chí mà tôi lại không nói một đôi lời về tình cảnh của nông dân tại đất nước tôi.

Để minh hoạ với các đồng chí tình cảnh của nông dân Đông Dương, tôi phải đưa ra một sự so sánh: một bên là người nông dân Nga và một bên nữa là người nông dân Đông Dương. Nông dân Nga giống như một người ngồi chễm chệ trong chiếc ghế bành, còn nông dân An Nam lại giống như một người bị trói vào một chiếc cột, đầu ngược xuống đất. Nói thế không phải là nói phóng đại đâu, sau đây các đồng chí sẽ thấy rõ.

Khi các đồng chí đi qua Hồng trường, các đồng chí thấy có khắc một dòng chữ "Nhà thờ là thuốc phiện của thế giới"; nhưng chúng tôi, nhờ nền văn minh phương Tây mà chúng tôi có cả Nhà thờ lẫn thuốc phiện.

Về thuốc phiện, tôi sẽ xin chỉ kể lại với các đồng chí rằng mỗi năm chính quyền Pháp ở thuộc địa đã bán cho dân An Nam gồm 20

triệu người, trên 400 triệu đô[1] thuốc phiện. Và mặt khác, người ta đã tính ra rằng cứ 1.000 ty bán rượu và thuốc phiện thì không có được lấy 10 trường học. Đấy là những sự thật.

Bây giờ, tôi xin nói vắn tắt với các đồng chí về chuyện Nhà thờ.

Tôi đã nói với các đồng chí rằng những tên thực dân đã tước đoạt người An Nam như thế nào. Bây giờ, tôi xin nói để các đồng chí biết Nhà thờ Kitô đã tước đoạt nông dân như thế nào.

Trong cuộc xâm chiếm Đông Dương thì chính những nhà truyền đạo Thiên chúa đã đi do thám để báo cho đội quân chiếm đóng biết những kế hoạch phòng thủ của nước chúng tôi. Cũng chính những nhà truyền đạo đã dẫn đường những đội quân tấn công, cũng chính lại là những nhà truyền đạo đã lợi dụng tình trạng lộn xộn của đất nước để ăn cắp những văn bản chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất của người nông dân này nọ hay của một làng nào đó. Khi hoà bình được lập lại, nông dân trở về thì tất cả ruộng đất đều đã bị các nhà truyền đạo nắm được các văn bản nói trên, chiếm mất. Chính bằng cách đó, mà ở Nam Kỳ những nhà truyền đạo Thiên chúa có được trên một phần tư những đất đai cày cấy được. Ở Campuchia, các nhà truyền đạo nắm trên một phần ba ruộng đất; ở Bắc Kỳ, chỉ riêng ở thủ phủ, trong thành phố Hà Nội, các nhà truyền đạo có những bất động sản rộng bao la.

Họ có được của cải và chiếm hữu ruộng đất của nông dân không phải chỉ bằng cách đó. Các đồng chí đều biết rằng trong các nước ven biển, nhất là trong những nước ở Viễn Đông, thường xảy ra giông bão và lụt lội làm cho mùa màng thất bát; các nhà truyền đạo lợi dụng những dịp đó để ứng trước tiền cho nông dân với những tỷ suất lãi rất nặng và một thời hạn rất ngắn. Biết rõ ràng làm như vậy thì nông dân không bao giờ có thể trả nợ được, nên các nhà truyền đạo đòi nông dân phải đem ruộng đất ra bảo đảm. Thế

1) Số liệu này chưa được kiểm tra lại. Chúng tôi dịch đúng theo bản tiếng Pháp.

là khi đến thời hạn trả nợ, thì toàn bộ ruộng đất của nông dân đều rơi vào tay các nhà truyền đạo.

Các đồng chí đã thấy bọn thực dân bóc lột nông dân như thế nào và các giáo sĩ tước đoạt nông dân như thế nào.

Bây giờ, còn có những kẻ bóc lột khác nữa, chẳng hạn như Nhà nước. Dù mùa màng có xấu đến mức nào đi nữa, nông dân An Nam vẫn cứ phải đóng thuế; để đóng được thuế, nông dân phải bán mùa màng của mình đi; để khỏi bị bỏ tù (hễ đóng thuế chậm là họ bị bỏ tù), họ phải bán non mùa màng của họ, nghĩa là bán trước khi gặt; họ bán cho bọn lái buôn theo cách ước lượng bằng mắt. Bằng cách đó bọn lái buôn mua được lúa trước khi gặt bằng một giá rất rẻ và sau đó đem bán lại rất đắt. Như vậy là người nông dân An Nam không phải chỉ bị trói vào một chiếc cột như tôi đã trình bày với các đồng chí, mà họ bị đóng đinh câu rút bởi bốn thế lực liên hợp là: Nhà nước, tên thực dân, nhà thờ và tên lái buôn.

Chắc là các đồng chí sẽ hỏi rằng tại sao nông dân An Nam không tổ chức nhau lại, không làm như các đồng chí là thành lập hợp tác xã. Chỉ là vì họ không có thể làm như vậy được.

Tôi phải nói với các đồng chí rằng chúng tôi bị cai trị bởi một chế độ nô lệ. Chúng tôi không được quyền xuất bản báo. Chúng tôi không được quyền tự do đi lại; chẳng hạn như chúng tôi không thể đi từ Mátxcơva đến Pêtơrôgrát được, chúng tôi phải xin được một tờ giấy thông hành, nếu không họ sẽ bắt giữ và ném chúng tôi vào tù. Cũng vậy, chúng tôi không được quyền hội họp nghĩa là chúng tôi không được quyền họp với nhau trên 4 hoặc 5 người nếu không có một giấy phép đặc biệt của cơ quan cai trị Pháp.

Tôi cũng xin nhắc lại rằng các đồng chí đã lên tiếng chống chiến tranh, đòi hoà bình; các đồng chí đã nói đến một chính quyền vô sản và việc lật đổ chủ nghĩa tư bản. Nhưng tất cả những điều các đồng chí nói ở đây sẽ trở thành vô ích, nếu các đồng chí quên mất cái yếu tố quân phiệt thực dân. Các đồng chí đều biết những sự kiện. Trong chiến tranh thế giới, chỉ riêng ở nước Pháp, người ta

đã đưa từ các thuộc địa về gần một triệu người bản xứ để tham gia chiến tranh. Trong những năm 1916-1917, người ta đã chở về 2 tỷ tấn ngũ [1], trong khi những dân bản xứ ở châu Phi và ở Đông Dương đang chết đói.

Thưa các đồng chí, để kết thúc, tôi phải nhắc lại với các đồng chí rằng Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một Quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia Quốc tế của các đồng chí *(vỗ tay)*.

Phát biểu chiều 13-10-1923.
Tài liệu tiếng Pháp, bản chụp lưu
tại Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

1) Số liệu này chưa được kiểm tra lại. Chúng tôi dịch đúng theo bản tiếng Pháp.

"CHÍNH SÁCH THỰC DÂN" ANH

Chủ nghĩa tư bản Anh, tuy thèm muốn của cải vô tận của Trung Quốc, nhưng vì từ trước đến giờ, vẫn đành chỉ chiếm Hương Cảng[37] làm thuộc địa và thực hiện trên nội địa Trung Quốc chính sách mở cửa, một chính sách giúp cho họ có thể bóc lột đất nước này mà không làm cho nhân dân nổi dậy. Ngày nay, đối với họ như thế không đủ nữa. Họ muốn làm hơn thế nữa kia: họ muốn chiếm cả Trung Quốc làm thuộc địa.

Lợi dụng chuyện rắc rối ở Lâm Thành[38] , và vin cớ bảo đảm an ninh cho đồng bào của mình, đại sứ Anh ở Bắc Kinh vừa mới tiến hành giai đoạn đầu tiên của chính sách thực dân đó. Ông ta bắt đầu từ đường sắt. Đây là những điều ông ta đề nghị với Trung Quốc:

1. Tất cả những con đường xây dựng bằng vốn của Anh, hoặc vật liệu mua của Anh mà hiện nay chưa trả hết, đều sẽ đặt dưới sự kiểm soát của Anh;

2. Đất đai vùng lân cận những con đường đó cũng đều sẽ thuộc phạm vi kiểm soát ấy;

3. Ngoài chính sách đường sắt ra, nước Anh còn có quyền can thiệp vào chính sách đối nội của Trung Quốc;

4. Trong trường hợp xảy ra những vụ xung đột vũ trang giữa các đảng phái chính trị Trung Quốc, người Anh có quyền đồng ý hay từ chối cho đảng phái này hay đảng phái nọ sử dụng những con đường ấy;

5. Ưu tiên được trả dần những số tiền vay mà người Anh đã bỏ ra bằng cách được sử dụng những số thu nhập của ngành đường sắt.

Ngoài ra ông ta còn yêu cầu:

a) Đặt tại Bộ Giao thông ở Bắc Kinh, một phòng kiểm soát ngành đường sắt, trưởng phòng là một nhân viên người ngoại quốc (nên hiểu: một nhân viên Anh) có toàn quyền đối với tất cả mọi hoạt động của ngành đường sắt trên toàn cõi Trung Quốc;

b) Việc quản trị ngành đường sắt cũng phải giao cho các đại diện nước ngoài;

c) Tổ chức một đội tuần tra ngành đường sắt dưới sự chỉ huy của các sĩ quan nước ngoài;

d) Các chức vụ kế toán và quản trị ngành đường sắt đều phải do người nước ngoài đảm nhiệm.

Người Anh đã nắm được thuế muối và thuế quan Trung Quốc, bây giờ họ lại muốn chiếm lấy đường sắt. Khi người ta biết rằng trừ

những con đường Nam Mãn Châu, Bắc Kinh - Hán Khẩu và Lũng Hải ra, - tất cả những con đường khác đều đã được xây dựng hoặc bằng vốn của Anh, hoặc bằng vật liệu mua chịu của các hãng buôn Anh, người ta sẽ hiểu rằng kế hoạch đó nếu được thực hiện, thì sẽ làm thiệt hại cho Trung Quốc như thế nào.

Tất cả mọi người Trung Quốc, không phân biệt chính kiến, đều phản đối chính sách thực dân trá hình đó. Hội Liên hiệp sinh viên Bắc Kinh đã lên tiếng kêu gọi giai cấp công nhân tất cả các nước hãy dùng ảnh hưởng của mình để ngăn chặn hành động đó, vi phạm tới nền độc lập của nhân dân Trung Quốc.

Mong rằng, trước sự đe doạ của chủ nghĩa tư bản Anh, những người con của Trung Quốc sẽ biết đoàn kết với nhau để phản kháng thắng lợi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 9-11-1923.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

Theo những số liệu thống kê cuối cùng thì số lượng những người vô sản ở Trung Quốc là 5050 nghìn người. Gần 15 tổ chức thống nhất giai cấp vô sản ở Trung Quốc, tính ra khoảng 300 nghìn đoàn viên. Họ được phân bố như sau:

	Số lượng công nhân (nghìn)	Đoàn viên công đoàn (nghìn)
Ngành công nghiệp điện	100	5
Những người phục vụ	400	8
Ngành công nghiệp máy khâu	300	7
Công nhân xây dựng	300	8
Ngành làm muối	300	10
Nghề kéo xe	200	10
Ngành in	80	10
Ngành dệt	180	10
Ngành làm mũ	200	14
Ngành công nghiệp thuốc lá	100	18
Nghành đào đất (thợ đấu)	800	30
Ngành mỏ	420	26
Ngành đường sắt	100	42
Ngành giao thông đường biển	80	45
Ngành công nghiệp luyện kim	200	50
Các ngành khác	-	7

Trong các yêu sách của giai cấp vô sản có tổ chức của Trung Quốc, chúng tôi thấy có những điểm sau đây:

1. Tự do hội họp. 2. Quyền tổ chức các công đoàn và các cuộc đình công. 3. Ngày lao động 8 giờ cho người lớn và 6 giờ cho thiếu niên và những người làm việc nặng. 4. Bảo vệ những người tiểu nông. 5. Cấm làm việc quá giờ trong những xí nghiệp độc hại và cấm sử dụng lao động trẻ em và phụ nữ vào việc làm ban đêm. 6. Hằng năm công nhân được nghỉ hai tuần, đối với phụ nữ làm công việc nặng nhọc thì được nghỉ 8 tuần trước khi đẻ và 8 tuần sau khi đẻ; 6 tuần nghỉ đẻ đối với phụ nữ làm công chức và làm các công việc nhẹ. 7. Ban kiểm tra của công nhân. 8. Luật bảo hiểm đối với công nhân. 9. Nhà nước có trách nhiệm giúp đỡ các tổ chức công nhân của những người lao động được học hành.

Chỉ sau khi chiến tranh thế giới kết thúc, giai cấp vô sản Trung Quốc mới bắt đầu được tổ chức một cách chặt chẽ, song họ đã thu được một số thắng lợi to lớn trong các cuộc đình công. Mặc dù bị bọn quân phiệt đàn áp và bọn thống trị ngoại lai cản trở, các tổ chức của họ vẫn phát triển bình thường và có thể nói là nhanh nữa. Hiện nay những người thuỷ thủ, công nhân luyện kim, công nhân đường sắt là những lực lượng thật sự mà bọn tư bản buộc phải coi trọng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière*, ngày 9-11-1923. In trong sách Hồ Chí Minh, *Những bài viết và nói chọn lọc*, tiếng Nga, Nxb. Chính trị quốc gia, Mátxcơva, 1959, tr 71-72.

Dịch theo bài in trong sách *Những bài viết và nói chọn lọc.*

NHẬT BẢN

HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

Những biến cố gần đây đã làm cho cả thế giới chú ý đến Nhật Bản. Người ta nói nhiều về sức mạnh công nghiệp của Nhật, về việc phát triển kinh tế trước kia và sau này của nó. Mọi người biết rằng chủ nghĩa tư bản Nhật đạt được mức phát triển như vậy trong vòng 20-25 năm; để đạt được mức phát triển ấy, các bạn đồng nghiệp của nước Nhật ở phương Tây đã mất tới trên 100 năm.

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nhật, các tổ chức công nhân cũng phát triển với những nhịp độ nhanh chóng. Bên cạnh phong trào vô sản, các phong trào khác có tính chất cách mạng cũng lan rộng. Đó là phong trào *Eta.* Ở đế quốc Mặt trời mọc có một loại dân nổi tiếng dưới cái tên *Eta*. Về bề ngoài thì *Eta* không khác gì những người Nhật khác. Nhưng có một câu chuyện hoang đường là người *Eta* xuất thân từ những bộ lạc nô lệ xưa kia từ nước ngoài kéo vào. Vì vậy, cho nên hiện nay người ta lại đối xử với họ giống như đối xử với tổ tiên họ. Họ buộc phải sống trong những vùng dành riêng cho họ, nơi mà không bao giờ người Nhật được lui tới. Họ không có quyền giao thiệp với nhân dân Nhật. Họ chỉ có quyền quan hệ với người Nhật với tư cách là những người hầu hạ. Họ nhận làm những công việc nặng nhọc và bẩn thỉu nhất. Bẩn thỉu, thấp hèn - đó là người *Eta.* Người Nhật không được lấy

phụ nữ người *Eta*. Nói tóm lại là họ không có một chút quyền hạn xã hội gì, và số phận của họ làm cho người ta nhớ đến số phận của những đám người "Sudra" ở Ấn Độ hay những người da đen ở châu Phi. Người *Eta* có 3 triệu người. Do ảnh hưởng của những người vô sản đã giác ngộ, những người *Eta* bắt đầu được thức tỉnh và có tổ chức. Họ thành lập một hội lấy tên là "Xuikhây" ("Bình đẳng"). Mọi người nhiệt tình xin vào hội và năm ngoái hội nghị toàn quốc đầu tiên của hội này được triệu tập. Có 2.500 đại biểu từ khắp nơi trong nước về dự hội nghị. Hội nghị đã nêu khẩu hiệu: "Hoàn toàn bình đẳng". Phương châm của hội nghị: "Việc giải phóng *Eta* là sự nghiệp của chính người *Eta*". Những tổ chức tự do và của chính phủ lo lắng trước việc xuất hiện một lực lượng mới nên định nắm lấy nó dưới sự bảo hộ của mình. Nhưng họ đã không thành công.

Trong khi tất cả các cánh cửa đều đóng chặt trước mắt họ, thì những người công nhân *Eta* lại được những người công nhân Nhật có tổ chức đón tiếp một cách hết sức thân tình dựa trên sự bình đẳng hoàn toàn. Họ đã hiểu rõ được sự đón tiếp đó. Vì vậy ngày nay, khi từ chối mọi sự quan tâm giúp đỡ của những người tự do và của chính phủ, những người *Eta* thực hiện sự nghiệp chung cùng với giai cấp công nhân Nhật Bản. Phong trào lúc đầu với tư cách là cuộc đấu tranh của lớp người riêng lẻ thì hiện nay đã trở thành cuộc đấu tranh giai cấp.

Trước khi khai mạc đại hội trong năm nay, những người *Eta* đã ra một bản kêu gọi "Gửi tất cả những dân tộc ít người, tất cả những người lao động - nạn nhân của tư bản thế giới và chủ nghĩa đế quốc". Trong lời kêu gọi có nói về những nỗi đau khổ đã trải qua và về sự viển vông của những cải cách mà chính phủ đã đưa ra, có nhấn mạnh việc "những người *Eta* sẵn sàng sát cánh cùng giai cấp công nhân Nhật làm cách mạng xã hội và giải phóng tất cả những người bị bóc lột". Trong cương lĩnh hành động của họ có những điểm đặc trưng chứng tỏ hội có nghị lực và tính kiên quyết:

A. Từ chối sự giúp đỡ từ thiện trong đó có sự giúp đỡ của chính phủ.

B. Đào tạo cán bộ cho những hoạt động tích cực.

C. Thành lập các công đoàn của nông dân.

D. Thành lập các chi bộ của hội cho phụ nữ và thanh niên.

E. Thành lập các thư viện, báo chí và các cơ quan báo chí khác để phổ biến giáo dục và tuyên truyền tư tưởng bảo vệ quyền lợi của những người *Eta*.

G. Đòi tự do hoàn toàn về chính trị và kinh tế cho những người *Eta*.

Bây giờ chúng ta chuyển sang một lực lượng cách mạng khác - nông dân Nhật.

CÔNG NHÂN NÔNG NGHIỆP

Khi nói về công nhân nông nghiệp ở Nhật Bản thì cần phải nghiên cứu các tổ chức công nhân nông nghiệp ở phương Tây để so sánh.

Ở châu Âu có 1.517.000 công nhân nông nghiệp có tổ chức, trong đó 919.000 người tham gia Quốc tế Amxtécđam[39] và 598.000 người tham gia Quốc tế đỏ của các công đoàn. Ở nước Nga có 270.000 công nhân nông nghiệp có tổ chức được thống nhất trong 8.000 nhóm công đoàn, tham gia vào trong 87 tổ chức công đoàn.

Nông dân Nhật chia làm bốn loại:

1. Dixacunô hay những người sở hữu, loại này có 172.241 hộ.

2. Dixacunô loại hai, hay những người sở hữu nhỏ, - 1.507.341 hộ.

3. Khandixacunô: nửa chủ, nửa thợ, - 2.244.126 hộ.

4. Côxacunin, hoặc những người tá điền, - 1.557.847 hộ.

Từ năm 1916 đến năm 1922 số lượng Dixacunô đã tăng thêm

7.035 hộ, còn Côxacunin, - thêm 32.858 hộ do sự phân hoá hai nhóm trung gian. Điều đó khẳng định lại một lần nữa tính chất đúng đắn của học thuyết Mác về sự thu hút và vô sản hoá các tầng lớp trung gian.

Tổ chức công nhân nông nghiệp của Nhật được thành lập cách đây mới được ba năm, nhưng nó phát triển nhanh và được củng cố. Có hai công đoàn: công đoàn phía Đông và công đoàn phía Tây. Công đoàn phía Đông có trung tâm của mình là Tôkiô, còn phía Tây là Ôxaca và Côbê. Tất cả có 85 chi nhánh các công đoàn, 196 nhóm, tổng cộng tất cả 120 nghìn đoàn viên. Năm 1922 ở công đoàn phía Đông có 15 nghìn đoàn viên, còn công đoàn phía Tây 91 nghìn. Năm nay họ có 18 nghìn đoàn viên công đoàn phía Đông và 102 nghìn đoàn viên công đoàn phía Tây, có nghĩa là số lượng của họ tăng lên 14 nghìn trong một năm. Điều đó có nghĩa là ở Nhật Bản đang xảy ra một quá trình phát triển ngược lại với quá trình phát triển của các tổ chức công nhân nông nghiệp ở các nước châu Âu (trừ Đức và Nga), nơi có số lượng hội viên đang giảm xuống chứ không tăng lên.

Như chúng ta đã thấy ở trên, công đoàn phía Tây có số lượng nhiều hơn nhiều công đoàn phía Đông, nhưng nhờ tinh thần tiên tiến của các đoàn viên của mình và nhờ họ có nghị lực nên công đoàn phía Đông có ảnh hưởng lớn hơn công đoàn phía Tây. Hầu như công đoàn phía Đông bao giờ cũng là người đề xướng ra cuộc đấu tranh chống lại chủ.

Đặc điểm "chính trị - địa lý" ấy có thể thấy cả trong những công nhân công nghiệp. Công đoàn phía Tây ôn hoà, có số lượng đông bị lôi kéo theo đuôi công đoàn phía Đông tiên tiến có số lượng ít.

Những yêu sách cơ bản của công nhân nông nghiệp là xã hội hoá tất cả đất đai canh tác, sách lược phổ biến nhất của cuộc đấu tranh là không đi làm trong thời gian thu hoạch mùa màng. Năm 1920 đã ghi nhận lại được 408 cuộc đình công, và năm 1922 - lên tới 1.398.

Vào tháng 1 đã có quyết định thống nhất hai công đoàn này, Công đoàn mới được gọi là "Nikhơnnôminkhai". Việc thống nhất này làm cho giai cấp vô sản nông nghiệp ở Nhật Bản tăng thêm sức mạnh và là một mối lo ngại lớn đối với bọn chủ.

N.A.Q.

Báo *La Vie Ouvrière*, ngày 9-11-1923.
In trong sách: Hồ Chí Minh, *Những bài viết và nói chọn lọc,* tiếng Nga, Nxb. Chính trị quốc gia, Mátxcơva, 1959, tr73-76.

Dịch theo bài in trong sách *Những bài viết và nói chọn lọc.*

TÌNH HÌNH Ở TRUNG QUỐC

Cương lĩnh của các sinh viên cách mạng

Nguyên nhân của tình hình tồi tệ hiện nay ở Trung Quốc có rất nhiều. Trước hết Trung Quốc bị yếu vì sự mâu thuẫn giữa miền Bắc và miền Nam. Sau đó, tính chất thủ cựu của chủ nghĩa nghị trường bắt chước theo kiểu phương Tây và tham vọng mù quáng cá nhân của chủ nghĩa quân phiệt biểu hiện ở mức độ này hay mức độ khác dựa vào nước ngoài đang phá hoại Trung Quốc. Và cuối cùng là do những cường quốc tư bản chủ nghĩa từng phút một, cố ý gây

ra sự rối loạn bên trong để kìm hãm thậm chí cả những cải cách không đáng kể.

Thế nhưng rất may mắn là tiếng vang của Cách mạng Nga hình như đã thức tỉnh thế hệ mới của Trung Quốc. Lực lượng trẻ mới ra đời có đầy nhiệt tình và sức sống. Điều này thể hiện đặc biệt rõ rệt nhất là Hội sinh viên cách mạng. Hội có khoảng 100 nghìn hội viên trong cả nước Trung Hoa. Hội xuất bản nhiều tờ báo, mỗi tỉnh có một hoặc hai tờ. Năm 1919, Hội đã khuyên đoàn đại biểu Trung Quốc từ chối ký Hiệp ước Vécxây. Đó là những người tham gia việc tổ chức tẩy chay Nhật Bản. Ở Bắc Kinh, sinh viên đã thiêu huỷ những lâu đài xa hoa của hai bộ trưởng bán cho tư bản Nhật, buộc những người này từ chức và có những lời cảnh cáo xác đáng trước đối với họ. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ tư, Hội đã thông qua cương lĩnh chính trị, mà những điểm cơ bản của nó là:

Chính sách đối nội. Nghị viện và chính phủ phải thực hiện

trung thực ý chí của nhân dân.

Hoàn toàn tự do tổ chức, hội họp, ngôn luận và báo chí.

Quyền đình công cho công nhân.

Địa vị độc lập của toà án.

Quan hệ quốc tế. Quyền tự quyết của các dân tộc.

Đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Vấn đề phụ nữ. Bình đẳng về giáo dục chính trị và kinh tế cho cả nam và nữ. Thi hành hệ thống trường học thống nhất - tức là thành lập các trường học trong đó con trai và con gái cùng học.

Trả công như nhau cho lao động như nhau.

Quyền nghỉ ngơi và tiền trợ cấp cho trường hợp đau ốm và sản phụ.

Hội ủng hộ tất cả các yêu sách của công nhân.

Hội có mục đích: ủng hộ tất cả những yêu sách và mọi phong trào cách mạng của nông dân, công nhân và tiểu thương.

Hội kêu gọi tất cả nhân dân lao động và sinh viên tiến hành một cuộc tuần hành chung toàn quốc để tưởng nhớ những người công nhân đường sắt bị tướng Ngô Bội Phu giết chết trong thời gian đình công trên đường sắt Bắc Kinh - Hán [1]. Hội coi việc giúp đỡ công nhân nạn nhân của cuộc đấu tranh, là nghĩa vụ của mình, vạch trần và lên án trước toàn quốc hành động tội ác của chính phủ và bè lũ quân phiệt của nó trong thời gian đình công.

Chúng ta cũng nói thêm là Liên đoàn sinh viên còn yêu cầu Trung Quốc nhanh chóng khôi phục quan hệ với nước Nga.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 4-12-1923.

1) Cuộc Tổng bãi công của công nhân đường sắt Bắc Kinh - Hán Khẩu bắt đầu ngày 4-2-1923. Cuộc tàn sát diễn ra ngày 7-2, 37 người chết, hơn 200 người bị thương.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở THỔ NHĨ KỲ[41]

Với lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh đáng khâm phục, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã xé tan cái hiệp ước Xevơrơ[42] ghê tởm và giành lại được nền độc lập của mình. Họ đã đánh bại bọn đế quốc cùng lập mưu với nhau, và lật đổ ngai vàng của bọn vua chúa. Từ một nước kiệt quệ, bị chia cắt, giày xéo, họ đã dựng lên một nước cộng hoà thống nhất và mạnh mẽ. Họ đã làm xong cuộc cách mạng của họ. Nhưng, cũng giống như tất cả các cuộc cách mạng tư sản,

cuộc cách mạng Thổ Nhĩ Kỳ chỉ có lợi riêng cho một giai cấp: giai cấp có của.

Giai cấp vô sản Thổ Nhĩ Kỳ, người đã đóng góp rất nhiều vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thì từ bây giờ đã thấy bắt buộc phải tiến hành một cuộc đấu tranh khác: cuộc đấu tranh giai cấp.

Trong cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân của Thổ Nhĩ Kỳ gặp nhiều trở lực. Ở Thổ Nhĩ Kỳ không có những công đoàn giống như ở phương Tây. Ở đây chỉ có những nghiệp đoàn, hoặc những hội tương tế tập hợp công nhân cùng ngành, sinh sống trong cùng một thành phố. Còn công nhân các ngành khác nhau trong cùng một thành phố và công nhân cùng ngành trong các thành phố khác nhau thì không có liên hệ gì với nhau. Tình hình đó làm trở ngại mọi hoạt động chung và có hiệu quả.

Mặc dù như vậy, suốt năm vừa qua người ta cũng đã nhiều lần

thấy những hoạt động sôi nổi của công nhân. Nhiều cuộc bãi công đã nổ ra ở Côngxtăngtinốp, ở Sừng [1], ở Aidin, v.v.. Công nhân in, công nhân đường sắt, nhân viên thương thuyền, công nhân các kho dầu lửa và các xưởng chế rượu bia đã tiến hành đấu tranh. Đã có tới một vạn công nhân tham gia phong trào. Sau những kinh nghiệm này, công nhân Thổ Nhĩ Kỳ đã hiểu rằng muốn thắng lợi thì họ cần phải có tổ chức và kỷ luật.

Đại hội Côngxtăngtinốp thành lập hội [2]

Mới đây, một đại hội công nhân đã được triệu tập ở Côngxtăngtinốp. Hai trăm năm mươi đại biểu tham gia đại hội. Họ thay mặt cho 19.000 công nhân Côngxtăngtinốp, 15.000 công nhân mỏ than ở Dônggundắc và 10.000 người lao động cả các mỏ chì có bạc ở Balyacaraiđin.

Đại hội đã quyết định tập hợp *34 Đ*[3] hiện có thành một *Biếclích*, tức là một liên minh. Nghị quyết mạnh dạn đó đã làm cho chính phủ phải sợ hãi không dám công nhận *Biếclích*. Nên chú ý là thái độ của chính phủ đối với công nhân đã thay đổi nhiều. Khi chiến tranh kết thúc, khi vấn đề đặt ra là phải đuổi cổ những người nước ngoài thì chính phủ luôn luôn tỏ ra dễ dãi với công nhân, nhưng khi đụng đến vấn đề tổ chức công nhân thì chính phủ tỏ ra cũng phản động như tất cả mọi chính phủ tư bản chủ nghĩa khác. Do đó, sự phủ quyết của chính phủ không làm ai ngạc nhiên cả. Vả lại, mọi người biết rằng từ khi ký hoà ước Lôdannơ[43] thì bọn tư bản Thổ Nhĩ Kỳ đã ăn cánh với bọn tư bản nước ngoài, - bọn này sau khi đã tàn sát hàng vạn người Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ khổ sở nhưng vẫn không đặt được ách thực dân lên Thổ Nhĩ Kỳ, thì nay lại xâm nhập một cách hoà bình vào đất nước Trăng lưỡi liềm. Việc chính phủ từ chối không công nhận tổ chức *Biếclích*, chẳng khác nào một

1) *Corne d'or*. Bãi biển Bôxpho ở Ixtambun, giáp biển Đen.

2) *Birlik*. Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa như một hội liên minh.

3) *Dernek*. TiÕng Thæ NhÜ Kú cã nghÜa lµ héi.

nụ cười duyên dáng dùng để khuyến khích giới tài chính quốc tế mà ba phần năm là nguồn gốc Pháp.

Nhưng giai cấp vô sản Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến được một bước đầu tiên. Nhất định họ sẽ còn tiến nữa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité,*
ngày 1-1-1924.

TÌNH CẢNH NÔNG DÂN AN NAM

Người An Nam nói chung, phải è cổ ra mà chịu những công ơn bảo hộ của nước Pháp. Người nông dân An Nam nói riêng, lại càng phải è cổ ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách thảm hại hơn: là người An Nam, họ bị áp bức; là người nông dân, họ bị người ta ăn cắp, cướp bóc, tước đoạt, làm phá sản. Chính họ là những người phải làm mọi công việc nặng nhọc, mọi thứ lao dịch. Chính họ làm ra cho lũ người ăn bám, lũ người lười biếng, lũ người đi khai hoá và những bọn khác hưởng mà chính họ thì lại phải sống cùng khổ trong khi những tên đao phủ của họ sống rất thừa thãi; hễ mất mùa thì họ chết đói. Đó là vì họ bị ăn cắp khắp mọi phía, bằng mọi cách, do các quan cai trị, do bọn phong kiến tân thời và Nhà thờ. Xưa kia, dưới chế độ An Nam, ruộng đất chia thành nhiều hạng tuỳ theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, tất cả những cái đó đều thay đổi. Khi cần kiếm tiền các quan cai trị người Pháp chỉ việc bắt thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt. Thế là người dân cày An Nam buộc phải nộp thuế cho đám ruộng của mình nhiều hơn số họ thu hoạch được.

Như thế vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất một cách giả tạo bằng cách rút ngắn đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Điều đó chưa đủ để thoả mãn lòng tham không đáy của Nhà nước bảo hộ cứ mỗi năm lại tăng mãi thuế lên. Thí dụ, từ năm 1890 đến

năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên một nửa và cứ như thế mà tăng lên mãi. Người An Nam cứ chịu róc thịt mãi như vậy và các quan lớn bảo hộ nhà ta thì quen ăn bén mùi cứ tiếp tục giở trò xoay xở mãi.

Có khi, tệ độc đoán đi đôi với tệ cướp đoạt. Thí dụ năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng nọ hàng bao nhiêu hécta ruộng đất để đem cấp cho một làng khác, là một làng theo đạo Kitô. Những người mất ruộng khiếu nại thì người ta bắt bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ có như thế thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải nộp thuế cho mãi đến năm 1910, mặc dù ruộng đất của họ đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Hết các quan cai trị ăn cắp, đến bọn chủ đồn điền ăn cắp. Người ta cấp cho người Âu những đồn điền nhiều khi vượt quá 20.000 hécta; mà những người Âu này thì ngoài cái bụng phệ và cái màu da trắng ra, không có mảy may kiến thức gì về nông nghiệp và kỹ thuật.

Những đồn điền ấy phần nhiều được lập ra bằng lối ăn cắp hợp pháp hoá. Trong thời kỳ xâm lược, người dân cày An Nam, cũng như người Andátxơ năm 1870, đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi họ trở về thì ruộng đất của họ đã "thành đồn điền" mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt đi như thế, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa phong kiến tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích việc khai khẩn thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho rất nhiều chủ đồn điền lớn.

Đã được không ruộng đất rồi, bọn chủ đồn điền lại còn được không, hoặc gần như được không cả nhân công nữa. Bọn quan cai trị cung cấp cho họ một số tù khổ sai làm không công, hay dùng uy quyền của chúng để mộ cho bọn chủ đồn điền những nhân công làm việc với một đồng lương chết đói. Nếu những người An Nam đến không đủ số hoặc họ không bằng lòng thì người ta liền dùng đến vũ lực; bọn chủ đồn điền liền bắt bọn hương lý, nện vào cổ họ, hành hạ

cho đến khi những kẻ khốn khổ này chịu ký giấy cam đoan nộp đủ số nhân công cần thiết mới thôi.

Bên cạnh cái thế lực phần đời ấy còn có những đấng cứu thế phần hồn nữa, các đấng này trong khi truyền bá đức nghèo cho người An Nam, cũng không quên tìm cách làm giàu bằng mồ hôi và máu của người bản xứ. Ở Nam Kỳ, chỉ riêng Hội Thánh truyền giáo cũng đã chiếm 1/5 ruộng đất trong vùng. Mặc dầu trong kinh Thánh không có dạy, song thủ đoạn chiếm đoạt những đất đai này cũng thật rất giản đơn: đó là thủ đoạn cho vay nặng lãi và hối lộ. Hội Thánh lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay tiền và buộc họ phải cầm cố ruộng đất. Vì lợi suất tính theo lối cắt cổ, nên người An Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là tất cả ruộng đất cầm cố bị rơi vào tay Hội truyền giáo.

Các quan cai trị cả lớn lẫn bé, được nước mẹ giao vận mệnh xứ Đông Dương cho, nói chung đều là những bọn ngu xuẩn và đểu cáng. Hội Thánh chỉ cần nắm được trong tay một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời riêng, có tính chất nguy hại đến thanh danh, địa vị của các quan, là có thể làm các quan hoảng sợ và phải chiều theo ý họ muốn. Chính vì thế mà một viên toàn quyền đã nhường cho Nhà chung 7.000 hécta ruộng đất sa bồi của những người bản xứ, ấy thế là những người bản xứ này trở thành những người đi ăn xin.

Phác qua như thế, chúng ta thấy rằng dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã đem vào An Nam tất cả cái chế độ trung cổ đáng nguyền rủa, kể cả chế độ thuế muối; rằng người nông dân An Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của Hội Thánh đĩ bợm.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 4-1-1924.

TÌNH CẢNH NÔNG DÂN TRUNG QUỐC

Trung Quốc căn bản là một nước nông nghiệp, 85% số dân là nông dân. Có thể chia họ ra làm bốn hạng: địa chủ hạng lớn, địa chủ hạng vừa, người có ít ruộng đất, bần nông và cố nông.

Trong nước có từ 250 đến 300 đại địa chủ hạng lớn có hơn 10.000 [1] ruộng đất. Phần nhiều là những quan to hay quý tộc. Chừng độ 30.000 địa chủ có hơn 1.000 mẫu và 300.000 có hơn 100 mẫu.

Địa vị xã hội của những người chủ sở hữu nhỏ có từ 10 đến 100 mẫu thì khá phức tạp và thay đổi luôn. Cũng có chừng ấy ruộng đất, một người nông dân có thể là kẻ bóc lột, là người bị bóc lột, hoặc là "trung gian".

Nếu gia đình có khá đông người để cày cấy lấy ruộng đất, thì người nông dân đó trở thành lớp "trung gian".

Nếu gia đình neo người, người nông dân đành buộc phải cho thuê rẽ số ruộng đất mà anh ta không thể làm được; thế là anh trở thành kẻ bóc lột.

Nếu gia đình quá đông người mà muốn đủ chi dùng, thì ngoài ruộng đất của mình ra, người nông dân còn bắt buộc phải thuê thêm ruộng đất của người khác; thế là anh ta bị vô sản hoá và chuyển thành người bị bóc lột.

1) Các chữ *"mẫu"* trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

Theo tài liệu của Bộ Canh nông, thì năm 1918 có 43.935.478 gia đình ở trong tình trạng không ổn định đó.

Có hai lối lấy tô: tô đong và tô rẽ. Theo lối thứ nhất, người có ít ruộng đất hay người bần nông lĩnh canh ruộng và đóng một số tiền tô nào đó trong một thời gian nhất định. Nếu được mùa thì người lĩnh canh cũng chẳng được dôi ra là bao, vì người chủ ruộng tính rất sát và không bao giờ chịu thiệt cả. Trái lại, nếu mất mùa, thì người lĩnh canh bị hoàn toàn phá sản, còn người chủ thì chẳng mất gì cả.

Với lối lấy tô rẽ, người chủ ruộng thu từ 35 đến 50% hoa lợi của mỗi vụ.

Vì chế độ ruộng đất Trung Quốc là chế độ phân tán từng mảnh, cho nên hầu hết tất cả mọi người nông dân dù nghèo đến đâu đi nữa thì trước kia cũng đều có được một mảnh đất để có thể *"kiếm lấy nén hương cúng tổ tiên"*. Song, ngày nay, rất nhiều người tuyệt đối không có gì, thậm chí không có lấy *"một miếng đất để cắm dùi"* nữa. Họ chỉ có hai cánh tay không thôi. Muốn kiếm lấy bát cơm, họ đi ở hay đi làm mùa. Những người đi làm mùa không có công xá nhất định, cũng không có việc làm thường xuyên: hết vụ gặt, họ ra thành thị làm hay đi chài lưới. Những người lớn đi ở thì hằng năm kiếm được một số tiền tính ra khoảng từ 25 đến 40 đôla, cơm nuôi và áo mặc; các trẻ em đi ở chăn trâu bò thì được từ 3 đến 5 đôla một năm.

Sự thâm nhập của chủ nghĩa tư bản nước ngoài làm mất thăng bằng giá cả giữa các hàng chế biến và nông sản phẩm. Người nông dân luôn luôn bắt buộc phải bán rẻ thóc lúa hay khoai của họ để mua những dụng cụ hiện nay đắt hơn trước kia rất nhiều. Chủ nghĩa tư bản cũng làm cho người chủ ruộng mất cái đầu óc tập truyền và gia trưởng và đem thay bằng tính hám lợi rất dữ tợn. Cố noi theo gương các đồng nghiệp của chúng ở thành thị, bọn địa chủ tìm cách để ngày càng nắm độc quyền ruộng đất. Nhiều công ty khai khẩn đã được thành lập, bao gồm những đất đai vô cùng rộng

lớn, và hất một số lớn tiểu nông ra ngoài. Những công ty như *Công ty hữu hạn Phulilan* có hơn 300.000 mẫu ruộng đất.

Lụt lội, bão táp, nạn đói, nội chiến đều gây ra cảnh cùng khổ cho nông dân.

Bọn quan liêu tham nhũng của chế độ quan lại cũng chịu phần trách nhiệm gây ra cảnh đói khổ ấy. Chính phủ đã lập những trạm thí nghiệm để tìm cách cải tiến nông nghiệp. Những cơ quan ấy vừa thành lập ra là đã trở ngay thành những miếng phó mát cho bọn quan lại, chứ không phải là những cơ quan để phục vụ nhân dân.

Một tai hoạ khác nữa là chủ nghĩa quân phiệt. Tất cả bọn tướng tá lớn nhỏ, kiểu Napôlêông, đều làm giàu cho bản thân họ, làm giàu cho bè đảng và cho bọn tay chân của họ, bằng mồ hôi nước mắt của nông dân là những người hàng năm phải đóng vào khoảng 225.000.000 đôla. Sưu thuế đè lên người tiểu nông nặng nề hơn bọn giàu có, vì bọn này phần nhiều là viên chức và bạn bè của bọn viên

chức.

Sau hết, phương pháp làm việc cổ sơ và nền giáo dục lạc hậu lại còn làm cho đời sống của quần chúng cần lao càng thêm cực khổ. Năm 1918, hơn 15.500.000 nông dân và thợ thuyền đã bỏ nông thôn ra thành thị, làm cho số người bị bóc lột và đạo quân thất nghiệp ở thành thị tăng lên.

Muốn xoá bỏ tất cả những điều đó, các đồng chí Trung Quốc của chúng ta phải tiến hành mạnh mẽ một cuộc vận động khẩn trương để giáo dục quần chúng, làm cho quần chúng thấy thật rõ sức mạnh của mình, quyền lợi của mình, và có đủ khả năng thực hiện được khẩu hiệu *"Tất cả ruộng đất về tay nông dân"*.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 4-1-1924.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở VIỄN ĐÔNG

Ôxaca là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của nước Nhật, không bị thiệt hại gì trong nạn động đất vừa qua. Tai hoạ của những người Nhật khác đã tạo nên hạnh phúc cho bọn chủ nhà máy ở thành phố này, hiện nay chúng đang phát tài chưa từng thấy. Thế mà tiền lương của công nhân vẫn giữ nguyên như mức trước khi xảy ra tai hoạ đó, mặc dù giá sinh hoạt đã tăng lên không kém phần nhanh chóng, ảnh hưởng nặng nề đến túi tiền ít ỏi của công nhân. Bị lâm vào tình cảnh không thể chịu nổi ấy và trước sự từ chối của bọn chủ không chịu thực hiện những yêu sách cải thiện đời sống, công nhân các xưởng bông vải đã đình công từ cuối tháng 11.

Các yêu sách nêu ra là:

1. Tăng lương thêm 20%;

2. Giảm giá những thực phẩm do nhà máy cung cấp;

3. Cải thiện nhà ăn và buồng tắm;

4. Trả nửa lương cho các công nhân vì ốm đau không đi làm được;

5. Thu nhận lại những công nhân vừa mới bị đuổi.

Trước đây ít lâu, công nhân các công ty "Gai Viễn Đông" và "Nagôxai" do đình công mà đã được tăng lương. Công nhân ở công ty "Xensu" cũng đã được tăng lương ngay sau khi gửi bản quyết nghị đình công cho ban giám đốc. Các công ty khác thì chống lại. Họ lấy cớ rằng, tuy có rất nhiều đơn đặt hàng đấy, nhưng họ cũng

không được lời lãi gì nhiều lắm, vì giá nguyên liệu đã tăng lên; và nói rằng mặt khác, vì không có đủ bông xơ nên họ chẳng chút gì lo ngại đình công cả.

Thực ra, họ đang sợ cuống lên. Họ đã cho cảnh sát địa phương, đồng thời gọi cả cảnh sát ở các thành phố lân cận đến đóng ngay trong thành phố. Họ đã cho bắt tổng thư ký Liên đoàn lao động và một số lớn cán bộ cùng những người đi biểu tình để hòng làm yếu phong trào. Mưu toan của bọn chủ chẳng đạt kết quả gì, vì cuộc đình công vẫn được lãnh đạo kiên quyết như hôm mới đầu, và công nhân thì quyết tâm đấu tranh đến cùng.

Anh em thợ điện và thợ máy đã tuyên bố đình công hưởng ứng. Công nhân các công xưởng nhà nước hứa sẽ dùng đủ mọi cách để ủng hộ các đồng chí của họ đang đấu tranh. Được ủng hộ như thế, nên những người đình công đều hết sức hăng hái và tin chắc sẽ nhất định thắng lợi.

Trong cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động ở Viễn Đông, có những chuyện thú vị mà ở phương Tây người ta sẽ không hiểu được, nhưng ở đây lại là những chuyện hoàn toàn có thực. Chẳng hạn như, muốn ngăn cản không cho công nhân liên kết với các đồng chí của họ đang đấu tranh, công ty Kisioađa đã cho khoá chặt các cửa ra vào. Nhà máy Cơnaoađa chế tạo các máy điện, không thể thoả thuận được với công nhân viên của họ về vấn đề công sá, nên đã quyết định cho nghỉ việc. Nhưng trước khi thải công nhân, nhà máy đó đã trả họ đủ bốn ngày công và tiền phụ cấp trong hai tuần!

Đình công chống chế độ quân phiệt .

Để phá vỡ tổ chức của công nhân vừa mới gây dựng lên, bọn chủ các hầm mỏ ở *Suicaosun* (Trung Quốc), đã cho điều binh lính của tướng *Chao* đến. Bọn này vừa tới nơi là chiếm đóng ngay câu lạc bộ của công nhân. Để chống lại hành động bạo ngược đó, ba nghìn thợ mỏ đã tự động đình công. Họ bao vây bọn lính và tìm cách tước vũ khí của chúng. Bọn lính nổ súng, làm bị thương nhiều người đình công. Tình hình đã diễn ra quá ý muốn của bọn chủ và

Chúng hiện đang ra công dàn xếp cho ổn.

Nhưng anh em thợ mỏ đã trả lời rằng họ chỉ trở lại làm việc khi nào những người bị nạn đã được bồi thường và các yêu sách của họ - gồm 9 điều - đã được thoả mãn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
ngày 25-1-1924.

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

"Lênin đã mất!". Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á. Đúng, những người da đen và da vàng có thể chưa biết rõ Lênin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết. Sự ngu dốt là một trong những chỗ dựa chủ yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân An Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Đahômây, cũng đã thầm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó gọi là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, *mà người dũng cảm nhất là Lênin.* Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó.

Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa. Người đã kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng và da đen thoát khỏi ách áp bức của bọn [1], của tất cả bọn *rumi:* toàn quyền, công sứ, v.v.. Và để thực hiện mục đích ấy, Người đã vạch ra một cương lĩnh cụ thể.

Lúc đầu họ tưởng là trên đời không thể có một người như thế và cương lĩnh như thế được. Nhưng về sau họ được biết tin, tuy lờ

1) TiÕng ÅrËp, nghÜa lµ ng-êi n-íc ngoµi, kÎ ®i n« dÞch.

mờ, về đảng cộng sản, về tổ chức gọi là Quốc tế Cộng sản đang đấu tranh vì những người bị bóc lột, vì tất cả những người bị bóc lột, trong đó có cả họ nữa, họ biết rằng chính Lênin là người lãnh đạo tổ chức này.

Và chỉ như thế cũng đủ để cho những người đó tuy văn hoá kém cỏi nhưng là những người có thiện chí và biết ơn, hết lòng tôn kính Lênin. Họ coi Lênin là người giải phóng cho họ. Lênin đã mất rồi thì chúng ta biết làm thế nào? Liệu có những người dũng cảm và rộng lượng như Lênin để không quản thời gian và sức lực chăm lo đến sự nghiệp giải phóng của chúng ta không? Đó là những điều mà quần chúng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa băn khoăn tự hỏi.

Còn chúng tôi, những người cộng sản, những người sinh ra ở các thuộc địa, chúng tôi vô cùng đau đớn trước sự tổn thất không thể nào đền bù được và chia sẻ nỗi buồn chung của nhân dân các nước với những người anh người chị của chúng tôi. Song chúng tôi tin tưởng rằng Quốc tế Cộng sản và các phân bộ của nó, trong đó có các chi bộ ở các nước thuộc địa, sẽ thực hiện được những bài học và những lời giáo huấn mà vị lãnh tụ đã để lại cho chúng ta. Làm những điều mà Người đã căn dặn chúng ta, đó chẳng phải là phương pháp tốt nhất để tỏ tình yêu mến của chúng ta đối với Người hay sao?

Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội.

Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

NGUYỄN ÁI QUỐC
(Đông Dương)

Báo *Pravđa,* tiếng Nga,
ngày 27-1-1924.

ÔNG ANBE XARÔ VÀ BẢN TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN

Chính vì quyền con người mà hàng triệu con người đã bị giết hại trong thời đại chiến. Cái quyền mà họ đã hy sinh vì nó, cùng với những xác chết thảm thương của họ, nay bị vùi sâu vào lãng quên.

Hồi đó, các chính khách còn gào to hơn cả tiếng đại bác cho khắp bốn phương gầm trời nghe: quyền! quyền! quyền! Nhưng lập tức, sau khi cuộc chém giết đã chấm dứt, lập tức sau khi tai hoạ đã qua, thì không còn ai nghe thấy nói đến cái con vật ấy nữa. Ở Vécxây, ở Giơnevơ, ở Bulônhơ cũng như ở Oasinhtơn quyền con người đã được thay thế bằng than đen, than đá, dầu hoả, thuộc địa.

Một cái quyền khác ra đời, dưới một dạng khác, còn xấu xa hơn, ghê tởm hơn: quyền của kẻ mạnh. Bằng cái quyền này người ta muốn huỷ diệt nước Nga cách mạng. Bằng cái quyền này người ta muốn biến nước Đức thành một nghĩa địa và một bãi hoang. Bằng cái quyền này người ta tìm cách chia nhau Trung Quốc. Và cũng bằng cái quyền này người ta dìm thật sâu những dân các thuộc địa vào vòng nô lệ, những thuộc địa, vì bảo vệ quyền con người, đã cống hiến 978.000 con em mình, trong số đó 340.000 đã bỏ mình trên chiến địa, những thuộc địa mà người ta bòn rút đến tận xương tuỷ để "vãn hồi sự thịnh vượng của mẫu quốc", những thuộc địa mà ngày nay người ta còn lấy đi 300.000 con em trẻ trung

nhất, trụ cột cường tráng nhất, để làm mồi dự trữ cho đại bác trong cuộc chiến tranh rồi sẽ tới vì quyền con người.

Dù rằng sự thực đau lòng như vậy, nhưng thế giới rồi cũng quen đi với cái triết lý, cái tính trì độn vốn dĩ, mỗi khi người ta khuấy lên cái tư tưởng định mệnh của nó. Đã thế, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, lãnh tụ bảo vệ quyền người bản xứ ở thuộc địa, lại còn, với cái giọng lưỡi bất khả tri của ông vừa xới lên cái tính cuồng tín của bọn "mọi" của ông. Muốn cho bài diễn văn của ông ở Trường thuộc địa được nổi lên hơn nữa sau khi đã biểu diễn vẫn những múa may kịch tính của ông, vẫn cái ngôn phong kêu và rỗng tuếch của ông, vẫn những sáo ngữ cũ rích lặp đi lặp lại của ông nó đi đến chỗ (...)[1] của những kẻ bóc lột và áp bức tương lai ở các thuộc địa. Bản Tuyên ngôn nhân quyền, nhà ảo thuật tu từ học này, hôm đó, chắc là đã hoàn toàn loạn thần kinh.

Trước ông và cũng như ông thôi, người ta đã từng che đậy những tội ác, những vụ xoáy, những vụ tàn sát dưới cái áo khoác khai hoá hay dưới danh nghĩa quyền con người, nhưng người ta còn làm những việc đó với một sự dè dặt nào đó, với một chút liêm sỉ nào đó. Đằng này cái con người của rượu và thuốc phiện ấy, cái ô che cho những băng của Phuốc và của Bôđoanh ấy, trơ trẽn tuyệt vời, lại đã nói đến bản văn thiêng liêng nhất, cao quý nhất của Đại cách mạng Pháp. Không còn là một sự giả nhân giả nghĩa nữa. Đây là một tội đại bất kính.

.....[2] .

Nghĩ cho lung, có khi tôi đã mắc sai lầm không nhận ra tấm lòng cao cả và tinh thần quảng đại của ngài Bộ trưởng của chúng ta. Biết đâu đấy, khi nhắc lại Bản tuyên ngôn đã làm cho Cộng hoà Pháp bất tử, ông Anbe Xarô lại chả muốn dùng một chiến thuật

1) Báo *Le Paria* bản gốc, lưu ở Thư viện quốc gia Pháp, ký hiệu BN.Jo 35859, bị rách mất một số chữ ở 5 dòng liền nhau. Chúng tôi chưa tìm được tờ lành có đủ chữ để bổ sung.

2) Dßng chÊm nµy lµ cña nguyªn b¶n b¸o *Le Paria*.

đường vòng để nhắc nhở dân chúng các thuộc địa trở về với những nghĩa vụ chân chính của mình? Từ đại lộ Thiên Văn Đài không chừng ngài có ý định, qua lời nói hùng mạnh của mình, kêu gọi những dân tộc thuộc địa hãy đi theo vết chân vinh quang của tổ tiên ngài mà chiến đấu, như tổ tiên ngài đã chiến đấu cho công cuộc giải phóng mình và cho quyền con người của mình. Người ta sinh ra và mãi mãi tự do và bình đẳng về quyền. Các quyền ấy là: tự do, tư hữu, an ninh và chống áp bức.

Tự do, chống áp bức, đó là những điều mà ngài bộ trưởng muốn làm cho "những người anh em da mầu của ngài" hiểu, những người anh em này tuy đang bị một đế quốc ghê tởm nhất áp bức một cách tàn tệ nhất, nhưng vẫn còn cứ lịm đi trong một giấc mê man triền miên.

Chúng ta, những người con của các thuộc địa, chúng ta sẽ là những tên thật hèn nhát, nếu chúng ta không nhất tề đáp ứng lời kêu gọi của "ông anh cả của chúng ta": có tôi đây!

N.

Báo *Le Paria,* số 22,
tháng 1-1924.

THƯ GỬI CHO MỘT ĐỒNG CHÍ Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢ[1]

Đồng chí thân mến,

Tôi quê quán ở Đông Dương và là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Chính với tư cách đó mà tôi mạo muội cảm ơn đồng chí về sự chú ý của đồng chí đến vấn đề thuộc địa tại Đại hội Liông.

Mặt khác, tôi sẽ sung sướng vì được thảo luận với đồng chí về vấn đề thuộc địa nếu đồng chí vui lòng cho gặp.

Do mũi và các ngón tay bị lạnh cóng khi tang lễ đồng chí Lênin, tôi không thể đi làm việc ở Quốc tế Cộng sản, vậy nên tôi sẽ rất cảm ơn, nếu đồng chí vui lòng trực tiếp viết thư cho tôi đến địa chỉ sau:

Khách sạn Luých, số 176

Đồng chí thân mến, xin gửi đồng chí lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC

5/2/24
Thư viết tay, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Trong thư không có tên người nhận, có thể là Nguyễn Ái Quốc gửi cho một đồng chí lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản.

THƯ GỬI CHỦ TỊCH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Mátxcơva, ngày 15 tháng 3 năm 1924

Kính gửi đồng chí Dinôviép, Chủ tịch Quốc tế thứ ba,

Đồng chí thân mến,

Đã hơn một tháng nay, tôi xin đồng chí vui lòng tiếp để tôi có thể thảo luận với đồng chí về tình cảnh những thuộc địa của Pháp. Cho tới nay, tôi vẫn chưa được trả lời. Hôm nay, tôi xin mạn phép nhắc lại sự thỉnh cầu đó, và xin đồng chí nhận lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Thư đánh máy tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Phân bộ Pháp, số 33
Quốc tế Cộng sản.

ĐÔNG DƯƠNG VÀ THÁI BÌNH DƯƠ[1]

Lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới sắp tới - Nước Pháp muốn khai thác các thuộc địa - Các thuộc địa Pháp sống lay lắt như thế nào - Người An Nam bị bóc lột nặng nề thêm.

Mới thoạt nhìn, thì dường như vấn đề Đông Dương và Thái Bình Dương không liên quan gì đến công nhân châu Âu. Nhưng nếu người ta nhớ lại rằng:

a) Trong thời kỳ cách mạng, các nước Đồng minh không tấn công được nước Nga từ phía Tây, đã tìm cách tấn công từ phía Đông. Thế là các cường quốc ở Thái Bình Dương, Mỹ và Nhật, đã cho quân đội đổ bộ lên Vlađivôxtốc, đồng thời nước *Pháp* cũng gửi *những đạo quân người Đông Dương sang Xibêri* để giúp bọn bạch quân.

b) Hiện nay, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó. Thế nào rồi cũng có ngày nước Nga cách mạng phải đọ sức với chủ nghĩa tư bản đó. Cho nên các đồng chí Nga cần phải biết rõ tất cả lực lượng và tất cả các mánh khoé trực tiếp hay gián tiếp của đối thủ của mình.

c) Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhòm ngó, nên Thái Bình Dương và các nước

1) Một phần bài này đăng lại trên báo *Le Paria*, số 24, tháng 4-1924.

thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh.

Xem thế thì ta thấy rõ rằng vấn đề Thái Bình Dương là vấn đề mà tất cả mọi người vô sản nói chung *đều phải quan tâm đến*.

*

Muốn xây dựng lại nước Pháp đã bị cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa tàn phá, Bộ Thuộc địa Pháp đã thảo một dự án khai thác các thuộc địa. Dự án đó nhằm khai thác những tài nguyên của các nước thuộc địa để làm lợi cho chính quốc. Cũng dự án ấy nói rằng Đông Dương phải giúp đỡ các thuộc địa khác ở Thái Bình Dương đẩy mạnh sản xuất của họ lên, để làm cho cả các thuộc địa đó cũng trở thành "có ích" cho chính quốc. Nếu dự án được thực hiện, thì nhất định là Đông Dương sẽ lâm vào tình trạng giảm sút dân số và bần cùng.

Thế nhưng, mới đây, mặc dầu bị dư luận An Nam phản kháng, Hội đồng chính phủ Đông Dương cũng đã nhất trí tán thành dự án ấy. Muốn hiểu rõ sự nhất trí đó có giá trị đến đâu, thì cũng cần biết rằng Hội đồng đó gồm có Toàn quyền Đông Dương, Tướng tổng tư lệnh quân đội Đông Dương và độ ba chục viên chức cao cấp người Pháp, cộng thêm năm viên quan lại bản xứ do viên Toàn quyền nặn ra. Ấy thế mà tất cả các ngài ấy lại cho rằng họ thay mặt cho cả Đông Dương và hành động vì lợi ích của nhân dân An Nam! Các bạn hãy tưởng tượng mà xem, người étxkimô[1] hay người Dulu[2] mà lại quyết định vận mệnh của một dân tộc châu Âu!

*

Theo sự thú nhận của các nhà cầm quyền thì các thuộc địa ở Thái Bình Dương đương lâm vào tình trạng suy tàn, và chỉ sống - nếu như thế mà có thể gọi được là sống - một cuộc sống càng ngày càng lụn bại đi. Sự thật thì trong một thời gian ngắn, các đảo đông

1) Dân cư miền Bắc cực.

2) Những bộ tộc ở miền Nam châu Phi.

dân cư, đã hoàn toàn thưa hẳn đi vì rượu cồn và lao dịch. Quần đảo Máckidơ[1], trước đây 50 năm, đông đến 20.000 người, mà bây giờ chỉ còn có 1.500 người yếu đuối và thoái hoá. Trong vòng 10 năm, dân số đảo) giảm đi 25%. Trong số những dân cư đang chết dần chết mòn đi như thế, chủ nghĩa đế quốc Pháp lại còn cướp đi hơn 3.500 người để làm bia đỡ đạn cho chúng. Thật khó mà tưởng tượng được tình trạng tàn lụi của một giống người lại nhanh đến như thế. Nhưng đó lại là một sự thật mà người ta có thể thấy được ở nhiều thuộc địa. (Ở các miền thuộc Cônggô, trong vòng 20 năm, dân số từ 40.000 người đã giảm xuống chỉ còn 30.000. Đảo Xanh) và Micôlô), năm 1902 có 6.500 dân, đến năm 1922, thuộc địa này chỉ còn có 3.900 người mà thôi, v.v.).

Hầu hết các đảo ở Thái Bình Dương thuộc Pháp đều được nhượng cho các công ty khai khẩn đồn điền. Các công ty này tước đoạt ruộng đất của người bản xứ và bắt họ làm như nô lệ vậy. Đây là một thí dụ chứng tỏ rằng người ta đối xử với công nhân bản xứ như thế nào. 200 người chuyên mò ngọc trai đã bị các hãng Pháp ở châu Úc bắt ép đưa đi các đồn điền cách quê hương của họ đến 800 hải lý... (Thật không khác đưa thợ may đi làm mỏ). Họ bị dồn xuống một chiếc thuyền buồm nhỏ chỉ vừa chỗ cho 10 người và không có qua một phương tiện nào phòng lúc đắm thuyền. Họ bị đưa ngay xuống thuyền không kịp nhìn mặt vợ con nữa. Suốt hai năm ròng, những người công nhân khốn khổ ấy bị đầy đoạ trong các trại của công ty. Nhiều người bị đối xử tàn tệ. Nhiều người đã vì thế mà chết.

Các bạn hãy cộng thêm vào sự bóc lột vô nhân đạo ấy sự tồi tệ của bọn vô lương mà đế quốc Pháp giao cho cai trị các đảo đó, thì các bạn sẽ thấy tất cả cái tốt đẹp của chế độ bóc lột và áp bức đang đưa các nước bị chiếm làm thuộc địa ở Thái Bình Dương đến chỗ chết và diệt vong.

*

1) Những đảo ở châu Úc thuộc Pháp.

2) Những đảo ở Bắc châu Mỹ thuộc Pháp.

3) Những đảo ở châu Úc thuộc Pháp.

4) Nh÷ng ®¶o ë B¾c ch©u Mü thuéc Ph¸p.

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng. Chiến công đáng buồn của người Xênêgan là đã giúp bọn quân phiệt Pháp giết hại anh em của mình ở Cônggô, Xuđăng, Đahômê[1], Mađagátxca. Người Angiêri đã sang đánh Đông Dương. Người An Nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi, vân vân và vân vân. Trong cuộc đại chiến, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng. Vừa rồi, người ta đã đem lính người bản xứ bao vây lính Pháp ở miền Ruya, và phái lính pháo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công. Non một nửa quân đội Pháp là người bản xứ, ước chừng 300.000 người.

Ngoài việc dùng các thuộc địa về mặt quân sự như vậy, chủ nghĩa tư bản còn sử dụng các thuộc địa để bóc lột về mặt kinh tế bằng những cách thật tinh vi. Người ta thường thấy rằng những vùng nào ở Pháp và những nghề nào đó mà tiền công bị hạ xuống, thì trước đó thế nào cũng có việc tăng thêm nhân công thuộc địa. Người bản xứ đã được dùng để phá các cuộc bãi công. Hiện nay chủ nghĩa tư bản dùng một thuộc địa này làm công cụ để bóc lột một thuộc địa khác, đó là trường hợp Đông Dương và Thái Bình Dương.

*

Mặc dầu các nhà cầm quyền khua chiêng gõ trống để lừa gạt người ta, nhưng sự thật thì Đông Dương đã kiệt quệ rồi. Suốt trong những năm 1914-1918, người ta bắt gần mười vạn người An Nam (con số của nhà cầm quyền là 97.903 người) phải bỏ ruộng vườn để sang châu Âu. Mặc dầu thiếu người sản xuất, Đông Dương cũng đã buộc phải gửi đi 500.000 tấn ngũ cốc để góp phần bảo vệ những kẻ áp bức mình. Những công trái Chiến thắng đã bòn rút đi hàng trăm triệu phrăng. Mỗi năm, người An Nam đã phải đổ mồ hôi sôi nước mắt để nộp khoảng chừng 450.000.000 phrăng hầu hết chỉ để

1) Nay là nước Cộng hoà nhân dân Bênanh.

nuôi béo bọn ăn bám. Ngoài ra, họ lại còn phải gánh những khoản chi tiêu rất lớn về quân sự mà Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gọi một cách văn hoá là "khoản đảm phụ của dân con".

Chính ở cái xứ đã bị bóp nặn, gầy còm trơ cả xương ra này, bây giờ người ta lại còn sắp bòn rút đi hàng bao nhiêu triệu bạc và hàng bao nhiêu vạn người nữa (bắt đầu, người ta bắt đi 40.000 người) để thoả mãn túi tham không đáy của bọn chủ đồn điền và tham vọng cá nhân của một bầy chính khách vô liêm sỉ.

Làm đổi truỵ tất cả nòi giống An Nam bằng rượu và thuốc phiện, chưa đủ. Mỗi năm bắt đi hàng 4 vạn người "tình nguyện đầu quân" để đem lại vinh quang cho chủ nghĩa quân phiệt vẫn chưa đủ. Biến một dân tộc 20 triệu người thành một cái kho thuế lớn, cũng vẫn chưa đủ. Người ta còn sắp tặng thêm cho chúng tôi chế độ nô lệ nữa kia đấy.

*

Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vận mệnh của giai cấp vô sản Đông Dương và Thái Bình Dương, nó còn nguy cho cả vận mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nữa. Nhật Bản chỉ huy các trạm điện báo ở đảo Yáp. Mỹ chi tiêu hàng bao nhiêu triệu đôla để cải tiến các ổ súng đại bác trên các tàu chiến ở Thái Bình Dương. Anh sắp biến Xanhgapo thành một căn cứ hải quân. Pháp thấy cần phải thiết lập một hệ thống thuộc địa ở Thái Bình Dương.

Sau Hội nghị Oasinhtơn[44], việc tranh giành thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt hơn. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn; những cuộc xung đột chính trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi. Những cuộc chiến tranh đã từng nổ ra vì vấn đề Ấn Độ, châu Phi và Marốc. Những cuộc chiến tranh khác sẽ có thể nổ ra vì vấn đề Thái Bình Dương, nếu giai cấp vô sản không cảnh giác.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 18, ngày 19-3-1924.

GỬI ĐỒNG CHÍ PÊTƠRỐP, CHỦ TỊCH BAN PHƯƠNG ĐÔ[1]

Các đồng chí thân mến,

Tôi đã nhận được bức tối hậu thư của *Sở quản lý nhà* giục phải trả 40 rúp 35 côpếch về chỗ ở của tôi, không có thì tôi sẽ bị đưa ra toà.

Tôi phải cho đồng chí biết rằng:

1- Trong những tháng, tháng mười hai, tháng giêng và tháng hai tôi thuê phòng số 176, ở đây bao giờ cũng có 4 và 5 người thuê. Ban ngày thì tiếng ồn liên tục ngăn trở tôi làm việc. Ban đêm tôi bị rệp ăn thịt, không cho tôi nghỉ ngơi.

Vì vậy tôi không muốn trả 5 rúp về tiền thuê nhà để tỏ sự phản đối.

2- Từ tháng ba, tôi nhận một phòng nhỏ, rất nhỏ. Sở quản lý nhà buộc tôi gánh 13 rúp 74 cho tháng ba, và 11 rúp 61 cho những tháng sau.

So sánh không gian hẹp và trang bị nội thất quá đơn sơ với các phòng khác rộng hơn nhiều, tiện nghi hơn, có nhiều đèn, điện thoại, tủ, ghế bành dài, phòng tắm, v.v. và tiền thuê thoả đáng thì giá mà người ta muốn buộc cho tôi là hoàn toàn đáng công phẫn.

3- Vì vậy tôi xin đồng chí vui lòng làm một cuộc điều tra. Và sau cuộc điều tra đó, với mọi quyết định của mọi toà án, tôi tuân theo tinh thần của đồng chí về công bằng và bình đẳng.

Chào cộng sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Thư đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Thư này có thể là Nguyễn Ái Quốc viết tháng 3-1924.

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC PHÁP DÁM LÀM NHỮNG GÌ?

Những người Ấn Độ, vì chỉ phạm có mỗi một cái tội là đấu tranh giành độc lập cho đất nước của mình, đã bị cảnh sát của đức vua Anh truy nã. Một vài người trốn sang những nhượng địa Pháp ở Ấn Độ. Họ tính là sẽ được hưởng đạo luật cư trú. Nhưng nhà cầm quyền thực dân Pháp vừa trục xuất họ.

Không phải là lần đầu tiên đế quốc Pháp đồng loã với bọn đế quốc khác và có những hành động bỉ ổi như thế. Trong chiến tranh, khi những người da đen châu Phi đang hy sinh thân mình trên đất Pháp để bảo vệ "văn minh", "nhân đạo", thì Pháp thông đồng với Ý để cấm những người dân Tơripôli đang bị bọn kẻ cướp Ý lùng bắt, không cho trốn sang lãnh thổ Tuynidi. Việc đó xảy ra như sau:

Trong cuộc chiến tranh vì công lý, một hôm có chừng một nghìn người Tơripôli gồm người già, đàn ông, đàn bà, trẻ em, đuổi đàn mục súc gầy còm của họ cùng chạy sang lánh nạn ở Tuynidi. Tới biên giới, quân đội Pháp đã dùng súng liên thanh chặn đường họ. Những người lánh nạn đứng trước tình thế tiến thoái lưỡng nan thảm thiết này: để cho lính Pháp tàn sát hay lui vào sa mạc Xahara để rồi chết đói chết khát ở đó. Họ đành phải theo con đường thứ ba. Họ nằm cả xuống cát và chết dần chết mòn ở đó, trước mắt đội quân biên phòng của chúng ta.

Tấn thảm kịch đó, bà Clerơ Giêniô đã thuật lại trong báo

Universel như sau:

"Những sĩ quan của chúng ta dùng ống nhòm để theo dõi cái chết ngắc ngoải dần mòn của những con người sơ khai ấy, những con người mà các nước latinh đã đem những ân huệ của văn minh lại cho họ. Những trẻ thơ chết trước tiên, dưới bầu sữa đã cạn của mẹ chúng. Chẳng bao lâu những người đàn bà cũng gục xuống. Rồi đến lượt những người già lão, thân hình đã gầy rạc như những bộ xương, bị cát phủ kín. Sau thì cả đàn ông cũng chết nốt. Khi người ta tưởng rằng tất cả đoàn "người nổi loạn" đó đã chết cả rồi, thì bác sĩ Natan và bác sĩ Côngxây nhận thấy vài em gái bé hình như hãy còn động đậy bên cạnh những cái xác của cha mẹ chúng đã chết cứng. Đêm đến, hai bác sĩ đến gần các em, thì nhận thấy quả thật những em bé mặc quần áo sặc sỡ và đáng yêu đó, những ngày đầu vô tư lự vẫn còn nhảy nhót vui tươi, lúc đó chỉ còn thở thoi thóp. Sau khi giấu những em bé đó vào trong xe cứu thương, hai ông rất sung sướng đã cứu cho các em sống lại, và xúc cảm trước nỗi đau khổ côi cút và vẻ đáng yêu của các em, hai bác sĩ đã giữ những em gái nhỏ đó lại để giúp việc cho mình - đó là những kẻ sống sót duy nhất trong đoàn hơn một nghìn người dân Tơripôli".

Câu chuyện thê thảm kể lại đó không phải là của một nhà nữ cách mạng nào đâu.

Chủ nghĩa đế quốc Pháp quả là không hề ngần ngại nhúng tay vào những tội ác bỉ ổi nhất.

NGUYỄN ÁI QUỐC
(Đông Dương)

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 20, ngày 2-4-1924.

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các đồng chí,

Những thuộc địa của Pháp nói chung và Đông Dương nói riêng ít được biết đến trong giới vô sản và cộng sản. Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp rất ít được thông tin về những gì xảy ra ở những thuộc địa đó. Cục thông tin của đảng cần phải được thành lập. Còn như ở đây, chúng tôi tuyệt đối không có gì.

Nếu chúng ta muốn hoạt động một cách có ích về vấn đề thuộc địa thì nhất thiết phải bắt liên lạc với các thuộc địa đó.

Về phần Đông Dương, từ lúc tôi tới Mátxcơva đã có quyết định rằng sau 3 tháng lưu lại ở đây, tôi sẽ đi Trung Quốc để tìm cách liên lạc với đất nước tôi. Bây giờ đã là *tháng thứ chín* tôi lưu lại và *tháng thứ sáu* tôi chờ đợi, vậy mà việc lên đường của tôi chưa được quyết định.

Tôi nghĩ là không cần thiết phải nói ở đây về những phong trào cách mạng và dân tộc chủ nghĩa, trước kia hoặc gần đây; về sự tồn tại hoặc không tồn tại của các tổ chức công nhân, của những hoạt động khuấy phá của các hội bí mật và các hội thảo, vì tôi không có ý định đệ trình với các đồng chí một luận cương, và chỉ muốn nêu cho thấy sự cần thiết đối với chúng tôi là phải nghiên cứu ***TẤT CẢ*** một cách chính xác, và phải tạo ra cái gì đó nếu chưa có gì.

Vậy chuyến đi sẽ là một chuyến đi để khảo sát và nghiên cứu.

Tôi sẽ phải cố gắng:

A- Thiết lập những quan hệ giữa Đông Dương và Quốc tế Cộng sản.

B- Thông báo cho Quốc tế Cộng sản về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của thuộc địa này.

C- Tiếp xúc với các tổ chức đang tồn tại ở đó, và

D- Tổ chức một cơ sở thông tin và tuyên truyền.

Tôi hành động thế nào để hoàn thành nhiệm vụ này? Trước hết tôi phải đi Trung Quốc. Tiếp đó hướng sự hoạt động theo những khả năng sẽ xuất hiện.

Số tiền cần thiết cho sự ăn ở của tôi sẽ là bao nhiêu? - Hẳn là tôi sẽ phải đổi chỗ luôn, duy trì những mối liên hệ với các giới khác nhau, trả tiền thư tín, mua những ấn phẩm nói về Đông Dương, tiền ăn và tiền trọ, v.v., v.v.. Tôi tính rằng, sau khi tham khảo ý kiến các đồng chí người Trung Quốc phải có một ngân sách xấp xỉ 100 đôla Mỹ mỗi tháng, không kể hành trình Nga - Trung Quốc (vì tôi không biết giá vé).

Tôi hy vọng rằng những điều trên sẽ có thể dùng làm cơ sở để các đồng chí thảo luận về việc cử tôi đi Viễn Đông.

NGUYỄN

11-4-1924
Thư đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu lại Viện Hồ Chí Minh.

NÔNG DÂN BẮC PHI

Trong số các dân tộc sống ở Bắc Phi, chỉ người Bécbe biết đến nguyên tắc tư hữu nhưng họ chỉ là thiểu số chiếm khoảng một phần ba số dân Angiêri và khoảng ba phần 14 đất đai có thể canh tác được ở thuộc địa này.

Quan hệ ruộng đất của người Tuynidi, người Arập Angiêri và người Marốc nói chung dựa trên cơ sở chủ nghĩa cộng sản nguyên thuỷ: Theo kinh thánh đạo Ixlam, ruộng đất thuộc về Trời, và con người chỉ có quyền sử dụng những gì mà anh ta có thể lấy từ đó bằng lao động của mình. Như vậy, ruộng đất là sở hữu của công xã và không bị trưng thu. Mỗi người đều được nhận một mảnh đất và được sử dụng toàn bộ sản phẩm của mảnh đất đó. Nhưng anh ta không được mua ruộng của người khác. Không được bán đất của mình. Người giữ ruộng đất đó chết đi thì ruộng đất lại trở thành sở hữu của công xã. Phương thức sở hữu tập thể đó được gọi là "ácsơ" ở Angiêri, "habu" ở Tuynidi và Marốc.

Chế độ thuộc địa của Pháp đã phá vỡ tính tập thể của dân bản xứ và thay vào đó bằng sự cướp đoạt trắng trợn.

Tiếp theo bạo lực và tàn phá thường mở đầu cuộc xâm lược, những người nông dân Bắc Phi bắt đầu thấy mình bị những kẻ du đãng, phiêu lưu và cho vay nặng lãi, tóm lại, là toàn bộ cặn bã của chính quốc tiến công. Bọn thực dân, rốt cuộc là kẻ chiến thắng và những người dân bản xứ phải ngoan ngoãn phục tùng chúng và nhường đất cho chúng.

Năm 1848, Angiêri lần đầu tiên chịu sức ép của cuộc tiến công kiểu ấy của những kẻ đi khai hoá. Đó là 13.500 kẻ khốn cùng đã đe doạ thành phố Pari và những người mà các xưởng máy thủ đô không chứa nổi. Ngoài chi phí đi đường và nơi cư trú không mất tiền, họ còn được nhận gia súc, tiền ứng trước, hạt giống, công cụ lao động và từ 4 đến 12 hécta đất lấy của những người nông dân Angiêri.

Sau năm 1870, những người Andátxơ di cư cũng đóng vai trò thực dân đó. Tất nhiên, họ đáng được trọng thị hơn những người đầu tiên, nhưng họ cũng không kém nguy hiểm hơn đối với nông dân bản xứ, vì toàn bộ ruộng đất mà họ được chia là lấy của nông dân địa phương. Tiếp theo đó, ngày càng nhiều bọn thực dân tham lam, lên đường đi tìm hạnh phúc trên sự phá sản của những người Arập.

Dân thuộc địa bị phá sản bằng nhiều cách: do "luật pháp" hành chính của Chính phủ bảo hộ, do những hành động cá nhân của bọn địa chủ và hoạt động của những nhóm người bản xứ đã trở thành chỗ dựa của chế độ thuộc địa.

Chỉ riêng ở Angiêri và Tuynidi, chế độ thuộc địa chính thức đã lấy cắp của nông dân bản xứ khoảng: 1 triệu 600 nghìn hécta đất nguyên của nông dân sử dụng, 2 triệu 700 nghìn hécta rừng công, 800 nghìn hécta đất công.

Nước Marốc mới bị chia cắt không lâu, đã bị cướp 545 nghìn hécta ruộng đất.

Sự cướp đoạt những người bản xứ diễn ra nhanh đến chóng mặt và với những quy mô khủng khiếp.

Năm 1870, 500 nghìn hécta đất của dân thuộc địa bị tịch thu cùng một lúc. Từ năm 1895 đến 1910, 192 nghìn hécta đất của Angiêri chuyển sang tay người Pháp. Từ 1919 đến 1923, chế độ thuộc địa đã chiếm của dân Marốc 72.700 hécta.

Để chiếm đất, chế độ thuộc địa Pháp lúc thì sử dụng mánh khoé, lúc thì dùng vũ lực. Người Bécbe và người Arập Angiêri bị dồn tới

rừng núi và triền đồi. Và lãnh thổ được tước đoạt kiểu ấy khỏi những người chủ hợp pháp, rơi vào tay những tên thực dân châu Âu.

Đối với người Tuynidi, người ta thường sử dụng những mánh khoé kiểu như sau: 25 khu ruộng của người Tuynidi làm thành một habu tập thể. Những người nông dân canh tác đất đai ấy được hưởng một phần mùa màng, phần khác dành cho phúc lợi xã hội, giáo dục, xây nhà, phương tiện thông tin và những xí nghiệp có ý nghĩa tập thể khác nhau.

Habu tập thể không thể được sử dụng cho cá nhân, nhưng có thể được chuyển từ một xí nghiệp tập thể sang xí nghiệp khác, vì đó là do lợi ích công cộng. Về sau Phủ toàn quyền cứ lấy cớ dùng cho lợi ích công cộng mỗi khi cần lấy đất của người bản xứ cho bọn chủ đồn điền. Một thí dụ: một nhà báo và chủ đồn điền, khi thấy người dân bản xứ từ chối bán đất cho hắn, mà hắn lại muốn mua cho mình, liền đến nhờ bạn - là viên công sứ tỉnh ấy. Tên này liền ra ngay một sắc lệnh trưng thu đất ấy cho lợi ích công cộng, đuổi người dân bản xứ ra khỏi mảnh đất ấy và chuyển cho người bạn của mình.

Chế độ thuộc địa ấy đem lại lợi ích gì cho những người nông dân nghèo Pháp? Không! Chỉ có những tên chính khách bẩn thỉu, những bọn con buôn tham lam và tư bản lớn được lợi mà thôi.

Những công ty đồn điền lớn chiếm những khu đất đai mênh mông, không phải nhằm làm cho nó sản sinh, mà chỉ với mục tiêu đầu cơ. Ngày lại ngày, chúng làm cho dân bản xứ phá sản, nuốt tươi những tên thực dân nhỏ và đánh lừa ngay cả Chính phủ. Thí dụ: Công ty Giơnevơ chiếm hơn 20.000 hécta; công ty Habra và Máctơ: 24.000 hécta; công ty Pháp - Angiêri: 90.000 hécta; công ty toàn Angiêri: 10.000 hécta; công ty Mácxây: 100.000 hécta.

Ở Tuynidi, 55 chủ đồn điền Pháp chiếm 355.000 hécta đất, 30 chủ đồn điền khác chiếm 160.000 hécta rừng.

Công ty thương mại điền địa chiếm phần lớn đất miền Cadablanca, Rabát và Madagan. Tiếp theo là Tổng công ty Pháp ở

Marốc. Công ty này mua của dân bản xứ mỗi hécta giá từ 20 đến 30 phrăng và sau một thời gian ngắn bán lại với giá 1.000 và 1.200 phrăng trong một vài tháng lãi tới 858.000 phrăng mà lúc đầu số vốn là 1 triệu và mới chỉ sử dụng một phần tư số vốn đó.

Một nghị sĩ Quốc hội Pháp được nhượng mỏ quặng sắt ở Khamri. Ông ta bán lại cho một công ty để khai thác với giá 10 triệu phrăng. Những người nông dân bản xứ có đất đai thuộc khu mỏ ấy, chỉ được lĩnh 112,5 phrăng một năm tiền cho thuê đất.

Một luật sư Pháp giao cho nhân viên của mình mua đất để làm tài sản riêng với giá 20 phrăng. Đất ấy nằm giữa habu công cộng. Biết rằng đất đai ở đó không có ranh giới rõ rệt, người phục vụ pháp luật của chúng gây ra những chuyện khó khăn và lôi cuốn những người nông dân vào quá trình kiện tụng rất tốn kém về phân định ranh giới. Đắt đến nỗi những người nông dân nghèo cuối cùng phải bán lại đất của mình vì việc kiện tụng đã làm tốn 11.000 phrăng. Ông luật sư với sự giúp đỡ của hai mươi phrăng và một chút giả dối, trở thành người chủ cả một làng, và những người nông dân còn cảm thấy hạnh phúc, vì không bị đuổi khỏi mảnh đất ấy và được để lại làm việc với tư cách là người nô lệ.

Những trường hợp tương tự như vậy thường thấy ở các thuộc địa và chúng tôi còn có thể đưa ra nhiều thí dụ nữa, không kém phần bê bối.

Những tên địa chủ biết rõ là, dân bản xứ luôn luôn lo sợ bị trưng thu. Vì vậy, khi nào họ muốn chiếm đất, họ sử dụng luật về trưng thu như một con ngoáo ộp. Dân bản xứ tất nhiên muốn bán đất của mình với giá rẻ mạt, còn hơn là để cho chính quyền hành chính bỗng chốc làm mình phá sản.

Bọn địa chủ thỉnh thoảng dùng "các điểm chiến lược". Chúng đặt tay vào những nơi có thể xây dựng các công trình Nhà nước: nhà ga, đường sá, kho tàng và chợ. Khi chính quyền muốn xây dựng một trong những công trình ấy, nó phải trả toàn bằng vàng, vì nó có thể trưng thu và đuổi dân bản xứ, nhưng không dám sờ

đến sở hữu của bọn thực dân.

Và như vậy, bọn đầu cơ vơ vét cả hai tay.

Tình cảnh nông dân các thuộc địa đó như thế nào? Thật là khủng khiếp. Khó có thể nói được rằng ai trong số họ: người An Nam ở Đông Dương, người da đen ở Cônggô hay là Xênêgan, hay là người bản xứ ở Bắc Phi - bị bóc lột nhiều hơn.

Giữa những người ấy có một cái chung:

1- Tất cả họ bị dồn đến tình cảnh con vật thồ.

2- Họ không chỉ bị những kẻ chiến thắng bóc lột, mà còn bị những người bản xứ bóc lột nữa: những kẻ chơi trội, những tên kẻ cướp mà nếu thiếu những kẻ này thì không thể có sự đô hộ nào của nước ngoài.

Các viên chức, quan lại, bọn tư sản mới và bọn người bản xứ cho vay nặng lãi kết thúc công việc ăn cướp của bọn người da trắng, và nông dân nếu thoát được ách bọn này thì lại rơi vào tay bọn khác.

Bị đuổi khỏi những đồng ruộng được tưới nước trù phú, sống chen chúc ở những đồng bằng chật chội và những vùng rừng núi xơ xác, nông dân những thuộc địa đó sống trong cảnh khốn cùng ghê gớm. Những người nào trong số họ còn lại một mẩu đất con nào thì cũng nhanh chóng bị tước đoạt lâu dài. Tỷ suất cho vay bằng tiền cũng như bằng hiện vật có tính ăn cướp không thể tưởng tượng được: từ 20 đến 200% (người châu Âu cho vay lấy lãi 20%, người Do Thái 35%, người Kabin 75%, người Môdabít 80% và ở nơi hẻo lánh tới 200%). Kiểu ăn cướp đó gọi là ranhia. Do tỷ suất lãi quá cao, người nông dân không bao giờ trả xong nợ. Lúc đó, người cho vay lãi đến chiếm ruộng và trở thành camétxát, còn người chủ cũ thành camét. Camét tiếp tục cày cấy mảnh đất của mình, nhưng phải nộp người chủ mới bốn phần năm mùa màng.

Tệ cướp bóc thuộc địa làm tất cả mọi thứ để làm cho người nông dân không thể sống nổi. Lấy cớ lập tín dụng nông nghiệp, thật

sự chỉ phục vụ bọn giàu có, bụng phệ, chính quyền lại còn đặt thêm mức phụ thu 10% đối với người vay tiền, riêng không có khoản đó mức vay lãi đã quá nặng. Rừng là sở hữu của Nhà nước và những người đốn củi bị dồn vào cảnh chết đói. Những người chăn nuôi không có đồng cỏ, buộc phải bán gia súc đi và hoàn toàn phá sản. Việc chăn nuôi bị đánh thuế, mỗi đầu con vật chăn nuôi của người dân bản xứ phải nộp thuế nửa phrăng đến một phrăng Pháp.

Những người dân miền núi, bị các dinh cơ Nhà nước vây quanh, mà ranh giới thì rất tuỳ tiện, sống nghẹt thở. Nếu trong rừng trẻ con đi trên đường sắt hoặc con cừu chạy qua ranh giới là lập tức bị lôi thôi và bị nộp phạt. Năm 1909, ở Angiêri có 28.527 vụ phạt xâm phạm rừng, trong đó có 13.451 vụ lấy cỏ và 7.098 vụ lấy gỗ. Năm 1910, người Angiêri nộp 540.000 phrăng tiền phạt vì những việc đó.

Chưa hết. Người nông dân Bắc Phi còn phải đi canh gác rừng

cho chủ đồn điền, diệt châu chấu trên đồng ruộng của người châu Âu, khuân vác không công cho bọn quan lại, công chức, làm nghĩa vụ cảnh sát để bảo vệ những bất động sản của bọn bóc lột và áp bức.

Bị tệ cho vay nặng lãi đè nén; bị những tệ nạn xã hội làm kiệt sức: năm 1907, ở thành phố Cadablanca chỉ có sáu quán rượu, năm 1913 có 161 quán rượu, nhà cải tạo, bệnh giang mai, bệnh ho lao cũng phát triển như thế; bị kiệt quệ vì nạn khổ sai liên miên; bị nạn đói thường xuyên làm mất sức, các bạn Bắc Phi đang ở trên con đường ngắc ngoải. Nạn tử vong cao là một bằng chứng. Người Bắc Phi sẽ biến khỏi mặt đất, nếu giai cấp vô sản giác ngộ không đến cứu họ khỏi nền "văn minh" quái vật.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Quốc tế nông dân,*
tiếng Nga, số 3 và 4 năm 1924.

SỰ PHÁ SẢN CỦA CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

Việc thay đổi mới đây của chính phủ Poăngcarê đã không khỏi có những vang dội sang các thuộc địa. Nước Pháp luôn luôn tự cho mình là một cường quốc thực dân *số một biết cách thực dân*. Ngay cả ông Anbe Xarô cũng vậy, ông ta luôn luôn khoe mình là người Pháp *số một* biết cách khai thác thuộc địa. Để làm công việc khai thác ấy, ông ta đòi phải có 4 tỷ phrăng. Để tìm cho ra món tiền ấy, ông ta đã viết một cuốn sách dày những 674 trang. Ấy thế mà vị bộ trưởng vĩ đại ấy lại vừa bị đuổi ra khỏi đảng của ông ta vì ông ta đã bỏ phiếu cho quan thầy là Poăngcarê. Rồi cái ông Poăngcarê bạc bẽo này cũng lại vừa mới đuổi vị bộ trưởng vĩ đại ấy ra khỏi chính phủ nốt. Thế là vị bộ trưởng vĩ đại ấy bị cách tuột hết cả, chẳng được một tý nào, cũng chẳng khai thác được thuộc địa nào của ông ta. Thay thế ông ta là một anh lính, xin lỗi, một "đại tá không tên tuổi". Việc cách chức này một lần nữa lại chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng chế độ thực dân Pháp đã phá sản.

Trong khi chờ đợi một cái gì tốt đẹp hơn, dân Pháp mỗi năm phải nộp hơn 237.000.000 phrăng (ngân sách năm 1923) cho Bộ Thuộc địa của họ, hơn 1.172.186.000 cho các đội quân thuộc địa và những khoản chi phí ở Marốc, tổng cộng là 1.409.186.000 phrăng.

Thế là mỗi người Pháp - bất luận giàu hay nghèo, già hay trẻ, nam hay nữ - đều bị bắt buộc mỗi năm phải đóng hơn 36 phrăng

cho cái quỹ "Sứ mệnh khai hoá". Để làm lợi cho ai? Cố nhiên không phải là để làm lợi cho người đóng thuế và càng không phải là làm lợi cho nước Pháp. Lát nữa, chúng tôi xin chứng minh điều đó.

Thí dụ, năm 1922, tổng giá trị thương nghiệp của các thuộc địa Pháp là 4.358.105.000 phrăng, trong đó:

2.104.458.000 về nhập khẩu và
2.253.646.636 về xuất khẩu.

Trong tổng số đó, doanh số giữa nước Pháp và các thuộc địa của nó chỉ có 1.585.000.000 phrăng, còn doanh số giữa các thuộc địa với nước ngoài lại lên tới 2.666.739.000 phrăng.

Những con số về Đông Dương lại còn hùng hồn hơn nữa.

Trong số 5.484 chiếc tàu đăng ký ở các cảng Đông Dương và đã chở vào 7.152.910 tấn hàng, chỉ có 779 tàu Pháp với 1.464.852 tấn so với 787 tàu Anh với 1.575.079 tấn!

Năm 1921, trong tổng giá trị hàng nhập khẩu là 807.729.362

phrăng, nước Pháp chỉ chiếm có 247.602.029 phrăng.

Cả nước Pháp và các thuộc địa khác của nó chỉ xuất khẩu có 169.147.115 phrăng trong tổng giá trị hàng xuất khẩu là 1.284.003.885 phrăng.

Phải chăng là làm lợi cho dân bản xứ? Sau đây các bạn sẽ biết.

Năm 1923, Đông Dương xuất khẩu:

1.439.995	tấn gạo
622.035	tấn than đá
65.413	tấn xi măng
61.917	tấn ngô
312.467	tạ cá
27.690	tấn kẽm
19.565	gia súc
7.927	tấn đường
6.860	tấn dừa
46.229	tấn cao su
7.150	tấn cây có chất nhuộm
3.617	tấn bông
30.760	tạ hạt tiêu
21.492	tạ đỗ
2.609	tấn da
12.798	tạ mây
12.319	tạ sơn
8.499	tạ cà phê
6.084	tạ chè
480.833	kg quế
117.241	kg dầu hồi
17.943	kg tơ lụa

Vậy mà, các bạn có biết phần của người bản xứ trong việc buôn bán khổng lồ về sản phẩm do đất đai và lao động của họ sản xuất ra là bao nhiêu không ? Phần của dân bản xứ vẻn vẹn có *542 thuyền buồm trọng tải 12.231 tấn mà thôi*!

Sau cái nhìn bao quát trên, chúng ta có thể kết luận rằng chế độ thực dân Pháp chỉ làm lợi cho một bọn đầu cơ, cho những tên chính khách bất lương và vô tài ở chính quốc, cho bọn buôn rượu và thuốc phiện, cho lũ con buôn vô liêm sỉ và bọn lý tài xấu xa.

Bạn muốn có thêm bằng chứng ư? Nhà Ngân hàng Đông Dương:

Năm 1876 chỉ có 24 triệu phrăng vốn kinh doanh, thế mà 1885 đã có 145 triệu phrăng vốn kinh doanh.

1895 - 222 triệu phrăng

1905 - 906 triệu phrăng

1917 - 2. 005 triệu phrăng

1921 - 6.718 triệu phrăng

Còn tiền lãi của nó thì đã từ 126.000 phrăng năm 1876 lên tới 22.854.000 phrăng năm 1921!

Những món lãi ấy chui vào túi ai?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr*, tiếng Pháp,
số 26, ngày 14-5-1924.

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ PÊTƠRỐP, TỔNG THƯ KÝ BAN PHƯƠNG ĐÔNG

ĐỀ NGHỊ:

Đồng chí thân mến,

Hôm qua, trong khi dự cuộc mít tinh của sinh viên Trường đại học cộng sản phương Đông[45], một ý kiến mà tôi đã ngẫm nghĩ từ lâu, lại nảy ra trong đầu óc tôi. Tôi tự thấy có trách nhiệm phải trình bày với đồng chí.

1) Đồng chí đã hiểu rõ nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là SỰ BIỆT LẬP. Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ THIẾU SỰ TIN CẬY LẪN NHAU, SỰ PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG VÀ SỰ CỔ VŨ LẪN NHAU.

Sẽ rất có ích cho người An Nam biết bao, nếu họ được biết những người anh em Ấn Độ của họ tự tổ chức như thế nào để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Anh, hoặc biết công nhân Nhật Bản đoàn kết nhau lại như thế nào để chống lại ách bóc lột của chủ nghĩa tư bản, hoặc biết người Ai Cập đã phải hy sinh cao cả như thế nào để đòi lại quyền tự do của mình? Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền.

2) Các chiến sĩ người bản xứ đều bị giám sát và truy nã rất ráo riết tại chính nước họ. Nhưng ở một nước láng giềng họ có thể hoạt động dễ dàng hơn, vì có ít người biết họ. Sẽ rất thuận lợi, nếu Quốc tế có thể cử những đồng chí người Trung Quốc chẳng hạn, sang Đông Dương, những đồng chí Thổ Nhĩ Kỳ sang Ấn Độ và cứ như thế. Nhưng muốn làm tròn những sứ mạng ấy, những chiến sĩ đó phải hiểu biết tình hình toàn châu Á và phải có một mối quan hệ mật thiết giữa các chiến sĩ của các nước khác nhau. Vậy mà hiện nay chưa có sự hiểu biết ấy và mối quan hệ đó. Trong những điều kiện như vậy mọi sự tương trợ, mọi sự đoàn kết không thể có được.

3) Trường đại học phương Đông hiện nay đang dung nạp 62 dân tộc phương Đông. Con số này sẽ ngày càng tăng thêm tùy theo sự hoạt động và công tác tuyên truyền của Quốc tế mỗi ngày một mở rộng. Trường đại học này là một cái lò đào tạo những cán bộ tuyên truyền đầu tiên cho các nước phương Đông. Nó cũng phải là cơ sở trên đó sẽ được thiết lập một LIÊN BANG CỘNG SẢN PHƯƠNG ĐÔNG. Để cho công tác được dễ dàng, chúng ta đã lập nhóm Latinh, nhóm Ăngglô Xắcxông, v.v., vậy vì lẽ gì chúng ta lại không lập nhóm châu Á.

Vậy tôi đề nghị là trước ngày các sinh viên tốt nghiệp lên đường và trước cuộc Đại hội thế giới, một TIỂU BAN PHƯƠNG ĐÔNG sẽ được các đồng chí triệu tập để chuẩn bị việc thành lập NHÓM CHÂU Á đó.

Với lòng mong mỏi đồng chí sẽ tán thành khi xem xét đề nghị của tôi, tôi xin gửi đến đồng chí thân mến lời chào cộng sản thân ái.

NGUYỄN ÁI QUỐC
thuộc Đông Dương

Thư đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

ĐOÀN KẾT GIAI CẤP

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân hàng hải đăng bạ[1)] nổ ra ở Braxin. Một chiếc tàu vừa cặp bến Riô Đê Hanâyrô. Thuỷ thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham gia đình công, Hôxê Lêandrô Đa Xinva, muốn lên tàu báo tin cho các thuỷ thủ biết. Trên bến, Hôxê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại.

- Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi, chứ sao không, Hôxê nói với tay đại diện trật tự chính quyền.

- Không nói năng lằng nhằng! Xéo! Tên này cự lại.

Hôxê cố nài.

Tên cảnh sát chẳng thèm trả lời nữa, rút súng lục ra bắn. Hôxê nhanh nhẹn tránh kịp, và, lẹ như chớp, anh túm lấy thằng đội, quẳng nó xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đổ xô đến đánh Hôxê. Anh chống cự lại. Sẵn con dao đi biển, anh đâm chết mấy tên và làm bị thương nhiều tên khác. Cuối cùng anh không chịu nổi số đông, ngã xuống, coi như chết, với 18 viên đạn trong mình.

Tuy vậy anh vẫn còn đủ sức để lẩm nhẩm bài *Quốc tế ca* khi

1) Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo luật hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ Nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức.

được khiêng đến nhà thương. Rồi sau chúng lôi anh ra toà. *Anh bị kết án 30 năm khổ sai.*

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một Uỷ ban bảo vệ. Một mặt, họ mướn nhiều trạng sư cãi cho bạn; mặt khác, họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Một chiến dịch vận động đấu tranh ủng hộ Hôxê được tiến hành mạnh mẽ suốt ba năm. Dư luận quần chúng công phẫn đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại.

Ngày mồng 8 tháng 2, Hôxê ra toà xử lại án. Một vạn rưỡi công nhân dự phiên toà kéo dài suốt đêm. Bọn chủ không chịu nhả mồi ra, và biện lý phải mất 5 tiếng đồng hồ mới đọc xong bản cáo trạng dài.

Đồng chí Paolô Đê Laxécda và các bạn đồng nghiệp đã hùng biện bác bỏ một cách thắng lợi mọi lý lẽ của biện lý.

Phiên toà đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc.

Toà xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hôxê, anh chiến sĩ bãi công da đen ngả mình trong cánh tay các đồng chí và các người bảo vệ anh, những đại biểu của công nhân da trắng.

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

PHỤ NỮ PHƯƠNG ĐÔNG

Phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ tham gia bảo vệ đất nước chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc phương Tây.

Phụ nữ Ấn Độ vùng lên chống sự đô hộ của Anh. Phụ nữ Trung Quốc tham gia cuộc cách mạng năm 1912. Phụ nữ Triều Tiên đã và đang đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc. Phụ nữ Nhật Bản đã buộc Chính phủ phải huỷ bỏ đạo luật cấm phụ nữ tham gia đời sống chính trị và v.v..

Trong đời sống kinh tế những "bông hồng" của phương Đông bắt đầu tỏ cho chủ nghĩa tư bản thấy ở họ có những chiếc gai nhọn. Những cuộc bãi công của nữ công nhân ở các nhà máy và xưởng dệt lụa không còn là hiện tượng hiếm nữa.

Trong các tổ chức công đoàn Nhật Bản, phụ nữ chiếm một tỷ lệ đáng kể. Đoàn Thanh niên cộng sản Trung Quốc mới thành lập được ba năm đã có trong hàng ngũ của mình hơn 150 nữ công nhân và nữ sinh viên.

Từ khi đồng chí Lênin mất, các tổ chức chính trị, văn hoá và các tổ chức khác của học sinh các nước phương Đông tổ chức nhiều cuộc mít tinh và hội họp.

Dưới đây là lời kêu gọi của một nữ sinh viên đăng trên *Báo Phụ nữ* ở Thượng Hải (Trung Quốc):

"Hỡi các chị em!

Từ khi có chủ nghĩa tư bản, toàn bộ cơ thể xã hội đều bị ảnh hưởng tai hại của nó. Các vật phẩm do tất cả mọi người sản xuất

ra, đáng lẽ phải thuộc về tất cả mọi người thì lại thuộc đặc quyền của một vài người! Ách áp bức kinh tế đã nô dịch con người, cũng ách áp bức ấy đã biến phụ nữ thành những đồ vật tuỳ thuộc quyền sử dụng của nam giới!

Từ bao thế kỷ nay, bao nhiêu triệu con người đã bị xiềng xích như thế ? Bao nhiêu triệu đàn bà đã bị hy sinh?

Trong lúc cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra ác liệt, trong lúc hàng triệu người không làm hại đến ai, đang muốn sống, nhưng lại bị đưa vào chỗ chết, Lênin đã đạp bằng gian khổ và khó khăn, đã thức tỉnh giai cấp vô sản Nga nổi dậy, đã tổ chức các xôviết.

Lênin không những chỉ giải phóng nam giới và nữ giới trên đất nước Tiên sinh, mà còn chỉ đường cho tất cả những người nghèo khổ trên thế giới. Và bất chấp bọn bạch vệ tấn công ở bên trong, bọn tư bản bao vây ở bên ngoài, ý chí kiên cường của Lênin đã cứu đồng bào của Tiên sinh ra khỏi cảnh đau khổ và lầm than, và đã nêu cao ngọn cờ của Quốc tế cho tất cả những người bị áp bức.

Điều đó há chẳng đáng để ta kính cẩn mặc niệm trước anh linh vĩ đại của Tiên sinh hay sao ?

Ngày 21 tháng 1 há chẳng mãi mãi là một ngày tang cho tất cả những nam nữ đang chịu khổ cực hay sao?

Nước Nga đang đến phồn vinh. Nhưng muốn có được một nền hoà bình thực sự thì còn phải tiến lên hơn nữa và còn phải làm nhiều việc nữa. Loài người đang thức tỉnh, nhưng muốn tự giải phóng hoàn toàn thì còn phải đấu [1])".

Lời kêu gọi trên đây nói lên rằng đã có một bước ngoặt lớn ở các nước phương Đông từ khi ngọn cờ đỏ in hình búa liềm tung bay trên nước Nga sa hoàng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Rabótnhitxa*, tiếng Nga, số 9,
tháng 5-1924.

1) Lời kêu gọi này có đối chiếu với bản tiếng Pháp.

NHỮNG CÁI TỐT ĐẸP CỦA NỀN VĂN MINH PHÁP

Trong cuộc thảo luận về vấn đề đại diện của dân bản xứ các thuộc địa tại Quốc hội Pháp, ông Pôn Tápponniê đã phát biểu ý kiến ở Hạ nghị viện như sau:

"Nước Pháp vốn hào hiệp và đức khoan nhân của nước Pháp được biểu hiện trong mọi trường hợp. *Không có gì có thể sánh tầy nền văn minh Pháp*" . Chúng tôi thành thật cảm ơn ông nghị ấy đã cho chúng tôi dịp tốt kể ra đây một số đức tính bất hủ của nước Pháp - ngoài cái đức tính rất cương quyết khai hoá dân bản xứ bằng đại bác và lưỡi lê.

Lễ độ. - Khuôn phép thực dân muốn rằng bất cứ người dân bản xứ nào - dù địa vị, tuổi tác ra sao, dù nam hay nữ - đều phải cúi đầu kính cẩn chào người Âu. Người ta từng thấy ở Đông Dương, ở Mađagátxca những người dân bản xứ bị ngược đãi, đánh đập và bị bỏ tù, chỉ vì ĐÃ QUÊN TỎ DẤU TÔN KÍNH ĐÓ TRƯỚC ĐỨC UY NGHIÊM CỦA CÁC VỊ ĐI KHAI HOÁ. Mới đây thôi, một vị quan cai trị ở Métgiana (Angiêri) đã ra lệnh bắt những người dân bản xứ trong vùng cai trị của mình, vì mải làm không trông thấy quan lớn đi dạo chơi qua, nên đã dám không chào ngài.

Rộng lượng. - Ở Đông Dương, thường nhân dịp đi chơi của một ông Giốpphơ hay sinh nhật một ông Clêmăngxô chẳng hạn, hoặc khánh thành một đài "liệt sĩ chết vì Tổ quốc" hoặc tiếp đón

một phái viên của nền cộng hoà, thì các quan cai trị đều có mở "lạc quyên". Các quan đã dùng cách như sau: Quan lớn cai trị cứ việc dựa theo dân số và thuế bạ của tỉnh mà quy định số tiền cần thiết cho cuộc lễ, nhân số tiền đó lên gấp 3, gấp 4 hay gấp 5, định ngày nộp, rồi đòi các kỳ hào hương lý đến và nói với họ: "Quan lớn cần tiền, đây là số tiền quan lớn muốn có, đây là kỳ hạn quan lớn định cho các người để nộp cho quan lớn. Hãy liệu lấy đấy. Nếu không thì...". Để khỏi ngồi tù, các kỳ hào hương lý cứ việc mà "liệu". Số tiền bị nhân lên của cuộc lạc quyên ép buộc thì dùng để "tỏ lòng tôn kính các bậc đại nhân", còn số thành của bài tính nhân thì chui vào túi của quan lớn cai trị. Nông dân cứ è cổ đóng các thứ phụ thu luôn luôn như thế.

Lòng hào hiệp. - Tiếp theo châm ngôn "Đã có nước Đức trả" là câu châm ngôn "Đã có các thuộc địa trả". Nước mẹ đòi hỏi các thuộc địa phải đưa *tất cả* sức lực của mình, *tất cả* khả năng của mình, *tất cả* ý chí của mình, *tất cả* tài nguyên của mình để giúp vào việc phục hưng kinh tế của nước mẹ, trong khi đó thì nước mẹ lại

vừa cấm xuất khẩu pôtát của Andátxơ sang thuộc địa, *để hoàn toàn dành riêng sản phẩm đó cho nông nghiệp Pháp.*

Bình đẳng. - Các công dân Pháp phải làm quân dịch mười tám tháng; dân bản xứ các thuộc địa thì buộc phải phục vụ ba, bốn năm dưới ngọn cờ mà... mà... mà rốt cuộc người ta đã nhân danh nó để nhập vào nước họ rượu cồn, thuốc phiện, chế độ lao dịch, chế độ bốc vác nặng nề, chế độ dân bản xứ và sự cướp đoạt. Trong lúc người bản xứ bị tù đày vì những duyên cớ vu vơ, thì bọn thực dân và bọn quan cai trị phạm tội giết người, hối lộ, mua bán chức tước, ăn cắp, vẫn nhẹ bước thang mây. Tôi không nói đến ngài Đáclơ, uỷ viên Hội đồng quốc gia tư vấn Nam Kỳ, hay ngài Bôđoanh, toàn quyền Đông Dương; chuyện của các vị ấy đã qua ba năm nay rồi. Tôi muốn nói đến hai viên chức ở Angiêri hồi tháng 4 vừa rồi, đã bị tố cáo công khai về tội dùng giấy tờ giả mạo, về tội thụt tiền công quỹ cùng các tội nặng khác, nhưng lại được *tha bổng*. Tôi cũng

muốn nói đến mấy vị uỷ viên Hội đồng tư vấn người Âu cũng ở xứ thuộc địa đó, phạm tội giết người hay quả tang đồng lõa giết một dân bản xứ, mà vẫn *không bị người ta đụng gì đến*.

Tự do. - Một ngạn ngữ Gôloa nói rằng "Lao động là tự do". Vậy nên dân bản xứ buộc phải làm lao động khổ sai. Mới đây Thượng nghị viện Pháp lại đã trịnh trọng thông qua bản tường trình của viên Toàn quyền xứ Đông Phi thuộc Pháp. Bản thuyết trình đó nói rằng "cần phải tránh những ảo tưởng cũng như những công thức; rằng sản xuất bông là một vấn đề của Nhà nước; rằng muốn đạt kết quả thì phải *bắt buộc* dân bản xứ trồng bông...".

Bằng *phương pháp đó*, các thuộc địa hằng năm tất phải cung cấp được cho nước Pháp 10.000 tấn bông. *Phương pháp đó đã từng được dùng* ở Tây Phi thuộc Phá[1] đối với vấn đề ca cao... Người ta cũng đã *áp dụng phương pháp đó* đối với vấn đề bông và năm 1916, đã thu được tại vùng Bờ Biển Ngà 600 tấn bông.

Tuy vậy, nước Pháp dĩ nhiên vẫn là kẻ giải phóng cho loài người và là chiến sĩ tiền phong trong công cuộc huỷ bỏ chế độ nô lệ.

Nhân đạo. - Ông Boanớp, nghị sĩ da đen nói: Nước Pháp bảo hộ kẻ yếu và dạy dỗ những người lạc hậu. Misơlê nói: nước Pháp là chiến sĩ tiên phong của văn minh và là người đem lại các quyền tự do. Xarô, cựu Thủ hiến và Thủ hiến tương lai của Đông Dương nói: Chính sách thuộc địa của Pháp đầy tính chất nhân đạo và vị tha. Tạp chí *Hàng không quân sự* một lần nữa vừa cho ta biết rằng ở các thuộc địa người ta hiểu về lòng "nhân đạo" như thế nào. Xem đây: Thống chế Liôtây, toàn quyền Marốc, tổng chỉ huy quân đội T.O.M[2] đã cấm dùng đạn nổ có hơi ngạt và hơi làm chảy nước mắt, bởi vì... Nhưng ta hãy trích dẫn lời tạp chí đó: "Bởi vì mục đích nhằm đạt tới dĩ nhiên không phải là *giết cho được nhiều người*

1) Nguyên bản viết A.O.F., viết tắt của các từ *Afrique occidentale française.*

2) T.O.M: viết tắt của các từ *Troupe d' Outre-mer*. Tên gọi tắt chỉ quân đội Pháp ở hải ngoại.

phiến loạn, mà là *nhanh chóng* làm cho họ *phải phục tùng*...".

Với sự quá ư ân cần chăm sóc đó, mà từ 1919, nghĩa là sau khi "công lý" và "chính nghĩa" thắng lợi trên thế giới thì ở Marốc, người ta đã giết hại 800 lính Pháp, 5.000 người Môrơ để sáp nhập 72.700 hécta ruộng đất cướp đoạt của người Marốc vào nước Pháp - "nước Pháp rộng 1 triệu mét vuông và 100 triệu dân cư"[1)].

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 32, ngày 17-6-1924.

1) Số liệu chưa được kiểm tra lại. Chúng tôi dịch theo nguyên bản.

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ 8 ĐẠI HỘI LẦN THỨ V QUỐC TẾ CỘNG SẢN[46]

Ngày 23-6-1924

Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa. Song, tôi thấy rằng hình như, các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Vì vậy, tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được, sẽ gợi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa.

Hôm nay, tôi cần nhắc lại lời phát biểu tại đây của đồng chí Rôi, chỉ xin đổi những tên riêng, nghĩa là đơn giản thay thế từ nước Anh bằng các từ Pháp, Bỉ, Mỹ, Nhật ... Song, vì tôi là người xứ thuộc địa Pháp và vì tôi muốn nói ngắn, nên tôi chỉ nói về chủ nghĩa đế quốc Pháp, về Đảng Pháp của chúng tôi và về các đảng tại các thuộc địa Pháp, giống như đồng chí Rôi đã nói về nước Anh, về đảng anh em của chúng ta và về các đảng ở các thuộc địa của nước Anh.

Các đồng chí thứ lỗi về sự mạnh bạo của tôi, nhưng tôi không thể nói với các đồng chí rằng, sau khi nghe những lời phát biểu của các đồng chí ở chính quốc, tôi có cảm tưởng là các đồng chí ấy muốn

đánh chết rắn đằng đuôi. Tất cả các đồng chí đều biết rằng, hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy; các thuộc địa cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, các đồng chí lại khinh thường thuộc địa.

Các đồng chí, khi các đồng chí muốn đập vỡ một quả trứng hay một hòn đá, thì các đồng chí phải nghĩ đến việc tìm kiếm một công cụ mà sức bền của nó tương xứng với sự vững chắc của đối tượng định đập tan. Tại sao các đồng chí không có sự đề phòng như vậy khi các đồng chí muốn đánh đổ chủ nghĩa tư bản ? Tại sao trong những vấn đề của cách mạng các đồng chí không đem ra đối chiếu sách lược, sức mạnh của các đồng chí ? Tại sao không so sánh sức mạnh và sự tuyên truyền của các đồng chí với sức mạnh và sự tuyên truyền của kẻ địch mà các đồng chí muốn chống lại và chiến thắng nó ? Tại sao các đồng chí lại xem thường các thuộc địa trong

lúc chủ nghĩa tư bản lại dựa vào nó để tự bảo vệ và chống lại các đồng chí? Tôi xin bổ sung mấy lời để đáp lại bài phát biểu của đồng chí Tơranh. Trong bài phát biểu của mình, đồng chí Tơranh đã nói đến sự xuất hiện một cao trào cách mạng ở Pháp và sự ra đời phong trào phát xít ở đây. Về điểm đầu tiên, tôi hoàn toàn tán thành tinh thần lạc quan của đồng chí Tơranh; còn điểm thứ hai, thì tôi có ý kiến ngược lại. Tôi cho rằng, bọn phản động ở Italia, ở Đức và các nước khác cần đến chủ nghĩa phát xít để bảo vệ mình; trong khi đó bọn phản động Pháp lại không cần đến nó. Chúng có những người bảo vệ khác, những người bảo vệ mạnh hơn nhiều, có tổ chức hơn và có kỷ luật hơn là "bọn áo đen". Họ có những người lính da đen và da vàng. Có lẽ các đồng chí đã biết là quân đội Pháp hiện nay bao gồm 458.000 thanh niên Pháp và 206.550 người bản xứ ở các thuộc địa. Nhưng chắc chắn là các đồng chí không biết được rằng, nếu tính thời gian phục vụ và huấn luyện cũng như sự dễ dàng làm cho những người bản xứ nổi dậy, thì mỗi người lính bản xứ này có giá trị bằng 2 lính Pháp. Do đó, trên danh nghĩa, tuy số lượng đội quân

luôn sẵn sàng tấn công các đồng chí là 664.550 người, mà thực tế lại là 1.000.000 người, hay nói đúng hơn 939.950 người vì số lính Pháp có 251.450 tay súng, đông hơn các trung đoàn người bản xứ thì những người bản xứ này lại phục vụ 431.100 tháng nhiều hơn lính Pháp.

Bàn về khả năng và các biện pháp thực hiện cách mạng, đề ra kế hoạch của cuộc chiến đấu sắp tới, các đồng chí Anh và Pháp cũng như các đồng chí ở các đảng khác hoàn toàn bỏ qua luận điểm cực kỳ quan trọng có tính chiến lược này. Chính vì thế, tôi hết sức kêu gọi các đồng chí: Hãy chú ý!

In trong sách *Đại hội toàn thế giới lần thứ V Quốc tế Cộng sản*, bản tốc ký, tiếng Nga, phần I, Nxb. Chính trị quốc gia, Mátxcơva, 1925, tr.218-220.

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ 22 ĐẠI HỘI LẦN THỨ V QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 1-7-1924

Thưa các đồng chí, tôi chỉ xin bổ sung những ý kiến phê bình của đồng chí Manuinxki về chính sách của chúng ta trong vấn đề thuộc địa. Nhưng trước khi đi vào thực chất của vấn đề, tôi thấy nên đưa ra một vài con số thống kê về thuộc địa. Điều này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn tất cả tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa.

Các nước	Chính quốc		Thuộc địa	
	Diện tích (km^2)	Dân số	Diện tích (km^2)	Dân số
Anh	151.000	45.500.000	34.910.000	403.600.000
Pháp	536.000	39.000.000	10.250.000	55.600.000
Mỹ	9.420.000	100.000.000	1.850.000	12.000.000
Tây Ban Nha	504.500	20.700.000	371.600	853.000
Ý	286.600	38.500.000	1.460.000	1.623.000
Nhật Bản	418.000	57.070.000	288.000	21.249.000
Bỉ	29.500	7.642.000	2.400.000	8.500.000
Bồ Đào Nha	92.000	5.545.000	2.062.000	8.738.000
Hà Lan	83.000	6.700.000	2.046.000	48.030.000

Như vậy, 9 nước với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.407.600 km^2 bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km^2. Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa.

Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp hơn 8 lần rưỡi số dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa Anh rộng gấp gần 252 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp; và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người.

Vì vậy sẽ không phải là quá đáng nếu nói rằng chừng nào Đảng Pháp và Đảng Anh chúng ta chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa, thậm chí chưa đề cập đến quần chúng các nước thuộc địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai đảng đó vẫn không có hiệu quả gì. Chương trình ấy sẽ không có hiệu quả gì vì nó trái với chủ nghĩa Lênin. Tôi xin nói rõ ý của tôi. Trong bài nói chuyện về Lênin và vấn đề dân tộc, đồng chí Xtalin đã chỉ rằng bọn cải lương và các lãnh tụ Quốc tế thứ hai đã không dám đặt ngang hàng các dân tộc da trắng và các dân tộc thuộc các màu da khác, rằng Lênin đã bác bỏ sự bất bình đẳng đó và phá tan cái vật chướng ngại ngăn chia những người nô lệ văn minh với những người nô lệ không văn minh của chủ nghĩa đế quốc.

Theo Lênin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch và vấn đề dân tộc, như Lênin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Sau đó, đồng chí Xtalin đã nói đến quan điểm phản cách mạng

cho rằng không cần liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa, giai cấp vô sản châu Âu cũng có thể thắng lợi được. Nhưng nếu căn cứ vào hành động để xét về mặt lý luận thì tình trạng các đảng lớn của chúng ta, trừ Đảng Nga, không hoạt động gì cả khiến chúng ta có quyền cho rằng ngày nay các đảng đó vẫn còn giữ quan điểm mà đồng chí Xtalin đã nói.

Giai cấp tư sản các nước thực dân đã làm gì để kìm giữ trong vòng áp bức biết bao quần chúng của các dân tộc bị chúng nô dịch? Chúng làm tất cả. Ngoài việc dùng những phương tiện do bộ máy chính quyền Nhà nước đem lại cho nó, nó đồng thời còn tiến hành tuyên truyền hết sức ráo riết. Bằng những bài nói chuyện, bằng điện ảnh, báo chí, triển lãm và mọi phương pháp khác nữa, nó nhồi cho nhân dân các chính quốc cái đầu óc thực dân, nêu lên trước mắt họ cảnh sống dễ dàng, vinh quang và giàu có đang chờ đợi họ ở các nước thuộc địa.

Còn các đảng cộng sản của chúng ta như Đảng Cộng sản Anh, Hà Lan, Bỉ và các đảng cộng sản các nước khác mà giai cấp tư sản ở đấy chiếm giữ thuộc địa, thì đã làm những gì? Các đảng này, từ khi chấp nhận bản luận cương của Lênin, đã làm được những gì để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động các nước thuộc địa? Tất cả những việc mà các đảng của chúng ta đã làm về mặt này, thật hầu như chưa có gì cả. Còn về tôi, là một người sinh trưởng ở một nước hiện nay là thuộc địa của Pháp và là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi làm rất và rất ít cho các nước thuộc địa.

Báo chí cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ làm cho các chiến sĩ của chúng ta hiểu rõ vấn đề thuộc địa, làm thức tỉnh sự đồng tình hưởng ứng của quần chúng lao động ở các nước thuộc địa, tranh thủ họ tham gia sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Thử hỏi báo chí đó đã làm được gì? Không được gì hết.

Nếu đem so sánh những chỗ dành cho các vấn đề thuộc địa trên các tờ báo tư sản như *Le Temps, Le Figaro, L' Oeuvre* hay những báo thuộc các khuynh hướng khác như: *Le Peuple* hay *Le Libertaire* với những chỗ dành cho các vấn đề đó trên báo *L'Humanité*, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng chúng tôi, thì phải nhận rõ rằng sự so sánh này sẽ hoàn toàn không có lợi cho chúng ta.

Bộ Thuộc địa đã đặt ra kế hoạch biến nhiều vùng ở châu Phi thành những vùng đồn điền rộng lớn của tư nhân, và biến dân bản xứ ở những nước này thành những dân nô lệ thật sự, bị trói buộc vào ruộng đất của những ông chủ mới, thế mà báo chí của chúng ta vẫn im tiếng hoàn toàn về điều này. Ở các thuộc địa của Pháp ở Tây Phi, người ta đã áp dụng những biện pháp cưỡng ép chưa từng thấy để bắt lính, thế mà báo chí của chúng ta vẫn không hề lên tiếng. Chính quyền thực dân ở Đông Dương đã biến thành những kẻ buôn nô lệ và bán những người dân Bắc Kỳ cho các chủ đồn điền trên các đảo ở Thái Bình Dương; chúng kéo dài thời hạn đi lính của dân bản xứ từ 2 năm lên 4 năm; chúng đem nộp phần lớn đất đai thuộc địa cho côngxoócxiom của những bọn tư bản cá mập; thuế má vốn đã quá nặng nề không chịu nổi, thế mà chúng lại còn tăng lên 30% trong lúc dân bản xứ bị phá sản và chết đói sau trận lụt. Thế mà báo chí chúng ta vẫn cứ im tiếng. Và sau tất cả những điều đó, các đồng chí sẽ ngạc nhiên thấy rằng nhân dân bản xứ đi theo những nhóm dân chủ và tự do như Hội Nhân quyền và các tổ chức tương tự khác là những tổ chức chăm lo hay làm ra vẻ chăm lo đến họ.

Nếu đi sâu hơn chút nữa, chúng ta sẽ thấy những việc hoàn toàn không thể tưởng tượng được, làm cho mọi người phải nghĩ rằng Đảng chúng tôi đã coi thường tất cả những gì dính dáng đến các nước thuộc địa. Ví dụ: báo *L'Humanité* không hề đăng lời kêu gọi của Quốc tế Nông dân gửi nhân dân các nước thuộc địa, do Quốc tế Cộng sản gửi đến để đăng trên báo. Trước Đại hội Liông[47] trong mục đăng các bài tranh luận, đã đăng hết mọi luận cương, trừ luận cương về vấn đề thuộc địa. Báo *L'Humanité* đã đăng nhiều bài về

thắng lợi của võ sĩ Xiki xứ Xênêgan, nhưng không hề lên tiếng khi các công nhân bến tàu Đaca, những người đồng nghiệp của Xiki bị bao vây trong khi đang làm việc, bị bắt và bị vứt lên xe ô tô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính để rồi trở thành những người bảo vệ văn minh, nghĩa là trở thành lính. Cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi hằng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công Uadi đã bay từ Pháp sang Đông Dương; nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân "nước An Nam cao quý", lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phái máy bay chở bom, rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ bất hạnh và bị cướp bóc kia phải biết điều, thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại không thấy cần thiết báo tin đó cho các bạn đọc biết.

Thưa các đồng chí, qua báo chí của mình, giai cấp tư sản Pháp hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau. Tôi cho rằng Đảng chúng tôi chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruya, nơi mà binh lính bản xứ được phái đến trấn an những công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những trung đoàn lính Pháp đáng nghi; trường hợp xảy ra trong đội quân phương Đông, trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để "động viên tinh thần" binh lính Pháp đã mệt mỏi vì chiến tranh kéo dài và gian khổ; những sự kiện xảy ra năm 1917[48] ở nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp; kinh nghiệm cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp ở Pyrênê là nơi mà binh lính bản xứ đã buộc phải giữ vai trò nhục nhã của những kẻ phá hoại cuộc bãi công; và cuối cùng là sự có mặt của 207.000 binh lính bản xứ ở ngay nước Pháp, - tất cả những việc trên đây chưa làm cho Đảng chúng tôi phải suy nghĩ, chưa làm cho Đảng chúng tôi thấy cần phải thực hiện một chính sách rõ ràng và tích cực trong vấn đề thuộc địa. Đảng đã bỏ lỡ tất cả những cơ hội tốt để tuyên truyền. Những cơ quan lãnh đạo mới của Đảng đã thừa nhận là Đảng chúng tôi đã bị động trong vấn đề này. Tôi thấy đó là một dấu hiệu đáng mừng vì khi các lãnh tụ của Đảng đã thừa nhận và nhấn mạnh nhược điểm này trong chính sách của Đảng thì việc đó làm cho người ta hy vọng rằng Đảng sẽ cố gắng hết sức để sửa chữa và củng cố về mặt này. Tôi tin chắc rằng Đại hội này sẽ là bước ngoặt về mặt này và sẽ thúc đẩy Đảng sửa chữa được những thiếu sót trước. Mặc dù nhận xét của đồng chí Manuinxki về cuộc vận động bầu cử ở Angiêri rất đúng, song để cho được khách quan, tôi phải nói rằng đúng là Đảng chúng tôi đã bỏ lỡ dịp tốt ở đây, nhưng đã sửa chữa sai lầm, đã đưa đại biểu người bản xứ ra ứng cử ở quận Pari. Tất nhiên như thế còn ít, song bước đầu như vậy là tốt. Tôi sung sướng nhận thấy rằng hiện nay Đảng chúng tôi lại có những ý định tốt đẹp nhất, lại có lòng hăng hái, cái đó là hoàn toàn mới đối với Đảng chúng tôi; và chỉ cần bằng hành động thực tiễn thì nhất định những cái ấy sẽ đưa Đảng tới một chính sách đúng đắn trong vấn đề thuộc địa.

Vậy phải hành động thực tiễn như thế nào ? Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể. Tôi đề nghị mấy điểm dưới đây:

1. Mở trên báo *L'Humanité* một mục để đăng đều đặn hằng tuần ít nhất hai cột các bài về vấn đề thuộc địa.

2. Tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa đảng viên của Đảng trong những người bản xứ ở những nước thuộc địa đã có phân bộ cộng sản.

3. Gửi những người bản xứ vào Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcơva.

4. Thoả thuận với Tổng Liên đoàn lao động thống nhất[49] để tổ chức những người lao động của các thuộc địa làm việc ở Pháp.

5. Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên của Đảng phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Theo tôi, những đề nghị này là hợp lý và nếu Quốc tế Cộng sản

và các đại biểu của Đảng chúng tôi tán thành thì tôi tin rằng đến Đại hội lần thứ VI, Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi sẽ có thể nói rằng mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa đã trở thành sự thật.

Thưa các đồng chí, vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác.

In trong sách *Đại hội toàn thế giới lần thứ V Quốc tế Cộng sản,* bản tốc ký, tiếng Nga, phần I, Nxb. Chính trị quốc gia, Mátxcơva, 1925, tr.653-657.

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ 25 ĐẠI HỘI LẦN THỨ V QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Ngày 3-7-1924

Các thuộc địa Pháp chiếm một diện tích rộng 10.211.510 km^2 với số dân là 55.571.000 người ở rải khắp bốn lục địa. Dù có sự khác nhau về chủng tộc, khí hậu, tập quán, truyền thống, về trình độ phát triển kinh tế và xã hội, song có hai điểm chung làm cho các nước thuộc địa giống nhau và sau này có thể đi tới thống nhất để cùng đấu tranh:

1. *Tình hình kinh tế*: trong tất cả các thuộc địa Pháp, công nghiệp và thương nghiệp phát triển rất yếu ớt và nhân dân hầu hết làm nghề nông, 95% số dân bản xứ là nông dân.

2. Ở tất cả các nước thuộc địa, nhân dân bản xứ đều bị tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp bóc lột không ngừng.

Tôi không có thì giờ phân tích kỹ lưỡng về tình hình nông dân từng nước thuộc địa. Vì vậy, tôi chỉ lấy một vài thí dụ điển hình để chúng ta có một ý niệm về tình cảnh nông dân các nước thuộc địa.

Tôi xin bắt đầu từ nước tôi, Đông Dương là nước tôi biết rõ hơn cả.

Khi Pháp đánh chiếm thuộc địa này, chiến tranh đã làm cho nông dân phải rời bỏ làng mạc của họ. Sau đó, khi họ trở về thì đã thấy ruộng đất của họ bị bọn chủ đồn điền, theo sau quân đội chiến

thắng, chiếm mất. Thậm chí chúng đã chia nhau cả những đất đai mà nông dân bản xứ đã cày cấy từ bao đời nay. Như vậy là nông dân An Nam đã biến thành nông nô và buộc phải cày cấy ruộng đất của chính mình cho bọn chủ nước ngoài.

Nhiều người trong những người xấu số này vì không chịu sống trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt do những kẻ chiếm đoạt đưa ra, nên đã bỏ ruộng đất của mình và lang thang nay đây mai đó khắp nước; người Pháp gọi họ là "giặc cướp" và tìm đủ mọi cách truy nã họ.

Ruộng đất cướp được bằng cách ấy đã được đem chia cho bọn chủ đồn điền. Chỉ cần xin một tiếng là bọn chúng có thể được hưởng những khoảnh đất có khi trên 2 vạn và 2,5 vạn ha.

Những tên chủ đồn điền này không những chiếm không ruộng đất mà còn chiếm không cả mọi thứ cần thiết để khai thác số ruộng đất đó, kể cả sức lao động.

Chính quyền cho phép chúng sử dụng một số tù khổ sai làm không công, hoặc bắt các xã phải cung cấp nhân lực cho các chủ đồn điền.

Bên cạnh chính quyền lang sói đó, cần phải nói tới Nhà chung. Chỉ riêng giáo hội Thiên Chúa đã chiếm 1/4 diện tích *cày cấy* ở Nam Kỳ. Để chiếm số ruộng đất đó, Nhà chung đã dùng những phương pháp không thể tưởng tượng được là mua chuộc, lừa đảo và cưỡng bức. Đây là một vài thí dụ. Lợi dụng lúc mất mùa, Nhà chung cho nông dân vay tiền nhưng bắt buộc họ phải cầm ruộng. Tiền lãi quá cao làm cho nông dân không sao trả hết nợ, nên buộc phải bán đứt số ruộng cầm trước cho Nhà chung. Bằng mọi thủ đoạn tàn ác, Nhà chung cố tìm ra đủ mọi thứ tài liệu mật có thể gây nguy hại cho những nhà cầm quyền. Lợi dụng những giấy tờ đó làm công cụ đe doạ, Nhà chung đạt được tất cả những gì họ muốn. Nhà chung lập hội với bọn tư bản lớn để khai khẩn những đồn điền chiếm không và những ruộng đất cướp được của nông dân. Bọn tay chân của Nhà chung giữ những chức cao trong chính phủ. Nhà chung cũng bóc lột "con chiên" một cách tàn nhẫn không kém chủ đồn điền. Một thủ đoạn khác của Nhà chung là tập hợp những

người ăn xin, bắt họ khai khẩn đất mới và hứa là sau khi khai khẩn xong sẽ chia cho họ. Nhưng khi ruộng đất mới vừa khai khẩn xong và sắp được gặt, thì Nhà chung tuyên bố là ruộng đất này thuộc về Nhà chung và đuổi những người đã dùng sức lao động của mình làm cho ruộng đất ấy được phì nhiêu. Bị những kẻ "bảo hộ" họ (ở trong tôn giáo hay ở ngoài tôn giáo) cướp bóc, nông dân An Nam thậm chí không thể yên ổn làm ăn trên phần ruộng đất ít ỏi còn lại của mình. Người ta bắt những người đo đạc phải đo ruộng đất của nông dân không đúng để bắt họ phải đóng thuế khống. Thuế ruộng đất mỗi năm một tăng. Mới đây, khi chiếm hàng nghìn hécta của người An Nam ở miền ngược để giao cho bọn đầu cơ, các nhà cầm quyền đã phái máy bay đến để những nạn nhân bị cướp bóc ở đấy không dám nghĩ đến nổi loạn.

Những người nông dân bị cướp bóc, phá sản và bị đuổi đi nơi khác lại tìm cách khai khẩn đất để làm ruộng. Nhưng khi đất mới vừa khai khẩn xong thì chính quyền lại chiếm lấy và buộc nông dân phải mua lại theo giá do chính quyền định. Ai không đủ sức mua thì bị đuổi đi một cách tàn nhẫn.

Năm ngoái, mặc dù đất nước bị nạn lụt tàn phá, thế mà thuế ruộng đất vẫn tăng ngay một lúc lên 30%.

Ngoài những thứ thuế bất công làm cho nông dân bị phá sản, nông dân còn phải đi phu, đóng thuế thân, thuế muối, đóng công trái cưỡng bức, lạc quyên và v.v..

Chủ nghĩa tư bản Pháp cũng thực hiện chính sách ăn cướp và bóc lột như vậy ở Angiêri, Tuynidi, Marốc. Tất cả những ruộng đất tốt và được tưới nước thì phải để cho bọn thực dân di cư tới chiếm. Dân bản xứ bị đuổi đi, họ phải tìm nơi nương tựa ở những vùng ven núi hay những nơi ruộng đất khó làm ăn. Các công ty tài chính, bọn đầu cơ và quan lại cao cấp chia nhau ruộng đất của các thuộc địa.

Do những hoạt động trực tiếp và gián tiếp, các ngân hàng Angiêri và Tuynidi năm 1914 đã thu được 12.258.000 phrăng tiền

lời với số vốn là 25 triệu phrăng.

Ngân hàng Marốc với số vốn là 15.400.000 phrăng, năm 1921 đã thu được 1.753.000 phrăng tiền lời.

Công ty Pháp - Angiêri chiếm 324.000 ha ruộng đất tốt nhất.

Tổng công ty Angiêri chiếm 10 vạn hécta.

Một công ty tư nhân đã chiếm khoảng 5 vạn hécta rừng, còn công ty phốt phát và đường sắt Cápde thì đã chiếm 5 vạn hécta có nhiều mỏ quặng và lại có quyền ưu tiên đối với 2 vạn ha chung quanh khu vực này.

Một cựu nghị sĩ Pháp đã chiếm một đồn điền 1.125 ha có quặng mỏ, trị giá là 10 triệu phrăng, thu nhập hằng năm là 4 triệu phrăng. Dân bản xứ, người chủ của những mỏ quặng này, mỗi năm chỉ thu hoạch được 1% phrăng mỗi hécta.

Chính sách thực dân của Pháp đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ, làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn. Nó đã làm cho nông dân bản xứ mất hơn 5 triệu ha ruộng đất tốt nhất.

Trong 15 năm, nông dân ở Cabili bị cướp mất 192.090 ha.

Từ năm 1913, mỗi năm nông dân Marốc bị cướp mất 12.500 ha ruộng đất cày cấy. Từ khi Pháp thắng trong cuộc chiến tranh "vì công lý", con số đó tăng lên tới 14.540 ha.

Hiện nay ở Marốc chỉ có 1.070 người Pháp mà chiếm tới 500.000 ha ruộng đất.

Cũng như những người anh em của họ là nông dân An Nam, nông dân châu Phi phải chịu cảnh cơ cực không thể chịu nổi, phải lao dịch liên miên và phải gánh những thứ thuế má nặng nề. Sự cùng khổ của họ không sao tả xiết. Thiếu lương thực nên họ phải ăn những thứ rau cỏ dại hay thóc gạo mục nát, vì thế mà bệnh sốt, thương hàn, bệnh lao hoành hành trong nhân dân. Ngay những năm được mùa cũng thấy có nông dân đi bới những đống rác ở thành thị, tranh thức ăn thừa với chó. Còn khi mất mùa thì xác

chết nông dân ngổn ngang ngoài đồng và trên đường.

Tình cảnh của nông dân ở miền Tây châu Phi và châu Phi xích đạo thuộc Pháp còn khủng khiếp hơn nữa.

Gần 40 công ty chiếm những thuộc địa này. Họ chiếm tất cả: ruộng đất, tài nguyên thiên nhiên, cả sinh mạng của dân bản xứ nữa. Nhân dân bản xứ thậm chí không có quyền làm việc cho mình. Họ buộc phải làm việc cho các công ty, bao giờ cũng thế và chỉ được làm việc cho các công ty mà thôi. Để bắt họ phải làm không công, các công ty đã dùng thủ đoạn cưỡng bức vượt quá sức tưởng tượng. Tất cả ruộng đất đều bị tịch thu hết. Chỉ có người nào chịu làm công việc do các công ty ấy đòi hỏi thì mới được một phần ruộng nhỏ. Ăn uống thiếu thốn đã làm cho họ mắc đủ thứ bệnh tật và chết rất nhiều, nhất là trẻ con.

Một phương pháp khác là bắt ông già, phụ nữ và trẻ con làm con tin. Chúng giữ những người này trong những căn nhà chật chội, đối xử tàn tệ, hành hạ họ, bắt nhịn đói và nhiều khi giết họ nữa. Ở một vài địa phương, số người bị bắt làm con tin thường xuyên lại nhiều bằng số người làm việc để đề phòng mọi mưu toan của những người làm việc tìm cách chạy trốn. Để công việc ở các đồn điền khỏi bị đình trệ, người ta cấm dân bản xứ không được cày cấy ruộng của mình kịp thời. Do đó, nạn đói và bệnh dịch thường xảy ra, tàn phá các thuộc địa.

Nếu một vài bộ lạc trốn vào rừng và tránh được ách bóc lột của bọn chủ đồn điền thì họ phải sống chẳng khác gì thú vật, họ ăn rễ củ và lá cây, chết vì sốt rét, vì khí hậu. Trong lúc ấy thì bọn chủ da trắng tàn phá đồng ruộng và làng mạc của họ để khủng bố. Sau đây là một đoạn trong cuốn sổ tay công vụ của một sĩ quan tả một cách vắn tắt, rõ ràng và thê thảm sự đàn áp nông dân bản xứ:

Hành binh càn quét làng Côevan.

Hành binh càn quét làng Phanốp Cunô, làng và vườn trại bị tàn phá.

Hành binh càn quét làng Bêcannixơ, làng bị đốt trụi, 3.000 cây chuối bị chặt.

Hành binh càn quét làng Cua, làng bị phá, vườn trại hoàn toàn bị phá trụi.

Hành binh càn quét làng Abimaphan, tất cả nhà cửa đều bị đốt, vườn trại bị phá.

Hành binh càn quét làng Examphami, làng bị phá.

Các làng ven sông Bôm đều bị đốt.

Tại những miền châu Phi thuộc Ý, Tây Ban Nha, Anh và Bồ Đào Nha cũng có một chế độ cướp bóc, làm phá sản, giết chóc và tàn phá một cách khủng khiếp như vậy.

Ở Cônggô thuộc Bỉ, năm 1891 dân số là 25 triệu, thế mà đến năm 1911 chỉ còn có 8,5 triệu. Những bộ lạc Hererô và Cama ở thuộc địa cũ của Đức tại châu Phi đã hoàn toàn bị tiêu diệt, 8 vạn người bị giết trong thời gian Đức chiếm đóng và 15.000 người bị giết trong thời kỳ "bình định" năm 1914. Cônggô thuộc Pháp năm

1894 có 20.000 dân, thế mà đến 1911 chỉ còn có 9.700 người. Trong một vùng, năm 1910 có 10.000 dân, sau đó 8 năm chỉ còn được 1.080 người. Trong một vùng khác với 4 vạn dân da đen, chỉ trong 2 năm đã có 2 vạn người bị giết, nửa năm sau 6.000 người nữa lại bị giết và bị thương tật.

Những vùng ven sông trù phú và đông đúc dân cư, chỉ sau 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải rác trắng khắp các ốc đảo và làng mạc bị tàn phá.

Tình cảnh những người còn sống sót thật khủng khiếp: nông dân bị cướp mất phần ruộng bé nhỏ "để dành" của mình, thợ thủ công mất nghề, còn người chăn nuôi thì mất súc vật. Dân Matabêle là dân chăn nuôi nhiều súc vật trước khi người Anh đến, họ có tới 20 vạn súc vật có sừng. Hai năm sau chỉ còn 40.900 con. Dân Hererô có 9 vạn súc vật, trong vòng 12 năm bọn thực dân Đức đã cướp mất một nửa. Những trường hợp tương tự như vậy, xảy ra rất nhiều trong tất cả các nước da đen đã tiếp xúc với văn minh của người da trắng.

Để kết luận, tôi xin lấy một dẫn chứng của một người da đen là Rơnê Maräng, tác giả cuốn *Batuala*. Ông ta nói: "Châu Phi vùng xích đạo là nơi dân cư đông đúc, giàu cao su, ở đây có đủ các loại vườn trại trồng cây, gà và dê rất nhiều. Chỉ sau 7 năm mọi cái đều bị phá hoại. Làng mạc tan tành, vườn trại hoang tàn, gà và dê bị giết. Nhân dân bản xứ kiệt sức vì phải làm việc nặng nhọc liên miên và không công nên không đủ sức và không còn thời gian, dù là rất ít, để cày cấy ruộng đất. Bệnh tật phát sinh, nạn đói hoành hành, số người chết càng nhiều... Nên biết rằng họ là con cháu của một bộ lạc khoẻ mạnh, thiện chiến, dẻo dai và đã được tôi luyện. Ở đây, nền văn minh đã tiêu tan...".

Để bổ sung bức tranh bi thảm này, tôi xin thêm một điểm là chủ nghĩa tư bản Pháp không hề ngần ngại đẩy cả một khu vực vào cảnh đói kém, nếu việc đó có lợi cho nó. Trong nhiều nước thuộc địa, ví dụ như Rêuyniông, Angiêri, Mađagátxca, v.v., người ta không trồng ngũ cốc nữa, mà lại phải trồng những thứ khác cần cho nền công nghiệp của Pháp. Những thứ này có lợi hơn cho chủ đồn điền. Điều đó làm cho đời sống ở thuộc địa rất đắt đỏ và luôn luôn xảy ra nạn đói.

Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng.

In trong sách *Đại hội toàn thế giới lần thứ V Quốc tế Cộng sản*, bản tốc ký, tiếng Nga, phần I, Nxb. Chính trị Quốc gia, Mátxcơva, 1925, tr.758-762.

THAM LUẬN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ III QUỐC TẾ CÔNG HỘI ĐỎ[40]

Thưa các đồng chí, tôi xin thông báo với các đồng chí về tình hình giai cấp công nhân ở Đông Dương, một trong những thuộc địa quan trọng nhất của Pháp.

Theo những số liệu thống kê gần đây, ở Đông Dương hiện có 63 xí nghiệp khai mỏ sản xuất 70 vạn tấn than đá, 5 vạn tấn kẽm, 15 vạn tấn chì, 2.500 tấn sắt, 1.500 tấn các kim loại khác, 3.500) đá quý và 100 kilôgam vàng.

Còn về những ngành công nghiệp khác thì nên lưu ý rằng ở Đông Dương còn có 140 đồn điền cao su với diện tích chung 3.500 hécta và sản xuất 5.000 tấn. Công nghiệp thực phẩm cũng đáng kể - sản xuất 250 tấn thịt hộp.

100 xí nghiệp tơ lụa sản xuất 100 tấn hàng tơ lụa.

Nếu như kể thêm rằng ở Đông Dương còn có 355 trạm điện báo, 2.100 kilômét đường sắt và 3 cảng lớn mà mỗi năm bốc dỡ 7-8 triệu tấn hàng khác nhau thì điều đó sẽ cho một quan niệm chung về những lĩnh vực sản xuất mà vô sản Đông Dương đang bỏ sức lao động vào đó.

Ở Đông Dương còn có những xí nghiệp tương đối lớn: nhà máy ximăng) có 30.000 công nhân làm thuê, khu mỏ vịnh Hạ

1) *Cara:* đơn vị trọng lượng đá quý = 0,2 gam.

2) Nhµ m¸y xim¨ng H¶i Phßng.

Long có 4.000 công nhân, nhà máy dệt Bắc) - 3.000 công nhân, đường sắt - 8.000 công nhân.

Ngày làm việc 12-13 tiếng. Trong nông nghiệp ngày làm việc còn dài hơn. Những ngày lễ - và nhiều khi cả những ngày chủ nhật - đều không được đếm xỉa tới. Không có bảo hiểm xã hội cho tuổi già, không có trợ cấp cho lúc bị thương tật hoặc đau ốm. Tiền lương của công nhân không lành nghề không quá 50 phrăng một tháng, còn của công nhân lành nghề - 250 phrăng. Công nhân nhiều khi phải ký những giao kèo một phía, bắt buộc họ phải làm việc cho bọn chủ trong một số năm nhất định. Theo giao kèo, bọn chủ nhà máy có thể sa thải họ bất kỳ lúc nào, nhưng người công nhân lại không thể bỏ việc trước lúc hết thời hạn như đã quy định trong giao kèo. Trong nông nghiệp, nhiều khi ngay cả thủ tục hình thức đó cũng không được dùng, và cố nông trở thành hầu như nô lệ, như sở hữu riêng của bọn chủ. Đối với những người không phục tùng, có sẵn cả một hệ thống bắt bớ và đánh đập.

Tất nhiên, không thể nói tới tự do bãi công. Một vài cuộc nổi dậy lớn mang tính chất bãi công, không phải là do vận động tuyên truyền gây ra mà là do bị đói, đã bị đàn áp bằng mọi cách tàn ác nhất.

Với sự giúp đỡ hào hiệp của chủ nghĩa đế quốc Pháp, ở Đông Dương thật ra là đã phục hồi chế độ nô lệ. Nô lệ có ba loại: 1) tù khổ sai, mà chính quyền cai trị đã cho bọn chủ các nhà máy sử dụng, sau cả một ngày lao động cho bọn tư bản thì tối đến họ lại trở về các nhà tù có biển đề hứa hươu hứa vượn "tự do, bình đẳng và bác ái"; 2) nông nô, có thể bao gồm tất cả người An Nam từ 18 đến 60 tuổi, hằng năm buộc phải đi phu một số ngày nhất định. Vả lại, số lượng những ngày đó chỉ là quy định ước chừng, còn trên thực tế hầu như không có hạn định. Một phần lớn dân cư đã bị huy động vào việc làm đường, đào kênh và không có bất kỳ một thứ công sá

1) Nhà máy dệt Nam Định.

nào hết. Số người dân bản xứ chết vì những công việc ấy thật rất lớn; 3) nô lệ, đúng theo nghĩa đầy đủ của từ, họ bị bán và bị mua. Trong việc mua bán này, chính quyền thực dân đã trở thành bọn chủ kinh doanh. Giống như thời chiến tranh, chính quyền thực dân đã tuyển dân bản xứ làm lính - tình nguyện, thì bây giờ chúng lại mộ công nhân - tình nguyện đi các thuộc địa Pháp khác, chủ yếu cho các đảo ở Thái Bình Dương. Những người An Nam này đến đó bị bán cho bọn chủ đồn điền và chủ nhà máy người châu Âu.

Có một bức thư, đã đăng khắp Đông Dương và đề ngày 17 tháng 3 năm 1924, nói về những tai hoạ khủng khiếp do bệnh sốt rét gây ra trong số những người nô lệ đã bị đưa tới đảo Ê[1], bức thư yêu yêu cầu phải chấm dứt cái hệ thống bóc lột vô liêm sỉ đối với tình trạng tăm tối của người dân bản xứ.

Giai cấp vô sản không thể làm gì để chống lại cái hệ thống bóc lột đó, chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Bộ luật thuộc địa do những nhà khai hoá Pháp soạn ra chính là để đàn áp bất kỳ một biểu hiện nào có tính tự chủ của người dân bản xứ nói chung và tầng lớp vô sản nói riêng. Theo bộ luật đó, người An Nam không có quyền xuất bản báo chí bằng tiếng mẹ đẻ, không có tự do hội họp và lập hội, bị tước đoạt cả quyền tự do đi lại từ tỉnh này sang tỉnh khác. Để bảo vệ những luật pháp đó thì có toà án gồm 5-6 quan lại Pháp, chúng xử kín và tuyên án, kể cả án tử hình.

Trước chiến tranh, người An Nam có tổ chức vài hợp tác xã, nhưng chính quyền thực dân đã giải tán chúng, bắt giam những người tổ chức vì nghi là tuyên truyền cách mạng.

Thưa các đồng chí, tình cảnh công nhân An Nam là như thế. Đó là một tình cảnh khủng khiếp, nhưng không phải là không có lối thoát. Tình hình không phải là không có lối thoát, bởi vì với sự giúp đỡ của các tổ chức cách mạng gần gũi với Quốc tế Công hội đỏ,

1) *Hébrides*: đảo nhỏ ở nam Thái Bình Dương.

chúng tôi quyết đập tan lực lượng của chủ nghĩa đế quốc châu Âu áp bức chúng tôi. Nhưng để đạt tới kết quả đó, để thúc đẩy nhanh chóng công cuộc giải phóng của giai cấp vô sản Đông Dương thì cần thiết một điều là các đồng chí chúng ta trong các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi. *(Vỗ tay vang dội).*

In trong sách: *Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ - Báo cáo,* bản tốc ký, tiếng Nga, Mátxcơva, 1924, tr.297-299.

51.000 NGƯỜI AN NAM BỊ ĐẾ QUỐC PHÁP ĐỘNG VIÊN ĐI LÀM BIA ĐỠ ĐẠN

Vì danh dự của chủ nghĩa đế quốc Pháp, xứ Đông Dương thuộc địa đã bị thiệt hại nặng nề. 51.000 người An Nam (người Đông Dương) đã bị động viên và đẩy ra mặt trận của nước Pháp. 49.000 người bị đưa đến các nhà máy để sản xuất thiết bị quân sự.

Người Pháp trong những báo cáo chính thức vẫn thường viết về "tuyển mộ lính tình nguyện"; sự thực những người An Nam đã bị họ bắt và đẩy vào chiến tranh làm bia đỡ đạn.

Người Pháp không chỉ đẩy người An Nam ra trận. Họ còn tước đoạt hết thảy những gì có thể tước đoạt được dưới hình thức thuế.

Để đổi lấy những thứ đó, nước Pháp đế quốc đã nhiều lần hứa sẽ đem lại tự do và quyền tự quyết cho các dân tộc bị áp bức. Nhưng nguy cơ chiến tranh vừa mới qua khỏi, thì những chủ nhà băng người Pháp lại bắt đầu nặn thêm càng nhiều thứ thuế. Còn các vị tướng thì cố phục vụ trong quân đội đến 4 năm.

Chiến dịch chống chiến tranh do Quốc tế Cộng sản phát động, đang vang dội khắp các thuộc địa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đại biểu Đông Dương dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản.

Viết năm 1924. Tài liệu tiếng Nga, lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC PHƯƠNG ĐÔNG

Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy thì các dân tộc phương Đông lại coi Lênin là một người con vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa, nếu tôi có thể nói như vậy.

Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi.

Quen bị đối xử như những kẻ lạc hậu, thấp hèn, các dân tộc phương Đông đã coi Lênin là hiện thân của tình anh em bốn bể. Không những họ biết ơn Người mà còn tha thiết yêu mến Người. Họ tôn kính Người tương tự như tôn kính cha mẹ. Có thấy các sinh viên Trường đại học các dân tộc phương Đông khóc sưng cả mắt, có thấy các chàng trai trẻ đó nức nở khi biết tin Lênin từ trần thì mới hiểu thấu được tình yêu của họ đối với Người.

Lênin từ trần, đó là cái tang chung cho toàn thế giới. Quốc dân đảng[50] (đảng nhân dân, hiện nắm chính quyền ở Hoa Nam) đang họp đại hội thì được tin Lênin mất. Toàn thể đại hội đứng ngay dậy và buổi họp được bế mạc để tỏ ý để tang Lênin. Theo đề nghị của bác sĩ Tôn Dật Tiên, Chính phủ Quảng Châu đã quyết định ngừng các cuộc biểu diễn nghệ thuật trong ba ngày. Tất cả các công sở đều

treo cờ rủ, các đoàn thể văn hoá, chính trị, kinh tế ở các địa phương và ở Bắc Kinh, chủ yếu là các hội sinh viên và các tổ chức công nhân, đều tổ chức một cách trọng thể lễ truy điệu nhà cách mạng vĩ đại. Cũng trong dịp này, các đoàn thể ấy đều nhất trí biểu quyết đòi phải thừa nhận ngay lập tức chính quyền xôviết. Sinh viên đã quyết định dựng một bức tượng Lênin trong công viên lớn nhất ở Bắc Kinh.

Nghị viện Trung Quốc đã gửi điện chia buồn.

Phụ nữ cũng khóc thương Lênin. Ở Trung Quốc, cũng như ở tất cả các nước phương Đông, phụ nữ rất ít biết những sự việc xảy ra trên thế giới, họ thờ ơ với những sự việc ấy. Nhưng họ đã để tang Lênin. Như vậy là những biểu hiện của phụ nữ Trung Quốc trong hoàn cảnh đau đớn này có một ý nghĩa lịch sử. Một mặt, điều đó chứng tỏ rằng phụ nữ phương Đông đã thức tỉnh; mặt khác, chứng tỏ rằng người thầy vĩ đại đã được tất cả mọi người, nam cũng như nữ, những người bình thường nhất cũng như những người tiên tiến

nhất, đều hiểu và yêu mến. Vì thế, tôi xin dịch ra đây bài kêu gọi của một nữ sinh viên, đăng trong một tờ báo phụ nữ ở Thượng Hải:

"Hỡi các chị em!

Từ khi có chủ nghĩa tư bản, toàn bộ cơ thể xã hội đều bị ảnh hưởng tai hại của nó. Các vật phẩm do tất cả mọi người sản xuất ra, đáng lẽ phải thuộc về tất cả mọi người thì lại thuộc đặc quyền của một vài người! Ách áp bức kinh tế đã nô dịch con người, cũng ách áp bức ấy đã biến phụ nữ thành những đồ vật tuỳ thuộc quyền sử dụng của nam giới!

Từ bao thế kỷ nay, bao nhiêu triệu con người đã bị xiềng xích như thế? Bao nhiêu triệu đàn bà đã bị hy sinh?

Trong lúc cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra ác liệt, trong lúc hàng triệu con người không làm hại đến ai, đang muốn sống, nhưng

lại bị đưa vào chỗ chết, Lênin đã đạp bằng gian khổ và khó khăn, đã thức tỉnh giai cấp vô sản Nga nổi dậy, đã tổ chức các xôviết.

Lênin không những chỉ giải phóng nam giới và nữ giới trên đất nước Tiên sinh, mà còn chỉ đường cho tất cả những người nghèo khổ trên thế giới. Và bất chấp bọn bạch vệ tấn công ở bên trong, bọn tư bản bao vây bên ngoài, ý chí kiên cường của Lênin đã cứu đồng bào của Tiên sinh ra khỏi cảnh đau khổ và lầm than, và đã nêu cao ngọn cờ của Quốc tế cho tất cả những người bị áp bức.

Điều đó há chẳng đáng để chúng ta kính cẩn mặc niệm trước anh linh vĩ đại của Tiên sinh hay sao?

Ngày 21 tháng 1 há chẳng đáng mãi mãi là một ngày tang cho tất cả những nam nữ đang chịu khổ cực hay sao?

Nước Nga đang tiến đến chỗ phồn vinh. Nhưng muốn có được một nền hoà bình thật sự, thì còn phải tiến lên hơn nữa và còn phải làm nhiều việc hơn nữa. Loài người đang thức tỉnh; nhưng muốn tự giải phóng hoàn toàn, thì còn phải đấu tranh. Thế mà giờ đây, người thầy đột ngột từ giã chúng ta, chưa được trông thấy kết quả cuối cùng của sự nghiệp của mình.

Những người có tâm huyết làm sao mà có thể cầm được nước mắt? Những người bị áp bức, nam và nữ, há lại không nên nhận lấy nhiệm vụ mà Lênin đã để lại và tiến lên hay sao? Tiến lên!

Các chị em thân mến!

Chúng ta hãy tổ chức truy điệu một cách trọng thể Người đã suốt đời đấu tranh chống cảnh cùng khổ và ách áp bức của các dân tộc, Người đã đấu tranh cho thế giới đến hơi thở cuối cùng!".

Để kết thúc, chúng ta hãy chú ý rằng để chỉ Lênin, thì khi nói hay viết, người Trung Quốc đều chỉ dùng từ "Tiên sinh", một từ vinh dự đồng nghĩa với "Tử" (Khổng Tử, Mạnh Tử) và có nghĩa là: thầy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 27,
tháng 7-1924.

CÁCH MẠNG NGA VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra. Cách mạng Nga rất hiểu rõ điều đó. Vì thế nó không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những quyết định "nhân đạo" đối với các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh, giúp đỡ họ bằng tinh thần và vật chất như Lênin đã tuyên bố trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập Đại hội Bacu[51]; hai mươi mốt dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự Đại hội đó. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia công việc của Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước phương Tây đi xâm chiếm và giai cấp vô sản các nước bị xâm chiếm ở phương Đông đã thân mật nắm tay nhau và cùng nhau tìm cách đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang vấp phải những khó khăn trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng không hề một chút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi. Một trong những việc quan

trọng đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học phương Đông.

Trường đại học phương Đông hiện nay gồm có 1.025 sinh viên, trong đó có 151 nữ sinh. Trong số sinh viên ấy, có 865 đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của học sinh như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức vô sản. Nếu người ta chú ý rằng các nước phương Đông đều là những nước hầu như hoàn toàn nông nghiệp thì sẽ dễ hiểu vì sao số sinh viên nông dân chiếm tỷ lệ cao hơn. Ở Ấn Độ, ở Nhật, ở Trung Quốc - nhất là ở Trung Quốc, phần nhiều là các trí thức trung thành với sự nghiệp của giai cấp công nhân đang lãnh đạo giai cấp này trong cuộc đấu tranh, điều đó giải thích vì sao số trí thức chiếm tỷ lệ một thiểu số tương đối quan trọng; và tỷ lệ công nhân ít là do công nghiệp và thương nghiệp tương đối kém phát triển trong các vùng phương Đông, trừ nước Nhật. Ngoài ra, còn có 75 học sinh thiếu niên, từ 10 đến 16 tuổi.

150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế chính trị, v.v.. Trong lớp học, thanh niên của 62 chủng tộc khác nhau cùng thân mật sát cánh bên nhau.

Trường đại học phương Đông có 10 ngôi nhà to để cho sinh viên dùng. Trường có một rạp chiếu bóng cho sinh viên xem không mất tiền vào ngày thứ năm và ngày chủ nhật; còn những ngày khác trong tuần lễ thì để cho một người thầu. Có hai tủ sách với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi đi sâu vào việc nghiên cứu của mình và bồi dưỡng thêm tư tưởng. Mỗi dân tộc hay "nhóm", có một tủ sách riêng, gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí một cách có nghệ thuật và có đầy đủ báo chí. Các học sinh cũng cho ra một tờ báo chỉ có một bản duy nhất dán vào cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được vào chữa trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Crimê dành riêng cho sinh viên cần được dưỡng sức. Chính phủ Xôviết đã tặng cho Trường đại học hai trại hè mỗi trại có 9 ngôi nhà. Mỗi trại hè có một chỗ cho sinh viên

học chăn nuôi. Người "bí thư nông nghiệp" của Trường đại học đã tự hào nói với tôi: "Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn". Một trăm hécta ruộng đất cấp cho các trại hè ấy là do sinh viên tự cày cấy lấy. Trong kỳ nghỉ hè và sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân. Nhân đây cũng nói qua rằng một trong những trại hè ấy trước kia là thái ấp của một quận công. Thật là một cảnh đáng ghi nhớ khi trông thấy lá cờ đỏ tung bay kiêu hãnh trên ngọn tháp có mang tước huy quận công, và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ácmêni vui đùa trong lễ điện của quận công không kiêng nể gì cả.

Sinh viên ăn, ở và mặc không phải mất tiền. Mỗi tháng mỗi sinh viên còn được lĩnh 5 đồng rúp vàng để tiêu vặt.

Để học sinh có một quan niệm đúng đắn về việc giáo dục trẻ em, Trường đại học có một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ rất kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ.

Mỗi năm Trường đại học chi tiêu đến 516.000 đồng rúp vàng.

Các đại biểu của 62 chủng tộc trong Trường đại học lập thành một "Công xã". Chủ tịch và các cán sự của Công xã do phổ thông đầu phiếu bầu ra ba tháng một lần.

Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản trị kinh tế và hành chính của Trường đại học. Tất cả các sinh viên đều phải thay phiên nhau lần lượt làm công việc nhà bếp, thư viện, câu lạc bộ, v.v.. Tất cả mọi vụ "phạm pháp" hoặc tranh chấp đều do một toà án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Công xã họp mỗi tuần một lần để thảo luận tình hình chính trị và kinh tế quốc tế. Thỉnh thoảng người ta tổ chức những cuộc hội họp và những buổi dạ hội trong đó những sinh viên có khiếu về nghệ thuật trình bày nghệ thuật và văn học của khắp các miền ở phương Đông.

Một điểm đặc biệt nhất biểu hiện sự "dã man" của những người bônsêvích là không những họ coi "những người dân thuộc địa thấp kém" ấy như anh em, mà còn tổ chức cho họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Trong kỳ bầu cử các Xôviết, những sinh viên mà khi còn ở trong nước của họ thì chỉ là những "kẻ dân lành", những "người được bảo hộ", nghĩa là những người không có quyền gì khác hơn là quyền nộp thuế, những người không hề có quyền ứng cử và bầu cử ở nước họ, những người không được phép bàn bạc chính trị, thì nay ở nước Nga Xôviết những người đó được tham gia bầu cử và cử đại biểu của họ vào Xôviết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang cầu xin đổi quốc tịch mãi mà không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản.

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng đau khổ và đã thấy người khác đau khổ. Tất cả đều đã sống dưới "nền văn minh khai hoá cao cả" và dưới ách bóc lột và áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Vì thế tất cả đều ham mê và khao khát học tập và hiểu biết. Họ vừa hăng hái vừa nghiêm túc. Họ không hề chơi bời phóng túng như những thanh niên phương Đông ở Pari, ở Ôxpho, ở Béclin. Người ta có thể nói không ngoa rằng Trường đại học phương Đông ôm ấp dưới mái trường mình tất cả tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và miền Viễn Đông, từ Xyri đến Triều Tiên - chúng tôi chỉ nói đến những nước thuộc địa và nửa thuộc địa có một diện tích rộng hơn 15 triệu km^2, với số dân hơn 1.200 triệu người, tất cả những nước rộng lớn ấy ngày nay đều đang ở dưới ách của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Và mặc dù số lượng của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa thực sự mưu đồ tự giải phóng khỏi ách đó, và vì họ chưa hiểu giá trị của sự đoàn kết quốc tế, nên họ chưa biết đoàn kết nhau lại để đấu tranh. Họ chưa có những sự liên hệ giữa các nước họ với nhau, như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn một sức mạnh to lớn mà họ chưa biết! Việc thành lập Trường đại học phương Đông, tập hợp những người lãnh đạo trẻ tuổi tích cực, thông minh của các nước thuộc địa, đã làm được một công cuộc to lớn là:

a) Trường đã huấn luyện cho các chiến sĩ tiên phong tương lai ấy nguyên lý đấu tranh giai cấp, nguyên lý mà một mặt các cuộc đấu tranh chủng tộc và mặt khác các tập tục của chế độ gia trưởng đã làm lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Trường đã làm cho đội tiên phong của giai cấp vô sản các nước thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này, chỉ có sự hợp tác đó mới có thể bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Trường đã làm cho các dân tộc thuộc địa - từ trước đến nay rời rạc với nhau - hiểu biết nhau, và đoàn kết với nhau, do đó đặt cơ sở cho một khối liên hợp tương lai giữa các nước phương Đông, khối liên hợp đó là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Trường đã nêu lên cho giai cấp vô sản các nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể và phải làm cho những anh em của họ đang bị áp bức.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *La Vie Ouvrière,*
số 20, năm 1924.

THƯ GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢ[1]

Thưa đồng chí,

Tôi đã đến Mátxcơva vào tháng 7-1923. Tôi sẽ ra đi sau 3 tháng lưu lại ở đây. Vì lý do này hay lý do khác, việc lên đường của tôi đã bị hoãn hết tuần này sang tuần khác, rồi hết tháng này sang tháng khác.

Sau Đại hội lần thứ V, Ban phương Đông đã nói với tôi rằng:

1/ Ban sẽ giới thiệu tôi với Quốc dân đảng để tôi làm việc ở đấy vì ngoài lộ phí, Ban không thể giúp tôi về tài chính. 2/ Tôi sẽ ở chỗ đó với tư cách cá nhân chứ không phải với tư cách là cán bộ của Quốc tế Cộng sản. 3/ Tôi sẽ không có những quan hệ với Đảng chúng tôi ở Trung Quốc.

Dù tất cả những điều kiện đó đối với tôi là khó, nhưng tôi vẫn chấp nhận nó để có thể đi được. Để cứu vãn các điều kiện 2 và 3, tôi yêu cầu Đảng tôi cho tôi một giấy uỷ nhiệm, và gửi cho Đảng Trung Quốc một bức thư yêu cầu giúp đỡ tôi trong công tác. Vậy là vấn đề đã được giải quyết.

Nhưng lúc này nội chiến đang nổ ra ở Trung Quốc, Quốc dân đảng không trả lời bức thư của Ban phương Đông. Và việc lên đường của tôi một lần nữa lại phải hoãn lại vô thời hạn.

1) Đầu thư có chữ "*Chuyển cho Vôitinxki*" viết bằng tiếng Nga. Đầu đề do BBT đặt.

Như vậy, trước là vì Đảng tôi không trả lời. Nay là vì những người Trung Quốc đánh nhau. Vậy ngày mai sẽ là vì chuyện gì khác nữa. Nhưng tất cả những khó khăn sẽ không còn, nếu như vấn đề tài chính không đặt ra. Để vấn đề không đặt ra khi tôi hoạt động ở bên ấy, tôi chỉ yêu cầu các đồng chí cung cấp cho tôi những gì mà các đồng chí đang cung cấp để tôi chờ đợi, trong thời gian tôi không làm gì ở đây cả.

Xin gửi lời chào cộng sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

11-9-1924,

Thư đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ TƠRANH

Mátxcơva, ngày 19 tháng 9 năm 1924

Đồng chí Tơranh thân mến,

Ban phương Đông đã báo tin cho tôi rằng: Ban sẽ chi tiền đi đường cho tôi tới Quảng Châu, nhưng khi đến đó thì tôi phải tự xoay xở tìm lấy công việc.

Hẳn là làm việc để kiếm sống không phải là điều khó, thậm chí ngay cả ở một đất nước mà tôi chỉ biết viết chứ không biết nói thứ tiếng ở đó. Tuy nhiên, trong trường hợp của tôi, điều đó cũng có những cái bất tiện:

1/ Tôi phải sống gần như bất hợp pháp ở Quảng Châu, nơi nhung nhúc những mật thám Pháp.

2/ Nếu tôi nhận làm một công việc nào đó, thì toàn bộ thời giờ của tôi sẽ bị choán hết. Mà tôi thì phải được hoàn toàn tự do để làm việc theo ý muốn, tức là nghiên cứu hoàn cảnh, xem xét quần chúng và tổ chức cái gì đó.

Bởi vì Đảng chúng tôi và Ban phương Đông không thể giúp tôi về tài chính, nên tôi đề nghị đồng chí trình bày trường hợp của tôi trước Ban chấp hành và xin cho quyết định.

Xin gửi đồng chí lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Thư đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

HÀNH HÌNH KIỂU LINSƠ

MỘT PHƯƠNG DIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA NỀN VĂN MINH MỸ

Ai cũng biết giống người da đen là giống người bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất trong loài người. Ai cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã mang lại hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, một chế độ, trải qua nhiều thế kỷ, đã là một tai hoạ thật sự đối với người da đen và là một bất

hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ không biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng 65 năm nay rồi, nhưng vẫn còn phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là *tục hành hình kiểu Linsơ*.

Linsagiơ là do từ Linsơ mà ra. Linsơ là tên một chủ đồn điền ở bang Viếcgini vừa là địa chủ, vừa là quan toà. Lợi dụng tình hình rối ren trong cuộc chiến tranh giành độc lập, hắn thâu tóm toàn bộ quyền hành trong quận. Những người thuộc phái bảo hoàng và những người thuộc phái bảo thủ bị hắn trừng phạt rất dã man, không cần xét xử, không cần án từ gì cả. Nhờ bọn chủ nô, nhờ đảng Ku Klux Klan và những tổ chức bí mật khác, nên tục hành hình kiểu Linsơ, một tục không hợp pháp và man rợ trở thành phổ biến và kéo dài mãi ở các bang trong Liên bang Mỹ. Sau khi người da đen được giải phóng, tục đó càng trở nên vô nhân đạo, và đặc biệt chĩa vào người da đen.

CÁC BẠN HÃY TƯỞNG TƯỢNG...

Các bạn hãy tưởng tượng một đám đông cuồng loạn. Quả đấm nắm chặt, mắt đỏ ngầu, miệng sùi bọt, la ó, chửi bới, nguyền rủa..., đám đông ấy đang bị lôi cuốn bởi cái thú cuồng loạn được phạm tội ác mà không phải lo sợ gì cả. Họ vũ trang bằng gậy gộc, đuốc, súng lục, thừng, dao, kéo, nước lưu toan, dùi. Tóm lại là bất cứ vật gì có thể dùng để giết hoặc làm bị thương được.

Các bạn hãy tưởng tượng giữa đám đông ấy, là một đống thịt đen bị xô đẩy, đánh đập, giày xéo, rạch da, róc thịt, chửi rủa, bị đá đi đá lại, đẫm máu, bất động.

Cái đám đông ấy, chính là những kẻ tham gia hành hình. Cái xác người rách nát kia, đó là người da đen, là nạn nhân.

Trong cơn sóng hằn thù và thú tính, những kẻ tham gia hành hình lôi người da đen đến một khu rừng hay một quảng trường công cộng nào đó. Họ trói người đó vào cây, tưới dầu lửa vào người đó, lấy những chất dễ cháy phủ lên người đó. Trước khi châm lửa, họ bẻ dần từng chiếc răng một của người đó. Rồi móc mắt người đó. Từng nhúm tóc xoăn bị rứt khỏi đầu, mang theo từng mảng da, để lộ ra một sọ người đẫm máu. Nhiều miếng thịt nhỏ rời khỏi cái thân hình đã tím bầm vì bị đánh đập.

Người da đen không kêu được nữa: lưỡi đã sưng phồng lên vì một thanh sắt nung đỏ gí vào. Toàn thân người ấy quằn quại như một con rắn bị đánh, dở sống, dở chết. Một nhát dao, thế là rụng một tai. Ái chà! Nó mới đen làm sao! Nó mới đáng tởm làm sao! Thế là bọn đàn bà rạch nát mặt người đó ra...

Có kẻ hét: "Châm lửa lên đi!". Một kẻ khác góp thêm: "Đốt vừa đủ để thui nó từ từ thôi".

Người da đen bị nướng chín, thui vàng, cháy thành than. Nhưng người đó phải chết hai lần mới đáng đời. Cho nên họ liền treo người đó lên, nói cho đúng là treo cái xác không còn là một cái xác nữa lên. Và bây giờ, tất cả những người không được tham dự

cảnh thiêu sống ấy, vỗ tay. Hoan hô!

Khi ai nấy đã xem chán rồi, họ hạ cái xác xuống. Cái dây treo được chặt ra từng đoạn, bán mỗi đoạn 3 hay 5 đôla. Bọn đàn bà tranh nhau mua làm vật kỷ niệm và để lấy khước.

Thế là "Công lý nhân dân" - như ở đó, người ta vẫn gọi - đã được thực hiện. Đám đông dịu đi, khen ngợi những kẻ "hành sự" rồi tản dần đi, vui vẻ như vừa dự xong một bữa tiệc, và hẹn gặp nhau một bận khác.

Trong khi đó thì trên mặt đất nhày nhụa mỡ và khói, một đầu lâu đen, nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhăn nhó một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi vầng dương đang lặn rằng: "Đó là văn minh ư?".

MỘT CHÚT THỐNG KÊ

Từ 1889 đến 1919, đã có 2.600 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ, trong đó có 51 phụ nữ và thiếu nữ, với 10 cựu binh trong đại chiến.

Trong số 78 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ năm 1919, có 11 người bị thiêu sống, 3 người bị thiêu sau khi đã bị giết, 31 người bị bắn chết, 3 người bị hành hạ cho đến chết, 1 người bị chặt ra làm nhiều mảnh, 1 người bị dìm chết dưới nước, 11 người bị giết bằng nhiều cách khác.

Đứng đầu là bang Gioócgia với 22 nạn nhân, thứ đến bang Mítxixipi với con số 12. Trong cả bang thứ nhất và bang thứ hai đều có 3 binh sĩ trong số bị hành hình. Trong số 11 người bị thiêu sống, thì ở bang Gioócgia có 4 người và 2 người ở bang Mítxixipi. Trong 34 vụ hành hình có tính toán trước và có tổ chức hẳn hoi, thì bang Gioócgia cũng lại đứng đầu với 5 vụ. Thứ hai đến bang Mítxixipi với 3 vụ.

Căn cứ theo những tội trạng buộc cho những nạn nhân năm 1919, thì:

một người có chân trong Liên đoàn những người không đảng phái (những chủ trại độc lập);

một người đã truyền bá những sách báo cách mạng;

một người đã dám quá tự do lên tiếng công kích những vụ hành hình kiểu Linsơ;

một người đã bình luận về những vụ xô xát giữa một người da trắng và da đen ở Sicagô;

một người mà người ta biết là lãnh tụ của phong trào đấu tranh cho lợi ích của người da đen;

một người vì không kịp tránh sang bên đường nên đã làm cho một đứa bé da trắng ngồi trong ôtô hoảng sợ.

Năm 1920, có 50 vụ hành hình kiểu Linsơ và năm 1923, có 28 vụ.

Những tội ác đó bao giờ cũng là do ghen ghét về kinh tế mà ra, hoặc do thấy những người da đen ở địa phương làm ăn khấm khá hơn người da trắng, hoặc do thấy công nhân da đen không chịu bị bóc lột đến xương tuỷ. Trong tất cả các vụ đó, những thủ phạm chính không bao giờ bị làm rầy rà, chỉ đơn giản là vì họ luôn luôn được bọn chính khách, bọn tài chính, bọn cầm quyền và nhất là báo chí phản động kích thích, khuyến khích, xúi bẩy, rồi lại bao che.

Mỗi khi sắp xảy ra hay đã xảy ra một vụ hành hình kiểu Linsơ thế là báo chí chớp ngay lấy, coi là dịp may hiếm có để tăng số báo phát hành. Báo chí tường thuật sự việc với dụng tâm đưa ra rất nhiều chi tiết.

Không một lời trách móc hướng vào bọn giết người. Không một lời thương xót đối với những nạn nhân. Không một lời bình luận.

Báo New Orleans States ngày 26 tháng 6 năm 1919 đăng nổi bật tin sau đây bằng cỡ chữ 25 phân suốt chiều ngang trang nhất: *Hôm nay, một tên da đen sẽ bị 3.000 công dân thiêu chết.* Và ngay dưới đó là một tin in bằng chữ nhỏ xíu: *Được một đạo vệ binh lớn bảo vệ, Hoàng đế nước Đức đã cùng với Đông cung thái tử chạy trốn.*

Báo *Jackson Daily News* ra cùng ngày đó, in trên hai cột đầu trang nhất và bằng cỡ chữ lớn:

Tên da đen J.M.

sẽ bị dân chúng ở Enlisvinlơ thiêu chết,

vào năm giờ chiều nay

Tờ báo chỉ quên thêm "khẩn khoản mời toàn thể dân chúng đến dự", nhưng tinh thần là như vậy.

VÀI CHI TIẾT

"Hồi 7 giờ 40 phút tối nay, J.M. đã bị hành hạ bằng một thanh sắt nung đỏ, sau đó bị đem thiêu... Một đám đông khoảng 2.000 ngư[1],... có nhiều đàn bà và trẻ em đã tham dự vụ thiêu... Sau khi người da đen bị trói trước pháp trường, người ta liền đốt một đống lửa. Cách đó một quãng, một đống lửa khác cũng được đốt lên để nung một thanh sắt. Khi thanh sắt đã đỏ rực, một người cầm lấy và gí vào người da đen. Người này hoảng lên, vội nắm lấy thanh sắt. Thế là không khí sặc sụa mùi thịt cháy khét... Thanh sắt đỏ được gí vào nhiều nơi trên mình người da đen, tiếng kêu la và rên rỉ của người đó dội vào tận trong thành phố. Hành tội một hồi lâu, những người đeo mặt nạ tưới xăng vào người da đen và đốt đống củi lên. Ngọn lửa bốc cao và liếm quanh người da đen đang van xin người ta làm phúc cho nó một phát đạn. Những lời năn nỉ của nó làm cho người ta lớn tiếng chế nhạo" - Báo *Chatanocca Times*, ngày 13 - 2 - 1918.

"Mười lăm ngàn người vừa đàn ông, đàn bà và trẻ con hò reo như sấm khi người ta giội gadô[2] lên người tên da đen và châm lửa. Họ đấm đá nhau, la hét, và xô đẩy nhau để được đứng gần tên da đen hơn. Hai người trong bọn họ cắt tai tên da đen trong khi ngọn lửa bắt đầu thui nó.

1) *Inprekorr,* bản tiếng Đức, số 114, ngày 29-8-1924, tr. 1484, viết: "200 người".

2) *Gazoline.* X¨ng nhÑ, cÊt tõ dÇu ho¶.

Một người khác định cắt gót tên da đen... Đám đông nhấp nhô và di chuyển để ai nấy đều được nhìn thấy tên da đen bị đốt cháy. Khi thịt bị cháy hết, còn trơ xương ra và khi cái thân hình trước kia chỉ còn là một cái xác rách nát bốc khói, không ra hình thù gì nữa, chập chờn trong ngọn lửa, mọi người cũng vẫn còn mê mải đứng xem..." - Báo *Mymphis Press*, ngày 22-5-1917.

"... đàn ông thuộc đủ mọi hạng, đàn bà, trẻ con đều kéo đến xem. Nhiều bà trong giới thượng lưu đi theo đám đông từ cửa nhà tù đến đấy, những bà khác cũng từ các ngả gần đấy kéo đến... Khi xác tên da đen rơi xuống, người ta hăng hái tranh nhau những mẩu dây thừng" - Báo *Vicksburg Evening Post,* ngày 4-5-1919.

"... một người cắt tai nó, một người khác xẻo bộ phận sinh dục của nó... Nó tìm cách bám lấy dây thừng, người ta liền chặt phăng các ngón tay đi. Trong khi người ta treo nó lên cây, một gã to như hộ pháp lấy dao chém vào cổ nó: ít nhất nó cũng bị tới 25 vết thương... Nó bị kéo lên rồi hạ xuống đám lửa hồng, rồi lại bị kéo lên và hạ xuống, cứ thế mãi... Cuối cùng, một người ném dây thòng lọng tròng vào người nó, đầu kia thì buộc vào một con ngựa để lôi cái xác chạy khắp các phố Oacô. Cái cây treo xác tên da đen lại ở ngay dưới cửa sổ nhà viên thị trưởng. Ông này thản nhiên nhìn đám đông hành hình. Trên suốt chặng đường, tất cả mọi người đều tham gia băm vằm tên da đen. Nhiều người đập nó bằng xẻng, cuốc, gạch, gậy gộc. Khắp mình nó, từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đầy thương tích. Hàng nghìn người cùng reo vui vang dội, khi ngọn lửa được châm lên... Một lúc sau, cái xác được kéo lên cao, để ai nấy đều có thể ngắm nhìn được, nên người ta vỗ tay như sấm dậy..." - Báo *Crisis*, tháng 7-1916.

NHỮNG NGƯỜI DA TRẮNG LÀ NẠN NHÂN CỦA HÀNH HÌNH KIỂU LINSƠ

Chẳng cứ gì người da đen mà cả những người da trắng nào dám bênh vực người da đen cũng bị đối xử tàn nhẫn, như bà Hariét

Bichơ Stao, tác giả cuốn "*Cái lều của chú Tôm*" chẳng hạn. Eligiát Lôvagiôi bị giết. Giôn Brao bị treo cổ, Tômát Bítsơ và Xtêphen Phôxtơ bị ngược đãi, bị đánh đập và bị bỏ tù. Trong nhà tù, Phôxtơ đã viết như sau: "Khi tôi nhìn tay chân tôi bị đánh nát nhừ, tôi nghĩ rằng, để giam giữ tôi, nhà tù sẽ chẳng còn cần thiết bao lâu nữa... 15 tháng vừa qua, nhà tù đã 4 lần mở cửa xàlim đón tôi, đồng bào tôi đã 24 lần lôi tôi ra khỏi nhà thờ của họ, họ đã hai lần ném tôi từ tầng gác thứ hai xuống, một lần đánh tôi đến sụn lưng, một lần khác họ định cùm kẹp tôi, hai lần họ phạt tiền tôi. Có lần, 1 vạn người định đưa tôi ra hành hình kiểu Linsơ, và tôi đã bị đánh bị thương 20 chỗ, ở đầu, cánh tay, cổ...".

Trong 30 năm, đã có 708 người da trắng, trong đó có 11 phụ nữ, bị hành hình kiểu Linsơ, người thì vì đã tổ chức bãi công, người thì vì đã đồng tình với cuộc đấu tranh của người da đen.

Hành hình kiểu Linsơ thật đáng chiếm một vị trí vinh dự trong bộ sưu tập toàn bộ những tội ác của nền "văn minh" Mỹ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr*, tiếng Pháp,
số 59, năm 1924.

GIÁO DỤC QUỐC DÂN

"CÁI DÃ MAN" BÔNSƠVÍCH

Chính phủ Xôviết đã cho thực hiện chương trình sau đây:

A) Giáo dục không mất tiền và bắt buộc; giáo dục phổ thông và bách khoa đối với các trẻ em nam nữ cho đến 17 tuổi; từ 17 tuổi trở lên thì giáo dục chuyên môn và chuyên nghiệp.

B) Nhà nước chịu phí tổn cho tất cả học sinh về ăn uống, quần áo, giầy dép và những thứ cần dùng cho học sinh.

C) Thiết lập một hệ thống các trường mẫu giáo và vỡ lòng, nhà giữ trẻ, vườn trẻ, nhà nuôi trẻ, v.v. nhằm mục đích cải thiện việc giáo dục của xã hội, giải phóng người phụ nữ.

D) Nhân dân lao động tích cực tham gia việc giáo dục quốc dân; phát triển các "Hội đồng giáo dục quốc dân"; tất cả những công dân có trình độ giáo dục phổ thông, đều thuộc quyền sử dụng của Nhà nước, v.v..

E) Trong ngành đại học, các sinh viên nghèo và nhất là công nhân và nông dân được cấp học bổng và những ưu tiên khác để họ có phương tiện vật chất theo học ngay cả các trường đại học.

"NỀN VĂN MINH" PHÁP

Để truyền bá ánh sáng tốt lành của nền văn minh cao quý vào các nước được nước mẹ bảo hộ, nước Pháp đã đưa lại cho 40.000.000

"người Pháp hải ngoại" 8.007 trường học. Tôi không nói quá đâu. Dưới đây là con số thống kê chính thức.

Thuộc địa	*Dân số*	*Trường học*	*Học sinh*
- Tây Phi thuộc Pháp	12.000.000	290	12.000
- Châu Phi xích đạo thuộc Pháp	5.000.000	100	4.000
- Đông Dương	19.000.000	2.965	148.000
- Mađagátxca	3.000.000	789	78.000
- Xômali	64.000	2	250
- Đảo Rêuyniông	172.000	124	17.000
- Ấn Độ thuộc Pháp	270.000	52	9.000
- Ăngtiơ	500.000	194	18.500
- Guyan	144.000	23	2.000
- Tân Đảo	17.000	18	600

Trong xứ Goađơlúp, 10.000 trẻ em không có trường học. Tại Angiêri thuộc Pháp, từ suốt 94 năm nay, trong số 5.000.000 dân chỉ có 35.000 học sinh là được hưởng thụ một nền giáo dục nhỏ giọt, còn 695.000 trẻ em bản xứ thì phải chịu dốt nát. Tại Cao Miên: 60 trường cho 2.000.000 dân! Tại Nam Kỳ (thuộc Pháp từ hơn nửa thế kỷ nay): trong số 2.500.000 người dân, chỉ có 51.000 học sinh.

May mắn thay, tuy chúng ta thiếu trường học, nhưng nước Pháp đã ban cho chúng ta rất nhiều nhà thổ, tiệm hút thuốc phiện và ty rượu.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 29,
tháng 9-1924.

CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA VÀ TRUNG [1]

Những sự biến ở Trung Quốc có hai mặt: sự xung đột giữa các tướng lĩnh Trung Quốc và sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài. Chính mặt sau này làm cho chúng ta quan tâm hơn cả, vì nó quyết định cuộc chiến tranh nồi da nấu thịt có thể đưa lại những hậu quả nghiêm trọng nhất.

Hãy thử tóm tắt lịch trình những cuộc can thiệp của nước ngoài trong quá khứ để tìm ra nguyên nhân thực tế, lý do chính của sự can thiệp hiện tại.

MỘT SỐ NGÀY THÁNG

1635, vua Anh gửi thư yêu cầu cho phép buôn bán ở Trung Quốc.

1830, đại sứ Anh yêu cầu cho phép nhập khẩu thuốc phiện vào Trung Quốc. Yêu cầu bị Trung Quốc bác bỏ.

1836, người Anh nhập khẩu 20.280 hòm thuốc phiện lậu vào Trung Quốc.

1839, nước Anh tuyên chiến với Trung Quốc để bắt buộc nước này phải nhận thuốc phiện.

1841, Hương Cảng bị chiếm đoạt, Trung Quốc phải bồi thường 21.000.000 đồng đôla chiến phí, trong đó 6.000.000 đồng là

1) Một phần bài này được đăng lại trên *Le Paria*, số 30, tháng 10-1924 dưới nhan đề: *Không được đụng đến Trung Quốc*.

đền vào giá trị số thuốc phiện bị phá huỷ.

1856, nước Anh gây ra một cuộc chiến tranh mới để buộc Trung Quốc phải hợp pháp hoá việc bán thuốc phiện và mở cửa biển cho nước ngoài vào buôn bán.

1860, quân đội Anh - Pháp chiếm Bắc Kinh. Nhượng bộ: Anh - Pháp được chiếm đóng đảo Víchtôria. Bồi thường: 800 triệu lư[1] cho Pháp và 10 triệu bảng cho Anh.

1874, Nhật Bản tấn công Trung Quốc. Nhượng bộ: bãi bỏ chủ quyền của Trung Quốc ở Đài Loan, và đảo này thành thuộc địa của Nhật. Bồi thường: 50 triệu lượng.

1876, chiến tranh với Nga. Nhượng bộ: lãnh thổ bị chiếm đóng. Bồi thường: 900 triệu rúp.

1878, lại xung đột với Anh. Nhượng bộ: thừa nhận trị ngoại pháp quyền. Bồi thường: 20 triệu lượng.

1885, Pháp tấn công. Nhượng bộ: bãi bỏ chủ quyền Trung Quốc ở An Nam , nước này bị Pháp chiếm làm thuộc địa.

1895, Nhật tấn công. Nhượng bộ: Trung Quốc hết chủ quyền ở Triều Tiên. Nước này bị Nhật chiếm làm thuộc địa. Bồi thường: 20 triệu lượng.

1895, Nga, Pháp và Đức cùng tấn công. Nhượng bộ: thừa nhận quyền xây dựng đường sắt. Bồi thường: 3 tỷ lượng.

1897, Đức xâm lược. Kiều Châu bị chiếm đóng, phải thừa nhận quyền khai thác hầm mỏ.

1897, Nga xâm lược. Cửa Lữ Thuận bị chiếm.

1897, Anh xâm lược. Hải Xâm Uy bị chiếm đóng.

1898, Pháp xâm lược. Thừa nhận quyền thiết lập đường điện tín ở Hoa Nam.

1900, Can thiệp vũ trang của Anh, Nga, Đức, Pháp, Mỹ, Ý, Áo và Nhật (Cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hoà đoàn[52]). Quân đội nước ngoài đóng ở Bắc Kinh và ở các cửa biển quan trọng. Bồi thường: 450 triệu lượng.

Từ khi nổ ra cuộc chiến tranh thế giới, bọn đế quốc chủ nghĩa thay thế việc ăn cướp công khai và vũ trang bằng việc ăn cướp che đậy và ngoại giao. Chúng thông qua những cuộc hội nghị, lặng lẽ cướp bóc Trung Quốc đang ở trong tình trạng chia rẽ và bị bó tay trước bọn chúng.

1919, Hiệp ước Vécxây chuyển giao tất cả những tô giới của Đức ở Trung Quốc cho Nhật, mặc dầu chính Trung Quốc cũng là một nước đồng minh.

1922, Hội nghị Oasinhtơn thông qua việc các nước Anh, Pháp, Mỹ và Nhật nắm lấy các khoản thu nhập ở Trung Quốc và nắm các độc quyền về rượu, muối, v.v..

1923, Thông điệp của các đại sứ đòi cho Pháp, Anh, Mỹ, Nhật, và Bỉ quyền quản lý các đường sắt Trung Quốc. Tháng 9 năm 1924, hạm đội của các cường quốc nói trên thao diễn trước Quảng Châu.

1) *Tael:* Đơn vị tiền tệ cũ của Trung Quốc.

TÌNH HÌNH TRUNG QUỐC

Chúng ta đã thấy rằng, dưới nhiều lý do khác nhau và bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, các nước tư bản chủ nghĩa can thiệp vào Trung Quốc trước sau cũng vẫn chỉ nhằm đi tới một kết quả là bắt nhượng đất và lấy tiền bồi thường.

Bây giờ hãy nhìn qua tình hình kinh tế và tài chính của cái nước lớn ấy, nước có một nền văn minh lâu đời và hiện đang là đối tượng dòm ngó của bọn chúng.

Từ năm 1895, Trung Quốc đã ký kết 16 hiệp ước vay mượn, mà tổng số lên đến:

902.000.000 phrăng,

61.500.000 bảng Anh,

64.368.000 đôla,
115.000.000 yên,
1.763.000 cuaron Hà Lan.

Thuế quan, thuế chợ, tiền thu về đường sắt, lợi tức về công nghiệp, thuế rượu và thuế thuốc lá, tiền thu về bưu điện và ngân khố quốc gia, thuế muối, v.v. đều phải đem ra bảo đảm cho cái khoản vay mượn ấy.

Nhìn vào bản đồ Trung Quốc, ta thấy rằng hầu hết các hải cảng quan trọng, hầu hết các vị trí chiến lược, hầu hết các trung tâm sản xuất hiện đại đều bị nước ngoài chiếm đóng. Song bản đồ vẫn chưa nói được hết. Bản đồ vẫn chưa chỉ rõ được ảnh hưởng của tư bản nước ngoài lan rộng tới đâu, cũng chưa chỉ rõ được tầm đại bác của bọn đánh thuê của nước ngoài có thể bắn tới tận đâu.

VIỆC BIẾN TRUNG QUỐC THÀNH THUỘC ĐỊA

Mặc dầu Trung Quốc rất suy nhược, mặc dầu nội bộ Trung Quốc bị chia rẽ, nhưng dẫu sao con số 11.139.000 km^2 của nó cũng vẫn là một miếng mồi quá to mà cái mõm của chủ nghĩa đế quốc thực dân không thể nuốt trôi ngay một cái được. Và không thể trong một ngày mà đẩy một cách tàn bạo 489.500.000 người Trung Quốc vào xiềng xích của chế độ nô lệ thuộc địa. Cho nên người ta cắt vụn Trung Quốc ra: cách này chậm hơn nhưng khôn hơn.

Một nguyên nhân khác làm chậm việc biến Trung Quốc thành một thuộc địa có tính chất quốc tế là sự tranh giành giữa các nước đế quốc chủ nghĩa.

Nước Pháp đã chiếm được Đông Dương, muốn xâm lược miền Nam Trung Quốc. Việc xây dựng tốn kém con đường sắt Bắc Kỳ - Vân Nam phủ là một bằng chứng về điều đó.

Nước Anh hiện chiếm được Hương Cảng, ít nhất lúc này cũng tạm vui lòng với lối nô dịch kinh tế, nó đã kiểm soát được hầu hết tất cả các nguồn sản xuất; vậy thì ích gì mà phải lúng túng về việc

đóng quân trên một lãnh thổ vô cùng rộng lớn nữa? Nhưng không đời nào Anh lại chịu để cho Pháp trở thành một cường quốc thực dân thật sự ở châu Á. Và bởi vì Ấn Độ đã thức tỉnh đang bắt đầu gạt bỏ ách áp bức kinh tế của nước Anh, cho nên bọn hám lợi nước Anh phải tìm cách vớt bù lại ở Trung Quốc. Nước Nhật quá đông dân vẫn lăm le chiếm lấy vài tỉnh của Trung Quốc, nhưng khi nào Mỹ lại chịu để như thế, vì nó sẽ là một mối nguy cho Mỹ. Đối với Mỹ, Trung Quốc là một thị trường và có thể là một đồng minh trong một cuộc xung đột với Nhật Bản.

Ý NGHĨA CỦA CUỘC CAN THIỆP HIỆN NAY

Trong một cuộc can thiệp hiện nay, bọn đế quốc nhằm hai mục đích. Trước hết, giành thêm những nhượng bộ mới, sau nữa - và tôi cho rằng đây là điều chủ yếu - lật đổ Tôn Dật Tiên. Chúng ta biết rằng các chính phủ lên thay nhau ở Bắc Kinh luôn luôn vẫn thực hiện có một chính sách là: bên trong thì chính sách hủ bại, bên ngoài thì khuất phục trước bọn đế quốc chủ nghĩa nước ngoài.

Trái lại, Tôn Dật Tiên, "người cha của cách mạng Trung Quốc", người đứng đầu chính phủ Quảng Châu, thì luôn luôn trung thành với những nguyên lý của mình, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Cương lĩnh của đảng ông - ***Quốc dân đảng*** - là một cương lĩnh cải cách. Cương lĩnh đó gồm những điều khoản chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt. Đảng đó lớn tiếng tuyên bố đoàn kết với các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và với giai cấp vô sản quốc tế. Đảng đó đồng tình với Cách mạng Nga: Thật là một tội lỗi không thể tha thứ được! Chủ nghĩa đế quốc Pháp, kẻ áp bức nhân dân Đông Dương, đang lo ngại về ông bạn láng giềng khó chịu ấy, vì những tư tưởng phá hoại của ông láng giềng cũng có thể xuyên qua biên giới và thâm nhập vào những người nô lệ An Nam của họ. Trung Quốc có biên giới chung với Ấn Độ và Triều Tiên. Một nước Trung Hoa thống nhất, tự do và hùng mạnh sẽ là màn giáo đầu của một nước Triều Tiên độc lập và một nước Ấn Độ giải phóng. Đế quốc Anh và đế quốc Nhật không thể không lo ngại về

điều đó. Nguy cơ tuy còn xa, nhưng suy theo tính chất rộng lớn ấy, thì cũng đã là một mối nguy cơ thực tế rồi.

Chính vì thế mà ngày nay người ta đang tìm cách thanh toán Tôn Dật Tiên và đảng của ông, cũng như trước đây người ta đã tìm cách bóp chết nước Nga cách mạng vậy.

NHỮNG KHẢ NĂNG CỦA MỘT CUỘC CAN THIỆP VŨ TRANG

Các cường quốc đế quốc chủ nghĩa theo nhau gửi tối hậu thư. Người ta huy động các hạm đội trên mặt biển Trung Quốc. Người ta tập trung tàu chiến vào cửa bể Thượng Hải và cửa sông Dương Tử. Có lẽ sẽ có một cuộc can thiệp trực tiếp chăng? Điều đó không chắc chắn lắm. Trong cái âm mưu mới chống lại nhân dân Trung Quốc này, Anh nắm vai trò lãnh đạo. Mácđônan sẽ *không dám* liều lĩnh tiến hành một cuộc can thiệp ra mặt. Ông ta đành chỉ sẽ ra sức giúp cho những kẻ thù của Tôn Dật Tiên, và cái sách lược cổ truyền của chính sách nước Anh lại được tiếp tục thực hiện chờ đợi tình trạng đục nước béo cò.

NHỮNG HẬU QUẢ CỦA VIỆC CAN THIỆP

Chủ nghĩa tư bản quốc tế đang điên cuồng tích luỹ. Kế hoạch của các nhà chuyên môn đang tổ chức việc nô dịch công nhân nước Đức. Ngoại giao đầy tính chất can thiệp - ngoại giao của các tuần dương hạm, như Tôn Dật Tiên nói - đang chuẩn bị nô dịch những người lao động da vàng. Việc nô dịch hoàn toàn giai cấp vô sản Đức chắc chắn sẽ dẫn tới việc nô dịch giai cấp vô sản châu Mỹ và châu Âu. Kế hoạch Đaoxơ[53] là một sự tấn công trực tiếp vào giai cấp công nhân. Việc biến Trung Quốc thành thuộc địa sẽ khiến cho chủ nghĩa tư bản kiếm được nhân công hết sức rẻ mạt, sẽ hạ thấp tiền lương ở châu Âu và châu Mỹ, sẽ củng cố thế lực tư bản. Việc can thiệp vào Trung Quốc là một cuộc tấn công trực tiếp vào giai cấp công nhân.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 67, ngày 24-9-1924.

CÔNG CUỘC KHAI HOÁ GIẾT NGƯỜI

Người da trắng khai hoá những người da đen như thế nào - Một vài sự việc mà những sách giáo khoa về lịch sử không nói đến.

Nếu lối hành hình theo kiểu Linsơ của những bọn người Mỹ hèn hạ đối với những người da đen là một hành động vô nhân đạo, thì tôi không còn biết gọi việc những người Âu nhân danh đi khai hoá mà giết hàng loạt những người dân châu Phi là cái gì nữa.

Từ ngày người da trắng đặt chân lên bờ biển lục địa của người da đen thì lục địa đó không lúc nào là không đẫm máu. Ở đó, những cuộc tàn sát hàng loạt được Giáo hội cầu chúc phúc lành, được bọn vua chúa và nghị viện phê chuẩn một cách hợp pháp, được bọn buôn người da đen đủ mọi hạng - từ bọn buôn nô lệ xưa kia, cho đến bọn quan cai trị ngày nay ở thuộc địa - chăm chú thi hành.

TÔN GIÁO

Chính là để gieo rắc những ơn lành của đạo Kitô, mà vào khoảng năm 1442, những tướng tá của đức vua Tây Ban Nha rất ngoan đạo đã đổ bộ lên bờ biển châu Phi. Việc truyền đạo của họ bắt đầu bằng những cuộc tàn sát. Theo lời những cuốn nhật ký hành trình của họ, thì: "... Và cuối cùng, Đức vua (là người vẫn

hằng thưởng công huân những công cuộc làm rạng rỡ uy danh của Ngài), đã giúp cho những bầy tôi trung thành của Ngài chiến thắng được kẻ thù. Ngài đã ban danh vọng để đáp lại công lao của chúng ta, đã trả các khoản chi phí của chúng ta và nhờ Ngài chúng ta đã bắt được 165 người vừa đàn ông, đàn bà và trẻ con, *chưa kể một số đông bị giết và bị thương"*.

Những kẻ đi chinh) ngoan đạo đó đã tạo thành một thứ thói tục.

Trong bản kê những của cải tịch thu được của những người Giêduýt[2)] Braxin, năm 1768 thì ngoài những cây thập tự cứu thế và những đồ thờ khác ra, còn có những con dấu bằng sắt dùng để đánh dấu lên mặt người nô lệ.

Trong một thời gian dài, các hội "*truyền bá đạo Kitô"* của người Anh đã lấy việc buôn nô lệ làm nguồn lợi cho việc thờ phụng truyền giáo của họ.

Ngày 12 tháng 2 năm 1835, giáo hội độc lập của Giáo khu Crít Sócsơ (Nam Carôlin) đã đăng báo quảng cáo rằng giáo hội sắp đem bán một món hàng từ 10 nô lệ đã quen việc trồng bông. Thật người ta có thể kể ra không biết bao nhiêu sự việc như thế.

Những giáo hội ở Bắc Mỹ đều là những kẻ thù kiên quyết nhất chống việc xoá bỏ chế độ nô lệ.

BỌN VUA CHÚA

Từ Sáclơ Canh cho đến Lêôpôn đệ nhị, vua Bỉ, từ bà Nữ hoàng đức hạnh của nước Anh là Êlidabét cho đến Napôlêông, tất cả cái bọn người ngồi trên ngai vàng ấy đều buôn bán người da đen. Tất

1) *Conquistador:* Chỉ những tướng tá Tây Ban Nha hồi thế kỷ XV và XVI đã đi xâm lược Trung Mỹ và Nam Mỹ.

2) *Les Jésuites*: Một dòng đạo Kitô do Inga đơ Loayôla, người Tây Ban Nha, thành lập từ năm 1534, tổ chức theo kiểu quân đội. Ngoài việc truyền giáo, dòng này còn có nhiều hành động rất dã man, tàn ác.

cả bọn vua chúa đi chiếm thuộc địa đều đã ký những hiệp ước và đã cho phép độc quyền kinh doanh thịt người da đen.

"Ngày 27-8-1701, Đức vua Tây Ban Nha rất ngoan đạo, và Đức vua Pháp rất ngoan đạo đã cho Công ty hoàng gia ở Ghinê được độc quyền trong 10 năm chở những người da đen trong các thuộc địa châu Mỹ... để nhân đó mà cả bọn vua tôi đều kiếm được những món lợi lớn...".

"Đức vua Anh nhận trách nhiệm đưa vào đất Mỹ thuộc Tây Ban Nha 144.000 người da đen, cả nam lẫn nữ, đủ các lứa tuổi, với giá tiền mỗi đầu người là 33 đồng êquy và 1/3 đồng...".

BỌN BUÔN NGƯỜI DA ĐEN

Năm 1824, một chiếc tàu buôn người da đen vừa lấy những người da đen từ bờ biển châu Phi để đưa đi Ăngtiơ, thì bị một tuần dương hạm đuổi theo. Trong khi đuổi theo, người ta thấy có nhiều chiếc thùng trôi lềnh bềnh gần tuần dương hạm. Người ta tưởng rằng chiếc tàu buôn người da đen đã vứt bỏ những thùng nước xuống cho nhẹ bớt để dễ chạy trốn. Nhưng khi đã cặp sát được chiếc tàu rồi, thì người ta nghe thấy tiếng rên rỉ trong một chiếc thùng để trên boong tàu: mở ra thấy hai người đàn bà da đen gần bị chết ngạt. Té ra chiếc tàu buôn người da đen đã nghĩ được cách đó để cho nhẹ bớt tàu.

Một chiếc tàu Anh cứu được một chiếc tàu buôn người da đen bị đắm. Người ta cứu cả những người da đen lẫn thuỷ thủ trên tàu. Nhưng đến khi thấy thiếu lương thực, người ta liền quyết định hy sinh những người da đen. Người ta bắt họ sắp hàng trên boong tàu, rồi dùng hai khẩu súng lớn bắn họ một cách không thương xót gì cả.

TÌNH CẢNH NHỮNG NGƯỜI NÔ LỆ

Những người da đen bị bắt đều bị buộc cổ, buộc tay, buộc chân

với nhau, thành từng đôi một. Rồi người ta lại dùng một cái xích dài buộc thành từng chuỗi 20 hay 30 người một. Trói như thế rồi, người ta dong họ ra tận bến tàu. Người ta nhét họ chồng chất vào trong hầm tàu chật chội, tối om và nghẹt thở. Để "bảo đảm vệ sinh", người ta dùng roi quật họ tới tấp như mưa để bắt họ phải nhảy nhóc lên mỗi ngày vài lần. Để hòng được rộng chỗ, thường thường là, đàn ông bóp cổ lẫn nhau, và đàn bà thì dùng đinh đâm thủng trán những chị bên cạnh. Những người ốm bị coi là hàng hoá đã hư hỏng không bán được, bị quẳng xuống biển. Khi biển động, người ta ném người da đen xuống biển để cho nhẹ tàu. Nói chung khi tàu cặp bến thì một phần tư chuyến hàng da đen đã chết gục vì bệnh truyền nhiễm hay chết ngạt. Những người nô lệ còn sống sót bị đem đóng dấu và đánh số bằng sắt nung đỏ như súc vật vậy, người ta đếm họ bằng tấn, bằng "kiện" chứ không phải bằng đầu người. Thí dụ như Công ty Bồ Đào Nha ở Ghinê, năm 1700 đã ký một hợp đồng là sẽ cung cấp 11.000 "tấn" người da đen.

Hơn 15 triệu người da đen đã bị chở sang Mỹ trong những điều kiện như vậy, độ 3 triệu đã chết dọc đường hay bị ném xuống biển. Còn những kẻ vì chống cự hay nổi loạn mà bị giết thì không kể... Lối buôn bán nhơ nhuốc đó chấm dứt vào khoảng năm 1850 để nhường chỗ cho một hình thức nô lệ khác phổ biến hơn là: chế độ thực dân.

CHẾ ĐỘ THỰC DÂN

Những hiện tượng tàn khốc mà chúng tôi sắp kể ra đây, nếu không phải là đã được chứng minh bằng những tài liệu không thể chối cãi được, nếu không phải chính những người Âu kể lại, thì người ta khó mà tin được.

Một nhà buôn Pháp ở Mađagátxca thấy trong két bạc của hắn bị mất trộm, đã dùng điện tra tấn nhiều người bản xứ làm cho hắn mà hắn ngờ là đã lấy trộm. Sau đó ít lâu, người ta phát hiện ra rằng chính con hắn đã lấy.

Một viên quan cai trị thuộc địa đã bắt một chị người da đen đội một hòn đá lớn đứng suốt ngày ngoài nắng chang chang. Rồi hắn sai đem trói chị lại và sai đổ cao su nóng bỏng vào bộ phận sinh dục của chị.

Một tên thực dân nọ nổi giận vì không thể bắt hai người đầy tớ bản xứ của hắn làm công không, đã đem trói hai người đó vào cọc, giội dầu hoả lên và thiêu sống.

Những tên thực dân khác đem nhét mìn vào mồm hay hậu môn những người da đen và đốt cho nổ.

Một viên chức kia khoe là một mình hắn đã giết 150 người bản xứ, chặt 60 bàn tay, đóng trên cây thập tự rất nhiều đàn bà và trẻ con, và treo rất nhiều xác người đã bị vằm lên tường các làng mà hắn được trao cho cai trị. Một công ty khai khẩn đồn điền nọ đã làm chết 4.500 người lao động bản xứ tại riêng một đồn điền của nó.

Trường hợp ngoại lệ, cá biệt ư? Không phải. Đó là tục lệ của họ. Nhưng chúng ta hãy kể một vài tội ác giết người hàng loạt mà người ta không thể đổ tại bản tính dã man của một vài cá nhân nào cả, nhưng là những tội ác mà toàn bộ chế độ phải chịu trách nhiệm trước lịch sử.

Một nhà văn Pháp kể lại: "Trong xứ Angiêri của chúng ta ở sát bãi sa mạc, tôi đã thấy như sau: Một hôm, binh lính bắt những người Arập chẳng mắc tội tình gì ngoài cái tội đã trốn tránh sự tàn bạo của những kẻ đã chinh phục họ. Viên quan năm ra lệnh đem giết ngay không cần điều tra, xét xử gì cả. Và đây là điều đã xảy ra... Họ bị bắt tất cả là 30 người. Người ta đào 30 hố ở bãi cát rồi đem chôn họ xuống đến cổ, trần truồng, đầu cạo trọc, dưới trời nắng giữa trưa. Để giữ cho họ không chết ngay, thỉnh thoảng người ta lại đem nước tưới như tưới cải bắp... Nửa giờ sau, mi mắt họ sưng húp lên, con mắt lòi ra. Lưỡi sưng vù lên đầy cả cái miệng mở há hốc trông thật khủng khiếp... rồi da nứt ra, trán thì vàng lên như thịt lợn quay...".

Một bộ tộc ở Băngghi không thể cung cấp được đủ số cao su cho đồn điền. Đồn điền này muốn buộc họ phải nộp cho đủ số thiếu, liền bắt 58 phụ nữ và 10 trẻ em giữ làm con tin. Những con tin này bị nhốt vào chỗ thiếu không khí, thiếu ánh sáng, thiếu ăn và ngay cả nước uống cũng thiếu nữa. Thỉnh thoảng người ta lại đến đánh đập họ. Theo bọn thực dân nói thì tiếng kêu la của họ dùng để thôi thúc công việc. Sau ba tuần chịu đau đớn khốc liệt, 58 phụ nữ và 2 trẻ em chết.

Năm đó hạn hán. Mùa màng mất cả. Toàn vùng đó ở châu Phi bị khốn khổ. Người ta phải ăn cỏ và rễ cây. Các cụ già chết vì đói lả. Thế mà chính phủ khai hoá vẫn cứ bắt phải nộp thuế. Những người dân đang bị hạn hán bỏ lại cho chính phủ ruộng đất, vườn tược, nhà cửa và trốn vào núi. Viên quan cai trị đưa chó săn và lính vào truy nã và tìm thấy họ trong một cái hang. Người ta bèn hun cho họ chết.

Năm 1895, người Anh đã tàn sát 3.000 người [1] nổi loạn đã ra đầu hàng họ.

Từ 1901 đến 1906, người Đức ít ra cũng đã tàn sát đến 15.000 dân Hererô ở Tây Phi.

Năm 1911, người Ý, trong có 3 ngày mà đã biến ngoại ô Masiya thành lò sát sinh, 4.000 người bản xứ bị giết ở đó.

Những cuộc tàn sát đại quy mô đó được nêu lên thành nguyên tắc chính trị. Đó là chính sách giết sạch. Một chính phủ ở Cáp đã tuyên bố: "Nếu người bản xứ mà đi vào con đường không tuân lệnh và nổi loạn, thì họ sẽ bị thẳng tay quét sạch khỏi nước họ, và sẽ có những dân tộc khác đến thay thế họ".

Ngày nay, 10 năm sau cuộc chiến tranh đòi "quyền dân tộc tự quyết", thì người Tây Ban Nha và người Pháp vẫn tiếp tục cuộc

1) Tên gọi chung những bộ lạc thuộc giống người Caferes ở miền Đông Nam châu Phi, giữa hai con sông Lanhpôpô và Dămbedơ.

xâm chiếm đẫm máu nước Marốc, dưới con mắt bao che của những kẻ tai to mặt lớn ở Hội quốc liên[54].

Lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi - cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào - thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu những người bản xứ.

Sau những cuộc tàn sát thẳng tay thì chính những chế độ lao dịch, khuân vác, lao động khổ sai, rượu cồn, bệnh giang mai tiếp tục hoàn thành công cuộc tàn phá của sự nghiệp khai hoá. Kết quả tất nhiên của chế độ ghê tởm đó là sự tiêu diệt giống da đen.

Kể ra thì thêm vào những sự việc đó một vài con số, cũng tốt, nhưng cũng thật là đau đớn. Người ta sẽ thấy rằng một vài tên thực dân giàu có lên nhanh chóng thì cũng đúng vào lúc dân số những miền bị bóc lột giảm bớt đi không phải là không nhanh chóng. Từ 1783 đến 1793, Công ty Livécpôn đã kiếm được chừng 1.117.700 bảng bằng cách buôn bán nô lệ. Cũng trong thời gian đó, dân số trong vùng công ty đó đặt chân đến, đã mất đi 304.000 người. Trong 9 năm, vua Lêôpôn Đệ nhị đã bóc lột xứ Cônggô được 3.179.120 bảng.

Năm 1908, dân số xứ Cônggô thuộc Bỉ là 20 triệu, đến năm 1911, chỉ còn có 8.500.000 thôi. Trong xứ Cônggô thuộc Pháp, những bộ tộc gồm có 40.000 người mà trong 2 năm chỉ còn lại có 20.000 người, nhiều bộ tộc khác không còn lấy một người.

Năm 1904, dân số Hôtentô là 20.000 người, chỉ trong 7 năm bị đô hộ, còn lại có 9.700 người.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 69, năm 1924.

THỐNG CHẾ LIÔTÂY VÀ BẢN TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN

Thủ hiến xứ Marốc cho bản đại hiến chương của giai cấp tư sản Pháp là có tính chất phá hoại và nguy hiểm.

Hội Nhân quyền và Công dân quyền[55] (từ năm 1924...) đã có cái chủ trương khờ dại là cho niêm yết tại các trường học và công sở xứ Marốc thuộc Pháp bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền năm 1789. Thống chế Liôtây - người có trọng trách giữ vững Nhân quyền và Công dân quyền tại Marốc, đã cấm ngặt việc niêm yết bản Tuyên ngôn quá nguy hại đó. Không may cho người Marốc và may thay cho những người Pháp cách đây 135 năm, là vị Thống chế vinh quang của chúng ta đã sinh ra khoảng 75 hay 80 năm sau cuộc đại Cách mạng; chứ không thì... Nhưng thôi, không đùa nữa, chúng ta hãy nói thẳng vào việc.

Trong bức thư gửi cho Thủ tướng Nội các, Thống chế cắt nghĩa lệnh cấm đó như sau:

"Trong lúc này và trong nhiều năm về sau nữa, đối với dân bản xứ, nước Pháp có một nhiệm vụ trước nhất phải làm tròn là: dạy cho họ biết giữ bổn phận của mình. Chỉ khi nào họ hiểu bổn phận của họ thì mới có thể nói đến việc ban bố cho họ những quyền lợi mà hoàn cảnh xã hội và trình độ hiểu biết của họ có thể cho phép họ được hưởng.

"Trong lúc này, *không thể*[*] đưa ra cho những kẻ mà chúng ta đang bảo hộ các quyền lợi được thi hành ở Pháp cho công dân Pháp, *nhất là* điểm: "Nguyên tắc chủ quyền là ở trong quốc dân, và luật pháp là biểu hiện của ý chí"...

"Vậy niêm yết những nguyên tắc đó ở các chỗ công cộng là rất *nguy hiểm*.

"Bất đắc dĩ lắm, ta chỉ có thể làm thoả mãn được Hội nhân quyền trong những trụ sở *chỉ riêng* có người Pháp lui tới mà thôi; nhưng trên thực tế, ở Marốc hiện không có những trụ sở như thế v.v.".

Mặc cho Liôtây cứ việc coi bản Tuyên ngôn... đã đưa lại sự tự hào cho nền Cộng hoà của ông ta và vinh dự cho cha ông của ông ta, như một mảnh giấy lộn tồi tàn; mặc cho ông ta cứ việc ngạo nghễ khinh thường một tổ chức có tiếng tăm của nền dân chủ tư sản và của những nguyên lý lớn thời Cách mạng 1789-1793, chúng ta cũng cóc c...ần và người Marốc cũng vậy. Nhưng chúng ta phải nhắc lại cho những anh em xứ Marốc chúng ta điều này:

Trong cuộc chiến tranh vì "công lý" - không phải công lý cho Con người và cho Công dân, mà công lý cho bọn Diều hâu và Cá mập - thì trong số 53.000 người Marốc đã làm "bổn phận của họ" (40.000 người làm lao động và 13.000 làm lính), có 10.000 đã làm tròn bổn phận mình đến nỗi đã bỏ xương trên các bãi chiến trường. Có những người Marốc khác cũng đã làm "bổn phận" mình bằng cách cung cấp cho nước mẹ đang lâm chiến hàng vạn tấn hàng hoá, hàng trăm triệu phrăng trong các cuộc công trái bắt buộc, được gọi là công trái "Chiến thắng" và cho các cuộc lạc quyên bắt buộc, để giúp các vùng bị quân "bôsơ dã man" xâm chiếm, đã làm trong thời kỳ 1914-1918 đúng những điều mà những người Pháp văn minh đã làm cách đây 20 năm ở Marốc và hiện đang làm hằng ngày ở đó. Để đền đáp lại những bom đạn và những công ơn của Nước bảo hộ, nông dân Marốc trong khoảng mười lăm năm đã phải "nhường lại"

[*] Tôi gạch dưới - N.A.Q

hàng chục vạn hécta ruộng đất tốt nhất của mình, còn mình thì lên núi và những cao nguyên trơ trụi để chết đói. Vì nền "thái bình của nước Pháp", họ đã phải đóng sưu thuế nặng nề cứ hằng năm lại tăng lên. Thuế má từ chỗ 109.499.000 phrăng hồi năm 1918, năm 1922 đã lên tới 171.953.000. Trong số mấy trăm triệu thuế do người Marốc đã đổ mồ hôi ra đóng đó, thì 96.000.000, nghĩa là một phần ba, dùng để nuôi béo những người như Liôtây và đồng bọn (chỉ riêng những khoản chi phí cho Phủ Toàn quyền cũng đã lên tới 25.000.000 phrăng).

Thế là người Marốc đã làm tròn "bổn phận" của mình, bổn phận người nô lệ. Nhưng để xứng đáng với quyền Con người và quyền Công dân, họ còn phải làm bổn phận của họ là những Con người và những Công dân nữa, nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành lấy các quyền đó, như người Pháp từng làm hồi 1789[56] và như giai cấp vô sản cách mạng ngày nay đang làm. Bổn phận đó, những anh em chúng ta ở Marốc chưa hiểu. Cho nên Liôtây đã có lý để cho rằng rượu cồn, thuốc phiện và nhà thổ (những tiệm rượu và nhà thổ ở Marốc cứ 5 năm lại tăng 280%) có giá trị "khai hoá" nhiều hơn và có ích cho sự nghiệp thực dân nhiều hơn là bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền nhạt nhẽo vậy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 71, ngày 17-10-1924.

CHỦ NGHĨA THỰC DÂN BỊ LÊN ÁN

KINH NGHIỆM Ở CHÂU PHI XÍCH ĐẠO THUỘC PHÁP

Chế độ thực dân Pháp đã "thu được"... nhiều thất bại. Không phải chỉ có chúng tôi mới nhận thấy như thế. Nhân một cuộc thất bại đặc biệt thảm hại, tờ *Le Temps,* ngày 24 tháng 9 đã viết:

"Thật vậy, ai cũng biết rằng tình hình châu Phi xích đạo của chúng ta không phải là đúng như chúng ta đã hy vọng chút nào cả, khi mà... lá cờ của nước Pháp phấp phới trên những vùng rộng bao la mà chúng ta đã chiếm đoạt được chứ không phải là thu phục được cho nước Cộng hoà. Không phóng đại và cũng không cường điệu gì cả, ta có thể nói rằng... châu Phi xích đạo hiện nay đang ở vào tình trạng thật sự là tụt lùi. Việc khai thác miền đó thật là thô sơ, công cụ ở đó hình như không có gì cả. Hiện nay ngân sách thiếu hụt của miền đó chỉ thăng bằng được là nhờ chính phủ trợ cấp. Cuối cùng - điều nghiêm trọng hơn - là *dân cư miền đó mòn mỏi đi và chết dần,* yếu tố dân số mà sự duy trì, sự cải thiện và tăng lên là cơ sở cho mọi sự nghiệp, *đang đi đến chỗ tiêu diệt".* (Do chúng tôi gạch dưới).

Và sau đó, tờ báo còn viết:

"Hơn nữa, chúng ta còn phạm nhiều sai lầm; nói dài dòng về những sai lầm này cũng vô ích, bây giờ không phải lúc ngồi hối tiếc một cách vô bổ về quá khứ, phải chuẩn bị cho một tương lai tốt đẹp hơn. Hành động của chúng ta ở châu Phi xích đạo đã bị tê liệt hay chệch hướng ngay từ đầu, vì những sai lầm về nguyên tắc... đến nay cũng vẫn còn tác hại một cách ghê gớm; ngoài ra, hoạt động của chúng ta còn mang hậu quả tai hại của những sai lầm về phương pháp cần phải gấp rút sửa chữa".

Những sai lầm và khuyết điểm mà tờ *Le Temps* than phiền về những hậu quả tai hại mà không nêu ra những sự việc, là những sai lầm và những khuyết điểm nào? Đó là việc tước đoạt những người bản xứ, đó là việc bắt phu khuân vác, là chế độ lao dịch, đó là thuế khoá nặng nề, là việc tuyển mộ công chức và binh lính, là việc bắt con tin, là những sự tàn ác đối với nhân dân, đó là tất cả cái chế độ cướp bóc, giết chóc đáng ghê tởm đã làm cho thuộc địa này đi đến tình trạng thê thảm hiện nay.

Cách đây hơn 20 năm, ông Ôguyxtơ Sơvaliê, sau khi mô tả sự dã man của chế độ thực dân, tiên đoán như sau:

"Nếu người ta cứ tiếp tục làm như thế mãi, nếu người ta không

Càn qnét dân Bêcami: lại đốt làng, phá huỷ 3.000 cây chuối (thức ăn dự trữ duy nhất).

Càn quét làng Cuya: đốt làng, phá trụi vườn trại.

Càn quét Ancoong: ném bom xuống làng, rồi phá trụi vườn trại.

Càn quét dân Examphami: phá sạch làng mạc.

Vùng Bôma đốt phá và giết người.

Hợp pháp hoá việc cướp bóc, tiêu diệt có hệ thống dân cư, phá trụi một cách có tổ chức những làng mạc, phương pháp là như thế đó.

Mười sáu năm sau, những hành động bỉ ổi như thế lại được người ta nêu ra trước nghị viện Pháp.

Tháng 12 năm 1921, nghị sĩ da đen Boanớp đã nói trong một bài diễn văn cảm động như sau:

ngừng việc đốt phá các làng mạc thì chẳng bao lâu... hai bờ sông Cônggô cũng như những vùng Ubanghi và Xanga sẽ hoàn toàn không còn một bóng người... Nếu chính sách ấy cứ tiếp tục như thế mãi thì sau đây nửa thế kỷ, tất những giống người cần cù đó sẽ tiêu diệt hết ... (Morel)".

Những cuộc tranh cãi trong nghị viện năm 1906 đã để lộ ra rằng một tờ thông tri của một công ty khai khẩn đồn điền đã viết: "Không được quên rằng các nhân viên của chúng ta phải đóng vai trò như là những tên kẻ cướp". Và một viên toàn quyền đã viết cho các công chức dưới quyền y như sau: "Tôi không giấu các ông rằng, khi đề nghị thăng thưởng, tôi đặc biệt căn cứ vào số thuế thu được của người bản xứ, điều mà các ông phải luôn luôn chú ý".

Những dòng sau đây trích trong một quyển sổ chứng tỏ rằng những lệnh đó đã được chấp hành từng ly từng tý:

"Hành quân càn quét làng Côlôvô.

Càn quét dân Phăng vùng thượng Cunô: đốt làng, phá vườn trại.

"Dân số bị lụi đi vì bệnh tật, và nhất là vì chế độ mà họ phải chịu đựng từ khi bị chiếm đóng... Chế độ bắt phu khuân vác, sự bóc lột nặng nề của các công ty khai khẩn đồn điền đã giết những người bản xứ...".

Ngày 22 tháng 10 năm 1921, quyền Bộ trưởng thuộc địa đã ra một sắc lệnh quy định rằng một công nhân bản xứ đã được trả công để làm một công việc nào đó mà không làm tròn thì có thể bị bắt giam và truy tố về tội lừa đảo.

Ông Anbe Xarô - Bộ trưởng Bộ thuộc địa - đã phải thú nhận rằng dân cư khốn khổ của thuộc địa đã sắp diệt vong. Ông đã ra sức gán cho tình trạng dân cư bị diệt vong dần đi đó, là do thiếu vệ sinh, và ông viết:

"Việc săn sóc vụng về và bẩn thỉu đối với phụ nữ khi sinh nở...

làm cho họ không sinh đẻ nữa; còn trẻ con lúc sơ sinh không được chăm nom chu đáo nên đã chết nhiều... Trong số dân cư bản xứ đã bị bệnh ngủ làm cho chết mòn dần đi, thì bệnh cúm lại còn sát hại thêm hàng vạn người nữa".

Để sửa chữa tình trạng đó, người ta đã làm được những gì? Người ta đã xây dựng được một nhà thương độc nhất, với 79 giường ở Bradavin, thủ đô của thuộc địa! Thế mà với các dân cư đang đi đến chỗ diệt vong đó, trong chiến tranh, người ta lại còn tìm được cách lấy đi 18.000 người - tất nhiên là những người lành mạnh nhất và vạm vỡ nhất - để làm mồi cho đại bác, 313.000 phrăng tiền cưỡng bức lạc quyên để cứu giúp các miền bị tàn phá ở Pháp, 7.323.000 phrăng tiền công trái cưỡng bức, 53.000 tấn hàng hoá, đấy là chưa kể không biết bao nhiêu là ngày đi phu để chuyên chở những đồ đã trưng thu.

Đó là những "sai lầm về nguyên tắc" đã biến thuộc địa trước kia thịnh vượng và dân cư đông đúc thành bãi sa mạc. Tuy những tài liệu này là những tài liệu chính thức, nhưng chúng tôi không tin rằng nó đã làm cho những bạn đọc dễ tính của *Le Temps* thấy rõ được sự thật.

quốc; nhưng để bù vào chỗ hụt trong ngân sách của cái chính phủ thuộc địa vừa siêng năng vừa tội lỗi ấy, nhân dân Pháp hằng năm đã phải nai lưng ra đóng thuế. Năm 1923, Chính phủ Pháp phải phụ cấp 8 triệu phrăng cho châu Phi xích đạo thuộc Pháp, ngoài ra lại còn phải lấy ở quỹ dự trữ ra 2.905.866 phrăng để phụ cấp thêm.

Trong cái thuộc địa rộng bao la gần 3 triệu dân đó, chỉ có ngót 8.000 trẻ em được học ở trường thế tục hay trường của Nhà chung.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 73, ngày 28-l0-1924.

Chú thích

CHÂU PHI XÍCH ĐẠO THUỘC PHÁP (Bradavin, Librơvin, Băngghi, Pho Lăngnuy) rộng bằng bốn lần nước Pháp và chạy dài từ cửa sông Cônggô đến xứ Tơripôli. Dân số (theo điều tra năm 1921) là 2.850.868 người, trong số đó có 1.932 người Âu. Ngót hai nghìn kẻ bóc lột để bòn rút một nước gần 3 triệu người da đen và có nhiều của cải thiên nhiên. Sản xuất chủ yếu: cao su, gỗ, ngà voi, dầu thốt nốt, nhân thốt nốt, dừa, cà phê. Năm 1921, chỉ riêng xuất khẩu cao su không thôi cũng được gần 14 triệu phrăng. Để trao đổi lại số của cải ấy, cũng năm đó, nước Pháp đã nhập khẩu sang thuộc địa đó 1.698.787 phrăng lương thực, 1.732.336 phrăng rượu vang và rượu mạnh, 1.394.500 phrăng vải vóc, 826.000 phrăng vật liệu và thiết bị. Độc giả hãy thử so sánh những của cải mà nước người da đen dân số đang thưa dần đi đó đã xuất khẩu, với những cái mà nước đó ngược lại đã nhận được: rượu thì hai lần nhiều hơn thiết bị, còn kể về số lượng buôn bán thì rượu vang và rượu mạnh chiếm hàng đầu! Dân số bị làm mồi cho công cuộc khai hoá - nhất là bằng rượu mạnh - đang bị diệt vong. Ngược lại cao su và gỗ xuất khẩu thì cứ làm giàu cho một vài người kinh doanh ở chính

ĐẢNG KU KLUX KLAN

Nguồn gốc - ý kiến của nguyên lão nghị viện Sécman (1871). - "Theo lối Mỹ 100 phần trăm".- "Hoàng đế" Ximmôn. - Những vụ hành hình theo kiểu Linsơ hồi 1919. - Tại sao, đảng K.K.K

phải tiêu diệt.

Nguồn gốc đảng *Ku Klux Klan* là ở miền Nam nước Mỹ.

Tháng 5-1866, sau chiến tranh Nam - Bắc, một số thanh niên tụ tập nhau tại một địa phương nhỏ ở xứ Tennétxơ để tổ chức một câu lạc bộ. Để giết thời giờ, thế thôi. Người ta đặt tên cho tổ chức đó là *Kuklos,* một tiếng Hy Lạp nghĩa là câu lạc bộ. Muốn cho tiếng đó có vẻ Mỹ, người ta bèn đổi thành *Ku Klux.* Và cho độc đáo hơn, thành *Ku Klux Klan.*

Sau những cuộc đổi thay trong xã hội, tinh thần quần chúng dĩ

Chính phủ liên bang thắng lợi vừa giải phóng những người da đen và làm cho họ trở thành những người công dân. Nông nghiệp miền Nam, thiếu nhân công người da đen, nên không có người làm. Bọn địa chủ cũ lâm vào nguy cơ phá sản. Giữa khi đó thì *những đảng viên của Klan* tuyên bố nguyên tắc *quyền tối cao của giống người da trắng.* Chống người da đen, đó là chính sách duy nhất của họ. Giai cấp tư sản nông thôn và chủ nô thấy ngay đảng *Klan* là một trợ thủ đắc lực, hầu như là một cứu tinh. Nó liền hết sức giúp đỡ đảng đó. Biện pháp hành động của đảng *Klan* đi từ doạ nạt đến ám sát. Chúng đã gây ra - trong 3 năm trời - cơ man nào là tội ác và thảm hoạ đến nỗi nhiều người vẫn ủng hộ chúng, cũng phải khủng khiếp mà xa lìa chúng.

Vào khoảng năm 1869, đảng *Klan* - trước áp lực của dư luận công chúng - đã bị "Hoàng đế" của nó giải tán. Đảng đó có một Hoàng đế, song ông ta chỉ có một uy quyền thuần tuý về danh nghĩa mà thôi. Những đảng *Klan* ở các địa phương tiếp tục tồn tại và gây ra những tội ác. Giáo sư Méclin - người đã cung cấp cho chúng tôi những tài liệu này - nói rằng mỗi trang trong mười ba cuốn sách dầy cộp điều tra về những hành động của đảng *Klan* hồi 1871-1872, đều có ghi lại một vụ đánh đập người da đen hoặc người da trắng. Những việc tàn bạo đó, thường chỉ là do thói tàn bạo mà thôi. Đối với chúng, những hành động đó là một lối tiêu khiển thích thú.

nhiên là bị nao núng. Họ trở nên khao khát những cảm giác mới, thích những cái gì thần bí. Đảng K.K.K, với những lối ăn mặc lố lăng, những nghi thức quái lạ, những sự bí ẩn bí mật, nhất định là phải khêu gợi được óc tò mò của những người miền Nam nước Mỹ và được quần chúng rất ưa chuộng.

Ban đầu, đó chỉ là một nhóm những kẻ thích đua đòi mốt mới và những kẻ ăn không ngồi rồi, chứ chẳng có mục đích chính trị, xã hội gì. Bọn láu cá đã nhận thấy đó là một lực lượng có thể lợi dụng để đạt những tham vọng chính trị của chúng.

Để biết rõ hơn, và phán đoán được đúng hơn về đảng *Klan,* thì không gì bằng là trích dẫn ngay bài diễn văn của nguyên lão nghị viện Sécman, ở Ôhaiô, đọc trước Thượng nghị viện hồi tháng 3-1871. Sécman hỏi: "Liệu có một nghị viên nào có thể nêu ra cho tôi biết- sau khi lục lại những tội ác trong tất cả các thời đại - một hội nào hoặc một bè đảng nào mà lại có những hành động và những ý định tàn khốc hơn, hung ác hơn đảng *Ku Klux Klan* không ? Đảng *Ku Klux Klan* là một hội kín: thành lập bằng cách tuyên thệ, đảng viên của nó đi ám sát, trộm cắp, cướp phá, hành hung, chửi bới, doạ nạt. Bọn chúng phạm những tội ác đó không phải là đối với những kẻ mạnh và kẻ giàu, mà là đối với những người nghèo, những người yếu đuối, những người hiền lành, những người không có khả năng tự vệ!".

Tuy nhiên, đảng *Klan* cũng đã sống và "hoạt động" trong bốn chục năm trời một cách không vẻ vang gì cho lắm.

ĐẢNG KLAN MỚI

Tháng 10 năm 1915, trong tình hình mới của nước Mỹ, Uyliam Giôdép Ximmôn, "Hoàng đế" mới của đảng Klan, đã cùng với 34 người bạn phục hồi lại đảng K.K.K. Cương lĩnh của đảng đó là: theo lối Mỹ 100%, tức là chống Kitô giáo, chống người da vàng, chống công nhân, chống người da đen.

Cần chú ý là sau cuộc chiến tranh Nam - Bắc và việc giải phóng người da đen, đảng *Ku Klux Klan* cũ đã ra đời với mục đích cản bước đường hoạt động xã hội của những người được giải phóng. Trong cuộc chiến tranh thế giới, Mỹ tuyển mộ vào lục quân và thuỷ quân của mình hàng trăm nghìn người da đen; người ta hứa với họ là sẽ thực hiện những cải cách về mặt xã hội và chính trị; sau khi đã cùng hy sinh như người da trắng, họ đã rụt rè yêu cầu được hưởng những quyền lợi như người da trắng. Tình hình đó cũng ngang như một phong trào "giải phóng lần thứ hai". Thế là đảng *Klan* mới xuất hiện.

"Hoàng đế" Ximmôn cũng lại thành lập cái "vương quốc vô hình" ở miền Nam nước Mỹ - xứ sở của những tên chủ đồn điền lớn và những tên phản đối việc giải phóng nô lệ, quê hương của chế độ nô dịch và việc hành hình theo kiểu Linsơ, tổ quốc của đảng *Klan* cũ. Trả lời một người đến phỏng vấn, Uyliam Giôdép Ximmôn đã nói về những mục đích của mình như sau: "Chúng tôi thấy rõ rằng phải bảo đảm quyền tối cao của giống người da trắng, phải tước những quyền tự trị đã ban bố cho bọn da đen. Ý trời muốn rằng giống người da trắng phải cao hơn; và lệnh trời đã định rằng người da đen sinh ra là để làm nô lệ".

Ngay sau khi đảng *Klan* xuất hiện lại, thì chỉ riêng ở xứ Tếcdát, người ta đã đếm được hơn 80 vụ đánh đập, trong một năm, và 96 vụ hành hình theo kiểu Linsơ.

Đảng *Klan* đặc biệt thịnh hành ở Gioócgia, Mítxixipi, Tếcdát, Alabama và Ácăngdaxơ. Trong các xứ đó có nhiều nạn nhân bị hành hình theo kiểu Linsơ nhất.

Năm 1919, đảng *Ku Klux Klan* đã thiêu sống: 4 người da đen ở Gioócgia, 2 ở Mítxixipi, 1 ở Tếcdát.

Chúng đã hành hình: 22 người da đen ở Gioócgia, 12 ở Mítxixipi, 10 ở Ácăngdaxơ, 8 ở Alabama, 3 ở Tếcdát.

Chúng đã xông vào và phá huỷ các nhà tù để hành hình những người da đen bị giam ở đấy: 5 lần ở Gioócgia, 3 lần ở Alabama, 3 lần ở Mítxixipi, 3 lần ở Tếcdát, 2 lần ở Ácăngdaxơ.

Chúng đã hành hình: 12 phụ nữ ở Mítxixipi, 7 ở Alabama, 6 ở Tếcdát, 5 ở Ácăngdaxơ, 5 ở Gioócgia.

Chúng đã thiêu, treo cổ, dìm xuống nước cho chết hoặc bắn 9 cựu binh sĩ da đen.

Đảng *Klan* còn can phạm nhiều vụ hành hình theo kiểu Linsơ ở các xứ khác nữa, nhưng ở đây chúng tôi chỉ nêu những con số đã chắc chắn mà thôi.

SỰ SUY TÀN CỦA ĐẢNG KU KLUX KLAN

Đảng *Klan* nhất định phải bị tiêu diệt vì nhiều lẽ.

1. Trong chiến tranh, người da đen đã hiểu rằng họ là một lực lượng nếu họ đoàn kết lại; cho nên họ không để cho người khác tự do đánh đập, hoặc giết hại đồng bào của họ nữa. Họ chống lại mọi mưu toan hành hung của đảng *Klan*. Tháng 7-1919, ở Oasinhtơn, họ đã đương đầu với đảng *Klan* và đám đông cuồng loạn. Trong 4 ngày, cuộc chiến đấu sôi sục ở thủ đô. Tháng 8, họ đã đánh nhau trong 5 ngày với đảng *Klan* và đám đông ở Sicagô, 7 trung đoàn đã được huy động để lập lại trật tự. Tháng 9, chính phủ đã buộc phải gửi quân đội liên bang đến Omaha để chấm dứt một trận đánh nhau tương tự như thế. Tại các xứ khác, người da đen cũng đã tự vệ không kém phần cương quyết.

2. Cũng như đảng *Klan* trước kia, vì những hành động thái quá, nên đảng *Klan* mới đã vấp phải dư luận của công chúng đến nỗi những người ban đầu tán thành nó hoặc đi theo nó, nay cũng bắt đầu bỏ rơi nó. Những chuyện xô xát trong nội bộ, những việc quá xấu xa đồi tệ và những vụ gian lận về tài chính cuối cùng đã làm cho những người bàng quan nhất và dễ dãi nhất cũng phải đau lòng. Thượng nghị viện đã buộc phải truy tố đảng *Klan*. Ngay cả

báo chí tư sản như tờ *New York World,* tờ *Chicago Defender,* v.v. cũng công kích chúng.

3. "Lối Mỹ 100 phần trăm" và thái độ chống đối công nhân của chúng đã làm cho 20.000.000 giáo dân Mỹ, 3.000.000 người Do Thái, 20.000.000 ngoại kiều, 12.000.000 người da đen, tất cả những người Mỹ biết điều và toàn bộ giai cấp công nhân Mỹ, tập hợp lại phản đối chúng.

Tại Đại hội Liên hiệp người da đen vừa qua, người ta đã thông qua bản kiến nghị sau đây:

"Chúng tôi tuyên bố rằng đảng *Ku Klux Klan* là kẻ thù của loài người; chúng tôi tuyên bố quyết định đấu tranh với đảng đó đến cùng và kề vai sát cánh với tất cả những người lao động nước ngoài ở Mỹ cũng như với cả những người bị đảng đó hành hạ".

Mặt khác, việc di cư của người da đen miền Nam nông nghiệp lên miền Bắc công nghiệp đã buộc những tên chủ đồn điền - bị nguy cơ phá sản vì thiếu nhân công - phải nới tay trong quan hệ đối xử với người lao động da đen, và do đó, ngày càng phải luôn luôn lên án những phương pháp và những sự bạo ngược của tay sai của chúng là đảng *Klan.*

4. Sau hết đảng *Ku Klux Klan* mang tất cả những cái xấu của các tổ chức bảo thủ, phản động, bí mật mà lại không có được những cái hay của các tổ chức đó. Đảng đó có tính chất thần bí của hội Phrăng Maxonnơri, có những nghi thức kỳ dị của công giáo, có cái tàn bạo của chủ nghĩa phát xít, có tính chất bất hợp pháp của 568 hiệp hội khác nhau; nhưng nó chẳng có học thuyết, chẳng có cương lĩnh, sức sống và kỷ luật gì.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 74, năm 1924 .

ĐÔNG DƯƠNG
(1923-1924)

Bản thảo của Nguyễn Ái Quốc, tiếng Pháp, lưu tại Kho lưu trữ Quốc tế Cộng sản. Bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh

NHỮNG TỘI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT

Theo phong tục cổ truyền thì người An Nam coi rẻ nghề nhà binh. Cho nên, cùng một cấp bậc như nhau mà quan võ lúc nào cũng bị xếp hạng sau quan văn. Sống trong trại lính Pháp, phải làm những công việc lao dịch nặng nề, phải tập luyện vất vả, học tập những lý thuyết ngu xuẩn với những tên chỉ huy tàn bạo, và phải chịu một thứ kỷ luật khắt khe, lúc nào cũng có thể bị trừng phạt và luôn luôn bị toà án binh đe doạ, thật không có gì hào hứng để có thể lôi kéo được thanh niên An Nam và khuyến khích họ tập tành cái nghề giết người ấy. Thanh niên bản xứ ghét cay ghét đắng việc bọn quân phiệt Pháp bắt họ phải đi lính. Họ tìm mọi cách để lẩn tránh: người giàu có thì đút lót còn người nghèo khó thì trốn tránh. Có thấy những kẻ khốn cùng không có tiền để đút lót và cũng không biết trốn đi đâu được, bị cưỡng bách dồn về trại lính buồn bã như những con vật mà người ta đem tới lò mổ; có thấy những người cha mẹ, chị em, những người vợ sắp cưới vừa khóc lóc vừa kêu van thảm thiết đi theo những người lính mộ về "cái đại gia đình" ấy như là đi theo những tội phạm bị đem lên máy chém, mới hiểu được cái vinh dự to lớn của người dân An Nam đi làm cái nghĩa vụ quân sự cay nghiệt kia. Cho nên họ tìm mọi cơ hội để tự cứu lấy mình.

Nhưng những tên chỉ huy Pháp lại rất xảo quyệt. Để đề phòng lính An Nam bỏ trốn, một viên tư lệnh chỉ huy quân đội ở Đông Dương cho thích số hiệu vào cánh tay mỗi người lính bằng nitơrát bạc. Những tên chủ đồn điền ngày xưa dùng sắt nung đỏ đánh dấu nô lệ thì những viên tướng tài ngày nay đánh dấu lính bản xứ bằng

chất hoá học, thật là một tiến bộ của môn hoá học và của nền văn minh! Cách làm có khác, nhưng kết quả thì như nhau: Khi có một người lính đào ngũ người ta bắt tất cả đàn ông ở nơi nghi có người trốn, rồi đem lột trần để khám cánh tay. Nếu người đào ngũ lẩn trốn ở đây, thì bị tìm ra ngay; người ấy bị bắt đem về nhà lao và đưa ra toà án binh. Hầu hết các phiên toà án binh, không trừ một phiên nào, đều có những vụ đào ngũ bị đưa ra xét xử.

Khi ta đã biết người lính bản xứ bị đối xử như thế nào thì người ta không còn ngạc nhiên hỏi tại sao người lính mộ lại thích nhà lao hơn là trại lính. Tôi trích dẫn một đoạn trong bài báo mới viết gần đây:

"Thứ sáu vừa qua, một việc nghiêm trọng đã xảy ra ở trung đoàn pháo thủ người bản xứ thứ 5. Chiều ngày thứ sáu đó, trong khi duyệt một đội tân binh bản xứ *cuối cùng,* một viên hạ sĩ quan đã đánh người một cách dã man, *hành động đó lại được nêu là*

gương mẫu trong trung đoàn. Tên đội đánh người ấy lại được *cấp trên của nó xem là một hạ sĩ tốt nhất,* hơn nữa, lại còn được đề nghị thăng chức. Thật đáng tiếc rằng những người được nước Pháp gửi sang đây nhân danh là những người khai hoá kiên nhẫn, đã dạy nghề nhà binh cho đồng bào chúng tôi - *mới sống chung chưa đầy hai tháng với những người bảo hộ cho mình* - lại tự tiện "hành động một cách bỉ ổi" đánh đập *bằng nòng súng và báng súng* một người lính bản xứ đáng thương *không hiểu qua một tiếng Pháp*, *viện cớ là người này không trả lời những câu hỏi bằng tiếng Pháp* "giả cầy" của tên đao phủ. Người lính đáng thương ấy đã ngã chết ngất, không thở được nữa. Bác sĩ của trung đoàn đưa anh vào nhà thương, anh lính pháo thủ An Nam *đã bị gãy một xương sườn vì bị đánh quá tàn nhẫn.*

"Khi báo sắp lên khuôn thì chúng tôi được tin khoảng hai mươi người lính An Nam đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của bọn vũ phu quân phiệt, đã bỏ trại ra đi, không bao giờ trở lại...". Và những thí dụ như vậy không còn là hiếm.

Trong chiến tranh dù Nhà nước có tán dương và lừa bịp rất nhiều, những người An Nam cũng không hào hứng gì để đi thí mạng cho cái bả văn minh và cho nước mẹ. Không chút nào như vậy đâu! Sự thật khác hẳn và chẳng đẹp đẽ gì. Người ta ra lệnh cho các xã phải cung cấp đủ một số người nào đấy. Những người này bị bắt về nhốt ở các đình làng, rồi sau đó bị trói từng xâu đem lên tỉnh lỵ. Người ta đem nhét họ vào trong các trường học hay trong các trại giam có lính canh gác, lưỡi lê tuốt trần và súng nạp đạn sẵn. Tiếp đó người ta xếp họ xuống hầm tàu tối om và ngột ngạt như những con vật để chở sang Pháp.

Chính bằng những phương pháp ghê tởm ấy mà người ta đã biến mười vạn người An Nam thành những người "tình nguyện" bênh vực cho chính nghĩa, cho công lý, v.v.. Trong số đó, 51.000 người làm việc chế thuốc súng, đào hầm, vận chuyển, cứu thương và làm nhiều việc khác nữa.

49.000 người ra mặt trận ở Pháp, ở Xalôních và ở Xibêri. 20.000 người đã chết.

Cách "mộ lính tình nguyện" cưỡng bức ấy không phải đã làm được trôi chảy mà không gặp trở ngại gì. Khi có lệnh gọi tòng quân, số lính trù bị vắng mặt lên tới 30%, số đào ngũ 50%. Những cuộc biểu tình, nổi dậy, bạo động nổ ra ở hầu khắp các tỉnh. Đương nhiên là những cuộc đấu tranh ấy đều bị đàn áp không gớm tay. Tù đày, bắn giết, tàn sát, tất cả bộ máy đàn áp đều được huy động. Ai chống lại bị xử bắn ngay tại chỗ. Nạn nhân kể có đến hàng nghìn người.

Khi được giải ngũ, những người "anh hùng" An Nam được nước mẹ biết ơn ân cần đối đãi thật là cảm động. Trước khi lên tàu về nước, người ta đã lột lại tất cả của cải của họ: nào tiền để dành được, nào đồ đạc, nào quần áo mà họ tự sắm lấy. Cũng như khi đi, họ lại được xếp xuống hầm tàu tối tăm, ăn những bữa cơm thiếu thốn, khó nuốt trôi và bị ngược đãi. Người ta sợ những người lính này mang về những tư tưởng tiến bộ và những thói quen thích độc lập tiêm nhiễm được ở nước Pháp, nên người ta đã giao họ cho bọn

thực dân đểu giả tàn bạo nhất kiểm soát. Bọn này dùng gậy đánh, đá người vô cớ. Về đến nước nhà, những người lính ấy đều bị ném ra đường một cách đơn giản thế thôi.

Trước khi đi chiến đấu, người ta hứa trời hứa biển với họ, thì đến nay trở về người ta lại rút bỏ hết mọi quyền lợi mà xưa nay những người An Nam đi tòng quân đều được hưởng, như miễn thuế thân, miễn sai dịch, v.v.. Nhiều người đã phải đi ăn xin từ làng này qua làng khác, phải đi bộ hàng tuần lễ để trở về quê hương, nơi mà người ta đã dùng vũ lực buộc họ phải rứt ra đi.

Hiện nay người ta kéo dài thời hạn tòng quân của người bản xứ từ 2 đến 4 năm. Ngoài số 25.000 đến 30.000 lính khố đỏ đóng quân trong nước dùng để bắn giết đồng bào của họ, xứ Đông Dương còn phải cung cấp thêm 40.000 lính mộ để phụng sự ở chính quốc và ở các thuộc địa khác.

Các bạn đã thấy đấy, nước Pháp chẳng phải quân phiệt chút nào đâu!

NHỮNG THẢM HOẠ CỦA NỀN VĂN MINH

Để truyền bá văn minh Pháp, bảo vệ danh dự lá quốc kỳ Pháp ở các thuộc địa xa xôi, người ta dùng những đội quân gồm toàn những tên lưu manh, những bọn lười biếng, những tên lọt lưới pháp luật, những tên giết người, nói tóm lại, gồm các tinh hoa của những cặn bã, lượm lặt ở tất cả các nước châu Âu. Đến nước đã bị xâm chiếm hay sắp bị xâm chiếm cũng vậy, người ta thả những tên sát nhân này vào trong đám dân chúng thiếu tự vệ. Và để kích thích chúng, người ta buông lỏng cho bọn côn đồ tha hồ hoành hành theo thú tính tàn bạo của chúng. Sau đây là vài câu chuyện do các nhà văn thuộc địa kể lại, họ đã từng chứng kiến những hành động dã man của những người vệ sĩ anh dũng cho nền văn minh cao cả ấy.

Khi bọn lính kéo đến, dân chúng chạy trốn cả, chỉ còn lại hai cụ già và hai phụ nữ, một thiếu nữ còn tân và một phụ nữ đang cho đứa con mới đẻ bú, tay dắt một em gái nhỏ lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu mạnh và thuốc phiện. Không ai hiểu chúng nói gì, thế là chúng nổi giận lấy báng súng nện một cụ già ngất đi, rồi còn một cụ thì trong mấy giờ liền, hai tên trong bọn lính, khi kéo đến đã say bí tỉ, đem thiêu trong một đống củi làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác hiếp hai phụ nữ và em gái nhỏ, chán rồi, chúng giết chết em bé. Lúc đó, người mẹ bồng đứa con kia trốn được, rồi từ trong một đám bụi cây cách đấy độ 100 mét, trông thấy người chị em mình bị hành hạ. Duyên cớ làm sao, chị chẳng biết, chị chỉ thấy người thiếu nữ bị đặt ngửa trên mặt đất, tay chân bị

trói chặt, miệng bị bịt lại, còn một tên lính thì lấy lưỡi lê cứ từ từ, từng nhát một, chọc vào bụng chị rồi lại chầm chậm rút ra. Sau đó, chúng chặt ngón tay người thiếu nữ đã chết để cướp lấy chiếc nhẫn và chặt cổ để cướp lấy chiếc vòng.

Trên mảnh đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: em bé bị lột truồng, thiếu nữ bị mổ bụng, cánh tay trái cứng đờ giơ lên trời vô tình, bàn tay nắm chặt. Còn xác ông cụ già thì, ghê gớm làm sao, cũng trần truồng như thế, nhưng bị thiêu cháy, nên không nhận ra hình thù được nữa, mỡ chảy lênh láng, đã đọng lại và da bụng thì phồng lên, chín vàng, óng ánh, giống như da con lợn quay vậy.

Sau khi chiếm được chợ mới, vào buổi chiều, một sĩ quan thuộc tiểu đoàn Phi châu thấy một người châu Á bị bắt còn sống, không có thương tích gì. Sáng hôm sau, viên sĩ quan đã thấy người ấy chết rồi, bị đốt mỡ chảy ra, da bụng chương lên. Bọn lính đã thức suốt đêm qua để quay chín một người đã bị tước vũ khí, còn bọn khác thì hãm hiếp một phụ nữ.

*
* *

Một tên lính khác muốn ép một người đàn bà An Nam hiến thân cho con chó của nó, chị ấy không chịu. Tên lính dùng lưỡi lê đâm vào bụng chị.

*
* *

Một tên lính đú mỡ nhảy xổ ra vô cớ đâm chết một bà già An Nam.

*
* *

Hồi tôi đến Bắc Kỳ đi trên con tàu của một nhà thám hiểm có tiếng, các anh có biết đời một người An Nam lúc bấy giờ đáng giá bao nhiêu không? Không đáng một đồng trinh! Thật đấy. Tôi còn

nhớ như thế này: Chúng tôi đang đi ngược dòng sông Hồng, thì trên tàu thuỷ người ta đem rượu đánh cuộc với nhau, xem ai ngồi dưới tàu bắn 10 phát súng trường mà "hạ" được nhiều người An Nam nhất ở trên bờ. Một vài người khác dùng súng lục đi bắt người và bắt thuyền để đòi tiền chuộc.

*
* *

Người ta sẽ nói, đó là những việc đáng tiếc nhưng khó tránh khỏi trong những cuộc xâm lược và chiến tranh. Thế cũng được! Nhưng người ta đừng có nói với chúng tôi nữa rằng đó là vinh dự, là quyền hạn của chiến tranh, và cũng đừng nói rằng trong cuộc tàn sát hàng loạt này, những nhà quân sự Pháp đều tỏ ra hào hiệp và nhân đạo. Đoạn văn sau đây, trích ở bức thư của một viên trung uý trẻ tuổi gửi về nhà chứng tỏ những tên ăn thịt người ấy thật vừa nhân đạo lại vừa hào hiệp như thế nào:

"Chúng tôi tấn công bốn lần trong một buổi nhưng lúc nào cũng chỉ thấy trong thành có vài tên cuồng tín khốn khổ chịu chết một cách dũng cảm, và tôi cũng không cần nói thêm rằng bất cứ tên nào rơi vào tay chúng ta, bị thương hay không, đều bị đem bắn tức khắc tại chỗ".

Và trong một đoạn khác, bức thư viết: Trên một con đường mòn chúng tôi gặp một người da vàng trên vai gánh hai thúng lạc. Khi chúng tôi tới anh ta không bỏ chạy. Người ta bèn giữ anh ta lại và buổi chiều đem ra bắn.

*
* *

Chiến tranh kết thúc, người ta bắt đầu công việc bình định. Bọn quân phiệt Pháp hiểu "bình định" như thế này đây:

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang. Một hôm đến một làng nọ, hắn thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập trong sân đình. Hắn tưởng lạc vào một ổ phục kích nên rút súng bắn xả vào đám người vô tội. Thật ra thì họ đang làm lễ tế thần. Thấy bị bắn,

họ hốt hoảng chạy tán loạn. Tên sĩ quan vừa đuổi, vừa tàn sát.

*
* *

Tôi phải nhắc để các bạn nhớ rằng tất cả những câu chuyện này, cũng như những chuyện tôi sẽ kể thêm, đều do người Pháp đã mắt thấy tai nghe, viết ra. Khi họ viết, có lẽ họ không nghĩ rằng, một ngày kia sẽ có một người An Nam đọc những chuyện đó; nếu biết rằng tôi đã sử dụng những tài liệu họ viết, chắc chắn là những nhà văn đó sẽ hối hận vì đã nói hết sự thật. Nói rõ như vậy rồi, tôi xin tiếp tục: Một đại đội hải quân đến Vĩnh Long (Nam Kỳ). Viên quan tỉnh đưa lính tập đi đón khách thật long trọng. Tên chỉ huy đội tuần tiễu ra lệnh bắn vào những người đi đón họ và giết chết mất nhiều người một cách thật vẻ vang.

*
* *

Không thể trừ được một người phiến loạn, người ta bèn đốt và triệt hạ làng mạc, người ta phá hoại cả những vùng lân cận khác.

*
* *

Người ta làm đủ cách đưa khí giới cho người An Nam chém giết lẫn nhau và xui giục họ phản bội nhau.

Người ta bắt các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ phá rối trị an xảy ra trong địa hạt của mình. Người An Nam phải dẫn đường cho quân đội và bắt nộp những kẻ bạo động. Nếu ai không tuân lệnh thì chúng cho là có tội. Làng nào để cho một người yêu nước ẩn náu thì bị kết án. Phương pháp duy nhất để truy tầm thật là đơn giản: người ta tra hỏi lý trưởng và hương chức, ai không cung xưng liền bị bắn ngay. *Trong hai tuần lễ, một tên giám binh đã giết mất 75 kỳ hào.*

Không khi nào người ta nghĩ đến phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn du đãng côn đồ ở thành phố. Để đập tan sự kháng cự của nhân dân, người ta không có cách nào hơn là giao công việc "bình định" cho những tên phản bội đã bán hết lương tâm và tổ chức ở đồng bằng Bắc Kỳ, Bình Thuận và Nghệ - Tĩnh những cuộc tàn sát đẫm máu, lưu lại đời đời một kỷ niệm kinh khủng trong ký ức mọi người.

*
* *

Không chỉ có người sống mới là nạn nhân của chế độ thực dân man rợ ấy. Biết người An Nam rất sùng bái tổ tiên, bọn người Pháp còn có những hành động độc ác đối với cả người chết; chúng giày xéo thi thể cha mẹ người ta để cho con cái phải đau xót, hoặc hành hạ xác kẻ thù đã bị thua và đã bị giết chết, để cho hả lòng căm tức và rửa tiếng bất lực không đánh bại được người đó khi họ còn sống. Như Đội Văn là một người yêu nước đã chiến đấu nhiều năm trời, chống lại nền cai trị Pháp, đã bị chém ở Hà Nội, đầu đem bêu ở Bắc Ninh, xác ném xuống sông Hồng.

Tống Duy Tân sau mười năm chiến đấu tuyệt vọng cũng bị bắt và bị chém. Thi thể của ông bị đem bêu ở phố.

Phan Đình Phùng, một vị quan to và là một nhà văn thân danh tiếng, chống Pháp mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông chết rồi nhưng bọn Pháp vẫn chưa tha: người ta quật mộ ông lên, đốt xác và đem tro vứt đi. Người ta báo thù cả người đã nằm yên dưới mộ.

Bất lực không đánh nổi ông Đề Thám, không sao giết được ông bằng thuốc độc cũng không trừ được ông bằng cốt mìn, người ta bèn đào mả cha mẹ ông, đem hài cốt vứt xuống sông.

Sau những cuộc biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều nhà văn thân đã bị xử tử và bị đầy biệt xứ. Trong số đó có ông Nghè Trần Quý Cáp, một nhà nho thanh cao ai cũng mến phục. Ông Cáp

bị bắt trong khi còn dạy học; không xét hỏi gì cả, người ta đem chém ông hai mươi bốn giờ sau khi bị bắt. Chính phủ giết chết ông chưa đủ, còn hành hạ mãi, không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình.

*
* *

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà Nội[57], Chính phủ cho bắt giải cha mẹ, vợ con họ đến và bắt họ mục kích cuộc tàn sát rùng rợn những người thân yêu ruột thịt của mình. Để gây một ấn tượng lâu dài và để "dạy dân chúng", người ta làm lại cái việc đã làm ở Anh hồi thế kỷ thứ XVIII tức là xóc đầu lâu những người Giacô[1] bại trận lên mũi giáo rồi đem cắm dọc phố Xiti và dọc cầu Luân Đôn. *Hàng tuần* lễ *người ta còn thấy đầu lâu những người lính, nạn nhân của nền văn minh Pháp, cau mày nhăn mặt trên các cọc tre trên các đường phố chính ở Hà Nội.*

Bây giờ nước An Nam đã "được bình định", người ta ra sức săn bắt những "tên cướp" An Nam. Những tên cướp ấy là ai? Một viên sĩ quan giải thích:

Cũng có một óc tưởng tượng như nhau - ông ta nói - người Anh xem những người Bôe quyết tâm chống lại họ như là phiến loạn ngoài vòng pháp luật thì người Pháp chúng ta cũng coi những người An Nam yêu nước như kẻ cướp.

Một người Pháp khác nói: Bị cướp hết của cải, dân chúng nhiều làng đã trở thành "kẻ cướp" tất cả; nhưng họ chỉ là những người nổi dậy chống sự cướp đoạt bất công mà thôi.

Tìm ra những tên "cướp" ấy không phải khi nào cũng dễ dàng, bắt được họ càng khó hơn. Những viên chức phái đi lùng bắt họ, đã chém giết người vô tội để khỏi trở về tay không. Đây là một bằng chứng lấy của một người Pháp mà tôi đã trích dẫn nhiều chuyện:

Bảy người An Nam xấu số đang bơi một chiếc xuồng dài và mỏng manh. Đi xuôi dòng nước, lại có bảy tay chèo, xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Thuyền của nhân viên nhà đoan khuất sau đám cây đước, có quốc kỳ Pháp phấp phới sau lái, vừa ở trong lạch bơi ra. Một thuỷ thủ gọi xuồng dừng lại. Người trên xuồng không hiểu cứ việc bơi đi. Thuyền nhà đoan bơi không kịp. Tên tây đoan cầm lấy súng bắn. Họ bơi lại càng nhanh. Tên đoan bắn vào họ. Một người đang chèo thét lên một tiếng rồi ngã gục xuống. Xuồng dừng lại, các bạn trong xuồng bèn ôm lấy người ngã. Có tiếng hô to: Dừng lại? Họ nhảy tới nắm lấy tay chèo vút đi. Đoàng! Một người nữa ngã. Một ít khói bay lên, một tiếng thét. Một người Pháp đi thuyền lảng vảng qua đó nghe thấy bèn lẩn chờ "những tên cướp" ở một chỗ ngoặt. Đoàng! Đoàng! Đoàng! Quả là một tay súng cừ. Ba viên đạn, ba người ngã theo. Chiếc xuồng chỉ còn hai người bơi đi chậm chạp và chìm lỉm trong con lạch.

Một viên chức nhà đoan khác, đi với sáu tên lính có đầy đủ vũ khí, bắt gặp một người đang trốn dưới ao. Anh này dấn mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, ngậm vào miệng; lá sen kéo che kín mặt nước thật khéo léo. Tên đoan bèn chặt đầu "tên cướp" đem về toà sứ. Thật ra anh ta chỉ là một người nhà quê bình thường phải ẩn trốn vì quá sợ hãi thấy có nhiều người lạ vào làng, ai cũng mặt mũi hung tợn, mình đeo đầy súng lục, túi đạn và lăm lăm một khẩu súng trong tay.

1) *Jacobits*, tên gọi những thành viên của đảng chính thống Anh.

ĐỜI SỐNG KINH TẾ ĐÔNG DƯƠNG

Đông Dương có những nguồn khoáng sản đáng kể. Người ta ước lượng mỏ than ở Bắc Kỳ có đến 12 tỷ tấn. Cả cái kho nhiên liệu ấy có thể hoàn toàn dành riêng cho công nghiệp, vì ở Đông Dương không cần tiêu thụ một số lượng than lớn để đun nấu như ở các nước khác.

Năm 1920, 63 công ty khai thác 19 mỏ được 7.000.000 tạ than đá trị giá 45.000.000 phrăng.

Riêng mỏ than Hạ Long đã cung cấp được 5.500.000 tạ.

Công ty lớn nhất là công ty than đá Bắc Kỳ. Công ty này khai thác hằng năm được 150.000 tấn. Công ty thương mại và khai thác Viễn Đông sản xuất được 2.600.000 tạ.

Năm 1920, Đông Dương sản xuất được:

24.000	tạ quặng sắt
150.000	tấn thiếc
620.000	tạ kẽm và vônphram
7.200	tấn than chì
2.244	tấn ăngtimoan
132.000	tạ phốtphát
3.413	cara đá quý
l00	kilôgam vàng.

Phải nói rằng hầm mỏ ở Đông Dương được khai thác rất tồi. Người Pháp không dám bỏ vào đó một số vốn lớn, và họ chỉ vơ vét những cái gì dễ vơ vét, như một kẻ vội khoắng sạch những cái gì tiện tay để chuồn đi cho nhanh.

Nước chúng tôi cũng giàu nông lâm sản. Sản phẩm chính là lúa gạo. Hằng năm, đồng ruộng của chúng tôi sản xuất được hơn 6 triệu tấn lúa.

Năm 1923, người ta đã xuất cảng:

1.500.000	tấn lúa
960.000	tấn ngô
3.650	tấn cao su
12.500	tạ sơn
13.000	tạ mây
6.000	tạ chè
9.500	tạ cà phê
8.400	tạ quế
45.000	tạ hồ tiêu
8.000	tấn đường mía
7.000	tấn cây làm thuốc nhuộm

v.v. và v.v..

Chúng tôi có 25.000.000 hécta rừng cây cối xanh tươi nổi tiếng; 210.000 hécta rừng cây [1], 32.000 hécta cao su chia làm 140 đồn điền.

Cần chú ý rằng trong lĩnh vực nông nghiệp cũng như mọi lĩnh vực khác, vì phương pháp canh tác lạc hậu của người An Nam và cũng vì tính sống chết mặc bay của người Pháp, Đông Dương còn ở trong tình trạng khó khăn. Lấy lúa làm thí dụ: với miếng đất rộng bằng nhau, màu mỡ thiên nhiên tương tự như nhau, năng suất ở Đông Dương lên xuống khoảng 0,9 đến l,8, trong lúc ở Giava được

1) Cây có vị chát để thuộc da hoặc nhuộm.

2,2, ở Mỹ được 2,4, Nhật được 2,3.

Bọn chủ đồn điền chiếm không, hay gần như chiếm không hàng ngàn hécta rừng. Chúng chặt gỗ bán, nhét tiền vào túi, rồi về Pháp đàng hoàng nghỉ ngơi ở thôn quê, chẳng cần chú ý gây lại các rừng chúng đã phá phách.

Ở bên ấy, bọn Pháp có:

48 công ty kinh doanh về công nghiệp với số vốn khoảng chừng 180 đến 200 triệu phrăng.

46 công ty kinh doanh về thương nghiệp với số vốn ước chừng l00 triệu phrăng.

12 công ty kinh doanh về nông nghiệp với số vốn 22 triệu phrăng.

Với 100 thùng kéo tơ hiện có, hằng năm Đông Dương gửi sang cho nền công nghiệp Pháp hơn 100 tấn tơ. Ngoài ra Đông Dương còn xuất cảng:

250 tấn thịt muối,

2.000 tấn da.

Công ty làm giấy Đông Dương sản xuất được mỗi năm 3.000 tấn giấy bằng tre nứa. Công ty ximăng Poóclan Đông Dương mỗi năm cung cấp 150.000 tấn ximăng. Doanh nghiệp về tài chính, có Ngân hàng Đông Dương nắm bá quyền. Năm 1876, doanh số của nó là 24.000.000 phrăng và đến năm 1921, con số ấy lên đến 6.718.000.000 phrăng.

Cũng trong thời gian đó, lãi của nó vọt từ 126.000 lên 22.854.000 phrăng. Nó được đặc quyền phát hành giấy bạc và nắm trong tay số phận của các công ty kinh doanh về công nghiệp và thương nghiệp ở Đông Dương.

Chúng tôi có 3 hải cảng lớn (Sài Gòn, Đà Nẵng và Hải Phòng); quân bình hằng năm có đến 5.500 tàu và thuyền buồm lớn vào ra chuyên chở từ 7 đến 8 triệu tấn hàng hoá nhập cảng và xuất cảng, trị giá từ 4 đến 4,5 tỷ phrăng.

2.l00 kilômét đường sắt, 4.355 ôtô và 252 xe tải (số liệu năm 1923) được dùng vào việc chuyên chở trên đường bộ.

Có tài nguyên phong phú trên đất nước mình, có nền đại thương nghiệp tiến hành ở hải cảng của mình, có những số tiền kếch sù luân chuyển quanh mình, ấy thế mà người dân An Nam lại sống đời sống nghèo nàn nhất. Sự phồn thịnh ấy do bàn tay họ làm nên nhưng không phải để cho họ hưởng. Sự áp bức về kinh tế cũng nặng trĩu ê chề trên lưng người bản xứ như sự áp bức về mặt xã hội.

Thí dụ thứ nhất. Công nghiệp đánh cá của người bản xứ có 73.520 thuyền trên sông và 3.000 thuyền ven biển, tất cả là 76.520 thuyền. Số thu nhập cả năm 1920 chỉ được 2.800.000 phrăng, như thế mỗi thuyền chỉ được xấp xỉ 36 phrăng rưỡi.

Thí dụ thứ hai. Người ta có thể cãi, nếu người An Nam không biết tổ chức nghề đánh cá của mình cho tốt hơn nữa, cái đó đâu có phải lỗi tại người Pháp, mà là vì cách thức làm ăn và dụng cụ lạc hậu của người bản xứ chứ. Nhưng, nếu họ làm ăn với dụng cụ của người Pháp tinh xảo hơn, và cả với các chuyên gia Pháp nữa, thì số phận họ vẫn cứ thế mà thôi, mà lại có thể còn tồi tệ hơn thế nữa kia. Công ty nông nghiệp ở Thanh Thuỷ Hạ, một công ty của người Pháp, được lãi hằng năm 950.000 phrăng với số vốn chỉ có l.200.000. Ở đâu ra món lãi kếch sù đó, nếu không phải do sự bóc lột khủng khiếp những người lao động An Nam?

Chưa hết đâu: Người An Nam, vì thân phận là phải è cổ ra đóng thuế, phải nhả tiền ra làm cho các doanh nghiệp của bọn bóc lột mình phát đạt.

Thí dụ thứ ba. Trong hai năm, với số tiền bóp nặn của dân An Nam, Nhà nước đã trả 6.000.000 phrăng kinh phí cho một phái đoàn nghiên cứu do các ngài công nghiệp tơ ở Liông cử sang Đông Dương, 7.300.000 phrăng thưởng cho các công ty khai thác mỏ, 23.800.000 phrăng cho các nhà trồng cao su. Để khuyến khích cho thương nghiệp và công nghiệp bản xứ, chẳng được lấy một xu.

Thí dụ thứ tư. Trong số 7.152.910 tấn hàng hóa chuyên chở ở

hải cảng của mình, về phần dân An Nam chỉ được có 12.231 tấn chuyên chở trên 542 chiếc thuyền buồm nhỏ.

Trong số 20 triệu dân An Nam, chỉ có 22.000 nhà tiểu thương.

Tuy hoàn cảnh xót xa như vậy, nhưng khi phải xỉa tiền ra thì lúc nào dân An Nam cũng phải có mặt cả, chẳng phải tìm đâu xa, và khỏi làm các bạn mệt mỏi với những hàng chữ số vô tận, tôi chỉ dẫn chứng một ít số thống kê từ đầu chiến tranh, cũng đủ chứng tỏ rằng dân An Nam giỏi chịu đựng.

Năm 1915, họ phải đóng công thải 13.000.000 phrăng

- 1916	-	21.700.000	-
- 1917	-	47.600.000	-
- 1918	-	l02.200.000	-
- 1920	-	183.100.000	- (làm hai lần)
- 1922	-	l03.000.000	-

Ngoài công thải bắt buộc, người An Nam còn bị ép phải lạc quyên số tiền 15.000.000 phrăng vào công cuộc chiến tranh và 4.000.000 phrăng cho các vùng bị tàn phá.

Tuy không muốn quá lạm dụng lòng kiên nhẫn của các bạn, tôi cũng không thể bỏ qua việc lạc quyên và công thải này mà không nói sơ qua về cách thức Chính phủ Pháp đã dùng để bắt dân An Nam "khạc" ra tiền.

Cũng như để động viên thanh niên An Nam đi lính cho họ, các ngài Pháp dùng chế độ "tình nguyện bắt buộc" để động viên các món tiền dè sẻn nhỏ của người dân bản xứ ních vào túi mình.

Về vấn đề lạc quyên, một tờ báo Pháp ở Đông Dương, tờ báo này chẳng yêu thương gì dân bản xứ đâu, đã viết như thế này: "Dân chúng đã nhiều lần bắt buộc phải đóng góp, hoặc để cưu mang những kẻ bất hạnh, hoặc để xây dựng những công cuộc ích lợi chung, hoặc để tỏ lòng tôn kính đối với các bậc vĩ nhân.

"Về việc này, thường thường người ta mở những lạc quyên do chính quyền bày trò ra. Ở các tỉnh, trò ấy diễn ra như thế này: Viên công sứ cho quan An Nam biết có một cuộc lạc quyên và *quy định phỏng chừng số tiền mà ông ta muốn thu được.* Sự ước lượng của ông ta đại thể là dựa trên dân số, sự giàu có trong vùng và lợi ích của công cuộc lạc quyên. Đến lượt mình, các quan An Nam tỉnh hạ lệnh cho các quan phủ huyện, chỉ dẫn sơ qua về mục tiêu cần phải đạt tới. Các quan phủ huyện lại hạ lệnh cho các viên chánh tổng, lý trưởng *phải đem nộp cho họ đúng kỳ hạn một số tiền nhất định do các quan Pháp đòi.* Số tiền do quan đầu tỉnh dự kiến thường thường được nộp đến toà sứ đầy đủ, *những kẻ đóng thuế là người An Nam đã phải nộp ít nhất gấp ba số tiền như thế* vì không biết do phép ma quỷ biến hoá thế nào, dân chúng ở đất nước hiền lành này phải nộp ít ra ba bốn ngàn đồng để chỉ còn được một ngàn đến nơi đến chốn. Thường thường người An Nam cứ phải cắm cổ nộp tiền mà chẳng biết vì sao phải nộp cả, vả lại họ cũng thừa hiểu rằng kêu ca hay muốn kháng cự lại thì sẽ mang vào thân những tai vạ gì".

Về công thải, người ta cũng hành động theo kiểu đó nhưng cách làm ngược lại. Không ngồi trên mà hạ lệnh xuống nữa, ngài công sứ đi hết làng này sang làng khác, cho gọi hào lý và chủ gia đình đến, diễn thuyết hứa hẹn vẩn vơ, doạ nạt thật sự và trắng trợn, phân phát cho họ những biên lai ký sẵn với số tiền đã định và ghi trước rồi. Sau đó, muốn thoát khỏi Nhà nước hành hạ, dân bản xứ chỉ còn có việc mà xoay xở lấy cho ra; và ngài công sứ chỉ có việc ngồi chờ nhận tiền.

Nhà nước còn tìm cách cướp đoạt tài tình hơn nhiều nữa. Người ta sáng chế ra "cái phiếu lạc quyên chung" để cho phép đến cả dân nghèo vẫn có thể bảo vợ con nhịn cơm đi để góp phần nhỏ bé của mình vào công thải, tỏ lòng quyến luyến thiết tha với nước mẹ. Thí dụ: mỗi phiếu quy định trước là l0 đồng. Nhưng những người culi và làm thuê công nhật làm sao đủ sức nộp được một số tiền to như vậy? Người ta gọi họ đến từng tốp 5, l0 người một, ấn cho cả bọn một cái biên lai chung, bảo họ cùng ký vào đó. Thế rồi những kẻ bần cùng cứ thu xếp với nhau mà nộp cho đủ số. Nếu có kẻ trốn

tránh mà chỉ thu được có 8, 9 đồng thôi, thì tất cả những kẻ khác phải liên đới chịu trách nhiệm. Vì chẳng ai lại muốn đi tù thay cho kẻ khác, nên họ phải làm mật thám tố cáo lẫn nhau để vừa lòng Nhà nước.

Vì mưu thần chước quỷ ấy mà năm 1922, người ta bỏ vào két được những 10.289.000 đồng bạc, tuy công thải trước kia định mức có 6.180.000 đồng.

Chẳng cần phải nói, dân An Nam không bao giờ được thấy lại đồng bạc của mình trắng đen ra sao cả.

TÂM ĐỊA THỰC DÂN

Một nghị sĩ Pháp đã nói về Angiêri: "Ở trên thế giới, không có dân tộc chiến bại nào bị kẻ chiến thắng ngược đãi hành hạ bằng dân tộc thuộc địa !". Điều ấy đúng với người "Bicô"[1] ở Angiêri và cũng đúng với người "Nhà quê"[2] ở Đông Dương. Một người Pháp khác viết: "Chúng ta trở nên đáng ghét không chịu được ... Hình như chúng ta chỉ làm cho người bản xứ không ai chịu nổi sự có mặt của ta. Ở châu Âu, người ta coi giống người da vàng như là chứa đựng tất cả những thói lừa lọc xảo trá. Ấy thế mà chính chúng ta cũng rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng thành thật".

Đời sống ở thuộc địa chỉ làm những tật xấu của con người phát triển: những kẻ đã quen mùi chiến tranh lại càng không còn gì là ý thức đạo đức, càng truỵ lạc, bất lương và độc ác; bọn con buôn và những tay lưu manh khác càng thích thú cướp bóc và trộm cắp. Ở bên Pháp, họ ít có dịp để làm những việc đó, và họ sợ cảnh sát hơn! Ở Đông Dương nhiều khi bọn này chỉ có một mình với vài người An Nam trên một con thuyền hay trong một làng hẻo lánh nào đó, nên họ càng cướp bóc tàn bạo hơn tên cướp châu Âu ở giữa chợ búa đông người, và họ càng tàn nhẫn hơn với những người dân quê dám kháng cự lại họ.

*

* *

1) Nghĩa là con dê con (bọn thực dân dùng để gọi một cách khinh miệt người Angiêri).

2) Hai chữ "Nhà quê" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

Tất cả những người Pháp sang Đông Dương đều nghĩ rằng người An Nam là hạng người hèn hạ hơn họ và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người An Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt.

Phần đông người Pháp ở đây đã quen tự cho mình là thuộc một tầng lớp quý tộc mới, có đặc quyền.

Nhà du lịch xa lạ chưa am hiểu xứ này sẽ rất đỗi ngạc nhiên thấy người Âu, dù là binh sĩ hay thực dân, họ thường chẳng có cách đối xử nào khác với người bản xứ hơn là cách đối xử với tôi tớ của họ. Đối với họ, hình như người bồi là đại biểu cho cả chủng tộc da vàng. Phải được tai nghe người Pháp ở Đông Dương nói về người "da vàng" thì mới biết được họ khinh bỉ người ta đến thế nào. Phải được mắt thấy cách đối xử của người Pháp khi họ gặp người bản xứ, ngay cả ở những nơi người này được có quyền như họ, thì mới biết họ thô bạo đến đâu!

Người Âu nào cũng rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bản xứ. Người An Nam ở thành thị cũng như ở thôn quê đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt họ. Quá quắt hơn, người ta dùng cả đến gậy hay bắt bỏ tù người bản xứ nào sơ suất không tỏ lòng cung kính đối với họ!

Dù có kính cẩn và ngoan ngoãn đến đâu chăng nữa, người An Nam cũng chẳng làm vừa lòng chủ mình được. Nếu phạm lỗi hay chỉ sai lầm đôi chút, họ làm sao mà giảng giải, mà phân trần nổi lòng thành thật của mình ? Nhưng nếu người Pháp nói năng khó hiểu thì chẳng lẽ một người da trắng lại phải tự nhận lỗi ư? Có một cách dễ hiểu nhau đơn giản hơn: đó là cái batoong. Và lúc nào người ta cũng dùng đến nó.

*
* *

Một nhân viên quân sự viết rằng: Người An Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn; tuy thế, người ta chỉ nói chuyện với họ bằng

những cái đá đít. Anh ta lại nói thêm: Suốt ngày người ta vác gậy và dùng sống gươm để nện người An Nam bắt họ làm việc.

Người ta đã trông thấy các viên sĩ quan hành hạ các cụ già hiền lành và túm râu thầy cúng mà kéo trong khi họ đang hành lễ.

*
* *

Ông Cuốctelơmăng kể chuyện một cách mỉa mai: Tôi có quen một Ngài có một lối khai hoá thật đáng học tập. Khi Ngài ta ra khỏi cửa, các xe kéo, theo một thói quen như những người đánh xe ngựa ở bên Pháp, xô đến mời Ngài. Bực mình quá, Ngài nắm chắc batoong trong tay, quật vào những người culi, và thừa biết rằng những người culi khốn khổ này chẳng thể ăn miếng trả miếng với Ngài, Ngài ta càng ra tay quật. Buổi chiều Ngài muốn đi chơi, nhưng culi xe đã biết tính Ngài, không dám lại gần Ngài nữa. Thế là Ngài lại với họ, rồi cầm cái gậy quý hoá của Ngài, quật lên lưng họ để dạy dỗ cho họ biết phải đến hầu Ngài. Ngài ấy bảo: "Vả lại, biết làm thế nào được với cái hạng người ấy, dù chúng đã gần gũi chúng mình bấy lâu nay mà vẫn chưa dám ăn thịt quay!". Người ta nghe thấy vô số người Pháp, và không phải là hạng kém cỏi gì đâu- lý luận như thế đấy.

... Khi "những người từng ở Bắc Kỳ" vui đùa trên tàu thì dưới mạn tàu phía bên phải có vài chiếc thuyền bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người An Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ việc chọn mà thôi. Nhưng đáng lẽ phải trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: những ống tẩu thuốc lá, khuy quần, mẩu thuốc lá. (Có lẽ họ làm như thế để dạy cho người bản xứ tính ngay thật trong việc mua bán chăng!). Đôi khi, để mua vui, một anh sốp phơ nào đó hắt cả một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Lập tức có những tiếng rú lên vì đau đớn, những

mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho những chiếc thuyền va sầm vào nhau.

Ngay phía dưới tôi, một người An Nam bị bỏng từ đầu đến chân, phát điên lên, muốn lao xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, buông tay chèo ôm lấy anh ta và ra sức đè anh ta xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chưa đầy hai giây vừa kết thúc thì một thùng nước sôi nữa được hất bởi một bàn tay chuẩn xác lại dội xuống kẻ bất hạnh. Tôi thấy anh ta lăn lộn trong thuyền, vết thương trơ cả thịt với những tiếng kêu không còn gì là của con người nữa! Và cảnh đó khiến chúng tôi cười; với chúng tôi, điều đó có vẻ cực kỳ ngộ nghĩnh. Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!...

*
* *

Một người lính khác kể: "Trong thời kỳ tôi ở đó (Bắc Kỳ) không có tuần nào là không có vài cái đầu rơi.

Trong tất cả những cảnh tượng đó, tôi chỉ còn nhớ được một điều, là chúng ta còn tàn bạo, còn dã man hơn cả những tên cướp biển. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một kẻ bị kết án sắp phải chết? Tại sao lại có những cuộc hành hạ thể xác, tại sao phải giải những đoàn tù đi bêu khắp các làng mạc?".

CÁC QUAN CAI TRỊ

Tôi đã nói chuyện về các ông nghị thanh liêm. Bây giờ, tôi phải nói đến các quan cai trị có đạo đức. Như các bạn biết đấy, để bảo vệ cho một chế độ cướp bóc, phải có quân ăn cướp. Hoạ hoằn có một viên quan cai trị nào lại thật thà và hiểu biết hơn, lập tức viên ấy bị đàn lang sói quan thầy hay bè bạn xua đuổi đi ngay. Thành thử ra 99% quan cai trị là quân trộm cắp, chỉ nghĩ đến bóc lột dân bản xứ để làm giàu, chẳng kiêng nể gì tài sản, quyền lợi, tự do, đời sống của những người bị cai trị cả.

Một viên quan cai trị ở Bắc Kỳ đã tước đoạt của một làng mấy hécta trồng mía để cho một làng công giáo. Rồi lão ta lại bắt bỏ tù những kẻ bị tước đoạt khổ sở vì những người này dám đi kiện. Chưa đủ, ngài còn bắt họ trả thuế mãi đến năm 1910 cho những đất mà ngài đã cướp của họ từ năm 1895 và năm 1900.

*
* *

Một viên công sứ ở Lào buộc 25 người An Nam vào tội hội họp làm biểu tình. Thế mà chính ông ta, viên công sứ, đã bày ra một âm mưu tưởng tượng, cho tiền kẻ tố cáo, rồi hành hạ tra tấn bắt những người bị cáo phải nhận những lời thú tội giả mạo. Việc hèn mạt ấy, chính viên công sứ cũng đã thừa nhận. Nhưng ông ta chẳng phải lo lắng gì về việc ấy cả; và ông cứ tiếp tục những việc gian ác của mình.

Lấy cớ là phải giữ gìn trật tự an ninh trong địa hạt, ông ta đã hạ lệnh bắt tất cả những người An Nam không phải là người cư trú trong vùng mà hay lai vãng tới đó, và cứ việc bắn những kẻ toan chạy trốn. Trong một tuần, hai người An Nam bị giết, và một người bị trọng thương, đều do bị bắn gần.

Tất cả những người An Nam bị bắt đều bị coi như phiến loạn cả.

*
* *

Một quan cai trị khác nghe tin một người An Nam đã bị toà án do ông ta làm chủ toạ kết án 6 năm khổ sai, nay được toà thượng thẩm cho trắng án. Cáu tiết lên, ông ta cho bắt người bản xứ đó tống cổ vào tù. Làm xong, ông xuống tàu về Pháp, để lại người bản xứ ở trong tù, trong ngục kín, chẳng thèm hỏi han gì cả.

*
* *

Một viên khâm sứ, can tội ăn hối lộ, hành hung, biển thủ, làm

và sử dụng giấy tờ giả mạo, lại được tặng đệ tam đẳng bắc đẩu bội tinh và thăng lên chức quyền toàn quyền.

*
* *

Một viên công sứ khác nắm trong tay cả quyền hành của tổng đốc, thẩm phán, mõ tòa và đội trưởng thúc thuế. Ông ta lợi dụng quyền hành của mình chẳng một ai giám sát để bắt bớ, bỏ tù hay kết án một cách võ đoán người An Nam đặng bóp nặn họ. Ông ta đấm đá, lấy gậy đập những thanh niên An Nam "tình nguyện" không hiểu những câu ông ta nói. Ông ta hành hạ lính, đập đầu họ vào tường, túm tóc họ mà kéo. Ông ta lấy thanh kiếm lệnh của mình đâm nát đùi những người tù để lấy khẩu cung.

Dưới trời nắng chang chang, đoàn tù khốn khổ, gầy gò, rách rưới, dậy làm việc từ tờ mờ sáng đến tận đêm khuya, cổ đeo gông, chân xiềng xích, tay còng người nọ vào với người kia, đang ì ạch kéo một quả lăn to tướng trên lớp đá sỏi dày. Quan cai trị tới, vô cớ lấy chiếc batoong to tướng của ngài đập thẳng tay, chửi mắng họ là lười biếng.

Một hôm, vừa mới cự một nhân viên người Pháp xong, chẳng biết trút cơn thịnh nộ lên đầu ai, ngài vớ ngay lấy một cái thước kẻ bằng sắt đập gãy ngón tay một viên thư ký khốn khổ người An Nam.

Những lính khố xanh làm chẳng vừa lòng ngài, ngài cho đem chôn đứng đến tận cổ, hay cho đem trói chặt vào cột đánh cho đến gần chết.

Ngài đã phạm không biết bao nhiêu tội ác đến nỗi người An Nam ở tỉnh ngài cai trị phải nổi dậy. Hàng trăm người Pháp và An Nam đã phải hy sinh, và thiệt hại có đến hàng triệu bạc.

Các bạn có biết nước Cộng hoà Pháp đã cho tên sát nhân ấy làm gì không ? Sau cuộc nổi dậy, nước Cộng hoà Pháp đã cho hắn làm chánh chủ khảo các trường học lớn ở Bắc Kỳ, rồi thì làm đổng lý văn phòng của quan thống đốc, nghị viên hội đồng thuộc địa ở Nam Kỳ kiêm giám đốc uỷ nhiệm các nhà máy rượu.

*
* *

Một chuyện khác... Thôi, kể thế đủ rồi. Chúng ta hãy ngừng lại đây và sang chương khác, để thay đổi món đi một chút.

ĂN BÁM VÀ HỖN ĐỘN

Ông Vinhê Đốctông, nguyên nghị sĩ Pháp nói: "Nếu đem so sánh với bọn viên chức thuộc địa, thì những quân cướp đường còn là những người lương thiện!". Ông ấy nói chí lý đấy.

Người nông dân An Nam đóng được một trăm đồng bạc thuế, thì đến bảy mươi đồng bị ngốn ngay vào việc trả lương và kinh phí thuyên chuyển cho viên chức, ấy là chưa kể các khoản trợ cấp cho quỹ hưu bổng làm cho người dân càng bị hút máu tàn nhẫn thêm nữa.

Người ta cấp học bổng cho các cậu ấm hay cô chiêu - con các quan cai trị tại chức lương khoảng từ 20 đến 25 ngàn phrăng - về Pháp học khỏi phải mất tiền, trong khi trẻ con An Nam không sao kiếm được chỗ học trong nhà trường Pháp - Nam hiếm có ở An Nam, nên phải chịu dốt nát.

Ngân sách hàng tỉnh bị cướp giật một cách vô liêm sỉ cho việc chi tiêu riêng của những kẻ có quyền định đoạt cách sử dụng.

Ở các nước khác, cử tri hay đại diện của họ được quyết định về ngân sách do chính họ đóng góp vào; ở đây người ta để cho vài trăm người Âu sống ở thuộc địa, có quyền cao hơn và bất chấp cả Nhà nước, tuỳ ý sử dụng công quỹ do hàng triệu người bản xứ đóng góp.

Nhiều phiên họp của hội đồng thuộc địa chỉ là để bàn cách cướp giật công quỹ một cách khôn khéo. Riêng một ông chủ tịch hội đồng đã được lĩnh thầu những công việc trị giá hơn hai triệu phrăng. Một ông đổng lý sự vụ, làm đại diện của Chính phủ trong

hội đồng đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận.

Nếu két bạc thấy hơi vơi đi thì cũng chẳng khó khăn gì mà các quan cai trị không làm cho nó đầy lại được. Tự quyền các ngài đó báo cho dân bản xứ biết là Nhà nước cần một khoản tiền nhất định, rồi các ngài bổ cho các làng phải đóng góp. Làng xã phải vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

*
* *

Cần tiền ư? Các ngài công sứ cố gắng tìm phương lập kế, và vì các ngài quan tâm đến việc thăng quan tiến chức của các ngài hơn là túi tiền của dân bị trị, nên các ngài sốt sắng bày đặt ra các thứ phải đánh thuế, nâng hạng một số ruộng để nã tiền thuế nhiều hơn. Người ta kể có một tỉnh nào đó ở Bắc Kỳ đã bị kiệt quệ hẳn đi vì tinh thần sốt sắng của một quan công sứ vào loại ấy.

*
* *

Ở khắp Đông Dương, những người được cử vào giữ những chức vụ cao nhất thường được lựa chọn trong số những kẻ mưu mô xảo quyệt làm giàu bằng những cách chẳng lương thiện chút nào. Đồng tiền trước hết, dù trong sạch hay dơ dáy, là cái quyết định việc tuyển lựa, cho nên một thằng xỏ lá ba que, coi như cái rơm cái rác ở một nơi khác, lại làm nên một "Ngài chủ tịch" đường bệ đáo để ở xứ thuộc địa này.

*
* *

Khi quan thống sứ có việc phải tiêu pha thì ngài cấp bằng sắc, phẩm hàm. Nhiều việc làm theo kiểu ấy đã vớ được từ 10.000 đến 15.000 phrăng. Mà những việc như thế không phải là hiếm đâu.

*
* *

Ở đường giao thông Vĩnh Long, có một nhân viên làm kế toán

một thời gian đã tìm ra một cách đặc biệt tài tình để tăng lương của mình: mỗi lần có người bản xứ hỏi vay trước ít tiền lương, anh ta bằng lòng ngay, và rồi đến kỳ lương sau anh ta trừ đi, nhưng anh ta giữ món tiền trừ lại cho mình, và cứ như thế, anh ta đã xoáy được số tiền nhỏ mọn là 200 ngàn phrăng.

Một quan thống sứ đã chi tiêu hết kinh phí về chiếc sàlúp trước thời hạn mấy tháng. Ngài bèn lấy cớ có một cuộc hội hè nào đó mà nhà vua sẽ được mời đến ngự trên sàlúp và quyết định ông ta sẽ phải góp phần vào việc chi phí, và người ta dự đoán rằng phần đóng góp của vị khách sẽ nhiều đấy.

*
* *

Ông Đờ Lanétxăng, nguyên toàn quyền Đông Dương và Bộ trưởng Bộ Thuộc đ), thú thật rằng Đông Dương tràn ngập những viên chức Pháp quá đông và thường thường là không được tích sự gì cả.

Phần đông người Pháp đã sống ở thuộc địa đều nói rằng quá nửa số quan đầu tỉnh không có đủ tư cách cần thiết đáng để giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm đến thế.

Một quan cai trị mới đến thay chân một viên quan cai trị cũ, nhất định thấy quan cai trị cũ là một tên dốt đặc hay tệ hơn thế nữa. Thế rồi, đường sá đang làm dở, công trình đang thực hiện, kế hoạch đã nghiên cứu, mọi việc đều quẳng đi, xếp xó cả.

*
* *

Sang Đông Dương, các quan toàn quyền chỉ nhằm có một mục đích: kiếm việc bổ dụng bè bạn, con cái, họ hàng, những kẻ vận

1) Theo các từ điển của Pháp, Lanétxăng là Bộ trưởng Bộ Hàng hải.

động tuyển cử cho những người họ có thể nhờ vả được; thường thường là một tên nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn đón, và hắn cần tiền.

*
* *

Năm 19.., người ta trả hết 36.300 đồng bạc tiền lương cho viên chức ngồi ăn không chẳng phải làm gì cả, và năm sau nữa hết 300.000.

Năm 1909 kinh phí về việc thuyên chuyển viên chức trong nội địa Đông Dương hết 155.000 phrăng. Việc thuyên chuyển ra ngoài nước chi tiêu hết l.500.000 phrăng.

Riêng bộ máy cai trị ở phủ toàn quyền đã dùng hết 1.000.000 phrăng kể cả 50 ngàn phrăng trả công những người ở và làm vườn.

Viên toàn quyền và hai mươi mốt tên tuỳ thuộc mỗi năm lĩnh hơn một triệu phrăng, chưa kể những món phụ cấp kếch sù chiếm mất 2.500.000 đồng phrăng của công quỹ.

Người ta bố trí cả một chiến hạm cho viên toàn quyền di chuyển. Việc sắp xếp tốn mất 300.000 phrăng, ấy là chưa kể những khoản phụ cấp linh tinh lên tới l00.000 phrăng cho mỗi chuyến.

Ngài toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài nguy nga lộng lẫy của ngài ở Sài Gòn và Hà Nội, Ngài còn muốn có những nhà nghỉ mát và biệt thự ở bãi biển nữa; thế là dân An Nam khốn khổ lại phải nộp hàng trăm ngàn phrăng cho hành động ngông cuồng ấy.

Năm 19.., ông hoàng V. đơ. Đ. đi viễn chinh ghé qua Sài Gòn. Quan thống đốc nghênh tiếp ông hoàng một cách đế vương. Bốn ngày tiếp đón là bốn ngày lu bù yến tiệc. Và dân Nam Kỳ đáng thương đã phải trả hết 80.000 phrăng.

Cũng năm ấy, trong lúc dân An Nam đang chết đói và dân Nam Kỳ bị nạn lụt, chẳng có chỗ nương thân, thì người ta lại mở yến tiệc linh đình để nghênh tiếp một cách đế vương một hạm đội Anh trong tám ngày và tám đêm liền. Dĩ nhiên là những người nông dân nghèo

khổ An Nam phải gánh những phí tổn đó, cũng như mọi lần.

*
* *

Một viên thống sứ lập cả một đội kỵ binh và không bao giờ đi đâu mà không có đội ấy đi hộ tống, và như thế, theo như ngài nói, là để nâng cao uy tín của ngài với xứ bảo hộ.

Theo truyền thống, các viên cai trị là những ông vua con muốn cái gì quanh mình cũng xa hoa tráng lệ. Họ nói có thế mới nâng cao được uy tín của họ đối với dân bản xứ.

Đã có sẵn nhà cửa và đồ đạc không mất tiền, các ngài viên chức Nhà nước lại được công quỹ hàng tỉnh trả cả tiền đèn cho nữa. Có lần, một viên quan cai trị đã không ngần ngại tự ý chi tiêu hẳn một số tiền 50.000 phrăng để bắc đèn điện ở nhà riêng.

Không những người trông nom quét dọn nhà cửa mà cả người đánh xe ngựa, người giữ ngựa và tất cả những người hầu kẻ hạ, đều do ngân sách địa phương trả tiền công cả. Cả sách báo giải trí cũng được cung cấp không cho những con người tốt số ấy.

Ở cả các toà sứ đều có từ 6 đến 9 con ngựa và 5, 6 cỗ xe sang trọng đủ các loại. Ngoài những phương tiện giao thông đã quá thừa ấy, người ta còn sắm thêm những xe hơi làm tốn cho công quỹ hàng chục vạn đồng.

Có những viên nuôi cả một chuồng ngựa đua.

Có những công sứ ở một vài tỉnh đã kê các khoản sắm sửa áo, đồ dùng vệ sinh, đàn dương cầm và các thức ăn uống vào sổ sách kế toán thành những món mua vật tư cần thiết để tu bổ toà sứ, hay thành một khoản gì tương tự như thế để bắt ngân sách địa phương phải gánh.

Ngoài lương chính đã đế vương lắm rồi, viên chưởng lý còn lĩnh thêm khoản phụ cấp 30.000 phrăng, viên giám đốc thương chính lĩnh 40.000 phrăng, viên giám đốc tài chính 20.000 phrăng, viên giám đốc công chính 30.000 phrăng, v.v., v.v..

Trong một vài vùng, việc mua đồ đạc cho toà sứ nuốt hết *hơn một phần năm* số thu, còn ngân sách cho việc giáo dục chỉ vẻn vẹn được một phần năm mươi.

Có viên giám binh dùng đến 5, 6 người lính khố xanh chăn dê cho mình; có viên giám binh khác bắt những người lính biết chạm trổ làm cho mình những tượng Phật xinh xắn hay đóng những cái hòm rất đẹp bằng gỗ long não.

Theo nguyên tắc thì một viên giám binh chỉ được lấy một người lính làm lính hầu, thế mà người ta đã kể lại rằng có một ông giám binh nọ đã dùng:

1 người đội làm quản gia

1 đầu bếp

3 bồi

2 bếp

3 người làm vườn

1 hầu phòng

1 người đánh xe

l người chăn ngựa

Bà lớn dùng riêng:

1 người thợ may

2 người thợ giặt

1 người thợ thêu

1 người thợ đan đồ dùng bằng tre

Dĩ nhiên là cậu ấm cũng có một người bồi riêng, không lúc nào rời cậu nửa bước. Cộng tất cả là 19 người lính khố xanh. Và những trường hợp như thế không phải là hiếm đâu.

Một người mắt được chứng kiến đã kể lại rằng trong một bữa cơm ở nhà một quan cai trị nọ, - một bữa cơm thường thôi chứ không phải một yến tiệc gì lớn đâu, - sau lưng mỗi người ngồi ăn đều có một anh lính đứng hầu để chờ thay đĩa và đưa các thứ cần

dùng. Và tất cả những người hầu trong phòng ăn ấy đều do một viên đội nhất chỉ huy.

Một viên chủ tỉnh chơi ngông kỳ quái đến nỗi cho phá cả một cái trường chuyên nghiệp xây mất 50.000 phrăng; vì cái trường đã phạm đại tội che khuất mất phong cảnh trước dinh quan sứ.

Những chuyện tương tự như thế này, tôi có thể kể hết giờ này sang giờ khác. Nhưng tôi tưởng thế cũng đã đủ để các bạn thấy rõ đồng bào chúng tôi phải sống đoạ đầy dưới một chế độ ăn bám và lãng phí như thế nào rồi. Trước khi sang chương khác, xin các bạn cho phép tôi gọi là để kết luận, lấy một câu của ông Anbe đơ Puvuốcvin, một nhà cựu thực dân ở Đông Dương, như sau: Chúng ta đã thấy đấy, các quan cai trị của ta ăn ở ra sao..., anh thì chỉ nghĩ đến việc cho xây nhà nghỉ mát vui chơi thích thú, và ngồi tính toán xem mình được đi bao nhiêu lọng; có anh đã nhiễm ý nghĩ rằng người An Nam nào cũng là kẻ thù cả vì họ có màu da khác anh nên anh ta đốt phá cả một vùng.

TẬP ĐOÀN KẺ CƯỚP

Để hút đến giọt máu cuối cùng của đất nước khốn khổ chúng tôi, nghề ăn cướp thực dân như con bạch tuộc, đang xiết chặt bằng nhiều cái vòi hút độc quyền không biết chán: độc quyền muối, độc quyền rượu, độc quyền thuốc phiện, v.v..

Ông Combane, một nhà thám hiểm Pháp viết: Nói về các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo đẹp bị trói chặt tàn nhẫn và đang hấp hối dưới những cái mỏ quắm của bầy diều hâu rỉa móc mãi không biết chán.

Trong số những người có cổ phần ở công ty độc quyền rượu, có nhiều nhân vật cao cấp nhất ở Đông Dương; tất cả các ngành cai trị đều có những ngài tai to mặt lớn ở trong công ty. Phần đông các quan lớn này, hơn những kẻ khác, đều rất có lợi cho công ty không ai chối cãi được.

Để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ phải đóng thuế, công ty có ở ngành *tư pháp:*

2 chưởng lý

l biện lý

l lục sự

Để đàn áp những cuộc phiến loạn có thể xảy ra chống lại chế độ độc quyền, công ty có ở *ngành quân sự*

1 thiếu tướng

1 trung tá

2 quân y sĩ cao cấp
1 thiếu tá
2 đại uý

Được sự ân cần dễ dãi của *ngành hành chính* là điều bảo đảm nhất cho kết quả của việc kinh doanh nên công ty có:

1 công sứ
1 chủ sự tài chính
1 tổng giám đốc ngân khố
1 thanh tra bưu chính
1 chủ sự trước bạ
1 quan cai trị
2 giáo sư

và cuối cùng là ngài dân biểu và nghị viên hội đồng thuộc địa. Những nhà máy rượu được Nhà nước cho phép ở Bắc Kỳ chỉ nấu rượu độ cao (80 độ) rồi pha thêm nước lã vào để rút xuống độ hợp pháp là 40 độ.

Trước đây, một khi cần dùng, người bản xứ chỉ quen mua một ít rượu thôi; họ mang chai thế nào đi đựng cũng được. Nhưng nay người ta đặt ra chai có đóng dấu số. Rượu chỉ bán trong chai *được Nhà nước công nhận* nửa lít hay một lít mà thôi. Người An Nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ uống thứ rượu nặng từ 40 đến 42 độ. Chưa hết. Người bản xứ cũng chú ý đến hương vị của rượu nữa; cái đó cũng chính đáng thôi. Họ quen dùng một thứ rượu có hương vị thơm dịu do nguyên liệu cất rượu tốt, đặc biệt là bằng thứ gạo tốt hạng nhất. Bây giờ, người ta làm thế nào? Người ta đã thay thế những nguyên liệu ấy bằng thứ gạo xấu nhất, bán trên thị trường rẻ tiền nhất. Thứ rượu mà hiện nay người ta tống vào họng người An Nam đã được nấu bằng những nguyên liệu như thế đấy.

Ông Đềbô, người chiếm độc quyền, có ra một bản thông tư bắt tất cả nhân viên phải pha thêm nước vào rượu đem ra bán, cứ một trăm lít rượu thì pha thêm tám lít nước lã.

Ở Đông Dương, mỗi ngày bán được 500.000 lít rượu, như thế tính ra có 4.000 lít nước lã; 4.000 lít nước lã, mà mỗi lít ba hào, thế là 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Thế là chỉ bán nước lã không thôi, mỗi năm công ty độc quyền đã thu một món lời nhỏ là 432.000 đồng, nghĩa là l.080.000 phrăng.

Dân Đông Dương chẳng ưa dùng thứ rượu ấy chút nào. Nhưng người ta làm đủ cách để tống vào họng họ.

Người ta cưỡng bức người An Nam phải chịu chế độ ấy. Chính phủ phải luôn luôn chi tiêu những khoản cấp bách, phải trả những món kinh phí cứ tăng lên mãi của phủ toàn quyền, những khoản vay nợ lớn, những công trình dân dụng hay quân sự ở khắp nơi mà chẳng bao giờ hoàn thành cả, phải cần thiết xoay xở những món tiền, nếu không phải để cho những công vụ thật sự - thì ít ra cũng là để đài thọ hàng bầy công chức từ Pari tống sang. Cho nên Chính phủ phải tìm đủ mọi cách thúc đẩy các công chức, nhân viên, từ quan công sứ đến người nhân viên hạng bét, bắt dân tiêu thụ thêm rượu.

Đây là một câu chuyện đầy ý nghĩa về một viên chức làm thủ hiến tỉnh Sơn Tây (Bắc Kỳ).

Dân số tỉnh này có độ 200.000 người. Nhưng khi cần tăng mức tiêu thụ rượu lên, dân số tỉnh này đột ngột tăng lên nhanh chóng: người ta cho nó lên ngay 230.000 người. Nhưng vì số 230.000 dân đó uống còn ít rượu quá, nên quan lớn công sứ Sơn Tây còn phải xoay xở, đẩy số rượu tiêu thụ cả năm lên đến 560.000 lít.

Lập tức Ngài được thăng chức; Ngài được khen thưởng nữa.

Ông Đờ C. khẳng định rằng một viên công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó nói: "Số rượu tiêu thụ ở phủ X. tính bình quân theo số đã định cho dân, đã tụt xuống kém mức Z rồi. Ông có nghĩ rằng cần phải làm gương cho các nơi khác hay không?".

Viên công sứ bị khiển trách như thế liền họp hào lý lại, giải thích cho họ nghe là sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu thế là vì họ có nấu rượu lậu. Để được yên thân, các làng liền mua ngay đủ số rượu của Nhà nước mà các phòng giấy đã quy định cho họ tính theo dân số.

Tuy không phải bằng cách hợp pháp, nhưng thực tế người ta đã quy định cho mỗi người dân bản xứ hằng năm phải tiêu thụ bao nhiêu rượu, và khi người ta đã nói MỖI NGƯỜI DÂN BẢN XỨ, thì chớ có tưởng rằng người ta chỉ tính những người lớn mà thôi, mà người ta tính TOÀN BỘ DÂN SỐ, từ người già, đàn bà, trẻ em, đến cả những đứa còn đang bú mẹ; người ta buộc họ hàng thân thuộc uống thay cho những người này, mà uống thay chẳng những một lít mà đến hai ba lít kia.

Dân một làng thuộc Bắc Kỳ, vì bị đe doạ, buộc phải uống rượu, đã đến kêu với quan của họ: "Chúng tôi biết làm thế nào? Chúng tôi không có tiền để ăn cho đủ no nữa là...". Quan của họ đáp: "Chúng mày thường ăn mỗi ngày ba bữa; *chúng mày chỉ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rưỡi,* là có thể mua rượu của Nhà nước được chứ gì".

Đấy, ông Ph.đơ Prétsăngsê nói chuyện trước nghị viện như vậy đấy.

Người ta có một kho hình phạt đầy đủ ghê gớm để giáng xuống đầu những người dân bản xứ cứng đầu cứng cổ. Có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng. Có những án phạt tù lên tới ba năm. Lại còn có điều luật mới mẻ này nữa định rằng mỗi lần bị tuyên án phạt tiền, thì người bị phạt lại phải chịu một khoản bồi thường cho công ty rượu bằng số tiền phạt!

Không phải là quan toàn quyền không biết rằng người An Nam chẳng bao giờ đóng nổi những món tiền to đến thế. Nhưng ngài vẫn muốn cứ làm tiền cho kỳ được, nên con người khôn ngoan khéo léo ấy đã dự kiến rằng làng xã có thể phải liên đới chịu trách nhiệm với người can phạm (điều 4).

Bạn có thể bảo: Muốn kết án cả làng xã, thì dù sao cũng phải xác định rằng làng xã ấy có đồng lõa đã chứ.

Không đâu. Với điều 4 thì chẳng cần phải là như thế. Làng nào không kiếm cách ngăn giữ cho người ta khỏi phạm pháp, thì khi Nhà nước bắt được, làng ấy phải chịu trách nhiệm về khoản tiền phạt của kẻ phạm tội.

Thật là quỷ quái hiểm độc, vì chỉ cần những tay sai của bọn chủ trưng thuế, - chúng nó được thuê tiền để phát giác ra cho được thật nhiều vụ phạm pháp, - khai ra là làng đó chẳng làm gì để ngăn ngừa các vụ ấy, thế là đủ để buộc tội cho cả làng rồi.

Tiết 3 trong điều luật đã quy định cách thức lập biên bản về những vụ phạm pháp mà bọn tay sai của chủ trưng thuế có quyền làm.

Nhưng khoản này có trở ngại. Vì những tên tay sai ấy dốt nát thường làm biên bản không hợp lệ. Người ta khắc phục khó khăn ấy bằng cách cho viên chức nhà đoan ở tỉnh lỵ làm biên bản, căn cứ trên báo cáo của bọn tay sai của chủ trưng thuế. Bọn này bắt được một vụ phạm pháp cách xa tỉnh lỵ 15 hay 50 kilômét, chúng làm báo cáo. Một nhân viên nhà đoan, ở Hà Nội chẳng hạn, mắt không được chứng kiến sự việc xảy ra, lập biên bản làm cơ sở cho việc xử án. Thật khó mà tưởng tượng được rằng lại có sự vi phạm tất cả hình luật của nước Pháp, truy tố người ta dựa trên biên bản của một nhân viên mắt không được chứng kiến sự việc và chẳng có chút trách nhiệm gì, chẳng có một bảo đảm gì về mặt pháp lý cho bị cáo.

Khi bị xét thấy là phạm pháp, người An Nam bị bắt và giải về Hà Nội hay Hải Phòng, những thành phố cách xa biên giới Trung Quốc từ 200 đến 250 kilômét, để xét xử ở đó, nghĩa là để bị kết án.

Không có tổ chức gì để người bị cáo có thể tự bào chữa cho mình cả.

Báo chí Bắc Kỳ thường thuật lại tình cảnh những người khốn

khổ ấy - có lúc đến trăm người, - bị điệu đi lên toà án Hà Nội hay Hải Phòng vì phạm tội buôn lậu (thường mới chỉ bị tình nghi buôn lậu). Có một tờ báo viết: "Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên - mà kể cũng đáng ngạc nhiên thật khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng, từng đoàn dài ông già, đàn bà *có mang,* trẻ con, cứ hai người một trói vào với nhau, để trả lời về tội vi phạm thuế thương chính".

Nhưng thế cũng chưa thấm vào đâu so với các tỉnh, nhất là các tỉnh Trung Kỳ, ở đây viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt, già có, trẻ có.

Và một đoạn khác nói: "Người An Nam thừa hiểu rằng người Pháp là những kẻ mạnh hơn, nhưng không phải là những kẻ công bằng, đạo đức hơn".

Cũng tờ báo ấy, trong một số khác, nói một cách cảm động và buồn rầu về những người bà con thân thuộc khổ não, lật đật theo sau đám tù như sau:

"Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bẩn thỉu, rách rưới, mặt hốc hác, mắt đỏ ngầu vì đang lên cơn sốt, trẻ con bị lôi theo vì bước không kịp. Tất cả những con người đã kiệt sức ấy, mang theo đủ mọi thứ, nào nón, nào quần áo rách, cơm nắm, thức ăn đủ thứ, để lén lút đưa cho người bị cáo là cha, là chồng, là người nuôi sống gia đình, hầu hết là chủ gia đình".

Đau xót hơn nữa là thấy các vụ ấy đều bị xử bất công và kết án một cách tàn nhẫn.

Ông Combane, mà tôi đã nói đến ở trên, bảo rằng: Những người nông dân bị tình nghi không kể là oan hay đúng đã nấu rượu lậu hay buôn rượu lậu có lẽ phải thêm cái số phận những người Nga bị cảnh binh Nga hoàng lùng bắt vì bị cho là những người đi khủng bố. Ông còn nói tiếp:

Bị xúc phạm về tín ngưỡng và quyền lợi, bị ép phải uống một thứ rượu khốn nạn làm bằng tấm gạo mục, nếu không cả làng bị khủng bố..., còn đợi gì nữa mà người ta không nổi dậy chống lại.

Dù có diễn tả thế nào đi nữa vẫn chưa nói hết được sự thật một nhà văn ở thuộc địa, bây giờ đã lạc hậu, đã phải kêu lên như thế. Chưa có bao giờ ở một thời đại nào, ở một nước nào, người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách độc ác trơ tráo đến thế.

Về vấn đề này, ông Mítximi, nghị sĩ và cựu bộ trưởng, đã viết: Công chức và nhân viên nhà đoan, khi đuổi theo người buôn lậu, có quyền đi qua cả đất đai nhà tư của người ta. Một biên bản, bắt đầu lập lúc còn ban ngày, vẫn có thể tiếp tục làm ban đêm ở ngay nhà người bị cáo, nghĩa là bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm, nhà đoan muốn làm khổ người An Nam cũng được cả.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà thường xuyên mà còn có những cuộc khám xét thân thể người bản xứ ở bất kỳ chỗ nào, bất kỳ là nam hay nữ nữa. Nhân những cuộc khám xét thân thể, người ta đã lạm dụng ghê gớm biết chừng nào! Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, thấy có đàn bà và con gái, *bắt họ lột hết quần áo trước mặt chúng,* và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò tinh nghịch đến nỗi đem cả con dấu nhà đoan *đóng lên người họ!.*

Ông Đờ C. kể chuyện rằng ông đã được gặp ở miền Bắc Trung Kỳ một viên quản đoan say sưa như điên cuồng với việc đàn áp những người An Nam lậu thuế. Hắn nói về các cuộc hành trình xông xáo ở các làng mạc với vẻ thích thú vô cùng mọi rợ; nghĩ đến lúc đi bao vây các túp lều tranh khi còn mờ sáng, hắn lấy làm khoái trá. Tất cả lý lẽ của hắn chỉ còn là cái dùi cui mà hắn vung lên. Những nhân viên như thế chắc hẳn phải làm cho đời sống của nhân dân được ấm êm lắm đấy, nhất là lúc chúng vào nhà họ sục sạo, đảo lộn ngược xuôi mọi thứ lên, lục soát cả đến bàn thờ tổ tiên.

Ở Pháp, người ta chỉ dùng những biện pháp thật chính đáng và thật ôn hoà đối với những vụ gian lậu, và dân có quyền nấu rượu nếu chỉ dùng những nguyên liệu do mình sản xuất lấy, ấy thế mà cũng có nhiều vụ phản đối dữ dội xảy ra. Ở bên Pháp nếu cũng áp dụng một chính sách giống như ở Đông Dương thì nhất định không

tránh khỏi đổ máu. Dân tộc An Nam phải là nhẫn nhục và điềm tĩnh quá đáng mới không nổi loạn.

Ở khắp các nước văn minh, người ta cấm dùng thuốc phiện, thế mà ở Đông Dương, nhà nước lại nấu, chuyên chở và bán thuốc phiện.

Những người thành thạo trong việc nấu thuốc phiện sống, trong việc chế biến nhiều lần, quả quyết rằng công ty trưng thầu thuốc phiện đã dùng nước lã thay cho rượu cồn tinh khiết, rằng người ta cứ để nguyên trong thuốc phiện các chất độc đáng lẽ phải lọc ra, rằng người ta rắc cả vào thuốc phiện một thứ bụi kim loại đặc biệt làm cho nó nặng cân lên.

Bài xích thuốc phiện về phương diện vệ sinh, nhưng người Pháp lại hết sức làm cho việc hút thuốc ấy lan tràn ra khắp nơi để công quỹ được thăng bằng. Trong lúc bão lụt tàn phá Đông Dương, giữa lúc đói kém, Nhà nước chỉ có một mục đích: *bán mạnh* thêm *thuốc phiện và rượu*. Người ta đánh giá các quan cai trị không phải bằng tài cai trị khôn khéo, mà bằng việc *bòn rút người bản xứ*... Đó là tất cả công ơn của nền văn minh giả nhân giả nghĩa, nó đã đẩy người bản xứ vào mọi thứ bê tha có lợi cho nó, mà người đời ai cũng phỉ nhổ.

Để kết luận, tôi thấy cần phải trích dẫn bản thông tư của ông Anbe Xarô, khi ông làm toàn quyền Đông Dương, gửi cho tất cả các viên công sứ như sau:

"Kính gửi ông công sứ,

"Tôi trân trọng yêu cầu ông hết sức giúp đỡ Nha thương chính *đặt thêm đại lý thuốc phiện và rượu,* theo chỉ thị của ông tổng giám đốc Nha thương chính Đông Dương.

"Để công việc tiến hành có kết quả, tôi xin gửi ông một bản danh sách những đại lý cần đặt trong các xã đã kê tên; tới nay phần đông các xã này vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

"Thông qua các quan và các xã trưởng Cao Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng lớn của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

"Về phần chúng tôi thì những viên chức lưu động trong lúc đi kinh lý cũng tìm cách đặt đại lý, trừ khi nếu ông công sứ muốn họ chờ ông vận động các quan chức địa phương trước đã, thì họ phải chờ. Trong trường hợp ấy, tôi xin ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

"Chúng ta chỉ có thể đạt được kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta đồng lòng phối hợp chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối đa của công khố.

Ký tên: Anbe Xarô
Toàn quyền Đông Dương

Nên chú ý rằng lúc đó, trong 1.000 làng đã có 1.500 đại lý rượu và thuốc phiện, mà trường học thì vẻn vẹn có 10 cái; mỗi năm, người ta đầu độc dân bản xứ, cả đàn bà lẫn trẻ con, bằng 23 tới 24 triệu lít rượu và hơn 100.000 kilôgam thuốc phiện! Bán những thứ thuốc độc ấy mỗi năm lời gần 130 triệu phrăng.

Cũng trong thời kỳ ấy, người ta chỉ tiêu cho ngành y tế không đầy 400.000 phrăng và chỉ có 1 triệu phrăng cho ngành giáo dục, nghĩa là cho công việc xã hội một phần trăm số thu nhập của việc đầu độc, thế không phải là một chế độ kỳ diệu lắm sao!

Muối là vật phẩm tối cần cho dân chài lưới, thế mà dân An Nam đã phải đặc biệt xót xa vì muối!

Lúc đầu thuế muối chỉ có 5 xu, rồi đến 3 hào, lên dần đến 5 hào, đến 1 đồng, rồi đến 1 đồng sáu. Trong vòng không đầy bảy năm, thuế muối đã tăng lên gấp mười lần. Bây giờ họ bắt người làm muối An Nam phải cung cấp muối cho Nhà nước theo giá 17 xu một tạ. Nhà nước bán lại cho những người tiêu thụ bản xứ 1 đồng 7.

Kết quả cho An Nam là nghề đánh cá bị phá sản. Cho đến nay ở nhiều nơi, dân đánh cá và dân làm muối hợp tác với nhau thành phường, nhờ đó họ làm nước mắm không cần phải vốn. Nhà nước độc quyền giải tán những phường ấy chẳng chút bồi thường. Mặt khác, giá muối tăng lên quá quắt làm cho người đánh cá không sẵn vốn không thể mua trữ được đủ số muối cần thiết cho một chuyến

đi cá. Vì thế, phần lớn những người làm cá đã phải bỏ nghề.

Nghề làm muối trước kia là một công nghiệp phát đạt nhất ở Đông Dương; người ta đã cố tình làm cho nó suy đồi, chỉ để lại số ruộng muối cần thiết cho việc ăn uống. Việc xuất cảng muối bị đình chỉ hẳn. Suốt trong thời kỳ chiến tranh, nước Nhật xin mua muối chẳng được.

Tệ hơn nữa, vì người ta không thể tính được số ruộng muối cần thiết cho việc ăn uống, thành ra hằng năm nhà đoan lại phải mua muối của Trung Quốc. Trước kia, An Nam xuất cảng muối (l00.000 tấn trong năm 1896), bây giờ lại phải nhập cảng để tiêu dùng.

Xưa kia, ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, không có năm nào là hoàn toàn mất mùa. Khi nước lụt tràn ngập đồng ruộng, thì cá theo nước vào nhiều; người bản xứ lại làm mùa cá. Bây giờ thì không thể được, vì không có muối. Mặt khác, dân chúng trước thì ăn quen một thứ muối thôi, bây giờ thì bất cứ thứ nào, họ cũng phải nhận vậy. Các bạn thử tưởng tượng xem người quen ăn muối nhỏ trắng bây giờ phải ăn muối đen khó chịu như thế nào. Hơn nữa muối chuyên chở từ Nam Kỳ ra Bắc Kỳ phải chịu tiền vận tải khá đắt, nhà đoan liền tăng giá muối bán cho công chúng. Người ăn phải trả đắt hơn từ 20 đến 25% cho một thứ muối mình chẳng ưa chút nào.

Kho muối rất ít mà lại ở cách quãng rất xa nhau, nên người bản xứ ở các làng phải nhờ người Hoa chuyên chở về cho và những người này lại lợi dụng tự tiện tăng giá muối lên, nhiều ít tuỳ chỗ xa gần.

Khi đặt ra thuế muối, người ta quyết định tư nhân không được tích trữ quá 15 kilôgam. Để kiểm soát, nhân viên nhà đoan phải khám xét, mà họ khám xét tuỳ theo sở thích của họ. Chỉ cần có kẻ tố cáo là họ khám xét đảo lộn cả nhà người ta lên.

Dân chúng khiếp sợ nhân viên nhà đoan đến nỗi khi vừa được tin các ngài tới, họ liền bỏ cửa bỏ nhà ra đi, mặc cho các ngài muốn làm gì thì làm. Thấy đàn bà con gái ở nhà, các ngài liền xử sự theo thói của kẻ chiến thắng trên đất nước chiến bại. (Đại tá Bécna).

Chính sách độc quyền muối nhắc người ta hồi tưởng đến một chính sách bị nguyền rủa nhất của chế độ cũ ở nước Pháp: thuế muối. Nhưng cái thuế muối ở Đông Dương này không phải như thuế muối đóng góp cho quốc gia ở Pháp, mà là một thứ thuế muối do những con người không biết cả tiếng nói nước mình bắt mình phải đóng góp cho một ông chủ người ngoại quốc.

Một bầy ăn cướp đã làm cho cả một dân tộc đói khát khốn cùng, đã làm cho cả một công nghệ quốc gia bị phá sản như thế đấy.

SỰ NHƯỢNG QUYỀN VÀ NHỮNG KẺ ĐƯỢC NHƯỢNG QUYỀN

Sau khi bị binh lính bắn phá và chém giết, Đông Dương lại bị bọn cá mập thực dân cướp bóc đến tận xương tuỷ. Việc cướp bóc đê tiện ấy gọi theo tiếng thực dân là đồn điền.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược lâu dài, dân chúng phải bỏ đất đai đi lánh nạn, chờ cho qua ngày khói lửa. Trước hết, người ta mang đất đai của họ nhượng cho kẻ khác. Khi đã yên ổn rồi, những chủ cũ về làng thì thấy ruộng đất của mình đã bị chiếm mất; muốn về lại chỗ cũ làm ăn, họ phải nhận những điều kiện của người mới đến: cày cấy chính đồng ruộng của mình cho một anh chủ người ngoại quốc.

Nhiều khi người ta nhượng cả những đất đai đã có người ở và cày cấy với cả làng mạc ở đó.

Nhiều nơi, cả làng bị tước đoạt hết đất đai như vậy, phải trở thành những người mà người ta gọi là "kẻ cướp"; thật ra họ chỉ là những người nổi dậy chống việc cướp đoạt bất công.

Những tên cướp bất công ấy lại được Chính phủ thuộc địa nâng đỡ.

Một tên toàn quyền đã nhượng một đồn điền lớn cho một công ty trồng chè ở Đà Nẵng - nhưng công ty chẳng phát đạt gì lắm -, đã mang đất đai của nhà vua An Nam nhượng cho kẻ khác, người ta cũng chưa lấy làm vừa lòng, người ta còn bắt cả nhà vua phải cho công ty vay 30 vạn bạc nữa. Ngoài ra công ty còn được thầu cung cấp chè cho binh lính. Nhưng người An Nam không thích uống thứ chè xấu ấy, nên chè cung cấp để mốc trong kho.

*
* *

Ở ngoại thành, nhiều người Âu không phải đóng thuế điền thổ, vì Nhà nước cho rằng bắt chủ đồn điền phải đóng thuế điền thổ là làm hại cho sự phát triển của nền nông nghiệp.

Giảm nhẹ thuế cho người Âu, dù là người Âu giàu có, là việc thường; đặc biệt ở Cao Miên, nhiều người được giảm thuế, và thường thường họ là những viên chức người Âu.

*
* *

Người An Nam, dù có sẵn tiền cần thiết, cũng không xin được nhượng đến *năm hécta,* nhưng đối với thực dân thì diện tích xin *không bị hạn chế.* Nhiều người Âu có đồn điền rộng trên 25.000 hécta.

Người ta đã nhượng những đồn điền rộng từ 10 đến 20 ngàn hécta cho những kẻ chẳng hiểu biết chút gì về nông nghiệp; bọn này chỉ có một ý nghĩ: lập lại ở Đông Dương một chế độ phong kiến có lợi cho họ bằng cách coi người bản xứ như những nông nô thực sự.

Có hai viên công chức đã được nhượng làm đồn điền 30 ngàn hécta rừng với giá 5 phrăng một hécta. Hơn nữa họ còn ghi rõ rằng 30 ngàn hécta ấy được miễn thuế trong suốt thời kỳ công ty kinh doanh, nghĩa là suốt 80 năm.

Một lần khác, khi vào sổ trước bạ cái văn tự bán 30 ngàn hécta đất với giá 150 ngàn phrăng, viên chủ sự trước bạ ghi dưới văn tự như sau: *"đã thu 10 phrăng thuế theo lệnh của quan toàn quyền".* Chỉ 10 phrăng thuế để chiếm làm của riêng được 30 ngàn hécta đất!

Vừa rồi, người ta cho bọn đầu cơ 8 ngàn, 10 ngàn và 20 ngàn hécta rừng công và ruộng đất của người An Nam ở thượng du. Bị

cướp đoạt như thế, những người này tỏ ra bất bình. Thế là, Chính phủ đưa ngay máy bay chở bom lên, làm cho họ yên đi.

Bây giờ chúng ta xét sang bọn ăn cướp một kiểu khác đã trổ hết tài khéo léo lừa cả Nhà nước lẫn dân bản xứ. Quân cướp này gọi là người cho thầu, người bỏ thầu hay thầu khoán.

Hãy kể vài ví dụ:

Người ta cho bỏ thầu công việc vận tải đường thuỷ làm hai lô, một lô vận tải đường sông và một lô vận tải đường biển. Bản hợp đồng định rằng khi cả hai lô đã cho bỏ thầu xong, thì một trong số người bỏ thầu có thể nhận thầu chung cả hai lô.

Lô thứ nhất được đem ra đấu giá. Ông R. xin 6 phrăng rưỡi một hải lý. Vì không hợp lệ, ông R. bị loại ra ngoài. Lô thứ nhất được thầu 9 phrăng một hải lý và lô thứ hai 18 phrăng.

Xong rồi người ta đem cho đấu giá chung cả hai lô gộp lại. Chỉ những người đã đấu giá trúng riêng từng lô mới được đấu giá chung cả hai lô. Ông R. đã bị loại lần đầu, đáng lẽ không được tham gia lần đấu giá chung này. Tuy vậy, trong thời gian từ lần đầu đến lần này, họ đã thông đồng với nhau. Hai nhà trúng thầu lần trước không chịu đấu giá cả hai lô gộp lại. Vậy ông R. lại được phép bỏ thầu, và ông R. trước xin có 6 phrăng rưỡi, nay lại đòi 9 phrăng kia.

Sáu phrăng rưỡi xin không đạt, mà nay lại được những chín phrăng!

Công ty được thầu có lãi rất nhiều, thiệt hại cho xứ thuộc địa. Khi mới thành lập, công ty chỉ có 500.000 phrăng làm vốn. Trong 30 năm, số vốn ấy đã thành 11.000.000 phrăng.

Một thành phố ở Nam Kỳ mở một nhà máy điện. Công việc kinh doanh phát đạt lắm. Viên công sứ bắt hàng tỉnh phải nhượng không nhà máy cho một người bạn của ông ta. Ít lâu sau, vì nhà máy không phát tài được nhưng đã là của tư nhân, nên hàng tỉnh bị cướp đoạt trước kia lại phải mua lại rất đắt cái mà họ đã phải cho không.

Để loè đời, người ta đã bỏ ra hàng ngàn bạc để đặt một đài vô tuyến điện ở Sài Gòn. Công việc vừa hoàn thành thì cả nhà cửa lẫn máy móc đã lọt vào tay một công ty của tư nhân. Nhưng việc kinh doanh lỗ mỗi ngày mất một ngàn bạc, công ty dàn xếp để chính xứ thuộc địa, nghĩa là những người dân đóng thuế, phải gánh sự thua lỗ ấy.

Một công ty khách sạn được thành lập với số vốn là 25.000 đồng. Lấy cớ để khuyến khích việc du lịch, Chính phủ góp phần vào 1.200.000 đồng để xây dựng nhà cửa. Ngoài ra, họ còn định rõ rằng nếu cho thầu không hết số tiền ấy thì số tiền tiết kiệm được sẽ *chia cho công ty* và Nhà nước. Khách sạn sẽ có tất cả 12 buồng. Thế là dân An Nam phải trả 100.000 đồng hay 1.000.000 phrăng mỗi buồng để một ngày kia vài ông da trắng ăn bám và lười biếng đến nghỉ tay chân rỗi rãi của các ông!

Một anh chủ thầu cống rãnh nào đó giao ống nước làm bằng vôi thay cho ống ximăng, ống không đầy một mét lại khai là dài ba mét, rồi chia nhau với các ông hội đồng thành phố người Âu 1.600.000 phrăng. Một ông kỹ sư khác, đồng thời kiêm cả nhiệm vụ phó đốc lý, biển thủ 300.000 phrăng trong việc xây cống rãnh và sửa sang lại có một đường phố. Một ông kỹ sư địa chính và hội đồng thuộc địa nào đó đút túi hơn 900.000 phrăng tiền công đo đạc để lập bản đồ đất đai ở ba tổng. Và, vì thấy ngài "thanh liêm" lắm và có chân trong công ty độc quyền hải cảng Sài Gòn, nên Chính phủ vừa mới giao cho ngài làm luôn cả các công việc đạc điền ở nhiều tỉnh khác.

Đại bợm nhất trong số kẻ cướp ấy là "Tổng công ty thuộc địa" vừa mới được nhượng hải cảng Sài Gòn - Chợ Lớn (Nam Kỳ). Cho hưởng độc quyền tức là cho công ty ấy hải cảng với cả đất đai nhà cửa, dụng cụ máy móc cần thiết để kinh doanh, cho quyền thu thuế và độc quyền vận tải để xuất cảng.

Như thế là, nông dân, tiểu thương, công nhân khuân vác ở cảng, chủ thuyền ở Nam Kỳ, tất cả mọi người đều bị phó mặc trong tay một công ty độc quyền ăn cướp muốn làm gì thì làm, mà đại biểu là một tên kỹ sư và ... là nghị viên hội đồng thuộc địa.

CÔNG CHÍNH

Thực dân Pháp đánh giá công ơn khai hoá của họ ở Đông Dương bằng những kilômét đường cái mà họ đã đắp bằng tiền và công sức của người An Nam. Song người Pháp cũng chỉ đặt đường xe lửa ở những nơi họ cần dùng để chuyên chở hàng hoá hay quân đội để đàn áp dân chúng; và đường sá đắp không phải để cho người bản xứ đi, vì những người này không có quyền tự do đi lại ngay cả đi từ tỉnh này sang tỉnh khác, mà là để phục vụ cho người Âu.

Có khi họ cũng hấp tấp xây dựng những công trình xa hoa lộng lẫy, nhưng không phải để cho những người đã bỏ tiền ra, không phải để cho người An Nam được hưởng.

Tai vạ là ở chỗ phần lớn những món tiền sẵn có lại thường đem dùng vào những việc phù phiếm (các quan sứ đi chơi, đi thanh tra, v.v.) còn đường sá cần thiết cho việc khai khẩn và thông thương trong xứ thì chỉ là những vũng nước đọng lầy lội, lún sụt, không thể đi được, dù cho trâu rừng cũng chịu. Đường cái, chỉ đẹp đẽ ở xung quanh tỉnh và các toà sứ còn ngoài ra thì ít ỏi, lại đắp và rải đá rất tồi. Không có lấy một con đường đi xe được vào các vùng đồng ruộng cày cấy.

Một con đường, để nối liền hai tỉnh Nam Kỳ, dài có 34 kilômét, nhưng đã ba mươi năm nay, họ mới đổ được ít đất và cát mà đã ngốn hết một số tiền khá lớn, đủ để lát được suốt con đường đó, từ đầu đến cuối, một lớp bạc dày.

Ở Huế, người ta có đắp một đại lộ rộng 20 mét - thật ra là vô ích - chạy thẳng từ thành đến đàn Nam giao. Con đường ấy mở qua hai làng và một nghĩa trang, khi làm phải phá hay di chuyển mất sáu ngàn ngôi mộ. Người ta chẳng chịu bồi thường hay giúp đỡ gì cho các gia đình có nhà phải phá, có cây phải chặt, có mồ mả phải khai quật lên.

Ở Bắc Kỳ, việc sửa sang tô điểm thành phố làm chẳng hết mấy đồng tiền, nhưng thiệt hại lớn cho người An Nam.

Một viên đốc lý người Pháp chỉ đơn giản ra một nghị định, bắt đắp một đường phố cho dài thêm, làm cho nhà cửa thẳng hàng, phá những lều tranh và phải làm lại bằng gạch. Những người nghèo khổ không có đủ tiền để tuân lệnh phải bỏ thành phố ra đi.

Người An Nam ở gần doanh trại bị đuổi đi. Họ được bồi thường bằng những miếng đất ở phố khác để dựng lại những túp lều tranh của họ.

Ít lâu sau, người ta hạ lệnh cho họ phải xây nhà gạch. Nhiều người không có giấy chứng nhận quyền sở hữu vì trước kia sơ suất không xin nên phải bỏ nhà cửa. Thế là thành phố lấy lại đất và bán lấy tiền bỏ quỹ.

Trong phần nhiều các thành phố lớn, một hội đồng thành phố gồm toàn những người Âu, tuỳ ý sử dụng công quỹ do người bản xứ đóng góp mà chẳng đếm xỉa gì đến nguyện vọng và nhu cầu của những người An Nam khốn khổ này.

*
* *

Một người Pháp tự hỏi: Có nước nào trên thế giới dám khoe như Đông Dương có nguyên liệu và nhân công rẻ mạt mà làm một đường xe lửa phải tốn phí từ 16 đến 20 phrăng một xăngtimét không ?

Khi làm đường hầm ở đèo Hải Vân, muốn cho công việc mau chóng, người ta đục cả hai đầu vào một lúc. Hai đoạn đục ở hai đầu vào không ăn khớp với nhau, thành thử ra mỗi đoạn đã thành riêng

biệt một đường hầm hoàn toàn. Hầm đục ngay giữa núi đá, thế mà người ta cứ phải xây thêm một lớp đá nữa ở ngoài, trát thật kỹ lưỡng làm hao tốn bao nhiêu của.

Đường Lạng Sơn, đắp để dùng vào việc bình định vùng ấy, dự trù hết có 4 triệu, nhưng làm xong tốn đến 38 triệu.

Chưa cắm được một cái mốc nào trên đoạn đường dự định làm, người ta đã cho trưng thầu cung cấp rất nhiều đường ray và nhiều vật liệu khác. Khi viên thanh tra gần tới, người ta đem chôn biến những đường ray đáng lẽ còn lâu lắm mới phải mua ấy, xuống những hố dài mấy kilômét.

Kỹ sư trù tính hết 94 triệu, nhưng khi chi tiêu lại mất đến 165 triệu.

Ông Combane, nhà thám hiểm kể trên, còn nói thêm rằng: Chỉ việc nghiên cứu để đặt đường xe lửa ở Đông Dương cũng đã tốn hết số tiền lớn có thể đủ để làm cả quãng đường ấy.

TẠP DỊCH HAY LÀ KHỔ SAI

Hằng năm, người An Nam phải làm một số ngày không công cho Nhà nước "bảo hộ". Theo lệ, số ngày ấy định từ 10 đến 30 ngày. Nhưng khi có việc nhiều, chẳng hạn đắp một con đường, hoặc đào một cái lạch, người ta không tuân theo giới hạn quy định đó. Khi không có việc thì người bản xứ lại phải chuộc những ngày tạp dịch của mình, nghĩa là phải trả tiền cho Nhà nước thay cho những ngày không phải đi làm khổ sai không công ấy. Ngoài việc tạp dịch, còn có việc khuân vác. Mỗi lần có một người Pháp qua làng mình là người An Nam phải đi khiêng võng, khiêng đồ đạc cho ông ta, và khiêng cả võng và đồ đạc của những người tuỳ tùng của ông ta nữa. Nhiều khi, cả làng bị động viên đi làm cái việc không công ấy.

Nhưng thôi, tôi nhường lời cho chính người Pháp nói:

Công việc tạp dịch đã và vẫn còn là cơ hội cho người ta lạm dụng vô kể. Thường thì phu tạp dịch chỉ dùng để đắp những đường quanh các toà sứ để vài người Âu dạo cảnh. Tuy nhiên thỉnh thoảng có viên công sứ, tỏ lòng sốt sắng, quyết định làm một công trình quan trọng, như đắp một con đê hay khơi một cái lạch cho dòng nước chảy theo hướng khác. Trong trường hợp ấy, viên công sứ chẳng cần chú ý thảo ra một kế hoạch hợp lý, phân chia công việc làm sao khỏi cản trở đến công việc đồng áng; dân chúng phải đổ sức ra làm, và ảnh hưởng thường rất tai hại cho tình hình trong tỉnh.

Mới được tin viên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sắp sang thăm Đông Dương, người ta đã lấy ngay một vạn người để hoàn thành gấp con

đường V.L. để mời Ngài khánh thành.

Mùa hè năm 19... trong lúc nạn đói đang làm cho miền Trung Kỳ phải tiêu điều khổ sở, thì một vạn người An Nam bị lý trưởng làng họ bắt đi tập trung vét một cái lạch. Số dân đông đảo ấy, người ta không dùng hết mà vẫn cứ phải lìa xa đồng ruộng của mình hàng tháng giữa lúc hết sức cần thiết họ phải có mặt ở nhà. Cần chú ý rằng người ta chưa hề tập hợp một đoàn quân đông đảo như vậy bao giờ để ngăn chặn một thiên tai. Trong thời kỳ kể trên, người ta có thể cứu vớt được những người chết đói khốn khổ ở Trung Kỳ, nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một dây chuyền vận tải để tiếp tế cho các vùng bị nạn đói hoành hành; một vạn người vét lạch có thể phân phối trong các tỉnh của họ 2.000 tấn gạo trong một tháng.

Công việc đắp đường ở Đà Nẵng, ở Trấn Ninh và ở Lào đã để lại biết bao kỷ niệm xót xa. Người ta lấy phu làm đường trong đám dân đi tạp dịch. Họ phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến được công trường, bị giữ lại nhiều ngày, sống trong những điều kiện ăn ở và vệ sinh thảm hại. Không có tổ chức y tế. Dọc đường, lúc đi cũng như khi về, không có lấy một trạm cho họ nghỉ ngơi, một nơi cho họ trú ẩn. Cơm ăn không đủ, chỉ với một tý cá mắm, nước uống thì uống ngay nước độc kinh khủng ở rừng núi. Bệnh tật, cực nhọc hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc rùng rợn.

*
* *

Người ta thay thế chế độ tạp dịch bằng chế độ trưng tập, và giữa hai chế độ chỉ có một điều khác nhau là tạp dịch còn có số ngày hạn định, mà trưng tập thì vô cùng. Chế độ trưng tập đã thoả mãn mọi nhu cầu; nếu nhà đoan cần chuyên chở muối, họ trưng dụng thuyền bè. Cần xây một cái kho ư ? Họ bèn trưng tập thợ thuyền và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Chế độ trưng tập trở thành chế độ phát vãng trá hình một cách vụng về. Bất chấp việc đồng áng, bất chấp cả những ngày hội hè hay những ngày không có nghĩa vụ gì cả, người ta trưng tập cả hàng xã, đưa đến công trường, mà rồi trở về chỉ là phần ít. Không nên kết tội đất đồng bằng hay rừng nhiệt đới nước độc, mà tội là ở chỗ thiếu thốn cả những nhu cầu đơn giản. Người ta trưng tập nhân công. Người ta làm đủ thứ cần thiết để rút những người lao động rời khỏi mảnh đất của mình, đưa họ đi xa hàng trăm ngàn kilômét, nhưng chẳng bao giờ tổ chức một tý gì để đưa họ trở về quê quán.

*
* *

Không mấy ai chưa từng nghe chuyện những đoàn phu bị cưỡng bức phải đi Langbiang. Trên đường đi những nơi rừng thiêng nước độc, đến những nơi thần chết đợi chờ, ăn uống khổ sở, có ngày không được lấy hột cơm vào bụng, các đoàn ấy bỏ chạy tán loạn hay nổi lên chống lại, thì họ lại bị bọn lính áp giải đàn áp ghê gớm, và xác họ rải khắp nẻo đường.

Một viên quan cai trị được lệnh của chính phủ phải bắt phu cho quân đội ở Trung Quốc. Viên quan ấy liền cho túm cổ hết mọi người bản xứ đang lao dịch hoặc bốc hàng ở tàu, người ta trói họ lại và quẳng họ xuống tàu đợi sẵn ở bến mặc cho họ kêu ca phản đối, mặc cho vợ con họ khóc than thảm thiết, uất ức chẳng bao giờ lại được thấy mặt chồng, mặt cha nữa.

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Người An Nam rất hiếu học. Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu. Có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Cho nên, dù có nghèo đói đến đâu, cha mẹ cũng cố tìm cách cho con cái được học hành. "Nửa bụng chữ bằng một hũ vàng" là một câu tục ngữ biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức của dân tộc An Nam. Ở làng xã nào cũng có trường công và trường tư. Chữ nho rất khó học thế mà hầu hết người An Nam đều biết "ký tên bằng chữ Hán". Nạn mù chữ hầu như không còn.

Người Pháp đến đã làm đổi thay tất cả. Đời sống càng ngày càng khó khăn. Thuế má nặng nề, phu dịch thường xuyên. Các gia đình khá giả nay bị sa sút không còn có thể nuôi thầy đồ dạy học cho con cái mình và con cái những người láng giềng như xưa nữa. Những kẻ nghèo đói thì bị bần cùng, nên họ phải chống đói đã rồi mới có thể nghĩ đến chuyện học hành.

Càng nghèo khổ thì số người thất học càng nhiều. Mặt khác, thực dân Pháp lại cố tâm huỷ bỏ Hán học mà chúng thấy là nguy hiểm cho sự thống trị của chúng, vì chúng biết rằng Hán học có thể đưa vào An Nam những tư tưởng tiến bộ phương Tây thông qua Trung Quốc và Nhật Bản. Người ta có thể tưởng rằng bỏ Hán học đi để đẩy lùi ảnh hưởng nước ngoài, người Pháp sẽ thay thế vào đó bằng nền giáo dục của họ. Không phải thế đâu. Thâm ý của họ chỉ là đẩy người An Nam vào vòng ngu tối. Tôi xin nêu ra sau đây một vài bằng chứng của người Pháp.

Đại tá Bécna viết: Về phương diện tinh thần, người Pháp không tổ chức một nền giáo dục mới thay thế cho nền giáo dục An Nam mà họ đã bỏ đi. Họ chỉ xây dựng được một ít trường học để đào tạo ra những con vẹt, những người vong bản thiếu đạo đức và thiếu cả kiến thức phổ thông.

Trong một bản báo cáo về tình hình Đông Dương, tướng Penơcanh cũng viết: Trong 50 năm chiếm đóng ở Nam Kỳ và 25 năm chiếm đóng ở Bắc Kỳ, những trường học Pháp không đào tạo lấy được một người An Nam thật sự có học thức.

Ông Mácxơ, văn sĩ thuộc địa, đã viết câu sau đây lột tả được đúng tư tưởng đang thống trị trong đầu óc của các nhà cai trị của chúng ta: Chúng ta chỉ cần dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán chút ít thôi; biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích.

Nhưng ngay cả nền giáo dục sơ đẳng ấy cũng chỉ được phổ cập một cách quá bủn xỉn và nhỏ giọt. Trường học rõ ràng là còn thiếu nhiều, giáo viên thì chưa đủ tư cách để giảng dạy. Cao Miên có 2.000.000 dân mà chỉ có 60 trường học. Ở Trung Kỳ chỉ có 118 trường cho 6.000.000 dân. Trường học lập ra không phải để giáo dục cho thanh niên An Nam một nền học vấn tốt đẹp và chân thực, mở mang trí tuệ và phát triển tư tưởng cho họ, mà trái lại càng làm cho họ đần độn thêm. Ngoài mục đích giáo dục để đào tạo tuỳ phái, thông ngôn và viên chức nhỏ đủ số cần thiết phục vụ cho bọn xâm lược - người ta đã gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng "trung thực" giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp bức mình. Nền giáo dục ấy dạy cho thanh thiếu niên khinh rẻ nguồn gốc dòng giống mình. Nó làm cho thanh thiếu niên trở nên ngu ngốc. Điều gì có thể rèn luyện được

cho học sinh biết suy nghĩ, biết phân tích thì người ta không dạy ở nhà trường. Vấn đề nào có liên quan đến chính trị, xã hội và có thể làm cho người ta tỉnh ngộ đều bị bóp méo và xuyên tạc đi. Có học lịch sử nước Pháp đi nữa, thì người ta không hề đả động đến chương nói về cách mạng. Người ta cấm học sinh đọc tác phẩm của Huygô, Rútxô và Môngtexkiơ. Nói tóm lại, trường học thật là tương xứng với chế độ đã khai sinh ra nó.

Cách đây vài năm, người ta ban cho chúng tôi một trường đại học. Một trường đại học thế nào? Theo những bài diễn văn chính thức và những lời tuyên truyền ầm ỹ xung quanh trường này thì trường đại học của chúng tôi có thể so sánh được với các trường đại học to nhất Âu châu kia đấy. Thực ra, thì hằng năm trường đại học chỉ sản xuất được hai ba ông cử nhân hạng tồi. Ông bố đỡ đầu cho cái trường "Xóocbon Annammít" ấy, hiện giờ là thống đốc Nam Kỳ, trong một lúc thành thật hiếm thấy xưa nay ở ngài, ngài đã thú nhận rằng chính ngài đã "hằng chăm lo đến sự tiến bộ của cả dân tộc An Nam; mở trường y khoa và trường đại học là cốt để sau này (lời thú nhận vào tháng 3 năm 1924) người An Nam có thể thay thế người Pháp trong các *chức vụ thứ yếu* ở các công sở".

Bên cạnh trường đại học đáng quý ấy, lập ra cốt để loè nước ngoài, để đưa ra khoe khoang trong các bài diễn văn và để lấy cớ ngăn cấm người An Nam xuất dương du học, chúng tôi còn có một trường y khoa, một trường luật, một trường công chính, ba hoặc bốn trường chuyên nghiệp nữa, cho cả 20.000.000 dân.

Nhưng kết quả thu được ở các trường ấy thì như thế nào? Một tờ báo Pháp xuất bản ở Đông Dương đã trả lời câu hỏi đó như thế này: Số thanh niên An Nam có trình độ kỹ thuật chuyên nghiệp cao còn rất ít, rất ít người dân bảo hộ có thể đảm đương được xứng đáng chức vụ của một kỹ sư công chính, của một bác sĩ y khoa hay của một thanh tra hoả xa, chẳng hạn.

Cho nên bị chính sách ngu dân triệt để kiềm chế như vậy, người An Nam muốn học lên chỉ còn có 2 cách: đi du học ở nước

ngoài hay ở Pháp. Nhưng nếu có một người An Nam nào có ý định đi du học nước ngoài thì sẽ bị coi như một người nổi loạn, một người chống Pháp, có tội lớn; người ta hãm hại người đó và cả gia đình họ. Anbe Xarô, nguyên toàn quyền Đông Dương, nay là Bộ trưởng thuộc địa đã nói rõ chính sách bao vây tinh thần ấy bằng những lời lẽ sau đây: "Để cho lớp thượng lưu trí thức được đào tạo ở nước ngoài thoát khỏi vòng kiềm toả của chúng ta, chịu ảnh hưởng văn hoá và chính trị của nước khác, thì thật là một điều nguy hiểm vô cùng. Những người trí thức đó trở về nước đã đưa hết tài năng của họ để tuyên truyền vận động chống lại chúng ta là những người bảo hộ đã ngăn cấm không cho họ học tập".

Còn sang du học ở Pháp lại là một chuyện khác hẳn. 1) Sinh hoạt ở Pháp đắt đỏ hơn ở Trung Quốc và ở Nhật Bản, nên du học sinh phải rất giàu mới có đủ tiền đến học ở một trường chính quốc. 2) Ngoài ra, người đó phải được bảo đảm về tinh thần nghĩa là cha mẹ anh ta phải có thái độ phục tùng Chính phủ; phải có bảo đảm về vật chất tức là phải đút lót thật nhiều cho các quan cai trị. 3) Du học sinh phải làm đủ các thể thức quái gở, vô ích và nhục nhã; những thể thức này thường làm cho người xin đi học phải nản chí, vả lại Chính phủ cũng chỉ muốn như thế thôi. 4) Khi đã sang Pháp, người du học sinh phải chịu sự giám sát, theo dõi và dò la của Chính phủ Pháp.

Chính phủ Pháp cố đưa du học sinh An Nam vào học ở những trường phản động nhất. Những sách vở báo chí mà anh ta đọc, những hoạt động, giao thiệp hằng ngày của anh đều bị kiểm soát, theo dõi. Người ta giao anh cho những tên ba que thực dân già đã về hưu trông nom. Chính phủ Pháp dựng lên một bức tường ngăn cách hẳn du học sinh với những luồng tư tưởng chính trị và xã hội ở chính quốc. Để nắm chặt lấy anh ta, người ta dùng tiền thuế của người An Nam tổ chức ra những hội quán và câu lạc bộ cho du học sinh; ở đấy muốn làm gì thì làm, trừ việc học tập. Nếu anh sinh viên tỏ vẻ tự lập thì người ta sẽ bắt ép cha mẹ phải gọi anh ta về. Nếu anh ta không nghe, thì người ta cứ việc cắt lương của anh.

Học xong và nếu đã tốt nghiệp - dù tốt nghiệp bác sĩ y khoa, luật sư hay kỹ sư bách khoa - người An Nam muốn có việc làm ở trong nước thì phải nhập quốc tịch Pháp; mà muốn được vào làng Tây thì phải luồn lọt xin xỏ thật là nhục nhã và hèn hạ.

Muốn mở trường tư thì phải xin phép Chính phủ trước. Bất cứ lúc nào Chính phủ cũng có quyền kiểm soát hoặc bắt các trường phải đóng cửa.

Sau những cuộc biểu tình năm 1907[58] mà tôi đã có dịp nói đến, Chính phủ cho lính tập về phá phách các trường học và bắt bớ giáo viên. Các ông giáo bị bắt, bị ngược đãi hành hạ, tay trói giật cánh khuỷu và bị dẫn từng xâu lên tỉnh lỵ; đầu trần, chân không, nhịn đói, nhịn khát, họ bị đánh đập như trâu ngựa, rồi bị kết án khổ sai. Còn trường học thì bọn sĩ quan Pháp dùng làm chuồng ngựa.

Mới đây, ở một tỉnh Nam Kỳ người ta thuyên chuyển cả một loạt giáo viên, lấy lý do là các nhà giáo đã quyết định xin ra hội mà trước kia họ bị bắt buộc phải gia nhập. Tên công sứ chủ tỉnh làm thủ quỹ hội này đã bắt giáo viên phải đóng thêm 40 phrăng để bù vào tiền quỹ bị hụt. Các giáo viên bị thuyên chuyển đi cũng vì một lý do khác là tên phó sứ đã chửi mắng, làm nhục họ và doạ đánh vào mõm họ (nguyên văn).

Để làm rõ nét thêm cái chế độ tốt đẹp ấy, tôi cần phải nói thêm rằng: Chính phủ đã biếu bà quả phụ của một viên cựu thống đốc một món tiền là 1 triệu phrăng, và trợ cấp 800.000 phrăng cho 66 buổi kịch giải trí cho khoảng 3 hay 4 nghìn người Âu ở Sài Gòn; nhưng Chính phủ lại thu hồi khoản trợ cấp chỉ có 2.000 đồng cho một tổ chức giáo dục bình dân vì ông hội trưởng của tổ chức này là một người làng Tây có chân trong Hội đồng thuộc địa, đã viết những bài báo phản đối việc cho trưng thầu hải cảng Sài Gòn.

BÁO CHÍ

Nói xong vấn đề giáo dục, thì tự nhiên chúng tôi nghĩ ngay tới câu hỏi: Thế còn báo chí? Những điều tôi sẽ kể về báo chí An Nam nó kỳ dị quá đến nỗi khó mà tin được. Giữa thế kỷ XX này, ở một nước có đến 20 triệu dân mà không có lấy một tờ báo! Các bạn có thể tưởng tượng được như thế không? *Không có lấy một tờ báo bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi*. Lý do như thế này. Chính quyền Pháp quyết định rằng không một tờ báo bằng tiếng An Nam nào được xuất bản nếu không được viên toàn quyền cho phép, rằng họ chỉ cho phép với điều kiện là bản thảo đưa đăng phải trình viên toàn quyền duyệt trước đã, và giấy phép ấy họ thu hồi lúc nào cũng được. Tinh thần bản sắc lệnh về báo chí là như thế đấy. (Chúng tôi bị cai trị bằng chế độ sắc lệnh do viên toàn quyền ban bố chứ không phải bằng những đạo luật đã được thảo luận và biểu quyết ở nghị viện). Trên thực tế còn tệ hơn nữa. Mãi đến bây giờ, chưa có người An Nam nào được phép xuất bản một tờ báo cả.

Tôi gọi báo là một tờ báo về chính trị, về kinh tế hay văn học như ta thấy ở châu Âu và các nước châu Á khác, chứ không phải một tờ do chính quyền thành lập và giao cho bọn tay chân điều khiển, chỉ nói đến chuyện nắng mưa, tán dương những kẻ quyền thế đương thời, kể chuyện vớ vẩn, ca tụng công ơn của nền khai hoá và ru ngủ dân chúng. Báo đầu độc người ta như thế, thì ở Đông Dương cũng có ba hay bốn tờ đấy.

Ngay cho đến cả những tờ thông tin thuần tuý về kinh tế và thương mại, người ký giả bản xứ cũng chỉ xin được phép bằng những biện pháp quanh co. Anh ta phải thuê tiền một người Pháp có địa vị và được kính nể. Ông này đi gặp quan cai trị và xin phép *cho ông ta,* là người Pháp. Vì ông ta vẫn sẽ là *sáng lập viên* của tờ báo, mặc dầu ông chẳng biết một tiếng An Nam nào gọi là có, ông chẳng phải bỏ tiền túi ra lấy một xu nhỏ, chẳng phải đụng tí gì đến công việc của tờ báo cả trừ việc đi gặp viên quan cai trị. Chỉ việc cho mượn tên mình, người Pháp kia nhận được hằng tháng một số tiền rất hậu mà người ký giả bản xứ phải trả cho ông lâu dài, báo còn ra là còn phải trả.

Trước khi đưa đi nhà in, tất cả các bài báo phải dịch ra tiếng Pháp và đưa kiểm duyệt đã. Cấm ngặt những tờ thông tin ấy không được đả động gì đến những vấn đề chính trị hay tôn giáo, mà chỉ được đăng những tin tức thông thường, những vấn đề xét ra có lợi cho Nhà nước. Khi đất nước bị một thiên tai nào, lụt lội, bão táp, đói kém, v.v., phòng kiểm duyệt cấm báo không được cho dân chúng biết

những tin "không vui" ấy, cấm báo không được mở lạc quyên giúp những người bị nạn. Báo không có quyền nói gì, dù chỉ bóng gió, đến việc bầu cử hội đồng thuộc địa hay hội đồng hàng tỉnh. Có một tờ, dịch ra tiếng An Nam đạo luật cấm những hành vi hối lộ trong việc tuyển cử, đã bị kiểm duyệt trắng mất nửa tờ báo mà còn bị khiển trách thêm nữa. Nhiều khi người ta cấm cả dịch đăng những bài đã đăng ở các báo tiếng Pháp xuất bản ở Đông Dương.

Các bạn chớ tưởng rằng mấy tờ báo thông tin khốn khổ ấy được tự do phân tích tất cả những cái thuộc về kinh tế. Chẳng hạn, họ không được nói đến đời sống đắt đỏ, đến việc mất mùa, đến việc buôn gian bán lậu của bọn con buôn người Âu, đến việc xoay xở tiền nong bất lương của bọn quan cai trị, đến những vụ đầu cơ đê tiện của bọn chủ đồn điền và chủ nhà máy người da trắng. Vừa rồi, người ta cấm báo chí không được đả động đến việc Chính phủ nhượng quyền kinh doanh hải cảng Sài Gòn, nếu không phải để tán dương công đức của

công ty độc quyền và lòng vô tư của Chính phủ. Có một tờ cũng đã "tán dương", nhưng kém nhiệt tình, nên phòng kiểm duyệt trước hết đã theo dõi bí mật, rồi đóng cửa hẳn tờ báo ấy.

Những người vào làng Tây, được hưởng quyền công dân Pháp, có thể xuất bản báo, *nhưng chỉ bằng tiếng Pháp mà thôi* - ở Nam Kỳ có 5, 6 tờ báo vào loại ấy. Ở các vùng khác, không có tờ báo nào, vì không có hay có ít người vào làng Tây. Trong số các cơ quan ngôn luận ấy - thường là bán nguyệt san - có hai hay ba tờ có khuynh hướng *quốc gia hợp pháp*. Ghép hai tính từ trái ngược nhau ấy với nhau, có thể kỳ dị đấy và cần giải thích đôi chút. Những tờ báo này là của bọn tư sản bản xứ mới lên, có địa vị là nhờ ở nền đô hộ Pháp. Nền đô hộ ấy đã sinh ra bọn này, nhưng lại không để cho họ phát triển. Vì vậy, tầng lớp tư sản nhỏ bé đó bị ngạt thở trong phạm vi chật hẹp và phụ thuộc mà quan thầy ngoại quốc - cha đỡ đầu của họ- đã dành cho họ. Và vì thế, họ hờn mát nhưng cũng nhè nhẹ thôi. Bởi thân phận nửa dơi nửa chuột của họ, chẳng thuộc hoàn toàn trong xã hội An Nam vì họ là những người vào làng Tây, mà cũng chẳng thuộc trong tầng lớp "quý tộc" Tây vì họ xuất thân ra là người An Nam - nên họ cảm thấy lúng túng trong mọi việc. Đồng thời trong mọi hành động và tư tưởng của họ, đều thấy cái mâu thuẫn xã hội và tâm lý ấy. Báo của họ chỉ trích những vụ hà lạm, nhưng lại phỉnh nịnh những kẻ hà lạm; họ than phiền về những đạo luật đè nén áp bức, nhưng vẫn cậy thế vào nước mẹ; họ mủi lòng cho số phận khốn khổ của người An Nam, nhưng vẫn ca tụng công đức mơ hồ của một nền khai hoá tốt đẹp hơn. Họ muốn chữa bệnh, nhưng lại không dám tìm và tấn công vào nguồn gốc của bệnh.

Ảnh hưởng của họ bị cản trở mọi đường:

a) Vì chính sách ngu dân như các bạn đã biết, nên độc giả chỉ có một dúm người rất hạn chế. Mỗi số phát hành không bao giờ quá một hay hai nghìn bản, ấy thế mà bán không hết.

b) Vì thái độ lừng chừng, vì không có chương trình cụ thể,

không có kế hoạch rõ ràng, không có khuynh hướng mạnh dạn, nên mấy tờ báo ấy không thu hút được cảm tình của dân chúng. Họ ngả nghiêng, hay đúng hơn, lơ lửng giữa dân chúng mà họ không gần gũi được và những kẻ thống trị không ưa họ.

c) Nhà nước thuộc địa cố tâm phá phách họ. Họ bị phá bằng nhiều cách. Sau đây là những cách thông thường nhất:

1. Nhà nước báo cho công chức và nhân viên người bản xứ biết rằng cấp trên đã coi những tờ báo ấy như làm cách mạng, rằng những người nào đọc những báo đó sẽ bị ghi danh sách riêng, và dĩ nhiên là bản danh sách ấy sẽ đính theo báo cáo thăng hay giáng chức.

Có nhiều công chức đã bị bắt buộc phải đổi đi chỗ khác hay bị bắt về hưu chỉ vì đã vi phạm những điều răn đe ấy.

2. Đối với những độc giả không phải là công chức (tôi nói không phải là công chức chứ không nói tự do, vì ở đất nước chúng tôi không ai được tự do cả, trừ bọn xỏ lá ba que ra) thì viên quan cai trị cho gọi họ đến bàn giấy, ân cần khuyên bảo họ điều hơn lẽ thiệt.

Nếu họ không biết nghe những lời khuyên tử tế ấy, thì họ bị cảnh sát theo dõi. Và cứ mười lần thì có đến chín, báo chí và thư từ của họ bị thất lạc như bị phép thần. Chính phủ hãy tạm vui lòng như thế trong lúc chờ đợi cơ hội để tóm cổ họ vì lẽ này hay lẽ khác.

3. Chính phủ cho bọn chủ nhà in lựa chọn nên làm việc cho một tờ báo "tin vịt không biết điều" được ít tiền, hay nên nhận in cho Nhà nước được lợi lộc và bảo đảm hơn nhiều.

Vì thế, một tờ báo ở Sài Gòn đã buộc phải đổi chủ in nhiều lần trong một tháng.

4. Chính phủ vi phạm quyền tự do thư tín, ngay cả thư riêng của các ký giả. Những người này bị "ghi" vào sổ đen, bị theo dõi, dò la, do thám và vu cáo. Chính phủ dùng cả áp lực đối với gia đình, bà con thân thuộc và bè bạn họ nữa. Chỉ nhờ địa vị có làng Tây và nhờ mánh khoé khôn khéo kết thúc mọi bình luận bằng cách nịnh hót tâng bốc hết mức nước mẹ bảo hộ, nhân từ, thiêng liêng, v.v. mà họ thoát khỏi đi tù.

Báo chí bản xứ bằng tiếng Pháp bị phá phách như vậy đấy. Những hành vi bất hợp pháp của lối trị an đê hèn ấy còn được tăng cường và bổ sung thêm bằng những điều lệ pháp lý như thế này: "Mọi việc trưng bày hay gửi đi nơi khác những bài hát, bức hoạ hay tranh ảnh trái đạo tôn kính đối với các vị đại diện của Nhà nước, sẽ bị trừng phạt bao nhiêu tháng tù và phạt tiền bao nhiêu phrăng đó, v.v.".

Chưa hết đâu. Nền văn minh của thực dân đã dùng ngọn đuốc cổ truyền thủ tiêu đến chút tự do cuối cùng của người bản xứ. Đã làm cho người bản xứ phải dần độn và câm, chúng vẫn chưa vừa lòng; chúng còn muốn họ phải điếc nữa kia. Chúng bịt tai họ không cho họ nghe tiếng vang của những biến cố bên ngoài. Chỉ đơn giản bằng một nét bút, chúng đình chỉ hẳn đời sống tinh thần của cả một dân tộc. Cũng sắc lệnh vừa kể trên định rằng: "Sự lưu hành báo và tạp chí *bất cứ bằng tiếng gì, có thể bị cấm do một nghị định của quan toàn quyền"*. Các bạn có tin chắc rằng quan toàn quyền nhân từ chẳng sơ suất gì mà không dùng và lạm dụng quyền hành ấy. Báo chí bằng tiếng Pháp, xuất bản ở Pari, gửi sang đều bị tịch thu ở Đông Dương. Sở bưu chính, sở mật thám và các cơ quan hành chính cùng nhau làm nhiệm vụ đê hèn ấy. Và người ta doạ trừng phạt những người có tên nhận những tờ báo ấy. Người ta cấm ngặt không cho đọc báo Nhật và Trung Quốc. Giữ một tờ tạp chí, một quyển sách Trung Quốc nào đó có thể là một trọng tội đối với người An Nam. Tôi biết nhiều nhà văn thận bị kết án khổ sai chung thân vì đã đọc tạp chí *Trung Quốc hồn, Ẩm băng* và những bài cùng loại ấy của các nhà duy tân Trung Quốc. Năm 1920, có nhiều người An Nam ở Bắc Kỳ bị kết án từ hai đến năm năm tù, chỉ vì một người đã làm thơ ca tụng tự do và các người khác đã nghe ngâm bài thơ ấy.

THUẾ KHOÁ

Chính sách thực dân ăn cướp, chẳng những đã tước đoạt mất ruộng đất, của cải, đã xoá bỏ hết mọi quyền lợi, mọi quyền tự do - kể cả quyền tự do thân thể của người dân bản xứ, mà còn bắt họ phải nộp thuế về những mảnh đất cằn cỗi còn lại trong tay họ, nộp thuế về nghề nghiệp sinh sống của họ, nộp cả thuế không khí mà họ thở nữa.

Đột nhiên người ta tăng thuế thân từ một hào lên hai đồng

rưỡi. Những người chưa đến tuổi nộp sưu, nghĩa là dưới 18 tuổi, trước kia không phải đóng góp gì, thì nay phải nộp một thứ thuế nặng gấp mấy lần thuế thân của suất đinh trước kia.

Người ta không những tăng thuế lên gấp bội và bắt những người chưa hề phải đóng góp nay phải đóng góp, mà điều tai hại nhất đối với dân đinh là thuế suất thay đổi luôn và người dân bị bắt buộc phải mang nhiều loại thẻ tuỳ thân, thẻ thông hành, do đó mà phải đóng góp hết sức vô lý và có tính chất cưỡng bức.

Người An Nam bắt buộc lúc nào cũng phải mang thẻ thuế thân trong người, *ai hỏi đến* đều phải xuất trình. Thẻ dễ bị nhàu nát và bẩn thỉu, nhưng người nào quên hoặc đánh mất thẻ thì bị bắt và bị tù.

Năm 1919, người ta đã bỏ việc phân hạng đóng thuế thân ở Bắc Kỳ, chỉ bằng một nghị định của thống sứ. Mọi người dân từ 18 đến 60 tuổi, đều phải nhất luật đóng 5 đồng thuế thân.

Theo một nghị định khác thì bất cứ người An Nam nào không mang thẻ đều có thể bị tù và buộc phải đóng thuế một lần nữa dù trước kia người đó đã nộp rồi.

Để bù vào chỗ hao hụt do đồng bạc bị sụt giá, một viên toàn quyền đã có sáng kiến tăng gấp bội số người phải chịu thuế lên để bắt các xã phải đóng góp thêm.

*
* *

Người An Nam phải đóng thuế nặng hơn người Ấn Độ, Mã Lai, Nam Dương và Nhật Bản nhiều. Nhưng đời sống kinh tế ở Nam Dương, Ấn Độ và Nhật Bản lại cao hơn ở Đông Dương nhiều lắm, dân những nước này có thể đóng góp dễ dàng số thuế quá nặng đối với người An Nam.

*
* *

Trước thời Pháp thuộc, bộ thuế điền thổ ghi đầy đủ ruộng đất công và ruộng đất tư có phân hạng theo loại sản vật trồng trọt. Thuế suất chỉ đánh từ một đến năm hào một mẫu đối với ruộng cấy lúa. Đối với các loại ruộng đất khác, thuế suất đánh từ hai hào đến một đồng tư. Đơn vị diện tích là mẫu tức là một diện tích vuông mỗi cạnh độ 150 thước. Chiều dài của một thước An Nam thay đổi tuỳ từng tỉnh từ 42, 47 đến 64 xăngtimét, do đó diện tích một mẫu tuỳ nơi có thể là 3.970, 4.900 hoặc 6.200 mét vuông.

Để tăng thêm thu nhập cho Nhà nước, người ta dùng một đơn vị đo đạc, dài 40 xăngtimét, ngắn hơn tất cả các đơn vị thường dùng, vì vậy diện tích một mẫu chỉ còn 3.600 mét vuông. Bằng cách đó thuế điền thổ đã tăng lên nhiều hay ít khác nhau tuỳ từng tỉnh: nơi thì tăng một phần mười, nơi thì tăng một phần ba, nơi bị thiệt thòi nhất thì tăng đến hai phần ba.

Từ 1890, thuế trực thu tăng lên gấp đôi; từ 1896 đến 1898 tăng

lên một nửa và cứ như thế tăng lên mãi. Các xã thì cứ nai lưng ra đóng góp; còn biết kêu ai bây giờ? Bóp nặn được thì bọn công sứ lại càng ra tay bóp nặn. Bọn Pháp này cho rằng các xã vẫn ngoan ngoãn nộp đủ thuế thì tức là thuế má chưa đến nỗi quá nặng nề!

*
* *

Hằng năm người ta phân bổ cho mỗi làng phải nộp thuế cho một số đinh và một số ruộng đất các hạng. Cần có thêm tiền để chi tiêu chăng? Người ta cứ sửa lại con số, mặc dầu đang giữa năm, rồi người ta bắt các làng phải đóng đủ thuế cho số đinh, điền cao hơn số quy định đầu năm. Vì thế mà ở một tỉnh Bắc Kỳ, toàn bộ diện tích chưa tới 120.000 hécta mà bản thống kê lại ghi những 122.000 hécta ruộng và cứ như thế, người An Nam vẫn phải cúi đầu đóng thuế khống cho những ruộng đất không có thực. Có kêu ca cũng chẳng ai thèm nghe!

Không những thuế đã nặng nề mà lại còn thay đổi luôn.

Việc Chính phủ có nhân nhượng phần nào trong việc thu một số khoản thuế lưu thông hàng hoá đã làm cho dân làng bị phiền nhiễu hơn và đã mở đường cho tệ nhũng lạm. Có hôm người ta tha không đánh thuế cho một người gánh một gánh cau, nhưng hôm sau người ta lại bắt người đó đóng thuế tuy gánh một gánh nhẹ hơn. Đánh thuế như vậy thì khó mà công bằng được. Người ta cấp một giấy phép lưu thông cho 150 kilôgam thuốc lào. Sắp xếp làm sao để khỏi phải đánh thuế nhiều lần vào cùng một số thuốc đó khi số hàng này đã chuyển sang tay một chủ khác, hay khi 150 kilôgam thuốc đó đã đem chia cho ba, bốn người mua? Chỉ có tuỳ ở các ông nhà đoan, muốn làm gì thì làm chứ không có luật pháp nào cả. Cho nên người An Nam rất sợ nhà đoan, thoáng thấy nhân viên nhà đoan là họ đã vứt ngay giữa đường thúng muối, thúng thuốc lá hay thúng cau mà họ đang gánh trên vai; thà mất của còn hơn là đóng thuế quá nặng. Có vùng, người An Nam buộc phải nhổ thuốc

lào, chặt cau đi, để tránh khỏi bị phiền nhiễu vì các thứ thuế mới.

Năm ngoái, miền trung Trung Kỳ bị điêu đứng vì nạn đói. Không cứu giúp thì chớ, Chính phủ còn tăng thuế lên 30%.

Nhiều tỉnh ở Nam Kỳ bị nạn lụt phá hoại. Người ta cấm người An Nam bàn đến việc đó và cấm tổ chức lạc quyên giúp đồng bào của họ bị nạn. Hơn nữa, trong lúc dân chúng đói khổ vì thiên tai như vậy người ta vẫn bắt dân đóng thuế như thường lệ. Để thu cho được thuế, đã xảy ra bao nhiêu vụ lạm quyền, bao nhiêu cuộc truy bức thậm tệ đối với dân bị nạn.

Suốt cả năm, ở thành thị cũng như ở nông thôn, ngày nào người ta cũng được mục kích những cuộc bắt bớ, khám xét gây nên những cảnh đau xót, thảm thương trong việc thu các thứ thuế. Có lúc thu thuế đã thành một cuộc săn bắt người. Người dân bản xứ nào mà không có tiền nộp kho bạc, chẳng chịu cho người ta cùm kẹp và cũng chẳng muốn làm việc dưới làn roi vọt, thì trốn biệt một xó và đành chịu chết đói ở đó.

Nhiều người phải bán cả gia tài - bán cả con cái - để đóng thuế cho Nhà nước đã áp bức, bóc lột họ.

Ở Cao Miên, có nhiều phụ nữ khốn khổ, chân mang xiềng sắt, phải đi quét đường. Họ chỉ có một tội là không nộp được thuế.

CUỘC KHÁNG CHIẾN

Mặc dầu bọn vua chúa ươn hèn, mặc dầu địch đang chiếm ưu thế và mặc dầu chế độ quân chủ đã làm cho dân chúng quen lạnh nhạt, bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu ách ngoại bang mà không bền bỉ chống lại. Lúc mới thấy các tàu chiến lớn và súng ống tinh xảo thì ngạc nhiên, nhưng khi cảm giác đầu tiên ấy đã qua thì những người yêu nước An Nam liền tổ chức đấu tranh. Cuộc xâm chiếm Đông Dương bắt đầu từ năm 1858 mãi đến 1909 mới kết thúc. Chính trong thời kỳ này, khi nhà ái quốc Đề Thám

chết thì công cuộc chống Pháp có tổ chức và có vũ trang chấm dứt. Người anh hùng dân tộc ấy cùng với một ít nghĩa quân kiên quyết của ông đã chiếm lĩnh cả một tỉnh nhỏ và đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm. Trong thời kỳ chiến tranh ở châu Âu, nhiều cuộc bạo động đã nổ ra nhưng lại bị dẹp tắt ngay trong biển máu. Trong số các cuộc khởi nghĩa đó, cần chú ý đến cuộc nổi dậy của binh lính An Nam - binh lính sắp được đem sang Pháp - do ông vua trẻ Duy Tân tổ chức. Sau khi âm mưu bại lộ, vua Duy Tân bị phế và đày sang châu Phi.

Trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng của một dân tộc bị áp bức có nhiều hành động oanh liệt và nhiều sự hy sinh lớn, giá kể được ở đây để các bạn biết thì hay lắm, nhưng không thể nói hết được trong phạm vi nhỏ hẹp của buổi nói chuyện này của chúng ta. Vậy nên tôi chỉ có thể nhắc lại đây một đoạn hồi ký của phó đô đốc Rêvâye như sau:

"Nếu chúng ta đánh giá một người qua phẩm chất đạo đức chứ không phải qua những tri thức của người đó, thì chúng ta sẽ bớt kiêu căng về tính chất cao đẳng của chúng ta đối với người Viễn Đông, những người biết hy sinh một cách có ý nghĩa.

Năm 1862, chúng tôi được phái đi đàn áp một cuộc khởi nghĩa. Viên tư lệnh V. sai một trung uý đem quân chặn đường rút lui của nghĩa quân sau khi họ bại trận.

Mặt trời vừa lặn thì viên trung uý đem lính trở về, rất mệt mỏi, người đẫm bùn. Không thấy tù nhân, thấy nét mặt ai cũng có vẻ bối rối, chúng tôi biết ngay là cuộc chinh phạt này không kết quả. Những người An Nam dẫn đường, đầu cúi xuống, tay bị trói, đang đi giữa bốn người lính mang súng. Thân thể họ, gần như trần truồng, mang đầy vết thương. Viên trung uý bước tới trước viên tư lệnh và lúng túng nói:

- Thưa quan tư lệnh, từ sớm những người đưa đường đã dẫn chúng tôi khắp nơi, lội bùn ngập đến bụng, nhưng chúng tôi không tìm thấy một người chạy trốn nào cả.

Viên tư lệnh cho gọi hai người An Nam đến hỏi.

Hai người này là hai anh em vì họ giống nhau lắm. Chỉ có người anh trả lời những câu hỏi của viên tư lệnh:

- Chúng mày biết chỗ, chúng mày đã thú nhận rồi kia mà.

- Có, chúng tôi có biết chỗ.

- Tao đã giải thích cho chúng mày rất kỹ việc hướng dẫn lính đi tìm ở đâu và bằng cách nào rồi. Chúng mày đã khai hiểu rõ hết.

- Chúng tôi hiểu.

- Tao có nói: "Nếu chúng mày dẫn quân lính đi đúng đường thì chúng mày sẽ thoát chết; nếu đem họ đi lạc thì chúng mày sẽ bị xử bắn", có đúng tao đã nói như thế không?

- Ông chỉ huy có nói như vậy.

- Chúng mày đã cố tâm làm lạc hướng cả đội quân trong đồng lầy.

Hai chàng thanh niên đứng im lặng.

- Lúc ra đi, tao đã nói trước rằng chúng mày sẽ bị bắn, nếu chúng mày không đưa đúng đường... Có phải như thế không? Trả lời đi.

- Ông chỉ huy có bảo như vậy, người anh cả trả lời.

- Vậy chúng mày biết trước chúng mày sẽ bị xử bắn chứ ?

- Chúng tôi đang chờ đây.

Người Nam Kỳ ấy trả lời với một thái độ chịu đựng rất thản nhiên của người Á Đông. Thấy tra vấn đã xong, hai người An Nam chào đi ra.

Viên tư lệnh gọi một tên cai người Thổ Nhĩ Kỳ và bảo: "Lấy bốn lính và đem bắn hai tên tù này sau trại".

Tên cai Thổ Nhĩ Kỳ vẫy hai người An Nam hai người này đi theo không hề ngập ngừng và cũng chẳng kêu ca gì. Một lát sau, tiếng súng nổ.

Viên tư lệnh mặt bừng đỏ, quay về phía chúng tôi nói: "Thật là anh hùng... Ở Hy Lạp có lẽ người ta phải dựng tượng họ đấy, còn tôi, tôi phải bắn họ".

Đến sáng, nhìn ra ngoài pháo thuyền, chúng tôi thấy bên bờ một tấm biển lớn đóng vào thân cây. Người thông ngôn dịch lại cho chúng tôi nghe một đoạn như sau:

"Các ông đã chiếm mất nhiều tỉnh của chúng tôi để làm giàu thêm cho đế quốc các ông, để cho thanh danh các ông càng thêm rạng rỡ. Các ông có đòi chúng tôi chuộc lại đất đai không ? Chúng tôi sẵn sàng trả, miễn là các ông đừng đánh nhau với chúng tôi nữa và đem quân trở về nước.

"Nhưng nếu các ông từ chối, chúng tôi sẽ không ngừng chiến đấu để tuân theo ý trời. Chúng tôi cũng có chút e ngại trước thế lực của các ông, nhưng chúng tôi sợ trời hơn sức mạnh của các ông. Chúng tôi nguyện sẽ chiến đấu mãi mãi không nghỉ. Khi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ lấy cành cây làm cờ, làm gậy để vũ trang cho quân đội chúng tôi. Lúc đó các ông làm thế nào mà có thể sống được với chúng tôi?".

Đây không phải là những lời nói suông: chưa có một dân tộc nào dám tổ chức kháng chiến trong một tình trạng nguy nan như thế.

Lúc phái quốc gia hấp hối, tôi bắt được một tù nhân có mang theo một khẩu súng lục. Tôi tiếc không giữ lại khẩu súng ấy. Súng làm bằng một cái ô! Tay cầm cán ô dùng làm báng súng; cán ô cắt ngắn còn chừng hai mươi xăngtimét làm nòng súng; trên nòng có đục một lỗ nhỏ để cắm ngòi thuốc nổ.

Với những khí cụ như vậy, và sau những tai biến khủng khiếp, những người chủ trì còn lại của một dân tộc đã bị dồn đến bước đường cùng - vẫn chiến đấu chống lại quân đội phương Tây. Đôi khi họ giết một vài người chúng tôi bằng cạm bẫy, nhất là họ đã làm cho chúng tôi chết vì bệnh tật, vì phải đuổi theo họ trên những cánh đồng lầy uế khí, dưới ánh nắng gay gắt.

Có nhiều lần đuổi theo bắt những người yêu nước đó mà chúng ta thường gọi là kẻ phiến loạn, tôi cảm thấy vô cùng thương xót cho cả dân tộc ấy và cảm phục những người chỉ huy của họ, những người vững lòng tin ở công lý và có một nghị lực bất khuất.

Cuộc đại chiến kết thúc, dân tộc An Nam cũng như các dân tộc khác đã bị *mê hoặc* theo những lời tuyên bố rộng rãi của Uynxơn về quyền dân tộc tự quyết. Một nhóm người An Nam trong đó có tôi, đã gửi cho nghị viện Pháp và tất cả những đoàn đại biểu ở Hội nghị Vécxây một bản yêu sách sau đây:

YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN AN NAM

Từ ngày Đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc Đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ.

Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình bày với các quý Chính phủ trong Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng, những yêu sách khiêm tốn sau đây:

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;

2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;

3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*;

4. Tự do *lập hội* và tự do *hội họp*;

5. Tự do *cư trú ở nước ngoài* và tự do xuất dương;

6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;

7. Thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*;

8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ;

Cuối bản yêu sách, chúng tôi có viết thêm rất nhiều câu ca tụng nhân dân và nhân đạo.

Nhưng sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng "chủ nghĩa Uynxơn"[59] chỉ là một trò bịp bợm lớn. *Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.

GIÁO HỘI

Nếu có dân tộc nào phải nhớ ơn Chúa và các giáo sĩ, thì chính đó là dân tộc An Nam! Vì Chúa và các giáo sĩ mà dân tộc này đã sa vào tình cảnh nô lệ như ngày nay. Bước đầu, khi giúp Gia Long chiếm lấy ngôi vua, Pinhô đờ Bêhen đã làm hết cách dọn đường cho thực dân cướp nước. Cho nên để đổi lấy một ít súng ống, y đã bắt Gia Long nhượng cho Pháp những thương cảng và quân cảng sau này trở thành những căn cứ xâm lược của Pháp.

Chính những tên giáo sĩ đã vẽ bản đồ An Nam cho đội quân xâm lược. Chính bọn họ đã đưa tin cho gián điệp, dẫn đường cho đội quân viễn chinh và tố giác những người yêu nước. Trong thời chinh chiến ở Bắc Kỳ, nhiều tên giám mục cha cố giả danh đi làm việc thiện, đã len lỏi trong dân chúng An Nam do thám phong trào, đánh cắp kế hoạch phòng thủ thành phố và chuyển cho người Pháp. Biết rõ những vùng giàu có nhưng lại phản đối truyền đạo, đôi khi giáo hội cố ý đưa cha cố về chịu bị ức hiếp để lấy cớ can thiệp và cướp bóc nhân dân.

Ở đâu có cuộc nổi dậy, có khởi nghĩa thì nơi đó cha cố biến thành mật thám, nhà thờ Chúa biến thành nơi tra khảo. Trong những buổi xưng tội, bọn cha cố chất vấn người dân quê, doạ nạt họ hoặc hứa hẹn khôn khéo với họ để lấy tin tức về phong trào và các lãnh tụ. Lễ xưng tội xong, các cha chúng ta bèn chạy đi tố cáo với nhà chức trách Pháp.

Về mặt kinh tế cũng như về mặt tinh thần, giáo hội đều tỏ ra rất xứng đáng với Chúa. Lấy danh nghĩa làm việc thiện, người ta tập trung trẻ mồ côi về Nhà chung, thí cho một bát cơm rồi bắt các em làm việc như tù khổ sai. Có những cha cố đã bán những em gái mồ côi do họ trông nom, cho những tên thích đùi non để lấy tiền tiêu. Có cha cố tuyển mộ những người thất nghiệp, đem đi khai

hoang và hứa chia lợi cho họ; nhưng khi ruộng đất đã có thu hoạch thì bọn cha cố lại thẳng tay đuổi họ đi.

Để bóc lột người bản xứ, giáo hội đã dùng nhiều mánh khóe mà những thủ đoạn chính như sau:

Trong các cuộc xung đột An - Pháp, người An Nam đi lánh nạn phải tản cư sang các tỉnh lân cận. Khi họ trở về làng thì đất đai của họ đã bị chiếm đoạt. Nhân cơ hội loạn lạc, vắng chủ, Nhà chung đã cướp cả văn tự lẫn ruộng đất của họ.

Những năm mất mùa, Nhà chung cho nông dân vay tiền nhưng bắt họ phải đưa ruộng đất bảo đảm. Vì lấy lãi cắt cổ nên đến kỳ hạn người nông dân không trả được nợ, thế là tất cả ruộng nương đều rơi vào tay Nhà chung.

Những tên quan cai trị, thống đốc, toàn quyền cũng ít liêm khiết lắm. Chỉ cần nắm được ít giấy tờ bí mật về đời tư và có thể chạm đến thanh danh của họ, thì Nhà chung bèn dùng để làm tiền và đòi hỏi tất cả những điều họ muốn. Vì vậy mà một viên toàn quyền đã phải nhượng lại cho Nhà chung đến 7.000 hécta đất màu mỡ của dân bản xứ. Dân mất quyền sở hữu, bị đuổi đi và buộc phải đi ăn xin.

Nhà chung còn mở những công ty có những số vốn khổng lồ để khai thác sinh lợi những đồn điền do Chính phủ thuộc địa cho không họ và do "con chiên" cày cấy không công cho họ. Những đồn điền của toà thánh có lúc dùng tới sáu bảy nghìn nô lệ bản xứ. Riêng ở Đông Dương, giáo hội đã chiếm mất 1 phần 5 ruộng đất, và ở Cao Miên đến 1 phần 3.

Đại tá Bécna viết: "Những điều mà người thực dân phải dựa vào Nhà nước mới làm được thì người giáo sĩ vẫn làm được cả, bất chấp Nhà nước. Bên cạnh lãnh địa của người chủ đồn điền, xuất hiện lãnh địa của Nhà chung. Rồi đây không còn rẻo đất nào cho người An Nam cư trú, trồng trọt và sinh sống nữa, nếu họ không cam chịu sống kiếp nông nô".

CÔNG LÝ

Nói về nền công lý Pháp ở Angiêri, một nghị sĩ Pháp đã viết một cách châm biếm rằng: "Pháp luật, công lý với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có ba toong, súng lục, súng trường, đó mới là những thứ xứng đáng với lũ sâu bọ ấy!".

Một người Pháp khác, cũng kêu lên như thế này: "Ở Đông Dương cũng đúng như vậy đấy, ở đây "công lý" nằm trong tay những tên quan lại thiếu trách nhiệm, hoặc khi chúng ta phải thực

hành công lý, thì bằng súng!". Một người Pháp khác viết: "Nếu viên chủ sự viện kiểm sát xét kỹ theo đúng tinh thần pháp lý thì trong số hai nghìn đến hai nghìn rưỡi biên bản lập hằng năm ở Bắc Kỳ, không có biên bản nào là có giá trị đối với Pari cả".

Ở Đông Dương có hai thứ công lý. Một thứ cho người Pháp, một thứ cho người bản xứ. Người Pháp thì được xử như ở Pháp. Người An Nam thì không có hội đồng bồi thẩm, cũng không có luật sư người An Nam. Thường người ta xử án và tuyên án theo giấy tờ, vắng mặt người bị cáo. Nếu có vụ kiện cáo giữa người An Nam với người Pháp thì lúc nào người Pháp cũng có lý cả, mặc dù tên này ăn cướp hay giết người. Sau đây là vài ví dụ:

Quan cai trị Bôđoanh - bị một viên chức Pháp tố cáo làm giả mạo giấy tờ - được phong chức quyền toàn quyền và được thưởng bắc đẩu bội tinh.

Quan cai trị Đáclơ - bị tố cáo ăn hối lộ; vì sự nhũng lạm tàn bạo của ông ta mà xảy ra cuộc khởi nghĩa ở một tỉnh làm cho nhiều người Pháp và An Nam chết - lại được cử làm uỷ viên hội đồng thành phố.

Quan cai trị Buđinô - can tội tham ô, thụt tiền công quỹ và nhũng lạm - lại được tha bổng.

Kỹ sư Têa - giám đốc một hãng lớn, bị tố cáo tham ô - cũng được vô sự.

Một tên quan cai trị ở Quảng Châu Loan bị tố cáo là đã dùng nhục hình giết chết hơn hai mươi người bản xứ, lại được tha bổng.

Một tên quản ngục Côn Lôn, bị tố cáo là đã giết một cách thản nhiên một lúc hơn 40 phạm nhân, được trắng án và khen thưởng.

Ông Puốcxinhông thấy một người An Nam dám nhìn vào nhà một người Âu vài giây, đã hùng hổ nhảy ra đánh người An Nam ấy và kết liễu đời anh bằng một phát súng lục bắn vào đầu.

Một nhân viên hoả xa dùng roi mây đánh một người lý trưởng Bắc Kỳ.

Ông Bếch đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông thầu khoán Brét đã trói tay một người An Nam cho chó cắn rồi dùng chân đá người ấy đến chết.

Ông Đépphi, chủ sự thuế quan, đá một cái ghê gớm vào mạng mỡ người đày tớ làm anh này chết tươi.

Ông Hăngri, thợ máy ở Hải Phòng, nghe có tiếng ồn ào ở ngoài phố; cửa nhà ông vừa mở thì một người đàn bà An Nam chạy xộc vào, đằng sau là một người đàn ông đang đuổi theo. Hăngri vớ lấy khẩu súng và bắn một phát. Người đàn ông ngã vật xuống chết ngay; đó là một người Âu. Hỏi đến thì Hăngri trả lời: "Tôi tưởng nó là người bản xứ".

Một người Pháp đem ngựa của hắn buộc vào một cái chuồng trong đó có nhốt con ngựa cái của một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên, làm cho người Pháp tức điên lên. Hắn liền đánh người

bản xứ hộc máu mồm, máu mũi. Rồi hắn còn trói người ấy lại đem treo lên cầu thang.

Một giáo sĩ (vâng, một môn đồ nhân từ của Chúa) nghi cho một học sinh trường dòng người bản xứ lấy cắp của mình một nghìn đồng, bèn trói anh lại, treo lên xà nhà mà đánh. Người học sinh đáng thương ấy chết ngất đi. Họ hạ anh xuống. Khi anh hồi tỉnh người ta lại treo anh lên tra khảo. Anh ấy đã chết.

Vân vân, v.v..

Bản kê này còn có thể kéo dài không cùng.

Tất cả những tên giết người ấy đều được trắng án. Vì uy tín của người Pháp nên phải như thế đấy!

Phải nhất thiết kết án những người dân bản xứ vô tội cũng như tha bổng những người Pháp có tội. Khi một người An Nam bị buộc tội là chống Pháp thì người ấy bị đem xử trước một toà án gọi là toà án đặc biệt. Toà án gồm mấy tên quan binh và quan cai trị đều là người Pháp cả. Toà án xử kín và có thể tuyên án tử hình. Không được chống án.

Năm 1908, một âm mưu ở Bắc Kỳ bị khám phá. Trong số người bị kết án, có cả đàn bà, trẻ con và cả một thanh niên mà ai cũng biết là ngớ ngẩn.

Đôi khi họ tuyên án vắng mặt người bị cáo, những án khổ sai có khi cả những án tử hình nữa; bị cáo không hề được bào chữa.

Những người bản xứ bị buộc tội về chính trị nặng hay nhẹ, nói chung đều bị bắt, kết án và đem đi đày - chung thân hay 10 năm tuỳ đấy. Không cần điều tra xét xử gì cả.

Sau đây là một bản trích lục án để giúp các bạn hình dung được thế nào là công lý đối với những người dân bản xứ.

Trích lục án:

Xét rằng: Những tên A, B, C, D và F đều là những nhà văn thân An Nam nổi tiếng, họ biết ai là kẻ phiến loạn chống Pháp nhưng họ lại cho rằng không cần phải theo dõi người ấy (không thấy nói tên kẻ phiến loạn, cũng không nói phải theo dõi người đó đến đâu?).

Xét rằng: Khi đã thấy người đó về nhà, C bèn đi mời B và A về họp bàn (bàn việc gì?).

Xét rằng: C và B và D còn tổ chức cả những hội buôn, những hội diễn thuyết và hội mặc Âu phục, cắt tóc ngắn (khủng khiếp chưa!).

Xét rằng: Tất cả những việc đó, họ đã cùng làm với nhau một lần.

Xét rằng: Trong những bài thơ của họ, có một câu có thể dịch là: "Chịu cảnh ô nhục, chịu thân cá chậu chim lồng". (Sai. Câu thơ trào phúng chế giễu những cuộc thi cử phải dịch như sau: Nếu các ông còn đeo đuổi mãi những cuộc thi cử lỗi thời ấy, thì trong khoảng trăm năm nữa các ông sẽ được nghe người ta chửi vào mặt. Khi nào thì các ông sẽ thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng ấy?).

Xét rằng: D đã cho phép học trò của anh ta hội họp (!) và những học trò ấy đã đọc câu phương ngôn: "Người trong một nước phải thương nhau cùng" (tội nặng chưa!).

Lại xét rằng: Trong các buổi diễn thuyết họ đã nói đến vấn đề mở mang trí tuệ, họ đã bàn đến những nhu cầu đời sống văn minh, đến việc giảm bớt những hội hè đình đám vô ích, đến lợi ích học hành, họ lại còn khêu gợi cho người nghe ý thức về chủ quyền của nhân dân và trình bày điều đó như là một nguyên lý cơ bản (của cái gì?) và gây cho mọi người ý nghĩ khinh bỉ (khinh bỉ ai?).

Xét rằng: Nếu không trừng phạt nghiêm khắc những hoạt động ấy theo đúng pháp luật, thì nhân dân không khỏi bị lôi cuốn theo những gương xấu như vậy.

Chiếu chỉ, xử tên A, B và C *tử hình án treo cổ*, xử đánh D và F 100 trượng (chỉ có thế thôi à!) và đày chúng biệt xứ đi xa 1.500 kilômét khỏi nước An Nam (chúng ta cần chú ý là những bị cáo không được phép tự bào chữa và họ hoàn toàn không hề biết gì cả về những lời buộc tội lẫn bản án).

Như vậy chỉ vì họ là những nhà văn thân danh tiếng, họ đã lập hội và diễn thuyết, họ đã ăn mặc Âu phục và cắt tóc ngắn, họ đã công kích những việc phù phiếm, hô hào đồng bào của họ thương yêu nhau, và họ đã nói đến dân quyền mà những người An Nam ấy đã bị xử tử hình và bị đày đi biệt xứ.

Công lý nước Pháp ở Đông Dương là như thế đấy!

NƯỚC AN NAM DƯỚI CON MẮT NGƯỜI PHÁP

Trong một bản tuyên bố, ông Bô lúc đó là toàn quyền Đông Dương, nói với người An Nam như thế này:

"Hỡi nhân dân An Nam!

Chúng ta đến nước các ngươi là nối gót ông cha chúng ta đã từng lui tới bờ biển nước các ngươi từ hai thế kỷ nay.

Chúng ta đến đây cũng với một tinh thần mạo hiểm và một ý muốn khai hoá.

Không hiểu phong tục và lịch sử nước các ngươi, chúng ta tưởng đem đến cho một dân tộc dã man những ân huệ của một nền văn minh cao cả.

Chúng ta đã đi khắp đồng ruộng, núi đồi và ở đâu chúng ta cũng khen cho sự cần cù không mệt mỏi của các ngươi.

Chúng ta đi qua khắp kinh kỳ, ở đâu chúng ta cũng thấy có cơ sở tổ chức đáng khen.

Chúng ta đã vào nhà các ngươi và chúng ta cũng thấy trong gia đình trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên.

Chúng ta đã đi thăm các đền chùa, được đọc những câu châm ngôn làm vẻ vang cho nhân loại".

Ông Đờ Puvuốcvin cũng viết: "Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể

cả khoa học quản lý Nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hoà hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hoà và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thục có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lẽ phải; ghét xa hoa, không hám tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp; hiện nay đó cũng là những đặc điểm về bản tính của người An Nam hình thành từ bao thế hệ, những thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo đức ấy một cách thành kính; người An Nam bình thường mà người ta gặp bất cứ ở đâu cũng đều như vậy cả... Trong đám người bình dân, người ta cũng thấy những thuần phong mỹ tục ấy, cả ở những người mà xưa nay chúng ta thường quen gọi là bọn côn đồ, quân ăn cướp".

Bây giờ chúng ta xét xem dân tộc ấy bị ai cai trị và cai trị bằng cách nào.

"Chúng ta tới đây không làm cho người An Nam giàu lên chút nào mà còn gây nên khủng hoảng để di hại lâu dài. Cạnh tranh của người Âu đã bóp chết một số công nghiệp, thuế má nặng nề làm phá sản một số công nghiệp khác". (Đại tá Bécna).

"Xã hội cũ An Nam tổ chức tốt như thế đã bị chúng ta phá huỷ. Chúng ta tìm cách thay thế nó bằng những tổ chức thô sơ theo kiểu Pháp, nhưng vô hiệu.

Khắp nơi, người ta vi phạm luật lệ của người An Nam, coi thường phong tục, cướp bóc tài sản; mượn cớ đi trấn áp, nên quân lính "được thể" lại tha hồ cướp phá, giết chóc; thú tính xấu xa nhất lại hoành hành; đến cái vẻ công lý cũng không còn; không một viên chỉ huy nào mà miệng không chửi rủa, tay không múa dùi cui,

chúng chỉ trấn áp chứ không cần giảng giải gì". (Đờ Puvuốcvin).

"Nếu bọn Đức buộc cho hai [1] bị chúng xâm chiếm một chế độ giống như chế độ mà chúng ta bắt buộc những người chúng ta gọi là dân bảo hộ kia phải theo, thì tất cả châu Âu văn minh sẽ đứng lên chống lại chúng". (V. Đốctông).

"Tôi mạn phép nói rằng cách khai hoá đánh vỡ đầu người ta chứ không cải biến đầu óc cho người ta, như thế là hơi thô bạo. Đây là những người đang sống yên ổn trong nhà họ. Bỗng nhiên chúng ta xông vào đất đai không phải của chúng ta, mang danh nhân đạo, chúng ta chém giết những người bản xứ hoặc đuổi họ ra khỏi nhà. Chính cái đó đã gợi cho họ một ý niệm kiêu hãnh đối với cái văn minh ấy. Vì tình nhân loại, người ta giết; vì tình nhân loại, người ta cướp đoạt; vì tình nhân loại, người ta bóc lột những người bản xứ!". (E.Macác).

"Tôi không tưởng tượng được - ông Đume, Toàn quyền Đông Dương viết - tôi không tin rằng người ta có thể có một quan niệm về một chính phủ thuộc địa kỳ quái vô lý nào hơn Chính phủ Nam Kỳ hiện nay. Ngay lúc đầu người ta đã đạt đến lý tưởng kiểu đó rồi.

Nam Kỳ được đặt ngang hàng với các thuộc địa "lâu đời" của chúng ta như Máctiních, Goađơlúp, Rêuyniông; cũng như những thuộc địa này, Nam Kỳ có đại biểu ở nghị viện Pháp và có hội đồng dân cử địa phương".

Ở đây tôi không muốn nghiên cứu để đánh giá tổ chức ở các thuộc địa lâu đời, hoặc để xem việc xác lập quyền lập pháp ở đây có phù hợp với chế độ đại nghị ở chính quốc không. Nhưng ít ra người ta cũng phải giải thích sự tồn tại của một hội đồng chính trị có quyền lực gần như cao nhất ở một nước có phổ thông đầu phiếu, trong đó tất cả mọi người dân, dân bản xứ hay dân Pháp, đều là công dân của nước cộng hoà được hưởng đầy đủ quyền lợi chính trị.

1) Hai tỉnh Andátxơ và Loren của Pháp bị Đức chiếm đóng trước Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Ở Nam Kỳ thì không giống như thế chút nào, dân bản xứ là những thần dân Pháp chứ không phải là công dân Pháp.

Trong số 2.000 người Pháp ở Nam Kỳ người ta đã tính có đến 1.500 người sống dựa vào ngân sách, còn trong số 500 kia thì cũng chỉ có một số người không có quan hệ với Nhà nước. Như vậy là trong dân số 3 triệu người không có được hai nghìn cử tri*, và ba phần tư những người này lại là công chức. Ấy thế mà người ta gọi đó là phổ thông đầu phiếu!

Nhóm đa số những người ăn lương ấy bầu ra một đại biểu vào hạ nghị viện, chỉ định hội nghị lập pháp ở thuộc địa tức là hội đồng thuộc địa. Người ta có thể bẻ lại rằng hội đồng ấy gồm có hội viên người An Nam**, có đại biểu của phòng thương mại và của hội đồng tư vấn. Thực tế thì những hội viên do đoàn tuyển cử Nam Kỳ bầu ra làm chúa trong hội đồng; những thành phần khác của hội đồng chỉ biết cúi đầu nghe theo và không dám hé răng.

Ở đây người ta thấy tất cả cái tốt đẹp của chế độ: một nhóm đa số người ăn lương ngân sách sắp đặt lấy các khoản chi và quyết định lấy những khoản thuế phải thu. Một câu tục ngữ đã nói: "Trước khi thương người phải thương mình đã". Tiền thuế còn đem dùng để đài thọ những công vụ mới, nhờ đó mà thêm được cử tri, dùng để hậu đãi viên chức Nhà nước và những người bạn của họ, cách dùng tiền như thế còn gì tốt hơn nữa!

Tất cả thế lực tàn bạo, vô chính phủ do các tổ chức tạo ra bất chấp quyền lực Nhà nước đều tập trung trong tay ông X... một người thông minh và *khôn khéo*, ông ta tập hợp xung quanh mình một phe phái dễ điều khiển bằng cách chiều chuộng họ và thoả mãn những điều họ khao khát. Người ta bỏ phiếu bầu cho ông X... và cho các bạn của ông ta vào hội đồng thuộc địa và hội đồng thành phố; người ta bầu ông X... vào hạ nghị viện. Muốn nắm được cả bộ máy cai trị, chỉ cần có một số những cử tri trung thành chiếm đa số là được. Ở đây người ta đã nắm được họ và nắm riêng từng người một; rồi đặt nơi này hay nơi kia vài tên tay sai để đi sát họ; người ta bảo đảm địa vị cho họ, bằng cách lưu ý đến việc tuyển lựa nhân viên Nhà nước, vì chính những người này cũng vừa là cử tri nữa đấy.

Nhóm cử tri đầu tiên có kỷ luật là nhóm người da đen Ấn Độ. Những người Ấn Bengan không bị luật lệ Pháp chi phối, nhưng họ vẫn được xem như là người Pháp như thường; họ là công dân, là cử tri, họ được tham gia các cuộc bầu cử. *Người An Nam ở trong nước mình lại không phải là công dân và không được đi bầu*. Bên cạnh đoàn quân người Ấn sẵn có, ngoan ngoãn đi theo ấy, cần thiết phải bổ sung một đội quân lớn mạnh những công chức người Âu. Thì người ta đã tìm được những người này ở các công sở, người ta đã bỏ khá nhiều *tiền thuế của dân* để mua chuộc sự giúp đỡ của họ.

Hội đồng thuộc địa săn sóc đến cử tri viên chức nhưng cũng không bỏ quên bản thân mình. Có những lúc tất cả những ông hội đồng, không trừ một ai, đều lần lượt được hội đồng biểu quyết giao cho những việc có lợi lớn. Việc trưng thầu một con đường, mà công việc kéo dài năm này qua năm khác, không ai kiểm soát, đã đem lại những món lời thường xuyên cho một ông hội đồng nọ. Một ông thứ hai là bác sĩ chuyên trị cho viên chức ở thuộc địa, được hưởng lương rất cao; một ông khác là bác sĩ công tác ở thành phố lớn; một hội viên thứ tư được trưng thầu cung cấp giấy má và sổ sách in. Không phải chỉ có cử tri một mình được hưởng thụ chế độ này, người trúng cử cũng có phần mình trong ấy chứ.

Người An Nam âm thầm đóng góp cho bọn chúng, nhưng bọn chúng không thèm hỏi ý kiến họ bao giờ.

* Đều là những người Pháp. (Chú thích của tác giả).

** Cứ hai người Pháp thì có một người An Nam. (Chú thích của tác giả).

PHỤ LỤC

CÁC VĂN BẢN VIẾT CHUNG

YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN AN NAM

Từ ngày Đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc Đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ.

Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình với các quý Chính phủ trong Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng, những yêu sách khiêm tốn sau đây:

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;

2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;

3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận* ;

4. Tự do *lập hội* và *hội họp*;

5. Tự do *cư trú ở nước ngoài* và tự do xuất dương;

6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;

7. Thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;*

8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.

Đưa ra những yêu sách trên đây, nhân dân An Nam trông cậy vào chính nghĩa thế giới của tất cả các cường quốc và đặc biệt tin vào lòng rộng lượng của nhân dân Pháp cao cả, tức là của những người đang nắm vận mệnh của nhân dân An Nam, của những người, do chỗ nước Pháp là một nước Cộng hoà, nên được coi là những người bảo hộ cho nhân dân An Nam. Khi nhân dân An Nam nhắc đến sự "bảo hộ" của nhân dân Pháp, thì không lấy thế làm hổ nhục chút nào mà trái lại còn lấy làm vinh dự: vì nhân dân An Nam biết rằng nhân dân Pháp đại biểu cho tự do và công lý, và không bao giờ từ bỏ lý tưởng cao cả của mình là tình bác ái toàn thế giới. Vì thế, nghe theo tiếng nói của những người bị áp bức, là nhân dân Pháp sẽ làm tròn nhiệm vụ của mình đối với nước Pháp và đối với Nhân loại.

Thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam
NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI TỔNG THỐNG [1]

Pari, ngày 18-6-1919

Kính gửi Ngài Tổng thống Cộng hoà Hợp chủng quốc,
Đại biểu ở Hội nghị Hoà bình.

Thưa Ngài,

Nhân dịp chiến thắng của Đồng minh, chúng tôi xin mạn phép gửi đến Ngài, kèm theo đây bản ghi các yêu sách của nhân dân An Nam.

Tin tưởng ở độ lượng cao cả của Ngài, chúng tôi mong Ngài ủng hộ trước những người có thẩm quyền.

Xin Ngài vui lòng nhận sự biểu thị lòng kính trọng sâu sắc của chúng tôi.

Thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam
NGUYỄN ÁI QUỐC
56, phố Mơxiơ Lơ Pranhxơ, Pari

Thư đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Thư này được gửi kèm với bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đồng thời tới trưởng đoàn các nước tham dự Hội nghị Vécxây.

VIỆT NAM YÊU CẦU CA

"Rằng nay gặp hội Giao hoà,
Muôn dân hèn yếu gần xa vui tình.
Cậy rằng các nước Đồng minh,
Đem gương công lý giết hình dã man.
Mấy phen công bố rõ ràng,
Dân nào rồi cũng được trang bình quyền.
Việt Nam xưa cũng oai thiêng,
Mà nay đứng dưới thuộc quyền Lang Sa.
Lòng thành tỏ nỗi sút sa,
Giám xin đại quốc soi qua chút nào.
Một xin tha kẻ đồng bào,
Vì chưng chính trị mắc vào tù giam.
Hai xin phép luật sửa sang,
Người Tây người Việt hai phương cùng đồng.
Những toà đặc biệt bất công,
Giám xin bỏ dứt rộng dung dân lành.
Ba xin rộng phép học hành,
Mở mang kỹ nghệ, lập thành công thương.
Bốn xin được phép hội hàng,
Năm xin nghĩ ngợi nói bàn tự do.
Sáu xin được phép lịch du,
Bốn phương mặc sức, năm châu mặc tình
Bảy xin hiến pháp ban hành,
Trăm đều phải có thần linh pháp quyền
Tám xin được cử nghị viên,
Qua Tây thay mặt giữ quyền thổ dân.

Tám điều cạn tỏ xa gần,
Chứng nhờ vạn quốc công dân xét tình.
Riêng nhờ dân Pháp công bình,
Đem lòng đoái lại của mình trong tay.
Pháp dân nức tiếng xưa nay,
Đồng bào, bác ái sánh tầy không ai!
Nỡ nào ngảnh mặt ngơ tai,
Để cho mấy ức triệu người bơ vơ.
Dân Nam một dạ ước mơ,
Lâu nay từng núp bóng cờ tự do.
Rộng xin dân Pháp xét cho,
Trong phò tiếng nước, sau phò lẽ công.
Dịch mấy chữ quốc âm bày tỏ.
Để đồng bào lớn nhỏ được hay.
Hoà bình may gặp hội này,
Tôn sùng công lý, đoạ đày dã man.
Nay gặp hội khải hoàn hỉ hả,
Tiếng vui mừng khắp cả đồng - dân.
Tây vui chắc đã mười phần,
Lẽ nào Nam lại chịu thân tôi đòi.
Hẵng mở mắt mà soi cho rõ.
Nào Ai Lan, Ấn Độ, Cao Ly,
Xưa, hèn phải bước suy vi,
Nay, gần độc lập cũng vì dân khôn
Hai mươi triệu quốc hồn Nam Việt
Thế cuộc này phải biết mà lo.
Đồng bào, bình đẳng, tự do,
Xét mình rồi lại đem so mấy người.
Ngổn ngang lời vắn ý dài,
Anh em đã thấu lòng này cho chưa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu viết tay, tiếng Việt,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

BÁO CÁ[1]

DỰ THẢO

Pari, ngày 20-11-1921

Tiểu ban Đông Dương thuộc Pháp trong Ban nghiên cứu thuộc địa[60] của Đảng Cộng sản được giao trách nhiệm phát biểu ý kiến về hoạt động cần tiến hành ở Viễn Đông nhằm tạo ra và phát triển một phong trào cộng sản cách mạng, xin trình bày:

1. Tiểu ban bác bỏ mọi kiến nghị về kinh tế hoặc chính trị nhằm cải thiện, cải cách hoặc đạt một tiến bộ nào đó, điều này, trong chế độ tư bản, chỉ phục vụ chính quyền hiện nay và giúp vào sự củng cố nó.

2. Nhận thấy rằng các giai cấp thống trị coi các thuộc địa Pháp không chỉ là một kho vô tận nguyên liệu, người bản xứ thuần tuý là những con vật kéo nặng sản xuất ra những thứ đó, mà bọn kẻ thù giai cấp của chúng ta còn coi những nước hải ngoại đó là nguồn cung cấp những đội quân phản cách mạng.

Do đó, công tác tuyên truyền cách mạng và chống quân phiệt cần được tiến hành dưới sự lãnh đạo và đôn đốc của Đảng, trong tất cả các thuộc địa của Pháp và xứ gọi là bảo hộ.

1) Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp, không ký tên, lưu trữ tại CAOM, SLOTFOM, Série III, cặp số 3, hồ sơ của Hội Liên hiệp thuộc địa (Pháp).

Công tác tuyên truyền này thực hiện:

a) bằng các báo chí xuất bản ở Pháp.

b) bằng diễn đàn của các Đại hội của chúng ta và khi cần, bằng diễn đàn của nghị viện.

c) bằng các hội nghị.

d) bằng mọi phương thức thích hợp với đối tượng, với trình độ giáo dục và văn minh của quần chúng bản xứ ở các thuộc địa.

Bản trình bày sơ lược trên đây chỉ là một thông báo bước đầu. Ban nghiên cứu thuộc địa của phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản cho rằng việc nghiên cứu các vấn đề thuộc địa từ nay về sau phải là bộ phận không tách rời các đề cương đưa lên Quốc tế Cộng sản, vì cách mạng cộng sản chủ nghĩa không chỉ có mục đích ở châu Âu mà còn ở toàn thế giới. Vì vậy, không được để một nơi nào trên thế giới, do cẩu thả hoặc không am hiểu vấn đề, lọt ra ngoài những hoạt động có ích cho mục đích cách mạng cộng sản chủ nghĩa.

In trong sách: Hồ Chí Minh,
Những bài viết 1914 - 1969,
do Alain Ruscio biên soạn, Pari, 1990, tr.40 - 41.

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VÀ CÁC THUỘC Đ[1]

Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 8-1920 đã tuyên bố trong những luận cương của Đại hội về những vấn đề thuộc địa rằng:

"Đại chiến ở châu Âu và những kết quả của nó đã chỉ rõ rằng quần chúng ở những nước phụ thuộc ngoài châu Âu gắn bó với phong trào vô sản châu Âu một cách tuyệt đối và đó là hậu quả không thể tránh được do sự tập trung của chủ nghĩa tư bản thế giới...

"Quốc tế Cộng sản phải mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Nhiệm vụ của nó là tổ chức giai cấp công nhân toàn thế giới để lật đổ nền thống trị tư bản chủ nghĩa và thiết lập chủ nghĩa cộng sản".

Những chỉ thị đó là cần thiết hàng đầu đối với Đảng Cộng sản Pháp, bởi vì giai cấp tư sản nước này thống trị những thuộc địa mà dân số có tới 40 triệu người.

Những thuộc địa bị các giai cấp thống trị coi là kho chứa nguyên liệu cơ bản mà để làm ra chúng, dân bản xứ bị người ta coi là những con vật kéo xe, như là nơi tiêu thụ dành riêng cho thương

1) Tại Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp họp ở Mácxây, phiên họp thứ 9, buổi chiều thứ năm, ngày 29-12-1921, sau khi Phrốtxa phát biểu, Chủ tọa giới thiệu Nguyễn Ái Quốc lên đọc bản Dự thảo nghị quyết này.

nghiệp chính quốc; và cũng là nguồn cung cấp cho chủ nghĩa quân phiệt binh lính cho những cuộc chiến tranh sắp tới do sự đối kháng giữa chủ nghĩa đế quốc kình địch của những nước khác nhau đang chuẩn bị.

Hàng chục nghìn người dân thuộc địa đã chết trong cuộc chiến tranh châu Âu. Hàng chục nghìn người khác còn phải làm nô lệ cho chủ nghĩa quân phiệt Pháp; trong suốt thời kỳ "hoà bình ở tình trạng chiến tranh" nó phái họ sang Đức, Xilixi, Xyri, với khí hậu độc hại nhất đến chết người đối với những con người xứ nóng ấy. Người ta đưa người chính quốc vào quân đội với danh nghĩa quốc phòng: chiêu bài này chỉ có thể dùng ở những thuộc địa mới bị thôn tính; ở đấy, người ta tuyển những người châu Phi và những người châu Á bằng những lời hứa dối trá cho tiền bạc hay cho chiến lợi phẩm, bằng rượu, bằng sự chuyên chế hành chính, hoặc là (khi những phương sách đó thất bại) bằng bạo lực, khủng bố và những sự hành quyết làm gương. Qua miệng Măngginh, chủ nghĩa quân phiệt Pháp khoe khoang họ sử dụng 400.000 lính bản xứ; về thực tế và bằng những phương sách duyệt thêm, nó có thể đưa lên một hoặc hai triệu người châu Phi và người châu Á. Như thế, nó hy vọng có được những vật hy sinh dễ bảo hơn là công nhân và nông dân Pháp, và cũng là sử dụng được những lứa quân dịch thuộc địa, những công cụ mù quáng để áp bức và đè bẹp giai cấp vô sản châu Âu.

Ngoài sự cần thiết chống lại nguy cơ đối với phong trào giải phóng vô sản là sự can thiệp tuyệt đối của chủ nghĩa tư sản chính quốc đối với dân cư bản xứ bị ép vào trại lính, cần phải thấy được rằng trong một thời kỳ cách mạng, giai cấp tư sản sử dụng những thuộc địa làm nơi trốn tránh của lực lượng phản cách mạng hay ít nhất cũng dựa vào đấy để tổ chức ra nó. Ngay từ bây giờ chúng ta phải dự phòng sách lược này và muốn vậy chúng ta phải cố gắng tranh thủ cảm tình của quần chúng bản xứ và giáo dục họ bằng cách chỉ ra rằng những nỗi đau khổ của họ cũng có cùng nguyên nhân với đau khổ của giai cấp công nhân ở chính quốc. Đề ra nhiệm

vụ này chưa phải là tất cả mà còn phải dốc lòng làm những nhiệm vụ thực tiễn phát sinh từ đó. Điều đó không dễ, vì nhiều lẽ:

a/ Thứ nhất, ở trong Đảng Cộng sản còn chưa có truyền thống vững vàng về mặt hoạt động thuộc địa. Quốc tế thứ hai gần như hoàn toàn thờ ơ với việc tạo ra ở thuộc địa phong trào đối kháng chống lại chủ nghĩa tư bản mà bằng lòng với việc đưa ra những bản tuyên bố của chủ nghĩa cải lương lập lờ và vô hiệu quả. Vậy ngày nay Đảng cộng sản phải tổ chức tất cả.

b/ Điều làm cho phức tạp và khó khăn của sự nghiệp này cũng chính là sự khác nhau của các loại thuộc địa hợp thành lãnh thổ thuộc địa Pháp. Vì thế, những phương sách hoạt động không giống nhau và phải thay đổi theo từng nhóm thuộc địa lớn. Về đại thể, người ta có thể chia các thuộc địa làm 5 loại như sau: Bắc Phi, Tây Phi và châu Phi xích đạo, Đông Dương, Mađagátxca, các thuộc địa cũ.

c/ Một khó khăn khác là thiếu khả năng tự giải phóng ở hầu hết những người bản xứ. Họ không có quá khứ cách mạng; trong nhiều thuộc địa họ quen thói nô lệ và còn chưa nhận khả năng tự giải thoát khỏi cảnh đó. Nỗ lực của chúng ta nhằm giải phóng họ và dắt dẫn họ, và qua đó, hành động cách mạng của chúng ta sẽ không được họ ủng hộ nghiêm chỉnh, ít ra là lúc bắt đầu ở những nước có chế độ chuyên chế độc đoán.

Bằng bất cứ cách nào những khó khăn đó cũng không thể biện minh cho việc Đảng cộng sản từ bỏ một chính sách thuộc địa thực tế và có kết quả. Nếu chúng ta nêu ra những điều đó cốt chỉ ra ích lợi của một tổ chức đặc biệt chuyên lo tuyên truyền cộng sản thành công.

Tổ chức đặc biệt này, Ban lãnh đạo đã chuẩn bị lập một Ban nghiên cứu thuộc địa trong trụ sở Đảng.

Ban này là một cơ quan tư vấn tuyển người trong số các chuyên gia, nghĩa là những đảng viên có hiểu biết về các thuộc địa để đến đó sinh sống.

Nó có nhiệm vụ thu thập tài liệu về thuộc địa, cung cấp cho các Đại hội đảng và trong thời gian giữa hai đại hội, cho Ban lãnh đạo những kết luận có thể cho phép ra những quyết định thích hợp về mặt học thuyết, tuyên truyền và sách lược.

Ban nghiên cứu thuộc địa đã thảo một bản tường trình về tình hình hiện nay của các nhóm thuộc địa khác nhau, xác định rõ ràng những yêu cầu chủ yếu về loại kinh tế, chính trị, và xã hội mà người bản xứ cũng như người lao động chính quốc sống ở thuộc địa cảm nhận thấy. Từ sự kiểm chứng những nhu cầu đó, Ban đã rút ra những kết luận, những quy tắc sách lược thích hợp qua việc vận dụng chúng, để gây nên ở thuộc địa một phong trào đối lập chống chủ nghĩa tư bản và phong trào gây cảm tình với cộng sản.

Vì chương trình nghị sự của Đại hội Mácxây quá nặng nên báo cáo này của Ban nghiên cứu thuộc địa, đáng tiếc là không thể được xem xét và thảo luận ở đó được. Nhưng điều mà người ta có thể trông đợi ở Đại hội Mácxây, trước hết là Đại hội tán thành nguyên tắc thành lập một cơ quan đặc biệt phụ trách chính sách về thuộc địa của Đảng, tiếp đó là uỷ quyền cho Ban lãnh đạo thấy rõ: 1/ Tiếp tục và mở rộng nhiệm vụ chuẩn bị đã được khởi đầu. 2/ Trình bày ở Đại hội sau của Đảng một luận cương về thuộc địa đã được nghiên cứu nghiêm túc để Đại hội thảo luận đến nơi đến chốn sao cho từ đó Đảng có một chính sách thuộc địa rõ ràng, có phương pháp và thiết thực.

Bởi vậy, chúng tôi đề nghị Đại hội thông qua nghị quyết dưới đây:

" Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Pháp, họp ở Mácxây sau khi nghe bản báo cáo do Ban lãnh đạo thay mặt Ban nghiên cứu thuộc địa trình bày, chỉ ra sự cần thiết trong thời gian ngắn nhất phải tạo ra một phong trào đối kháng mang tinh thần cộng sản, chống chủ nghĩa tư bản và hai hình thức đặc biệt của nó là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa pháo thuyền ở các thuộc địa.

"Xét tính phức tạp của vấn đề thuộc địa, vì có sự không thuần nhất của các thuộc địa và xét sự phát triển về kinh tế, chính trị và xã hội thường chậm chạp của dân bản xứ, đồng thời xét đến sức mạnh của chế độ chuyên chế hành chính mà họ là nạn nhân.

"Chuẩn y nguyên tắc lập thành một cơ quan đặc biệt chuyên nghiên cứu và sưu tập tư liệu về thuộc địa là cơ quan tư vấn, đặt dưới quyền kiểm tra của Ban lãnh đạo.

"Giao cho Ban này bằng mọi phương sách cần thiết nhằm tích cực tuyên truyền ngay từ bây giờ về thuộc địa trong khi chờ đợi một dự án hoàn chỉnh và chi tiết về hoạt động thuộc địa được thảo luận ở Đại hội tới của Đảng.

"Đặc biệt Đại hội đề nghị Ban lãnh đạo dành một mục để nghiên cứu vấn đề này trên báo *L'Humanité* và trong các sách, báo và ấn phẩm của Đảng.

"Đại hội đề nghị các ban nói chung, đặc biệt là các ban tồn tại ở các thuộc địa hay ở những thành phố có quan hệ thường xuyên với các thuộc địa đó cũng như những người cộng sản biệt lập thuộc mọi chủng tộc, hợp tác ngay từ bây giờ với Ban nghiên cứu thuộc địa".

Tháng 12 năm 1921

BAN NGHIÊN CỨU THUỘC ĐỊA

Tài liệu tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA

Đồng bào thân mến,

Nếu câu phương ngôn "Đoàn kết làm ra sức mạnh" không phải là một câu nói suông,

Nếu đồng bào muốn giúp đỡ lẫn nhau,

Nếu đồng bào muốn bênh vực cho quyền lợi của bản thân mình, cũng như quyền lợi của tất cả đồng bào ở các xứ thuộc địa,

Hãy gia nhập *Hội liên hiệp thuộc địa.*

ĐIỀU LỆ TRÍCH YẾU

Điều 2 - Mục đích của Hội là tập hợp và hướng dẫn cho mọi người dân các xứ thuộc địa hiện sống trên đất Pháp để; soi sáng cho những người dân ở thuộc địa về tình hình mọi mặt ở nước Pháp nhằm mục đích *đoàn kết* họ; thảo luận và nghiên cứu tất cả những vấn đề chính trị và kinh tế của thuộc địa.

Điều 4 - Tất cả hội viên phải đóng hội phí 3 tháng một kỳ là 9 phrăng.

Điều 10 - Tất cả hội viên bất kỳ lúc nào, đều có thể gửi thư

đến trụ sở của Hội để yêu cầu những điều lợi ích mà Hội dành riêng cho các hội viên của mình.

Điều [1] - Hội sẵn sàng giúp đỡ và cứu trợ cho mọi hội viên của các nhóm đã gia nhập Hội.

Điều 14[2] - Trong phạm vi tài chính sẵn có, Hội có thể cung cấp cho tất cả hội viên những báo chí và tài liệu có liên quan đến sinh hoạt của các thuộc địa, hoặc chuyên lo bênh vực cho các thuộc địa.

BAN CHẤP HÀNH:

Đại diện:

Đông Dương: Nguyễn Ái Quốc (thợ sửa ảnh)

Đảo Rêuyniông: Bácкítxô (trạng sư)

Đahômây: M.Blôngcua (trạng sư)

Goađơlúp: Giăng Báptixtơ (nhà buôn)

Quần đảo Ăngtiơ: Môranhđơ (nhà buôn)

Mácticích: Môngnécvin (đại diện thương mại)

Guyan: Ônôriăng (Chủ nhiệm) , Giám đốc Hội chữ thập đỏ.

Đồng bào hãy gửi đơn xin vào hội cho Môngnécvin, 9, Phố Valéttơ, quận 5, Pari; hoặc cho Nguyễn Ái Quốc, 9, Ngõ Côngpoanh, quận 17, Pari.

Tài liệu tiếng Pháp, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1), 2). Có bản chụp các điều 13 và 14 trên đây, nhưng đánh số là *điều 15 và 19,* nội dung các điều đều giống nhau.

LỜI KÊU GỌI CỦA BAN NGHIÊN CỨU THUỘC ĐỊA CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Chúng tôi hiểu nỗi đau khổ của các bạn, nhưng các bạn chưa hiểu nỗi đau khổ của chúng tôi. Có lẽ các bạn cho rằng tất cả mọi người ở Pháp đều có quyền hành và ai cũng muốn giữ các bạn trong vòng nô lệ.

Thật ra những người gây ra sự lầm than cho các bạn và giữ các bạn trong cảnh khổ đó để lợi dụng chỉ là một số ít, chúng có quyền hành vì chúng giàu. Chúng tôi là số đông và đang đấu tranh chống lại chúng vì chúng tôi cũng như các bạn là nạn nhân sự tàn bạo của chúng. Các anh em người bản xứ thấy rõ chúng tôi cùng với anh em có chung một kẻ thù là bọn chủ của chúng tôi. Chúng tôi thành lập ở đây một chính đảng lớn đấu tranh để giải phóng những người không có quyền hành ở chính quốc và cũng muốn đấu tranh để giải phóng những người bản xứ ở thuộc địa bị bắt làm nô lệ.

Chúng tôi yêu cầu các bạn giúp đỡ chúng tôi trong nhiệm vụ đó, vì các bạn và chúng tôi, chúng ta cùng chung một lợi ích. Chúng tôi yêu cầu các bạn coi chúng tôi như bạn và anh em của các bạn. Chúng tôi sát cánh với các bạn trong cuộc kháng chiến và đấu tranh của các bạn chống sự tham tàn của bọn thực dân, sự hung bạo của bọn cai trị và binh lính, bọn này có những tên đồng loã là

bọn quan lại bản xứ.

Ngày mà chúng ta sẽ được tự do nhờ ở thành công của sự thay đổi mà chúng ta đang chuẩn bị đây, sự lầm than khổ cực của các bạn sẽ chấm dứt. Lúc đó các bạn sẽ có thể tự điều khiển lấy công việc của mình và kết quả lao động của các bạn sẽ thuộc về các bạn. Mối quan hệ giữa chúng tôi với các bạn sẽ là những mối quan hệ đoàn kết và liên minh.

Viết vào tháng 1-1922. Đăng báo *Nhân dân,* số 7.691, ngày 26-5-1975.

Theo bài đăng báo.

BẢN TRUYỀN ĐƠN BẰNG TIẾNG VIỆT CỦA BAN NGHIÊN CỨU THUỘC ĐỊA CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Các bạn lao động bản xứ! Những người cộng sản ở chính quốc hiểu rõ nỗi đau khổ của các bạn... Các bạn bị hai lần bóc lột: là lao động và là dân bản xứ. Những người chủ các bạn từ chính quốc đến không hành động một mình. Những người quyền thế ở nước các bạn, bọn đại địa chủ và bọn cầm đầu muốn giữ của cải và quyền hành của chúng. Để bóc lột các bạn, chúng đã câu kết với chính quyền, bọn thực dân và các công ty châu Âu... Như ở khắp mọi nơi trên thế giới, chúng tôi đã lập ra một Đảng Cộng sản lớn đấu tranh để giải phóng mọi người lao động.

Đảng muốn hoạt động ủng hộ những người anh em của mình ở thuộc địa. Nó đề nghị các bạn cho biết những sự đàn áp mà các bạn là nạn nhân. Nó dành cho các bạn báo chí của nó và sự giúp đỡ của những nhà hoạt động chính trị của nó. Nó đề nghị các bạn giúp đỡ nó tích cực và ở nước thuộc địa nào có chi bộ Đảng, chúng tôi mong các bạn coi đó là những cơ quan bảo vệ các bạn. Nó đề nghị các bạn đoàn kết lại giữa những người lao động ở nhà máy và nông thôn, bến tàu và có những mối quan hệ hữu nghị với những người lao động từ chính quốc tới ngày càng nhiều, họ thuộc cùng giai cấp với

các bạn.

Vì nền hoà bình thế giới, vì tự do và ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức.

Đăng trên báo *Nhân dân,* số 7.689, ngày 24-5-1975.

Theo bài đăng báo.

LỜI KÊU GỌI THAM GIA HỘI HỢP TÁC XUẤT BẢN BÁO *LE* [1]

Pari, ngày 10 tháng 2 năm 1922

Các đồng chí thân mến,

Các đồng chí đã nhận hay sẽ nhận một bản điều lệ Hội hợp tác của báo *Le Paria*. Hội này đang thành lập sẽ xuất bản một tờ báo như tên đã nêu và đó sẽ là một xuất bản phẩm thật sự của thuộc địa.

Chẳng cần nhấn mạnh đến sự khẩn cấp phải cho ra tờ báo này. Các bạn ta ở chính quốc bắt đầu cảm thấy cần phải thay đổi tình hình hiện nay ở các thuộc địa. Nhưng do chỗ không có tư liệu, họ chờ mãi mãi hoặc hành động chẳng chắc chắn gì. Trong cả hai trường hợp, có nguy cơ họ làm hại phong trào chung để thiết lập lại công lý trong nhân dân các thuộc địa.

Về phía mình, các dân tộc ở thuộc địa tiếp tục tưởng rằng nhân dân Pháp luôn luôn là những viên chức hoạnh họe và chẳng có lòng xót thương này hay là những tên thực dân mà chương trình là bóc lột vật và người ở thuộc địa. Tiếng nói của những cựu chiến binh người bản xứ, đã từng đau khổ bên cạnh những "người lông lá xồm

1) Đầu đề do BBT đặt.

xoàm" ở Pháp, lại càng bất lực để ngăn họ khỏi tin rằng mọi binh sĩ cũ của "đại chiến", - dưới con mắt các vị có chức quyền ở thuộc địa, - là một người đáng ngờ và là một đối tượng phải kiểm soát đặc biệt nghiêm ngặt.

Các bạn ở mẫu quốc, các đồng chí ở thuộc địa, vì lợi ích của công lý, chân lý và tiến bộ, cần phải xoá khoảng cách giả tạo dường như chia rẽ các đồng chí. Tờ *Le Paria*, là tờ báo đầu tiên nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ ấy.

Nhiệm vụ này chẳng dễ dàng gì; để đối phó, với hy vọng thắng lợi, chúng tôi kêu gọi sự tận tuỵ của các đồng chí mà tôi biết là vô biên.

Hãy tham gia hội hợp tác của chúng ta, *Le Paria*, hay đặt mua dài hạn ngay từ bây giờ tờ báo của chúng tôi cùng tên ấy; hoặc, nếu được, các đồng chí hãy làm cả hai điều trên. Sự thành công của chúng ta phụ thuộc vào sự tận tuỵ của đồng chí, và tương lai các thuộc địa lại phụ thuộc vào sự thành công trên; chúng ta dám khẳng định như vậy .

Cố gắng lên một chút, bằng cách giúp đỡ chúng tôi. Các bạn và các đồng chí, sẽ phục vụ sự nghiệp hoà bình và nhân loại.

Rất thân thiết.

Thay mặt Hội đồng quản trị
XTÊPHANY
Thủ quỹ chính
GUTƠNOA ĐƠ TURY
Thủ quỹ phụ
NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

LỜI KÊU GỌI

Cách ra báo hằng tháng của chúng tôi nói lên rằng: *Le Paria* ra mắt bạn đọc trong những điều kiện hết sức hạn chế về phương diện tài chính. Và lời tuyên bố này giúp cho những ai có thể còn phân vân về hành động xuất hiện ở đây lần đầu tiên khỏi phải mất công tìm hiểu vô ích.

Thực vậy, trong lịch sử phong trào quần chúng bản xứ ở các thuộc địa của Pháp, chưa bao giờ có một tờ báo được lập ra để nói lên nỗi đau khổ và tình trạng cùng khốn chung của họ, bất kể là họ thuộc đất nước và giống nòi nào. *Le Paria* ra đời do sự đồng cảm sâu sắc của các đồng chí ở Bắc Phi, Tây Phi thuộc Pháp, Mađagátxca, Đông Dương, Ăngtiơ và Guyan. Báo ra đời chính là vì những lời hứa hẹn dối trá về tự do và công lý được đưa ra trong quá trình cuộc chém giết khủng khiếp những năm 1914-1918, nhưng hoàn toàn không được thực hiện sau khi cơn giông tố dịu đi. Tờ báo biểu hiện ý thức tập thể của những người vô sản bản xứ hiểu rất rõ rằng: bọn bóc lột lợi nhuận và đặc quyền, đặc lợi, không muốn mất đi, dù là một chút quyền lực và niềm kiêu hãnh của chúng. Bọn cầm quyền vừa mù, vừa điếc, không muốn hiểu chút gì về những biến cố đang thai nghén trên thế giới.

Le Paria tố cáo những sự lạm quyền về chính trị, lối cai trị độc

đoán, tình trạng bị bóc lột về kinh tế mà nhân dân các vùng lãnh thổ rộng lớn ở hải ngoại đang là nạn nhân. Báo kêu gọi họ đoàn kết lại, đấu tranh cho tiến bộ về vật chất và tinh thần của chính họ. Báo kêu gọi họ, tổ chức họ, nhằm mục đích giải phóng những người bị áp bức khỏi các lực lượng thống trị, thực hiện tình yêu thương và bác ái.

Và bây giờ, đội ngũ đã sẵn sàng, các bạn da vàng, da trắng và da đen, hãy đặt mua báo của chúng tôi; hãy gửi cho chúng tôi tài liệu; hãy đứng bên cạnh chúng tôi; hãy ra sức ủng hộ chúng tôi, dù cho chúng tôi có gặp phải những luồng bão táp ngược chiều thế nào chăng nữa.

Le Paria đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của báo chắc chắn sẽ đạt được: đó là giải phóng loài người.

LE PARIA

Báo *Le Paria,* số 1,
ngày 1-4-1922.

KIẾN NGHỊ VỚI ĐẠI HỘI LẦN THỨ) ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Nhận thấy rằng Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ IV sắp tới bàn đến vấn đề thuộc địa và việc đó phải là công tác hàng đầu của những người cộng sản Pháp, trong khi giai cấp tư sản hãm trong vòng áp bức rất nhiều nhân dân thuộc địa.

Quyết định rằng vấn đề thuộc địa sẽ được đưa vào chương trình nghị sự của Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Trong khi chờ đợi, thông qua lời kêu gọi nhân dân thuộc địa do Ban nghiên cứu thuộc địa thảo và đề nghị đăng lời kêu gọi đó trên báo *L' Humanité.*

Yêu cầu các đảng bộ cộng sản ở thuộc địa tăng cường công tác tuyên truyền và kết nạp đảng viên trong số người bản xứ và yêu cầu cử càng nhiều càng tốt những người bản xứ đi dự Hội nghị toàn quốc.

Viết vào tháng 10-1922. Đăng báo *Nhân dân*, số 7.695, ngày 30-5-1975. Theo bài đăng báo.

1) Bản kiến nghị này do Nguyễn Ái Quốc, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, cùng một số đảng viên người thuộc địa trình trước Đại hội Đảng.

ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Gửi người bản xứ các thuộc địa,

Hỡi những người lao động bản xứ ! Những người cộng sản ở chính quốc biết được nỗi khổ của các bạn. Họ biết rằng từ ngày các xứ sở của các bạn bị những quân nhân xâm chiếm, các bạn mất hết tự do, rằng người ta đã sử dụng những biện pháp tàn bạo để buộc các bạn phải lao động mà không được thu gặt thành quả. Những quan cai trị, dân sự hay quân sự, khủng bố các bạn, áp dụng những luật lệ tàn khốc với các bạn.

Chúng đã tạo nên hai loại toà án: một cho bạn thân của họ, hiền lành, khoan hoà, và toà án kia là cho các bạn, khắt khe và đẫm máu.

Các bạn bị bóc lột hai lần: trên tư cách là người lao động và trên tư cách là người bản xứ. Chủ của các bạn, xuất phát từ mẫu quốc, không hành động đơn độc. Những người có quyền lực ở nước các bạn, những nghiệp chủ lớn và các ông chủ muốn bảo vệ của cải và quyền thế của mình, liên minh với nhau để bóc lột các bạn, liên minh với chính quyền, với bọn thực dân và các công ty châu Âu.

Trong chiến tranh, thanh niên nước các bạn bị bứt ra khỏi nhà; hoặc bằng các lời hứa hão, hoặc bằng đe doạ và vũ lực, và người ta đã đưa chúng đến lò mổ tức là chiến tranh để bảo vệ lợi quyền và những hận thù của chính những kẻ giàu có đã chinh phục đất nước các bạn. Nhiều người đã bỏ mạng, những người khác bị thương tật suốt đời. Người ta không giữ lời hứa nêu ra trong chiến tranh, là

nhượng lại cho các bạn những quyền trọn vẹn về con người và về công dân.

Ngoài ra, các ông chủ này tiếp tục ép các bạn cung cấp cho họ binh lính cho một cuộc chiến tranh nổ ra nay mai thôi mà lòng tham của các ông chủ đang chuẩn bị và với hy vọng dùng các bạn để đàn áp cách mạng mà chúng tôi chuẩn bị để giải phóng chung chúng ta.

Có lẽ các bạn tưởng rằng tất cả mọi người sống ở Pháp cũng đều có quyền lực cả và đều đồng tình để duy trì các bạn trong vòng nô lệ. Không. Ở nước Pháp mẫu quốc cũng có và có nhiều những người khác chẳng có tài sản gì cả, phải lao động để sống, dưới quyền cũng những ông chủ ấy, và chịu để người giàu bóc lột.

Những người gây nên nỗi thống khổ của các bạn và duy trì nó vì điều đó có lợi cho họ, những người ấy là thiểu số ở mẫu quốc, nhưng họ có quyền lực vì họ rất giàu; và chúng tôi, là những người thuộc đa số, chúng tôi là nạn nhân của những bạo ngược của họ, chúng tôi đấu tranh chống lại họ. Họ cũng đưa chúng tôi - như các bạn - ra mặt trận và họ dùng bạo lực bứt con cái chúng tôi ra, biến chúng thành lính tráng để chúng bảo vệ những của cải không thuộc về chúng tôi.

Được tự do chút ít hơn các bạn, chúng tôi đã có thể liên hiệp lại để đấu tranh chống lại chủ của chúng tôi và chúng tôi chuẩn bị lật đổ họ để tổ chức, chỉ nhằm lợi ích của mọi người, một xã hội toàn cầu tự do hơn và công bằng hơn, ở đó lao động là tối cao. Vì thế chúng tôi đã thành lập, như ở mọi nơi trên thế giới, một Đảng cộng sản vĩ đại, đấu tranh để giải phóng mọi người lao động.

Đảng chủ trương nỗ lực để cứu vớt tất cả những anh em ở các thuộc địa, đảng yêu cầu các bạn thông tin cho đảng biết về tất cả những ngược đãi mà các bạn mỗi lúc lại là nạn nhân; đảng sẵn sàng để các bạn tuyên truyền trên báo chí của đảng và sẵn sàng để các nhân vật chính trị của đảng giúp đỡ các bạn. Đảng yêu cầu các

bạn thân thiện với đảng và, ở trong các thuộc địa mà có tồn tại các chi nhánh của đảng chúng tôi, các bạn hãy coi các chi nhánh ấy là những cơ quan bảo vệ các bạn. Đảng yêu cầu nhất là các bạn đoàn kết lại, giữa lao động ở xí nghiệp, ở nông thôn... và duy trì những quan hệ anh em với những người lao động từ mẫu quốc đến - ngày càng nhiều - họ cùng giai cấp với các bạn: họ là công nhân, công chức, nông dân, tiểu viên chức, thuỷ thủ.

Vì hoà bình thế giới, vì tự do và sự no ấm của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh chống bọn áp bức!

BAN NGHIÊN CỨU THUỘC ĐỊA
CỦA PHÂN BỘ PHÁP
CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN
120 phố Phayéttơ, Pari.

Báo *Le Paria*, số 8,
ngày 1-11-1922.

TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO *LE PARIA*

Dự kiến những sự kiện nghiêm trọng có thể xảy ra ngày một ngày hai, bạn đừng đợi gì mà chưa mua báo *Le Paria* và hô hào bạn bè mua nó. Tờ báo này là tờ báo của bạn, giúp bạn thoát khỏi cảnh nô lệ và sẽ phát hành rộng rãi trong tất cả các thuộc địa, nhằm dắt dẫn mọi người bị bóc lột thuộc mọi màu da đoàn kết lại dưới lá cờ đỏ búa liềm để trong một phong trào cách mạng quốc tế rộng lớn quét sạch mọi kẻ bóc lột mà chúng ta là những người cùng khổ.

Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hoà thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau.

Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới.

Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại!

Viết vào đầu năm 1923.
Báo *Nhân dân*, số 7.695,
ngày 30-5-1975.

Theo bài đăng báo.

KỶ NIỆM BÁO *LE PARIA*

Một năm đã trôi qua kể từ khi báo *Le Paria* ra đời. Các bạn quan tâm đến số phận của tờ báo ngay từ buổi đầu, nhân dịp kỷ niệm này, cảm ơn tất cả những ai đã can đảm với diễn đàn nhỏ bé này, bảo vệ nhân dân các thuộc địa.

Các bạn mua dài hạn, các bạn quyên góp cho báo đến số gần đây được 645 phrăng[1], hãy nhận lấy sự biết ơn chân thành của chúng tôi.

Chúng tôi đã không quá lạc quan đối với những điều dự đoán trước. Chúng tôi hiểu rõ sự nghiệp mà chúng tôi theo đuổi, đặt ra vô vàn khó khăn. Một mặt, đông đảo dư luận châu Âu chưa được chuẩn bị để theo dõi đầy đủ quan điểm của chúng ta. Mặt khác, những người dân thuộc địa ở Pháp thường chưa quan tâm đến tình hình có quan hệ tới số phận đồng bào họ ở các thuộc địa đang phải đương đầu với mọi sự phiền nhiễu, với bạo lực của nhà cầm quyền ở địa phương, với sự bóc lột tư bản chủ nghĩa của những kẻ đi khai hoá. Cuối cùng, khoảng cách giữa Pari với châu Phi, châu Á, châu Mỹ rất xa. Những cuộc tiếp xúc giữa chúng tôi với nhân dân các thuộc địa mà *Le Paria* có trách nhiệm bảo vệ lại luôn luôn bị cản trở bởi những kẻ thống trị thuộc địa gây ra.

Nhưng phải thừa nhận rằng, chúng tôi đang đứng trước một

1) Bài này, tác giả viết từ trước, nên viết "các bạn quyên góp cho báo đến số gần đây được 645 phrăng", nhưng ở cột 2, số 14, đăng tổng số tiền quyên góp được từ đầu đến lúc này được 892 phrăng. 645 phrăng là tính đến số 13.

điều lo lắng rất lớn. Chúng tôi đã tính trước rằng nhiệm vụ khẩn thiết của một tờ báo như tờ báo của chúng tôi là phải bảo vệ các anh em bản xứ. Việc đón nhận lấy nhiệm vụ đó đã dành cho *Le Paria* là đúng với điều mong muốn của chúng ta.

Sang năm thứ hai, chúng tôi muốn thực hiện những việc làm tốt đẹp hơn. Phải làm cho *Le Paria* xuất hiện trong một thời kỳ với những kết quả rực rỡ, có nhiều người tìm đến báo, với số lượng bản in tăng hơn và số trang nhiều hơn trước. Tất cả những điều đó chỉ có thể thành sự thật nếu có được những nguồn dự trữ thích đáng. Vậy mà, không thể đòi hỏi một sự cố gắng cao hơn nữa đối với 5, 6 bạn đã nhận nhiệm vụ ngay từ đầu, đã chịu đựng từ 12 tháng qua. Có thể nói rằng riêng những việc in và gửi đi, giá 3 phrăng mỗi số trong một năm là vừa phải. Để thuận tiện cho việc tuyên truyền cho tờ báo, lúc này chúng tôi thấy rằng không thể nâng giá lên ngay được.

Đối với tất cả những ai đọc báo, muốn báo sống lâu và lớn mạnh, hiểu nhiệm vụ của nó, nên mua dài hạn cho mình và vận động nhiều người mua dài hạn báo *Le Paria*. Cần phải làm cho trong vòng 2 hay 3 tháng tới đây, chúng ta có trên 1.000 độc giả, trên 1.000 người mua báo dài hạn. Chúng tôi cũng không ngần ngại nói ra việc quyên góp rất khiêm tốn cũng là một sự giúp đỡ rất quý báu đối với chúng tôi. Chúng tôi nói những điểm cuối cùng về các cộng tác viên. *Le Paria* là tiếng nói của quần chúng bị áp bức. Tất cả đều cung cấp tư liệu cho chúng ta, đều viết về chúng ta.

Các bạn Pháp, các đồng bào ở thuộc địa cư trú trên đất Pháp, các anh em bản xứ ở các thuộc địa, hãy đáp lại lời kêu gọi của chúng tôi.

Hãy làm việc cho *Le Paria*, cho sự diệt trừ chế độ độc đoán chống lại bọn cá mập thực dân!

Sự nghiệp giải phóng những người bị ngược đãi muôn năm!

Sự nghiệp giải phóng nhân dân bản xứ muôn năm!

LE PARIA

Báo *Le Paria,* số 14,
tháng 5-1923.

BÁO CÁO VỀ BẮC KỲ, TRUNG KỲ VÀ NAM KỲ[61]

Mátxcơva, 1924

Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây.

Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi.

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tơrốt. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được.

Nhưng người ta sẽ bảo: thế là chúng ta ở thời Trung cổ à? Ồ! Sẽ là quá đáng nếu so sánh người "nhà quê"[1)] với người nông nô. An Nam chưa bao giờ có tăng lữ và thuế mười phần trăm. Hoàng đế trị

1) Những chữ "nhà quê" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

vì nhưng chẳng lo cai trị gì. Tất nhiên là đã có quan lại rồi. Nhưng có thể so sánh họ với chúa phong kiến không? Không. Trước hết quan lại được tuyển lựa theo con đường dân chủ: con đường thi cử, mở rộng cho mọi người và mọi người có thể chuẩn bị thi mà chẳng *tốn kém gì*. Hơn nữa, quyền lực của quan lại được cân bằng bằng tính tự trị của xã thôn.

Xã hội Ấn Độ -) - và tôi có thể nói: Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây.

Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không ? Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản.

Thật ra là có, vì sự tây phương hoá ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông; - nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.

Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại.

Mác cho ta biết rằng sự tiến triển các xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản; và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không? Từ nhiều thế kỷ nay, họ chẳng hưởng được thái bình hay sao để đến mức làm cho người châu Âu khinh rẻ họ (lười nhác, mê muội hàng nghìn năm, v.v.)?

Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xôviết đảm nhiệm (ban thuộc địa của chúng tôi vừa nhận được thư mời chúng tôi tham gia công tác này). Và các Xôviết sẽ thành công; vì rằng, đứng lên trên các thành kiến chủng tộc, họ sẽ làm cho thế

1) La société Indo - Chinoise.

giới được miễn nghe các lời tầm phào của những Guýtxtavơ Lơbốp và những Hăngri Coócđiê.

(...)

Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm).

Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc:

1. Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hoá khi chuyển từ giới thượng lưu này sang giới thượng lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó.

2. Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là nhờ sự tuyển mộ và trở về của "lính tình nguyện".

3. Trong chủ nghĩa dân tộc có cả lòng căm ghét bọn xâm lược Trung Quốc và người Ấn Độ sinh cơ lập nghiệp ở trên đất nước này.

4. Nó có xu hướng hợp pháp hoá các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó. Một mặt, chính quyền nhượng bộ. Mặt khác, lớp thanh niên từ bỏ phương pháp tiến hành những cuộc nổi dậy bột phát của lớp người đi trước, và ngày nay, người ta thiên về chiến thuật của những nhà cách mạng châu Âu: tuyên truyền, tổ chức và khởi nghĩa quần chúng. Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay thì lớp trẻ yêu sách những thiết chế chuẩn bị cho độc lập (tờ *La Tribune indigène*[62]: cơ quan của phái lập hiến).

(...)

Cương lĩnh của chúng tôi.

1) Cuộc mưu khởi nghĩa diễn ra năm 1916.

Phương hướng chung.

Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này, do Mátxcơva tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ xôviết hoá và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc Pháp và bằng việc làm này, Quốc tế Cộng sản sẽ được lợi trực tiếp.

a/ Ở Đông Dương.

Hành động hợp pháp phụ thuộc vào việc nước Pháp thừa nhận các Xôviết. Điều đầu tiên phải làm là sẽ thiết lập các lãnh sự quán Nga ở Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng. Những lãnh sự quán này tự nhiên sẽ là những trung tâm tuyên truyền chủ nghĩa bônsêvích và lựa chọn các chiến sĩ bản xứ để gửi sang Nga. Hoạt động bất hợp pháp sẽ là trợ cấp cho một tờ báo, rải truyền đơn và nhất là các bài đả kích bằng tiếng bản xứ và chữ Hán, là tổ chức những hội kín. Nhân viên tuyên truyền gồm có: người bản xứ, người Pháp và người Nga, nếu có thể được thì, biết tiếng nước này, và làm một nghề khiến họ tiếp xúc được với dân bản xứ (nữ hộ sinh, nữ giáo viên, thầy thuốc ở nông thôn, dân đồn điền. Một luật sư cho người bản xứ sẽ được mọi người biết tiếng ngay). Thành lập ra ở Chợ Lớn một phân bộ cộng sản Trung Quốc.

b/ Ở Nhật Bản, ở Trung Quốc và ở Xiêm.

Tiếp xúc với những nhóm người di tản. Thành lập một lãnh sự quán ở Vân Nam phủ, thành phố rất quan trọng nằm ở biên giới Bắc Kỳ, trung tâm tuyên truyền đặt ở vị trí đó rất tuyệt. Tranh thủ làm cho các Xôviết được công nhận ở Xiêm nơi mà Anh, Pháp và Mỹ luôn luôn có mưu đồ. Mỹ có 4 cố vấn trực thuộc Bộ Ngoại giao,

Anh và Pháp có hai cố vấn trực thuộc Bộ Tư pháp. Tại sao nước Nga lại không có? Hơn nữa, một lãnh sự quán ở Băng Cốc sẽ tìm thấy các ngả đường đi Ấn Độ thuộc Anh, Giava thuộc Hà Lan và Đông Dương thuộc Pháp.

c/ Ở Pháp.

Nhóm cộng sản ở Nghị viện sẽ có hai nhiệm vụ quan trọng:

1) Thừa nhận các Xôviết; 2) Xoá chế độ bản xứ. Trong nhiệm kỳ, sẽ yêu cầu bỏ thuốc phiện ở Đông Dương; nó sẽ tố giác các vụ bê bối như vụ bê bối của độc quyền ở Sài Gòn. Từ Pháp đến Đông Dương quá xa cách vì vậy sẽ không có vấn đề Nghị viện đi xem xét như có thể làm đối với Angiêri và Tuynidi.

Ban thuộc địa sẽ lo trước hết việc tổ chức công đoàn. Hội liên hiệp thuộc địa sẽ làm đúng với danh hiệu của mình. Tờ *Le Paria* sẽ ra mỗi tuần 2 lần.

Hoạt động thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp hẳn là còn yếu kém nhưng chút ít nó làm được thì chẳng có đảng nào làm được, còn nếu nó chưa quan tâm đến người bản xứ, đó là vì người bản xứ chưa đến với nó được mấy. Nhiệm vụ số một của nó là đào tạo những chiến sĩ bản xứ. Đào tạo không chỉ những nhà tuyên truyền mà cả những nhà cách mạng theo kiểu châu Âu.

d/ Ở Nga.

Muốn thế, đưa đến Mátxcơva hay đến các trung tâm khác, các sinh viên An Nam (còn sớm để có thể coi thường người trí thức). Cũng đưa cả những người lao động chân tay vì phải đào tạo những quân nhân, thuỷ thủ cho hồng quân bản xứ và các chi bộ xí nghiệp bản xứ, đủ sức thay thế các kỹ thuật viên của chủ nghĩa tư bản.

(...)

Kết luận: Khả năng khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương. Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương:

1. Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng ở châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc, theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây.

2. Cuộc khởi nghĩa phải được nước Nga ủng hộ. Các Xôviết sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc và các kỹ thuật viên, các binh sĩ, các thuỷ thủ bản xứ được đào tạo trước đó ở Mátxcơva. Ngoài ra, nước Nga sẽ có một hạm đội khá mạnh ở Thái Bình Dương, để ngăn cản sự can thiệp của một vài cường quốc có thoả thuận với Pháp trong việc chống người bản xứ.

3. Cuộc khởi nghĩa phải trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp.

4. Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam.

In trong sách Hồ Chí Minh,
Những bài viết 1914-1969
do Alain Ruscio biên soạn,
Pari, 1990, tr.69-74.

CÁC BÀI PHỎNG VẤN VÀ TƯỜNG THUẬT CỦA PHÓNG VIÊN BÁO CHÍ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA PHÓNG VIÊN BÁO *YI CHÊ PAO*

Cuộc trao đổi giữa N.A.Q, Phan Văn Trường, 1 đại biểu Triều Tiên là Kim Tchong Wen và 1 phóng viên Mỹ tại nhà phóng viên:

PV: Ông đến Pháp với mục đích gì?

Đáp: Để đòi những quyền tự do mà chúng tôi phải được hưởng.

PV: Chương trình của ông là gì?

Đáp: Luôn luôn tiến lên phía trước, tuỳ theo sức mạnh của chúng tôi.

Hỏi về những công việc của đảng ở Đông Dương và những cuộc khởi nghĩa nổ ra từ đầu chiến tranh, Nguyễn Ái Quốc đáp:

"Mục đích của chính quyền Pháp hoàn toàn khác với mục đích của người Nhật ở Triều Tiên. Người Nhật muốn Nhật Bản hoá hoàn toàn người Triều Tiên. Còn nước Pháp, thì ngược lại, muốn duy trì vĩnh viễn sự bất bình đẳng giữa người An Nam và người Pháp, nó muốn, bằng cách lợi dụng lao động của người An Nam, bòn rút vô tận các sản phẩm đủ loại mà Đông Dương rất sẵn và cố gắng không cho người An Nam tự tạo cho mình một vị trí kinh tế độc lập. Các thứ thuế đủ loại cũng như những biện pháp hạn chế và chế độ giáo dục công cộng đều xuất phát từ những toan tính đó. Bằng cách cản trở văn minh và tiến bộ của dân tộc An Nam, người Pháp vĩnh viễn đặt dân tộc này ra ngoài lề của nền văn minh thế giới và buộc họ phải đáp ứng vô cùng tận những đòi hỏi không ngừng thay đổi của chúng. Trong những năm gần đây, điều kiện sống ở Đông Dương trở nên thảm hại chưa từng thấy".

Hỏi về những hoạt động từ khi đến Pháp, Nguyễn Ái Quốc trả lời:

"Ngoài việc vận động các thành viên Nghị viện, tôi đã tìm cách nhen nhóm thiện cảm mỗi nơi một chút, trong đó Đảng Xã hội đã tỏ ra ít thoả mãn với các biện pháp của chính phủ và đã sẵn lòng ủng hộ chúng tôi. Ở Pháp, đó là hy vọng duy nhất của chúng tôi. *Về hoạt động của chúng tôi ở các nước khác, chính ở nước ông (Mỹ) chúng tôi có nhiều thành công hơn.* Còn ở chỗ khác, ở đâu chúng tôi cũng chỉ gặp khó khăn".

Nguyễn Ái Quốc tiếp tục trình bày thật cảm động về tình hình kinh tế, tình trạng giáo dục, đời sống khổ sở của người An Nam ở Đông Dương. Ông Phan cũng kể rất tỉ mỉ về cuộc đời gian nan của ông trước mặt Kim Tchong Wen và mọi người trong hãng thông tấn của ông.

Báo *Yi Chê Pao* xuất bản ở Thiên Tân, Trung Quốc, ngày 20-9-1919.
In trong sách: Thu Trang: *Ho Chi Minh à Paris,* Pari, 1993, tr. 69-70.

Dịch theo bài in trong sách *Ho Chi Minh à Paris*

TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ I ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP HỌP Ở MÁCXÂY

Từ ngày 25 đến 30-12-1921

Phiên họp sáng hôm qua đáng lẽ bắt đầu từ 8 giờ, nhưng đến giờ đó còn vắng nhiều đại biểu ở phòng họp. Vì vậy, đến 9 giờ, chủ toạ Giuynlơ Blăng mới cho bắt đầu cuộc tranh luận về luận cương phòng thủ quốc gia.

Giuynlơ Blăng có hai người trợ lý: Nguyễn Ái Quốc (Đông Dương) và Raymông Oócliănggiơ (Coredơ)[1].

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cảm ơn Đại hội đã dành một chỗ cho các đồng chí da màu, chứng tỏ rằng đó là chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Phiên họp buổi chiều do Barabăng chủ toạ.

Nguyễn Ái Quốc yêu cầu Đảng nghiên cứu và tổ chức một chính sách thuộc địa có tính cộng sản. Người đề nghị thành lập một ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng. Ban sẽ trình bày một bản báo cáo trước Đại hội trong năm tới.

Báo *L'Humanité,*
ngày 30-12-1921.

1) *Coredơ:* một quận ở phía Tây nước Pháp.

THĂM MỘT CHIẾN SĨ QUỐC TẾ CỘNG SẢN - NGUYỄN ÁI [1]

Tại Đông Dương, ảnh hưởng phong trào Găngđi như thế nào? Tiếng vang, làn sóng của phong trào đó có lan đến đấy chút nào không ? - Tôi hỏi Nguyễn Ái Quốc.

- Không. - Nguyễn Ái Quốc trả lời - Nhân dân An Nam chúng tôi là những người nông dân bị nhấn chìm trong bóng đêm hết sức tối tăm. Không một tờ báo nào, không ai hiểu bây giờ trên thế giới đương diễn ra những gì; đêm tối, thực sự là đêm tối.

Nguyễn Ái Quốc hiện là người An Nam duy nhất ở Mátxcơva, đại diện của chủng tộc Mã Lai cổ xưa. Đó là một thanh niên gầy gò, linh hoạt, mặc cái áo len đan. Đồng chí nói tiếng Pháp - tiếng của những kẻ áp bức, nhưng mà những chữ Pháp từ miệng đồng chí Nguyễn Ái Quốc nghe trầm trầm, lắng xuống như hồi âm của tiếng mẹ đẻ quê hương đồng chí.

1) Bài viết của nhà báo Liên Xô Ôxíp Manđenxtam.

Nguyễn Ái Quốc đã nói đến hai chữ "văn minh" một cách đầy khinh bỉ. Đồng thời đã đặt chân qua hầu hết các nước thuộc địa trên thế giới, đã tới miền Bắc và miền Trung châu Phi, đã thấy rất nhiều cảnh đau khổ. Khi nói chuyện, đồng chí thường hay dùng chữ "anh em". Anh em của Nguyễn Ái Quốc ở đây là những người da đen, những người Ấn Độ, những người Xyri, những người Trung Quốc...

Nguyễn Ái Quốc đã có lần gửi thư tới nhà văn Rơnê Marăng, người da đen có quốc tịch Pháp, là tác giả cuốn tiểu thuyết *Batuala* và đã đặt một câu hỏi một cách thẳng thắn: "Ông Marăng, ông muốn hay không muốn giúp đỡ công cuộc giải phóng các nước anh em ở thuộc địa?". Rơnê Marăng, người được Viện Hàn lâm Pháp quàng cho một vòng hoa danh dự, đã trả lời Nguyễn Ái Quốc một cách dè dặt và quanh co.

- Tôi sinh ra trong một gia đình nhà nho An Nam. Những gia đình như thế ở nước chúng tôi không phải làm việc gì. Thanh niên trong những gia đình ấy thường học Khổng giáo, đồng chí chắc biết Khổng giáo không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử. Và trên cơ sở đó người ta đưa ra khái niệm về "thế giới đại đông". Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn dằng sau những chữ ấy. Nhưng trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của các nhà văn mới, mà cả Rútxô và Môngtexkiơ cũng bị cấm. Vậy thì phải làm thế nào bây giờ ? Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài. Thân phận người An Nam chỉ là thân phận người nông nô. Chúng tôi bị cấm, không phải chỉ là bị cấm đi du lịch ra nước ngoài mà cả đi trong nước cũng không được. Đường sắt được xây dựng với mục đích "chiến lược" riêng. Theo con mắt của bọn thực dân, chúng tôi chưa đủ trình độ để sử dụng loại đường này. Tôi lang thang ra bờ biển và tôi đã vượt biển ra nước ngoài. Năm ấy tôi 19 tuổi. Ở Pháp lúc đó đang có tổng tuyển cử. Bọn tư sản Pháp đã dùng những thủ đoạn bẩn thỉu nhất để bôi nhọ lẫn nhau.

Gương mặt Nguyễn Ái Quốc nhăn lại một cách khinh bỉ. Đôi mắt nặng nề, u ám bỗng bừng lên. Trong đôi mắt mở to, ứa lệ, anh nhìn về xa xăm:

- Khi bọn Pháp đến cướp nước tôi, những gia đình nền nếp, gia giáo đã bỏ chạy hết không cộng tác với chúng. Bọn vô lại quen thói xu nịnh đã chiếm hết nhà cửa và vườn ruộng, chúng trở nên những tên tư sản mới giàu sụ, và chúng có khả năng giáo dục con cái theo kiểu Pháp. Bên chúng tôi coi những người thanh niên đi học các trường dòng của bọn Pháp là bọn người bỏ đi, là những đồ cặn bã. Thế mà người ta đã trả tiền để làm việc đó. Và dù những kẻ học ở các trường đó có đần độn đến mức nào chúng cũng cố để được đi làm cảnh sát, làm sen đầm. Bọn cố đạo ở nước tôi chiếm tới một phần năm tổng số ruộng đất cả nước. Chỉ có những chủ đồn điền mới so sánh được với họ.

Thực dân Pháp là gì? Ồ, đó là những kẻ bất tài và thiển cận. Việc quan tâm đầu tiên của chúng là hình thành nhóm người thân thuộc. Sau đó, là chiếm đoạt và cướp bóc thế nào cho thật nhiều và thật nhanh. Mục đích của toàn bộ chính sách này là có được một ngôi nhà nhỏ, "ngôi nhà nhỏ của mình" ở Pháp.

- Thực dân Pháp đầu độc nhân dân chúng tôi. Chúng bắt mọi người phải uống rượu. Chúng tôi có phong tục lấy gạo ngon làm ra rượu uống, khi có bạn tới chơi hoặc khi có ngày giỗ tổ tiên. Bọn thực dân Pháp đã lấy gạo xấu, rẻ tiền nấu rượu. Không ai thèm mua của chúng. Khốn thay rượu làm ra lại quá nhiều. Sau đó, người ta hạ lệnh cho các viên tỉnh trưởng cứ theo đầu người mà bắt buộc phải đi mua thứ rượu không ai uống.

Tôi đã hình dung ra được một cách rất cụ thể bọn thực dân đang dùng rượu đầu độc như thế nào dân tộc An Nam đáng yêu, một dân tộc rất lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá. Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị. Văn

minh châu Âu trên đất nước ấy dùng lưỡi lê và rượu độc và che giấu tất cả những cái đó dưới tà áo dài đen của bọn cố đạo. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai.

- Hiện nay, ở Pari, một nhóm các đồng chí từ các nước thuộc địa của Pháp, 5-6 người Nam Kỳ, Xuđăng, Mađagátxca, Haiti đang xuất bản tờ báo *Le Paria* để chống lại chính sách thuộc địa của Pháp. Đó là tờ báo nhỏ. Các cộng tác viên phải bỏ tiền túi ra để xuất bản, thay cho việc nhận tiền nhuận bút.

Cây gậy tre với lời hiệu triệu in trên báo đã bí mật đến khắp các làng mạc. Nó được chuyển từ vùng này sang vùng khác, và đã có sự đồng tình với nhau. Nhưng người An Nam đã phải trả giá đắt

cho việc đó, đã có những án tử hình và hàng trăm người đã bị mất đầu.

- Người dân An Nam không có linh mục, không có tôn giáo, theo cách nghĩ của châu Âu. Việc cúng bái tổ tiên hoàn toàn là một hiện tượng xã hội. Chúng tôi không có những người tư tế nào. Những người già trong gia đình hay các già bản là người thực hiện những nghi lễ tưởng niệm. Chúng tôi không biết uy tín của người thầy cúng, của linh mục là gì.

- Vâng, thật thú vị là chính quyền Pháp đã dạy cho những người nông dân chúng tôi biết những từ "bônsêvích" và "Lênin". Chúng lùng bắt những người cộng sản trong dân chúng, trong khi chẳng có người cộng sản nào, hoàn toàn không có ngay cả trong ý niệm, và như vậy chính chúng đã tuyên truyền cho chủ nghĩa bônsêvích và Lênin.

Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới.

Trên bàn có một tập bản thảo, một bản báo cáo công tác rõ ràng, mang phong cách truyền tin của phóng viên. Anh đang tưởng tượng đến đề tài: Đại hội Quốc tế Cộng sản năm 1947. Anh như đang nhìn thấy, nghe thấy diễn biến của hội nghị, mà ở đó anh sẽ điều khiển chương trình nghị sự.

Lúc chia tay, Nguyễn Ái Quốc như nhớ điều gì.

- Vâng, chúng tôi còn có một cuộc "nổi dậy" nữa do vua An Nam trẻ tuổi Duy Tân phát động, chống lại việc đưa những người nông dân của chúng tôi đến chiến trường của Pháp. Vua Duy Tân đã chạy, bây giờ ông ấy đang sống lưu vong. Hãy kể về ông ấy nữa.

O. MANĐENXTAM

Báo *Ogoniok* (Liên Xô),
số 39, ngày 23-12-1923.

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA PHÓNG VIÊN

BÁO [1]

...

Tôi hỏi anh ở đâu đến.

- Tôi là người An Nam - bị Pháp cai trị, học sinh Trường đại học phương Đông ở Mátxcơva. Tôi tên là Nguyễn Ái Quốc.

- *Anh kể cho nghe về đời học sinh được không?*

- Được...

Trong nước, tôi lao động ở nông thôn, tôi rời Tổ quốc tôi cách đây ba năm[2].

- *Tại sao anh lại sang châu Âu?*

- Trước đây tôi có đọc một số tờ báo phát hành sang nước tôi, một vài tờ có tính chống đối ở An Nam, có những người lính lê dương do Poăngcarê *(Poincaré)* gửi sang để cải huấn. Những người lính lê dương này đọc đủ thứ. Họ là những kẻ chống đối về bản chất. Họ cho tôi đọc các báo Pháp. Vì thế tôi nảy ra ý muốn sang xem "mẫu quốc" ra sao và tôi đã tới Pari. Khi Trường đại học phương Đông ở Mátxcơva mở, tôi bèn xin học.

- *Trường có đông học sinh không?*

- Tất cả có l.025 người học thuộc 62 xứ thuộc địa trong đó có 150 gái, 895 vào đảng cộng sản. Trong số l.025 người học 547 là nông dân, khoảng 300 là công nhân, còn là trí thức tư sản.

- *Anh nghĩ thế nào về sáng kiến bônsêvích này?*

- Tôi rất phấn khởi đối với sáng kiến này. Tôi đã đọc nhiều tuyên bố ủng hộ và đoàn kết của những người chống đối nhưng không người nào đem lại cho chúng tôi một sự giúp đỡ thiết thực để thoát khỏi chế độ nô lệ mà những "người đi gieo rắc văn minh" đang giam hãm chúng tôi. Tôi cho rằng sáng kiến này sẽ đem lại những kết quả rất tốt. Nhiều người đã hiểu tình trạng kém cỏi của chúng tôi nhưng chưa có ai, trừ những người làm cách mạng Nga, chỉ cho chúng tôi con đường đi đến giải phóng. Ở Bacu, năm 1921, lần đầu tiên trong lịch sử của giai cấp vô sản, đã họp một đại hội của các dân tộc phương Đông và chính Lênin, đồng chí Ilítsơ thân mến của chúng tôi, đã nêu lên những đề án và hướng dẫn chúng tôi đi những bước đầu để làm cho chúng tôi có khả năng cùng tiến bước với giai cấp vô sản thế giới.

- *Tay anh làm sao thế?*

- Không sao, *anh trả lời.* Tôi mang vòng hoa của học sinh viếng Lênin, vì thế hai ngón tay tôi bị tê cóng. Lênin thương tiếc!

- *Các anh có bao nhiêu giáo sư? Chương trình có những môn gì?*

- Chúng tôi có 150 giáo sư dạy các môn: khoa học xã hội, toán, duy vật lịch sử, lịch sử phong trào công nhân, khoa học tự nhiên, lịch sử cách mạng, kinh tế chính trị học, v.v.. Trường đại học có một phòng chiếu bóng, một thư viện 47.000 cuốn sách. Mỗi dân tộc có một thư viện riêng gồm sách, báo, tạp chí. Nên biết là chúng tôi thuộc 62 dân tộc mà đoàn kết với nhau như anh em ruột thịt. Người học tự viết lấy báo hằng tuần. Chúng tôi có một nhà an dưỡng ở Crimê và hai nhà nghỉ hè, một trong hai nhà đó trước cách mạng là lâu đài của một quận công.

Anh hãy hình dung là ở trên đỉnh ngọn tháp của lâu đài, gần con quạ, biểu tượng của đế chế, phấp phới lá cờ đỏ và ở trong phòng khách, thay vào ngài quận công, là những người nông dân Triều Tiên hoặc Ácmêni nô đùa với nhau.

---

[1] Trả lời phỏng vấn của phóng viên Giôvanni Giécmanéttô, đăng trên báo *L'Unità* của Đảng Cộng sản Ý từ năm 1924. Năm 1973, đồng chí Rendô Máctineli, đảng viên Đảng Cộng sản Ý đã tìm thấy bài báo này. Bài báo đã được đăng lại trên tờ *Rinasitta,* cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Ý.

2) Nguyễn Ái Quốc rời Tổ quốc đã 13 năm, tức là từ năm 1911.

- *Ai nấu cho các anh ăn?*

- Chúng tôi thay phiên nhau làm bếp. Chúng tôi cũng thay phiên nhau làm việc ở thư viện, ở câu lạc bộ, giặt giũ. Chúng tôi tổ chức thành công xã. Công xã họp một tuần một lần để thảo luận chính trị , và tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật, giải trí. Những sự sai phạm sẽ do một "toà án", do công xã bầu ra nếu thấy cần thiết, xét xử.

- *Khi học xong, anh dự định làm gì?*

- Dĩ nhiên là tôi sẽ trở về Tổ quốc tôi để đấu tranh cho sự nghiệp của chúng tôi. Ở bên chúng tôi có nhiều việc phải làm lắm. Chúng tôi chẳng có quyền gì cả, trừ quyền đóng thuế cho "mẫu quốc" Pháp, cho bọn chủ bản xứ. Sự việc nổi bật nhất là như thế này: chúng tôi là những người bị đô hộ, như đồng chí biết, chúng tôi là những dân tộc "hạ đẳng", và vì thế chúng tôi không có quyền ứng cử, bầu cử. Ở nước Nga, ở cái nước của những người dã man - giai cấp tư sản dân chủ gọi các đồng chí Nga như thế -, chúng tôi có đầy đủ những quyền như công dân Nga. Thật vậy, những đại biểu của chúng tôi do Xôviết của chúng tôi bầu ra theo đúng kỳ hạn, đã cùng hội họp với các đại biểu công, nông, binh. Đó, anh đã thấy rõ sự đối xử khác nhau của chế độ dân chủ tư sản và chế độ dân chủ công nhân đối với chúng tôi!

Chúng tôi đã đau khổ nhiều và chúng tôi còn phải đau khổ nữa. Những người "khai hoá" các nước chúng tôi không để chúng tôi tự do. Nhưng chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được. Các đồng chí của tôi làm việc phấn khởi, tin tưởng, nghiêm túc. Nhiều người còn rất trẻ đã có một trình độ mácxít ít có thể tưởng tượng là có thể có được vào tuổi đó. Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề, và tương lai của các dân tộc thuộc địa tuỳ thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hy sinh của chúng tôi.

Ở phương Đông, từ Xyri đến Triều Tiên tôi chỉ nói các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, có một diện tích rộng mênh mông với hơn 1.200 triệu dân. Cả vùng rộng lớn này nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa. Các dân tộc ở đó không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai cấp vô sản thế giới. Những nghị quyết của phái xã hội dân chủ tỏ cảm tình dù nồng nhiệt đến đâu cũng không có sức nặng.

Việc thành lập Trường đại học bônsơvích đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, và nhà trường đã dạy chúng tôi nguyên lý đấu tranh giai cấp, và nhà trường đã đặt mối liên hệ giữa chúng tôi với các dân tộc phương Tây và trang bị cho chúng tôi - những người nô lệ, khả năng hoạt động chặt chẽ.

- *Khí hậu nước Nga thế nào, có cực lắm không?*

- Có... Tôi chưa quen tuy đã ở hai năm. Nhưng không sao, tôi sẽ khắc phục được.

Tôi đi thăm một công xã nông nghiệp. Thôi chào anh.

Báo *L'Unità,* ngày 15-3-1924. Theo bài đăng báo.
Đăng báo *Nhân dân,*
số 6961, ngày 18-5-1973.

CHÚ THÍCH
VÀ
BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

CHÚ THÍCH

1. Ngay sau khi Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới trưởng đoàn các nước dự Hội nghị Vécxây, bọn bồi bút thực dân lồng lộn. Trên tờ *Courrier Colonial* ra ngày 27-6 có một bài nhan đề *Giờ phút nghiêm trọng* chỉ trích bản yêu sách : "Làm sao một người dân thuộc địa lại có thể dùng bản yêu sách của nhân dân để công kích Chính phủ Pháp. Thật là quá quắt. Cứ theo đà này thì bọn dân thuộc địa sẽ lên ngang hàng với người Pháp chúng ta và sớm trở thành ông chủ của chúng ta. Không được, phải kìm giữ chúng mãi mãi trong vòng nô lệ". Nguyễn Ái Quốc viết bài này là để trả lời bài báo sặc mùi thực dân trên. Tr. 1.

2. Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*: Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Ngày 18-1-1919, đại biểu các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp hội nghị ở Vécxây (Pháp). Hội nghị này (còn gọi là Hội nghị hoà bình Pari) nhằm xác định sự thất bại của Đức và các nước đồng minh của Đức, chia lại thị trường thế giới cho các nước đế quốc thắng trận, chủ yếu là Mỹ, Anh, Pháp.

Nhân danh nhóm người yêu nước Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Nguyễn Ái Quốc còn thuê in thành truyền đơn, đăng trên các báo, gửi đến các nhà hoạt động chính trị có tên tuổi, phân phát trong các buổi hội họp, mít tinh, gửi cho Việt kiều ở Pháp và gửi về nước. Tr.1.

3. Báo *Le Courrier d'Hai Phong*: Báo xuất bản hằng ngày ở Hải Phòng, năm 1887, do Toà đốc lý của chính quyền thuộc địa phụ trách. Tr.4.

4. Báo *L'Humanité*: Tờ báo hằng ngày của Đảng Xã hội Pháp do

Giăng Giôrét sáng lập năm 1904. Sau Đại hội lần thứ XVIII (Đại hội Tua), Đảng Cộng sản Pháp thành lập, báo *L'Humanité* trở thành cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng Cộng sản Pháp. Tr.6.

5. *Hội nghị Hòa bình:* Xem chú thích số 1 về bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Tr.6.

6. *Journal officiel de l'Indochine - Francaise*: Công báo do Phủ toàn quyền Đông Dương xuất bản từ năm 1889 đến năm 1950. Tr.17.

7. Báo *Le Populaire* : Báo xuất bản hằng ngày ở Pari từ tháng 5-1916, là cơ quan trung ương của Đảng Xã hội Pháp. Từ sau Đại hội Tua (12-1920), *Le Populaire* tiếp tục là cơ quan trung ương của Đảng Xã hội (S.F.I.O.). Bị gián đoạn trong những năm Pháp bị Đức chiếm đóng. Tháng 8-1944, báo tục bản và đình bản vào tháng 2-1970. Tr.17.

8. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (3-5-1916) do hai sĩ phu yêu nước Thái Phiên và Trần Cao Vân lãnh đạo dưới danh nghĩa của vua Duy Tân. Tuy nổ ra ở Huế nhưng khởi nghĩa có quan hệ mật thiết với phong trào Việt Nam Quang phục hội ở các tỉnh Nam Trung Kỳ. Lực lượng khởi nghĩa là binh lính người Việt, phần lớn sắp bị đưa sang chiến trường châu Âu. Kế Đông Dương. Tại Đại hội, Người đã phát biểu lên án chủ nghĩa thực dân, kêu gọi giai cấp vô sản Pháp ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đông Dương. Cùng với các đại biểu ưu tú của giai cấp công nhân Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Đảng gia nhập Quốc tế thứ ba và trở thành một trong những người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Tr.22.

11. Báo *La Dépêche Coloniale :* Báo xuất bản ở Pari từ tháng 8-1896. Sau đổi tên thành *La Dépêche Coloniale et Maritime* . Tr.39.

12. Cuộc xung đột giữa Hy Lạp được đế quốc Anh hậu thuẫn và Thổ Nhĩ Kỳ năm 1920. Gây ra cuộc xung đột này, đế quốc Anh nhằm tiêu diệt chính phủ dân tộc và cải cách của Thổ Nhĩ Kỳ do Mutxtapha Kêman lãnh đạo. Tr.40.

13. Cuộc bạo động của nông dân ở Malaba (Tây Nam Ấn Độ) bắt nguồn từ cuộc vận động không hợp tác với chính phủ thuộc địa Anh do Găngđi và Đảng Quốc đại phát động từ năm 1920. Sang năm 1921, phong trào phát triển thành một làn sóng đình công và đấu tranh vũ trang của quần chúng. Cuộc bạo động đã bị thực dân Anh đàn áp rất dã man. Tr.40.

hoạch bại lộ, những người lãnh đạo bị hy sinh, vua Duy Tân bị thực dân Pháp bắt và đày ra đảo Rêuyniông. Tr.18.

9. Đêm 30-8-1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn (tức Trịnh Văn Cấn) và Lương Ngọc Quyến, binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở Thái Nguyên đã nổi dậy đánh chiếm tỉnh lỵ. Sau 6 ngày chiến đấu với quân Pháp được tăng viện từ Hà Nội và nhiều nơi khác lên, Lương Ngọc Quyến hy sinh, nghĩa quân rút khỏi tỉnh lỵ, chuyển về hoạt động ở vùng rừng núi các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Hoà Bình, Sơn Tây. Do bị truy nã ráo riết, cuộc khởi nghĩa yếu dần, ngày 11-1-1918, Đội Cấn tự sát để giữ trọn khí tiết. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Tr.18.

10. *Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp:* Đại hội họp tại thành phố Tua (Pháp) từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920, thảo luận vấn đề Đảng nên gia nhập Quốc tế thứ ba hay ở lại Quốc tế thứ hai. Với đa số phiếu tuyệt đối (3.208 tán thành; 1.022 phiếu chống), Đảng Xã hội Pháp tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba.

Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội với tư cách là đại biểu thuộc địa

14. *Những sự kiện năm 1907*, *1908 và 1909*: Để dập tắt phong trào dân tộc ở Ấn Độ, từ năm 1907, đế quốc Anh tiến hành một đợt đàn áp quy mô lớn, nhưng phong trào vẫn tiếp tục lan rộng. Nổi bật nhất là cuộc đình công của công nhân dệt ở Bombay năm 1908, cuộc khởi nghĩa của nông dân ở bang Pungiáp, v.v.. Từ năm 1906 đến năm 1909, chỉ riêng ở Bengan, Chính phủ thuộc địa Anh ở Ấn Độ đã xử 550 vụ án chính trị. Tr. 42.

15. Báo *Le Libertaire*: Tuần báo của Hội vô chính phủ - cộng sản, sau đó là cơ quan ngôn luận của Liên đoàn cộng sản tự do Pháp, xuất bản ở Pari từ năm 1895. Tr.46.

16. *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*: Một văn kiện quan trọng và nổi tiếng của Cách mạng tư sản Pháp công bố ngày 26-8-1789. Tuyên ngôn nêu lên những quyền tự nhiên và không thể tước bỏ của con người và của người công dân. Nó mở đầu bằng nguyên tắc mọi người sinh ra đều tự

do, bình đẳng, xác định chủ quyền quốc gia thuộc về nhân dân và ban hành nhiều quyền tự do dân chủ. Thực chất, nó quy định những nguyên tắc cơ bản của chế độ tư bản, mà nổi bật nhất là quyền tư hữu. So với chế độ phong kiến chuyên chế thì đây là một bước tiến bộ, phản ánh sức mạnh đấu tranh của quần chúng nhân dân Pháp. Nhưng trên thực tế, giai cấp tư sản không bao giờ chịu thực hiện đầy đủ các quyền kể trên mà thiết lập chế độ áp bức bóc lột tàn bạo đối với quần chúng lao động. Tr.46.

17. Báo *Le Paria*: Cơ quan tuyên truyền của Hội Liên hiệp thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà cách mạng Angiêri, Tuynidi, Mangát, Mácticích, Marốc... sáng lập năm 1922, tại Pari. Báo xuất bản bằng tiếng Pháp, lúc đầu mỗi tháng ra một số, sau tăng lên hai số. Số 1 ra ngày 1-4-1922 với tiêu đề *Diễn đàn của các dân tộc thuộc địa* , đến tháng 1-1924 đổi thành *Diễn đàn của vô sản thuộc địa.*

Thời gian đầu Nguyễn Ái Quốc vừa là chủ nhiệm kiêm chủ bút của tờ báo. Sau khi Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô hoạt động (giữa năm 1923), báo không ra được đều nữa; và đến số 38 (tháng 4-1926) thì đình bản. Tr.59.

18. Những điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản đã được Đại hội lần thứ II (năm 1920) của Quốc tế Cộng sản thông qua. Tinh thần cơ bản của nó là đòi hỏi các đảng vô sản các nước muốn được kết nạp vào Quốc tế Cộng sản phải có thái độ dứt khoát về đường lối và về tổ chức đối với Quốc tế thứ hai, phải đấu tranh kiên quyết về mặt tư tưởng cũng như về những biện pháp hoạt động cụ thể chống mọi hình thái của chủ nghĩa cơ hội và xét lại. Các đảng đó phải nghiêm chỉnh thực hiện và tuyên truyền giáo dục quần chúng đường lối và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin; phải đổi tên là đảng cộng sản; phải có kỷ luật chặt chẽ và triệt để tuân theo những nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.

Về vấn đề giải phóng dân tộc, điều 8 của văn kiện ghi rõ: "Đảng nào muốn ở trong Quốc tế thứ ba đều buộc phải thẳng tay vạch mặt những thủ đoạn xảo trá của bọn đế quốc "nước mình" trong các thuộc địa, ủng hộ trên thực tế chứ không phải bằng lời nói mọi phong trào giải phóng ở thuộc địa". Tr.62.

19. *Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản):* Một tổ chức cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế, trung tâm lãnh đạo phong trào công nhân thế giới.

Tháng 3-1919, dưới sự lãnh đạo của Lênin, các đảng cộng sản, nhóm cộng sản của 30 nước đã tiến hành Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva. Quốc tế Cộng sản có vai trò lịch sử và công lao to lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Tại Đại hội lần thứ VII (1935), Quốc tế Cộng sản đã đề ra chủ trương lập Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh. Quốc tế Cộng sản rất chú trọng đến vấn đề giải phóng dân tộc. Những *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đã đặt nền tảng cho việc giải quyết đúng đắn những vấn đề phức tạp của công cuộc giải phóng dân tộc.

Tháng 5 năm 1943, căn cứ vào hoàn cảnh mới, Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản với sự tán thành của đại đa số các đảng cộng sản, đã thông qua nghị quyết tự giải tán. Tr.62.

20. *Quốc tế thứ nhất* : Tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản, thành lập năm 1864 tại Hội nghị công nhân quốc tế ở Luân Đôn (Anh), do C.Mác và Ph. Ăngghen lãnh đạo.

Quốc tế thứ nhất đã lãnh đạo cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của công nhân ở các nước và củng cố sự đoàn kết quốc tế vô sản. Quốc tế thứ nhất đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp truyền bá chủ nghĩa Mác và trong việc kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.

Sau khi Công xã Pari thất bại, một nhiệm vụ được đặt ra là thành lập các đảng cộng sản có tính chất quần chúng ở mỗi nước, trên cơ sở những nguyên tắc mà Quốc tế thứ nhất đã đề ra. Năm 1876, tại Hội nghị Philađenphia (Mỹ), Quốc tế thứ nhất chính thức giải tán. Tr.62.

21. *Quốc tế thứ hai:* Thành lập năm 1889 tại Đại hội Liên minh quốc tế các đảng xã hội chủ nghĩa khai mạc tại Pari (Pháp) theo sáng kiến của Ph. Ăngghen. Quốc tế thứ hai đã có tác dụng phổ biến chủ nghĩa Mác về bề rộng, đã đánh dấu thời kỳ chuẩn bị cơ sở để cho phong trào cách mạng phát triển rộng rãi trong nhân dân lao động ở nhiều nước.

Sau khi Ăngghen mất, cơ quan lãnh đạo của Quốc tế thứ hai rơi vào tay các phần tử cơ hội chủ nghĩa, bọn này đã xét lại học thuyết cách mạng của Mác và hoạt động chống phá phong trào công nhân các nước.

Về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế thứ hai ủng hộ chính sách đế quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản thực hiện ở các nước thuộc địa. Tr.62.

22. Ở đây Nguyễn Ái Quốc muốn nói tới những luận điểm của V.I.Lênin trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa,* do Người soạn thảo và trình bày tại Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp từ ngày 19 tháng 7 đến ngày 7 tháng 8 năm 1920.

Trong Luận cương và trong Báo cáo của Tiểu ban về vấn đề dân tộc và thuộc địa trình bày tại Đại hội, V.I.Lênin đã đề cập tới những vấn đề hết sức quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc. Người chỉ rõ: Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc là một phạm trù của cuộc cách mạng vô sản, vì vậy những người cộng sản phải ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, giai cấp vô sản ở các nước chậm tiến, sau khi hoàn thành nhiệm vụ dân tộc dân chủ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Tr.63.

23. *Pari :* Thủ đô lâu đời của nước Pháp, một trong những thành phố lớn trên thế giới. Trước đây, Pari vốn nổi tiếng là một trung tâm văn hoá nghệ thuật. Từ cuối thế kỷ XVIII và trong thế kỷ XIX, Pari còn là một trung tâm cách mạng của châu Âu. Cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789 và cuộc cách mạng vô sản Pháp chống tư bản năm 1871 lập lên Công xã Pari, là hai điển hình cách mạng của nhân dân thành phố này.

Nguyễn Ái Quốc đến nước Pháp cuối năm 1917 và đã ở Pari khoảng 6 năm. Tại đây, Người đã hoà mình trong đời sống lao động và đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân Pari, Người đã tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin, tin theo Lênin và Quốc tế thứ ba, trở thành một trong những người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (1920). Người đã sáng lập *Hội những người An Nam yêu nước,* gửi đến Hội nghị Vécxây bản yêu sách của nhân dân An Nam, tham gia sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* và báo *Le Paria,* đề xướng báo *Việt Nam hồn* cùng nhiều hoạt động cách mạng khác. Người đã tìm thấy con đường cách mạng đúng đắn nhất để giải phóng dân tộc.

Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pari đi Mátxcơva (Liên Xô) để họp Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản và sau đó về Trung Quốc để chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước. Tr.67.

24. Báo *Le Matin* : Báo xuất bản ở Pari từ tháng 2-1884. Tr. 71.

25. Báo *Le Petit Parisien* : Báo xuất bản hằng ngày ở Pari từ ngày 15-10-1876. Tr.71.

26. Hai câu thơ này trước kia dùng để nói về một viên quan ở địa phương được nhân dân quý mến vì có lòng nhân ái, quan tâm đến đời sống của họ. Quạt lông và xe lăn là những đồ dùng của các viên quan khi đi kinh lý các địa phương.

Ở đây, tác giả nhắc tới hai câu thơ này với dụng ý châm biếm sâu cay và đả kích những hành động mà bọn thực dân Pháp coi là "nhân ái". Tr.91.

27. *Hội chợ triển lãm thuộc địa Mácxây*: Năm 1922, tại thành phố Mácxây (miền Nam nước Pháp), Chính phủ Pháp mở Hội chợ triển lãm thuộc địa, trưng bày các sản vật mang từ các thuộc địa của Pháp sang, để nói lên sự giàu có của thuộc địa và công lao "khai hoá" của người Pháp, đồng thời kêu gọi tư bản Pháp bỏ vốn kinh doanh và khai thác ở các thuộc địa. Tr.95.

28. Chỉ cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, bắt đầu bùng nổ ở châu Âu từ tháng 8-1914 và kết thúc vào tháng 11-1918. Cuộc chiến tranh này nhanh chóng lan rộng khắp thế giới, lôi cuốn nhiều nước đế quốc và cả các nước thuộc địa và phụ thuộc. Thực chất nó là một cuộc xung đột ác liệt giữa các nước đế quốc lớn để giành giật quyền lợi, chia lại thị trường thế giới. Nhưng để che đậy ý đồ xấu xa đó, để lừa bịp nhân dân các nước tư bản và các thuộc địa, bọn đế quốc đã gọi cuộc chiến tranh đó là "vì nhân đạo", "vì công lý".

Ở đây, chữ "vì công lý" được tác giả dùng với ý mỉa mai, châm biếm để vạch trần thực chất của cuộc chiến tranh tàn khốc này. Tr.119.

29. Báo *La République Francaise*: Báo xuất bản hằng ngày ở Pari từ ngày 7-11-1871 đến ngày 12-7-1924, do Lêông Gămbetta sáng lập. Tr.128.

30. Báo *Le Rappel* : Báo xuất bản hằng ngày ở Pari từ 1869 đến 1933, có khuynh hướng chống Giáo hội. Tr.136.

31. *Journal officiel de la République Francaise* : Công báo của nước Cộng hoà Pháp xuất bản từ tháng 9-1870. Tr.139.

32. *Bộ sưu tập động vật* (nguyên bản tiếng Pháp Ménagerie): Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp Hội nghị Vécxây. Mục đích chính của Hội nghị Vécxây là phân chia lại thuộc địa và quyền lợi của các nước đế quốc, chủ yếu là Anh, Pháp, Mỹ, và tăng cường áp bức, bóc lột nhân dân các nước thuộc địa. Pháp và Bỉ muốn tách vùng công nghiệp Ruya của Đức ra khỏi nước Đức. Các nước khác cũng tìm cách xâu xé lẫn nhau và tập trung lực lượng tấn công vào nước Nga Xôviết... Nguyễn Ái Quốc viết bài *Bộ sưu tập động vật* với lối hành văn châm biếm sâu cay, luận tội đanh thép, đã lột tả bộ mặt ăn cướp của chủ nghĩa thực dân đế quốc. Đó là nguồn gốc gây nên sự hỗn loạn trong xã hội và bao nỗi bất hạnh cho con người. Tr.141.

33. *Đahômây:* Nay là Cộng hoà nhân dân Bênanh, là một nước ở phía Tây châu Phi, trên bờ Đại Tây Dương. Thủ đô là Poóctô Nôvô. Hồi thế kỷ XVI, Đahômây là một thị trường buôn bán nhiều nô lệ nên còn gọi là "Bờ biển nô lệ".

Từ tháng 2-1890, thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước này, nhưng vấp phải sức kháng cự quyết liệt của nhân dân. Đến đầu năm 1894, quân Pháp mới đánh chiếm xong và 5 năm sau sáp nhập xứ này vào "Liên bang Tây Phi thuộc Pháp".

Không chịu nổi ách thống trị tàn bạo đó, nhân dân Đahômây nhiều lần đứng dậy đấu tranh. Năm 1915, phong trào khởi nghĩa vũ trang lan ra nhiều tỉnh. Tr.169.

34. *Hội Liên hiệp thuộc địa*: Một tổ chức cách mạng của những người thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các nước thuộc địa Pháp sáng lập tháng 7-1921, tại Pari. Lúc đầu Hội có 200 hội viên và hai tổ chức người thuộc địa xin gia nhập là *Hội những người An Nam yêu nước* và *Hội đấu tranh cho quyền công dân* của người Mađagátxca. Ban thường vụ của Hội gồm 7 người, đứng đầu là Nguyễn Ái Quốc. Cơ quan tuyên truyền của Hội là báo *Le Paria*. Đến năm 1926, Hội ngừng hoạt động. Tr.191.

35. Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 8-1920. Tại Đại hội này, Lênin đã nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân để giữ vững nguyên tắc mácxít trong các đảng cộng sản. Đại hội đã thông qua 21 điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản và thông qua bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do Lênin dự thảo, nhằm vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc cho nhân dân các dân tộc bị áp bức. Tr.194.

36. *Quốc tế Nông dân* : Một tổ chức cách mạng hoạt động dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản nhằm đoàn kết rộng rãi giai cấp nông dân các nước trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Quốc tế Nông dân họp Hội nghị lần thứ nhất vào tháng 10-1923, tại Mátxcơva.

Với tư cách là đại biểu nông dân của các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã tham dự Hội nghị và đã hai lần phát biểu ý kiến. Tại Hội nghị, Người được bầu làm Uỷ viên Đoàn Chủ tịch Hội đồng Quốc tế Nông dân. Tr.208.

37. *Hương Cảng* : Còn gọi là Hồng Kông, một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc. Trong cuộc "chiến tranh thuốc phiện", năm 1842, đế quốc Anh buộc triều đình Mãn Thanh phải nhượng cho chúng Hương Cảng, một cửa biển ở phía đông nam bờ biển Trung Quốc. Đến năm 1860, chúng chiếm thêm bán đảo Cửu Long và một số đảo lân cận. Năm 1898, Anh lại chiếm thêm vùng nội địa Cửu Long rộng gần 1.000km^2. Những phần đất nói trên đều nằm trong khu vực Hương Cảng và biến thành thuộc địa của Anh. Đây là một vị trí quan trọng vì nó nằm trên đường giao thông quốc tế, một trung tâm công nghiệp, một thị trường thế giới, một căn cứ hải quân và thương mại lớn của Anh. Trước đây, Anh còn lấy Hương Cảng làm bàn đạp để lấn dần đất Trung Quốc, "mở rộng cửa ngõ" lãnh thổ Trung Quốc. Chúng chiếm vùng Tây Nam (Vân Nam, Tứ Xuyên...) làm "khu vực ảnh hưởng", thực tế là nửa thuộc địa của chúng.

Trong bài *Chính sách thực dân Anh* viết năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo hành động lấn dần của đế quốc Anh đối với chủ quyền và lãnh thổ Trung Quốc. Tr.213.

38. *Sự kiện Lâm Thành* : Ngày 6-5-1923, đoàn tàu chở khách Tân Phố trên đường đi lên phía Bắc, qua Lâm Thành (thuộc tỉnh Sơn Đông), thì bọn thổ phỉ do Tôn Mỹ Diên cầm đầu, phá hỏng đường sắt và cướp tàu. Chúng

lùa 300 hành khách người Trung Quốc và người nước ngoài vào núi.

Lợi dụng sự kiện đó, bọn đế quốc nêu ra đủ thứ yêu sách vô lý để khống chế Trung Quốc.

Bài viết của Nguyễn Ái Quốc thể hiện sự căm phẫn mạnh mẽ đối với chính sách của thực dân Anh và bày tỏ sự đồng tình mạnh mẽ, sự ủng hộ kiên quyết đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc. Tr.213.

39. *Quốc tế Amxtécđam (Quốc tế của các công đoàn vàng)* : Một tổ chức do các công đoàn cải lương chủ nghĩa của một số nước thành lập tại hội nghị ở Amxtécđam (Hà Lan) họp từ 26-7 đến 2-8-1919. Toàn bộ hoạt động của tổ chức này gắn liền với chính sách của các đảng cơ hội chủ nghĩa thuộc Quốc tế thứ hai. Quốc tế Amxtécđam chủ trương hợp tác giai cấp giữa vô sản với tư sản và bác bỏ các hình thức đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, khai trừ ra khỏi tổ chức của mình những công đoàn tả, cự tuyệt mọi đề nghị của Quốc tế Công hội đỏ về việc cùng nhau đấu tranh chống sự tấn công của bọn tư bản, chống nguy cơ chiến tranh, chống thế lực phản động và chủ nghĩa phát xít, về việc thành lập một khối thống nhất các công đoàn thế giới. Các thủ lĩnh Quốc tế Amxtécđam ủng hộ chính sách thù địch với Liên Xô.

Sau khi Quốc tế Công hội đỏ ra đời (tháng 7-1921), ảnh hưởng của Quốc tế Amxtécđam trong phong trào công nhân dần dần bị đẩy lùi. Nó hoàn toàn ngừng hoạt động trong thời gian xảy ra Chiến tranh thế giới thứ hai. Tr.219.

40. Tổ chức liên hiệp quốc tế của các công đoàn cách mạng, được thành lập ngày 3-7-1921, tồn tại đến cuối năm 1937. Nó liên kết các trung tâm công đoàn không gia nhập tổ chức công đoàn cải lương là Quốc tế Amxtécđam, và liên kết các nhóm, các khuynh hướng đối lập tiến bộ trong nội bộ các tổ chức công đoàn cải lương ở các nước. Quốc tế Công hội đỏ đấu tranh để thiết lập sự thống nhất trong phong trào công đoàn trên cơ sở đấu tranh cách mạng nhằm bảo vệ những yêu sách của giai cấp công nhân, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc, và đoàn kết với giai cấp công nhân nước Nga Xôviết.

Tại phiên họp 15, ngày 21-7-1924, Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, với tư cách là đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận. Tr.290.

41. *Thổ Nhĩ Kỳ:* Một nước nằm ở phía Tây châu Á, có vị trí quan trọng nối liền ba châu, lại giáp liền 3 vùng biển là Địa Trung Hải, Egiê và Hắc Hải. Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, Thổ Nhĩ Kỳ đứng về phía Đức bị thất bại. Các đế quốc giành lại những vùng đất phụ thuộc Thổ Nhĩ Kỳ và xâu xé ngay chính nước Thổ Nhĩ Kỳ (Hiệp ước Xevơrơ tháng 8-1920). Sự kiện đó làm bùng lên cuộc đấu tranh mạnh mẽ của giai cấp công nhân và nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đòi thành lập nhà nước cộng hoà thống nhất. Tháng 11 năm 1922, Kêman, thủ lĩnh đảng của giai cấp tư sản "Thổ Nhĩ Kỳ trẻ", đã thủ tiêu chế độ phong kiến; tháng 10-1923, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà; tháng 4-1924, ban hành hiến pháp tư sản. Đối với giai cấp tư sản, cuộc cách mạng được coi như đã hoàn thành. Nhưng quần chúng nhân dân lao động là lực lượng góp phần quyết định thắng lợi của cách mạng thì không được quyền lợi gì.

Phong trào đấu tranh của công nhân Thổ Nhĩ Kỳ đã phát triển mạnh mẽ ngay từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tháng 9-1920, Đảng Cộng sản Thổ Nhĩ Kỳ thành lập, lãnh đạo cuộc đấu tranh. Trong nửa đầu những năm 20, phong trào bãi công lan rộng và rất rầm rộ, có nơi cuộc bãi công thu hút tới 50 vạn người tham gia. Tháng 11-1923, Đại hội công nhân ở Côngxtăngtinốp thành lập Liên minh công nhân Thổ Nhĩ Kỳ, đoàn kết đông đảo công nhân trong nước. Nhưng Chính phủ Kêman hạ lệnh cấm các hội công nhân hoạt động và đàn áp họ. Tr.224.

42. *Hiệp ước Xevơrơ:* Hiệp ước ký kết giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Đồng minh ngày 10-8-1920 tại Xevơrơ (Pháp), chia cắt đất Thổ Nhĩ Kỳ ra làm nhiều nước và lập chế độ nửa thuộc địa ở đó. Nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ nổi dậy đấu tranh chống lại hiệp ước này để bảo vệ độc lập dân tộc. Thổ Nhĩ Kỳ chiến thắng, buộc các nước đế quốc phải triệu tập Hội nghị Lôdannơ để xoá bỏ hiệp ước Xevơrơ. Tr.224.

43. *Hoà ước Lôdannơ:* Bản hoà ước được ký kết trong Hội nghị giữa các nước Đồng minh và Thổ Nhĩ Kỳ họp ở thành phố Lôdannơ, thuộc Thuỵ Sĩ (1922-1923). Bản hoà ước quy định chế độ sử dụng các eo biển Đácđanen, chế độ, quyền lợi của những người theo đạo Kitô trên đất Hồi giáo và xét lại Hiệp ước Xevơrơ. Tr.225.

44. *Hội nghị Oasinhtơn:* Hội nghị về việc hạn chế hải quân và các vấn đề thuộc Thái Bình Dương và Viễn Đông họp từ 12-11-1921 đến 6-2-1922 tại Oasinhtơn (Mỹ) có Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Ý, Trung Quốc, Bỉ, Hà Lan, Bồ Đào Nha tham gia.

Mục đích của Hội nghị là nhằm chia lại thuộc địa và phạm vi ảnh hưởng giữa các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cướp bóc, nô dịch các nước thuộc địa và chống lại nước Nga Xôviết.

Các giới cầm quyền Mỹ là kẻ khởi xướng của Hội nghị. Thông qua Hội nghị, Mỹ đã làm cho Anh phải từ bỏ quyền thống trị trên mặt biển, làm cho liên minh Anh - Nhật phải bị thủ tiêu, Nhật chấm dứt độc quyền kiểm soát Trung Quốc, tạo điều kiện cho tư bản Mỹ nô dịch Trung Quốc. Tr.247.

45. *Trường đại học cộng sản phương Đông* (tên gọi tắt của Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông): Trường thành lập tại Mátxcơva (Liên Xô) năm 1921, theo quyết định của Quốc tế Cộng sản, để đào tạo cán bộ cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Tại đây, các học viên được trang bị những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng. Trong thời gian học tập, học viên phải nắm vững các môn quan trọng như chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị, lịch sử phong trào công nhân quốc tế, lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc, v.v..

Trong gần 20 năm tồn tại, Trường đại học phương Đông đã đào tạo cho các nước phương Đông hàng ngàn cán bộ, trong đó có những người về sau trở thành cán bộ lãnh đạo có uy tín của các đảng cộng sản ở các nước.

Sau khi về hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn và cử nhiều cán bộ Việt Nam và một số nước khác ở châu Á sang học tại Trường đại học phương Đông. Tr.263.

46. *Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản :* Đại hội họp từ ngày 17-6 đến ngày 8-7-1924 tại Mátxcơva. Đại hội đã tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm về đấu tranh giai cấp từ năm 1918 đến năm 1923 và đề ra chủ trương tăng cường công tác xây dựng các đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh thực hiện những mục tiêu lâu dài của cách mạng và quyền lợi hằng ngày của quần chúng. Đại hội cũng chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là phải đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương, cơ hội, chống những phần tử phái hữu và trốtxkít.

Nguyễn Ái Quốc đã tham dự Đại hội và đã ba lần phát biểu ý kiến về vấn đề dân tộc và thuộc địa và những vấn đề khác. Tr.273.

47. *Đại hội Liông :* Đại hội lần thứ III Đảng Cộng sản Pháp họp ở Liông (Pháp) tháng 1-1924. Vấn đề chủ yếu của Đại hội là đấu tranh để củng cố Đảng về mặt tổ chức và tư tưởng. Tr.279.

48. *Những sự kiện xảy ra năm 1917:* Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, Nga hoàng đã phái quân lính sang chiến đấu chống quân Đức ở mặt trận Pháp. Năm 1917, những binh lính này không chịu chiến đấu vì lợi ích của bọn tư bản, đã lập Xôviết và đòi trở về nước. Chính phủ Pháp sợ tư tưởng cách mạng của binh lính Nga lan sang quân đội Pháp, đã dồn họ vào trại tập trung có chăng dây thép gai, và cho quân lính thuộc địa canh giữ. Tr.280.

49. *Tổng Liên đoàn lao động thống nhất* : Một tổ chức liên hiệp các công đoàn Pháp tồn tại từ năm 1922 đến năm 1936, do các công đoàn cách mạng lập nên. Tổng Liên đoàn lao động thống nhất kiên quyết chủ trương khôi phục sự thống nhất của công đoàn, bảo vệ lợi ích thiết thân của giai cấp vô sản và đã cùng với Đảng Cộng sản Pháp tham gia đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Tr.281.

50. *Quốc dân đảng:* Tổ chức chính trị ở Trung Quốc, do Tôn Trung Sơn sáng lập năm 1905, ban đầu là Trung Quốc cách mạng đồng minh hội; sau Cách mạng Tân Hợi (1911), cải tổ thành Quốc dân đảng. Thời gian đầu, Quốc dân đảng là một tổ chức cách mạng. Năm 1927, người kế tục sự nghiệp của Tôn Trung Sơn là Tưởng Giới Thạch gây chính biến phản cách mạng, đàn áp những người cộng sản, dẫn đến cuộc nội chiến lần thứ nhất ở Trung Quốc. Năm 1937, trước sự xâm lược của phát xít Nhật, Quốc dân đảng buộc phải hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc đấu tranh chống kẻ thù chung. Năm 1946, Quốc dân đảng lại gây nội chiến lần thứ hai. Năm 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, lực lượng Quốc dân đảng bỏ chạy

ra đảo Đài Loan. Tr.295.

51. *Đại hội Bacu*: Đại hội họp từ ngày 1 đến ngày 7-9-1921 tại Bacu (Thủ đô Adécbaidăng). Tham dự Đại hội có 1.891 đại biểu của 37 dân tộc phương Đông, (trong đó có 1.273 đại biểu là đảng viên cộng sản). Đại hội họp nhằm biểu dương và tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc phương Đông, giữa các dân tộc phương Đông với giai cấp vô sản Nga và giai cấp vô sản thế giới đặng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Đại hội đã hoàn toàn nhất trí với nghị quyết về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Đại hội II Quốc tế Cộng sản (1920). Tr.298.

52. *Nghĩa hoà đoàn* : Phong trào yêu nước của nông dân Trung Quốc những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và có nguồn gốc từ phong trào Nghĩa hoà quyền giữa thế kỷ XIX.

Nét nổi bật của phong trào Nghĩa hoà đoàn là mang màu sắc mê tín, thần bí với những câu niệm chú bí ẩn, lối trang phục kỳ dị.

Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật, các nước đế quốc thi nhau xâu xé Trung Quốc. Nghĩa hoà đoàn đã tiến hành những cuộc tiến công các nhà thờ Kitô giáo, trục xuất các linh mục và phá huỷ các công trình, cơ sở kinh tế của người nước ngoài. Mùa hè năm 1900, các nước đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Nga, Đức, Áo, Ý đã thành lập liên quân để chống lại Nghĩa hoà đoàn. Với sự phản bội của triều đình Mãn Thanh, các nước đế quốc đã dìm phong trào Nghĩa hoà đoàn trong biển máu. Tr.316.

53. *Kế hoạch Đaoxơ :* Kế hoạch bắt nước Đức bồi thường chiến tranh cho các nước Đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Kế hoạch này do Đaoxơ, giám đốc một ngân hàng lớn của Mỹ, lãnh đạo việc soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị đại biểu các nước thắng trận họp ở Luân Đôn năm 1924.

Mục đích chủ yếu của kế hoạch này là dọn đường cho tư bản nước ngoài, trước hết là Mỹ, đầu tư vào nước Đức, đẩy mạnh việc khôi phục tiềm lực công nghiệp quân sự của chủ nghĩa đế quốc Đức nhằm hướng nước Đức vào con đường chiến tranh chống Liên Xô, đồng thời tăng cường chính sách bóc lột, áp bức và đàn áp phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân nước Đức. Tr.320.

54. *Hội quốc liên:* Tổ chức quốc tế, thành lập năm 1919 và tồn tại trong thời gian giữa Chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai, với mục đích thực hiện những cam kết ký tại Hội nghị Hòa bình Pari (1919). Điều lệ của Hội nêu rõ mục đích đấu tranh cho hoà bình, chống chiến tranh. Tuy nhiên, trong thực tế, Hội quốc liên đã dung túng cho các thế lực đế quốc, cổ vũ chạy đua vũ trang và chuẩn bị chiến tranh thế giới. Tr.326.

55. *Hội Nhân quyền và Công dân quyền* : Một tổ chức dân chủ tư sản nhằm đấu tranh đòi bảo vệ những quyền tự do tư sản. Tổ chức này được thành lập năm 1898 ở Pháp do sáng kiến của nhà văn Pháp Tơrariơ nhân vụ nhà cầm quyền Pháp xử phạt nhà văn Êmin Dôla. Tr.328.

56. Tác giả muốn nói về *Cách mạng tư sản Pháp* (1789-1794), cuộc cách mạng đã xoá bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, mở đường cho sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Pháp và một số nước khác ở châu Âu.

Ngày 14-7-1789, quần chúng nhân dân Pari đã nổi dậy khởi nghĩa, chiếm ngục Baxti, nơi tượng trưng cho chế độ chuyên chế độc tài. Sự kiện đó đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến ở Pháp.

Sau những cuộc đấu tranh quyết liệt trong nội bộ giai cấp thống trị, Hội nghị Quốc ước (Quốc hội) đã được bầu ra và phái Giacôbanh do M.Rôbexpie đứng đầu được sự ủng hộ của nhân dân đã lên nắm chính quyền (tháng 6-1793), nền chuyên chế dân chủ cách mạng được thiết lập. Đây là thời kỳ phát triển cao nhất của cách mạng.Tr.330.

57. Đây là nói cuộc hành hình những người lính khố đỏ tham gia vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội, tháng 6-1908. Một số sĩ phu yêu nước cùng với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đã liên lạc với những người lính Việt Nam yêu nước trong quân đội Pháp, chủ trương đánh úp Hà Nội. Theo kế hoạch, đến bữa ăn tối ngày 27-6-1908, những người đầu bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn để giết quan quân Pháp, sau đó binh sĩ sẽ cướp kho vũ khí, đánh chiếm các công sở, phối hợp với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào Hà Nội.

Kết quả là nhiều binh lính Pháp đã bị ngộ độc; nhưng kế hoạch bại lộ, thực dân Pháp tàn sát dã man những người tham gia vụ đầu độc này. Một

số người bị chém và bêu đầu trên các đường phố lớn ở Hà Nội. Tr.354.

58. *Những cuộc biểu tình năm 1907*: Phong trào cải cách bằng con đường hoà bình diễn ra sôi nổi khắp 3 kỳ trong năm 1907. Trung tâm của phong trào là các đô thị, nhất là Hà Nội. Những người cầm đầu phong trào này đều là các sĩ phu tiến bộ. Nội dung của phong trào chủ yếu là mở trường học, truyền bá tư tưởng mới, cổ động bỏ hủ tục và lồng vào đó là tư tưởng yêu nước, chống Pháp.

Tiêu biểu cho phong trào là *Đông kinh nghĩa thục* (từ tháng 3 đến tháng 11-1907) đứng đầu là Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ.

Phong trào đã diễn ra sôi nổi ở khắp nơi. Thông qua các cuộc diễn thuyết, bình văn thơ, các sĩ phu tuyên truyền những tư tưởng mới, đề cao tinh thần dân tộc, kích động và phát triển mạnh mẽ lòng yêu nước của nhân dân ta. Tr.402.

59. *Chủ nghĩa Uynxơn:* Uynxơn là Tổng thống Mỹ từ năm 1913 đến 1921. Năm 1917, Uynxơn tuyên bố nước Mỹ tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất, đứng về phía Anh, Pháp để chống Đức. Khi chiến tranh sắp kết thúc, Uynxơn đưa ra "Chương trình 14 điểm" làm cơ sở cho Hội nghị Vécxây (1919). Nói chủ nghĩa Uynxơn là nói "Chương trình 14 điểm" đó. Thực chất của nó là chính sách đối ngoại ăn cướp của đế quốc Mỹ chống lại

Căn cứ vào nội dung và hoàn cảnh lịch sử đầu những năm 20, chúng tôi cho rằng tác giả của bản báo cáo trước hết phải là một người Việt Nam, một người am hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác và thực tế lịch sử Việt Nam trong quá khứ và hiện tại; một người có quan niệm về Việt Nam như một thực thể thống nhất chứ không phải Đông Dương một thực thể thuộc địa và người đó, theo chúng tôi, không thể là ai khác ngoài Nguyễn Ái Quốc - Người Việt Nam duy nhất lúc đó sống ở Mátxcơva. Tr.464.

62. Báo *La Tribune indigène*: Báo của phái lập hiến Đông Dương, xuất bản ở Sài Gòn từ năm 1917 đến 1925, mỗi tuần 3 kỳ vào thứ 3, 5, 7. Tr.466.

nước Nga Xôviết mới ra đời, lợi dụng sự suy yếu của các nước tư bản châu Âu để nâng cao địa vị quốc tế của Mỹ và tăng cường nô dịch các dân tộc bị áp bức. Nhưng nó lại được che giấu bằng những lời lẽ mị dân về "dân chủ" và "quyền dân tộc tự quyết". Tr.416.

60. *Ban nghiên cứu thuộc địa :* Một tổ chức nghiên cứu những vấn đề thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, thành lập tháng 6-1921. Nguyễn Ái Quốc là uỷ viên của tổ chức này. Ban đã sưu tầm và phổ biến các tài liệu về tình cảnh các xứ thuộc địa và cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa; tiến hành công tác tuyên truyền trong nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa về tinh thần đoàn kết quốc tế giữa giai cấp vô sản các nước đế quốc với các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Ban đã gửi nhiều bài đăng trên mục *Thuộc địa* của báo *L' Humanité* và tìm cách gửi báo đến các thuộc địa. Hoạt động của Ban đã góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền học thuyết của V.I.Lênin và đường lối của Quốc tế Cộng sản về vấn đề đấu tranh giải phóng dân tộc. Tr.440.

61. Bản báo cáo này nguyên văn bằng tiếng Pháp, không ký tên, lưu tại Viện Mác - Lênin, Mátxcơva (nay là kho lưu trữ nhà nước nước Cộng hoà Liên bang Nga). Bản vi phim lưu ở Thư viện mácxít, cuộn số 7, loại 70, Ban thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Pháp.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

ARIXTỐT (khoảng 384-322 TCN): Nhà triết học cổ đại Hy Lạp. Arixtốt trù trừ giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, sau ông ngả theo chủ nghĩa duy tâm. Về nhận thức luận, Arixtốt gần với chủ nghĩa duy vật. Là một bộ óc bách khoa, Arixtốt để lại nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về triết học, sinh vật học, đạo đức học, thi pháp và có ảnh hưởng to lớn và lâu dài trong nền văn minh châu Âu.

BLĂNG, **Giuyn** (1881-1960): Tham gia Đảng Xã hội Pháp năm 1905; đại biểu tham dự Đại hội Đảng Xã hội ở Xtraxbua và Tua năm 1920, thuộc phái Quốc tế thứ ba. Năm 1921, được bầu vào Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Pháp ở Đại hội toàn quốc họp ở Mácxây. Nguyễn Ái Quốc được cử làm trợ lý cho Blăng khi làm Chủ tịch phiên họp sáng ngày 30-12-1921. Về sau, ông bỏ Đảng Cộng sản, làm thư ký công đoàn và viết báo.

BÔ, **Philíp** : Được Bộ Thuộc địa cử làm Toàn quyền Đông Dương ngày 1-7-1902, chính thức nhậm chức ngày 15-10-1902. Ph.Bô làm Toàn quyền Đông Dương đến ngày 25-6-1908.

BÔĐOANH, **Pôn**: Viên chức cao cấp của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương; làm quyền Toàn quyền Đông Dương từ tháng 4 đến tháng 9-1922, từ khi Môrixơ Lông về Pháp cho đến khi Méclanh sang thay. Bôđoanh làm Tổng Giám đốc nhà băng năm 1931, Chủ tịch các nhà băng ở Đông Dương từ năm 1941 đến năm 1944.

B

BÉCTƠLÔ, **Pie Êgien Maxơlen** (1827-1907): Nhà hoá học người Pháp. Năm 1876 được bầu làm Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Pêtécbua (Nga).

BÉCTÔNG, **Pie Mari Ăngđrê** (1882-1968): Luật sư, nghị sĩ Quốc hội của Đảng Xã hội Pháp năm 1919, dự Đại hội Tua năm 1920 (không phải là đại biểu và có tham luận); nghị sĩ Quốc hội của Đảng Cộng sản đến năm 1932, sau đó bỏ Đảng Cộng sản.

BÊHEN, **Pinhô đờ** (1741-1799): Còn gọi là Bá Đa Lộc, giáo sĩ người Pháp. Dưới danh nghĩa truyền đạo, Bêhen đã tích cực hoạt động do thám và chuẩn bị cho sự can thiệp và xâm lược của thực dân Pháp vào nước ta. Bêhen là kẻ tích cực giúp Nguyễn Ánh chống lại sự nghiệp thống nhất đất nước của phong trào Tây Sơn; giúp Nguyễn Ánh ký với Pháp bản hiệp ước bán nước năm 1787.

BÔNĐUIN, **Stênli** (1867-1947): Lãnh tụ của những người bảo thủ Anh; Thủ tướng Anh năm 1923-1924, 1924-1929 và 1935-1937; là người ủng hộ chính sách thuộc địa và khuyến khích can thiệp vũ trang chống cách mạng Trung Quốc năm 1924-1927. Bônđuin đã cầm đầu vụ đàn áp cuộc tổng bãi công của giai cấp công nhân và cuộc bãi công của công nhân mỏ năm 1926; có thái độ thù địch với Liên Xô năm 1927; thực hành chính sách khuyến khích bọn xâm lược Ý, Đức và âm mưu câu kết với nước Đức Hítle chĩa mũi nhọn xâm lược của Đức vào Liên Xô.

BRAO, **Giôn** (1800-1859): Một trong những người đấu tranh giải phóng người da đen ở Mỹ, tổ chức ra Hội đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ, lập nhà trường cho người da đen, giúp người nô lệ chạy trốn lánh nạn sang Canađa. Brao cầm đầu một toán người da trắng và da đen đánh chiếm kho vũ khí của chính phủ bang Viếcginia. Trong khi đánh nhau, Brao bị bắt và hai con trai bị giết. Ngày 2-12-1859, bị xử treo cổ.

BUĐINÔ, **Lu-i Pie, Emilơ - Gabrien** (1875-?): Tốt nghiệp trường các sinh ngữ phương Đông, sang Đông Dương từ năm 1901; làm Phó Công sứ

tỉnh Thừa Thiên năm 1910; sau đó làm nhiều việc với tư cách là quan chức của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương.

C

CAIÔ, **Giôdép Mari Ôguýtxtơ** (1863-1944): Nhiều lần làm Bộ trưởng Bộ Tài chính trong Chính phủ Pháp. Năm 1911, làm Thủ tướng. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, đi công cán ở Nam Mỹ và ở Italia. Bị khả nghi nên Chính phủ Clêmăngxô bắt giam năm 1917; bị kết án là tiếp tay không tự nguyện cho kẻ thù năm 1920. Mấy năm sau được tha, rồi lại được bầu làm nghị viên và Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 1925, sau làm Chủ tịch Uỷ ban Tài chính của Thượng nghị viện đến năm 1940.

CANH, **Sáclơ** (1500-1558): Hoàng đế Tây Ban Nha, có tham vọng làm bá chủ thế giới, đã gây nhiều cuộc chiến tranh với Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Tuynidi, Angiêri, v.v..

CARAKHAN, **Lép Mikhailôvích** (1889-1937): Nhà hoạt động ngoại giao Xôviết, Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Hoạt động cách mạng từ năm 1904; tham gia Cách mạng Tháng Mười năm 1917. Thư ký Đoàn đại biểu Xôviết tại cuộc đàm phán hoà bình ở Brét. Trong những năm 1918-1920 và 1927-1934, là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao. Từ 1923-1926, Đại sứ Liên Xô tại Trung Quốc; từ 1937, Đại sứ Liên Xô tại Thổ Nhĩ Kỳ.

CASANH, **Mácxen** (1869-1958): Nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Pháp và quốc tế. Từ năm 1912 đến 1918, biên tập viên báo *L'Humanité* , cơ quan trung ương của Đảng Xã hội Pháp và năm 1918 làm chủ bút tờ báo đó. Casanh là một trong những người tích cực ủng hộ và giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc trong thời gian hoạt động ở Pháp.

Năm 1920, với tư cách là đại biểu của Đảng Xã hội Pháp, Casanh tham gia Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản từ năm 1924 đến năm 1943, Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Từ năm 1921, Casanh liên tục được bầu làm Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương và Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp.

Năm 1957, Casanh được Đảng và Nhà nước Liên Xô tặng Huân chương Lênin.

CLÊMĂNGXÔ, **Gióocgiơ Bănggia** (1841-1929): Vốn là thầy thuốc, tham gia hoạt động chính trị sau ngày đế chế thứ hai sụp đổ (4-9-1870), nghị sĩ cấp tiến trong Quốc hội, thuộc phái cực tả, dựa vào những cuộc lật đổ nhiều bộ trưởng và làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1906-1909). Clêmăngxô chủ trương ra báo *L'Homme libre* (1913), đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất là báo *L'Homme enchainé,* tố cáo chế độ kiểm duyệt. Năm 1920, bị thất bại trong tranh cử tổng thống, Clêmăngxô ra nước ngoài và viết sách.

COÓCĐIE, **Hăngri** (1840-1925): Nhà Đông phương học người Pháp, tác giả của nhiều cuốn sách về phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc.

CÔNGXTĂNGTANH I (1868-1923): Vua Hy Lạp; nối ngôi vua cha là Gioócgiơ I năm 1913. Năm 1917, bị bắt đi đày, sau trở về lên ngôi năm 1920 và thoái vị năm 1922.

CÔNTRẮC, **Alếchxăngđrơ Vaxiliêvích** (1873-1920): Phần tử quân chủ, một trong những kẻ cầm đầu các thế lực phản cách mạng ở Nga, tay sai của khối đồng minh đế quốc (1918-1919), tiếp tay cho hành động can thiệp của các nước đế quốc và gây ra nội chiến chống lại chính quyền Xôviết sau Cách mạng Tháng Mười.

Những đợt tấn công của Hồng quân đã làm lực lượng của Côntrắc tan rã. Côntrắc bị bắt làm tù binh và ngày 7-2-1920, bị xử bắn theo quyết định của Uỷ ban Cách mạng Iếccútxcơ (Liên Xô).

D

DINÔVIÉP, **Rađômưxlơxki G.E**. (1883-1936): Gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga năm 1901. Sau Cách mạng Tháng Mười, là Chủ tịch Xôviết Pêtrôgrát, Uỷ viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Nga (b), Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Hai lần bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản và được phục hồi; năm

1934, bị khai trừ hẳn khỏi Đảng Cộng sản.

DUY TÂN (1900-1945): Tức Nguyễn Vĩnh San, vua thứ 11 nhà Nguyễn từ năm 1907 đến năm 1916. Duy Tân là người yêu nước và có tinh thần dân tộc. Năm 1916, cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân trong tổ chức Việt Nam quang phục hội dựa vào số binh lính bị mộ sang Pháp tổ chức khởi nghĩa ở Huế và miền Nam Trung Kỳ. Công việc bị bại lộ, khởi nghĩa không thành, Duy Tân bị thực dân Pháp đày sang đảo Rêuyniông (châu Phi). Duy Tân là người ham học và có ý chí. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, gia nhập quân đội Đồng minh chống phát xít; năm 1945, mất vì tai nạn máy bay ở châu Phi.

Đ

ĐÁCLƠ, **Ôguytxtơ Eđua** (1875-1940): Người Pháp, cử nhân văn chương. Năm 1906, sang Đông Dương vào ngạch 4 quan cai trị. Đáclơ làm Công sứ tỉnh Thái Nguyên, chủ trương đàn áp đẫm máu cuộc nổi dậy của binh lính người Việt do Trịnh Văn Cấn chỉ huy, tháng 8-1917.

ĐÁCUYN, **Sáclơ** (1809-1882): Nhà sinh vật học vĩ đại người Anh; người sáng lập khoa sinh vật học duy vật, lý thuyết về sự tiến hóa của giống loài và cuộc đấu tranh giữa các giống loài. Đácuyn kịch liệt bác bỏ những quan điểm duy tâm của giáo hội về nguồn gốc loài người và các sinh vật. Đácuyn trình bày những luận điểm khoa học của mình trong tác phẩm *Nguồn gốc các loài* (1859).

ĐAOXƠ, **Sáclơ Ghitơ** (1865-1951): Nhà tài chính và hoạt động chính trị Mỹ. (Xem chú thích số 53).

ĐỀ THÁM tức Hoàng Hoa Thám (1862-1913): Người lãnh đạo phong trào khởi nghĩa nông dân ở Yên Thế (Hà Bắc), một phong trào đấu tranh yêu nước quyết liệt và bền bỉ của nông dân Việt Nam; bị tay sai thực dân Pháp ám hại năm 1913.

ĐỘI VĂN: Một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885-1889) thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo. Năm 1889, bị khủng bố, Đội Văn trá hàng, được Pháp cấp cho 500 quân để đánh lại nghĩa quân. Đội Văn mang toàn bộ quân lính và vũ khí gia nhập nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đánh lại quân Pháp.

ĐƠ VALƠRA, **Imơn** (1882-1975): Nhà yêu nước Aixlen, thủ lĩnh cuộc nổi dậy của những người tình nguyện Aixlen năm 1916, lãnh tụ Đảng Xin Pêin năm 1918. Ông hai lần làm Thủ tướng Aixơlen và quyết định Aixơlen đứng trung lập trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Năm 1959, là Tổng thống và năm 1966, được bầu lại làm Tổng thống nước Cộng hoà Aixơlen.

ĐUME, **Pôn** (1857-1932): Nghị sĩ Quốc hội Pháp (phái cấp tiến) năm 1888, 1895; Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 1895-1896, 1921-1922; Toàn quyền Đông Dương năm 1896-1902; Chủ tịch Thượng viện năm 1927; Tổng thống năm 1931; tác giả cuốn sách *Indochine - Francaise*. Bị ám sát năm 1932.

G

GÁCNIÊ, **Phrăngxi** (1839-1873): Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội) năm 1873.

GĂNGĐI, **Môhanđát, Karamsan** (1869-1948): Nhà triết học, nhà văn, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ. Để chống lại thực dân Anh, giành độc lập dân tộc, Găngđi chủ trương không dùng bạo lực và không coi bạo lực là phương thức đấu tranh chính trị. Trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ (1919-1922), Găngđi trở thành lãnh tụ của Đảng Quốc đại và giữ vai trò quan trọng trong việc biến Đảng này thành một tổ chức quần chúng chống đế quốc. Học thuyết đề kháng tiêu cực của Găngđi trở thành tư tưởng chính của Đảng Quốc đại trong cuộc đấu tranh cho nền độc lập Ấn Độ. Năm 1946, Găngđi tuyên bố không nhất thiết chỉ dùng phương pháp đấu tranh không bạo lực. Găngđi có ảnh hưởng và uy tín lớn ở Ấn Độ. Nhân dân Ấn Độ suy tôn là Mahátma nghĩa là "Tâm hồn vĩ đại". Năm 1948, bị bọn phản động ám sát.

GHINBÔ, **Hăngri** (1885-1938): Người Pháp; năm 1916, tham gia hội nghị

Kientan. Đầu những năm 20 là phóng viên báo *L'Humanité* ở Đức. Sau chuyển sang phái tơrốtxkít, tiếp tục làm báo.

GIA LONG (1762-1820): Tức Nguyễn Ánh, đại diện của thế lực địa chủ phong kiến đã bị phong trào Tây Sơn lật đổ. Để chống lại Tây Sơn, khôi phục chế độ phong kiến, Nguyễn Ánh đã cầu cứu quân xâm lược Xiêm (1784); ủng hộ quân xâm lược Thanh; câu kết với tư bản Pháp và ký với Pháp bản hiệp ước năm 1787. Bản hiệp ước gồm 10 khoản, nội dung chủ yếu là:

- Nguyễn Ánh nhượng hẳn cho Pháp đảo Côn Lôn; cửa biển Hội An và cam kết để cho tư bản Pháp nắm độc quyền buôn bán trên cả nước, cung cấp binh lính và lương thực cho Pháp khi có chiến tranh.

- Chính phủ Pháp nhận giúp Nguyễn Ánh 4 tàu chiến và một đội quân chống lại phong trào Tây Sơn.

Sau khi đàn áp được phong trào Tây Sơn (1802), Nguyễn Ánh lên ngôi, hiệu là Gia Long, mở đầu nhà Nguyễn, triều vua cuối cùng ở Việt Nam.

GIÓPPHRƠ, **Giôdép Giắccơ Xêxerơ** (1852-1931): Thống chế Pháp, đã từng ở Bắc Kỳ, Xuđăng, Mađagátxca từ những năm đầu thế kỷ XX; Tổng tham mưu trưởng quân đội và Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tối cao Pháp năm 1911. Sau khi được phong Thống chế năm 1917, Giópphrơ sang công cán ở Mỹ.

GIƠNUIY, **Rigôn đơ**: Đô đốc hải quân Pháp đã đem chiến thuyền đến bắn phá cảng Đà Nẵng năm 1858, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam.

GUĐƠ, **Êmilơ** (1870-1941): Người Pháp, tham gia Hội tam điểm, Phó Đốc lý thành phố, Uỷ viên Uỷ ban thường trực của Đảng Xã hội Pháp. Ở Đại hội Tua, 1920, Guđơ bỏ phiếu cho Quốc tế thứ hai.

H

HÀM NGHI (1871-1944): Tức Nguyễn Ưng Lịch, vua thứ 8 nhà Nguyễn, người đứng đầu phe chủ chiến chống thực dân Pháp trong triều đình Huế. Khi kinh đô Huế thất thủ (tháng 7-1885), Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết ra phía Bắc tổ chức kháng chiến. Bị thực dân Pháp lùng bắt, phải lánh ở vùng rừng núi tỉnh Quảng Bình, xuống Chiếu Cần vương kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân chống Pháp. Tháng 11-1888, bị thực dân Pháp bắt, sau đó đày sang Angiê (thủ phủ của Angiêri ở Bắc Phi).

HĂMLÉT: Nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên của đại văn hào Anh Sếchxpia. Nhân vật Hămlét tượng trưng cho lòng trung hiếu và quả cảm của một thanh niên hoàng tộc trong cuộc đấu tranh chống lại tội ác và sự lừa lọc trong triều đình nước Đan Mạch đầu thế kỷ XVII.

HUYGÔ, **Vích to** (1802-1885): Nhà văn Pháp; nhà lý luận và chủ soái của trường phái thơ ca lãng mạn Pháp; tác giả của nhiều tập thơ, kịch, tiểu thuyết nổi tiếng. Các tác phẩm của Huygô đả kích chế độ đương thời, lên án những kẻ tàn bạo giày xéo lên hạnh phúc con người và đặt lòng tin vào con người có khả năng từ bóng tối vươn lên những đỉnh cao của ánh sáng chân lý và đạo đức.

K

KHẢI ĐỊNH (1882-1925): Tức Nguyễn Bửu Đảo, vua thứ 12 nhà Nguyễn. Năm 1916, được người Pháp đưa lên ngôi và đứng đầu triều đình đến năm 1925. Khải Định là một hoàng đế bạc nhược, hoàn toàn phụ thuộc vào người Pháp.

KHỔNG TỬ (511- 479 TCN): Tên Khâu, người nước Lỗ, sống vào đời nhà Chu thời Chiến quốc (Trung Quốc). Học rộng, tài cao, là người sáng lập ra đạo Khổng - một trong ba giáo phái lớn nhất Trung Quốc (Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo). Đạo Khổng là nền tảng tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc và ảnh hưởng sâu rộng trong nhiều nước châu Á. Đạo Khổng đề cao lòng ái quốc trung thần, phân định rạch ròi quan hệ vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, coi thường phụ nữ và người lao động.

KƠRISƠNA, **Rama** (1857-?): Nhà triết học, nhà văn, nhà hoạt động chính trị Ấn Độ nổi tiếng, chủ trương đấu tranh đòi giải phóng về chính trị và kêu gọi đoàn kết dân tộc. Năm 1909, bị chính quyền thuộc địa Anh trục xuất khỏi Ấn Độ.

L

LANÉTXĂNG, **Giăng Mari Ăngtoan đơ** (1843-1919): Nhà tự nhiên học, thầy thuốc và nhà chính trị Pháp; Toàn quyền Đông Dương năm 1891-1894; Bộ trưởng Bộ Hàng hải năm 1899-1902; giám đốc chính trị báo *Siècle* năm 1906; tác giả của nhiều công trình khoa học.

LÃO TỬ: Tức Lý Đam, người sống đồng thời với Khổng Tử thời Chiến quốc (Trung Quốc); là quan coi kho sách và sáng lập ra đạo Lão là một trong ba giáo phái lớn nhất ở Trung Quốc. Đạo Lão được Trang Tử phát triển theo chủ nghĩa yếm thế, thoát tục. Đạo Lão khuyên con người không nên làm trái với "đạo" (vô vi), tức quy luật tự nhiên. Sau này các môn đệ của Lão Tử biến "vô vi" thành "xuất thế" - có tính chất mê tín, huyền bí, dùng bùa chú, thuật pháp mê hoặc dân chúng.

LÊ ĐẠI HÀNH (941-1005): Tức Lê Hoàn, danh tướng nhà Đinh. Lê Hoàn là người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống (Trung Quốc) xâm lược lần thứ nhất và lập nhiều chiến công vang dội tại ải Chi Lăng và trên sông Bạch Đằng. Lê Hoàn được Thái hậu Dương Vân Nga và các tướng lĩnh suy tôn lên ngôi vua mở đầu nhà Tiền Lê (980-1009).

LÊ LỢI (1385-1433): Anh hùng dân tộc. Năm 1406, nhà Minh (Trung Quốc) xâm lược nước ta. Năm 1418, sau quá trình chuẩn bị và vận động nhân dân, Lê Lợi được Nguyễn Trãi giúp sức đã phất cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hoá). Được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng chuyển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Cuộc kháng chiến kéo dài 10 năm (1418-1428) và kết thúc thắng lợi, lật đổ ách thống trị của nhà Minh.

Sau khi chiến thắng quân Minh, ngày 29-4-1428, Lê Lợi lên ngôi vua và lập ra triều Lê đưa chế độ phong kiến Việt Nam lên giai đoạn phát triển thịnh vượng.

LÊNIN, **Vlađimia Ilích** (1870-1924): Lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới, người sáng lập ra Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước công nông đầu tiên trong lịch sử loài người, và sáng lập ra Quốc tế Cộng sản. Kế tục sự nghiệp của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã đấu tranh kiên quyết để bảo vệ tinh thần cách mạng của chủ nghĩa Mác, chống lại mọi sự xuyên tạc của bọn cơ hội chủ nghĩa và phát triển thiên tài cả ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác (triết học mácxít, kinh tế chính trị học mácxít, và chủ nghĩa xã hội khoa học), giải quyết đúng đắn về lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra cho cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Lênin đặc biệt chú ý và đã đưa ra nhiều luận điểm quan trọng về phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Trong bản *Sơ thảo những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* được trình bày tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920), V.I.Lênin đã nêu ra những vấn đề cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc.

LÊÔPÔN II (1835-1909): Quốc vương Bỉ từ năm 1865, người tổ chức những cuộc tấn công đánh chiếm vùng Trung Phi và Công gô.

LIÔTÂY, **Lu-i Uybe Gôngđavơ** (1854-1934): Thống chế Pháp; có mặt nhiều năm ở các thuộc địa của Pháp. Năm 1894, Liôtây sang Đông Dương. Năm 1912, làm Tư lệnh quân đội Pháp ở Marốc. Năm 1916-1917, làm Bộ trưởng Bộ Chiến tranh. Bằng những hành động quân phiệt hết sức tàn bạo, Liôtây chỉ huy những cuộc đàn áp đẫm máu các cuộc nổi dậy đòi giải phóng, chống thực dân Pháp ở các thuộc địa.

LÍPNẾCH, **Các** (1871-1919): Nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, chiến sĩ đấu tranh tích cực chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh đế quốc. Lípnếch là một trong những nhà tổ chức và lãnh đạo nhóm "Xpáctaquýt" cách mạng, là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Đức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của công nhân năm 1919; bị kẻ thù giết hại trong nhà tù.

LÔI, **Gioócgiơ** (1863-1945): Người Anh; đại biểu Quốc hội năm 1890, theo khuynh hướng cấp tiến, chủ trương đàn áp đẫm máu cuộc nổi dậy của người Bôc. Năm 1905, làm Bộ trưởng Bộ Thương mại; sau đó làm Bộ trưởng Bộ Quân nhu (1915), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1916), Thủ tướng (1916). Sau chiến tranh, Lôi Gioócgiơ dự Hội nghị Vécxây (1919), làm thủ lĩnh Đảng Tự do Anh và viết hồi ký.

LÔNG, **Môrixơ** (? -1923): Bộ Thuộc địa Pháp cử M.Lông làm Toàn quyền Đông Dương tháng 12-1919; chính thức nhậm chức từ tháng 12-1919. Khi về Pháp công cán, qua Côlôngbô bị chết, lúc chưa hết nhiệm kỳ Toàn quyền Đông Dương tháng 1-1923.

LÔNGGHÊ, **Giăng** (1876-1938): Luật sư, nhà báo, đảng viên Đảng Xã hội Pháp thuộc phái Giuyn Ghexđơ (phái trung). Tại Đại hội Tua năm 1920, Lôngghê bỏ phiếu cho Quốc tế thứ hai và vẫn tham gia Đảng Xã hội. Năm 1934, Đảng Cộng sản Pháp lập Mặt trận nhân dân chống phát xít, Lôngghê là người ủng hộ và tham gia Mặt trận cho đến khi qua đời.

LƠBÔNG, **Guyxtave** (1841-1931): Thầy thuốc, nhà xã hội học Pháp, tác giả một số tác phẩm về nền văn minh Arập, Ấn Độ, v.v..

LƠBROONG, **Anbe** (1871-1950): Học Trường bách khoa, kỹ sư mỏ, nghị sĩ Quốc hội từ năm 1900, Bộ trưởng Bộ thuộc địa (1911-1914), Chủ tịch Thượng viện (1931), Tổng thống (1932-1940), bị Đức bắt đi đày (1944-1945).

LÚCXĂMBUA, **Rôda** (1871-1919): Nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Ba Lan, Đức và quốc tế, một trong những thủ lĩnh cánh tả của Quốc tế thứ hai. Ngay từ đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất bà đã đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa, là một trong những người có sáng kiến lập ra nhóm "Quốc tế", sau đổi tên là nhóm "Xpáctaquýt", rồi lại đổi là hội "Xpáctaquýt". Sau Cách mạng tháng 11-1918 ở Đức, bà giữ vai trò lãnh đạo trong Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Đức. Tháng 1- 1919, bà bị bắt và bị bọn phản cách mạng sát hại.

LÝ BÔN **(Lý Nam Đế)** : Còn gọi là Lý Bí, quê tỉnh Thái Bình. Năm 542, Lý Bôn lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Lương (Trung Quốc), giải phóng đất nước. Năm 544, Lý Bôn lên ngôi vua, xưng là Nam Việt đế, tên nước là Vạn Xuân. Năm 545, nhà Lương lại đem quân sang xâm lược. Vì thế yếu, cuộc kháng chiến của nhân dân ta bị thất bại. Lý Bôn phải lui về vùng Vĩnh Phú và mất tại đây.

M

MÁC, **Các** (1818-1883): Lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới, nhà tư tưởng vĩ đại, người sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học. Mác là người sáng tạo ra lý luận cách mạng vô sản. Từ sự phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, Mác đã đề ra học thuyết về chuyên chính vô sản là công cụ của bước quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Từ sự phân tích xã hội tư bản, Mác đề ra học thuyết về giá trị thặng dư.

Mác không chỉ là nhà lý luận thiên tài mà trước hết Mác là nhà cách mạng vĩ đại. Năm 1847, Mác và Ăngghen gia nhập *Liên minh những người cộng sản*. Năm 1864, Mác sáng lập và là linh hồn của *Quốc tế thứ nhất*, Mác đã đấu tranh chống các thứ chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, chống bọn vô chính phủ và định ra sách lược cách mạng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

MÁCĐÔNAN, **Giêm Ramxây** (1866-1937): Người lãnh đạo Đảng Công nhân độc lập Anh và Công đảng Anh; ủng hộ chính sách hợp tác giai cấp và cái gọi là "chủ nghĩa xã hội nhập dần vào chủ nghĩa tư bản". Năm 1924 và 1929-1935 làm Thủ tướng. Mácđônan đã ra sức bảo vệ lập trường của chủ nghĩa đế quốc Anh và đã gieo rắc những ảo tưởng cải lương chủ nghĩa trong phong trào công nhân Anh.

MANĐENXTAM, **Ôxíp** (1891-1938): Sinh trong một gia đình thương gia Nga. Làm thơ từ trẻ; năm 1909, có thơ in trên báo lần đầu tiên. Sau Cách mạng Tháng Mười, tham gia các cơ quan tuyên truyền văn hoá; sáng tác nhiều thể loại, nghiên cứu văn học và viết báo.

Manđenxtam gặp Nguyễn Ái Quốc để phỏng vấn tháng 12-1923 và viết bài đăng trên báo *Ogoniok*.

MẠNH TỬ (372-289): Tên Kha, quan đại thần thời Chiến quốc (Trung Quốc). Ông có tài hùng biện, đã đi khắp đất nước Trung Hoa tuyên truyền, phát triển triết lý của Khổng Tử lên thành Quốc giáo. Ông có câu nói nổi tiếng: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (Lợi ích của dân trước hết, sau đó đến lợi ích của nhà nước, lợi ích của vua không đáng kể).

MANUINXKI, **Đimitri Dakhailôvích** (1883-1959): Đảng viên Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga cuối năm 1903. Sau đó bị bắt, bị đi đày, rồi vượt ngục, sống lưu vong và gặp Lênin ở Pari. Năm 1912, bí mật trở về Nga. Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Lênin cử Manuinxki ra mặt trận làm Chính uỷ "đỏ" rồi làm Thứ trưởng Bộ Lương thực, Hội trưởng Chữ thập đỏ. Năm 1921, được cử làm Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ucraina. Từ năm 1922, chuyển sang công tác ở Quốc tế Cộng sản. Năm 1924, là Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, năm 1928, là Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Ba mươi năm liền là Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

MARĂNG, **Rơnê** (1887-1960): Nhà văn Pháp, người gốc Guyan (thuộc địa của Pháp ở châu Mỹ Latinh). Đầu những năm 20, Marăng có tư tưởng tiến bộ, phê phán chính sách phản động của chính quyền thực dân đối với các nước thuộc địa. Bị thực dân Pháp gây áp lực, Marăng từ bỏ quan điểm tiến bộ, quay lại phục vụ lợi ích của chủ nghĩa đế quốc. Tác phẩm *Batuala* xuất bản lần đầu năm 1921, được Nguyễn Ái Quốc đánh giá cao. Sau khi Marăng đi vào con đường thoái hoá, Nguyễn Ái Quốc nhiều lần nhắc tới Marăng với thái độ phê phán.

MĂNGGIANH, **Sáclơ** (1866-1925) : Tướng Pháp. Sau khi tốt nghiệp trường võ bị Xanh Xia, Mănggianh làm việc nhiều năm ở các nước châu Phi đen, ở Bắc Kỳ (1901-1904), làm phó Cao uỷ Pháp ở Marốc năm 1912. Trong những năm ở các thuộc địa của Pháp, Mănggianh chủ trương đàn áp tàn bạo các cuộc nổi dậy của người bản xứ vì giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân.

Mănggianh làm Tổng thanh tra quân đội Pháp ở các thuộc địa và Uỷ viên Hội đồng Quốc phòng nước Pháp đầu những năm 20.

MÉCLANH, **Mácxian Hăngri** (1860-?): Tham gia quân đội năm 1880-1885. Làm viên chức ở nhiều thuộc địa của Pháp (Tahiti, Cônggô, Guađơlúp, Tây Phi, châu Phi xích đạo, Mađagátxca) và Toàn quyền Đông Dương năm 1923-1925.

MÊRICH, **Vích to Xêlextanh** (1876-1933): Nhà báo Pháp, đảng viên Đảng Xã hội; đại biểu của quận Xen tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội ở Tua, bỏ phiếu cho Quốc tế thứ ba được bầu vào Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản năm 1920-1921 và Hội đồng quản trị báo *L'Humanité*. Năm 1923, bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản.

MÔNGTEXKIƠ, **Sáclơ Lu-i** (1689-1755): Nhà xã hội học tư sản lỗi lạc của Pháp, nhà kinh tế và nhà văn... Đại diện của phái Khai sáng thế kỷ XVIII, nhà lý luận của chủ nghĩa quân chủ lập hiến.

MUXTAPHA (1881-1938): Còn có tên Kêman Atatuyếch, nghĩa là "Cha của người Thổ Nhĩ Kỳ". Học trường quân sự Xalôních. Năm 1905, tốt nghiệp Viện Hàn lâm quân sự với quân hàm đại uý. Năm 1915, là tư lệnh binh đoàn thứ 7 quân Palextin, đánh thắng liên quân Anh - Pháp ở quần đảo Galipôli. Kêman lãnh đạo cách mạng dân tộc tư sản Thổ Nhĩ Kỳ chống chủ nghĩa đế quốc nước ngoài và bọn mại bản phong kiến trong nước, kết thúc thắng lợi năm 1922. Sau đó làm Tổng thống nước Thổ Nhĩ Kỳ độc lập. Kêman chủ trương xây dựng và củng cố tình hữu nghị với Liên Xô. Nhưng Kêman vẫn mang ý thức hệ của giai cấp tư sản, cấm các hội công nhân hoạt động và đàn áp những cuộc bãi công của người lao động.

N

NAPÔLÊÔNG, **Lu-i Bônapáctơ** (1769-1821): Nhà quân sự nổi tiếng của Pháp. Năm 1785, tốt nghiệp trường pháo binh với quân hàm thiếu uý.

Tham gia cách mạng Pháp năm 1789 và nhanh chóng trở thành một viên tướng trẻ nắm quyền chỉ huy tối cao quân đội. Năm 1799, tổ chức đảo chính và năm 1804, tuyên bố thiết lập chế độ độc tài. Napôlêông đã lôi kéo nước Pháp vào những cuộc chiến tranh chiếm đóng lãnh thổ nhiều nước châu Âu. Năm 1812, thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược nước Nga. Năm 1814, bị liên quân châu Âu đánh bại. Năm 1815, chiếm lại ngôi hoàng đế nhưng sau thất bại tại Oatéclô (22-6-1815) lại bị lật đổ.

NGHIÊU: Một ông vua mang nhiều tính huyền thoại trong lịch sử Trung Quốc thời mạt kỳ Công xã thị tộc. Ông nổi tiếng về lòng yêu nước, nhân từ. Thời ông trị vì, đất nước thanh bình, nhân dân no ấm. Ông nhường lại ngôi vua cho ông Thuấn chứ không truyền lại cho con.

NGÔ BỘI PHU (1874-1939): Quê tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc), thuộc phái quân phiệt Bắc Dương hệ Trực (tỉnh Trực Lệ). Năm 1920, Ngô Bội Phu đánh thắng phái quân phiệt Đoàn Kỳ Thuỵ rồi thao túng chính phủ quân phiệt Bắc Dương, làm tay sai cho đế quốc Anh - Mỹ. Ngô Bội Phu chủ trương tàn sát dã man công nhân đường sắt Bắc Kinh - Vũ Hán năm 1923. Năm 1926, quân Quốc dân xuất phát từ Quảng Đông tiến hành Bắc phạt, đánh thắng phái quân phiệt Ngô Bội Phu.

NGÔ QUYỀN (899-944): Anh hùng dân tộc, một tướng lĩnh tài giỏi, chí lớn, mưu cao, quê ở Đường Lâm (nay thuộc Ba Vì, Hà Nội). Trước nguy cơ xâm lược của nhà Nam Hán, Ngô Quyền đã hạ thành Đại La, giết kẻ bán nước Kiều Công Tiễn, trừ mối hoạ bên trong, ổn định tình hình trong nước và gấp rút chuẩn bị lực lượng kháng chiến. Ngô Quyền là người tổ chức chiến dịch Bạch Đằng lịch sử. Chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng đã đánh bại mưu đồ xâm lược của nhà Nam Hán, chấm dứt một thời kỳ mất nước kéo dài hơn nghìn năm và mở đầu giai đoạn độc lập dân tộc.

NGUYỄN KHẮC VỆ (1896-?): Sinh ở tỉnh Trà Vinh, đỗ tiến sĩ luật khoa năm 1921, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế năm 1922. Tháng 6-1948, Nguyễn Khắc Vệ tham gia các chính phủ bù nhìn do thực dân Pháp lập ra, làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp rồi Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Tư pháp, sau đó làm Đại sứ của chính quyền Sài Gòn ở Anh năm 1952-1954.

P

PASA, **Ăngve** (1882-1922): Chỉ huy quân Thổ Nhĩ Kỳ ở vùng Cápcadơ năm 1914 và bảo vệ eo biển Đácđanen năm 1915-1916; có tư tưởng thống nhất người Thổ Nhĩ Kỳ ở Trung Á và Ốttôman. Nhiều lần đến Mátxcơva, muốn liên kết những người bônsêvích theo lập trường dân tộc. Được nhà nước Nga Xôviết giúp đỡ, Pasa đánh thắng kẻ thù được đế quốc Anh ủng hộ. Tháng 10-1921, Pasa chống lại Hồng quân và chính quyền Xôviết bị tử vong.

PAXTƠ, **Lu-i** (1822-1895): Nhà hoá học và nhà sinh vật học lỗi lạc của nước Pháp và của loài người. Sau nhiều năm nghiên cứu, Paxtơ khám phá nhiều bí ẩn trong việc lên men; những kết quả tìm tòi khoa học của Paxtơ về các bệnh truyền nhiễm và môn vi trùng học, làm đảo lộn ngành y học và giải phẫu học. Paxtơ còn nghiên cứu thành công những bệnh của con tằm và gà, phát minh ra thuốc tiêm phòng và chống nọc độc của chó dại. Từ 1888, ở Pháp thành lập Viện Paxtơ, trung tâm nghiên cứu vi trùng học.

PÊTƠRỐP, **Racônnicốp Phêđo:** Người Nga; đảng viên Đảng Cộng sản (b); Đại biểu dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, được Đại hội bầu là Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản năm 1924; tham dự nhiều phiên họp mở rộng của hội nghị Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản năm 1925-1927. Hội nghị mở rộng lần thứ 4 của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản năm 1924 quyết định cử Pêtơrốp tham gia Ban phương Đông. Hội nghị mở rộng lần thứ 6, năm 1926, Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản cử Pêtơrốp vào Ban Bí thư của Quốc tế Cộng sản kiêm Tổng thư ký Ban phương Đông.

PHALIE, **Ácmăng** (1841-1931): Đại biểu phái Cộng hoà trong Quốc hội

Pháp (1876), Chủ tịch Quốc hội (1883), nhiều lần làm Bộ trưởng (1882-1892), Chủ tịch Thượng viện (1889), Tổng thống (1906-1913).

PHAN BỘI CHÂU (1867-1940): Nhà yêu nước, quê ở Nam Đàn, Nghệ An; người khởi xướng chủ trương Đông du; năm 1905, lập Duy tân hội theo kiểu quân chủ lập hiến; năm 1912, lập Việt Nam quang phục hội, theo đường lối quân chủ tư sản thay thế Hội Duy tân; năm 1924, cải tổ Việt Nam quang phục hội thành Việt Nam Quốc dân đảng; tháng 12-1924, sau khi tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu chủ trương chuyển hoạt động theo đường lối cách mạng mới. Nhưng bị địch bắt nên chủ trương không thành. Năm 1925, bị toà án thực dân xử tử hình sau hạ xuống chung thân rồi giam lỏng ở Huế.

Trong thời gian ở Huế, Phan Bội Châu thường nhắc đến Nguyễn Ái Quốc và bày tỏ lòng tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội trong cuốn sách *Chủ nghĩa xã hội* do ông viết năm 1935.

PHAN CHÂU TRINH (1872-1926): Nhà yêu nước, quê tỉnh Quảng Nam (nay là Quảng Nam - Đà Nẵng), đỗ phó bảng năm 1901. Năm 1903, làm Thừa biện Bộ Lễ. Năm 1905, cáo quan về quê hoạt động chính trị. Năm 1906, sau chuyến đi Nhật về, Phan Châu Trinh ra sức tuyên truyền chủ trương cải cách và trở thành một trong những người cầm đầu xu hướng cải lương ở nước ta đầu thế kỷ XX. Năm 1908, khi phong trào chống thuế của nông dân Trung Kỳ bị đàn áp, Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo; năm 1911, nhờ có Liên minh nhân quyền Pháp can thiệp, được trả tự do và sang cư trú tại Pháp. Năm 1925, về nước và mất tại Sài Gòn năm 1926.

PHAN ĐÌNH PHÙNG (1847-1895): Một sĩ phu yêu nước nổi tiếng cuối thế kỷ XIX; nhiệt liệt hưởng ứng phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi năm 1885, tổ chức khởi nghĩa chống thực dân Pháp, lập căn cứ ở vùng rừng núi Hương Sơn - Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Phan Đình Phùng đã vượt nhiều gian khổ, duy trì cuộc chiến đấu gần 10 năm; bị thương trong một trận đánh rồi lâm bệnh mất ngày 28-12-1895.

PHAN VĂN TRƯỜNG (1876-1933): Sinh trong một gia đình yêu nước, quê huyện Từ Liêm, Hà Nội; sang Pháp năm 1908, vừa làm việc, vừa tiếp tục học thêm. Năm 1914, bị bắt đi lính; vì nghi hoạt động chống Pháp nên bị tù 11 tháng. Sau ra khỏi tù (trắng án), nhưng đến năm 1919 mới được giải ngũ. Phan Văn Trường hoàn thành luận án tiến sĩ luật và làm luật sư ở Toà thượng thẩm Pari. Năm 1923, về nước; năm 1925, thay Nguyễn An Ninh làm giám đốc chính trị báo *La Cloche fêlée* xuất bản ở Sài Gòn, cho đăng toàn văn *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* của Mác và Ăngghen; đăng lại nhiều bài của các nhà hoạt động cộng sản Pháp đã xuất bản ở Pháp. Phan Văn Trường có cảm tình với Nguyễn Ái Quốc từ khi mới đến Pháp và cùng hoạt động yêu nước chống thực dân ở Pari; ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga, tán thành đường lối của Quốc tế Cộng sản và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp trên lập trường tiến bộ. Tháng 5-1926, báo *La Cloche fêlée* đổi tên là *L'Annam*, vẫn do Phan Văn Trường làm giám đốc một thời gian, tiếp tục tôn chỉ và mục đích của tờ báo trước.

PHRĂNGXƠ, **Anatôn** (1844-1924): Nhà văn Pháp, giải thưởng Nôben về văn học năm 1921. Năm 1921 tham gia Đảng Cộng sản Pháp. Tác giả của nhiều tiểu thuyết nổi tiếng. Các tác phẩm của Anatôn Phrăngxơ thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cao quý, đặt ra những vấn đề xã hội và chính trị to lớn của đầu thế kỷ XX. Văn phong của ông trong sáng, nhẹ nhàng và giễu cợt sâu sắc.

PIE (1672-1725): Còn gọi là Pie đại đế; nhà cải cách nổi tiếng của nước Nga cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Kế vị ngôi vua năm 1682, chính thức đăng quang năm 1689. Trong thời gian trị vì, Pie đã tiến hành cải cách toàn diện đất nước: thành lập thượng viện, phân chia khu vực hành chính, xây dựng kinh đô mới, đào kênh, đắp đập, mở xưởng luyện kim, khai khoáng, đóng tàu, xây dựng quân đội thường trực, phát triển hạm đội, quản lý nhà thờ và thực hiện chính sách mở cửa về công nghiệp, thương mại. Những cải cách của Pie đã rút ngắn khoảng cách tụt hậu của nước Nga với các nước phương Tây.

PLATÔNG (427-347 TCN): Nhà triết học duy tâm cổ đại Hy Lạp. Platông dùng lý thuyết của tôn giáo cho rằng thượng đế sáng tạo thế giới để

đối lập với quan niệm duy vật về vũ trụ vô cùng vô tận; dùng thần học đối lập với quyết định luận. Lý luận xã hội của Platông nhằm làm cho nền thống trị của quý tộc được vĩnh viễn. Trong học thuyết về nhà nước lý tưởng, Platông quả quyết rằng trật tự xã hội phải dựa trên 3 đẳng cấp: 1. Những nhà triết học chấp chính, 2. Vệ binh; 3. Nông dân và thợ thủ công, v.v.. Đẳng cấp 1 cai trị; đẳng cấp 2 giữ gìn trật tự; đẳng cấp thứ 3 sản xuất. Ông coi sự phân tranh nhằm làm cho chế độ bóc lột nô lệ vĩnh viễn ấy là "tự nhiên và bất di bất dịch".

POĂNGCARÊ, **Raymông** (1860-1934): Trạng sư Pháp, nghị sĩ Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1893-1894); Bộ trưởng Bộ Tài chính (1894-1895, 1906); Thủ tướng phụ trách Bộ Ngoại giao (1912-1913); Tổng thống (1913-1920). Luôn luôn thực hiện chính sách đối ngoại cực hữu, nên có tên "Poăngcarê hiếu chiến". Những năm 1922-1924, lại làm Thủ tướng phụ trách ngoại giao. Từ năm 1929, rút khỏi chính trường về viết hồi ký.

R

RIVIE, **Hăngri**: Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội) năm 1883.

RÔI, **Manabenđra Nát** (1892-1948): Người Ấn Độ, tham gia phong trào đấu tranh chống đế quốc Anh từ năm 1910. Năm 1915, sống ở nước ngoài và tham gia phong trào cộng sản. Đã dự các Đại hội II, III, IV, V Quốc tế Cộng sản. Năm 1922, được bầu là Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Năm 1924, được bầu là Uỷ viên chính thức Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Sau bỏ Đảng Cộng sản, tham gia phong trào đấu tranh chống đế quốc Anh theo xu hướng tư sản.

RÚTXÔ, **Giăng Giắc** (1712-1778): Nhà văn, nhà triết học Pháp nổi tiếng. Rútxô bài xích giáo hội và cho rằng nguyên nhân của sự không công bằng trong xã hội là chế độ tư hữu lớn, từ đó nảy sinh mâu thuẫn trong xã hội. Rútxô đề cao dân chủ tư sản, tính nhân đạo và lý tưởng hoá xã hội cộng sản nguyên thuỷ.

S

SÁCLƠ I (1600-1649): Vua Anh từ năm 1625; người triệt để đấu tranh để duy trì chế độ phong kiến. Trong Cách mạng tư sản Anh, Sáclơ I bị hạ bệ và đưa ra xét xử với mức án tử hình cho một hoàng đế bạo chúa, kẻ thù của nhân dân.

SẾCHXPIA, **Uyliam** (1564-1616): Nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch vĩ đại của nước Anh thời đại Phục hưng; tác giả của nhiều vở hài kịch: *Uổng sức yêu đương* (1591), *Giấc mộng đêm hè* (1594), *Chàng thương gia thành Vơnidơ* (1594) ... và của nhiều vở bi kịch: *Rômêô và Giuyliét* (1594-1595), *Hămlét* (1601*), Ôtenlô* (1604), *Vua Lia* (1607)...

SƠVALIÊ, **Ôguyxtơ** (1873-1956): Nhà du lịch và thực vật học Pháp; đi nhiều nước châu Phi, nghiên cứu về địa lý, thực vật. Sơvaliê đã đến Đông Dương và để lại một số công trình khoa học có giá trị.

T

THÀNH THÁI (1879-1954): Tức Nguyễn Bửu Lân, vua thứ 10 nhà Nguyễn năm 1889-1907. Thành Thái là người yêu nước và có tinh thần dân tộc. Năm 1907, Thành Thái bị thực dân Pháp đày sang đảo Rêuyniông (châu Phi). Năm 1947, được đưa về miền Nam nhưng phải sống tại Sài Gòn; mất ngày 24-3-1954.

THUẤN: Một ông vua mang nhiều tính huyền thoại trong lịch sử Trung Quốc thời mạt kỳ Công xã thị tộc, là người có công tìm ra cách cân, đo thống nhất. Sau nhường ngôi cho ông Vũ, một thượng thư tài ba, đức độ chứ không truyền lại cho con.

TILẮC, **Bai Găngđa** (1856-1920): Một trong những lãnh tụ phong trào dân tộc Ấn Độ hình thành từ cuối thế kỷ XIX, tập hợp những phần tử tiểu tư sản và trí thức nghèo, chủ trương đấu tranh không thoả hiệp với thực dân Anh. Do thiếu lý luận và không liên hệ với phong trào quần chúng nên đã đi vào hoạt động vô chính phủ, khủng bố cá nhân, thậm chí sử dụng cả những hình thức tôn giáo phản động làm lợi khí

tuyên truyền nên dần dần phong trào bị thoái hoá. Tilắc còn là một nhà văn và viết nhiều tác phẩm bình luận về tôn giáo.

TÔN DẬT TIÊN (1866-1925): Tức Tôn Trung Sơn, nhà cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc, người lãnh đạo Cách mạng Tân Hợi (1911) lật đổ triều đại phong kiến Mãn Thanh; sáng lập thuyết Tam dân và tổ chức Trung Quốc cách mạng đồng minh hội (sau cải tổ thành Quốc dân đảng). Năm 1912, được bầu làm Tổng thống lâm thời Trung Hoa dân quốc, sau đó từ chức. Năm 1916, tổ chức Chính phủ Quảng Đông, được cử làm Đại Nguyên soái. Tôn Trung Sơn chủ trương đoàn kết với nước Nga Xôviết, Đảng Cộng sản, quần chúng nông dân, công nhân và xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng với nước ngoài.

TỐNG DUY TÂN (1838-1892): Một sĩ phu yêu nước đã tích cực hưởng ứng phong trào Cần vương của vua Hàm Nghi (1885), cùng với nhiều văn thân, sĩ phu giương cao cờ khởi nghĩa ở vùng núi Hồng Lĩnh, Thanh Hóa (1885-1892), và trở thành thủ lĩnh chính của phong trào. Tháng 9-1892, bị địch vây bắt và xử tử ngày 5-10-1892.

TƠRANH**, Anbe Êđua** (1889-1971): Người Pháp, đại biểu dự Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp ở Tua, được bầu làm Uỷ viên chính thức Ban lãnh đạo của Đảng theo Quốc tế thứ ba, Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp năm 1925-1926, Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng năm 1923-1924. Năm 1928, bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản. Năm 1934, tham gia Đảng Xã hội.

TRẦN ĐẾ QUỸ (tức Trần Quỹ hay Trần Ngỗi): Người đã cùng Trần Quý Khoáng nối tiếp nhau lãnh đạo kháng chiến chống quân Minh năm 1407-1414, cả hai bị bắt. Trần Ngỗi bị giết và Trần Quý Khoáng nhảy xuống sông tự tử.

TRẦN NHÂN TÔNG (1258-1308). Tên là Khâm, vua nhà Trần từ năm 1278; người hai lần trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông; sau nhường ngôi cho con và tu tại núi Yên Tử; sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm. Trần Nhân Tông còn là nhà thơ xuất sắc.

TRẦN QUÝ CÁP (1870-1908): Quê ở Quảng Nam (nay là Quảng Nam - Đà Nẵng), đỗ tiến sĩ, ham thích tìm hiểu những tư tưởng tiến bộ của Tây Âu. Trần Quý Cáp thường đi vào quần chúng diễn thuyết, vận động cải cách xã hội, tuyên truyền tinh thần yêu nước. Năm 1908, bị Pháp đưa vào Khánh Hoà làm giáo thụ để cắt đứt quan hệ với phong trào chống thuế ở Quảng Nam. Do những tư tưởng và hoạt động tiến bộ của Trần Quý Cáp, thực dân Pháp ghép vào tội "phản nghịch", xử tử ngày 5-5-1908.

TRƯNG TRẮC, TRƯNG NHỊ: Hai chị em, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống ách thống trị của phong kiến phương Bắc, nhà Đông Hán, đầu công nguyên.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, nhân dân ta đã giành lại được nền độc lập từ tay nhà Hán, Trưng Trắc được tôn làm vua (Trưng Vương) đóng đô ở Mê Linh (huyện Yên Lãng, Vĩnh Phú).

Sau hai năm giành được độc lập, nhà Hán lại đem quân xâm lược nước ta. Hai Bà Trưng đã lãnh đạo nhân dân chiến đấu anh dũng gần một năm. Nhưng vì sức yếu quân ta đã bị tan vỡ, Hai Bà Trưng đã chết ở cửa sông Hát (tháng 5-43).

U

UTƠRÂY, **Ecnếxtơ:** Người Pháp, tham gia Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ và là đại biểu của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ trong Hạ nghị viện Pháp. Utơrây là một đại địa chủ, dùng quyền thế chiếm 2000 ha đất lập đồn điền ở Nam Bộ. Về chính trị, Utơrây là một viên chức thực dân cực kỳ phản động.

UYNXƠN, **Vuđrô** (1856-1924): Tổng thống Mỹ năm 1913-1921. Dưới thời Uynxơn, về đối nội, Chính phủ Mỹ đã thi hành chính sách đàn áp dã man phong trào công nhân; về đối ngoại, thi hành chính sách ăn cướp và bành trướng, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các nước khác, đặc biệt là với các nước châu Mỹ Latinh.

Năm 1918, Uynxơn đưa ra "Chương trình 14 điểm". Thực chất chương trình này là thiết lập ách thống trị của Mỹ trên thế giới,

chống lại nước Nga Xôviết mới ra đời. Chính sách này được che đậy bằng những lời lẽ mỹ miều như "dân chủ", "quyền dân tộc tự quyết".

Năm 1920, Uynxơn bị thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống và thôi hoạt động chính trị.

V

VAREN, **Alếchxăngđrơ Clốt đơ** (1870-1947):Luật sư, nhà báo, đảng viên Đảng Xã hội Pháp, dự Đại hội Xtraxbua và Tua (thuộc phái Lôngghê), không tán thành Quốc tế Cộng sản. Toàn quyền Đông Dương năm 1925. Sau bỏ Đảng Xã hội; đại biểu của Đảng Xã hội cấp tiến trong Quốc hội năm 1945-1946, Bộ trưởng năm 1946.

VAYĂNG CUTUYARIÊ, **Pôn** (1892-1937): Một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; nguyên nghị sĩ Quốc hội Pháp, cựu Chủ nhiệm báo *L'Humanité;* là người giới thiệu Nguyễn Ái Quốc vào Đảng Xã hội Pháp (1919). Tại Đại hội Tua năm 1920, là một trong những người đấu tranh bảo vệ chủ trương Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản và ủng hộ bài phát biểu của Nguyễn Ái Quốc ở Đại hội này. Vayăng Cutuyariê còn là người tích cực giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc khi Người thoát khỏi nhà ngục Hồng Công lên Thượng Hải, bắt liên lạc với tổ chức để đến Liên Xô.

VINHÊ ĐỐCTÔNG, **Pôn**. Pôn Vinhê Đốctông là bút danh của Pôn Echiên Vinhê (1839 - 1943): Người Pháp; học dược và phục vụ trong ngành hàng hải từ năm 1880. Từ năm 1889 - 1893, làm việc ở châu Phi, sáng tác văn học, đã xuất bản 10 cuốn tiểu thuyết. Trong hoạt động chính trị, Vinhê Đốctông tham gia phái cấp tiến cực tả, tác giả cuốn *Vinh quang của lưỡi gươm*, xuất bản lần đầu năm 1900, được các nhà nghiên cứu lịch sử ở Pháp xem là cuốn sách đầu tiên công khai chống chủ nghĩa thực dân.

VÔITINXKI **(Đarkhin), Grigôri Naumôvích** (1893-1953): Người Nga, tham gia Đảng Cộng sản Nga (b) năm 1918. Năm 1920, làm Thư ký Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản; Phó Tiểu ban Viễn Đông của Ban phương Đông. Những năm 20, Vôitinxki đến Trung Quốc với tư cách đại biểu của Quốc tế Cộng sản làm việc với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ những năm 30, làm công tác khoa học và giáo dục ở Liên Xô.

VÔNTE, **Phrăngxoa Mari Aruê đơ** (1694-1778): Nhà văn, nhà triết học xuất sắc, nhà tư tưởng của trào lưu triết học "ánh sáng" ở Pháp thế kỷ XVIII. Đả kích chế độ phong kiến, phê phán sâu sắc giáo hội, đòi hỏi tự do, bình đẳng nhưng không triệt để, vẫn chủ trương bảo hoàng và duy trì tôn giáo.

VÔRỐPXKI, **Vasláp Vaslavôvích** (1871-1923): Nhà hoạt động Đảng Cộng sản Liên Xô, nhà phê bình văn học, nhà ngoại giao; tham gia đoàn đại biểu Liên Xô tại Hội nghị Lôdannơ (1922-1923); bị quân bạch vệ phát xít bắn chết ở Lôdannơ ngày 10-5-1923.

VRANGHEN, **Piốt Nicôlaiêvích** (1878-1928): Tướng trong quân đội Nga hoàng, một phần tử quân chủ. Trong thời kỳ vũ trang can thiệp của nước ngoài và nội chiến ở Liên Xô, Vranghen là tay chân của đế quốc Anh, Pháp và Mỹ. Năm 1920, là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang bạch vệ miền Nam nước Nga. Sau khi bị Hồng quân đánh tan ở Bắc Tavrích và Crưm, Vranghen đã chạy ra nước ngoài.

VŨ: Một ông vua mang nhiều tính huyền thoại trong lịch sử Trung Quốc thời mạt kỳ công xã thị tộc, nổi tiếng về lòng yêu nước và đức nhân từ; có nhiều công lao tổ chức đắp đê, xây đập phòng chống bão lụt, hạn hán bảo vệ mùa màng.

X

XANH, **Luyxiêng:** Toàn quyền Pháp ở Tuynidi.

XARÔ, **Anbe** (1872-1962): Toàn quyền Pháp tại Đông Dương trong những năm 1911-1914 và 1917-1919. Trong những năm 20, là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, năm 1936, là Thủ tướng Pháp, năm 1951, là Chủ tịch Hội đồng Liên hiệp Pháp.

XELIÊ, **Lui** (1885-1978): Đảng viên Đảng Xã hội Pháp, tán thành những quan điểm của Casanh - Phrốtxa; tham gia Quốc tế thứ ba; đại biểu Đảng bộ Xen tham gia Đại hội lần thứ XVIII ở Tua và được bầu vào Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp năm 1920, năm 1922-1924; Uỷ viên Trung ương Đảng năm 1925-1926; Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng năm 1923-1926. Năm 1929, ra khỏi Đảng Cộng sản; sau trở lại Đảng Xã hội rồi lại bị khai trừ khỏi Đảng Xã hội.

XITRÔÊN, **Ăngđrê** (1878-1935): Kỹ sư và nhà công nghiệp Pháp. Năm 1915, lập xưởng sản xuất vũ khí. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), chuyển sang sản xuất xe chạy xích, rồi xe hơi. Sản phẩm của Xitrôên có tiếng ở Pháp và trên thế giới.

XTALIN, **Iôxíp Vichxariônôvích** (1879-1953): Một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên Xô. Năm 1898, gia nhập Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga rồi trở thành đảng viên bônsêvích sau Đại hội lần thứ II của Đảng. Thời kỳ chuẩn bị tiến hành Cách mạng Tháng Mười Nga, là Uỷ viên Trung tâm quân sự cách mạng. Thời kỳ nước ngoài vũ trang can thiệp và nội chiến, là Uỷ viên Hội đồng Quân sự cách mạng. Năm 1922, là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (1941-1945) là Chủ tịch Uỷ ban Quốc phòng và là Uỷ viên nhân dân Quốc phòng Liên Xô, Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên Xô. Xtalin còn là tác giả của nhiều tác phẩm lý luận.